

Bí Mật Cuộc Đời Tướng Giới Thạch

Mục lục

Phần thứ nhất - Bí mật về gia thế

1. Tin đồn Tướng Giới Thạch là Trịnh Tam Phát Tử tại sao lại sôi nổi rầm rộ khắp nhân gian?
2. Tại sao Tướng Giới Thạch lại biến thành Trịnh Tam Phát Tử và người con của sư trụ trì chùa Tuyệt Đâu?
3. Tại sao mẹ Tướng không chôn cùng cha Tướng?
4. Những chuyện phiếm về tên và tự của Tướng Giới Thạch
5. Tướng Giới Thạch đã biên soạn “Tông phổ họ Tướng” như thế nào ?
6. Vì sao gia đình Tướng Giới Thạch có nhiều người thành tâm tín ngưỡng đạo Phật?
7. Một người cha khác của Tướng Kinh Quốc
8. người con gái của Tướng Giới Thạch mà ít ai biết đến.

Phần thứ hai - Bí mật về hôn nhân và duyên ái

1. Tướng Giới Thạch với cô em họ ở ven bờ suối Viêm
2. Ân ân oán oán của Tướng Giới Thạch với Nguyên phối phu nhân.
3. “Duyên anh hùng mỹ nữ” của Tướng Giới Thạch.
4. “Như phu nhân” mà Tướng Giới Thạch suốt đời quyến luyến.
5. Cuộc hôn nhân Tướng Tống với tình yêu cùng tồn tại.

Phần thứ ba - Bí mật về sự chìm nổi

1. Tướng Giới Thạch làm thế nào để giành được sự tín nhiệm của Tôn Trung Sơn.
2. “Ba lời dao” mà Tướng Giới Thạch kinh doanh ở trường quân đội Hoàng Phố.
3. Tướng Giới Thạch làm thế nào để nhậm chức Tổng tư lệnh quân Bắc phạt.
4. Bí quyết giành thắng lợi trong “Đại thắng Trung Nguyên” của Tướng Giới Thạch.
5. Tại sao Tướng Giới Thạch phải giăng cài “lời đen”.
6. Lần đầu tiên Tướng Giới Thạch buộc phải từ chức và phục chức.
7. Lần thứ hai Tướng Giới Thạch buộc phải từ chức và phục chức

8. Lần thứ ba Tường Giới Thạch buộc phải từ chức và phục chức.

Phần thứ tư - Bí mật về dùng binh thất bại

1. Tại sao Tường Giới Thạch không cứu nổi mạng của Trương Linh Phủ ?
2. Kết quả khổ sở trong ba lần chạy về Thẩm Dương của Tường Giới Thạch
3. Tại sao Tường Giới Thạch do dự không quyết đối với việc giữ hay rút khỏi Từ Châu ?
4. Tường Giới Thạch để mất Bình Tân như thế nào?
5. Tường Giới Thạch bố trí xây dựng phòng tuyến Trường Giang thế nào ?
6. Vì sao Tường Giới Thạch bị thất bại ở Trung Nam?

Phần thứ năm - Bí mật về việc chạy ra Đài Loan

1. Tường Giới Thạch đã rời Khê Khẩu như thế nào?
2. Trên đường chạy trốn ra Đài Loan tại sao Tường Giới Thạch đã ứ đọng lại ở Bành Hồ.
3. Tường Giới Thạch đã trốn khỏi Đại lục như thế nào ?
4. Trước và sau việc Tường Giới Thạch lấy cấp vàng chuyển ra Đài Loan.

Phần thứ sáu - Bí mật về sự phản công Đại Lục.

1. Tường Giới Thạch đã đặt thời gian biểu cho sự “phản công phục quốc” như thế nào ?
2. Tường Giới Thạch tuần sát Kim Môn với phong trào “Mẹ quên ở Cừ” của quân đội Quốc dân đảng.
3. Cao trào quấy rối lần thứ nhất phản công đại lục của Tường Giới Thạch.
4. Cao trào quấy rối lần thứ hai phản công đại lục của Tường Giới Thạch.

Phần thứ bảy - Bí mật về đại nạn mà không chết

1. Trò “nấp trong vại” của Tường Giới Thạch
2. Tường Giới Thạch với “Sự kiện lầu Đông Pha”
3. Tại sao Tường Giới Thạch cha tự sát ?
4. Tường Giới Thạch nhìn thấy Hồng quân kéo tới Quý Dương
5. Tường Giới Thạch chạy trốn về “Tróc Tường Đình”
6. Tường Giới Thạch trên đường thăm ần Độ trở về
7. Tường Giới Thạch bị bắt sống ở trên đảo Phục Hưng

Phần thứ tám - Bí mật về tính cách

1. “Thụy Nguyên vô lại” buông thả phóng túng.
2. Quạt cường bất khuất, cố chấp và độc đoán chuyên quyền
3. Tính chất bẩm sinh của nhà buôn: tích trữ hàng quý
4. Trái tim tự tư với trái tim yêu nước.
5. Uy nghiêm cá nhân với tôn nghiêm “lãnh tụ”
6. Tác phong chính khách một lời lật lọng
7. Bụng dạ hẹp hòi, nhỏ nhen ti tiện và giận dữ tất sẽ trả thù.
8. Quái thai của nền văn hóa phong kiến và tư Tưởng phát xít .

Phần thứ chín - Bí mật về cái chết

1. Trước và sau khi Tưởng Giới Thạch quá cố.
2. Di chúc của Tưởng Giới Thạch viết những gì
3. Trong quan tài của Tưởng Giới Thạch đặt những cuốn sách nào ?
4. Tại sao Tưởng Giới Thạch không an táng xuống đất mà lại tạm ở Từ Hồ?
5. Gia đình họ Tưởng trước và sau khi Tưởng Giới Thạch qua đời.

Phần thứ nhất

Bí mật về gia thế

Còn nhớ năm ấy, bộ “Kim Lăng xuân mộng” đã trở thành một thời thượng , một câu chuyện li kỳ lan truyền khắp thiên hạ. Mặc dù Tưởng Giới Thạch không phải là Trịnh Tam Phát Tử, Tưởng Trung Chính cũng chẳng phải là “Tưởng Tông Trịnh”, nhưng không có lẽ làm sao có khối. Nếu muốn vạch rõ những bí mật về gia thế, về thân phận ly kỳ vàng thau lẫn lộn của Tưởng Giới Thạch, thì cần phải thăm dò, tìm hiểu quá trình trước và sau khi sinh ra những tin đồn làm khuấy động lên bao nhiêu ma tuyết gió hoa trong gần một trăm năm nay của gia tộc họ Tưởng.

1. Tin đồn Tưởng Giới Thạch là Trịnh Tam Phát Tử tại sao lại sôi nổi rầm rộ khắp nhân gian

Dường như trong dân gian Trung Quốc có một loại truyền thống văn hóa, đó là vô vàn những tin đồn về các danh nhân, đặc biệt là những tin đồn về gia thế của họ. Nào là Tần Thủy Hoàng là con không có giá thú. Thành Cát tư Hãn biết mẹ mà không biết cha, mẹ Nurkhachi[1] ăn trứng chim mà có thai, còn có ngài X ... đẻ ra ở trong hang cổ núi sâu, ngài Y... sinh ra trên con thuyền lẻ loi trong bãi lau, ngài Z... mò côi từ trong bụng mẹ, mẹ ngài có nhiễm với đạo sỹ, sư chùa. Hàng ngàn năm nay, những tin đồn này hoặc lưu truyền ở quán trà, hoặc đăng tải trong tiểu thuyết bạch thoại muôn màu muôn vẻ, muôn hình vạn trạng. Thậm chí có rất nhiều tin đồn về các danh nhân hiện còn đang sống khỏe mạnh hoặc vừa mới tạ thế cũng không thể tránh được. Điều này quả thực không phải là bởi vì phần lớn các danh nhân đều có đoạn thân thế long đong lận đận, cũng chẳng phải bởi vì “giống lai” đều thông minh tài cán hơn “không phải là

giống lai”, có thể đăng đàn trì, tôn cửu ngũ, hoặc chủ cung văn hoa, nhập lăng yêu các... mà là vì những nguyên nhân lịch sử và văn hóa. Một số người cùng với việc sàng rụng danh nhân, lại có hứng thú với thân thế gia truyền của họ, thích nghe những chuyện không ghi chép trong chính sử, những lịch sử bí mật trong màn trường của các sự kiện trọng đại, thậm chí cả việc đi đứng của họ có phải là bước chân phải đi trước không, ngũ có phải là cũng ngáy khó khò không. Ngay lập tức, một số tao nhân mặc khách liền mở “quán xảo răn lịch sử”, đem những thứ vu vơ nghe ở đường, nói ở chợ, rồi diễn dịch xảo xảo thành một loại lịch sử khác sinh động, hấp dẫn khác thường, một loại lịch sử mà muôn dân trăm họ thích nghe thích thấy, một loại lịch sử có tác dụng tuyên truyền và bổ sung cho chính sử, một loại dã sử mang hình thức Trung Quốc mà về mặt khách quan cũng có tác dụng giáo dục phổ cập chính sử.

ở Trung Quốc hiện đại, trong số các danh nhân nổi tiếng nhất, không ai có những tin đồn về thân thế nhiều và rộng hơn được Tưởng Giới Thạch, người đã từng bị gọi là “tên khát máu, tên gian tặc của nhân dân” và cũng đã từng được gọi là “tiên sinh” nữa. Trong những tin đồn có liên quan tới thân thế Tưởng Giới Thạch, tin đồn nổi tiếng nhất đó là Tưởng Giới Thạch là Trịnh Tam Phát Tử, là người “kéo bình dầu” theo người mẹ đã tái giá từ Hứa xương Trung Châu tới. Tin đồn này đã được truyền tụng từ những năm 30 đến những năm 50, từ những năm 60 truyền tới những năm 70, từ Hồng Công truyền tới Đại lục, từ trong nước truyền ra nước ngoài. Thậm chí trong “T liệu văn sử Hà Nam” xuất bản năm 1981 và “Nghiên cứu về Tưởng Giới Thạch” xuất bản năm 1988, vẫn có người kiên trì thuyết này, có thể nhìn thấy tin đồn đó có nguồn gốc sâu xa biết bao ! Trong số đó, được truyền bá và có ảnh hưởng lớn nhất đối với thuyết này phải kể tới “Kim Lăng Xuân Mộng” nổi tiếng của Đường Nhân.

“Kim Lăng xuân mộng” là một bộ tác phẩm đồ sộ dài 8 quyển với mấy trăm vạn chữ. Vừa mở đầu đã nói Tưởng Giới Thạch vốn không phải họ Tưởng, mà là họ Trịnh; không phải là người Triết Giang mà là người Hà Nam. Hồi thứ nhất của nó là “Năm đói kém, Trịnh gia bỏ cốt nhục. Tìm vú em, Tưởng phủ đón tân nhân”. Đường Nhân viết rằng:

“Dối đây nói về cuốn sách này, bắt đầu kể về một cậu bé bóng bĩnh. người này họ Trịnh, tên cúng cơm là Tam Phát Tử ở làng Hậu Trinh Trang thuộc thị trấn Phồn Thành, Hứa Châu (nay là thành phố Hứa xương) tỉnh Hà Nam. Năm Quang Tự thứ 13 đời Thanh (năm 25 trước Dân quốc, năm 1887) sinh ra vào ngày 31 tháng 10, song thân trong nhà khỏe mạnh, còn có hai huynh trưởng, anh cả gọi là Thiệu Phát, lớn hơn Tam Phát Tử 7 tuổi; người anh thứ hai tên mẹ là Nhị Phát Tử, lớn hơn Tam Phát Tử 4 tuổi. người cha của Tam Phát Tử chăm chỉ siêng năng lao động, cần cù tiết kiệm, tích cóp được mớ tiền bạc, còn phụ mở thêm một xưởng xay. Mẹ của cậu có khuôn mặt xinh đẹp, một tay nữ công tài ba tháo vát. Cả nhà năm khâu trồng cấy, xay bột, khâu vá, bện giày hoa, cuộc sống trôi qua cũng dễ chịu...

Khi Tam Phát Tử lên 6 tuổi (năm Quang Tự thứ 18 đời Thanh, năm 1892), cả vùng Hứa Châu gặp cảnh mất mùa đói kém, đất hoang ngàn dặm, tác cỏ chẳng sinh, dân tình đói rách cơ cực, những việc động trời cũng ào ào kéo đến. Cả nhà Tam Phát Tử tận mắt nhìn thấy những gia đình giàu có ở Tiên Trinh Trang đều đã dọn đi hết từ lâu, gia súc, đồ trang sức quý giá đều sạch trơn. Một bộ phận ở Hậu Trinh Trang cũng đã bỏ chạy, chỉ còn sót lại một số người hầu hạ ngóng chờ nha môn phát chẩn lương thực. Cha của Tam Phát Tử chủ Trương chạy tới Lạc Dương, bèn khuyên vợ rằng: “Đừng có luyến tiếc cái nhà này nữa, ở lại là sẽ đi gặp Diêm Vương hết ! Chờ lương thực phát chẩn thì sẽ chờ đến đời nào? Vô cây rễ cỏ đều sắp ăn hết cả rồi, mọi người đang cướp cả đất của quan âm. Sáng sớm đi ra đã nhìn thấy gần mớ xác chết, vừa rồi về nhà đếm lại, xác chết lại tăng thêm mấy người. Đứa con dâu lão què khỏe mạnh là thế, hai ngày nay ăn đất quan âm vào bụng, giờ đây đang quần quai khắp mặt đất, xem ra không sao sống nổi nữa ! Đi thôi ! Nhân lúc ta còn có chút sức lực...” Thế nhưng, mẹ của Trịnh Tam Phát Tử thấy Tam Phát Tử quá nhỏ bé, sợ rằng không qua nổi khổ sở trên đường nên đã kiên trì có chết cũng sẽ chết ở nhà. Cha nó không làm sao được đành phải đem anh cả là Thiệu Phát đi lánh nạn, Nhị Phát Tử phát hận, đi làm lính (Nguyên văn như vậy, theo người ta nói lúc này Nhị Phát Tử còn nhỏ bé, cha thể đi lính được - người biên soạn).

Hai tháng sau, chuyện bán con để ăn đầu đón cũng xảy ra ở Trịnh Trang. Mẹ Tam Phát Tử bắt đầu tuyệt vọng, đành phải cùng một số người cuối cùng rời khỏi Trịnh Trang để chạy nạn tới Khai Phong, vừa đi vừa hỏi thăm tin tức của cha con Thiệu Phát nhưng trên đường đi gian nan vất vả, thẳng tới Cổ đô, vẫn

biệt vô âm tín, cuộc sống càng vô vọng. Giữa lúc khốn cùng, mẹ của Tam Phát Tử nghe nói có một nhà buôn họ Tường ở phố sau chùa Tường Quốc gần đây vợ mới chết, đang tìm vú em. Mẹ của Tam Phát Tử ngẫm nghĩ lung lắm, cuối cùng đành đau đớn quyết định tự dâng mình vào cửa “.

Đường Nhân viết tiếp: “Lại nói Tường Triệu Thông đang buồn rầu vì không tìm được người vú em thích hợp. người vợ mới mất, để lại mấy đứa con vừa lớn vừa nhỏ là Tường Tích Hào, Thụy Xuân v.v.. quả thật làm cho ông bối rối vô cùng. Bản thân ông là nhà buôn muối đã bỏ tiền ra mua chức quan hậu bổ để sáng sửa cửa nhà, lúc nhàn rỗi cũng đi viết thuê đơn tố cáo, kiện tụng, giao tiếp thù tạc bận rộn liên miên, việc nhà không sao quản lý được. Hôm đó, ông đang dự định gặp một người quen mới từ quê Phụng Hóa Triết Giang lên giới thiệu một người đàn bà đến trông quản lũ trẻ, rồi lấy làm vợ kế. Ông nghĩ rằng trong những năm tháng loạn ly, giao thông bất tiện, việc này thật chẳng dễ dàng.

Đang lúc bối rối thì thấy rèm cửa lay động, vú già dẫn một người đàn bà xinh đẹp, khỏe mạnh bước vào. Tường Triệu Thông bỗng thấy trong lòng mình bối rối, không kìm vãn về mấy sợi râu chuột, với lấy chiếc điều cày, vừa ngả mình trải chiếc áo bào da cáo, ngồi lên chiếc ghế bành gỗ tảo. Vừa hút được mấy hơi, người mẹ của Tam Phát Tử đã rảo bước cầm máy lửa đặt ở trên bàn trà thay ông quẹt hai tiếng, lửa bật cháy. Cờ chỉ đỏ đã làm cho vú già đứng ở ngoài cửa nhìn ngây người ra. Tường Triệu Thông rít một hơi, chiếc điều thuốc lão kêu ré lên lọc xọc lọc xọc. Cái miệng của ông là cái miệng nổi tiếng nói tài biện luận giỏi, thế mà nhất thời cũng chẳng nói được lời nào.

- Chị họ gì ? - ông học theo giọng Hồ Nam nói.

Mẹ Tam Phát Tử cúi gục đầu đáp:

- Gia đình nhà em họ vương. ”

Đường Nhân nói : “ Lão Tường rất vừa ý mẹ của Tam Phát Tử. Tường phủ đã có một người vú em mới như vậy đó. ” Hồi thứ hai của “Kim Lăng Xuân Mộng” là: “Từ sau đó Tam Phát đổi thành họ Tường. Về Thụy Hóa, vú em làm phu nhân “. Đường Nhân viết tiếp:

“Lại nói, Túc Am tuổi vừa ngũ tuần, làm khách tha hương , công danh lợi lộc đều có cả, thế nhưng lại vấp phải chuyện vợ mất giữa chừng, nhất là mấy đứa trẻ thiếu người chăm sóc, trong lòng buồn bực khó chịu chẳng vui. Năm ấy, nghĩ rằng lá rụng về gốc, cáo chết quay đầu về núi, ông cũng muốn trở về quê cũ ở Khê Khẩu; hơn thế lại là áo gấm về làng, vinh tông hạnh tổ, do đó ý muốn trở về đã càng mạnh mẽ. Thế nhưng việc tục huyền thực không đơn giản.

Lấy một người cùng quê chẳng? Sau này lúc nhắm mắt xuôi tay, một khối di sản khó tránh khỏi rơi vào tay người vợ mới. Trong suy nghĩ của ông, những đứa con mà bà cả sinh ra bao giờ cũng phải nếm đủ đòn khổ sở của người mẹ kế, Túc Am không yên lòng. ở đây mà lấy một người vợ kế ? Sau khi ông chết người phu nhân mới kia sẽ coi gia đình nhà chồng là mớ phiền phức rồi tổng tất cả về Hà Nam, thế thì ba đứa con của ông chẳng phải thành tay trắng cả ?

Nghĩ lại nghĩ đi, cha bề nào quyết được cả. Thế là việc buôn bán giao cho kế toán quản lý, lầu vàng cũng khó khiêng đi được, các vụ án kiện tụng tạm thời không động đến nữa. Suốt ngày từ sớm đến tối chỉ ở trong phòng sách hút thuốc, muốn trước hết thuê một người vú em để trông coi lũ trẻ cho thỏa đáng, sau rồi hãy tiến hành việc tục huyền. Điều này quả thật là vô xảo bất thành th.

Má vương đã xuất hiện đúng vào lúc này. Má vương rất xinh đẹp, má vương mắt trong mi sáng, má vương thân thể khỏe mạnh, má vương cô quạnh lẻ loi một thân. Đây là điều kiện tối quan trọng, nhà chồng nàng, nhà cha mẹ nàng đều đã nhà tan người chết, không sợ sau khi mình chết nàng lại rời khỏi Triết Giang. Đồng thời lại là thu dung nàng trong lúc nàng chạy đói, ông có quyền bắt nàng phải cảm ân báo đáp. Còn đối với vấn đề Tam Phát Tử cũng chẳng khó giải quyết, cứ bắt nó mang họ Tường là xong.

Lại nói má vương từ khi bước vào gia đình họ Tưởng tỏ ra cẩn thận, chu đáo, tỉ mỉ hầu hạ Túc Am, thương yêu chăm sóc lũ trẻ. Nàng sợ Tam Phát Tử cãi lộn gây sự nên đã dứt khoát nhốt cậu ở trong nhà dới. Hôm đó cũng là hôm có việc, Túc Am ở ngoài uống rượu trở về, rượu say loạn choạng bước vào phòng, ngã vật xuống giường, luôn mồm kêu khát. Tháng chạp mùa đông giá rét. Vì vú già kia đã ru các cháu ngủ cả, má vương đem tách trà Phổ Nhĩ đã pha xong bung lên. Chẳng ngờ một tiếng choang, Túc Am đánh rơi tách trà lê xuống đất, vương mình vừa lồm vừa kéo nàng lên trên giường...”

Đường Nhân nói, “ Sau chuyện đó, địa vị của má vương ở gia đình họ Tưởng đã được cải thiện rất lớn. Thế nhưng đến mùa xuân năm sau, khi Túc Am quyết định trở về Phụng Hóa mới để cho má vương chính thức làm vợ kế. Túc Am cũng để cho Tam Phát Tử đổi họ sang họ Tưởng, và đặt tên là Chu Thái, tự là Thụy Nguyên tên đi học là Chí Thanh. “

Trong “Kim Lăng xuân mộng”, việc miêu tả của Đường Nhân đối với thân thể Tưởng Giới Thạch không hạn chế ở một hai chương càng không hạn chế ở số trích dẫn, mà trong toàn bộ sáu chương với hơn mười vạn chữ, trong đó có truyền đạt về bối cảnh, có miêu tả về chi tiết, có trình bày những tình tiết, còn có những điểm nghi ngờ cần làm cho đúng đắn. Dem sự nghiêm cẩn của nhà viết sử kết hợp với sự sáng tạo của nhà viết sách làm cho người đọc thấy rõ tác giả đã dùng sử liệu tường tận, xác sự, luận chứng chặt chẽ, hấp dẫn người đọc rất mạnh mẽ. Cho nên cuốn sách này tuy đã xuất bản mấy chục năm nay nhưng vẫn tiêu thụ mạnh, không hề suy giảm. Có những điều coi là chính sử đáng để xem xét, có những điểm coi là dã sử dễ dè chừng. Những người tin vào lời trong đó cũng đọc, những người không tin vào lời nói trong đó cũng đọc. Cuốn sách này từ khi ra đời đến nay, tổng cộng đã in bao nhiêu vạn quyển, cũng chưa thấy có ai thông kê tường tận. Thế nhưng trong nhiều loại sách xuất bản ở trong nước và hải ngoại, mỗi lần nhìn vào số lượng phát hành mấy chục vạn quyển, mấy trăm vạn quyển, không ngại mà khẳng định cuốn sách này được liệt vào loại sách dễ tiêu thụ nhất. Do đó, cách nói Tưởng Giới Thạch là Trịnh Tam Phát Tử đã trở thành thuyết được lưu truyền rộng rãi nhất.

Con trai của Đường Nhân tiên sinh là Đường Tiêu Tam trong kỳ thứ sáu “Tân văn chiến tuyến” năm 1980 có đăng tải bài viết “Kim Lăng xuân mộng”: “ Cha tôi đã nghiên cứu các chủng loại sách xuất bản có liên quan đến Tưởng Giới Thạch, chất đóng cao như ngọn núi nhỏ, chỉ riêng những sách tham khảo đã tới năm sáu trăm quyển. Chỉ để tìm ra một cái tên hoặc một năm tháng ông có thể phải đọc liên tục mấy đêm liền”. Cách miêu thuật thực sự nghiêm túc, truy tìm tại nguồn cội gốc rễ trong quá trình viết sách của tác giả đã làm vững chắc thêm tính chân thực độ tin cậy của các nhân vật sự kiện trong tác phẩm, sự cẩn trọng này khiến cho tác phẩm giành được càng nhiều độc giả, khiến cho con người và sự việc miêu tả ở trong tác phẩm đã được truyền bá càng rộng rãi hơn.

Thế thì với tư cách là một tác giả, Đường Nhân tiên sinh đã đối xử với con người và sự việc trong tác phẩm của mình như thế nào? Đường Nhân tiên sinh nói: “Bộ sách này không những không phải là tiểu thuyết mà cũng không phải là lịch sử, chỉ là đem con người và sự việc của Tưởng Giới Thạch giống như một tiên sinh kể chuyện miêu thuật ra mà thôi “[2].Chú ý, tuy nhiên “về hình thức”, đây cũng không phải, kia cũng chẳng phải, thế nhưng “về nội dung”, điều nói ra lại là “con người và sự việc của Tưởng Giới Thạch”. Có thể nói, Đường Nhân tiên sinh đã tin Tưởng như vậy, cho nên đã viết ra sinh động vô cùng, bàn luận cũng rất quả quyết. Vì để khẳng định tính chính xác của những kiến giải mà mình đưa ra trong sách, Đường Nhân tiên sinh còn phê phán các tin đồn khác về ông Tưởng. Trong hồi thứ ba của “Kim Lăng xuân mộng” ông đã viết:

“Có người nói, tường Giới Thạch là đứa con ngoài giá thú của phương trượng chùa Tuyết Đậu với bà mẹ ông ta. Căn cứ là Tưởng Giới Thạch mỗi khi có đại kế quân quốc không thể giải quyết được, thường thường không đem theo Tống Mỹ Linh mà một mình cùng lính thị vệ vào ở trong chùa Tuyết Đậu, để suy nghĩ biện pháp giải quyết. Theo lời đồn, khi ở trong chùa, trong đêm khuya u linh ông đã quỳ trước tháp đựng tro xương của lão hòa thượng kính cẩn cầu nguyện. Ông là một tín đồ của đạo Cơ đốc, hành động này quả thực đáng nghi ngờ. Hơn nữa, nếu đồng hành với Tống Mỹ Linh thì quyết không bao giờ tới chùa Tuyết Đậu v.v.. Kỳ thực, loại hành vi này, chính là sau khi Túc Am qua đời, hai mẹ con ông đã đi lại với hòa thượng rất thân thiết. Nếu vì lý do ông Tưởng chịu ảnh hưởng rất sâu của mẹ mình và phương trượng mà nói ông là do hòa thượng sinh ra, thì quả thật là điều oan uổng, a di đà Phật ! “

Cách viết vừa kể vừa bình luận kèm theo sự phê phán này của Đường Nhân tiên sinh, theo kiểu “tất nhiên là chỉ có điều này mới chính xác, ngoài ra mọi điều khác đều là sai cả, không thể có cách chọn nào khác” đã đem lại cho người đọc cảm giác chân thực rất mạnh mẽ. như trên đã nói, điều này có thể mang đến cho độc giả những ấn tượng mạnh mẽ, đối với sự truyền bá rộng rãi cũng sinh ra ảnh hưởng quan trọng.

Dương nhiên, tin đồn Tướng Giới Thạch là Trịnh Tam Phát Tử đã lưu truyền rộng rãi, không thể nói toàn là bởi “Kim Làng Xuân Mộng” của Đường Nhân tiên sinh cả. Rất nhiều văn chương hồi ức viết với danh nghĩa là người chứng kiến hoặc người chuẩn chứng kiến, không những đã trở thành chứng cứ quan trọng của “Đường Thuyết” mà càng thúc đẩy sự truyền bá của “Đường Thuyết”. Tháng 5 năm 1962, Trương Trọng Lỗ có bài viết nói rằng:

“Tướng Giới Thạch quê thuộc Phụng Hóa Triết Giang, là điều mọi người đều đã biết. Kỳ thực ông không phải là sinh ra ở Phụng Hóa Triết Giang, mà là sinh ở Hứa xương Hà Nam - Tướng Giới Thạch đối với gia thế Hứa xương của ông giữ kín như bưng, hầu như không một người nào biết rõ uẩn khúc của sự việc. Cho dù có người nào hơi biết loáng thoáng, cũng chẳng dám nói cho ai biết, e sẽ gặp những điều bất trắc. Mặc dù sau thời kỳ kháng chiến, trong những người Hà Nam mới có người truyền nhau nói, thế nhưng cũng chỉ là xì xào vụng trộm, chẳng dám công khai. Ai chẳng biết đặc vụ của họ Tướng ở khắp mọi nơi, hễ truyền đến tai bọn đặc vụ thì lập tức sẽ không tránh khỏi rắc rối lấy tai họa.

Từ năm 1941 đến năm 1942, Hà Nam gặp phải nạn hạn hán, khu vực Hứa xương bị tai họa nặng nề, chỉ riêng huyện Hứa xương đã chết đói tới hơn năm vạn người. Lúc này, người anh ruột Trịnh Phát của Tướng Giới Thạch khi chạy nạn tới Trùng Khánh mới bắt đầu bộc lộ gia thế. Đại để là vào khoảng năm Quang Tự thứ 10 đời Thanh (1885), khi ấy Tướng Giới Thạch mới lên 4 lên 5 tuổi, trong nhà môn huyện Hứa xương có một vị sư gia họ Tướng (cuối đời Thanh đầu Dân quốc, sư gia coi việc phạt tiền trong nhà môn các huyện phần lớn là người Triết Giang, đặc biệt người Thiệu Hưng là nhiều nhất, vị sư gia họ Tướng này cũng tự xưng là người Thiệu Hưng), người này đã thuê một người hầu gái, đem theo một đứa trẻ con. người hầu gái này chính là mẹ đẻ của Tướng Giới Thạch, đứa trẻ con này cũng chính là Tướng Giới Thạch. Không lâu sau, quan huyện từ chức, vị sư gia này cũng đi theo về Khai Phong. Nghe nói, người vợ của vị sư gia này lúc đó đã qua đời, cuộc sống thiếu người đỡ đần, bèn đưa cả người hầu gái ấy về Khai Phong. Về sau người hầu gái ấy trở thành quyền thuộc của ông ta và cùng theo về Triết Giang. Sự thật do chính miệng người anh ruột của Tướng Giới Thạch là Trịnh Phát nói với những người cùng quê Hà Nam là Cáo Tử Cử (quân đoàn trưởng, sở trưởng huấn luyện hậu bị) Lý Tiêu Đình (Thượng nghị ủy ban quân ủy) Thái Chi Sinh (Tham chính viên ủy ban Tham chính quốc dân) .. tại Đại Dương (Trùng Khánh) năm 1942”.

Nếu nói bài viết của Trương Trọng Lỗ đã thuật lại sự chia ly của anh em trong gia đình họ Trịnh cũng như khoảng thời gian mà Trịnh Tam Phát Tử theo Tướng sư gia đi Triết, thì ba đoạn hồi ức sau lại kể về cuộc đoàn tụ anh em họ, cùng với những sự việc sau này của họ :

Quách Hải trưởng trong Hội nghị chính trị hiệp thương tỉnh Hà Nam nói: Khi chạy nạn đói tới Trùng Khánh, Trịnh Phát trú ở hội đồng hương Hà Nam, có quen biết với một người tên là Diêu Đình phương. Sau khi Diêu được biết quan hệ của Trịnh Phát với Tướng Giới Thạch, liền bảo anh ta tới nơi ở của Tướng ở trong rừng sâu để cầu kiến. Trịnh nghe theo mà đi. Sau nhiều lần không có kết quả, cuối cùng nguyện vọng của ông ta đã được báo lên Tướng Giới Thạch. Tướng liền ký một tờ chi phiếu 5000 đồng để trao cho Trịnh Phát. Trịnh kiên quyết chối từ không nhận, nói rằng ông ta tới đây cốt để nhận anh nhận em chứ không phải vì tiền. Nghe báo cáo lại, Tướng liền cử người đưa Trịnh Phát tới nhà Đới Truyền Hiền, để cho Đới giải thích khuyên nhủ, an ủi, nói rõ Tướng không thể để anh trai mình chịu khổ cực được. Ngoài ra còn nói, sau đó Tướng đã tới nhà họ Đới, anh em gặp nhau, khóc lóc một hồi. Sau đó, Tướng ra lệnh cho Đới Lập cử người chuyên chăm sóc và theo dõi Trịnh, đưa ông ta về ở trong Sở hợp tác Trung - Mỹ. Về sau có người thường gặp Trịnh Phát ở Từ Khí Khẩu, Sa Bình Bá, có thể tự do hoạt động trong một phạm vi nhất định, việc ăn uống trong quán đều có người trả tiền, chỉ có điều Trịnh Phát không được tiếp xúc với ai. Đồng thời, mỗi tháng Ngân hàng Trung ương đều gửi tiền đến cho gia đình Trịnh Phát. Sau khi Nhật Bản đầu hàng, Trịnh Phát trở về Khai Phong. Một buổi tối trong năm 1946,

Quách đã thấy Trịnh Phát ở trong nhà Diêu Đình phương ở thị trấn Nam Dương, Khai Phong, hình dáng ông ta rất giống Tường Giới Thạch. Năm 1953, khi tới Hứa xương thăm hỏi ủy lạo tại họa sương muối, Quách đã hỏi thăm tin tức Trịnh Phát qua những người lãnh đạo địa phương, được biết Trịnh Phát vẫn khỏe mạnh, thành phần trung nông, ông ta sợ bị liên lụy nên đã phủ nhận thẳng thừng mối quan hệ với Tường Giới Thạch.

Ông Tạ Mai Thôn ở ủy ban Chính trị hiệp thương thành phố Trịnh Châu nói rằng năm 1946, vì một lý do nào đó, ông đã tới thăm ông Ngô Hiệp Đường, chuyên viên Hứa xương trong chính quyền Quốc dân đảng, Ngô được lệnh mỗi tháng cấp cho gia đình Trịnh Phát 300 cân lương thực. Ngô còn nói lúc đó Trịnh Phát trú ở nhà số 4 Nguyễn Tử Bi Khai Phong. Chủ tịch tỉnh là lưu Mậu Ân cũng cung cấp sinh hoạt phí theo định kỳ cho Trịnh. Cuối cùng Ngô nói với Tạ nếu Trịnh Phát không có quan hệ với lão Tường, không có mệnh lệnh của cấp trên thì lưu Chủ tịch và một chuyên viên như ông ta không thể nào lại cung cấp tiền bạc lương thực cho con người không hề quen biết này.

Còn ông Lý Tĩnh ở ủy ban chính trị hiệp thương tỉnh Hà Nam lại nói: Tháng 6 năm 1948, một ngày trước khi Khai Phong được giải phóng lần thứ nhất, một số nhân vật đứng đầu Hà Nam ở Nam Kinh tụ tập dự tiệc ở quán rợ Đại Tam Nguyên, Diêu Đình phương đã giới thiệu Lý Tĩnh làm quen với Trịnh Phát. Theo Lý thì hình dáng, mặt mũi, cử chỉ của Trịnh với Tường có những chỗ rất giống nhau. Nghe nói khi Trịnh Phát ở Nam Kinh cũng có người chuyên chăm sóc cuộc sống của ông ta. Trong “Hà Nam văn sử tư liệu” số 5 xuất bản tháng 4 năm 1981 của ủy ban nghiên cứu tư liệu văn sử chính trị hiệp thương tỉnh Hà Nam còn có một số bài viết tương tự.

Một số bài viết vào những năm 60 sau khi được phổ biến tuyên truyền đã tạo nên ảnh hưởng rộng rãi. Về vấn đề thân thế của Tường Giới Thạch, ở hải ngoại cũng có một số người kiên trì “Đường thuyết”, khiến cho tin đồn Tường Giới Thạch là Trịnh Tam Phát Tử được truyền bá khắp thế giới. Mạnh Tuyết Tử người Hồng Kông từng viết “Ngôi cha của Tường Giới Thạch”, trong đó nói : “Tình cảnh bần tiện của Tường Giới Thạch khi còn nhỏ chạy đói phải đi xin cơm ăn, giống Chu Nguyên chương; tình cảnh “kéo bình dầu” giống như Tần Thủy Hoàng. Bần tiện nghèo hèn mà lại thêm việc kéo bình dầu đã kết thành tâm tư tình cảm ở trong lòng Tường Giới Thạch, có dấu ấn sâu sắc hơn nhiều so với Chu Nguyên chương, Tần Thủy Hoàng, do đó tạo thành sức bật càng lớn”. Năm 1987, học giả Đài Loan là Lý Ngạo đã viết một thiên văn chương dài hơn bốn vạn chữ nhan đề là “Tường Giới Thạch có phải là Trịnh Tam Phát Tử không?” với dẫn chứng rộng, luận cứ chặt chẽ. Kết luận cuối cùng là: “Tôi hoài nghi vương Thái phu nhân với Tường Túc Am, căn bản chính là con người đổi vợ; còn bản thân Tường Giới Thạch chính là người kéo bình dầu trong khi người chồng có vợ chết còn lại đàn con khó có thể tồn tại được !”

Đối với thân thế li kỳ rắc rối của Tường Giới Thạch, mỗi người nói mỗi khác, lan truyền đi mấy chục năm, có người “nói dựng đứng lên”, có người có “khảo chứng”, có người cung cấp những tài liệu để chứng minh bằng những người đã chứng kiến hoặc chuẩn chứng kém, hơn thế đã không ngừng có người đề xuất luận điểm mới và luận cứ mới, cũng có người không ngớt nêu đề cũ sao chép từ mấy chục năm trước, trong nước đã có, ở ngoài nước cũng có, các thuyết nói về thân thế của Tường Giới Thạch sao lại không trở thành một thời thượng được ? Bất kể nó là giả hay là thật !

2. Tại sao Tường Giới Thạch lại biến thành Trịnh Tam Phát và người con của sư trụ trì chi chùa Tuyết Đậu ?

Như phần trên đã nói, mấy chục năm nay “Đường Thuyết” rùm beng một thời rằng Tường Giới Thạch là Trịnh Tam Phát Tử. Các sách báo tạp chí như “Dân quốc Xuân Thu”, “Hứa xương sư chuyên học báo” v.v... mấy năm nay vẫn không ngừng đăng tải các bài văn tương tự như kiểu “Đường Thuyết”. Các báo chí trong nước cũng chuyển tải không ít các bài tương tự. Ngoài ra, còn có một thuyết cũng lưu truyền rộng rãi mà Đường Nhân Tiên sinh đã từng phê phán qua cách nói: “Tường Giới Thạch là con của người chủ trì chùa Tuyết Đậu”. Thuyết này cũng truyền đi tương đối sớm, tuy đã từng bị Đường Nhân tiên sinh phê phán thế nhưng vẫn có người tuyệt đối tin Tường không chút nghi ngờ. Vào đầu những năm 80, bí thư trưởng viện lập pháp (lúc đó Tôn Khoa giữ chức Viện trưởng) nguyên ủy viên Trung ương Quốc dân đảng lưu cư ở nước Mỹ là Ngô thượng Ứng, đã phát biểu bài “Bàn về con người Tường Giới Thạch”

trên một tờ báo Trung văn ở nước Mỹ. Ông nói: “Tôi quen biết Tường Giới Thạch đã hơn năm mươi năm. Ông Tường là người nông thôn làng Khê Khẩu Ninh Ba Triết Giang, có lai lịch rất không rõ ràng. Tôi đã từng tới Khê Khẩu, theo nhân dân ở nơi đó nói, người mẹ của Tường Giới Thạch xuất thân nghèo hèn, từng ở trước cửa chùa Tuyết Đậu cách Khê Khẩu vài dặm, may vá cho hòa thượng, kiếm từng đấu thưng. Do có nhiệm vụ với người chủ trì chùa này, bà đã phải nuôi một đứa bé tức là Tường Giới Thạch, nhưng không thể công khai, vẫn nhận một lão bán thịt làm chồng. Ông Tường không đủ vĩ đại, vẫn giấu kín không dám nói. Cho nên người đời đối với lai lịch của ông còn có rất nhiều điều đồn đại. Sau khi Tường phát đạt, ông đã xây một ngôi nhà ở chùa Tuyết Đậu, mỗi lần tới đây đều mật đàm với hòa thượng Thái H có quen biết với cha đẻ của ông...”

Vậy thì, điều đầu tiên, Tường Giới Thạch có thực sự là Trịnh Tam Phát Tử hay không? Muốn biện giải nhận rõ nghi án này, cần phải tìm hiểu ba điểm dưới đây:

1- Bà Tường mẫu vương Thái Ngọc cuối cùng là người quê quán ở đâu ? Có thật bà đã có đoạn từng trải từ Trung Châu tới Triết Giang hay không?

2- Ông Tường phụ Tường Túc Am có đúng như “Kim Lăng Xuân mộng” nói đã từng buôn bán muối hoặc làm sư gia ở phủ Khai Phong hay không ?

3- Tường Giới Thạch cuối cùng là sinh ra ở đâu ? Lớn lên ở đâu ?

Đối với vấn đề thứ nhất, “Cát Trúc vương Thị Tông phả” trùng tu năm 1933 đã nói cho chúng ta biết, vào năm Hồng Vũ triều Minh, Phụng Hóa Liên Sơn có một người thanh niên tên gọi vương Sảng tới thôn Cát Trúc Phụng Hóa làm nhà ở. người đó lấy vợ đẻ con. Con cháu đời thứ 22 của người đó là vương Dục sinh được ba trai hai gái. Con cả là vương Hữu Tắc, lấy con gái Diêu Chấn xương ở Hoan Đàm làm vợ, sinh được ba con trai, sau lại lấy tiếp một người họ Diêu khác, lại sinh được hai trai một gái, theo thứ tự sắp xếp, con trai thứ tư là Hiền Cự, con trai thứ năm là Hiền Dụ, con gái tức là Thái Ngọc. vương Thái Ngọc lúc đầu gả làm vợ Điền Du Mộ họ Tào, chồng chết sớm, lại lấy làm lẽ Tường Triệu Thông ở Khê Khẩu. Bà chính là mẹ đẻ ra Tường Giới Thạch. Tường mẫu vương Thái Ngọc là người Cát Khê, Phụng Hóa. Điều này được coi là chứng cứ trong bài viết “Tiên tử vương Thái phu nhân sự lược” do Tường Giới Thạch soạn viết về mẹ của mình vào năm 1921 khi cha phát tích: “Tiên tử vương Thái phu nhân húy là Thái Ngọc, con gái của vương Hữu Tắc tiên sinh ở ấp Cát Khê. Năm 23, về với phủ quân tiên khảo Túc Am...” Điều này cũng có thể được chứng thực bởi những hoạt động của Tường Giới Thạch ở Cát Khê. Ngôi mộ của vương hữu Tắc ở Đồng Gia Khanh Cát Khê là do Tường Giới Thạch bỏ tiền ra xây dựng, mộ xây chính tề hùng vĩ, văn bia do Tường đề viết, tới nay nguyên mạo vẫn như xưa. Năm đó, vợ chồng, cha con, dâu cháu nhà họ tường đã nhiều lần tới tế lễ. Năm 1949 đêm hôm trước khi đi Đài Loan, ba đời tổ tôn đều tới tế tảo, rất nhớ thương quyến luyến. Trong nhật ký viết ngày 1 tháng 11 năm 1921 tại Phụng Hóa, Tường Giới Thạch ghi rằng: “Chập tối trưng bày lễ mộ bà ngoại”. Nếu mẹ Tường là người Hứa xương, thì ở Phụng Hóa lấy đâu ra một bà ngoại nữa? Tường Giới Thạch cũng làm gì phải vét tiền trong túi ra vì một tấm thân đã chết của vương Lão tiên sinh chẳng có liên quan. Căn cứ vào hồi ức của các nhân sĩ hiểu biết tình tiết sự việc của Phụng Hóa và Khê Khẩu thì cha con nhà họ Tường đối với hai anh em Hiền Cự, Hiền Dụ của vương Thái Ngọc càng thêm cung kính gấp bội. Trước kháng chiến, cứ mỗi cuối năm Tường Giới Thạch đều biểu họ hàng hàng trăm đồng bạc. Khi Tường Kinh Quốc từ Liên Xô về nước thường trú ở Khê Khẩu từng nói với người quản lý nhà cửa chi thu của họ Tường là Đường Thụy Phúc rằng: “Tôi đi vắng, người khác tới nhà làm khách có thể không cần phải chiêu đãi. Chỉ khi nào có hai ông cậu ở Cát Trúc tới Khê Khẩu, thì phải mời các vị nghỉ lại. Làm các món ăn thịnh soạn chiêu đãi các vị. Theo thời theo tiết phải biểu tiền cho các vị chi tiêu thường ngày. Bình thường cần gạo, cần hàng hóa thường dùng hàng ngày thì đều lên phố Khê Khẩu lĩnh theo sổ gửi tiền”. Căn cứ theo điều tra của ủy ban văn sử chính trị hiệp thương huyện Phụng Hóa, ngày 26 tháng 12 nông lịch (1936), ngôi nhà mới của nhà họ vương ở Cát Trúc dựng đài môn, Tường Giới Thạch vì bị thương ở bụng trong sự biến Tây An vừa hay đang chữa trị ở Phụng Hóa, cùng đích thân tới chúc mừng. Tháng 3 năm 1937, vương Hiền Cự làm lễ đại thọ 70, Tường Giới Thạch đặc biệt cử Tống Mỹ Linh làm đại biểu, tới Cát Trúc chúc thọ anh trai của mẹ. Con cháu nhà họ vương ở Cát Trúc công nhận được sự dìu dắt của Tường Giới Thạch. Cháu cả của Hiền Cự là Trung Trạch đã từng làm huyện trưởng Phố Thành Phúc Kiến, huyện trưởng Tân

xương Triết Giang. Con thứ của Hiền Cự là lương Mục đã theo Tường Giới Thạch làm phó quan thị tòng và chủ nhiệm phân hiệu Vũ Lĩnh. Những người khác trong dòng họ vương ở Cát Trúc, phàm những người có quan hệ mật thiết với Tường lại có tài năng nhất định, sau khi Tường phát tích, không ai là không có quyền thế, lên cao như điều gặp gió, không ai là không quan cao lộc hậu. Con trai của vương hiền Gia người anh em họ của vương Thái Ngọc là vương Chấn Nam từng làm Vụ trưởng Vụ Quân pháp Bộ Quân chính của Chính phủ quốc dân. Cháu họ của vương Hiền Đông, một người anh họ khác, tên là vương Thế Hoa từng giữ chức Trung Tướng Thị vệ trưởng, ở bên cạnh Tường Giới Thạch. vương Hiền Đông là người làm mối dặt Tường mẫu về nhà họ Tường, do đó năm ấy vương Thế Hoa khi muốn ra ngoài làm việc theo Tường Giới Thạch, bèn nhờ ông chú là vương Hiền Đông xin hộ cho, vương nói với Thái Ngọc. Thế nhưng Tường Giới Thạch lại muốn thử thách người bạn thông gia nhỏ này. Tường sai vương Thế Hòa đưa một làn hàng mận tới, rồi sai vương treo chiếc làn lên trên một chiếc đỉnh ở cột nhà. Bởi vương người thấp, phải lấy chiếc ghế đứng lên để treo, sau khi treo làn xong, lập tức dùng giẻ mềm lau sạch dầu chân trên ở ghế, rồi đem ghế đặt về đúng chỗ cũ. Tường cho rằng vương làm việc cẩn thận, liền dẫn vương đi Quảng Đông với mình. Nói tóm lại, gia đình họ vương ở Cát Trúc đích thực là nhà mẹ của Tường mẫu vương Thái Ngọc. vương Thái Ngọc không phải là người Hứa xương Hà Nam, cũng cha hề tới Hứa xương bao giờ, càng không bao giờ nói tới việc chạy đỏi đi xin ăn từ Dụ đến Triết cả.

Đối với vấn đề thứ hai. Những tài liệu của Chính phủ hiệp thương tỉnh Triết Giang nói, nhà họ Tường ở Khê Khẩu, từ Tường Ngọc Biểu đã bắt đầu bỏ nghề nông kinh doanh thương nghiệp. Ngọc Biểu đã mở một cửa hiệu kinh doanh buôn bán muối, rọ, vôi là chính ở trên phố Khê Khẩu lấy tên là “Hiệu muối Ngọc Thái”. Đến nay, tại góc tường của cửa lớn chiêu đãi sở thứ ba ở Phụng Hóa vẫn còn giữ được tấm bia đá “Ngọc Thái Diên phổ Nguyên chỉ” do đích tay Trung Chính đề. Đây chính là nền của cửa hiệu lúc đó. Hiệu muối của Ngọc Biểu là cửa hiệu kinh doanh “Muối nhà nước” duy nhất ở trên phố Khê Khẩu. Muối từ Ninh Ba bán buôn vận chuyển đến, vôi từ Phú Dương chuyển về, về sau còn kinh doanh tiêu thụ gạo, tới tận Vu Hồ An Huy bán gạo, phạm vi kinh doanh rất rộng lớn. Tường Ngọc Biểu sinh được hai con trai. người con cả cho nhận làm con thừa kế của người anh thứ hai. Con thứ là Triệu Thông (tự là Túc Am). Khi Túc Am hai mươi hai tuổi bắt đầu kinh doanh hiệu muối. Do vì ông tanh nhanh tài cán, chẳng mấy năm buôn bán đã phát đạt, được mọi người gọi là “Lợn ở đầu bên sông”. Bởi vì lợn ở trong hang thì dễ bắt, nếu chờ nó bơi ra bên sông rồi muốn bắt thì khó lắm, có ý muốn nói rằng, người khác không thể chiếm được lợi thế bằng ông. Đầu tiên Túc Am lấy Từ Thị, lúc ông 41 tuổi thì Từ Thị bị ốm chết, Túc Am lấy vợ kế là Tôn Thị, không lâu Tôn Thị cũng qua đời. Năm thứ 12 Quang Tự đời Thanh, do người làm thuê cho Hiệu Muối Ngọc Thái tên là vương Hiền Đông người làng Cát Trúc làm muối, ông lại lấy người em họ của vương Hiền Đông ta vương Thái Ngọc làm vợ kế. Ông Tường Túc Am này chính là cha đẻ ra Tường Giới Thạch. Từ những năm còn trẻ, ông đã kế thừa nghiệp cha, kinh doanh cửa hiệu muối Ngọc Thái ở Khê Khẩu, cha hề đi tới Hà Nam, cũng cha hề làm qua sư gia, càng không thể đưa bà quả phụ chạy nạn ở Hứa xương đem về Triết Giang bao giờ. Nếu nói ở Hứa xương Hà Nam đích thực có một nàng quả phụ chạy nạn lấy một ông Tường Túc Am buôn muối hoặc một sư gia Tường Túc Am quê ở Triết Giang, thì điều đó chỉ có thể cắt nghĩa đó là một hoặc hai Tường Túc Am khác, chứ không phải là Tường Túc Am, Tường Triệu Thông cha đẻ của Tường Giới Thạch.

Đối với vấn đề Tường Giới Thạch sinh trưởng ở đâu, sau khi đã hiểu rõ được vương Thái Ngọc là người ở vùng nào, Tường Túc Am có phải là đã đem hiệu muối mở ra tới phủ Khai Phong không, Tường Túc Am là cha đẻ hay là cha dượng của Tường Giới Thạch, vốn đã rõ hết chân Tường. Thế nhưng do vì trong “Đường Thuyết” nói, Trịnh Tam Phát từ chín tuổi mới tới Triết Giang, thế thì, nếu như Tường Giới Thạch không phải là Trịnh Tam Phát từ, thì những hoạt động ở Phụng Hóa trước chín tuổi không phải là điểm trống. Điều tra của ẹy ban Văn Sử chính trị hiệp thương huyện Phụng Hóa nói, Tường Giới Thạch sinh ở lâu hai phía đông hiệu muối Ngọc Thái. Bà Chiêu Nhan, mẹ của Tường Triệu Phú chở bè tre ở Khê Khẩu đã đỡ đẻ cho Tường Giới Thạch. Cho nên về sau này phàm nhà họ Tường có việc coi xin ma chay tất phải mời bà Chiêu Nhan. Sau khi Tường Giới Thạch đẻ ra, mẹ Tường không có sữa, bà nội của Đường Thụy Phúc đã cho Tường uống ngậm sữa đầu tiên, do đó về sau này đêm giao thừa mỗi năm, người vợ của Tường Giới Thạch là Mao Phúc Mai đều bắt người ở năm là Tường Chiêu Minh đem hai mươi đồng bạc tới cho nhà họ Đường. Một đoạn thời gian sau, Tường Giới Thạch lại bú sữa của người vợ Tường Triệu Tích là Đan Thị. Sau khi Tường Giới Thạch phát lên, hai người cháu của Đan Thị là Hằng Đức và Hằng Tường đều đã làm người hầu cận của Tường Giới Thạch. Sau khi Đan thị mất, Tường Giới Thạch đã

tự tay đề trên mộ bia của bà hàng chữ “Tưởng Công Triệu Tính Đức phối Đan Thị chi Mộ - Trung Chính đề” - (Phần mộ của bà Đan Thị - người vợ hiền đức của ngài Tưởng Triệu Tính - Trung Chính đề) để báo đáp ơn cho bú mớm. Năm Tưởng Giới Thạch lên bảy tuổi, ông nội của Tưởng là Tưởng Ngọc Biểu đã đem Tưởng tới chùa Pháp Hoa lễ Phật, trên đường trở về chú bé họ Tưởng: nhảy xuống dốc, quên hết ngọn ngành, trượt chân xuống hố sâu, bị thương ở trán bên phải, máu chảy ròng ròng, ông đau đớn xót xa không biết làm thế nào, liền hái thuốc tươi chữa cho Tưởng, trong phút chốc vết thương đã bình phục”[3]. Tưởng Giới Thạch có một người chị cùng cha khác mẹ là Tưởng Thụy Xuân lớn hơn Tưởng trên mười tuổi. Khi Tưởng còn nhỏ chị thường bế đi rong chơi. Tình cảm giữa hai chị em luôn luôn tốt đẹp. Mỗi lần Tưởng Giới Thạch về quê đều phải tới thăm người chị ruột này. Nghe nói có một lần hai chị em gặp nhau ở trên đường, Tưởng Giới Thạch bắt phu dừng kiệu, tự mình nhõng kiệu để chị ngồi, còn Tưởng đi bộ theo sau, mọi người qua đường về cùng kinh ngạc. Khi tin “Tưởng Giới Thạch là Trịnh Tam Phát Tử ở Hà Nam” được truyền tới Phụng Hóa, người cháu gái của Tưởng Thụy Xuân (qua đời năm 1946) nói: “Khi bà nội tôi còn sống thường nói ông cậu được bà bế lớn lên, tại sao bỗng chốc đã biến thành người Hà Nam được ?” Nếu Tưởng Giới Thạch lên chín tuổi mới tới Phụng Hóa Triết Giang, thì người chị là bà nội này làm sao có thể bế nổi được. Tóm tắt lại những điều vừa kể, Tưởng Giới Thạch chính là Tưởng Giới Thạch, không phải là Trịnh Tam Phát Tử. như vậy thì có phải là con của hòa thượng chùa Tuyết Đậu không ? Chúng ta tạm thời đem cách nói của Ngô thượng Ưng tiên sinh gọi là “Ngô Thuyết”. Từ trong những ghi chép biên luận nhận định Tưởng Giới Thạch không phải là Trịnh Tam Phát Tử trên đây, chúng ta có thể nhìn thấy, Ngô cha hề nói Tưởng mẫu là người tỉnh ngoài, tự hồ như có thể cho rằng, trong “Ngô Thuyết” bà là người Phụng Hóa, điều này so với “Đường Thuyết” càng gần với sự thực hơn. Thế nhưng trong “Ngô Thuyết”, Tưởng phụ là một đồ tể giết lợn, so với việc buôn nước trong “Đường Thuyết” thì cự ly càng cách xa hơn. Đối với vấn đề Tưởng mẫu xuất thân nghèo túng nói trong “Đường Thuyết” thì đại thể là thực. Những tài liệu của ủy ban chính trị hiệp thương tỉnh Triết Giang nói ông nội của vương Thái Ngọc buôn bán hàng lâm thổ sản, thu lợi chẳng phải ít, cảnh nhà dồi dào phong phú. Tới tay cha của vương Thái Ngọc, bởi ông có ý thích với công danh, nhiều lần đi thi không đỗ, cảnh nhà dần dần sa sút. Khi vương Thái Ngọc 19 tuổi, cha bị ốm nặng, lúc ấy em trai lớn Hiền Cự mới 15 tuổi lại đam mê cờ bạc thành nghiện, em nhỏ 11 tuổi, lại mắc phải chút bệnh thần kinh. Ngày tháng sống vô cùng khó khăn. vương Thái Ngọc dựa vào một đôi bàn tay khéo léo, làm các công việc nữ công thêu thùa may vá, làm các đồ gia dụng, rất khó duy trì nổi đời sống. Sau khi người chồng trước của vương Thái Ngọc mất đi bà khổ sở thủ tiết vài năm rồi mới lấy cha của Tưởng Giới Thạch. Trong thời gian này, tuy cuộc sống của vương Thái Ngọc rất quần bách, nhưng vẫn cha tới mức độ tương tự giống một dạng ăn mày như trong “Ngô Thuyết” nói. Ngoài ra, chùa Tuyết Đậu cách Khê Trung 11 cây số, từ Khê Trung tới nhà vương Thái Ngọc ở Cát Trúc 25 cây số. vương Thái Ngọc lại có đầu óc thông minh, bàn tay khéo léo, cũng khó có thể “bỏ công việc” mà “chạy” tới chỗ của hòa thượng xa mấy chục cây số được. Những tài liệu về các mặt đều đã được chứng thực. Năm thứ hai sau khi vương Thái Ngọc tới nhà họ Tưởng thì sinh ra Tưởng Giới Thạch. Cho nên nói vương Thái Ngọc có con trước với hòa thượng sau đó nói gả về nhà họ Tưởng, cũng là một loại đồn đại sai lầm. Thế thì, những tin đồn đại li kỳ về thân thế của Tưởng Giới Thạch từ đâu đến ? Đường Nhân tiên sinh dựa vào đâu để phán định Tưởng Giới Thạch chính là Trịnh Tam Phát Tử ? Trong một bài văn “Độc ọc Kim Lăng Xuân Mộng” và những điều khác”, đường Nhân nói: “Mùa đông năm 1949, có một sĩ quan hộ vệ thực sự ở trong phòng hầu cận Tưởng Giới Thạch sau khi về hưu tới hương Cảng tìm bạn viếng thăm, mong muốn được “lá rụng về cội”, hơn thế, đã được phê chuẩn rất nhanh chóng. Trước khi trở về quê hương, ông đã dùng “bát hàng tiên” viết một số tình hình có liên quan tới Tưởng, nội dung bên trong có năm trang ghi chép quá trình trong thời kỳ kháng chiến, ông nhận lệnh của Tưởng giám thị sự từng trải của người anh cả Tưởng là Trịnh Thiệu Phát. Do vì sự việc cách đây đã 30 năm (nguyên văn như vậy, đã không nhớ được năm trang “bát hàng tiên” này là do một người bạn đem tới cho tôi như thế nào). May mà lúc đó trong khi vô cùng phiền muộn tôi đã nghĩ tới nó. Thế là cả nhà hợp lực tìm kiếm, tốn mất mấy ngày trời mới tìm được năm trang giấy mỏng manh này”. Đường Nhân còn nói, sau khi ông ta tìm được năm trang “bát hàng tiên” này rồi, đã bắt đầu không tin Tưởng vào sự từng trải mà người sĩ quan hộ vệ này viết. Sau này căn cứ vào gia phả họ Tưởng, Triết Giang địa phương chí, phong tục tập quán và những truyện ký của Tưởng Giới Thạch v.v., lại đối chiếu với lịch sử phát tích của Tưởng cùng những biểu hiện của các giai đoạn ông mới “tin Tưởng” và cách nói của vệ sĩ quan hộ vệ này. Tức thì đã viết thành Bộ thứ nhất “Trịnh Tam Phát Tử” trong “Kim Lăng Xuân Mộng”. Trịnh Tam Phát Tử của Đường Nhân được viết thành là căn cứ vào năm tờ giấy “bát hàng tiên” của một vệ sĩ quan hộ vệ cha để lộ ra họ tên. Những người chứng kiến hoặc những người chuẩn chứng

kiến khác đã thu nhận được các tài liệu tương tự như tài liệu của “Đường Thuyết” như thế nào ? Trương Trọng Lỗ nói tài liệu mà ông viết ra là “dựa vào những điều bản thân ông nghe được lúc đó”, Quách Hải Trường và Lý Tịnh thì nói là nghe theo lời kể của Diêu Đình phương chạy sang nước Mỹ trước đêm giải phóng. Tạ Mai Thân nói từ chỗ Ngô Hiệp Đường chuyên viên Quốc dân đảng ở Hứa xương mà biết được mối quan hệ giữa Trịnh Phát với Tưởng Giới Thạch. Nói tóm lại, đó đều là những tài liệu đã qua tay thứ hai hoặc thứ ba, khó tránh khỏi thêm dăm thêm ốt, làm cho sai lệch. Lại nói, “Kim Lăng Xuân Mộng” là lời nói của nhà viết tiểu thuyết, là dựa vào các tiên sinh viết văn nói ra người như thế, việc như thế, thực thực h h, làm sao tránh được. Nói như vậy thì, tạo dựng ra một nghi án lịch sử như vậy hoàn toàn là sai lầm của những “nhà lập thuyết” và những “nhà truyền thuyết,” hoặc giả nói là bởi vì Tưởng Giới Thạch là “kẻ thù chung của nhân dân”. Nếu như sự kiện này được nhận thức như là sự đồn đại nhảm hoặc như là một huyền thoại, như thế thì lại quá giản đơn hóa. Mặc dù “Đường Thuyết” điều tra không có chứng cứ thực, thế nhưng bất kể là “lập” thuyết” hay là “truyền thuyết” thì sự việc xảy ra tất có nguyên nhân. Đầu tiên, Tưởng mẫu vương Thái Ngọc 23 tuổi mới vào nhà họ Tưởng, mọi người không biết là quả phụ tái giá, liền dẫn tới một số nghi vấn. Bởi vì ở Phụng Hóa Triết Giang, phụ nữ trong xã hội cũ chỉ 15, 16 tuổi là đã lấy chồng, rất ít người để vọt quá tuổi 17,18. người chị Tưởng Thụy Xuân của Tưởng Giới Thạch năm 15 tuổi đã đi lấy chồng. Tưởng mẫu 23 tuổi mới về với Túc An là trái với tập tục của địa phương đó đã đem lại nhiều nghi ngờ cho mọi người. Thứ nữa, khi Tưởng mẫu gả về nhà họ Tưởng, người vợ trước của Tưởng phụ đã sinh ra một trai, một gái, gái là Thụy Xuân, trai là Tưởng Giới Khanh. Nghe nói người con cả này tính tình thô bạo, đối với mẹ kế rất không tôn kính. Khi Tưởng phụ mất, Tưởng Giới Thạch mới 9 tuổi, còn là đứa bé thơ ngây, sau hai năm em trai của Tưởng Giới Thạch lại chết yểu. Cuộc sống của Tưởng mẫu thê lương khổ sở, dùng việc chạy lâu dài lễ Phật để cầu lấy sự ký thác về tinh thần, bà thường qua lại với chùa miếu. Thế nhưng Tưởng Giới Khanh không tin Phật. Có một lần nó thua bạc mất nhiều, trở về nhà vừa hay gặp phải vị hòa thượng tới nhà họ Tưởng hóa duyên cho rằng nguyên nhân của việc thua bạc là do hòa thượng tới (không môn), bực tức quát mắng, cãi nhau với mẹ kế. Không lâu họ liền ở riêng. Trong bài viết “Khóc mẹ”, Tưởng Giới Thạch nói: “Trong nhà tràn đầy tai họa tranh chấp bất hòa”, tức là chỉ anh em chia nhà, mẹ con bất hòa. Rất nhiều người không biết những sự việc tế nhị bên trong, thấy trong bài văn tự viết của Tưởng Giới Thạch có ẩn tình cha vạch rõ, sự suy đoán mò mẫm cũng theo đó mà phát sinh. Thứ ba, sau khi Tưởng mẫu chết, không hợp táng với Tưởng phụ, lại xây dựng riêng mộ trang khác. Sau năm 1927, mỗi lần Tưởng Giới Thạch về quê, phần lớn đều dùng mộ trang Tưởng mẫu làm nơi nghỉ, giới báo chí thường đưa tin Tưởng Giới Thạch tiếp kiến những nhân vật quan trọng trong chính phủ quân sự Quốc dân đảng ở mộ trang Tưởng mẫu. Giới bình luận liền lầm Tưởng cho rằng ông chỉ biết có mẹ mà không biết tới bố. Kỳ thực, cha mẹ Tưởng Giới Thạch an táng phân tán ở hai nơi, có những nguyên nhân khác nhau, đã từng thuật ở những sách khác. Mỗi lần Tưởng Giới Thạch về quê, tuy sống nhiều ở mộ trang mẹ, nhưng không phải như có người đã nói: chỉ biết tảo mộ cho mẹ, mà không thấy ông biểu thị tâm hiếu với cha. Mà thực ra là ông đã tảo mộ mẹ lại tảo mộ cha, lại tế tảo những phần mộ tổ tiên ở Thạch Thiện Diêu nữa. Thứ t, mỗi lần Tưởng Giới Thạch nhớ tới gia giáo và thân giáo của mình đều hết sức tôn sùng đối với mẹ mình. Trong “Tiên từ vương Thái phu nhân sự lược ” ông đã truy thuật lại rất nhiều sự việc ngày trước của mẹ, như cảnh nhà khó khăn, “chịu khổ đau thương tiết hạnh”, quanh năm vất vả, trù liệu lo toan, cùng việc gặp điều vui mừng không lộ ra sắc mặt sung sướng” trong cuộc gió mây biến ảo trước và sau cách mạng Tân Hợi, gặp loạn vẫn “giữ lòng trong trắng”... Dối ngọn bút của Tưởng, người mẹ của ông quả thực là vị thánh mẫu Maria, là con người hoàn mỹ đệ nhất từ trước tới nay. Điều này thực ra cũng không đáng trách lắm, chỉ có điều là Tưởng Giới Thạch rất ít khi đề cập tới cha mình, ngay cả đến chữ khắc trên bia mộ của cha ông cũng là do một người bạn viết thay. Điều này vốn là bởi vì cha ông mất sớm, chủ yếu ông được người mẹ nuôi dưỡng giáo dục thành người. Hai mẹ con cùng phải trải qua biết bao nhiêu biến cố và tai nạn khổ sở “không phải là những đứa con h hỏng có thể chịu đựng truy thuật lại “với những hoạn nạn chất chồng sau khi cha mất, có những cảm thụ sâu sắc ghi xương khắc cốt, còn đối với người cha mất sớm thì ẩn tọng mờ nhạt. Thế nhưng người ngoài đâu có thể biết được nội tình cận kề đã vội vã suy đoán bừa, tạo ra một sự trù tọng, suy lý, cộng thêm vào đó là “lập trường giai cấp” cùng với “Đường Thuyết”, mà đâu có phải là lời nói của một nhà. Tức thì sự việc đã hoàn toàn biến hình đổi dạng. Vậy thì, tại sao lại lan truyền âm ỹ các tin Tưởng Giới Thạch là con trai của sư Chủ trì chùa Tuyết Đậu? Đây tuy là một tin đồn nhảm, thế nhưng sự việc cũng có nguyên nhân. Chùa Tuyết Đậu ở Khê Khẩu được gọi là ngôi chùa nổi tiếng nhất ở Triết Đông, ở đời Đường đây là một trong “mười chùa nổi tiếng của Thiên Tông”, có thuyết nói là “Thiên tạng quá đường”. Hàng trăm hàng ngàn năm nay, khói hương vẫn nghi ngút. Họ Tưởng ở Khê Khẩu với chùa miếu của Đạo Phật (bao gồm cả

chùa Tuyết Đậu) đã có nguồn gốc lịch sử sâu xa. Về điểm này sẽ dành riêng một tiết trong chương này để giới thiệu tại đây, điểm cần nói là hòa thượng thì phải đi hóa duyên. Chùa miếu cần phải có thí chủ. Cha của Tường Giới Thạch kinh doanh hiệu bán muối, dần dần đã trở thành một trong mười hộ giàu có nhất ở Khê Khẩu, là dĩ nhiên cũng đã trở thành đối tượng khuyến giáo của chùa miếu. Do đó gia đình Tường Giới Thạch chẳng những đã sớm có sự qua lại với chùa Tuyết Đậu. Ngay cả Trung tháp viện, Chùa Pháp hoa cũng có liên hệ tương đối nhiều với nhà họ Tường. Tường mẫu vương Thái Ngọc một đời gian truân, hai lần góa bụa, hơn nữa lại còn rất trẻ. Đặc biệt là sau hai lần góa bụa, đứa con nhỏ mà bà yêu quý nhất là Tường Thụy Thanh đã chết yểu, làm cho bà đón đau chẳng còn thiết sống nữa. Trong “Ai Trạng” Tường Giới Thạch nói: “Từ khi em trai tôi chết yểu, gia đình tôi li tán rệu rã, buồn phiền đau đớn hơn mười năm trời. Còn tôi lại càng cô đơn đau khổ, thể lương hu quạnh, vui cời gong gạo, nặng trĩu u buồn cũng suốt hơn mười năm trời”. Trong đoạn này Tường Giới Thạch cũng đã phản ánh cảnh ngộ lúc đó của mẹ nữa. Bà đã từng nói với Tường Giới Thạch, bà là một người vị vong, chẳng còn điều gì thiết sống, chỉ có điều là Tường Giới Thạch còn cha trưởng thành, bà đành phải liều sống chờ đợi mà thôi. Với tâm trạng như thế này, bà chỉ có thể hoặc là ở nhà tụng niệm kinh Phật, hoặc là đến chùa bái lạy Bồ Tát, đó cũng là lẽ thường tình của con người. Hòa thượng ở trong chùa cũng vui vẻ khi có người tới bố thí tiền tài. Còn việc nói bà có mang với sư chủ trì Chùa Tuyết Đậu, đại khái là xuất phát từ suy đoán bởi nguyên nhân Tường Giới Thạch có quan hệ mật thiết với hòa thượng Thái H tạng thân ở chùa Tuyết Đậu. Thế nhưng mối quan hệ mật thiết giữa họ với nhau thì lại có một nguyên do khác, chẳng có quan hệ gì tới Tường mẫu. Căn cứ vào hồi ức của Mật Hy: Cuối năm 1927, do tranh chấp quyền lực địa vị trong nội bộ Quốc dân đảng, Tường bị bức phải bắt buộc từ chức, tháng 8 trở về Khê Khẩu. Lúc đó, giới Phật giáo Triết đông, có một vị hòa thượng rất có uy tín danh tiếng lẫy lừng tên gọi là pháp sư Thái H, ngài tới các nơi giảng kinh, mở rộng Phật pháp. Tường Giới Thạch mến phục đại danh của ngài đã đặc biệt mời hòa thượng tới chùa Tuyết Đậu giảng kinh. Ngày hôm đó, Tường tới chùa Tuyết Đậu, pháp sư Thái H đích thân ra ngoài cửa núi nghênh đón. Ngoài việc giảng kinh, pháp sư còn đoán mệnh cho Tường Giới Thạch. Nói rằng lần bắt buộc phải từ chức này là “rồng bay về vực thẳm, rắn cuộn trong tầm nhìn”, nói rằng trước mắt Tường tuy phải buộc từ chức, thế nhưng đang hành vận, chỉ trong một hai năm nữa thì Đông Sơn lại đứng dậy, quyền lực địa vị càng cao hơn, quyết chẳng phải là lời nói đùa. Tường nghe xong vô cùng sung sướng. ở Khê Khẩu làng cũ của Tường Giới Thạch, có một nơi danh thắng tên gọi là Bính Đàm Quan Ngủ, văn nhân tao khách các triều đại đã đề thơ lưu lại rất nhiều, trong đó có câu thơ mà Tường yêu thích nhất là:

Mặt nước xanh gợn sóng

Đàn cá ngẩng nhìn trời

Rồng bay trên đầm rộng

Chỉ nhìn phía trước thôi!

Bấy giờ nghe hòa thượng nói Tường là một con rồng, tự nhiên Tường Giới Thạch rộn ràng vui sướng. Tường lập tức đề cho người anh sai người đem hành lý, đồ nấu bếp quây tới, ở ngay trong nhà phương trượng mà hòa thượng dành cho, ban đêm nghe Thái H giảng “tâm kinh”. Tường còn đem một gói hồng mà người anh đem đến, tặng cho Thái H. Tường Giới Thạch ở liên trong chùa Tuyết Đậu suốt mười một ngày. Những lời chào đón của hòa thượng Thái H, sau này ngẫu nhiên hợp với sự phát đạt của Tường, đối với vị hòa thượng này Tường càng vô cùng kính trọng. Căn cứ vào “Thái H tại Triết Giang” Đại Bi nói, về sau Thái H muốn đi du lịch Âu Mỹ, Tường đã cử người đem biếu hòa thượng ba ngàn đồng bạc. Năm 1932, Tường Giới Thạch lại mời Thái H tới chủ trì ở chùa Tuyết Đậu. Về sau Thái H bị bệnh mất tại thượng Hải, Tường còn cho đem tro xương của ngài róc về Tuyết Đậu, xây tháp làm mộ. Nói tóm lại, do vì mối quan hệ giữa Tường Giới Thạch với hòa thượng Thái H đã vượt quá xa với mối quan hệ giữa hương khách với chùa Phật nói chung, thì cũng đã khó trách khỏi dẫn đến sự đánh giá và suy đoán. Cho nên nói chung lại là: Tường Giới Thạch đã không phải là Trịnh Tam Phát Tử mà cũng chẳng phải là con của hòa thượng, Tường Giới Thạch vẫn cứ là Tường Giới Thạch.

3. Tại sao mẹ Tường không chôn cùng với cha Tường

Rất nhiều tin đồn có liên quan tới thân thể Tướng Giới Thạch chủ yếu là được triển khai xoay quanh bà mẹ Tưởng, trong đó điều được coi là “luận cứ” chủ yếu chính là sau khi Tưởng mẫu chết không chôn cùng Tưởng phụ, mà lại chôn ở một nơi khác Từ đây đã nảy sinh ra một số suy đoán, liên Tưởng, rồi tiến triển diễn biến thành rất nhiều câu chuyện phức tạp. Tưởng mẫu vương Thái Ngọc bắt đầu mắc bệnh từ mùa xuân năm 1919, tuy có vợ của Tưởng Giới Thạch là Mao Phúc Mai hầu hạ ở bên cạnh, đêm ngày không sao nhãng, thế nhưng vẫn không có dấu hiệu chuyển biến tốt. Tháng 6 năm 1920, Tưởng mẫu sợ bệnh mà mình mắc phải là bệnh không thể chữa được: khẳng khẳng muốn lên núi Phổ Đà ở phía đông đến Hải Thiên Phật Quốc để tham bái Bồ Tát, Vợ chồng Tưởng Giới Thạch đã đưa mẹ già đi ở liền suốt năm ngày. Tháng 3 năm 1921, vương Thái Ngọc vẫn còn ở trần thế. Có khả năng là bà cảm thấy sở dĩ bà có thể kéo dài mệnh sống là bởi vì liền trước bà đã tới Phổ Đà sơn. Do đó bà đã quyết ý lại một lần nữa tới Hải Thiên Phật quốc. Tức thì Tưởng Giới Thạch và Mao Phúc Hải lại một lần nữa đưa bà đi. Thế nhưng một lần đi một lần về, sau khi trở lại, bệnh tình của bà ngày càng nặng hơn, cuối cùng thì bà đã qua đời vào 7 giờ 49 phút sáng ngày 14 tháng 6 năm 1921, thọ 58 tuổi. Trong lúc bệnh nặng, Tưởng Giới Thạch từ Quảng Châu trở về. Sau khi qua đời, lẽ dĩ nhiên làm lễ chôn cất với nghi thức trọng thể nhất. Đám ma Tưởng mẫu có tiếng vang rầm rộ nhất. Lúc đó Tưởng Giới Thạch đã biểu lộ tài hoa đặc biệt trên diễn đàn chính trị của giới quân sự, do đó con về vang thì mẹ được vinh hiển. Khi nhận được cáo phó Tưởng mẫu qua đời, các yếu nhân quan trọng của Trung ương Quốc dân đảng như Tôn Trung Sơn, Đàm Diên Khải, Lâm Sâm v.v.. đều gửi điện chia buồn. Các thủ lĩnh quân chính các tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông, Hồ Bắc, Hồ Nam và thượng Hải đều tấp nập tới Phụng Hóa thăm viếng nhất thời tập trung tại Khê Khẩu. Tới lúc đưa Tưởng mẫu ra huyệt, Tôn Trung Sơn lại cử Trần Quả Phu thay mặt mình tới truy điệu, Các yếu nhân như Cử Chính, Đới Quý Đào v.v... cũng tới tham gia tang lễ. Văn tế của Tôn Trung Sơn tiên sinh đã khẳng định đầy đủ công lao dưỡng dục Tưởng Giới Thạch của Tưởng mẫu: “Ân cần chịu khổ để nuôi dạy người con mồ côi cha, lớn lên thành người”, “Một người mẹ có tình thương yêu hiền từ phi thường, kiểm tra đôn đốc như một người thầy nghiêm khắc”. Tôn Trung Sơn còn đề viết trên bia mộ Tưởng mẫu: “Năm dân quốc thứ 10 - Tưởng mẫu chi mộ - Tôn Văn đề” Ngoài ra Hồ Hán Dân đã làm mộ chí cho Tưởng mẫu, Ông Tinh Vệ làm bia mộ, đều do nhà đại thư pháp Thẩm Doãn Mặc viết chữ: Về sau, Hồ Hán Dân lại tập trung toàn bộ bài thơ đề tự giữ mộ bia đời Hán viết lên:

Cúng đồng người đã khuất

Sầu buồn theo năm dài

Mây trắng che tầm mắt

Nhớ quê hương u hoài!

Đàn Diên Khải đề: “Tướng Thái phu nhân tọng tán”, Lâm Sâm viết lời truy điệu, còn có rất nhiều câu đối, trưởng đề thơ của các yếu nhân trong chính phủ quân đội Quốc dân đảng như Trương Tĩnh Giang, Hứa Sùng Chí v.v.. Một người phụ nữ bình thường của Trung Quốc cũ, sau khi mất có được vinh dự đặc biệt này, tuy không phải độc nhất vô nhị, thế nhưng được khẳng định là tuyệt đối không nhiều. Sau khi Tưởng mẫu qua đời, Tưởng Giới Thạch đã mời thầy địa lý nổi tiếng nhất ở Phụng Hóa tìm đất xây mộ ở khắp nơi, cuối cùng đã chọn được Bạch Nham Sơn cách phía bắc thị trấn Khê Khẩu khoảng một dặm Hoa. Sau khi định được đất, mỗi ngày Tưởng đều tới Bạch Nham Sơn kiểm tra thợ xây mộ cho mẹ còn mới những người trong dòng họ Tưởng, giúp đỡ trừ liệu việc chôn cất cuối cùng đã hoàn tất việc an táng vào ngày 23 tháng 11. Ngòi cha của Tưởng Giới Thạch là Tưởng Triệu Thông mất năm 1895, lúc đó người con cả là Tưởng Giới Khanh 22 tuổi, Tưởng Giới Thạch lên 9 tuổi, em nhỏ của Tưởng là Thụy Thanh chỉ có 2 tuổi, trong đó còn có hai người em gái của Tưởng Giới Thạch nữa. Tưởng mẫu lại bất hòa với đưa con vợ trước của chồng là Tưởng Giới Khanh, gia cảnh gian nan, vương Thái Ngọc cũng cha làm lễ mai táng cho người chồng đã mất. Đến năm 1913, Tưởng Giới Thạch lớn lên thành người mới cùng người anh táng người cha đã mất ở Giải Cam bên phải Đào Khanh Sơn cách phía bắc thị trấn Khê Khẩu một kilômét. Cha và mẹ của Tưởng Giới Thạch tuy đều chôn ở phía bắc thị trấn Khê Khẩu, cự ly cách nhau cũng không xa lắm, thế nhưng do vì không ở cùng một quả núi, đương nhiên cũng không thể nói là cùng chôn hợp huyệt được. Vợ chồng sống chung chán chết cùng huyệt, đó là truyền thống cổ xưa của Trung Quốc, cũng là một

phần văn hóa của dân tộc. Tường Giới Thạch tự xưng mình là người phục hưng nền văn hóa Trung Hoa, thế mà lại để cha mẹ chôn ở hai nơi, nguyên do ở chỗ nào? Tháng 10 năm 1922, trong “Tù Am ký” Tường Giới Thạch viết: “Vào năm Quý sửu, anh trai tôi là Tích Hầu với Trung Chính đã an táng tiên khảo là cụ Túc Am ở Đào Khanh phía bắc huyện. Khi đó tiên từ vương Thái phu nhân còn đang sống mạnh khỏe, người tha thiết căn dặn anh tôi và Trung Chính rằng: Sau khi mẹ trăm tuổi, bắt tất phải bắt chóc tục lỗ đồng huyết, để cho việc xây mộ mẹ làm kinh động vong linh của ông ấy, hồng để cho mẹ biệt lập ở chỗ khác. Mỗi khi Trung Chính về tỉnh không bao giờ không vì thế mà như thấy trách nhiệm, vì vậy đã tự đặt bia mộ để tỏ ra sự kiên quyết của ý chí. Khi thay giường chiếu lại coi đó là di chúc với cả hai anh em. Do vậy vào năm Tân dậu đã chọn nơi đất lành Trung Lũng Ng Lân Điều làm mộ huyết an giấc của tiên từ”. Theo cách nói của Tường Giới Thạch, ông đã chia ra an táng cha mẹ như vậy, là tuân theo lệnh mẹ mà làm, Tường mẫu quyết định như vậy là không muốn làm kinh động vong linh của Tường phụ. Kỳ thực suy nghĩ kỹ lại, hai vấn đề này đều có chút miễn cưỡng. Một là việc chôn riêng cha mẹ tuy là tuân theo lệnh mẹ, nhưng đã chống lại lệnh cha, bởi vì lúc cha còn sống khi tuyển chọn xây dựng mộ ở Đào Khanh, chẳng những đã chôn cất, hai phu nhân. Từ và Tôn, hơn thế cũng đã xây dựng xong cả mộ huyết cho mình và Tường mẫu. Tuy lúc đó Tường mẫu vương Thái Ngọc mới chỉ 32 tuổi. Điều đó đủ để chứng tỏ rằng Tường phụ mong muốn rằng người vợ trẻ này của mình tương lai sẽ chôn nằm ở bên cạnh mình. Thế mà nay Tường Giới Thạch tuân theo lệnh mẹ đem bà chôn ra ở chỗ khác, hiển nhiên là không để ý gì đến khi còn sống cha mình đã nghĩ như thế nào, tính như thế nào, sắp xếp như thế nào? Hai là, Tường mẫu không chôn ở bên cạnh Tường phụ, tuy để tránh việc làm “kinh động” tới vong linh của Tường phụ, nhưng đã làm mất đi hẳn “tình bạn ngàn đời”. Hàng ngàn năm nay, vợ chồng chỉ trừ phi là cùng gặp nạn còn thì rất hiếm cảnh đồng thời cùng qua đời, do vậy người chết sau làm “kinh động” vong linh của người chết trước cũng như hằng hà sa số các ngôi sao tinh tú ở trên trời xanh. Mặc dù có một lần kinh động này, nhưng cuối cùng vẫn có thể đạt được “tình bạn vạn năm”, cũng là hại có một mà được lợi cả trăm, hoặc nói là có trăm điều lợi mà chỉ có thể biến hại thành lợi. Cho nên vợ chồng đồng huyết sau khi chết là nội dung quan trọng của tục lệ chôn cất Trung Quốc. Vậy thì, tại sao bà mẹ của Tường Giới Thạch không muốn để chôn cùng với cha của Tường? Nguyên nhân chân thực là, ở trong nhà Triệu Thông cha của Tường, thì Tường mẫu vương Thái Ngọc là người vợ thứ ba. Khi Tường phụ chọn đất xây mộ lúc còn sống, hai vị phu nhân trước của Tường Triệu Thông đã được phân phối ở bên trái bên phải Triệu Thông rồi. Tường mẫu vương Thái Ngọc cho dù có chôn ở trên núi Đào Khanh, vô luận là ở bên trái hay bên phải, đều không thể được ở bên cạnh Tường phụ. Tường mẫu tuy là quả phụ tái giá, thế nhưng cũng là có một manh mối xin chính thức, dùng kiểu hoa khiêng tới Khê Khẩu. Lúc sống đã có biết bao nhiêu gian nan khổ sở, bà không muốn sau khi chết phải khuất vào hàng thứ ba. Do vậy, khi nghe nói “huyết chữ giáp” là đất mộ tốt nhất sạch sẽ nhất, thú dữ quỷ rồng không thể xâm nhập vào được, mà người thân lại có thể tự do qua lại, bà liền căn dặn kỹ càng Tường Giới Thạch phải tìm cho được huyết chữ giáp và phải chôn bà ở một chỗ khác. Đối với điều tính toán nhỏ ở trong lòng mẹ, Tường Giới Thạch đã nhìn thấy rất rõ. Ông không muốn để cho mẹ mình phải ở khuất sau Từ, Tôn phu nhân, lại chẳng muốn để cho mẹ chôn ở chỗ lẻ loi một mình. Do đó khi mẹ đề xuất chọn đất mộ khác, Tường Giới Thạch đã từng kiến nghị với mẹ, đem phần mộ của cha ở Đào Khanh Sơn di về chôn cùng để cha và mẹ hợp huyết không phải ở đơn độc. Thế nhưng Tường mẫu không muốn vì việc này mà để cho người ta dị nghị dèm pha, với thái độ kiên quyết, bà nói: - Thụy Nguyên nè, con tuyệt đối phải ghi nhớ: sau này mẹ sẽ không chôn cùng với cha con đâu! Vì vậy Tường mẫu nói mình phải tránh làm kinh động vong linh của chồng bà, là nói không thật lòng, Tường Giới Thạch dựa theo làm như vậy là càng muốn che giấu càng lộ nguyên hình, muốn cho trời qua biển ở trước mắt mọi người. Vậy mà Tường Giới Thạch và Tường mẫu đều cha mẹ nghĩ tới, chính vì việc chôn riêng ra hoặc chôn ở chỗ khác mà đã đem lại cho họ Tường vô vàn phiền phức. Vậy thì, chỉ vì việc cha mẹ Tường Giới Thạch cha được hợp táng mà đã truyền đi câu chuyện Tường Giới Thạch chỉ biết có mẹ không biết đến cha hay sao? Trong đó còn có một số nguyên nhân khác nữa. Trước tiên là mộ của Tường mẫu và mộ của Tường phụ có sự khác biệt rất xa về mặt quy mô và thể thức. Nghĩa trang Tường mẫu ở Bạch Nham Sơn đại thể chia làm ba phần: Thứ nhất là mộ khâu, nó thể hiện ra như chiếc màn thầu hình tròn, tám bia nằm ngang ở giữa chính mộ để khắc bốn chữ lớn của Tôn Trung Sơn “Tường mẫu chi mộ”; hình quạt ở bên trên bia ngang ứng trong lan can có khắc bốn chữ “Hò Phạm Túc Thúc” nghe nói là do Tôn Trung Sơn tiên sinh đề có ý nghĩa là “Tường mẫu là bậc mô phạm trong giới nữ đủ làm tấm gương mẫu mực cho mọi người noi theo”. ở hai bên tám bia ngang khắc đôi câu đối tự soạn của Tường Giới Thạch:

Họa cập hiện từ đương nhật ngoạn cảnh hồi dĩ văn,

Quý vi nghịch tử chung thân trầm thông hận vo nhai

ở trước mộ Tường mẫu trồng hai cây thạch nam, các nơi xung quanh đều trồng rộng rãi các loại tùng bách, hình thành một biển rừng xanh thẳm. Nấm mộ màn thầu hình tròn của Tường mẫu, xung quanh dùng đá núi xây lên, trên đỉnh là cỏ xanh non tha thướt. Kiểu xây dựng này có một cách nói: Căn cứ vào thày địa lý chọn mảnh đất này năm ấy, nơi đây là long mạch tốt nhất, địa hình xung quanh giống như Phật Di Lặc. Phần mộ của Tường mẫu đặt ở trên rốn của Phật Di Lặc để phòng trừ đề hồng long mạch. Đá ở trước mộ không được quá nặng, đỉnh mộ không được dùng phiến đá hoặc xi măng phủ kín. Lẽ dĩ nhiên Tường Giới Thạch nhất nhất làm theo, dần dần trở thành cảnh quan chủ thể của phần mộ Tường mẫu. Phần thứ hai của nghĩa trang Tường mẫu là đường mộ Tường mẫu. Con đường bắt đầu từ chân núi Bạch Nham tới phần mộ Tường mẫu dài 668 mét. ở chỗ bắt đầu con đường mộ của Tường mẫu một hàng lầu bia đá cao 6,5 mét, rộng 7,9 mét, có 3 cửa cửa giữa rộng 3,7 mét, cửa hai bên mỗi chiếc rộng 2,1 mét. Bên trên cửa giữa khắc bốn chữ lớn “Tong mẫu mộ đạo” hai bên trang điểm các loại hoa cỏ. Từ đây hóng vào nhà mộ là một con đường nhỏ rải đá cuội, hai bên đường có những chiếc ghế đá dài kẹp vào trong rừng tùng. Đường mộ tương mẫu về sau được tu sửa lại vào mùa hạ năm 1930. Phần thứ ba của nghĩa trang Tường mẫu là là nghĩa trang tương đối lớn, nằm giữa ngôi lầu bia đá và ngôi mộ Tường mẫu. Đi theo lầu bia đá khoảng hai trăm mét, bên đường có một ngôi đình, xung quanh đình cả bốn phía là cửa sổ pha lê dài, trong đình có thể chứa được hai chục người. Công dụng chủ yếu nó là một ngôi đình để canh gác mỗi năm khi Tường Giới Thạch nghỉ lại ở nghĩa trang. Từ đình vọng gác này đi tiếp khoảng hai trăm mét nữa là một cái sân, trên cửa ngoài đề hai chữ “Mộ l”, trong sân có 12 gian nhà bằng, bên trong các căn phòng ở chính giữa dựng rất nhiều bia đá treo tường, hai bên là phòng khách và phòng ăn, ngoài ra còn có nơi ở của các vệ binh và nhà bếp v.v... Tại một nơi cách “mộ l” không xa là một quần thể kiến trúc “Tư am”. Đây là nơi đặt bia vị thờ phụng các thần chủ ở dưới tầng tổ Tường Giới Thạch, lại là nơi thường trú của Tường Giới Thạch khi trở về quê sau này. Tại đây vào tháng 5 năm 1923 đã xây dựng ba gian nhà Tây, mùa xuân ba năm 1930 lúc tu sửa nghĩa trang và mộ đạo đã phá đi xây lại. Nghĩa trang của Tường mẫu lúc đầu cũng tương đối giản đơn chất phác, thế nhưng về sau trải qua nhiều lần mở rộng, xây dựng thêm xây dựng lại, nó chẳng những đã thêm xa hoa, mà còn tương đối quy mô, thế nhưng nghĩa trang của Tường phụ thì không như vậy. Nấm mộ của Tường phụ ở trên Đào Khanh Sơn cũng thể hiện hình chiếc bánh màn thầu, tuy cũng tương tự như mộ của Tường mẫu, thế nhưng lại không có nghĩa trang, mộ đạo, càng không nhìn thấy những đề khắc của danh nhân, kiến trúc của phần mộ cũng đơn giản xấu xí hơn nhiều so với phần mộ của Tường mẫu. Cây cối ở bốn phía xung quanh cũng tương đối lơ thơ, chỉ có tám bia ngang ở trước chính mộ là có khắc chữ giống nhau như mộ Tường mẫu, đó là dòng chữ “Túc Am Tường công chi mộ”. Sau khi Tường Giới Thạch phát lên, cũng cha thấy ông cho tu bổ sửa sang lại mộ cha bao giờ. Mặc dù mỗi tết thanh minh ông về quê, ông đều tới tảo mộ cha mẹ, thế nhưng cùng là cho mẹ sinh ra, xây dựng nghĩa trang khác xa nhau như vậy, khó làm cho mọi người không tránh khỏi hoài nghi. Thứ nữa là, sau khi Tường mẫu qua đời, khi Tường Giới Thạch trở về Khê Khẩu, phần lớn đều trú ở “Tư Am” nghĩa trang của Tường mẫu, giới báo chí thường có bài đưa tin Tường đã chiêu đãi các yếu nhân quân chính Quốc dân đảng ở nghĩa trang. Đây là một nhân tố khách quan khác khiến cho ngoại giới sinh ra nghi ngờ. ở Khê Khẩu Tường Giới Thạch có rất nhiều chỗ ở, tại sau lại cứ phải thường trú ở “Tư Am?” Sau ngày 23 tháng 11 năm 1921, Tường mẫu được an táng xuống đất ngày 28 tháng 11. Tường Giới Thạch đã viết một tờ văn th, tuyên bố thoát ly quan hệ gia đình với bà vợ thứ nhất là Mao Phúc Mai và Diêu Dĩ Thành. Sau đó ông lại trở về Khê Khẩu thì trú ở Văn xương Các, nghĩa trang hoặc biệt thự Diêu Cao Đài. Ngay 12 tháng 12 năm 1930, máy bay giặc Nhật đánh phá Khê Khẩu. Những gian nhà mái bằng ở sân sau nhà Tường bị đổ sập, Mao Phúc Mai đã bị tử nạn. Đồng thời Văn xương Các cũng bị san bằng. Sau đó khi Tường Giới Thạch về quê hương thì phần lớn chỉ trú ở nghĩa trang Tường mẫu. Nói tóm lại là: Tường mẫu không chôn cùng với Tường phụ, chỉ là vì Tường mẫu có một chút ý ẩn khó nói ra lời. Tường Giới Thạch hiểu rõ ý của mẹ, đã tuân theo mệnh mẹ mà làm thực ra trong đó cũng chẳng có nhiều điều đáng ngờ vực, mặc dù từ đó đã nảy sinh ra rất nhiều điều đáng ngờ và những tin đồn bậy bạ.

4. Những chuyện phiếm về tên và tự của Tường Giới Thạch

Trong rất nhiều tin đồn hỏi vặn có liên quan tới thân thể Tưởng Giới Thạch, thì tên và tự của Tưởng Giới Thạch cũng có rất nhiều điều nghị luận, do đó đã làm cho thân thể của ông Tưởng biến thành vàng thau lẫn lộn, làm cho người ta khó có thể hiểu biết được tường tận. Tưởng Giới Thạch có rất nhiều tên. Lúc đầu tên là Thụy Nguyên, lại tên là Chu Thái, sau đổi là Chí Thanh, cuối cùng lại đổi tên là Trung Chính, tự là Giới Thạch. Ông đổi tên mình như vậy chẳng khác gì chiếc đèn cù, ít nhiều cũng đã khiến cho mọi người không còn hiểu ra làm sao nữa. Tức thì có người nói, ông gọi là Chu Thái ? thì ra Tưởng Giới Thạch không phải là họ Tưởng mà là họ Chu đó ! Lại có người khảo cứu tên của Tưởng Trung Chính” là có ngụ ý “Tưởng Tông Trinh”, Tưởng Giới Thạch vốn chính là Trinh Tam Phát Tử. Trong tập 40 “Văn sử tự liệu tuyển tập” của hội nghị chính trị hiệp thương toàn quốc, có bài “Trong bức màn ở ba trại tập trung của đặc vụ Tưởng Giới Thạch mà tôi từng trải qua” do Hoàng Đồng tiên sinh viết đã bàn tới cách nói sau. Hoàng tiên sinh nói ông đã được gặp ông già Trinh Phát trong “Đường Thuyết” ở trong trại tập trung. ông viết rằng: Trinh Phát là “ngời anh ruột của Tưởng Giới Thạch năm 1949 Trinh Phát được đưa tới trại tập trung ở Quý Châu... ông già này là anh cả, Tưởng Giới Thạch là thứ ba... về sau người em thứ ba này đổi tên là “Trởng Trung Chính” tức là ngụ ý “Tưởng Tông Trinh”...” Còn có một vị tiên sinh nữa tên là Lý Tịnh Chi cho rằng từ trên những tên của Tưởng Giới Thạch có thể chứng minh được Tưởng Giới Thạch chính là Trinh Tam Phát Tử ở Hứa xương Hà Nam. ông phân tích nói rằng, “Trung Chính” có ý nghĩa là họ Trinh ở Trung Châu, còn “Giới Thạch” chính là nói Tưởng đối với tảng đá lớn ở trước cửa nhà mình luôn có ý “để bụng không quên”. Từ trong những luận thuật câu để chứng minh ở mấy tiết trước chương này, độc giả đã hiểu rõ Tưởng Giới Thạch không phải là Trinh Tam Phát Tử ở Hà Nam, trong tiết này lại nêu ra các ví dụ hoặc là tin đồn phong phanh, hoặc là tự mình suy đoán, chẳng có sự thực nào căn cứ. Vậy thì tại sao Tưởng Giới Thạch lại có nhiều tên như vậy? Mỗi tên đó có lại lịch và ngụ ý gì? Trước hết nói về Thụy Nguyên. Thụy Nguyên là tên tục của Tưởng Giới Thạch. Hai em gái và một em trai sau đó lần lượt có tên là Thụy Liên, Thụy Cúc, Thụy Thanh, tức là bốn anh em chị em cùng cha cùng mẹ với Tưởng Giới Thạch đều lấy chữ Thụy đứng ở đầu tên, ngay cả đến người chị cùng cha khác mẹ với Tưởng Giới Thạch cũng đặt tên có chữ Thụy ở đầu, gọi là Thụy Xuân. Tên tục Tưởng Thụy Nguyên này là do ông nội Tưởng Ngọc Biểu của Tưởng Giới Thạch đặt cho. Lúc nhỏ Tưởng ngang bóng, bị người vùng Khê Khẩu gọi là “Thằng Thụy Nguyên vô lại”. Lại nói tới Chu Thái. Chu Thái là tên trong gia phả. Tức là dựa theo sự sắp xếp trong dòng tộc họ Tưởng, tới đời anh em Tưởng Giới Thạch thì thuộc về bậc chữ Chu. Tên của các anh em trong họ đều đặt chữ Chu ở đầu. Điều này không có liên quan gì tới “Họ Chu” cả. Dựa theo quy củ sắp xếp thứ tự thế hệ của họ Tưởng ở Khê Khẩu thì từ đời thứ 25 trở đi đã trở thành bốn câu ngụ ngôn: “Hề tư Triệu Chu Quốc, Hiếu Hữu Đắc Thành chương, Tú Minh Khải Hiền Đạt, Dịch Thế Khánh Cát xương”. Sự sắp xếp thứ tự tên đuôi trong gia phả này trong đời tổ tiên và đời sau này của Tưởng Giới Thạch đều có thể tìm được dẫn chứng. Cụ tổ của Tưởng Giới Thạch tên là Hề Tăng, tự là Hoài Thịnh. Ông nội tên là tư Cán, tự là Ngọc Biểu, cha tên là Triệu Thông, tự là Túc Am, lần lượt ứng với thứ tự sắp xếp tên trong gia phả từ đời thứ 25 đến đời thứ 27. Tưởng Giới Thạch tự tên là Chu Thái, người anh cùng cha khác mẹ với Tưởng là Chu Khang, là ứng với thứ tự sắp xếp tên trong gia phả ở đời thứ 28. Con của Tưởng Giới Thạch là Kinh Quốc, Vĩ Quốc lại ứng với “đời mang chữ quốc” là đời thứ 29. Chỉ có điều là Chữ Quốc không đặt ở đầu, mà lại để ở cuối. Đời cháu của Tưởng tổng cộng có năm người tức là Tưởng Hiếu Văn, Tưởng Hiếu Vũ, Tưởng Hiếu Dũng, Tưởng Hiếu Cong, Tưởng Hiếu chương (nữ) đều mang chữ “Hiếu” ở đầu thuộc đời thứ 30. Tên thứ ba là Chí Thanh. Chí Thanh là tên gọi ở nhà trường. Đối với việc khi nào Tưởng đổi tên là Chí Thanh, hiện tại còn giữ hai cách nói. Một thuyết là lúc lên 6 tuổi khi đi học do cha mẹ đặt cho. Một thuyết là khi Tưởng tới dự thi ở Ninh Ba lúc 16 tuổi, tự mình đổi tên là Tưởng Chí Thanh. Chẳng kể là đổi tên vào lúc nào, Tưởng Chí Thanh là tên gọi ở nhà trường của Tưởng, từ trước không có điều gì tranh luận. Chỉ có điều là sau khi Tưởng đổi tên là Chí Thanh, mẹ và người làng của Tưởng vẫn cứ gọi Tưởng là A Nguyên hoặc Thụy Nguyên. Thứ tư chính là “Trung Chính” và “Giới Thạch” được tranh luận nhiều nhất. Đối với cái tên “Trung Chính” này cũng có hai cách nói. Một là cách nói của Hà Quốc Đào trong bài “Giải câu đố về thân thể Tưởng mẫu vương Thái Ngọc”, Hà nói rằng sau khi Tưởng Giới Thạch qua Nhật Bản thấy Tôn Văn đổi tên là “Tôn Trung Sơn”, từ đó liền bắt chước đổi tên thành “Tưởng Trung Chính”. Hai là cách nói của vương Phủ Dân trong “Tưởng Giới Thạch truyện”, vương nói lúc 14 tuổi Tưởng Giới Thạch đã đổi thành tên ấy. vương Phủ Dân tiên sinh viết: “Năm đó Tưởng 14 tuổi do Mao hoặc Tưởng đã tự căn cứ vào hào từ quái từ của “Kinh Dịch”, đổi tên thành Trung Chính, tự là Giới Thạch. Lục nhị hào từ Dự Phong của “Kinh Dịch” cho rằng “Giới thạch, bất chung nhật, trinh cát”. Quái từ nói: “Bất chung nhật, trinh cát, dĩ trung chính dã”. Quái từ của quẻ Hậu nói: “Công ngộ trung chính thiên hạ đại hành dã”. Quái từ của quẻ Phong nói: “Công tổn hồ trung chính nhi chí hành

“ý tứ này là cong cường tới độ vừa phải, tức là nói tới Trung Chính. Cho nên dùng Giới Thạch làm tự, lấy Trung Chính làm tên. Tổng hợp hai cách nói này tựa hồ như đều có lý. Từ cách nói của vương Phủ Dân mà xét, “Trung Chính” “Giới Thạch” tên và tự này có chút thuyết đạo, liên hệ chặt chẽ, không giống như sự đổi tên của Tôn Văn tiên sinh. Tưởng Chí Thanh cũng đã đi theo vào việc ứng phó đổi tên ấy, Tưởng Chí Thanh đổi tên, tự là Trung Chính và Giới Thạch, là đã trải qua một sự nghiên cứu. Thế nhưng lý luận giữa Trung Chính và Giới Thạch thâm ảo như vậy, Tưởng Chí Thanh lúc ấy mới 14 tuổi cha hẳn đã hiểu được rõ ràng ý sâu của đạo lý, mà quyết ý đổi tên. Do đó vương Phủ Dân tiên sinh nói cũng có khả năng là do Mao Phụng Mỹ thầy giáo của Tưởng Giới Thạch lúc đó đổi tên cho. Bất kể như thế nào, tên và tự Tưởng Giới Thạch, Tưởng Trung Chính này chẳng hề có quan hệ gì với “Tông Trịnh” “Giới ý khó quên” cả. Tưởng Giới Thạch chính là Tưởng Giới Thạch, là Tưởng Phụng Hóa. Thế nhưng việc Tưởng Chí Thanh đổi tên thành Tưởng Giới Thạch, Tưởng Trung Chính, cũng đã phản ánh tư Tưởng nho gia ở trong đầu óc ông rất sâu sắc. Trong “Kinh Dịch”, đại ý đối với “Giới Thạch, bất chung nhật, trình cát” là: Kiên cường cứng rắn như đá, thế nhưng loại cứng rắn này cần phải có độ, nếu không thì không thể kiên trì tiếp tục được một ngày (ngụ ý thời gian phải ngắn không thể dài được). Lão tử đã từng nói, binh quá mạnh thì dễ bị diệt vong, mộc quá cứng thì dễ bị đứt gãy. Về sau các tín đồ nho gia bình về quẻ “Tụng” Chu Dịch nói: “Bất chung nhật, trình cát, dĩ trung chính dã”, ý nghĩa là loại cứng rắn này không vọt quá một ngày là tốt lành, bởi vì tư Tưởng này phù hợp với cong chuyển hóa thành nhu, nhu chuyển hóa thành cong, nhu bên ngoài không giữ được nhu, cong bên ngoài không giữ được cong, đạo trung chính an toàn nhất trong việc cân hai đầu để giữ của nhà nho. Đầu năm 1923, khi Tưởng Giới Thạch nhàn cư ở Đảo Cổ láng từng cầm bút viết bốn chữ đại tự “Kỳ giới như Thạch” để cho người khắc trên đá núi ở miền tây Cánh Y Đình. Chẳng những tên và tự của Tưởng Giới Thạch đã thể hiện ảnh hưởng của tư Tưởng nho gia đối với Tưởng, mà trong hành động của Tưởng cũng có nhiều thể hiện. Từ lần từ chức thứ nhất trong quân viện Mân Việt năm 1918 tới khi chính thức nhận chức hiệu trưởng trường quân sự Hoàng Phố tháng 4 năm 1924, suốt 6 năm trời, trong quân đội, Tưởng đã dùng các loại luận điệu từ chức để rồi lại phục chức, qua qua lại lại tới 13 lần, hầu như đã trở thành nhân vật từ chức chuyên nghiệp. Thế nhưng mỗi lần đều đã nâng cao được địa vị của Tưởng ở trong quân đội, đã tăng thêm được sự tín nhiệm và trọng dụng của Tôn Trung Sơn đối với Tưởng, ông ta quen dùng thủ pháp lấy thoái để tiến, gặp thời cơ là hành động ngay. Đó chính là biểu hiện tinh tú Dương chuyển âm, cong chuyển nhu của nhà nho rất sâu sắc. Có điều lời này có chút nói đã đi quá xa !

5. Tưởng Giới Thạch đã biên soạn “Tông phổ họ Tưởng” như thế nào ?

Tuy về sau này Tưởng Giới Thạch đã quy thuộc vào đạo cơ đốc, trở thành tín đồ tây, tựa hồ như chỉ tin vào Ki Tô. Kỳ thực trong nơi sâu thẳm linh hồn của Tưởng vẫn tồn giữ rất nhiều tư Tưởng phong kiến. Bên trên từng nói, sau khi bắt buộc phải từ chức lần thứ nhất, Tưởng đã nhờ Hòa thượng chùa Tuyết Đậu bói mệnh cho, trong đoạn ghi hồi ký của Mật Hy còn ghi chép một sự việc xin quẻ trong một ngôi miếu nhỏ. Tháng 11 năm 1926, quân bắc phạt đã bao vây Nam xương, bộ tổng tư lệnh của Tưởng Giới Thạch đóng ở bên xe Ngu Hành cách Nam xương hơn ba chục cây số, gần một ngôi miếu nhỏ. Vào một buổi chiều, Tưởng Giới Thạch và Bạch Sùng Hi đi ra ngoài dạo chơi, rồi bước vào ngôi miếu nhỏ, rút quẻ rồi nhờ hỏi vị sư gia chỉ rõ cho biết tiền trình chiến sự, rồi sau đó đưa đến biếu nhà sư một khoản tiền để tu chỉnh miếu vũ. Nếu nói hai sự việc kể trên đều là sự việc trước khi Tưởng quy y đạo Ki Tô (Tưởng Giới Thạch chịu lễ rửa tội đạo Ki Tô năm 1930), thế thì việc Tưởng biên soạn “Tông Phổ họ Tưởng” chính là sau khi ông trở thành tín đồ của đạo Ki Tô, trong đó có rất nhiều sự việc không được ghi trong chính sử lý đáng để cho người ta suy ngẫm. Thời Trung Quốc xa xa người ta coi trọng tông phổ. Nói chung lại thì, các tộc các họ cứ cách ba mươi năm lại được biên soạn một lần. Họ Tưởng là một họ lớn ở Khê Khẩu, trong ba bốn mươi đời, số người của hơn 900 hộ ở Khê Khẩu đã có tới 500 hộ họ Tưởng, một tộc to họ lớn như vậy đặc biệt rất coi trọng việc biên soạn tông phổ. Cho nên trong thời kỳ chiến tranh, những người trong dòng họ Tưởng ở Khê Khẩu đã áp ủ công việc biên soạn này. Bởi vì “Tông phổ họ Tưởng” đã từng được biên soạn một lần vào năm 1918. Thời gian đã trôi qua gần ba mươi năm, huống hồ lúc này họ Tưởng đã xuất hiện một nhân vật làm rạng rỡ tổ tông. Tưởng Giới Thạch nghe tin rất tán thưởng, liền cử người bí mật trở về Phụng Hóa lúc này đã bị quân Nhật chiếm đóng, kín đáo đưa tộc phổ cũ về Trùng Khánh. Sau khi được tộc phổ cũ này rồi, Tưởng “đã nhiều lần tụng đọc theo, hầu như quên ăn quên ngủ”. Sau đó ông đích thân tuyển chọn nhân viên biên soạn, mời Ngô Trí Huy làm thủ lĩnh, Trần Bồ Lôi làm tổng biên soạn, Sa Mạnh Hải v.v... tất cả tám người biên soạn cụ thể. Trần Bồ Lôi là “Cách mạng Văn

đảng” của Tưởng Giới Thạch, thiên hạ đều biết. Ngô Trĩ Huy là nguyên lão Quốc dân đảng, bút pháp cổ văn tạo ý rất sâu rất được Tưởng Giới Thạch tôn sùng. Sở dĩ Tưởng Giới Thạch phải tổ chức một ban biên soạn gia phả. Mục đích có hai: Một là làm sáng rõ lai lịch của mình. Điều này thực ra không phải là nói ông cũng hoài nghi chính mình có phải là Trịnh Tam Phát Tử hay không, mà là ông muốn làm sáng rõ họ Tưởng ở Khê Khẩu từ đâu tới. Hai là, khi Tưởng Giới Thạch bắt đầu biên soạn gia phả, thì cuộc đại chiến thế giới lần thứ hai đã sắp kết thúc, cuộc kháng chiến chống Nhật đã sắp sửa thắng lợi. Uy tín của Tưởng Giới Thạch ở trong nước và quốc tế đều đã đạt tới đỉnh cao. Biên soạn tộc phả chính là một cơ hội tốt để ông dựng bia lập truyện về gia tộc và bản thân mình. Ban biên soạn đã trải qua một loạt kiểm tra đóc chứng khua chuông gióng trống, trước tiên đã làm ra một “Hệ thống tiên tổ đã khuất. Nói rằng Tưởng Giới Thạch là con cháu của Chu Công đời Chu, lí do là trên Tả truyện nói: “Phàm Tưởng, Hình, Mao, Tác, Tề đều là hậu tự của Chu Công cả”. Tưởng lẽ dĩ nhiên là vô cùng sung sướng, bởi vì bản thân mình đã sinh ra từ nơi danh môn. Điều đó càng không thể nói đây là một loại nói năng xằng bậy được, cũng là một loại tra cứu. Bởi vì cho rằng sự ghi chép của “Tả Truyện” không sai, trong lịch sử hơn hai ngàn năm, sở dĩ đất nước đáng yêu của chúng ta liên tục xuất hiện những người anh hùng, là bởi vì tai họa chiến tranh dòn dập, hoạn nạn không ngừng, nó đã khiến cho Cộng đồng, gia tộc phát sinh ra những biến hóa khó có thể kể hết được. Đối với lai lịch của họ Tưởng ở Khê Khẩu mà Tưởng Giới Thạch quan tâm, cuối cùng cũng đã được điều tra rõ rệt, nó đã chứng minh được trong rất nhiều cách nói họ Tưởng ở Khê Khẩu là dòng họ di từ Ninh Ba tới là điều rất đáng tin. Tưởng Giới Thạch cũng rất coi trọng chứng cứ đã điều tra được này. Tức thì ngày mùng một tháng giêng nông lịch của năm 1949, Tưởng đã đích thân cử Tưởng Kinh Quốc tới cúng bái tế lễ ở đền thờ họ Tưởng Ninh Ba. Trung tuần tháng tư cùng năm, trước khi Tưởng Giới Thạch chạy trốn đi Đài Loan đã tới ly biệt Khê Khẩu, từng đích thân dẫn Trương Quân, Du Tế Thời, Tưởng Kinh Quốc v.v... tới Ninh Ba thăm viếng bái yết tông miếu, còn tới Liễu Đình am và Thiên Đồng Tiểu Bàn Sơn ở Ninh Ba tảo phả mộ Tưởng Ma Kha là tổ tông đầu tiên của họ Tưởng. Tưởng Giới Thạch cũng rất quan tâm tới những người gốc rễ họ Tưởng ở ngoài đất Phụng Hóa. Theo báo chí đăng tải, ngày 16 tháng 5 năm 1948, ngôi đền thờ của họ Tưởng ở Đô Sơn Hàn Đình về phía tây bắc cách thị trấn Từ Xá huyện Nghi Hưng mười cây số được khánh thành, Tưởng đã đặc biệt ngồi xe từ Nam Kinh tới Từ Xá, rồi lại ngồi thuyền tới Hàm Đình chủ trì buổi lễ. Trong truyền thuyết nói họ Tưởng ở Nghi Sơn là nguồn gốc họ Tưởng ở Khê Khẩu, thế nhưng tới năm 1948 lúc này Tưởng Giới Thạch thông qua tộc phả đã trùng tu đã biết rõ bản thân mình không thuộc về chi tộc họ Tưởng ở Nghi Sơn. Việc biên soạn tộc phả họ Tưởng không phải là không có khó khăn. Một trong những khó khăn ở trong đó chính là phải viết như thế nào về Tưởng Giới Thạch, đặc biệt là nên thuật kê như thế nào ở trong tông phả về người vợ đầu tiên của Tưởng Giới Thạch là Mao thị với bà Tống Mỹ Linh v.v... Về điểm này Tưởng Giới Thạch đã sớm nghĩ chu đáo từ lâu, ông đã viết vào một tờ giấy giao cho Sa Mạnh Hải để không khiến cho họ có nhiều vướng mắc. Chúng ta hãy cùng xem thử trong đoạn tự truyện này, Tưởng Giới Thạch đã xử lý mối quan hệ và địa vị giữa vợ cả, vợ lẽ, con trai, con gái như thế nào :

“Chu Thái, vốn tên là Thụy Nguyên, còn có tên là Trung Chính, tự là Giới Thạch, là con thứ của cụ Triệu Thông. Học khóa đầu ở trường lục quân tốc hành toàn quốc, thi đỗ và tốt nghiệp trường Trần Vũ (Nhật Bản), sĩ quan dự bị trung đoàn pháo binh đã chiến Cao Điền số 13. Tham mưu trưởng phủ đại nguyên soái, Tham mưu trưởng đại bản doanh, hiệu trưởng trường sĩ quan lục quân Hoàng Phố, Tổng tư lệnh quân cách mạng quốc dân, Viện trưởng Viện Hành chính, ủy viên trưởng ủy ban quân sự, thủ lĩnh Quốc dân đảng Trung Quốc, Chủ tịch Chính phủ quốc dân, Đại tổng thống nhiệm kỳ thứ nhất. Sinh giờ ngọ ngày 15 tháng 9 năm Đinh Hợi tức là năm thứ 13 Quang Tự đời Thanh. Năm 33 Quang Tự, gia nhập Đồng minh hội, tháng 10 năm 19 Dân quốc chịu lễ rửa tội đạo Kitô. Vợ cả là Mao thị, năm thứ 10 Dân quốc xuất ra làm nghĩa nữ của Từ Am vương Thái phu nhân. Năm thứ 16 Dân quốc, lấy người vợ kế họ Tống là Mỹ Linh tiến sĩ khoa học trường đại học Wehrslai nước Mỹ, ủy viên Viện Lập pháp, ủy viên chấp hành trung ương Quốc dân đảng Trung Quốc; sinh ngày 12 tháng 2 năm Kỷ Hợi tức năm thứ 25 Quang Tự. Con trai là Kinh Quốc và Vĩ Quốc”

Đoạn điều trần tự soạn này của Tưởng Giới Thạch đã giải trừ được rất nhiều khó khăn cho các nhân viên soạn thảo, thế nhưng đã lưu lại rất nhiều câu hỏi cho các nhân viên nghiên cứu lịch sử sau này. Thứ nhất người vợ cả Mao thị của ông Tưởng trở thành nghĩa nữ của vương Thái phu nhân từ bao giờ ? vương Thái Ngọc mất ngày 14 tháng 6 năm 1921 (năm thứ 10 Dân quốc), tới ngày 28 tháng 11 cùng năm Tưởng Giới Thạch tuyên bố “thoái ly quan hệ gia đình” với Mao Phúc Mai và Diêu Di Thành. Chính là nói trước khi

vương Thái Ngọc qua đời Mao vẫn là vợ của Tưởng Giới Thạch con trai bà, chẳng có phép nào được nhận Mao làm nghĩa nữ cả. Về sau, Mao thị bị Tưởng “xuất” ra ngoài, thế nhưng vương Thái Ngọc đã chết. Vấn đề là ở chỗ lúc đó phải chăng là đã được bàn bạc thỏa thuận sau khi Mao thị bị “xuất” đã lấy thân phận là nghĩa nữ của Tưởng mẫu vẫn được sống ở ngôi nhà cao của nhà họ Tưởng ở Phong Cảo ? Từ tình hình người nhân viên vệ sĩ được cùng theo Tưởng Giới Thạch trở về Khê Khẩu gọi Mao thị là “Đại sư mẫu” mà xét, thì Mao thị vẫn là nhân vật phụ nhân nguyên phối của Tưởng Giới Thạch, chứ không phải thân phận con nuôi. Chắc chắn là năm đó chẳng có được vấn đề bàn bạc này. Nếu đã như vậy về sau này khi trùng tu tông phổ Tưởng Giới Thạch mới nghĩ tới nên để cho Mao thị một thân phận thích đáng, tức thì Tưởng đã dốc túi đánh canh bạc cuối cùng. Mao Phúc Mai đã biến thành nghĩa nữ của vương Thái Ngọc. Song có điều đáng buồn là bất kể là vương Thái Ngọc hay là Mao Phúc Mai đều không được biết rằng giữa họ đã có một mối quan hệ như vậy. Thứ hai, Tưởng Kinh Quốc, Tưởng Vĩ Quốc là thuộc họ nào sinh ra đều cha thấy đề cập tới. Mẹ đẻ của Tưởng Kinh Quốc là Mao thị đã được kết luận khẳng định, thế nhưng mẹ đẻ của Tưởng Vĩ Quốc thậm chí cả cha đẻ là ai thì mọi người còn xôn xao mỗi người một ý. Tưởng Giới Thạch không cho biết rõ thì người ngoài cũng đã đoán bừa. Có người nói Tưởng Vĩ Quốc là con trai của Đới Quý Đào, có người nói Vĩ Quốc là con trai của Tưởng Giới Thạch với một người đàn bà Nhật Bản. Sa Mạnh Hải tiên sinh nhớ lại năm đó biên soạn tông phổ cho Tưởng Giới Thạch, ông nói, trong thời gian tu sửa tông phổ, Tưởng Vĩ Quốc dò hỏi ông, trong gia phổ có viết tới mẹ của mình không? Sa tiên sinh đã nói cho Vĩ Quốc biết, các vấn đề có liên quan đều phải dựa theo bản thảo chép tay của cụ Tưởng để sao lại. Tưởng Vĩ Quốc yên lặng, sau đó lại nói: Sau 30 năm sẽ nói tới! Từ trong khẩu khí của Tưởng Vĩ Quốc mà xét, ông ta tựa hồ như là con trai của Tưởng Giới Thạch, thế nhưng dựa số học giả và chuyên gia thì lại cho rằng, ông ta là con trai của Đới Quý Đào. Nói tóm lại đây có thể là một nghi án mà bản thân Tưởng Giới Thạch đã để lại cho người sau. Thứ ba, trong lời điều trần của Tưởng Giới Thạch chỉ có mấy chữ cuối nhắc tới Diêu Di Thành và Trần Khiết Nh, dường như các bà này căn bản đã không còn tồn tại nữa, bản thân mình căn bản cũng chẳng có quan hệ gì với họ nữa. Kỳ thực thì Tưởng Giới Thạch có rất nhiều điều bí ẩn khó nói thành lời. Một bà Mao Phúc Mai đã làm cho cụ Tưởng đau đầu buốt óc, giờ lại nhắc tới hai bà thì đâu có được. Tất nhiên không thể nói họ đều là nghĩa nữ của vương Thái Ngọc được. Lại nói các bà là thê hay là thiếp đây? Là thê ? trước đã có Mao thị, sau đã có Tống thị. Là thiếp ? Tưởng Giới Thạch đã từng nói “Lấy vợ lẽ là một việc làm bất đạo đức nhất của con người”[4]. không thể tự mình vả vào mặt mình được, tức thì cụ Tưởng chẳng thể nêu một chữ nào. Còn đối với việc người nghiên cứu sử lập thuyết đời sau liệu có thể làm cho sáng tỏ được không thì cụ Tưởng đâu có dám đoán chắc? Tưởng Giới Thạch chủ trì việc biên soạn “Tông phổ họ Tưởng”, Tuy nêu ra việc này là vào hậu kỳ kháng chiến, nhưng nói một cách khách quan, thực sự bắt đầu biên soạn là vào năm 1946. Đến tháng 12 năm 1948, tạm được kể là đã hoàn tất công việc, thế nhưng thanh danh uy tín của Tưởng Giới Thạch đều khác xa với thời kỳ sau của cuộc kháng chiến. Lúc này, chiến dịch Liễu Thâm đã kết thúc, tập đoàn Quốc dân đảng ở Đông bắc đã bị tiêu diệt. Chiến dịch Hoài Hải đang tiến hành, binh đoàn Hoàng Bá Thao bị tiêu diệt, binh đoàn Hoàng Duy bị tiêu vong, tập đoàn Đỗ Duật Minh bị khốn ở Trần Quan Trang, sự thất bại triệt để chỉ còn là vấn đề thời gian. Cho nên, khi bắt đầu biên soạn tông phổ năm đó Tưởng vô cùng nhiệt tâm hăng hái, trong quá trình biên soạn cũng đã từng nhiều lần qua lại thăm hỏi. Thế nhưng giữa lúc sắp sửa tiến hành lễ “tiên phổ” thì bản thân Tưởng Giới Thạch lại không thể tới được. Lúc này, miếu đường nhà họ Tưởng ở Khê Khẩu đã mở đại yến tiệc chúc mừng, đoàn tuồng kinh kịch, được mời từ thượng Hải tới đã biểu diễn liên suốt ba ngày. Chỉ có điều không biết là trông rung cờ mở lớn lao như thế này là để chúc mừng cho tông miếu họ Tưởng ở Khê Khẩu của Tưởng Giới Thạch được tăng thêm vinh hiển rạng rỡ hay là để hát lên một khúc nhạc truy điệu sự thất bại triệt để của vương triều nhà họ Tưởng ở đại lục ?

6. Vì sao gia đình Tưởng Giới Thạch có nhiều người tôn sùng đạo Phật?

ở vài tiết trước trong chương này đã nhắc tới, Tưởng mẫu vương Thái Ngọc suốt đời hóng về Phật, mấy chục năm thanh đăng cổ quyền, tụng kinh không ngớt. Kỳ thực, những người ở trong gia đình Tưởng Giới Thạch, ông nội Tưởng là Tưởng Ngọc Biểu và nguyên phối phụ nhân của Tưởng Giới Thạch là Mao Phúc Mai đều là những tín đồ cuồng tín của đạo Phật. Chỉ có điều là “Cùng quỳ trước Phật nhưng tâm sự mỗi người một khác” mà thôi ! Ông nội của Tưởng Giới Thạch vì sao dốc lòng tin theo đạo Phật? ông nội của Tưởng Giới Thạch tên là tư Thiên, tự là Ngọc Biểu, sinh năm 1814 mất năm 1894 là một cụ già trường thọ. Nghe nói nhà họ Tưởng trở thành gia đình giàu có là bắt đầu từ Tưởng Ngọc Biểu. Trong

“hành trạng” mà Tướng Giới Thạch tự soạn về ông nội mình có nói: “Cụ Ngọc Biểu khởi gia từ nghề thương, do tinh thông về việc buôn muối, cho nên gia đạo được dần Hưng thịnh”. Thế nhưng xét từ những tư liệu có liên quan, đạo đề là khi trên bốn mươi tuổi. Tướng Ngọc Biểu mới mở cửa hiệu muối Ngọc Thái, hơn thế việc buôn bán kinh doanh cũng chẳng mấy tốt đẹp. Vào khoảng trước và sau năm 1862 quân đội Thái Bình thiên quốc có một đội đã đánh phá các huyện Ninh Ba, chịu ảnh hưởng của chiến tranh, nghề buôn bán ở Khê Khẩu điều linh bế tắc. Cửa hiệu muối Ngọc Thái cũng phải đóng cửa. Vào năm Tướng Ngọc Biểu năm mươi tuổi, con trai của cụ là Tướng Triệu Thông hai mươi hai tuổi, Tướng Ngọc Biểu đã khôi phục lại cửa hiệu muối Ngọc Thái rồi trao cả công việc ở cửa hiệu cho con trai phụ trách, bản thân tọa hưởng thanh phú, tụng kinh niệm phật, sống bình an những năm cuối đời. Cụ còn hiểu biết đọc một số y thuật thảo dược lang trung, thường vào núi hái thuốc, để chữa bệnh cho người làng xóm xung quanh. Tướng Ngọc Biểu “về hưu” từ năm năm mươi tuổi, đến năm tám mươi một tuổi qua đời trong những tháng ngày dài dằng dặc của hơn ba chục năm này chẳng biết có phải là một nhân tố do cụ tôn thờ đạo Phật hay không, thế nhưng tại một truyền thuyết khác thì lại khẳng định có ảnh hưởng quan trọng đối với việc cụ trở thành tín đồ của Đạo Phật. ở tiết trên đã nói, Tướng Giới Thạch đã từng tới tế tảo phần mộ Tướng Ma Kha ở Tiêu Bàn Sơn Ninh Ba trước khi chạy trốn sang đài Loan. Tên thật của Tướng Ma Kha là Tướng Tông Bá tới định cư ở Ninh Ba từ thời kỳ Ngũ đại Thập quốc. Những con cháu từ cụ sinh sôi ra tới Tướng Giới Thạch tổng cộng cơ 28 đời, cho nên Tướng Giới Thạch tự xưng là cháu đời thứ 28 rồi đến Tứ Minh (Ninh Ba). Tướng Ma Kha là tổ tông đầu tiên của họ Tướng ở Khê Khẩu. Ninh Ba phủ chí và Phụng Hóa huyện chí đã đăng tải rất nhiều truyền thuyết có liên quan. Ninh Ba phủ chí nói: Cụ Tướng Tông Bá, tự là Tất Đại, người thời Hậu lương Ngũ Đại, một thuyết nói người Chu Hiền Đức Sơ, từng giữ chức Minh Châu Bình sự, sau bão quan, sinh được một con. Tông Bá từ thiện dùi dằm cẩn thận, thường khẩu tụng “Ma Kha Ban nhọc Ba la mật đa”, cho nên được mọi người gọi là Tướng Ma Kha. Về sau cụ kết am ở Tiêu Bàn Sơn, tự xưng là “Ma Kha cư sĩ”. Khi ấy có một nhà sư ngao du bốn phương sống ở chùa Nhạc Lâm Phụng Hóa, tên là Bồ Đại hòa thượng, cứ đeo một chiếc túi vải suốt ngày đêm không rời thân. Trong tâm Tướng Ma Kha lấy làm lạ, gọi hòa thượng ấy là thầy, rồi theo ngài đi vân du suốt ba năm. Một hôm, tại Trường Thịnh Phúc Kiến, thầy trò cùng tắm ở ôn tuyền, Tướng Ma Kha bỗng nhiên nhìn thấy ở trên lưng Bồ Đại hòa thượng có một con mắt sáng quắc, tương đồng kính ngọc kêu to: “Hòa thượng là Phật đó !” Bồ Đại hòa thượng liền nói với Tướng:- Ta bị người nhìn trộm thấy, ta phải đi đây! Ta tặng con chiếc túi vải này, khiến cho con cháu đời đời là gia đình có áo có mũ ! Trở về chùa Nhạc Lâm Phụng Hóa Bồ Đại hòa thượng ngồi ở trên phiến đá lớn ở phía đông chùa rồi viên tịch. Chôn cất ở sau núi. Thế nhưng về sau có người Ninh Ba đã gặp Bồ Đại hòa thượng ở Tứ Xuyên. Hòa thượng nhờ người này chuyển lời tới Tướng Ma Kha nói:- Ngày gặp gỡ đã gần; xin hãy gìn giữ tự trọng ! người này về tới chùa Nhạc Lâm Phụng Hóa, bật mộ lên nhìn, trong mộ chỉ có thiền trượng, tịnh bình mà thôi. người đó tìm đến Tướng Ma Kha, đem lời nhắn gửi nói cho Tướng biết. Ma Kha nói:

- Ta đã biết điều đó rồi !

Một hôm Tướng đi thăm hầu hết các thân hữu, sau khi tạm biệt, chẳng có bệnh tật gì mà đã mất !

Nội dung cơ bản của truyền thuyết kể trên chỉ là nói rõ Tướng Ma Kha độc tín Phật, chẳng những bái hòa thượng là thầy mà lại đã từng theo hòa thượng du hành suốt ba năm. Còn đối với hững tình tiết quái đản kia, có vẻ như thần thoại, phần lớn chỉ là điều thêm bớt của người sau, không đủ tin. Bởi vì tuy Tướng Giới Thạch “đã làm quan”, thế nhưng cha Tướng, ông nội Tướng, cụ nội Tướng v.v... đều chỉ là một giới nhà quê, làm gì có cảnh con cháu đời đời là gia đình có áo có mũ. Thế nhưng truyền thuyết kể trên đã khẳng định người đời sau của họ Tướng tín thờ đạo phật và đã có những ảnh hưởng sâu sắc, bao gồm cả ông nội của Tướng Giới Thạch là Tướng Ngọc Biểu.

Hãy còn một điều nên đề cập tới đó là: Ninh Ba. Phụng Hóa dựa kề sát châu sơn, núi Phổ Đà ở đó là thắng địa nổi tiếng nhất của đạo Phật. Ninh Ba, Phụng Hóa cũng có rất nhiều chùa miếu, hương khách rất đông. Đỗ Mục chẳng phải đã có câu thơ

“Bốn trăm tám chục ngôi chùa,

Năm nghìn vũ vũ gió ma lâu đài”

nổi tiếng đó hay sao? Tín thờ Phật tổ là một địa vực văn hóa sâu sắc, là một loại mốt thời thượng của lịch sử, Tướng Ngọc Biểu chỉ là một trong muôn vàn thiện nam tín nữ ở bên trong đó mà thôi. Huống hồ vị Bồ Đại hòa thượng đã điểm hóa tổ tông họ Tướng ở trong truyền thuyết đó chính là Phật Di Lặc mà người Trung Quốc thích nhất, là một vị Phật rất có thể tiếp cận như Lai Phật Tổ lại đã được hoàn toàn Trung Quốc hóa, do đó nhà họ Tướng đã xuất hiện một hoặc vài người đốc tín đạo Phật thì đâu có phải là chuyện kỳ lạ.

Ngồi mẹ vương Thái Ngọc của Tướng Giới Thạch vì sao cũng trở thành tín đồ cuồng tín của đạo Phật? Ngoài bối cảnh gia tộc và xã hội chung với ông nội của Tướng ra, bà còn có những nguyên nhân sâu sắc về mặt bản thân nữa. Tướng mẫu vương Thái Ngọc có thân thể trắc trở, bên trên cũng đã có đề cập tới một cách sơ lược. Nói một cách cụ thể là: Khi 17 tuổi vương Thái Ngọc đã được cưới về làm vợ một người làm ruộng họ Du. Năm 19 tuổi sinh ra được một người con, vốn là một người nông dân lạnh hiền tốt bụng. Đâu ngờ trời có gió mây bất trắc, chính vào năm đó, tiếp nối liên tiếp trước tiên là chồng ốm chết, sau đó là đứa con nhỏ chết yểu, tiếp theo là người cha đẻ bị ốm liệt. Trong vòng một năm nhà chồng nhà cha chết liền ba mạng toàn là người chí thân cả. Vạn lời tụng niệm của vương Thái Ngọc đều bị hủy hoại, không biết bản thân mình đã mắc tội với vị thần tiên ở đường nào, phật tổ ở phương nào, tại sao ông trời lại liên tiếp giáng những đại nạn tới người đàn bà yếu đuối này. Tức thì bà liền nghĩ tới chuyện gọt mái tóc xanh chui vào cửa Phật. Các bạn bè thân hữu những người bạn trong làng xóm lẽ dĩ nhiên đã hết lòng khuyên can, sau này hỏi có chút hồi tâm chuyển ý đã nhập vào am Kim Trúc buộc tóc tu hành. Trong thời gian đó cũng có mấy lần muốn gọt tóc đi làm ni, thế nhưng cuối cùng vẫn cha dẫn lòng được. Nguyên nhân lẽ dĩ nhiên đã có rất nhiều, một trong những nguyên nhân ấy là về phía nhà mình lúc đó tai nạn quá sâu nặng, đòi hỏi phải có bà cứu đỡ, bà không thể nhẫn tâm trốn vào trong am ni để mu lấy sự thanh tịnh một mình. Ông nội của vương Thái Ngọc là vương Dục Khánh đầu óc linh hoạt, đã đem nhưng lâm thổ sản như trúc măng ở trong núi vận chuyển tới Ninh Ba thậm chí tới cả Tô Châu để bán, thu lãi rất nhiều, gia đạo Hưng thịnh. Thế nhưng chuyển tới tay cha của vương Thái Ngọc thì gia cảnh liền lúng túng nhiều bề. Bởi vì ông luôn muốn đạt lấy chút công danh, thế nhưng nhiều lần thi không đỗ. Sau đó ông đã không chuyên tâm vào công việc nhà nông và nhà thương lẽ dĩ nhiên cảnh nhà đã sa sút hơn trước rất nhiều. Sau khi cha bà là vương Hữu Tắc qua đời, người em lớn của vương Thái Ngọc là vương Hiện Cự mới mới mười tuổi đã nghiện thói cờ bạc rất ác liệt, chẳng chịu phần đầu vương lên, em thứ hai là vương Hiện Dụ lại mắc bệnh thần kinh. Bà mẹ già của vương Thái Ngọc còn đang sống, vương Thái Ngọc còn phải làm một số việc nữ công kim chỉ, may vá đồ dùng, bà làm sao có thể dẫn lòng bỏ đi cho được? Sau bốn năm, qua mối manh của người anh họ làm người quản lý sổ sách chỉ thu ở trong nhà họ Tướng đã tác hợp bà đã lấy Tướng Triệu Thông, năm sau thì sinh ra Tướng Giới Thạch, sau đó lại sinh ra hai con gái là Thụy Liên, Thụy Cúc và một con trai là Thụy Thanh. Gia đình nhà họ Tướng bởi Tướng Triệu Thông kinh doanh có kế giỏi, cảnh nhà dồi dào sung túc, vương Thái Ngọc lại thêm người tăng khẩu cho nhà họ Tướng, cuộc sống rất tươi đẹp. Thế nhưng cảnh đẹp chẳng được dài lâu, vương Thái Ngọc gả về nhà họ Tướng, ông nội của Tướng Giới Thạch qua đời. Cụ đã là một cụ già 81 tuổi, thực tại mà nói chết cũng chẳng đáng tiếc nữa. Vấn đề là ở chỗ việc mở đầu này đã mở ra một thế khó có thể chấm dứt được. Năm thứ hai ông nội của Tướng Giới Thạch qua đời, cha của Tướng Giới Thạch cũng buông tay mà đi. Tiếp theo đó là em gái thứ hai là Thụy Cúc, em út Thụy Thanh của Tướng Giới Thạch, về sau là bà mẹ đẻ của vương Thái Ngọc. Thật là một tình thế không thể cứu vãn được. vương Thái Ngọc với người con trai của bà trước sống với nhau chẳng mấy tốt lành, không thể không chia tài sản để ra ở riêng. Đúng như lời Tướng Giới Thạch đã nói: “Cảnh nhà sa sút, họa hoạn nổi tiếng, tiền từ đâu buồn chịu khổ, thảm trạng thật là ghê gớm”. Trong tình hình vương Thái Ngọc phải chịu đựng những đòn đả kích nặng nề liên tiếp, bà chỉ có thể ký thác thân thể và tâm hồn vào hai sự việc: Một là bồi dưỡng Tướng Giới Thạch lớn lên thành người. Hai là cầu xin chủ thiên bồ tát không b giáng tai họa lên à nữa. Lẽ đương nhiên việc thứ hai này phục vụ cho việc thứ nhất. Cho nên từ đó về sau, bà vương Thái Ngọc không thể nào rời xa thanh đàn Phật quyền được. May mà bà cũng được học thông văn chữ có thể tụng đọc được “Lăng nghiêm kinh”, “Kim Cong kinh” v.v.. Đây là sự ký thác về mặt tinh thần rất quan trọng.

Đối với nguyên nhân Mao Phúc Mai cũng trở thành một tín đồ cuồng tín của đạo Phật, ngoài việc chịu ảnh hưởng của bà mẹ vương Thái Ngọc ra, chủ yếu e rằng xuất phát từ sự bi thảm và tự mình cầu tìm lấy sự giải thoát tinh thần đối với vận mệnh của mình, có lẽ còn có sự lo lắng buồn phiền đối với vận mệnh

của Tường Giới Thạch và cha con Tường Kinh Quốc. Mao Phú Mai xuất thân từ một gia đình trung lưu chẳng phải lo lắng gì về cơm ăn áo mặc. Năm 1901 lúc đó 19 tuổi bà kết hôn với Tường Giới Thạch. Từ tình hình kinh tế của hai gia đình lúc đó mà xét, nhà họ Tường mẹ góa con cô, chỉ có ba chục mẫu ruộng và ba chục mẫu núi trúc; đồng thời đã có hai con trai hai con gái mở hàng cơm hàng thịt ở Ninh Ba, nhà họ Mao so sánh với nhà họ Tường đã không có sự thua kém. Mao Phú Mai về nhà họ Tường ít nhiều cũng có chút cúi mình bái phục phải lấy người kém nước. Thế nhưng bà không hề vì thế mà được sự an ủi nhiều hơn. Trước tiên là Tường Giới Thạch còn nhỏ, cha từng trải, ngu dốt bóng bĩnh đã thành nếp. Hai năm sau Tường tới Ninh Ba dự thi lúc trở về đã là thanh niên trào lưu mới, lập chí phải làm một số việc trong cuộc biến đổi với xã hội cực kỳ to lớn sắp sửa xảy ra, Tường đã không lưu luyến gia đình, càng chẳng yêu chiều người vợ. Mao Phú Mai với đầy bụng nước đắng khổ sở chẳng có nơi nào chia sẻ, chỉ còn cách học theo cách của mẹ chồng, ngày ngày cầu nguyện trước phật Quan âm Bồ Tát, cầu Bồ Tát phù hộ cho chồng mình áo gấm về quê, cầu cho mình được sống với chồng qua những ngày toi đẹp. Thế nhưng, sau đó không lâu, Tường Giới Thạch vượt biển Đông qua Nhật. Sau đó, tham gia cách mạng Tân Hợi; Sau đó bị chính phủ quân phiệt Bắc Dương truy bắt, bị lưu lại một lần nữa phải ra nước ngoài. Cuộc sống ở nơi quê thôn hương đã, Mao thì luôn luôn bị cuộc bôn ba của chồng kích động, rất ít khi được yên ổn, chỉ có một điều được an ủi duy nhất ấy là bà đã đẻ ra Kinh Quốc. Tức thì ở trước mặt Bồ Tát, ngoài việc cầu nguyện cho chồng, bà đã dành hầu hết thời gian cầu nguyện cho con. Tới khi Tường Giới Thạch tiếp nhận Diêu Di Thành, tiếp nhận Trần Khiết Nh, thậm chí về sau lại kết hôn với Tống Mỹ Linh, con trai Kinh Quốc lại bị đưa đi nước ngoài. Bà Mao Phú Mai không còn đủ sức lực để chồng đỡ với các loại biến cố nữa, chỉ còn cách nhang đèn hương nến, tụng niệm kinh quyền, chẳng khác gì với bà mẹ chồng năm xa cả.

ở trong tiết này còn một vấn đề nữa, những người ở trong gia đình Tường Giới Thạch có rất nhiều người tin thờ đạo Phật, trái lại, bản thân Tường lại là một tín đồ đạo Cơ Đốc. Phải chăng là ông không tin Phật? Kỳ thực Tường Giới Thạch chỉ vì một nguyên nhân như mọi người đều đã biết nói quy y Ki Tô (đạo Cơ Đốc). Sau khi ông trở thành tín đồ đạo Cơ Đốc rồi, ông không hề ruồng rẫy vứt bỏ đạo phật của mẹ ông, thậm chí kể cả tạp giáo, tà giáo trong dân gian. Làm sao biết được? Trong bài viết “Tường Giới Thạch ở Khê Khẩu” của Trương Minh Cảo đã từng làm thầy dạy Tường Giới Thạch về sau lại đi theo Tường Giới Thạch trong nhiều năm, ông nói: Căn cứ vào tình hình trong nhiều năm nay mà xét, mỗi lần gặp phải thời cuộc biến động Tường Giới Thạch cần phải “dùng quyết sách để ứng phó, liền về nhà sông ở nghĩa trang, hoặc chùa Tuyết Đậu, Diêu Cao Đài, ông tuyệt đối không du sơn văn thủy, mà là yên lặng cầu nguyện tiên tổ và thần minh phù hộ, hoặc bàn mu tính kế bí mật với những người thân tín, coi nơi đây là trụ sở quyết sách ở Lũng trung”. Khi Tường Giới Thạch trú tạm ở Diêu Cao Đài, đầu bên trái biệt thự của ông là mộ của hòa thượng Thạch Kỳ chủ trì chùa Tuyết Đậu. Mỗi lần Tường đến, theo thường lệ trước hết phải tới vái lạy phần mộ của hào thượng rồi mới vào trong nghỉ. Tháng 1 năm 1949, sau khi Tường Giới Thạch từ chức lần thứ ba về tới Khê Khẩu, lúc này, ba chiến dịch lớn đã kết thúc thắng lợi, quân giải phóng đang chuẩn bị vượt qua Trường Giang, vương triều họ Tưởng sắp sửa bị tiêu diệt, Tường Giới Thạch tinh thần hoảng hốt, vào một ngày sau tiết xuân ông đã tới miếu Vũ Sơn ở Khê Khẩu. Miếu Vũ Sơn ở trên thị trấn Khê Khẩu, trên cửa miếu có vẽ hai bức tượng môn thần Uất Trì Kính Đức và Tàn Thúc Bảo, vào trong cửa miếu là một chiếc sân có tường bao quanh, có một chiếc sân khấu, lại bước vào bên trong mới là đại diện, lẽ dĩ nhiên là ở trong đó cúng Bồ Tát. Tường Giới Thạch bước vào đại diện, tự mình đốt hương thấp nến, trong tâm yên lặng cầu nguyện, sau đó bưng ống quẻ đặt trên án hương, xúc xúc mấy cái, rồi rút ra một thẻ. Tường Giới Thạch cầm lên xem, bên trên viết hai chữ “Trung hạ”. Tường liền có chút lo lắng, liền ra lệnh cho tên lính thị vệ tìm sư chủ trì trao giấy thẻ. Sư chủ trì rút ra một tờ giấy đưa cho lính thị vệ, trên đó viết mấy chữ đại ý “thất Kinh Châu, Quan Công tẩu Mạnh Thành”, Lính thị vệ vừa nhìn thấy là nghiêm trọng tỏ ý sư chủ trì rút lại một tờ khác đưa cho Tường Giới Thạch. Tường mở ra xem, bên trên viết “khôn cư Trường Bản pha, thất hãm lạc Phụng Ba”, chú thích ở dưới là: “Xuất quân không được, vợ chết mất đôi, lùi sớm tìm đường”. Tường Giới Thạch xem xong, không kìm nổi chau mày nhăn mặt. Tên thị vệ vội nói:

- Loại sự việc như thế này, không tin Tường được.

Tường Giới Thạch nghiêm giọng nói:

- Không được phép nói bừa ! Bồ Tát ở miếu Vũ Sơn rất linh đó !

Báo chí Đài Loan, hương Cảng đã từng đăng tải một đoạn dật văn lịch sử, nói rằng tháng 10 năm 1949, Tướng Giới Thạch dẫn tùy tùng lên núi A lý với danh nghĩa là “tỵ thủ” (tránh nóng) để quan sát một cây “thần mộc” cây đó có vòng xung quanh thân hơn hai chục mét, cao quá hai chục tầng lầu, nghe nói đã mọc được trên ba ngàn năm. Lúc đó Cốc Chính Luân nịnh hót nói:

- Nguyễn cho Tổng thống thọ tựa thần mộc, vạn niên trường thọ.

Tướng Giới Thạch trái lại, cảm khác sâu sắc nói:

- Tuổi thọ của con người so sánh với tuổi thọ của Thần thụ quả thực là quá cấp bách vội vã !

Từ các điều kể trên có thể nhìn thấy, nếu nói Tướng Giới Thạch sau khi quy y Jêsu đã biến thành một tín đồ Cơ Đốc, thế thì ông Tướng đồng thời cũng còn là một tín đồ phật giáo, một tín đồ thần giáo nữa. Và như vậy thì, trong trái tim ông, chủ yếu là Jêsu hay là Phật tổ hoặc là cái gì khác, liền đã trở thành một vấn đề lý thú đồng thời cũng là một vấn đề khó có thể giải đáp được.

7. Một người cha khác của Tướng Kinh Quốc

Mặc dù trên lịch sử đã từng có người hoài nghi Tướng Giới Thạch có phải là cha đẻ của Tướng Kinh Quốc hay không. Thế nhưng đây đã là một vấn đề được rõ ràng bắt tất phải thảo luận lại nữa. Thế nhưng lại có một vấn đề có liên quan tới vấn đề này đòi hỏi phải được nghiên cứu thêm. Đó chính là Tướng Kinh Quốc ngoài cha đẻ của mình ra còn có một người cha khác nữa. người cha khác nữa ấy chính là em trai Tướng Thụy Thanh của Tướng Giới Thạch. Tướng Thụy Thanh tên gia phổ là Chu Truyền sinh năm 1895 mất năm 1899. Chỉ sống được bốn năm, thế nhưng Tướng Thụy Thanh đã trở thành một người cha khác của Tướng Kinh Quốc. Công việc “cho làm con thừa kế” này được tiến hành theo ý chỉ của Tướng mẫu vương Thái Ngọc.

Tại sao vương Thái Ngọc lại để cho cháu trưởng của mình làm con của người con nhỏ đã chết sớm, do vậy đã khiến cho Tướng Kinh Quốc có một người cha khác. Có lẽ chúng ta sẽ có thể tìm được câu trả lời trong “lời truy điệu Thụy Thanh người em đã mất” do Tướng Giới Thạch viết. Tướng Giới Thạch viết rằng: “Em tôi mất sớm, tôi mới chỉ 11 tuổi. Việc để tang cha tôi còn chưa đoạn, mẹ tôi đang đón đau vì cái chết của cha tôi, những tháng ngày thăm đạm đang bùng cháy sục sôi (Cha Tướng mất cha đây ba năm - người dẫn chú thích). Từ khi em tôi qua đời, mẹ tôi đón đau khóc lóc như dùi chích vào tim, bị phần thành ốm nặng. Kể từ khi em tôi chết yểu, gia đình tôi như sụp đổ chia lìa, không lúc nào được yên ổn đã hơn mấy chục năm nay. Riêng tôi lại càng cô đơn đau khổ, thê thảm lạnh lùng, vui cời gong gao, lòng nặng trĩu đã hơn chục năm nay. Phàm những đón đau này đều do cái chết yểu của em tôi dẫn tới. Em tôi nào đâu biết được ? Em tôi làm sao biết được ? Ô hô ! Quan hệ của em tôi đối với gia đình tôi quan trọng và to lớn như vậy, còn như cái chết cũng là do mệnh mà thôi. Mỗi khi nhắc lại việc của hai mươi năm trước tôi thực sự chẳng muốn ngoảnh lại ngắm nhìn. Lúc đó tôi và em tôi, ngồi sát vai nhau, tôi thấy dung nhan của em hiền từ và xinh đẹp, tính tình của em tính lặng và dịu dàng. em tôi và tôi dắt tay nhau cùng đi, chỉ thấy em tôi thanh thoát nhanh nhẹn, cử chỉ chẳng khác gì người lớn. Tôi cùng em tôi cời nói dạo chơi, thấy em tôi nói hay hát khéo, tự thái dị kỳ, tuy là những lời nói của trẻ con mà chẳng muốn xa lìa, anh vẫn nhìn thấy em mãi về sau vậy ! Nhìn thấy em lớn lên, cung kính giữ lễ, thân mật mà không nghịch ngợm, thật quá mến thương ! Nghe thấy tiếng mẹ khóc cha, tôi chạy nhanh tới cạnh người, khéo léo nói với mẹ: “Mẹ ơi thôi đừng buồn, mẹ khóc thì con lại muốn khóc theo”. Mẹ nghe tôi nói, nỗi buồn cũng bớt dần đi. Học xong tôi tốt nghiệp trở về, em tôi vẫn ngoan ngoãn ở bên cạnh, dường như đã giải bớt nỗi sầu cho mẹ, theo ý bề trên, tôi tự thẹn rằng mình chẳng kịp. Em tôi bị ốm, chỉ là cảm mạo lúc đầu, rồi về sau ho nặng, lúc lên lúc xuống, lúc nặng lúc nhẹ, kéo dài không khỏi, ớc độ hai tuần. Lúc đầu không nguy kịch, y như sắp khỏi. Nếu như ông trời không đẩy tôi vào nghịch cảnh thì em tôi đã không chết sớm, nay đã chết rồi, đó chẳng phải là mệnh của tôi đó sao? Một hôm bệnh của em tôi hơi thuyên giảm, bỗng vọt chạy ra, chờ sẵn ở cửa, nhìn thấy anh tôi cời ra đón. Lúc này sắc mặt của em tôi xanh xao, thân hình tiêu tụy, tôi đã kinh ngạc vô cùng. Từ đó trở đi em đã không được cùng tôi đi chơi nữa. Vào cái đêm em tôi

ôm nặng, ngọn đèn lạnh lùng tỏa bóng cô đơn, thê lương bội phần. Mẹ tôi đau buồn khóc lóc. Em tôi nắm chặt tay mẹ tôi lau nước mắt cho mẹ mà nói:

- Mẹ ơi, con không có bệnh gì đâu, tất con sẽ khỏi mẹ chớ có quá đau buồn. Quá đau buồn mẹ sẽ ốm đó.

Mẹ tôi thấy khi em ôm chẳng ngủ được mấy ngày đêm liền. Em tôi lại an ủi mẹ tôi, nói:

- Mẹ mệt lắm rồi, xin mẹ hãy ngủ đi, đừng lo buồn gì nữa.

Lời an ủi của em tôi đối với mẹ tôi là như vậy đó. Đến bây giờ mẹ tôi vẫn còn nuốt nước mắt kể lại như vậy đó ! Ô hô ! Những lời nói của em tôi đã an ủi mẹ tôi, lấy điều chẳng vui khiến mẹ tôi đau đớn. Ai có thể biết được nó càng khiến cho mẹ tôi không thể không đau đớn càng khiến cho nỗi đau đớn của mẹ tôi sinh ra mà không thể tan biến đi được. Điều này có lẽ là phát sinh ra bởi tự tính của trời chứ chẳng phải là của con người đó vậy! “

“Lời truy điệu” của Tưởng Giới Thạch đã nói rõ Tưởng Thụy Khanh là một đứa trẻ khiến cho mọi người thương yêu, hoàn toàn khác với Tưởng Giới Thạch lúc còn nhỏ. Trong “Tiên từ vương Thái phu nhân sự lược ” Tưởng Giới Thạch nói: “Trung Chính lúc nhỏ nhiều bệnh tật hơn thể thường nguy kịch. Vừa khỏi đã thích tung tăng chạy nhảy, phạm các vết thương do thủy hỏa đao gây gặp hại không chỉ một lần. Điều này đã làm cho mẹ hiền phải lo lắng gấp bội. Năm lên 6 tuổi đi học, quá ngang tàng bóng bĩnh, thể mà tiên từ vẫn dạy bảo không biết mệt mỏi, quanh năm xuân hạ, chẳng lúc nào ngơi”

Trong bài viết “Đối với việc cải chính và bổ sung của bài “Tưởng Giới Thạch ở Khê Khẩu” Hà Quốc Thao nói: “Từ nhỏ Tưởng Giới Thạch đã ngang bóng thành nét, Thụy Thanh thì ôn tồn tao nhã, giỏi lực theo ý của người, được Tưởng mẫu vương Thái Ngọc vô cùng quý mến. Vì vậy, Thụy Khanh chết yếu, Tưởng mẫu đón đau muốn tuyệt vọng, đã sắp xếp chôn cất Thụy Khanh như một người lớn bên cạnh mộ Tưởng Triệu Thông ở Đào Khanh”.Đại đế là do vì Tưởng mẫu vương Thái Ngọc rất yêu quý người con nhỏ của mình, mới sáu năm sau khi Thụy Thanh mất, đã bắt buộc lệnh cho Tưởng Giới Thạch đem con trai Kinh Quốc lấy danh nghĩa làm con thừa kế của Thụy Khanh. Lúc đó Tưởng Thụy Khanh đã có hai mươi năm tuổi thọ âm phủ, Tưởng Kinh Quốc mới lên chín tuổi. Thế nhưng Tưởng Thụy Khanh chết yếu từ năm còn bé, khi sống còn cha có vợ, ngày nay làm sao lại có thể có con? Tức thì, với sự thao diễn điều khiển của Tưởng mẫu, bịa lập cho Thụy Khanh một cuộc hôn nhân âm phủ. Với sự sắp đặt như vậy, Tưởng Kinh Quốc không những đã có một người cha khác mà còn có một người mẹ khác nữa.

Đối với sự việc này, trong “Lời truy điệu Thụy Khanh người em đã mất” Tưởng Giới Thạch viết:”Ngày em trai tôi qua đời, mẹ tôi đã chôn cất em như một người lớn, tuổi kỷ vị, mẹ tôi đã phối với vương thị nữ để hợp táng, hơn thế cũng đã lập tự cho nó, để đánh dấu cho khỏi quên. Ngày nay tôi đã có hai con, sau khi mẹ tôi ra lệnh cho tôi đem Kinh Quốc làm con thừa tự em tôi, thế rồi người em chết yếu theo tộc quy của nhà tôi, không thể truyền được. Tới lúc này tôi đã không thể phá bỏ được tộc quy để nhận lấy sự chứng thực của mọi người, mà lại không nỡ chống lại lệnh của mẹ, để làm tổn thương đến tình cốt nhục, không làm khác được, tôi vẫn phải để con cả Kinh Quốc làm con thừa tự của em tôi. Hơn thế đã dùng lời nói này để ghi chép vào tộc phổ, biểu hiện ở trên bia mộ. Cho rằng em tôi là một sợi dây nối liền, đời đời con cháu, đọc những dòng văn này sẽ biết được nỗi khổ tâm của mẹ tôi và tôi tới nay vẫn còn yêu quý con tôi và em tôi tới mức nào”.Từ đoạn văn trên đây có thể nhìn thấy, đem Tưởng Kinh Quốc làm con thừa kế của người em, Tưởng Giới Thạch đã như người hóc phải xương cá. Vì Tưởng Vĩ Quốc lúc này tuổi mới hơn ba, thế nhưng cuối cùng đã không phải là ruột thịt của mình nữa. Thế nhưng lời nói thực này lại không tiện nói ra với mẹ, do đó cũng đành phải ngậm đắng nuốt cay. Thế nhưng Tưởng mẫu vì quá yêu thương người con nhỏ Tưởng Thụy Khanh chứ cũng chẳng muốn bắt Tưởng Kinh Quốc đi làm con thừa kế, Tưởng Giới Thạch đành phải viết một bài “Lời truy điệu” để trút bỏ nỗi khổ sở cay đắng mà thôi. Nói như vậy thì, Tưởng mẫu thực ra không hoài nghi lai lịch của Tưởng Vĩ Quốc, độc lòng tin thực sự nó là con trai của Tưởng Giới Thạch. Vậy thì Tưởng Kinh Quốc đã đối xử như thế nào về mối quan hệ bị thừa nhận là con thừa kế của mình? Căn cứ vào những điều được biết Kinh Quốc vẫn gọi Tưởng Giới Thạch là cha, đối với Mao Phúc Mai thì gọi là mẹ, gọi Tống Mỹ Linh là mẹ, đại đế là coi như không có cái chuyện là mình có một người cha khác nữa.

8. người con gái của Tưởng Giới Thạch mà ít ai biết đến.

Tưởng Giới Thạch có hai người con trai, đó là điều mà cứ ai cũng đều biết cả. Mặc dù đối với lai lịch của hai người này đều có một số cách nói, thế nhưng trong tông phổ họ Tưởng, trong bản thảo truyện ký lịch sử của các nhà sử học, Tưởng Kinh Quốc và Tưởng Vĩ Quốc đều là con trai của Tưởng Giới Thạch, đều là người nối dõi cho gia đình họ Tưởng. Còn một người con gái khác, vốn cũng phải là người nối dõi của gia đình họ Tưởng, cũng cần phải có “địa vị” và “vinh dự” như nhau, thế nhưng do vì những sai sót bất ngờ, cũng còn do sự lựa chọn cân nhắc của con người, người con gái ấy cuối cùng đã phải viết bỏ loại “địa vị” và “vinh dự” này đi, từ chỗ danh môn quyền quý biến thành một người bình dân. Thế nhưng người con gái đó đích xác đã là con gái của Tưởng Giới Thạch, một người con gái mà ít ai biết đến của Tưởng Giới Thạch người con gái ấy chính là Tưởng Dao Quang ngày trước và Trần Dao Quang sau này. Nói tới người con gái này của Tưởng Giới Thạch cần phải nhắc tới đệ tam phu nhân Trần Khiết như của Tưởng Giới Thạch, về những điều ân ân oán oán giữa Tưởng Trần cuối sách này sẽ có riêng một chương tiết tường thuật tỉ mỉ ở đây chỉ trao đổi những vấn đề có liên quan tới người con gái này của Tưởng Giới Thạch mà thôi.

Tưởng Giới Thạch bắt đầu được phát lên từ sau sự biến Trần Quýnh Minh năm 1922. Trước đó trong một thời gian rất dài, Tưởng che dấu tung tích giang hồ ở thượng Hải, hội họp với Ngu Hiệp Khanh, Trương Tĩnh Giang v.v.. làm người mách mối cho sở giao dịch cô phiếu, cuộc sống rất lãng mạn. Chính trong thời gian này, Tưởng đã chung sống rồi kết hôn với Trần Khiết Nh. Năm 1924, Tưởng Giới Thạch nhận chức hiệu trưởng trường quân sự Hoàng Phố, Trần Khiết như đã theo Tưởng đi cùng, sống lâu dài ở Quảng Châu. Tính từ năm 1921, Trần Khiết như cùng chung sống với Tưởng Giới Thạch trở đi, lúc này đã được hơn ba năm, thế nhưng hai người vẫn chưa sinh ra được người con nào. Một hôm, Trần Khiết Nh tới y viện Bình Dân Quảng Châu gặp một sản phụ là người thân trong gia đình kiều dân, muốn đem cháu bé mới sinh này cho người khác. Trần Khiết như liền nói với Tưởng Giới Thạch, bà muốn xin đứa bé gái này về nuôi, Tưởng vui vẻ đồng ý. Có lẽ là Tưởng cảm thấy bản thân mình đã có hai người con trai, cũng nên phải có một người con gái. Có lẽ là Tưởng cho rằng bên cạnh Mao Phúc Mai có Tưởng Kinh Quốc, bên cạnh Diêu Di Thành đã có Tưởng Vĩ Quốc, dẫu gôi Trần Khiết như cũng phải có con mới tốt. Trần Khiết như ôm đứa bé gái ấy về nhà, đặt tên là Bôi Bôi. Tưởng Giới Thạch cảm thấy cái tên này quá tục nên đã đổi tên cho con gái là Tưởng Dao Quang. “Dao Quang” là tên của ngôi sao thứ bảy trong bảy ngôi sao Bắc đẩu, nó chứng tỏ rằng Tưởng Giới Thạch đã yêu quý và mong đợi đối với đứa con gái này.

Tháng 3 năm 1927, Tưởng Giới Thạch đã quyết tâm kết hôn với Tống Mỹ Linh, liền ra lệnh cho Đỗ Nguyệt Sinh sắp xếp cho Trần Khiết như sang Mỹ khảo sát, Tưởng Dao Quang được trao cho Trần mẫu nuôi dưỡng. Năm 1933 Trần Khiết như về nước, lúc này đã chính thức ly hôn với Tưởng Giới Thạch, liền đem đổi tên con gái thành Trần Dao Quang. Sau này, Trần Khiết như lại có một lần sang Mỹ nữa, bởi gia công nghiên cứu đã giành được học vị, suốt thời gian dài không về, Dao Quang vẫn được bà ngoại nuôi dưỡng dạy dỗ. Cuộc kháng chiến bùng nổ, Dao Quang vẫn chưa đầy hai mươi tuổi, đã lấy một người Triều Tiên mang họ An, đã sinh được hai người con trai. Thế nhưng An là một gián điệp Nhật Bản, sau khi cuộc kháng chiến thắng lợi hấn sợ tội, nên đã phải chạy trốn chui lủi, không biết đi về hướng nào. Dao Quang nuôi hai đứa con, cuộc sống vô cùng gian nan. Phu nhân của Hồ Tinh như thư ký chủ nhiệm đệ tam phương diện quân Quốc dân đảng là Chu An Kỳ vốn là bạn của Dao Quang, tỏ ra thông cảm sâu sắc với cảnh ngộ của Dao Quang, nên đã giới thiệu để Dao Quang kết hôn với Lục Cửu Chi, thiếu Tướng tham mưu quân đội kiêm Tổng biên tập Cải tạo nhật báo, về sau đã sinh được một con gái. Năm 1971, Trần Khiết như đã mắc bệnh qua đời ở Hồng Kông. Dao Quang được phép đem con về Hồng Kông chịu tang mẹ, từ đó định cư tại Hồng Kông.

Phần Thứ hai

Bí mật về hôn nhân và luyện ái

Có một bức tranh biếm họa vẽ người đàn ông và người đàn bà thành công. Bức tranh nói lên: ở đằng sau lưng một người đàn bà thành công chỉ có một cái bóng cô độc của mình, còn ở đằng sau lưng một người đàn ông thành công lại là một lũ người đàn bà, bao gồm cả người đàn bà đã bị ông ta bỏ rơi. Tường Giới Thạch là người thành công đó. Mặc dù sự nghiệp mà ông đeo đuổi đã thất bại, thế nhưng ông đã giành giật được quyền lực và của cải khổng lồ. Vậy thì ở đằng sau lưng Tường Giới Thạch có bao nhiêu người đàn bà?

1. Tường Giới Thạch với cô em họ ở bên bờ suối Viêm

Trong lịch sử hôn nhân và duyên ái của Tường Giới Thạch có một câu chuyện về tình duyên mà ít người biết tới. Tường Thụy Nguyên lúc còn niên thiếu, chẳng những cao hơn người một cái đầu trên mặt xử sự với người, hơn thế còn đi trước người một bước trên mặt “trao lư tình tứ”. Năm 1899, Tường Thụy Nguyên 13 tuổi, đã học tư mấy năm ở quê nhà, hiểu biết được một số lý lẽ, phát ra lời nguyện rằng sẽ đi học để tiến lên, cầu lấy công danh, nổi trội hơn người, để làm vẻ vang cho gia tộc. Nhìn thấy con trai có bước tiến dài như vậy, Tường mẫu vương Thái Ngọc vui mừng hiện ra nét mặt, liền đi tìm kiếm danh sư ở khắp nơi. Không lâu, vương thị hỏi thăm biết được danh sĩ huyện Thặng (tỉnh Triết giang) là Diêu Tông Nguyên mở trường dạy cho học trò ở Tổ Nguyên Đường thuộc thôn Cát Trúc nơi quê hương của mình, liền nhậm nhục khổ sở đưa con về quê để cầu học. Diêu Tông Nguyên là danh sĩ ở nơi đó, việc học có nền móng, dạy dỗ có phương pháp. Tường Thụy Nguyên được thầy chỉ bảo, chẳng bao lâu đã học xong “Thợng Th” rồi đến “Đường thi tam bách thủ”, trình độ học vấn có bước tiến dài. Thôn Cát Trúc là nơi non xanh nước biếc, phong cảnh tươi đẹp, trúc xanh rợp rúi.

Một hôm, Diêu tiên sinh lấy trúc làm đầu đề bắt Tường đọc bài. Tường Thụy Nguyên liền làm một vế đối vịnh trúc. Vế trên là: “Nhất vọng sơn đưa trúc” vế dưới là: “Năng sinh hạ nhật hàn”, (nghĩa là: Thoáng nhìn trúc rợp núi, Tỏa lạnh những ngày hè.) Diêu Tông Nguyên vô cùng hài lòng, nói với mọi người “Nếu giáo đồng có phương pháp, thì tiền đồ không thể có hạn lượng”.

Thế rồi, chẳng bao lâu tính ngang ngạnh của Tường Thụy Nguyên bộc lộ, bởi đùa nghịch với ngựa nên bị ngựa cắn thành thương, để rồi kết tụ thành một “huyết án”. Sang năm sau, vương thị không yên tâm để cho con đi học xa nhà, liền tìm được một vị giáo viên tư thực có danh tiếng để dạy cho Tường Thụy Nguyên ở thôn Du Lâm gần Khê Khẩu. Tức thì Tường Thụy Nguyên liền học được “Tả truyện” và “Kinh Dịch” ở Mao Phụng Mỹ. Kể từ khi Tường Thụy Nguyên tới Du Lâm học. Bà mẹ là vương Thị người ở Khê Khẩu, miệng đọc kinh Phật, trong lòng nhưng chỉ lo lắng cho đứa con trai bóng bính, chỉ sợ nó nhất thời bột phát nét cũ, lại gây ra sự việc gì rắc rối. Quả nhiên, chưa được bao lâu, những lời ông tiếng ve có liên quan tới Tường Thụy Nguyên từ thôn Nham Đầu gần thôn Du Lâm truyền tới: Có một đứa trẻ con 14 tuổi cứ nằng nặc đòi lấy cô em họ là Mao A Xuân làm vợ !

Vốn dĩ, Mao A Xuân là con gái của người em gái họ Tường Trại Phụng của Tường Triệu Thông, với Mao Phụng Dương ở thôn Nham Đầu sinh ra. Mao phụng Dương đã bị bệnh chết sớm, để lại mẹ góa con côi. Do vì luống tuổi chồng chết, cảnh nhà tàn lụi, Tường Trại Phụng thường đem A Xuân về Khê Khẩu cư trú. vương Thái Ngọc với cô em họ này cùng cảnh ngộ nên thương nhau, thường lại qua thăm hỏi, do đó Tường Thụy Nguyên có dịp được gặp mặt Mao A Xuân. A Xuân tính cách cởi mở, dung nhan xinh đẹp, tuổi cũng xấp xỉ với Thụy Nguyên. Hai người cùng chơi thanh mai trúc mã rất quyến luyến hòa vui. Sau khi Tường Thụy Nguyên tới thôn Du Lâm học tập, mỗi khi gặp ngày nghỉ, thường tới thôn Nham Đầu thăm bà cô họ, điều chủ yếu là để tìm A Xuân để đùa chơi. Lúc thoát đầu, Tường Trại Phụng nhìn thấy đứa cháu họ thường tới chơi, chứng tỏ rằng nhà đằng mình cũng có người học hành, nét mặt cũng vui vẻ, càng nhiệt tình khoản đãi. Ai biết được, một qua hai lại, trong lòng đôi trai gái trẻ con này, đã nhủ một mầm non thương yêu lẫn nhau. Tường Thụy Nguyên đã có tình ý với A Xuân, trong lúc trò chuyện không tránh khỏi để lộ ra những tình cảm si mê ngây dại. người anh họ của Tường mẫu vương thị là Trần Xuân Tuyền, có người cháu là Trần Viên Ly cùng học với Tường Thụy Nguyên, hai người cùng ngồi học một bàn, cùng ngủ một giường, cùng ăn một mâm, rất thân mật với nhau. Trần Viên Ly thấy Tường Thụy Nguyên lúc nào cũng nói tới A Xuân, kể tới A Xuân, tinh thần hoảng hốt, liền nói đùa rằng.

- Nè A Nguyên, chú đối với A Xuân tốt như vậy, thì cứ cói bég về làm vợ cho xong!

Tới lúc này Tường Thụy Nguyên chẳng còn giấu diếm, không những không tỏ ra chút nào e lệ thẹn thùng, trái lại đã nghiêm sắc mặt trả lời:

- Lấy vợ thì phải có người làm mối chứ, anh có thể làm mối được không?

Một câu hỏi làm cho Trần Viễn Ly không biết trả lời sao. Từ đó, tin đồn “Thụy Nguyên muốn lấy A Xuân làm vợ” đã không cánh mà bay...Thoạt nghe thấy lời đồng đại từ thôn Nham Đầu truyền tới, vương Thái Ngọc xấu hổ tới mức không có chỗ để chui xuống đất, bà nghĩ: Con trai mình đã bấy bọ như vậy, lại không cố gắng vương lên, chẳng phải là sẽ để cho họ hàng làng xóm chê cười sỉ nhục cho hay sao? Ngọc lại là bà mẹ của vương Thái Ngọc là Diêu thị tương đối thông suốt, bà cụ khuyên con gái dứt khoát tới nhà họ Mao đàm hỏi rồi cói lấy A Xuân về; như vậy, vừa có thể dập tắt được nghị luận ở bên ngoài, lại vừa có thể khoác lên đầu con ngựa rừng bé nhỏ bất kham này một cái rọ, quả thực là một việc tốt nhất cử lưỡng đắc.

Vương Thái Ngọc vừa nghe đã thấy mẹ nói có lí, bỗng chuyển giận thành vui, lập tức hành động ngay, gấp rút khua chuông gióng trống, chuẩn bị mối manh, trừ biện sính lễ, chọn ngày lành tháng tốt tới nhà Tường Trại phương ở Nham Đầu để ăn hỏi. Thế nhưng hành động đàm hỏi vợ cho con trai của phía nhà bà vương Thái Ngọc chỉ là công việc của một phía. Không lâu, người mối được vương thị sai tới Nham Đầu đàm hỏi đã uể oải, rệu rã trở về. Thì ra là Tường Trại phương mẹ góa con cô, sợ nhất là người ta đồn đại dị nghị con gái mình đã vụng trộm tư tình. Bà ta vừa nghe thấy Thụy Nguyên và A Xuân có chuyện như thế, liền hầm hầm tức giận, trước hết mắng nhiếc dạy dỗ con gái một hồi, bắt nó từ rày tuyệt đối không được phép tiếp cận với tên “khốn kiếp” ấy nữa. Sau đó bà ngồi chờ Tường Thụy Nguyên tới cửa, chuẩn bị chửi rửa làm cho tên “vô lại” nhục nhã một trận. May mà do những sai sót bất ngờ, Tường Thụy Nguyên không tới cửa, người lao đầu vào cửa lại là người mối do vương Thái Ngọc sai đến. Tường Trại Phụng đang bực tức đầy đầu bà không những từ chối thẳng thừng, còn nham hiểm nói với người mối:

- Bà ấy cũng thật là ác nghiệt! Đứa con vô lại chẳng chịu phần đầu vương lên như vậy mà chẳng chịu trông nom dạy dỗ, mà lại còn đi chiều theo ý nó tới cầu thân. Sau này nó biến thành đứa con phá gia có hối khóc cũng chẳng kịp. Dù cho tôi có mời đứa con gái, tôi cũng chẳng thêm gả cho loại ấy. Hãy để cho nó chết già đi !

Vương Thái Ngọc đàm hỏi chẳng thành, lại còn bị Tường Trại Phụng chửi rửa, trong lòng rất không yên. May mà bà là người tụng kinh niệm phật, vạn sự đều bắt đầu từ một chữ “nhẫn”, liền đem nỗi bực tức này nuốt sâu vào trong bụng, lặng lẽ phát ra lời thề nguyện: “Nhất định sẽ chọn một người con dâu xứng đáng cho con trai !” Đối với chàng thiếu niên Tường Thụy Nguyên mà nói tình yêu giữa chàng và A Xuân tuy đã vấp phải kết cục gây đánh đôi uyên ương hai đầu tan tác, thế nhưng đó chẳng qua chỉ là một mối tình thuần khiết, ấu trĩ, khờ dại lúc thiếu niên... Loại tình yêu chân thật, thuần khiết, thoáng nở thoáng tàn, chơi bời với nhau từ thuở bé thơ như thế này, e rằng không thể tìm thấy nữa trên con đường phát lên sau này của Tường Giới Thạch.

2. Ân ân oán oán của Tường Giới Thạch với nguyên phối phu nhân

Đối với cuộc sống hôn nhân cá nhân mà nói, Tường Giới Thạch đã là người bị hại trong các cuộc hôn nhân phong kiến kiểu cũ, ông lại là người gây hại trong các cuộc hôn nhân phong kiến. Cuộc tình ân ái giữa Tường Giới Thạch với người vợ kết tóc Mao Phú Mai đã tạo thành một thiên quan trọng trong những điều bí mật về hôn nhân và luyện ái của ông.

Năm 1901 dựa theo lệnh của mẹ và lời hẹn ước của bà mối, Tường Thụy Nguyên 14 tuổi đã lấy Mao Phúc Mai người thôn Nham Đầu cùng huyện làm vợ. Cô dâu mới, 19 tuổi lớn hơn chú rể tròn năm tuổi. Nữ lớn tuổi hơn nam, đó là phong tục rất phổ biến thời đó trong dân gian đã lưu truyền câu tục ngữ “Nữ đại tam, bao kim chuyên”, nghĩa là gái hơn ba coi như được cục vàng bằng hòn gạch. Thế nhưng, Tường Thụy Nguyên đối với việc đã được thông thục lần đầu “quả cấm” tự do luyện ái, thì trong đầu óc không làm sao

quên được hình bóng xinh đẹp dịu dàng kia của A Xuân. Cộng thêm vào đó là tính cách ngang ngạnh phóng túng, đã khiến cho Tường tuy đã trở thành chú rể nhưng trong lòng, thực sự chẳng vui vẻ chút nào. Đêm tân hôn, Tường Thụy Nguyên hoàn thành xong “Công sự” của cuộc hôn lễ theo tục lệ, liền quay ngoắt mình bước ra khỏi động phòng, vào ngủ ở trên giường của mẹ. Chẳng biết là vô tình hay hữu ý, vô luận hô gọi như thế nào Tường vẫn không tỉnh dậy. Tường mẫu không biết làm thế nào, đành phải sai người đem con nửa lồi nửa vác diu vào trong động phòng, đặt ngay ngắn ở trên chiếc giường mới. Một chàng rể mới mà suốt ngày vui vẻ nhộn nhịp, bây giờ đèn vui mắt cũng không mở được ra, lại tiếp tục ngáy khò khò. Giờ phút này cô dâu ở trong động phòng, đối mặt với rỗng phụng đuốc hoa, hình đơn bóng lẻ, tâm tình thâm lạnh lùng. Đêm hôm đó, nàng chỉ dõi theo tiếng trống cầm canh đơn điệu, Mao Phúc Mai tràn trề, giàn giụa những giọt nước mắt nóng hổi oan khuất vô hạn, và cứ thế ngồi chờ cho tới lúc gà trống cất tiếng gáy báo trời đã sáng.

Kỳ thực gia đình nhà Mao Phúc Mai, cũng là một gia đình giàu có ở thôn Nham Đầu. người cha là Mao Đình Hòa đã mở cửa hiệu “Tông Phong Nam hóa điểm”, nhân dân đều gọi ông là “ông chủ tông Phong”, là một thương nhân có quan niệm đạo đức phong kiến tương đối sâu. Trên vấn đề liên kết nhân duyên với nhà họ Tường, ông tin thờ nguyên tắc “Chọn thân không bằng chọn môi”, ông coi trọng hiền đức hậu đạo của Tường mẫu vương thị. Còn Mao Phúc Mai được từ trong một gia đình lễ giáo phong kiến này hun đúc ra, rất tuân thủ tín điều “Con gái không cần tài mà chỉ cần đức”. Tuy đối với tương lai của mình nàng ôm ấp một viễn cảnh đẹp tuyệt vời, thế nhưng đối với cuộc hôn nhân do cha mẹ làm chủ này, nàng vẫn phục tùng tuyệt đối mà chẳng thấy có chút gì bảo đảm. Tuy đã có sự gay go căng thẳng của đêm tân hôn, thế nhưng Mao Phúc Mai khoan dung nhân hậu, vẫn nuốt hết nước đắng oan khuất vào trong bụng, gánh vác lấy những công việc phức tạp, thờ phụng chồng, kính yêu mẹ chồng. Trong mấy năm đầu sau lễ cưới, mối quan hệ giữa hai vợ chồng còn tạm được. Điều đó, một mặt là Mao Phúc Mai tuân theo đạo tam tòng tứ đức, đối với chồng tuyệt đối vâng lời, hầu hạ người chồng trẻ con tính nết cực kỳ ương bướng, được hài lòng mãn ý. Mặt khác, Tường còn cha đi ra ngoài giang hồ đây đó, tầm mắt cha được mở rộng, cho nên có thể bằng lòng với hiện trạng.

Năm 1905 Tường Giới Thạch tới tư đường họ Trần ở phố Văn xương Ninh Ba. Mao Phúc Mai tuân theo lệnh mẹ đi theo giúp chồng học hành, chăm sóc cuộc sống cho chồng. Trong giai đoạn này, cảm tình của Tường đối với Mao tương đối tốt, thuê một bà chuyên để cho Mao thị sai bảo, lại mời em gái của bạn học Lâm Thiệu Khảo là Lâm Thụy Liên dạy Mao Phúc Mai học chữ, để mở rộng hiểu biết. Thế nhưng thời gian “trăng mật” này của hai người rất ngắn tổng cộng chỉ có sáu bảy tháng, Tường liền đưa Mao thị trở về Khê Khẩu. Vốn là lúc học tập ở Ninh Ba, Tường đã nghe theo kiến nghị “Thanh niên muốn thành đạt đổi mới, phải xuất Dương du học ở nước ngoài” của giáo sư Cổ Thành Liêm, chuẩn bị ra nước ngoài học tập, liền đưa Mao Phúc Mai trở về quê cũ. Từ đó về sau, Tường Giới Thạch đi thi đỗ vào Học đường Võ bị Triết Giang, lại vào trường quân đội Bảo Định, lại chuyển sang Nhật Bản du học. Bôn tẩu ở trong nước và ngoài nước, những ngày về Khê Khẩu chỉ tính được trên đầu ngón tay. Lại cộng thêm những Đông Dương Mỹ nữ ở Nhật Bản đã rút hết hồn phách, đã khiến cho mối quan hệ giữa Tường và Mao tình cảm vốn đã rất miễn cưỡng nay đã mau chóng phai nhạt. Tường mẫu vương thị lấy người vợ có số tuổi lớn hơn một chút cho con trai, sớm có ý niệm khao khát là được có cháu bé. Chẳng ngờ, hai người kết hôn đã nhiều năm, không thấy sinh nở, chẳng tránh được có chút sốt ruột. Về sau, cuối cùng thì Mao Phúc Mai cũng đã có thai, Vợ thị sung sướng hiện ra trên nét mặt, chăm sóc nàng rất chu đáo. Lúc đó Tường lưu học ở Nhật Bản, về nhà nghỉ hè. Giờ phút này, Tường Giới Thạch đã được uống qua mực Tây, bỗng trở nên coi thường người vợ béo cảm Mao Phúc Mai này. Giữa hai vợ chồng vì một chuyện nhỏ mà cũng cãi lộn. Tường Giới Thạch đã dùng bàn chân mang giày da đá vào bụng của vợ. Lúc đó, Mao thị đã có thai được mấy tháng rồi, sau khi bị đá nàng đón đau vô hạn, nằm liệt ở trên giường. Sai khi vương thị biết tin, vội vã chạy tới, rồi mời bác sĩ tới chuẩn trị. Thế nhưng, tất cả đều đã muộn. Ngay đêm đó, Mao Phúc Mai đã sảy thai. Sau khi được tin con dâu sảy thai, vương thị khóc lóc dạy con, vừa khóc vừa kể tới lịch sử đón đau của gia đình, quở trách con với đạo lý “bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại” (Có 3 tội bất hiếu, không có con là tội lớn nhất).

Mùa hè năm 1909, Tường Giới Thạch từ Nhật Bản về nước nghỉ, chỉ ở thượng Hải, không chịu về quê nhà. Tường mẫu vương thị khao khát có cháu bé, bà đã đích thân đưa con dâu tới Hộ (Thượng Hải). Để xúc tiến cho vợ chồng hòa hợp, bà cụ đã khóc lóc đón đau dạy con, chỉ xuýt nữa thì đã tới mức bà cụ

nhảy xuống sông Hoàng phố. Bà mẹ già đã lấy cái chết để khuyên nhủ, Tường Giới Thạch đã phải quỳ xuống đất xin tha tội cho và đã phát ra lời thề từ nay sẽ không cãi nhau với vợ nữa. Tới lúc này vương thị mới yên tâm trở về Khê Khẩu. Chẳng thể ngờ được trái tim đau khổ của Tường mẫu thực sự đã có báo ứng tốt lành. Sự chung sống trong một thời gian ngắn giữa Mao Phúc Mai với Tường Giới Thạch, cuối cùng đã khiến cho Mao có thai một lần nữa. Sang năm sau, Mao Phúc Mai đã sinh ra một cậu con trai, tên tục là Kiến Phong, tên gia phổ là Kinh Quốc. Mao thị lấy chồng được mười năm, 28 tuổi được con. Vương Thị 46 tuổi được cháu, hương hỏa cả nhà họ Tường đã có người nối dõi, cả hai mẹ con đều vui vẻ lạ thường. Tường Giới Thạch lần đầu tiên được làm cha, thế nhưng không vì việc đưa con ra đời mà có thể buộc chặt được tình cảm với người vợ kết tóc đò. Cộng thêm vốn tính từ nhỏ đã là một gã trai lơ, đi qua Đông Dương, nhìn nhiều chuyện lạ, cho nên về căn bản đã không để Mao Phúc Mai, người đàn bà lớn hơn mình năm tuổi lại chẳng phải là giai nhân lộng lẫy này vào trong con mắt.

Từ sau năm 1911, Tường Giới Thạch thường xuyên sống ở thượng Hải, ăn chơi đàn diêm, rợ chè đi bợm, say đắm cảnh xa hoa với bọn người như Trương Tình Giang, Đới Quý Đào v.v... Chẳng bao lâu sau Tường đã lấy Diêu Di Thành xuất thân từ thân phận vú em làm thứ thất (thiếp). Từ đó Mao Phúc Mai đã trở thành rắc rối, rách việc. Thế nhưng sợ oai nghiêm của mẹ, Tường còn không thể không biểu hiện duy trì hình thức vợ chồng ở ngoài mặt. Mao Phúc Mai nhìn thấy tình cảm của chồng đối với mình ngày càng nhạt nhẽo mỏng manh, trong lòng vô cùng buồn nản. Thế nhưng, đối với một người phụ nữ chân nhỏ yếu đuối kh kh giữ lễ giáo phong kiến như vậy, đối mặt với số phận thê thảm như vậy, ngoài việc thuận chịu nghịch cảnh ra thì còn có cách gì. May mà nàng đã sinh ra một đứa con trai, nó sẽ kế thừa hương hỏa nhà họ Tường, mai sau mẹ sẽ lấy con làm giúp, có thể giữ được một chỗ ngồi ở trong nhà họ Tường. Tức thì, Mao thị càng tận tâm gắng sức chăm sóc con trai dốc hết lòng hầu hạ mẹ chồng, suốt ngày ăn chay niệm phật, để trôi theo thời gian.

Năm 1912, bởi Tường Giới Thạch tham gia vụ án mưu sát Đào Thành chương, phải chạy sang Nhật Bản trốn tránh. Cuối năm ấy phong thanh vụ án họ Đào đã qua, Tường mặc com lê đi giày da, hãnh diện trở về quê, hơn thế còn đem theo về một thiếu phụ trẻ trung xinh đẹp như hoa tựa ngọc đó là Diêu Di Thành. Tin tức truyền tới, dân chúng trên đường phố ở Khê Khẩu đều chẳng hẹn mà cũng đổ dồn ánh mắt chĩa vào nhà họ Tường, cho rằng phòng Phong Cảo sẽ nổi sóng dữ trong biển ghen. Ai ngờ đã chẳng xảy ra như vậy. Mao Phúc Mai đã nắm tay Diêu Di Thành hỏi chuyện rồi rít, rất thân mật. Thái độ của Mao thị khiến cho bà con dân phố ngó người ra. Một người phụ nữ khoan hồng độ lượng tới mức như vậy ai đã từng nhìn thấy? người chồng đã lấy vợ lẽ đem về, nàng chẳng những không giận mà còn tương kính tương thân như chị em. Khỏi phải nói tới những người bên cạnh ngõ ngàng, mà ngay cả đến người chồng cũng phải ngấm ngấm bái phục sự độ lượng nhã nhặn của người vợ. Ngay từ lúc quyết định đem người vợ lẽ về làng, Tường Giới Thạch đã phải chuẩn bị tư Tường cam chịu sự trách móc. Chẳng ngờ được Mao thị không những không ghen tuông mà còn sẵn lòng tha thứ trước, trong lòng Tường Giới Thạch bỗng chốc đã trào dâng đầy sự cảm kích. Kỳ thực, sự nhẫn nại, nhợng bộ và tha thứ của Mao Phúc Mai, chỉ là một phía của sự việc. Về một mặt khác, đương nhiên là nàng biết rõ tính cách của người chồng mang biệt hiệu là “vô lại” kia, cãi cọ với chồng cũng chẳng đem lại thú vị gì, chỉ bằng cứ thuận nước đẩy thuyền, để cầu lấy sự cùng yên ổn cùng vô sự. Sự thông minh và độ lượng của Mao thị, đã khiến cho mối quan hệ giữa nàng và chồng gay go mâu thuẫn, không những không vì sự xuất hiện của Diêu Di Thành mà bị phá vỡ, ngược trở lại còn được cải thiện thêm.

Tháng 6 năm 1921, Tường mẫu vương thị qua đời. Trục cột tinh thần để cho Mao Phúc Mai nương tựa nhờ cậy đã bị sụp đổ. Nàng biết rõ, từ đây về sau trên quan hệ hôn nhân sẽ không thể có người nào đem lại sự công bằng cho nàng được nữa. Nàng khoác áo cộc, đội khăn hiếu, đứng giữ trước kinh cữu, sa vào trong vực sâu đau khổ. Quả nhiên, vận rủi ro đã đến rất nhanh. Một đêm sau khi hoàn thành xong tang lễ vương thị, Tường Giới Thạch, ngồi ngay ngắn ở trong Phật đường trước khi mẹ còn sống, gọi Mao Phúc Mai, Diêu Di Thành (có chỗ viết là Diêu Di Thành) tới, nước mắt ròng ròng tuyên bố với họ một tờ giấy bỏ vợ: “Tôi chôn cất mẹ đã xong, một việc đại sự trong đời của người con đã hết, từ nay có thể một lòng dốc sức cho cách mạng, chẳng còn điều gì ràng buộc khác nữa. Nay tôi và mẹ con nàng sẽ li dị, việc sinh tử thành bại của tôi về sau, gia đình tự sẽ không còn liên lụy gì đến tôi nữa...”[5] Thoạt nghe tới hai chữ “li dị”, một âm thanh bùng nổ trong tai Mao Phúc Mai, Tường chừng như những đợt sấm vang. Nàng tuy đã có dự cảm từ lâu, thế nhưng chẳng thể ngờ được người chồng tuyệt tình lại hành động nhanh đến như vậy

được. Lúc này, Mao thị ôm chặt con trai vào lòng, hai mẹ con nước mắt chảy ròng ròng nhìn Tường Giới Thạch, như van xin, mong Tường đừng ruồng bỏ họ. Mẹ già vừa chết, thì thể xương cốt còn cha lạnh Tường Giới Thạch đã vội vàng vàng bỏ vợ, còn nhớn nheo giả dạng lấy danh nghĩa “Cánh mạng” mà không biết nhục nhã hổ thẹn, dùng thủ đoạn xấu xa bỉ ổi, thực sự khiến cho người ta phải rùng mình ghê sợ. Tháng 11 cùng năm, trong bức thư gửi cho người anh của Mao thị là Mao Mậu Khanh đã bộc lộ rõ cách nghĩ chân thực “Mười năm trở lại đây, nghe thấy tiếng chân bước, nhìn thấy hình dáng con người, lập tức trở thành sự kích thích. Con người bỗng nhiên sinh ra oán hận đau khổ, cũng phải miễn cưỡng làm việc cha có quyết tâm nào muốn chia ly chồng vợ. Ngày hôm nay đã đến lúc bất hạnh, gia đình không thành gia đình không thành gia đình nữa, chồng đã không thể nhận vợ, vợ cũng chẳng được nhận chồng, để đến nỗi tôi và người mẹ hiền của tôi cũng đã dần dần cảm như nước sôi lửa bỏng cũng sinh ra liên lụy. Mọi điều đó tức là chồng chẳng ra chồng, vợ không ra vợ, rồi lại công thêm mẹ chẳng nhận con, điều đó đâu có phải là lạc thú của con người “ những lời nói kể trên, không phải là không muốn nói rõ một điều là Mao Phúc Mai căn bản không xứng đáng với Tường Giới Thạch, Mao chỉ có thể đem lại cho Tường những kích thích ác tính mà thôi. Tường Giới Thạch vội vàng thoát khỏi Mao Phúc Mai, còn có một nguyên nhân nữa là ở bên ngoài Tường lại còn có một niềm vui mới nữa, đó là Trần Khiết Nh. Đáng tiếc là việc li hôn, thủ đoạn quá ác liệt này, đã vấp phải sự phản đối của họ hàng thân thích, cũng chẳng thể giải trừ được quan hệ hôn nhân trên mặt pháp luật. Thế nhưng, cuộc hôn nhân trên thực tế giữa hai người, đã chết từ lâu.

Tháng 8 năm 1927, Tường Giới Thạch tạo phản đã bước lên đỉnh cao quyền lực trên võ đài chính trị Trung Quốc thì lại bị thông báo buộc phải từ chức “Ra nước ngoài nghỉ ngơi đồng sức”. Do vì các thủ tục như hộ chiếu”... v.v... cha làm xong, sau khi Tường đi du chơi Hàng Châu tham quan Tây Hồ, rồi trở về nghỉ ở Khê Khẩu. Mao thị nghe nói chồng sắp sửa trở về Phong Cảo phòng, nổi bực tức giận dữ ở trong lòng liền trỗi dậy. Ngàn nỗi oán, vạn mối hận tập trung lại một chỗ, chỉ hận chồng đã đem đứa con mà mình dứt ruột đẻ ra đưa đi nước ngoài để nói phải sống ở quê hương khác. Nghe thấy tiếng chân của chồng bước vào cửa, không biết dùng khí bật trỗi dậy từ đâu, Mao thị bỗng đứng dậy, bước mạnh bàn chân nhỏ, chạy xuống cầu thang gác, thì gặp ngay Tường Giới Thạch ở giữa sân. Nàng vừa khóc và gào:

- Ông đã đem con trai của tôi đi đâu rồi ? ông phải trả lại con cho tôi!

Bọn lính tùy tùng của Tường đưa nọ nhìn đứa kia, không người nào dám bước lên khuyên can, không khí vô cùng căng thẳng. May mà Tường Giới Thạch đã không phải là Tường Thụy Nguyên của quá khứ nữa, những công việc động tới chân tay Tường đã thi hành rất ít, lại cộng thêm bản thân Tường đích thực đã mắc nợ Mao thị quá nhiều rồi, đành phải dùng lời nói khéo để khuyên giải, cầu lấy sự việc được êm xuôi. Sau khi Tường Giới Thạch ổn định được Mao thị, chẳng bao lâu lại sang Nhật Bản, cầu hôn với Tổng Mỹ Linh đang cư trú ở Nhật Bản. Sau nhiều lần bàn bạc hai bên đã đạt tới hiệp nghị: Tổng Mỹ Linh sẽ giải trừ hôn ố với người chồng cha côi trước là lưu Kỷ Văn. Tường Giới Thạch cũng cần phải công khai ly hôn với người vợ cả Mao thị. Sau đó hai người mới có thể kết hôn. Tháng 12 cùng năm, Tường lại một lần nữa trở về Khê Khẩu đích thân xử lý công việc vô cùng gay gắt này - Tuyên bố công khai li hôn với Mao thị. Thế nhưng, Mao Phúc Mai cuối cùng vẫn là nguyên phối phu nhân của Tường Giới Thạch do Tường mẫu vương Thái Ngọc chủ trì mối manh côi hỏi chính thức. Cổ nhân đã có lời dạy rõ ràng “Tao khang chi thê bất hạ đường”, hưởng hồ bình thường nàng bình tĩnh tự tin, ăn chay niệm Phật, chẳng tranh chấp gì với ai, được mọi người trong làng xóm cảm thông sâu sắc. Tường Giới Thạch nêu ra việc li hôn với Mao thị, trên mặt tình lý nói không xuôi mà người họ hàng làng xóm cũng chẳng ai thừa nhận Hôn nữa, con cả Tường Kinh Quốc lại do Mai thị sinh ra, hiện còn đang lưu học ở Liên Xô, người mẹ lấy con làm quý. Mao Phúc Mai lẽ dĩ nhiên phải là bà chủ của Phong Cảo phòng. Sau cùng, do người cậu Tôn Cẩm phương của Tường Giới Thạch suy nghĩ tới tiền đồ chính trị nếu Tường Tổng kết hợp với nhau thì sẽ có lợi cho Tường Giới Thạch từ nay về sau, liền nêu ra chủ trương: Đón Mao Phúc Mai tới tạm trú ở Miếu Tiêu vương, mặc nhận là đã li hôn, làm một thủ tục ki hôn đăng trên mặt báo, rồi chuẩn bị hồ sơ ở chính quyền huyện Phụng Hóa, đem “giấy chứng thực ly hôn” có cả Tường Mao cùng ký tên, giao chuyển cho nhà họ Tổng - chờ sau khi Tường Tổng kết hôn xong, Mao Phúc Mai lại trở về Phong Cảo phòng, cuộc sống do Tường cung cấp. như vậy tuy trên danh nghĩa đã giải trừ được quan hệ hôn nhân, thế nhưng Mao thị vẫn là bà chủ của Phong Cảo phòng. Gặp ngày tết, bạn bè thân thích qua lại, vẫn theo tục lệ của làng như trước coi Mao thị là chính tông, cả hai bên, việc nào đi việc ấy.

Ngày 1 tháng 12 năm 1927, trên tờ “Thân báo” thượng Hải đã đăng tải một mẫu tin li hôn: “Mao thị là vợ cả, đã li dị từ lâu, hai họ Diêu Trần, vốn không có khế ước” Trải qua một loạt sắp đặt, cuối cùng Tưởng Giới Thạch đã thoát khỏi được người vợ kết tóc của mình là Mao Phúc Mai. Sau khi sóng gió của cuộc “ly hôn” đã trôi qua, Mao Phúc Mai vẫn trở về nhà họ Tưởng, tiếp tục chủ trì mọi công việc ở Phong Cảo phòng. Loại hiệp định quân trở “li hôn” bất li gia này giữa Tưởng và Mao, cố nhiên là có tâm lý hồ thẹn day dứt của Tưởng Giới Thạch, thế nhưng có điều càng quan trọng hơn là Mao thị đã dùng hành động thực tế của mình giành được địa vị không thể chuyển lay ở trong nhà họ Tưởng. Mao Phúc Mai là một người vợ hiền mẹ tốt điển hình. Hiền đức và từ thiện của nàng đã giành được hầu hết sự đồng tình và ca ngợi của họ hàng làng xóm. Khiếp sợ oai vọng của lão Tưởng các cụ phụ lão ở quê hương không dám công khai tuyên bố rằng Tưởng Giới Thạch đang đi trên con đường của Trần Thế Mỹ hiện đại, thế nhưng sự đồng tình và kính trọng đối với Mao thị, chính là chiếc roi đạo đức quất vào hành vi ruồng bỏ người vợ kết tóc của Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch là người đầu tiên đề xướng “Phong trào đời sống mới: lấy Trung, Hiếu, Lễ, Nghĩa làm cốt lõi”. Hành vi ruồng bỏ Mao thị, không thể không là một vết nhơ mà bản thân ỉnh cảm thấy lo sợ hồi hộp. Trong những ngày tiếp sau đó, người Khê Khẩu vẫn coi Mao thị là người vợ cả của Tưởng, tôn gọi Mao thị là “Đại sự mẫu”. Mãi đến năm 1948, Tưởng Giới Thạch về quê tu sửa gia phả, mới đem Mao Phúc Mai thay đổi xng hô gọi Mao thị là “nghĩa nữ” của Tưởng mẫu vương Thái Ngọc. Mặc dù Tưởng và Mao hai người đã chẳng còn danh phận vợ chồng, thế nhưng Mao thị đối với Tưởng vẫn tôn kính giữ lễ. Mỗi lần Tưởng Giới Thạch trở về Khê Khẩu, bao giờ cũng có thông báo trước. Sau khi Mao thị nhận được tin Tưởng sẽ về làng, bao giờ cũng sai phái nhân viên quét dọn sạch sẽ tinh tươm trong và ngoài Phong Cảo phòng, cửa nhà sáng choang, không chút bụi nhèm. Bình thường, Phong Cảo phòng đối với người thuê không cung cấp việc ăn uống, thế nhưng trong thời gian Tưởng Giới Thạch về quên thì lệ ngoại. Ngoài việc tìm người giúp đỡ việc làm cơm nấu thức ăn cho Tưởng và các nhân viên phục vụ ra, còn phải tăng thêm mấy mâm cơm khách, cung cấp cho người kế toán, tổng quản v.v... của Phong Cảo phòng sử dụng. Trong thời gian này Mao thị thường xuyên xuống nhà bếp, tự tay làm mấy món thức ăn nhà quê cho Tưởng. Còn Tưởng Giới Thạch mỗi lần về nhà, cũng luôn luôn dành thời gian tới Phong Cảo phòng, trò chuyện với Mao thị. có khi Tưởng và Tống Mỹ Linh cùng trở về Khê Khẩu, trú ở biệt thự “Lạc đình”. Tống Mỹ Linh luôn luôn có thói quen ngủ dậy muộn. Sau khi Tưởng dậy trước, lập tức sử dụng đoạn thời gian này, đi bộ tới Phong Cảo phòng. Mao thị tất đã chuẩn bị sẵn sàng một chút loại thức ăn điểm tâm như bánh ngải xanh..., để cho Tưởng sử dụng. Khi Tưởng Giới Thạch dùng xong món điểm tâm trở về “Lạc đình”, Tống Mỹ Linh vẫn còn cha ngủ dậy, Mao thị biết rằng Tưởng rất thích ăn khẩu vị đặc sắc của Phụng Hóa, cho nên mỗi năm đều phải gửi tới Nam Kinh một ít thức ăn địa phương như khoai sọ v.v... cho Tưởng sử dụng. Do vì Mao thị luôn nhớ tới con trai Tưởng Kinh Quốc đang ở Liên Xô xa xôi, có khi cãi nhau với Tưởng, bắt Tưởng phải đưa trả con trai trở về. Trong đại đa số các trường hợp, đều hòa hoãn thân thiện với Tưởng. Sau khi giải quyết hòa bình sự biến Tây An, Tưởng Giới Thạch trở về Khê Khẩu nghỉ ngơi hu dưỡng, Mao thị suốt ngày hầu hạ ở bên cạnh, chăm sóc tới đời sống của Tưởng. Do vì có nợ với Mao thị, trong lòng có sự hồ thẹn, Tưởng Giới Thạch liền hơn hớn vui vẻ nói với Mao thị:

- Nỗi oan khuất, đau khổ của nàng trong bao nhiêu năm nay ta đều rõ cả. Bây giờ nàng có việc gì cần phải làm? Cần thiết phải có những thứ gì. Chỉ cần nàng nói ra, ta nhất định sẽ làm giúp cho nàng ?

Mao Thị chẳng hề suy nghĩ, trả lời luôn:

- Tôi không cần thứ gì hết, chỉ cần ông đem trả Kinh Quốc lại cho tôi - Tưởng Giới Thạch đã gật đầu đồng ý. Không lâu, với sự can thiệp của lão Tưởng, Tưởng Kinh Quốc đã từ Liên Xô về nước, trở về bên cạnh Mao thị, khiến cho bà có được niềm an ủi cực kỳ lớn.

Ngày 12 tháng 12 năm 1939, máy bay quân Nhật bỏ bom bắn phá Khê Khẩu, lấy nơi ở cũ Phong Cảo phòng và biệt thự Văn xương các Võ Lính Đầu của nhà họ Tưởng là mục tiêu chủ yếu. Trong lúc vội vàng di trú ẩn, Mao Phúc Mai không mau bị ngôi nhà đổ sập đè chết, thọ được 58 tuổi. Nhìn chung cuộc hôn nhân chồng vợ đầu tiên của Tưởng Giới Thạch và Mao Phúc Mai bắt đầu từ hài kịch rồi kết thúc bằng bi kịch. Mao thị không hẳn là hồng nhan, nhưng chỉ có thể nói là bạc mệnh. Nàng với người chồng là Tưởng Giới Thạch, cũng là người bị hại của cuộc hôn nhân phong kiến bao biện. Thế nhưng điểm khác

nhau giữa nàng và chồng nàng ở chỗ: Cái hại mà nàng phải chịu là hai tầng, vừa chịu cái hại lấy chồng do lỗi kéo ép buộc của mệnh lệnh cha mẹ, lại chịu cái hại là bị chồng ruồng bỏ. Còn Tưởng Giới Thạch đã vừa là người bị hại của cuộc hôn nhân phong kiến, trái ngược lại Tưởng lại trở thành người gây hại cho cuộc hôn nhân phong kiến đòi hỏi môn đang hộ đối, phu sồng phụ hòa. Trong bi kịch hôn nhân giống như một câu đố, người bị thể thảm nhất không ai hơn được Mao Phúc Mai. Giả sử nàng cũng giống như những người phụ nữ khác tuân theo chỉ ý của mẹ cha, lấy một người nông dân bình thường, sinh con đẻ cái, làm một người vợ tốt “tam tòng tứ đức”, thì sẽ có thể trôi qua một cuộc sống thảo bình yên ả. Nếu như vậy, nhìn lên thì chẳng bằng ai, nhìn xuống cũng khỏi người chẳng bằng mình! Thế nhưng, số phận luôn luôn đùa giỡn với con người, mộng ảo của người phụ nữ, không chịu nổi sự thét gào của thời đại. Ai đã từng nghĩ tới, người chồng bé nhỏ mà năm xa ương bóng phóng đảng, cuối cùng đã trở thành “Tổng thống” thống trị Trung Quốc gần hai chục năm, thật là “ân hận đã dạy chồng kiếm được sự phong hầu!” đó lắm thay!

3. “Duy anh hùng mỹ nữ” của Tưởng Giới Thạch

Năm 1966, người đàn bà thứ hai đã từng có quan hệ hôn nhân với Tưởng Giới Thạch, mẹ nuôi của Tưởng Kinh Quốc - Diêu Di Thành, tạ thế tại Đài Trung. Công việc an táng do người anh họ của Diêu Di Thành đứng ra sắp đặt, tất cả đều làm việc giản đơn, thậm chí lúc đó các đài phát thanh, các tòa báo trên toàn Đài Loan chẳng hề đăng tin một chữ nào về việc “quy tiên” của tiền phu nhân “Tổng thống” cả. Tục ngữ nói “nhất nhật phu thê bách nhật ân” - một ngày chồng vợ ân nghĩa trăm ngày. Có một điều mà mọi người không hiểu đó là: Tưởng Giới Thạch luôn luôn tuyên truyền “Trung, Hiếu, Nhân, Nghĩa”, tại sao đối người đàn bà đã gửi thân cho mình và đã bị lạnh nhạt suốt thời gian dài lại bạc tình quả ân tới mức như vậy?

Muốn giải đáp được điều bí mật này phải bắt đầu kể từ thân thế long đong lận đận của Diêu Di Thành và địa vị mà bà đã đứng trong quan hệ hôn nhân giữa bà và Tưởng Giới Thạch. Diêu Di Thành, lúc nhỏ tên là A Xảo, người huyện Ngô Giang Tô. A Xảo ra đời ở trong một thị trấn nhỏ Nam Kiều ở bờ bắc sông Kinh Trị Trường, là một người con gái độc nhất. Từ nhỏ lớn lên đã có dung nhan xinh đẹp, được cha mẹ vô cùng yêu quý. Chẳng ngờ trời xanh vô tình, một trận ốm nặng, đã cướp đi tính mệnh của cả cha mẹ A Xảo, đã khiến cho đứa trẻ này biến thành mồ côi. Do vì cuộc sống khó khăn, cô bé A Xảo đành phải sống nhờ vào gia đình người chú ruột. người chú là Diêu Tiểu bảo không có con, đã coi A Xảo như con đẻ của mình, ông chuẩn bị sau này tìm một người ở rể vào nhà họ Diêu, để nối dõi hương hỏa. Đông qua hè lại nhật nguyệt như thoi. Một số năm đã trôi qua. Tiểu A Xảo đã lớn lên, tuy chẳng phải là tuyệt sắc giai nhân nghiêng thành nghiêng nước, thế nhưng cũng xinh đẹp lạ kỳ mắt sáng răng trắng, mắt mày thanh tú, thân hình thon thả, thể thái nở nang. Cộng thêm nàng tính tình dịu dàng, khéo tay kim chỉ, đã lọt vào mắt xanh của rất nhiều chàng trai trên phố. Chờ đến năm A Xảo lớn lên đến tuổi cập kê, người chú Diêu Tiểu Bảo liền chọn cho cháu một chàng rể vào cửa tên gọi là Thẩm Thiên tường, vào ở rể nhà họ Diêu thì đổi họ tên là Diêu Thiên Sinh. Sau cuộc hôn lễ, vợ chồng ân ái, tình cảm của hai người rất tốt đẹp. Thị trấn Nam Kiều là một nơi giao thông đường thủy rất tiện lợi. Tự Trường Kinh không phải là con sông to lớn gì, thế nhưng nó ăn thông với hồ Đãng, hồ Tào, hồ Dương Trùng và sông đào Tô Ngưu ở phía bắc huyện Ngô. Do vì nghề vận tải đường thủy phát đạt, đi lại tiện lợi. Đầu năm dân quốc cuối đời Thanh, vùng này có rất nhiều nông dân tới thượng Hải kiếm sống. Đàn ông làm thuê đàn bà ở thuê. người Tô châu gọi những người đi ở thuê là vú em. Lúc đó Diêu Thiên Sinh có hai người chú, làm thuê ở thượng Hải, chủ yếu là làm cái công việc nặng nhọc tương đối thấp hèn như khiêng kiệu, khiêng quan tài đi chôn cất. Để kiếm được nhiều tiền, vợ chồng Diêu Thiên Sinh cũng tới bến thượng Hải. Thiên Sinh theo chú đi làm “phu khuân vác”, A Xảo thì vào trong nhà làm vú em. Lúc đầu hai vợ chồng tiết kiệm chi tiêu, ngoài tiền ăn mặc ra vẫn còn d thừa. Cuộc sống trôi qua tương đối thoải mái. Về sau do vì có mấy đồng tiền, Diêu Thiên Sinh đã nhiễm phải thói quen xấu là nghiện hút thuốc phiện, suốt ngày là cà ở trong quán thuốc, quán rượu, rất nhanh chóng mắc nợ chất chồng, không thể vọt lên được. Hàng ngày Diêu Thiên Sinh ngoài việc sống vật vờ trong cơn say, làm điều hèn hạ, còn hành hạ lăng nhục A Xảo, thượng cẳng chân hạ cẳng tay đánh đập A Xảo, quan hệ vợ chồng dần dần lạnh nhạt. Sau khi quan hệ vợ chồng xấu đi, A Xảo bỏ nhà ra đi, tìm được công việc làm ở trong nhà thổ tên gọi là “Quần Ngọc phương” trên đường Ngũ mã thượng Hải. Nhà chứa này cũng chính là kỹ viện. Trong các nhà chứa ở thượng Hải cũ, có một loại “kỹ nữ cao cấp” có trình độ tư đồng văn hóa nhất định, hay thơ giỏi họa, hát hay đàn giỏi, những người

mà loại kỹ nữ cao cấp này hầu hạ thường đều là một số nhân vật có quyền thế, do đó thu nhập tương đối cao. ở bên cạnh những “kỹ nữ cao cấp” này, nói chung đều có hai người vú em hoặc thị nữ gọi là “Đại tiểu th” để hầu hạ họ. Một người chuyên môn làm các công việc thô như giặt quần áo, nấu cơm, quét dọn vệ sinh v.v.. Còn một người phụ trách “công việc tế nhị” như trông nom quản lý quần áo đồ trang sức của các vị “tiên sinh”, chải đầu lau mặt, chiêu đãi khách v.v.. Sau khi A Xảo vào trong “Quần Ngọc phương”, chuyên làm các công việc tế nhị nhẹ nhàng khéo léo, được gọi là “vú em làm việc tế nhị”, đồng thời đặt tên hòa là “Di Cầm”. Thời gian đó là năm 1912, sau khi cách mạng Tân hội bùng nổ không lâu. Tưởng Giới Thạch trẻ trung vừa từ Nhật Bản về nước lao thân vào cửa đô đốc thượng Hải là Trần Kỳ Mỹ, được nhận chức trung đoàn trưởng trung đoàn thứ 5 quân đội thượng Hải. Vào thời kỳ này, cách mạng Tân hội tuy đã thành công, thế nhưng Đảng Cách mạng vẫn chưa chế được cục thế toàn quốc, cho nên bọn quân phiệt nổi dậy hết đợt nọ tới đợt kia, thời cuộc rất hỗn loạn. Tưởng Giới Thạch lúc này, lao mình vào cách mạng giữa lúc khí huyết đang mạnh mẽ hăng hái, toàn thân nai nịt quân trang, khi ở Triết Giang, khi ở Giang Ân, không tổ chức quân đội thì vạch kế hoạch hành động khởi nghĩa. Chính trong cuộc sống binh mã, nhiệm vụ quân sự khẩn cấp vội vã này, Tưởng Giới Thạch đã bớt chút thời gian rảnh rỗi, cũng không quên đã diễn xuất ra những vở kịch phong lưu “anh hùng gặp mỹ nữ”. Đoạn nhân duyên phong lưu này của Tưởng Giới Thạch bắt đầu từ ân công của Tưởng là Trần Kỳ Mỹ. Trần kỳ Mỹ là người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Tân hội ở thượng Hải, tuy cũng là lãnh tụ cách mạng danh tiếng một thời, thế nhưng cũng là con người “quả nhân hữu tật” - hiếu sắc, thường đắm tình trong Tân lâu Sở quán. Trong đó “Quần Ngọc phương” ở đường Ngũ Mã chính là một trong những chỗ mà Trần Kỳ Mỹ thường lui tới. Tại đây ông ta đã bao một kỹ nữ cao cấp tài sắc tuyệt vời. Điều Di Cầm chính là “Vú em làm việc tế nhị” cho cả kỹ nữ cao cấp này. Một lần, do có việc quân sự khẩn cấp cần phải báo cáo, Tưởng Giới Thạch đã tìm tới “Quần Ngọc phương” theo địa chỉ Trần kỳ Mỹ đã cho. Trong khuê phong ngào ngạt hương thơm son phấn, Tưởng Giới Thạch một mặt nghiêm trang báo cáo tình hình quân sự vô cùng hòa cấp với Trần Kỳ Mỹ, một mặt dùng ánh mắt dục chiếu trong lúc báo cáo ngắm nhìn cô gái Di Cầm đứng hầu ở bên cạnh, trong lòng rộn ràng điên sông đảo biển: Mẹ kiếp, cách mạng rồi mà vẫn bắt bình đẳng thế này, có người được ôm gái đẹp chỉ huy cách mạng ở trong chăn êm ấm, còn lũ chúng tao lại phải mạo hiểm cào đầu ở trên dây lợ. Một lát sau, Điều Di Cầm bước tới giót nước trà vào tách. Tưởng Giới Thạch ngắm nhìn cô gái thân hình thót tha mảnh mai chân tay thon thả, không kìm nổi lòng dạ xôn sang. Nói thực tình, Tưởng Giới Thạch tuy xuất thân từ nông thôn, thế nhưng từ xa Tưởng cha hề cam chịu cảnh tịch mịch, cuộc sống ở thành thị lâu dài, đặc biệt là sự tiêm nhiễm phong tục văn hóa Nhật Bản, đã khiến cho tài nghệ của Tưởng về mặt truy cầu tán tỉnh phụ nữ rất cao siêu Tưởng ngấm ngấm hạ quyết tâm phải giành lấy có gái xinh đẹp này vào trong tay mới được ! Từ đó trở đi, có việc hay không có việc Tưởng Giới Thạch đều thường xuyên chiếu cố tới “Quần Ngọc phương”. Có khi Tưởng tới đồng vai sĩ quan tùy tùng của Trần Kỳ Mỹ, có lúc tới là vì “thuận đường” rẽ ào hoặc vì một lý do nào khác. Thời kỳ đó là thời kỳ cách mạng, trong con mắt của người dân thường thì “Cách mạng” cũng đã trở thành một một thời thượng . Đối với một sĩ quan quân đội cách mạng trẻ trung anh tuấn như thế này, lẽ dĩ nhiên là Điều Di Cầm tỏ ra nhiệt tình đặc biệt, không bao giờ thờ ơ chảnh mảng. Sau mấy tháng, hai người dần dần quen thuộc, thường xuyên đơn độc hòa chộn đắm mình ở trong phòng của Điều Di Cầm, cảm tình ngày một nồng nhiệt, ngay đến cả Trần Kỳ Mỹ cũng đã trở thành một nhân vật vóng chân vóng tay. Mùa đông năm đó, với sự vun vén của Trần Kỳ Mỹ, cuối cùng Tưởng Giới Thạch đã được toại nguyện, giành được cô gái Di Cầm mà ngày Tưởng đem mơ. Không lâu, Tưởng Giới Thạch bỏ ra một khoản tiền, đón Điều Di Cầm từ trong nhà chứa ra. Sau đó, tìm được một căn phòng số 13 Tân Dân lý Đường Phố Thạch Tô giới Pháp ở thượng Hải, cha tiến hành bất kỳ nghi thức gì, liền kim ốc tàng kiều bắt đầu cuộc sống chung. Từ trước Điều Di Cầm đã chịu đựng hết mọi sự ngược đãi của chồng, bây giờ được cng chiều sung sướng, như say như mê. Để xóa sạch mọi dấu tích ở trong “nhà thổ” của Điều Di Cầm, căn cứ vào âm độc đem Điều Di Cầm dời ra Điều Di Thành. Tuy đều là những người tái hôn, thế nhưng sau khi thoát khỏi được xiềng xích của cuộc hôn nhân trước, hai người đã yêu thương ân ái, giống hệt như mới có lần đầu vậy. Lúc đó Tưởng vẫn còn cha phát, sau khi rời bỏ chức vụ trung đoàn trưởng quân đội thượng Hải, không tránh khỏi có sự thẹn thùng trong dạ. Có điều, ở thượng Hải lúc đó, Tưởng Giới Thạch còn có mấy người bạn chí cốt “có số tiền không lỗ” dựa vào sự tiếp tế của họ, Tưởng vẫn có thể được sống cuộc sống sa hoa. ở trong nhà Tưởng và Điều, nuôi một người đầu bếp, một người sai vặt và một người hầu gái, ngày nào cũng ăn chơi đàng điếm, không gì sung sướng bằng. Cha được bao lâu, khoản tiền mà Tưởng Giới Thạch chi dùng của Trương Tĩnh Giang đã đạt tới hơn mười vạn đồng, tuy là tri kỷ đó những cuối cùng vẫn phải nợ món nợ nhân tình. Tưởng Giới Thạch đắn đo suy tính dứt khoát để cho Điều Di Thành vài gọi Trương Tĩnh Giang

là người cha nuôi, và như vậy Diêu đã trở thành con gái nuôi của Trương Tĩnh Giang, tự nhiên Tưởng cũng trở thành con rể nuôi của Trương Tĩnh Giang. Sau khi Tưởng Giới Thạch và Diêu Di Thành chung sống không lâu, Tưởng liền đem Diêu trở về nhà cũ ở Khê Khẩu Phụng Hóa. Tại Phong Cảo phòng, người vợ kết tóc của Tưởng là Mao Phúc Mai, nhìn thấy vị khách mới từ thượng Hải tới này, lẽ dĩ nhiên đã có chút bức bối không vui. Thế nhưng, người chồng có thiếp, thì ở Trung Quốc đâu đâu chẳng có. Hơn nữa chồng mình đã không phải là đứa trẻ bóng bĩnh của ngày xa, đã từng đi du học, đã làm trung đoàn trưởng, đã tham gia cách mệnh, đã có vai có vế như vậy, lấy một người vợ nhỏ cùng đâu phải là chuyện quá đáng. Tức thì, đối với người phụ nữ trẻ mà chồng dẫn về này, Mao Phúc Mai đã sử dụng thái độ khoan dung độ lượng. Sau khi Tưởng Giới Thạch sắp đặt xong cho Diêu Di Thành rồi, liền trở về thượng Hải lao vào hoạt động cách mệnh do Trần Kỳ Mỹ vạch định. Trong mấy năm sau đó, hành tung của Tưởng Giới Thạch không ổn định, ông đã bôn tẩu ở thượng Hải, Triết Giang, Nhật Bản v.v... rất ít khi chăm sóc tới vợ con ở nhà. Thoạt đầu, Diêu Di Thành và Mao Phúc Mai đề sống ở trên lầu Phong Cảo phòng. Bởi Mao Thị tụng kinh niệm phật, Diêu thị để cho bà được yên tĩnh một chút, liền dọn tới ở trong phòng của một gia đình thân thích ở trên thị trấn. Đối với sự lạnh nhạt của chồng, Mao thị đã quen từ lâu. Thế nhưng đối với Diêu thị đã chịu đựng qua ân ái mà nói thì lại cảm thấy vô cùng tê lạnh và cô đơn. Trong lúc tâm tình trơ vơ chơi vơi, Diêu Thị lại làm nghề cũ ở trong “nhà thổ”, suốt ngày chơi bài đánh bạc, say đắm cảnh sa hoa. Có khi Tưởng Giới Thạch về thăm, Diêu thị đã nói tuốt tuột hết mọi nỗi oán hận mình phải đơn độc phong không gối chiếu, liên hồi không ngọt, khiến cho Tưởng phải rối ruột điên đầu, trên mặt tình cảm hai người đã dần dần xa cách. Tháng 10 năm 1919, trong nhật ký Tưởng đề cập tới: “Di Thành không ngừng đánh bạc, thật là ác quá! phiền quá!” Diễn biến về quan hệ của Tưởng đã nhìn thấy rõ ràng. Cuối năm 1919, Tưởng Giới Thạch đi du lịch Nhật Bản, khi về tới thượng Hải, đã đem theo một đứa bé lên ba tuổi rất hoạt bát đáng yêu. Đứa bé như một câu đố bí mật này, Tưởng Giới Thạch đã thay nó đặt một cái tên Tưởng Vĩ Quốc, tên trong gia phổ là Kiên Cảo, giao cho Diêu Di Thành chăm sóc nuôi dưỡng. Từ sau khi Diêu thị lấy Tưởng Giới Thạch, không sinh đẻ con cái, ở Khê Khẩu một mình, tinh thần vô cùng trống rỗng. Lần này người chồng trở về, đem theo một đứa bé bóng bĩnh, vừa hay bà lấp được chỗ trống trải trên mặt tinh thần của Diêu. Cộng theo việc suy trước tính sau, tình cảm với chồng đã ngày một nhạt nhẽo, từ thì Diêu thị liền dồn tình cảm và hy vọng của nửa sau cuộc đời, tất cả ký thác lên thân Vĩ Quốc, chăm sóc yêu thương, như chính con mình đẻ ra vậy”. Tháng 6 năm 1921, Tưởng mẫu qua đời. Sau khi Tưởng Giới Thạch thu xếp xong tang lễ cho mẹ, liền đối mặt với hai người Mao Diêu diễn ra vở hài kịch “bỏ vợ”. Đáng tiếc là vợ cả, vợ lẽ thì nước mắt nhạt nhòa; Kinh Quốc, Vĩ Quốc thì khổ sở van xin; người trong họ trong làng thì nhao nhao quở trách, khiến cho kế hoạch này của Tưởng Giới Thạch, không phải là lí do vì “gia đình ràng buộc” nên phải “bỏ vợ”, đó hoàn toàn là những lời nói hoang đường giả dối, còn nguyên nhân chân thực là Tưởng đã lại có một ý trung nhân càng trẻ trung xinh đẹp khác. Đầu năm 1922, Tưởng Giới Thạch kết hôn với Trần Khiết Nh, sau khi tìm được niềm vui mới, lẽ dĩ nhiên Diêu Di Thành đã không còn điều gì đáng kể nữa. Cộng thêm thói xấu chơi cờ bạc mà nàng đã nhiễm phải ở trong “nhà thổ” từ trước, Tưởng đã nhạt nhẽo, xa lánh và lãng quên đối với Diêu thị. Không lâu Diêu Di Thành đem Tưởng Vĩ Quốc về tới thượng Hải, được thu xếp cho ở trong một biệt thự của Trương Tĩnh Giang. Năm 1924, sau khi Tưởng Giới Thạch nhậm chức hiệu trưởng trường quân sự Hoàng Phố, cùng cặp đôi tới Tuệ (tức Quảng Châu) với Trần Khiết Nh, để lại Diêu thị ở thượng Hải. Ngày qua tháng lại, Diêu thị không chịu nổi cảnh lạnh lẽo của phòng đơn gối lẻ, liền vắt nát óc suy nghĩ ra một kế, tìm cách tới gặp Tưởng Giới Thạch. Diêu thị biết rất rõ Tưởng rất yêu quý Tưởng Vĩ Quốc, liền bắt Vĩ Quốc chụp một kiểu ảnh, lại nhờ người lấy danh nghĩa là Vĩ Quốc, viết một bức thư cho cha, thuật kể những cảm tình thương nhớ. Kế này quả nhiên là linh nghiệm. Sau khi Tưởng Giới Thạch nhận được lá thư của đứa con yêu quý, tình duyên luyến cho con bỗng nhiên thức dậy, liền đánh điện gọi Vĩ Quốc tới Tuệ. Diêu thị cũng theo đó tới Quảng Châu. Sự có mặt của Diêu Thị đã khiến cho Tưởng Giới Thạch lúng túng nhiều bề, vô cùng ngượng ngịu. Một mặt Tưởng phải có sự trao đổi với Trần Khiết Nh. người phụ nữ trẻ trung xinh đẹp này, lần đầu được hưởng vị ngọt của tình yêu, cha từng được thông thức mùi vị của việc “ăn dấm”. Mặt khác, Tưởng không thể không suy nghĩ tới ảnh hưởng. Hoàng Phố là trường học của những quân nhân cách mệnh, hiệu trưởng lẽ dĩ nhiên phải là một người thầy mẫu mực của học sinh. Hễ học sinh phát hiện hiệu trưởng có ba thê bốn thiếp, thì uy tín của Tưởng Giới Thạch sẽ mất hết. Cũng may mà trong việc xử lý vấn đề này Tưởng đã rất có kinh nghiệm. Ông đã vận dụng đầu lưỡi của mình như chiếc lò so kia thuyết phục được Trần Khiết Nh, để cho Trần cứ yên tâm trở về thượng Hải trước. Sau đó nhẹ nhàng, khéo léo sắp đặt chỗ ở cho Diêu thị. Tức thì, chỉ trong thời gian ngắn tạm thời Diêu Di Thành thay thế Trần Khiết Nh, trở thành bà chủ gia đình ở bên cạnh Tưởng. Diêu thị sử dụng hết toàn

thân, tận tâm hầu hạ chồng, chiều cố chăm sóc con, hy vọng đoạt lại được tình yêu thương của ngày trước. Thế nhưng, tất thảy đều đã chẳng có tác dụng gì. Cuối cùng chỉ là vì Diêu thị không xinh đẹp trẻ trung, có văn hóa, giỏi giao tiếp bằng Trần Khiết Nh, do đó trong một số trường hợp Diêu không biết cách ứng phó với tầng lớp xã hội thượng lưu. Lại cộng thêm thân phận của Diêu cùng danh bất chính ngôn chẳng thuận, cho nên, chẳng được bao lâu, Tưởng Giới Thạch liền đón Trần Khiết như trở về Quảng Châu. Diêu thị không biết làm cách nào, liền nuốt hận bỏ đi. Năm 1927, Tưởng Giới Thạch kết hôn với Tống Mỹ Linh, do đó đã tuyên bố li dị với Diêu Di Thành. Đối mặt với sự đả kích bỗng nhiên ập tới này, Diêu Di Thành không còn đủ sức giáng trả và thanh minh, nàng đành phải âm thầm cam chịu. Có điều may mắn là, Tưởng Giới Thạch vẫn còn phụ trách việc nuôi dưỡng, như vậy thì Diêu thị cũng có chỗ dựa suốt đời. Còn vấn đề Tưởng Vĩ Quốc đã vấp phải một số trắc trở. Tưởng Giới Thạch vốn muốn đón Vĩ Quốc đi, vô luận sống chết thế nào Diêu thị cũng không chịu, Tưởng Diêu lại đã thoát ly quan hệ vợ chồng, thì trên danh nghĩa không thể để cho Diêu thị nuôi dưỡng được. Tức thì, không qua thương lượng, họ đã đạt tới thỏa thuận như sau: Tưởng Vĩ Quốc trên danh nghĩa gửi nhờ Ngô Trung Tín nuôi dưỡng, gọi vợ chồng Ngô Trung Tín là “cha nuôi”, “mẹ nuôi” còn trên thực tế do Diêu thị nuôi dưỡng. Sau cuộc biến loạn về hôn nhân Diêu thị đã đem Tưởng Vĩ Quốc rồi tới ở Tô châu. Không lâu, Tưởng Giới Thạch tiến vọt rồi trở thành nhân vật thủ lĩnh trong chính phủ Nam Kinh Quốc dân đảng Chồng hiển vinh vợ phú quý, Diêu thị tuy cách xa không hiển hách bằng đệ nhất phu nhân Tống Mỹ Linh, thế nhưng trong con mắt của các quan chức địa phương Tô Châu bỗng nhiên thân giá của Diêu thị đã được tăng cao gấp bội. Trong một thời gian ngắn, một tòa Công quán hào hoa trang nhã đã được hoàn thành ở phòng Thái Trinh Nam Viên Tô Châu. Tòa công quán này chiếm mồi mẫu đất trị giá 60 vạn đồng ngân hàng, chủ thể kiến trúc là ngôi nhà tây đá xanh ba tầng ba gian rộng, phối hợp với vòm hoa thủy tạ lung linh rực rỡ, một vòm đào ở ngoài đời sống động sắc sỡ. Diêu thị đã trải qua đòn đả kích của cuộc ly hôn, giờ đã được vào trú trong công quán hào hoa lịch sự như thế này, liền đã lại thấy thỏa lòng mãn nguyện. Tức thì hàng ngày ngoài việc tụng kinh niệm Phật ra bà chỉ chăm sóc lo liệu tới cuộc sống ăn ở của Vĩ Quốc. Trong một đoạn thời gian dài theo đuổi với thanh danh cổ phật, sự tẻ lạnh và đau khổ của Diêu thị có thể tự nghĩ cũng biết được. Một điều duy nhất có thể an ủi được bà chính là việc nuôi dưỡng Vĩ Quốc. Bà đã có đầy đủ tinh thần khắc kỷ của người phụ nữ Trung Quốc cũ, mặc dù đã thoát ly quan hệ với Tưởng thế nhưng vẫn âm thầm cầu nguyện cho Tưởng. Khi Tưởng dài thọ 50 tuổi, Diêu thị đã đích thân tới chùa Quốc Thanh Thiên Đài làm Phật sư để chúc thọ Tưởng. Năm 1949, Diêu thị theo Tưởng Vĩ Quốc tới Đài Loan, trú ở Đào Viên làm hàng xóm với Thạch phương tường là chủ xưởng dệt Đại Tân rút về Đài Loan. Thạch phương tường chính là nhạc phụ của Tưởng Vĩ Quốc họ cũng xnmg đáng là thông gia, là hàng xóm của nhau, cũng có dịp chăm sóc lẫn nhau. Mỗi ngày nghỉ cuối tuần Tưởng Vĩ Quốc thường về thăm viếng bà mẹ nuôi cô đơn tẻ lạnh. Năm 1955 sau khi Tưởng Vĩ Quốc lại lấy vợ, Diêu thị lập tức rời về ở Đài Trung. Năm 1966, Diêu Di Thành qua đời ở Đài Trung. Tin buồn đưa tới, Tưởng Vĩ Quốc vô cùng xúc động kinh ngạc. Trên đường ngồi xe trở về Đài Trung, Tưởng Vĩ Quốc bỗng nhiên nghĩ tới một việc tâm sự cần phải làm, liền quay xe trở lại đi thẳng tới dinh quan Dương Minh Sơn Đài Bắc. Sau khi gặp Tưởng Giới Thạch người con rưng rưng kể lể nỗi đớn đau, kể hết ơn dưỡng dục của bà mẹ nuôi trong nhiều năm và sự cô đơn lạnh lẽo vì bị ruồng bỏ, mong muốn việc hậu sự của bà được tổ chức long trọng một chút, để an ủi linh hồn cô độc của bà. Sau khi nghe hết lời kể lể của con, Tưởng ngồi trên ghế bành, nét mặt thâm trầm, một lời chẳng nói. Trầm mặc hồi lâu, cuối cùng đã buột ra một câu từ trong miệng: “Con hãy mau mau trở về, lo liệu việc hậu sự của nghĩa mẫu con cho tốt, thế nhưng cần phải chiếu cố tới danh dự và tiếng tăm của cả họ Tưởng chúng ta, bắt tất phải phô trương rùm beng !” Quả nhiên việc tang sự của Diêu thị tổ chức rất âm thầm lặng lẽ. Ngoài sự bi phẫn và tiếng khóc đớn đau của Tưởng Vĩ Quốc cùng họ hàng thân thuộc nhà họ Diêu ra, chẳng còn một chút tiếng vang vọng nào. Một người phụ nữ đã từng có một đoạn tình duyên với Tưởng Giới Thạch đã ra đi im hơi lặng tiếng như vậy ! Trong giây phút hấp hối, sau khi xem xét kỹ suốt cuộc đời cô độc của mình bà có suy nghĩ gì không ? Phải chăng là bà đã cảm thấy hối hận đối với những thứ thuộc về của riêng mình đã bị mất đi ? Chúng ta không được biết. Thế nhưng, đối với đoạn tình duyên giữa Diêu Di Thành với Tưởng Giới Thạch này, đối với điều bí mật bắt đầu từ kim ốc tàng kiều, kết thúc bằng bi kịch bí mật chôn cất, hết thảy chúng ta đều hiểu rõ chân tướng cả. Khi Tưởng Giới Thạch truy cầu Diêu Di Thành còn là một trung đoàn trưởng nhỏ bé tên tuổi chẳng ai biết, tuy đi theo Trần kỹ Mỹ vọt bậc xuống nam, thế nhưng cuối cùng chỉ là phiêu lưu với nguy hiểm của tính mạng. Do vậy, kịp thời hành lạc, chơi bời chốc lát, đã lấy Diêu Di Thành để bù lấp vào sự trống vắng và đòi hỏi trên mặt tình cảm và sinh lý. Thế nhưng, rớt theo sự thăng thiên của địa vị, Tưởng lại đã nhằm trúng người người đàn bà càng thích hợp với địa vị của mình. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, trong cuộc

sống thượng tầng cao sang thanh nhã, Diêu thị xuất thân từ “nhà thổ”, càng tỏ thô tục, bỉ ổi, xấu xa, không đáng để cho mọi người biết. Ngoài ra, sự kết hợp giữa Diêu và Tường, trên mặt danh phận đã thấp hơn một bậc so với Mao thị và Trần thị. Mao thị là người vợ đầu tiên, Trần Khiết như thì đối ngoại cũng được gọi là Tường phu nhân, duy chỉ riêng có Diêu thị thì được gọi là “trắc thất[6]. Đối với địa vị thấp hèn nhỏ bé của Diêu thị. Trong cuốn sách “Tường Giới Thạch tiên sinh trước năm 15 Dân Quốc” của Mao tư Thành đã không hề dấu diếm, trong sách đã nói rõ “nhận đón vợ lẽ Diêu thị”. Lẽ dĩ nhiên, thân thế ti tiện và địa vị nhỏ bé thấp hèn của Diêu thị cũng có chút làm phiền cho Tường khó chịu, thế nhưng điều này cũng không phải là chủ yếu. Vấn đề lợi hại quan trọng vào bậc nhất không có cách gì công bố trước quần chúng của Diêu thị chính là thân phận “thiếp” này của bà. Tường Giới Thạch được gọi là người kế tục sự nghiệp của tôn Trung Sơn, chủ trương “Vận động đời sống mới”, kêu gọi dân chúng phản đối tư Tường và tập tục phong kiến, hơn thế còn công khai chỉ trích “lấy vợ lẽ là một sự việc mất đạo đức nhất trong đời sống con người”. Vậy mà sau khi công khai thân phận của Diêu Di Thành, đối với những lý luận “cách mệnh” mà Tường Giới Thạch tuyên truyền cổ vũ ở khắp nơi, chẳng phải là một cú bạt tai vang dội đó hay sao ? Bà con dân chúng nếu biết được Tường tổng thống có ba the bốn thiếp, thế thì tất cả những lý luận” lấy vợ lẽ là một sự việc mất đạo đức nhất trong đời sống con người”, há chẳng phải là trò cời hài hóc quá hơn hay sao ? Cho nên trước khi Tường Vĩ Quốc đi chịu tang Diêu thị nước có mệnh lệnh của cha “chiếu cố tới danh dự và tiếng tăm của cả họ Tường” là vì thế đó !

4. “Nh phu nhân” mà Tường Giới Thạch suốt đời quyến luyến

Trong cuộc đời của Tường Giới Thạch, những người đàn bà có quan hệ hôn nhân và được gọi là “phu nhân” của ông chỉ có ba người. ấy là Trần Khiết như nằm giữa “Nguyên phối phu nhân” Mao Phú Mai và “Đệ nhất phu nhân” Tống Mỹ Linh. Đối với thân thế của vị “Tường phu nhân” này, sử sách ghi chép rất ít, thế nhưng mọi người đều cho rằng: Trần Khiết như xuất thân từ kỹ nữ {1}. Ví dụ, một quyển sách mang tên “Tường Giới Thạch gia thế Xuân thu” ghi chép rằng: “Trần Khiết như cùng quê với Diêu Di Thành, đều là người Tô châu. Xuất thân của nàng cũng tương tự như Diêu thị, những năm trước đã từng làm kỹ nữ cao cấp ở trong nhà thổ Trường Tam thượng Hải. Nhà thổ Trường Tam có quy định nghiêm ngặt, yêu cầu đối với các cô gái rất cao. Chẳng những đòi hỏi con người xinh đẹp, biết cách chiều chuộng khoản đãi các công tử tiêu tiền, lại còn phải biết một chút kỹ nghệ như gảy đàn, ca hát v.v..nói tóm lại là phải tài sắc song toàn. Trần Khiết như thân hình thon thả, mắt trong răng trắng, mặt này thanh tú, lời nói dịu dàng ngọt ngào, lại thạo cầm kỳ, do đó đã lọt vào mắt xanh của rất nhiều vị khách”. Đọc tới đây, mọi người sẽ không kìm nổi nỗi lòng hoang kinh ngạc. Tường Giới Thạch là loại người như thế nào, một đời đã lấy bốn người đàn bà, trong đó có hai người là gái điếm. Thật là hám sắc quá chừng! Với địa vị của Tường Giới Thạch lúc đó ở thượng Hải, tuy không thể nói là nổi trội hơn hẳn mọi người khác, nhưng cũng không phải loại người có nhiều; không lấy được những trang quốc sắc thiên hương cũng chẳng thể trở về tìm gái làng chơi làm vợ được. Hơn nữa, vào năm đó Trần Khiết như kết hôn với Tường Giới Thạch, mới chỉ có mười lăm tuổi, được hấp thụ nền giáo dục bậc trung học, thông thạo tiếng Nga, tựa như không xuất thân từ kỹ nữ thì phải. Và như vậy, thân phận của Trần Khiết như đã có cả một thiên văn chương rất lớn, có phải? Kỳ thực, căn cứ vào những tài liệu mới nhất được tiết lộ ra trong thời kỳ gần đây đã chứng minh: Trần Khiết như không phải là người con gái xuất thân từ Tần lầu Sở quán mà là người con gái xuất thân từ một gia đình lương thiện. Lúc nàng kết hôn với Tường nàng là một cô gái trinh chú không phải là kỹ nữ. Trần Khiết như có tên thật là Trần A Phụng. Quê quán ở Tô Châu, năm 1906 sinh ra ở thượng Hải, phụ mẫu song toàn, hoàn cảnh gia đình thuộc loại trung bình. Từ nhỏ Trần A Phụng đã được cha mẹ yêu quý, cuộc sống không lo không nghĩ. Năm 1919, Trần A Phụng tuổi mới mười ba, bói phát dục tương đối sớm đã lớn lên như một cô gái. Nàng với thân hình thon thả uyển chuyển dịu dàng, dáng người nở nang cân đối mà không mất vẻ nhẹ nhàng mềm mại. Trên khuôn mặt đoan trang xinh đẹp, cân xứng với đôi mắt long lanh như nước, toàn thân tràn đầy sức sống tuổi thanh xuân. Chính vào năm đó, do một nguyên nhân ngẫu nhiên, Trần A Phụng đã dẫn tới sự chú ý của Tường Giới Thạch và đã trở thành mục tiêu săn bắt của ông. Vốn là, ở bên cạnh chỗ ở của nhà họ Trần tại thượng Hải có một người hàng xóm tên gọi là Châu Dật Dân. Cô gái này là bạn thân của A Phụng. Năm 1919. Châu tiểu thư lấy Trương Tĩnh Giang, phụ trách nuôi dưỡng chăm sóc năm cô con gái do người vợ của Tường qua đời, để lại. Để cho những đứa trẻ này được tiếp thụ giáo dục, Trương Tĩnh Giang muốn mời một vị gia sư tới nhà dạy học. Lúc đó, Trần A Phụng mới ba tuổi, có độ tuổi xấp xỉ với các tiểu thư của nhà họ Trương, tức thì liền thông qua mối quan hệ của Châu tiểu th, tới nhà họ Trương để cùng học, thường xuyên ra vào ở trong nhà

Trương Tĩnh Giang. Vào thời kỳ này, Tưởng Giới Thạch ở Quảng Châu thường phát sinh ra những ý kiến bất đồng với quân nhân phía đất Việt (Quảng Đông) cho nên phải dừng lại ở thượng Hải, bổ sung làm người mách mối cho sở giao dịch chứng khoán. Kiếm được đồng tiền d dật, cũng thường qua lại nhà thổ để tìm lấy thú vui trong thành và sắc. Một hôm, Tưởng đến chơi nhà ông bạn già Trương Tĩnh Giang nhìn thấy một lũ em bé gái đang ngồi học. Trong đó có một cô gái mà Tưởng cha từng được nhìn thấy, làm cho Tưởng phải chú ý. Thoạt nhìn đã thấy tiểu thư lạ này học tập rất chăm chỉ, hơn thế ngôn ngữ thái độ rất khác thường, người này chính là Trần A Phụng. Tưởng Giới Thạch tự xưng hiểu sắc là do bất đắc chí, mà lúc này đã thoát ly Quảng châu tới ở thượng Hải, bức bối bất đắc chí, vừa hay là thời kỳ phát “bệnh”. Tức thì dâng vẻ ngây thơ non trẻ của Trần A Phụng liền phát sinh ra tác dụng câu hồn rút phách đối với Tưởng từ đó về sau, Tưởng Giới Thạch đã sử dụng chiến thuật săn bắt Diêu Di Thành ở “Quần Ngọc phương”, có việc hay không có việc đều dềnh dàng ở nhà tương Tĩnh Giang, tìm mọi cơ hội trò chuyện với Trần A Phụng. Thế nhưng, Trần A Phụng chỉ là một cô bé thơ đại tình cảm cha phát triển, đâu có nhìn thấy trận đồ này. Đứng trước mặt Tưởng Giới Thạch vốn dã nhiệt tình quá mức, cô bé chỉ biết e thẹn cúi đầu, răng cắn chặt môi, trong đôi mắt to bao hàm một nụ cười ngây thơ thuần phác, tim đập thình thịch, loạn xạ. Dáng vẻ sợ sệt, e thẹn này của A Phụng càng kích thích dục vọng phải chiếm lấy cô gái này. Tục ngữ nói “Thời gian chẳng phụ kẻ có tâm”, về mặt truy cầu phụ nữ, đạo lý cũng như vậy. Với sự cố gắng không ngừng của Tưởng Giới Thạch, qua nhiều lần đi lại, Trần A Phụng đã không có cảm giác e thẹn như lúc đầu nữa. Thế nhưng trong con tim của thiếu nữ không sao có thể đem tình yêu và hạnh phúc tương lai của mình buộc chặt vào với một người đàn ông lớn hơn mình mười chín tuổi được. Đối với điểm tâm lý này Tưởng Giới Thạch đã biết rất rõ Tưởng tạm thời kìm nén dục vọng không vội vàng chiếm hữu cô gái trẻ trung này, không động tĩnh gì về thanh về sắc, yên lặng chờ đợi thời cơ đến. Cuối cùng, thời cơ đã đến, Tháng 9 năm 1921 người cha của Trần A Phụng bởi mắc bệnh tim, đã qua đời. Đon đả kích bất ngờ đã khiến cho nhà họ Trần mẹ góa con cô, muôn vàn khó khăn lúng túng. Còn đối với Tưởng Giới Thạch mất long sông sọc như hổ thềm môi mà nói, đây lại là một cơ hội tốt trời cho để đánh gục Trần mẫu, cướp lấy A Phụng. Tức thì, trong thời gian nhà họ Trần gặp phải bất hạnh này, Tưởng Giới Thạch vô cùng ân cần, bận rộn tất bật, lo liệu mọi mặt việc tang lễ cho cha A Phụng. Sự ân cần và tháo vát của Tưởng đã giành được tình cảm tốt đẹp của bà mẹ A Phụng. Sau đó, Tưởng Giới Thạch tát nước theo má, lợi dụng thời cơ, nhờ vợ chồng Trương Tĩnh Giang đứng ra tác hợp cho, cuối cùng đã khiến cho Trần mẫu đồng ý với việc hôn nhân này. Thoạt đầu, Trần A Phụng sống chết không chịu, không bằng lòng lấy người đàn ông lớn hơn mình mười chín tuổi này. Thế nhưng, không sao lay chuyển được thái độ của mẹ, lời khuyên bảo của châu tiểu thư, lời đường lẽ mặt của Tưởng Giới Thạch, với sự “thuyết phục” của mọi người, cuối cùng nàng đã bị khuất phục. Buổi chiều ngày 5 tháng 12 năm 1921, lễ cưới giữa Tưởng Giới Thạch với Trần A Phụng đã được cử hành tại khách sạn Đại Đông thượng Hải. Lúc này, Tưởng Giới Thạch không những đã triệt để - chinh phục được Trần A Phụng, hơn nữa ngay đến cả tên của nàng cũng đã được đổi thành Trần Khiết Nh. Hôn lễ do Đới quý Đào và Trương Tĩnh Giang chủ trì, luật sư danh tiếng ở thượng Hải là Giang Nhất bình đã đứng ra làm thủ tục cho ông. Trong bữa tiệc cưới thịnh soạn. Các nhân vật tiếng tăm lừng lẫy như Hoàng Kim Vinh, Đỗ nguyệt sinh, Trương Túc Lâm và hơn năm chục nhân vật quan trọng trong quân đội thượng Hải đã tới tham dự trong buổi lễ cưới, Tưởng Giới Thạch đóng vai chủ rể lần thứ ba mặc bộ lễ phục màu đen với vẻ mặt tươi cười hớn hở phơi phới sức xuân, cuối cùng thì ông đã đạt được mục tiêu săn bắt. Cô dâu Trần Khiết Nh trên thân mặc bộ lễ phục sắc hồng nhạt thêu hoa bạc dát vàng, trên đầu cắm đầy đồ trang sức bằng ngọc quý. Vào giờ này phút này, trong lòng cô dâu đã có những cảm giác gì? Mặc dù chủ rể tuổi đã ba mươi sáu, có hơn lớn một chút, thế nhưng cuối cùng cũng phải kể là con người có tài. Hơn nữa, cử hành lễ cưới to lớn thịnh soạn như thế này, những nhân vật quan trọng tới dự nhiều như vậy, quả thực là rất vinh hạnh. Phụ nữ luôn luôn thích h vinh, đối với một thiếu nữ mười lăm tuổi mà nói, được hưởng thụ một cuộc hôn lễ hào hoa như vậy, cũng phải kể là vô cùng may mắn. Nghĩ tới đây, trên nét mặt cô dâu bỗng nhiên ửng đỏ Hung phấn. Đột nhiên, một bóng đen thoáng ló qua tim, chàng có yêu mình thật không. Trần Khiết Nh như đưa mắt liếc nhìn trộm Tưởng Giới Thạch đang ứng thủ trong tiệc rượu linh đình, người đàn ông này đã có một thê và một thiếp rồi. Tuy Tưởng Giới Thạch đã nói rõ với nàng rằng quan hệ với hai người đàn bà kia đã tan nát rồi, chàng còn túm ngực dậm chân chỉ non thê biển, chỉ yêu một mình nàng thôi... thế nhưng trong lòng người thiếu nữ vẫn giăng đầy những đám mây nghi vấn. Sau khi kết hôn không lâu, Tưởng Giới Thạch liền đem người vợ mới trẻ trung xinh đẹp, ngồi thuyền từ thượng Hải qua Ninh Ba trở về Khê Khẩu. Lúc này, Tưởng mẫu vương thị đã qua đời, Tưởng Giới Thạch có thể tự do không kiêng dè trong việc bỏ vợ cả lấy vợ lẽ. Tưởng không phải lo lắng gì đến việc bức tức và cản trở của mẹ nữa, cho nên, cũng đã công khai ngang

nhiên đem Trần Khiết như đi giới thiệu với họ hàng và làng xóm. Thời gian Tường mẫu qua đời còn cha lâu, vợ hài kịch bỏ thê bỏ thiếp vẫn còn cha mờ nhạt trong đầu óc dân làng. Bây giờ Tường quả nhiên lại dẫn về một người đẹp như hoa tựa ngọc, đã khiến cho dân làng vô cùng kinh ngạc. Những cụ già tương đối nhiều tuổi ở trong họ, đối với việc Tường Giới Thạch lạnh nhạt ruồng bỏ Mao Phúc Mai, lấy vợ lẽ bừa bãi, đã vô cùng bất mãn, bức tức chỉ cây dâu chửi cây hòe, nói cạnh nói khoe, quở trách Tường là ngả nghiêng bất định. Một số người trẻ trung thì dơ ngón tay cái chỉ vào sau lưng Tường tặc tặc lời xun xoe thêm muốn Tường là “diễm phúc chẳng phải xoàng”. Còn Tường thì sao? Một dáng vẻ phớt đời, tôi làm theo ý muốn của tôi! Trước khi kết hôn với Trần Khiết Nh, Tường Giới Thạch đã từng hứa với nàng, sẽ đuổi hết hai người đàn bà trước kia đi, rồi đã vì chuyện này mà đã gây nên một trận lớn xôn xôn ở Phong Cảo phòng. Thế nhưng, việc ly hôn đâu có phải chuyện đơn giản. Dối áp lực về các mặt, trước sau Tường Giới Thạch vẫn chưa thể làm xong thủ tục li hôn với Mao thị và Diêu thị được. Đối với sự việc này, Trần Khiết như vô cùng để ý. Cho nên vừa về tới Phong Cảo phòng ở Khê Khẩu, Trần đã tới gặp Mao Phúc Mai với tâm trạng pháp phủng bất an. ở trong Phật đường tụng kinh, với tâm tình vô cùng điềm tĩnh tảo, Mao thị nhìn cô gái chỉ lớn hơn Kinh Quốc bốn tuổi này, ân cần tiếp đón “em gái bé nhỏ” này, rồi kể lại lịch sử Phong Cảo phòng cho Trần thị nghe. Cuối cùng, Mao thị kéo tay Trần Khiết Nh, nước mắt rưng rưng, nói.- Suốt cuộc đời chị đã chẳng có niềm hy vọng nào, chỉ có điều an ủi duy nhất chính là mong muốn cho con Kinh Quốc sau này có tiền đồ, không phụ nỗi khổ tâm của mẹ nó. Có lẽ là “thực lực” của song phương chênh lệch quá lớn, có lẽ là lòng khoan dung nhân hậu, lương thiện của Mao thị, lần gặp gỡ giữa hai người lần này, đã hoàn toàn đập tan hết ý chí thù địch của Trần Khiết Nh. Từ đó về sau, Trần Khiết Nh đã không bao giờ yêu cầu, đòi hỏi Tường Giới Thạch ly hôn với người đàn bà đáng thương này nữa. Phụ nữ là phải yếu, thường nhận được sự thông cảm của mọi người. Trần Khiết như chính là đã nảy sinh ra tấm lòng thông cảm đối với Mao thị trong cảnh ngộ bi thảm đáng thương của Mao thị. Thế nhưng, ai lại có thể ngờ tới, chỉ vài năm sau, do vì có sự xuất hiện của kẻ mạnh trong giới nữ, Trần thị đã bị đẩy vào lãnh cung một cách rất nhanh chóng. Điều này thực sự đã ừng vào một câu sấm truyền trong “Hồng lâu mộng”: “Đang tham người khác chẳng sống lâu, đâu biết mình đã về cõi hết!”. Lẽ dĩ nhiên, đây là chuyện về sau. Lần này trở về Khê Khẩu, về mặt công việc gia đình, Tường Giới Thạch đã có một quyết định quan trọng: Đem Tường Kinh Quốc trao cho Trần Khiết như nuôi dưỡng và dạy bảo. Dựa vào trái tim mà suy luận, trong ba người thê thiếp của Tường, người có trình độ tri thức nhất định cũng chỉ có một mình Trần Khiết Nh. Diêu thị xuất thân từ nhà thổ, tuy giỏi về cầm kỳ thư họa, thế nhưng những thứ đó phần lớn đều là việc kiếm sống trên trường trắng gió không phải là chính đạo dạy dỗ con cái. Mao thị là mẹ đẻ ra Kinh Quốc, tính tình lương thiện, là người lành hiền chất phác, thế nhưng cuối cùng bà chỉ là một người phụ nữ kiểu cũ của Trung Quốc, không phải là con nhà dòng dõi, đối với cuộc đời này hiểu biết quá ít ỏi. Dựa vào bà để dạy dỗ con cái, rất khó nói mai sau dữ đem lại lợi ích gì cho con cái. Suy đi tính lại, Tường Giới Thạch đã hạ quyết tâm, vì kẻ sách mai sau lâu dài của con, hãy để cho Trần Khiết như học nhiều biết rộng làm người trông coi dạy dỗ cho con, để cho nó tới học hành ở thượng Hải. Quyết định này của Tường chẳng khác gì đã khoét thối moi tim của Mao Phúc Mai. Bà vừa kêu gào vừa khóc lóc không chịu rời chôn. thế nhưng, lệnh chồng khó chống, cuối cùng thì cánh tay không vịn nổi bàn chân, nhìn bóng con đã đi xa, Mao thị dần dựa nước mắt đầy trên mặt. Năm 1922, Tường Kinh Quốc từ Khê Khẩu tới học tập ở thượng Hải, trên mặt đời sống hoàn toàn do Trần Khiết như lo liệu - chăm sóc. Tường Kinh Quốc gọi Trần thị là “mẹ bảo mẫu thượng Hải”. Về sau, Tống Vĩ quốc cũng tới thượng Hải, thường lui tới nhà Trần thị. Dối gồi Trần Khiết như chẳng có con, nàng đặc biệt thương yêu hai anh em Kinh Quốc, như chính con mình đẻ ra. Do đó, tình cảm giữa Tường Kinh Quốc với Trần Khiết như cũng tương đối sâu sắc. Sau khi Tường Giới Thạch tuyên bố li dị với Trần Khiết Nh, Tường kinh Quốc vẫn giữ mối liên hệ với “mẹ bảo mẫu thượng Hải” Năm 1938, sau khi từ Liên Xô về nước, Tường Anh Quốc từng đem vợ là Tường phương lương cùng tới thăm Trần Khiết Nh. Tuy cuộc gió ma biến ảo của mười năm sau đó, vì đại thái tử của nhà họ Tường này trước sau vẫn giữ sự đi lại với Trần thị. Năm 1961, Trần Khiết như được phép rời đại lục tới định cư ở hương Cảng, sau khi Tường Kinh Quốc biết tin đã đặc biệt mua một ngôi nhà ở rộng rãi thoáng đãng ở hương Cảng cho Trần Thị, để tận đạo hiếu. Tháng 2 năm 1923, Tường Giới Thạch nhận được thư của Tôn Trung Sơn từ hương Cảng gửi tới, dự định bổ nhiệm Tường làm thm mu trưởng hành dinh phủ Đại nguyên soái Quảng Châu - Cơ hội phát lên cao đã tới Tường Giới Thạch đem phu nhân Trần Khiết như cùng tới Tuệ. Trong mấy năm ở Quảng Châu, cục diện chính trị biến ảo; bí mây khó lòng. Chính trong cảnh uân trường chìm nổi, sóng gió hải hùng này, Tường Giới Thạch đã dựa vào nguy biến gian trá, xảo quyết của mình, từng bước, từng bước từ chức hiệu trưởng trường quân sự Hoàng Phố leo lên chức vụ Tổng tư lệnh Bắc phạt quân, mà sự vinh hạnh về vang

nổi trội vọt người, thẳng tiến lên tận mây xanh này chỉ có riêng một mình Trần Khiết như độc hường. Sau khi Trần Khiết như theo Tưởng Giới Thạch tới Quảng Châu, trước tiên cùng trú với Tưởng ở Bộ tư lệnh Trường Châu yếu tắc. Nơi đây thuộc về doanh trại quân đội, lẽ dĩ nhiên điều kiện không bằng sống ở thượng Hải, có rất nhiều điều bất tiện. Về sau Tưởng nhận chức hiệu trưởng trường Quân sự Hoàng Phố, liền đưa Trần cùng vào ở dinh thự của hiệu trưởng. Trong thời kỳ này, Tưởng và Trần hai người tựa hồ như đôi chim én chạ thoát khỏi kỷ trăng mật của cuộc tân hôn, thường xuyên anh anh em em, ra có đôi vào có lứa, tình cảm rất khăng khít. Căn cứ vào hồi ức của một số người Tưởng lĩnh một thời ở Hoàng Phố, môn sinh của Tưởng Giới Thạch như Tống Hy Liêm, Tôn Nguyên lương v.v... thì: “Cứ đến chập tối mỗi ngày, sau khi bài giảng quân sự đã xong một giai đoạn, Tưởng hiệu trưởng thường dắt tay Trần Khiết như đi dạo ở trong vườn hoa nhà trường”. Mức độ thân mật của họ như thế nào, chúng ta đủ hiểu. Trên một sự nghiệp, Trần Khiết như cũng đã có sự giúp đỡ đối với Tưởng. Lúc đó, trong việc ứng thù giao tế, Tưởng Giới Thạch thường đem theo vị phu nhân non trẻ này ra vào trong trường ngoại giao. Cộng thêm việc Trần thị thông thạo Nga ngữ, đã trò chuyện làm quen với các cố vấn Liên Xô Bazôtin và Galon, làm vẻ vang cho Tưởng Giới Thạch rất nhiều. Đêm hôm trước Bắc phạt, cố vấn Liên Xô Barôtin còn chụp ảnh lưu niệm ở trạm phía đông Quảng Châu với Trương Tinh Giang, Tưởng Giới Thạch, Đới Quý Đào, Hà hương Ngng v.v... Trần Khiết như cũng có mặt ở trong đó nàng khoác một bộ áo bào hoa cờ hai ống tay cộc tới khuỷu, rất hợp một. Một phụ nữ tóc chỉ mới hai mươi có thể len thân vào bên cạnh các vị nguyên lão Quốc dân đảng như Trương Tinh Giang, Hà hương Ngng v.v.. Cùng với cả cố vấn Liên Xô, nếu không phải là người yêu cng của Tưởng tổng tư lệnh, thì đó là điều hoàn toàn không thể có được. Tháng 3 năm 1927, quân Bắc phạt tiền chiếm thượng Hải, Tưởng tổng tư lệnh cũng theo quân đội về Hộ. Lúc này, Tưởng Giới Thạch vây cánh đã đầy đủ liền bắt đầu vạch kế hoạch lập phương án hành động để cướp đoạt lấy quyền lực cao nhất của Trung Quốc. Để thực hiện được kế hoạch này cần phải thanh lý Đảng cộng sản, cướp lấy quyền lực cao nhất của Quốc dân đảng và lôi kéo các tài phiệt Giang Triết - ba mũi tên cùng bắn, mới có thể xong xuôi công việc lớn được. Tức thì Tưởng Giới Thạch; đồng thời với việc bí mật âm mưu thanh toán Đảng cộng sản, đã tích cực liên lạc với các đại tư fphiệt như Ngụ Hiệp Khanh, Tống Tử Văn v.v.. đều cầu lấy sự tri viện trên mặt tài chính. Đồng thời với việc lôi kéo Tống Tử Văn, Tưởng Giới Thạch nhiều lần cầu hôn với tiểu thư thứ ba của nhà họ Tống - Tống Mỹ Linh, mong giành được làm thành một cuộc buôn bán lớn thu được cả tài và sắc. Lẽ dĩ nhiên, ớt vọng mai sau khi bước lên địa vị cao sang lớn lao ở Trung Quốc, người đàn bà lí Tưởng nhất ở bên cạnh Tưởng phải là tam tiểu thư của nhà họ Tống. So với con người danh môn khuê tú, phong tư tuyệt vời này, Trần Khiết như đáng thương, không đáng được kể tới. Chính trong lúc đồng thời với việc Tưởng Giới Thạch bí mật tiến hành truy cầu Tống Mỹ Linh, vẫn cẩn thận từng li từng tí ứng phó với Trần Khiết Nh. Đêm hôm trước “ngày 12 tháng 4”, đó phát động cuộc chính biến phản đối Đảng cộng sản, Tưởng Giới Thạch đang gấp rút khua chiêng gõ trống thu hút thân tín, điều tập binh mã, nhiều lần bàn bạc thượng nghị những âm mưu thay đổi lịch sử Trung Quốc này với Ngô Trung Tín, Dương Hồ, Trương Tinh Giang, Hoàng Kim Vinh, Đỗ Nguyệt Sênh, Ng Hiệp Khanh v.v..., có một bộ phận tương đối đông đảo bí mật chuẩn bị tại nhà của Trần Khiết như ở thượng Hải. Thế nhưng, giấy làm sao gói nổi lửa. Một hôm, Trần Khiết như đang thu dọn đồ đạc cho Tưởng Giới Thạch, vô tình phát hiện được một bức thư van xin tình yêu đầy những lời đường lệ mật của chồng mình gửi cho tiểu thư Tống Mỹ Linh, bỗng chốc máu ghen nổi dậy Lào Tưởng chẳng thềm là một tay lối đời trong việc vượt ve nữ giới. Sau khi sự việc giữa mình và tam tiểu thư họ Tống bị vợ mình phát hiện, chẳng những Tưởng không có một chút gì là ngượng nghịu áy náy, trái ngược lại, Tưởng đã thuận nước đẩy thuyền, hùng biện bừa bãi với Trần Khiết Nh. Tưởng chau mày chau mặt, giả vờ đáng vẻ thương nước thương dân nói với Trần rằng, ông ta lấy Tống Mỹ Linh hoàn toàn chỉ là một cuộc hôn nhân chính trị, nếu không sẽ không thể nhận được một xu của các nhà ngân hàng thượng Hải ! Sau đó, Tưởng tiếp tục hùng biện với Trần nói:- Em sẽ qua bên nước Mỹ học tập vài năm, đó là vì sự thống nhất của Trung Quốc, vì sự thắng lợi của bắc phạt. Trong tương lai chúng ta vốn là vợ chồng ! - với những lời hùng biện của Tưởng Giới Thạch, Trần Khiết như gào khóc một hồi, cuối cùng không biết làm cách nào, đã phải thuận theo. Ngoài cách đó ra, Trần còn có cách nào nữa ? Tục ngữ nói, đàn bà lấy gà theo gà, lấy chó theo chó. Cuộc hôn nhân giữa những người dân bình thường lớp dưới, tuy đẳng cấp có thấp, thế nhưng điều tốt là người vợ tào khang, sống với nhau tới chọn kiếp. Còn như Trần Khiết như làm phu nhân của Tưởng Giới Thạch, tuy nhiên cũng có được vẻ vang trong vài năm, được thông thức qua mỹ tửu ngọt ngào trên con đường đời, thế nhưng, những điều này cuối cùng chỉ là tam thôi ngắn ngủi, như khói như mây lớt qua trước mắt, trong giây lát đã tiêu tan. Sự cô độc bị ruồng bỏ mới là lâu dài... Tháng 8 năm 1927, được sự đồng ý của Tưởng Giới Thạch, Đỗ nguyệt Sênh sắp đặt cho Trần

Khiết như sang Mỹ lưu học. Trước khi ra đi, Tưởng cho mời vạn đồng bạc, gọi là an ủi vỗ về. Sống tha hương ở nước ngoài ở bên kia bờ đại Dương, cuối cùng Trần Khiết như cũng đã nhìn thấy tờ “thân báo” thượng Hải, qua tay nhiều người già đến. “Tin báo của Tưởng Trung Chính” sừng sững hiện lên trước mặt mọi người, trong đó viết “Năm dân quốc thứ mười, người vợ cả Mao thị đã chính thức li hôn với Trung Chính. Còn hai thị khác vốn không có hôn ước, hiện tại đã thoát ly quan hệ với Trung Chính. Đọc đến đây, Trần Khiết như bị phần tới cực điểm. Sau khi Tưởng Tổng kết hôn, năm 1928 Tưởng đã từng cử luật sư Giang Nhật Bình sang nước Mỹ để hiệp đàm với Trần Khiết như về nghi thức li hôn, Trần đã tha thứ cho Tưởng Giới Thạch, ký tên trên văn kiện li hôn. Sau khi Trần Khiết như sang Mỹ, về mặt kinh tế đã có người bảo đảm cho, cuộc sống lẽ dĩ nhiên không thành vấn đề nữa. Trong năm năm lưu học ở Mỹ, Trần thị học tiếng Anh nuôi ong và nghệ thuật làm vờn, đã đạt được học vị thạc sĩ của học viện giáo dục trường đại học Côlômbia. Năm 1933, vì nhớ nhung đất nước, Trần Khiết như đã trở về thượng Hải. Sau cuộc kháng chiến bùng nổ, Trần Khiết như vẫn sống ở thượng Hải. Đầu năm 1940, thượng Hải đã trở thành khu thống trị của chính quyền Ôn ngụy. Đề hồng ngừ chính quyền Ngụy lợi dụng quan hệ hôn nhân giữa Trần với Tưởng để viết văn chương báo chí, Trần Khiết như đã bí mật rời thượng Hải, rồi chuyển tới thượng Nhiêu Giang Tây. Lúc đó, tư lệnh đệ tam chiến khu Quốc dân đảng là Cố chúc Đồng đang ở thượng Nhiêu. Sau khi được biết Trần Khiết như đã tới, trước hết ông ta ra lệnh cho bộ hạ sắp đặt chỗ ở chu đáo cho bà, sau đó hỏa tốc mật điện cho Trùng Khánh thỉnh thị ý kiến của Tưởng Giới Thạch. Tưởng lập tức đánh điện trả lời, bắt Cố Chúc Đồng cử người chuyên môn hộ tống bà Trần tới Trùng Khánh. Sau khi tới Trùng Khánh, người đứng đầu quân đội thống nhất là Đới Lập đích thân lộ mặt, đem Trần Khiết như bí mật xếp đặt ở biệt thự hang núi, cách dinh quan của Tưởng Giới Thạch không xa. Nhận được sự tiếp đãi thân ái như vậy, Trần Khiết như rơi vào cõi sương mù mờ mịt, không hiểu là vì sao. Nói thực tình hơn mười năm nay, hình bóng của Tưởng Giới Thạch không hề mất đi trong sóng gió tình cảm của bà, yêu và ghét xen kẽ vào nhau khó bề phân biệt. Có điều là Trần Khiết như cha bao giờ dám nghĩ tới chuyện ôn lại mộng cũ với Tưởng. Thế rồi, ngày hôm đó, chuyện kỳ lạ đã phát sinh. Chẳng biết là sức lôi cuốn của Tống Mỹ Linh đã quá giảm sút, hay là mối tình cũ của Tưởng Giới Thạch lại bùng cháy, quý khiến thần sai, khiến cho vị “lãnh tụ kháng chiến” của bốn trăm triệu nhân dân Trung Quốc - Tưởng ủy viên trưởng đã tới biệt thự hang núi ôn lại chuyện cũ như đôi uyên ương trong mộng. Thế nhưng, ở trên đời này không có bức tường nào không lọt gió. Tin tức tường Trần bí mật lén lút gặp gỡ đã không cánh mà bay, rất nhanh chóng lọt vào tai bà Tống Mỹ Linh. Tức thì, sự kiện dan díu trai gái của chồng, đã dẫn tới một trận đại “nội chiến” của gia đình thứ nhất Trung Quốc, Tống Mỹ Linh đã ngăn sông lấp biển, biển ghen nổi sóng, đã buột tay đánh vỡ trán Tưởng ủy viên trưởng. Hậu quả ác liệt tạo ra bởi cuộc “nội chiến”, này cũng rõ ràng dễ thấy: người chồng mấy ngày liền không dám lộ mặt trong các trường hợp ông khai. Ông Tưởng có tài nói khoác đến đâu cũng không thể đem cuộn băng cuộn ở trên đầu liên hệ tới cuộc kháng chiến ở tiền phương được. Vậy thì trước mặt các công chúng trong và ngoài nước ông Tưởng đã giải thích như thế nào? Phu nhân sau cơn thịnh nộ đã lệnh bệnh đi về phía đông tới nước Mỹ ở bên bờ bên kia đại Dương. Một thời gian, sự kiện tình tứ trai lơ này do đích tay đạo diễn của Tưởng Giới Thạch đã không có cảnh mà chạy đi mất, Trùng Khánh đồn đại âm ỹ ủy viên trưởng đã có niềm vui ớc, người ta gọi đó là “Trần tiểu th”. Thế nhưng tất cả mọi người đều chỉ nói vu vơ như thể bắt gió tóm bóng, nghe hơi nổi chỗ, mà không biết niềm vui mới, vàng thau lẫn lộn này - “Trần tiểu Th” là ai? Tức thì người ta bí mật bàn tán ở khắp mọi nơi, tất cả mọi người dùng điều sai truyền đi điều sai. Có người nói “Trần tiểu th” chính là con gái của Trần Bồ Lôi, có người nói là cháu gái của Trần Lập Phu. Mỗi người nói một phách, không thể nhất trí được, làm cho rối loạn âm ỹ, âm ào. Kỳ thực, “Trần tiểu th”, niềm vui mới này của Tưởng ủy viên trưởng, chính là niềm vui cũ - Trần Khiết như ngày trước! Tháng 5 năm 1949, giải phóng quân bước tới gần thượng Hải, chính quyền quân đội Quốc dân đảng rêu rao các yếu nhân bỏ chạy lung tung. Trần Khiết như đã lựa chọn con đường ở lại Đại Lục. Sau khi giải phóng thượng Hải, bà được chính phủ thành phố của Đảng Cộng sản tôn trọng, được mời làm ủy viên chính trị hiệp thương khu L Loan. Tháng 12 năm 1961, nhận lời mời của ủy ban mặt trận thống nhất Trung Ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Trần Khiết như đã tới Bắc Kinh. Bởi tra ngày 26, thủ Tướng nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa Chu Ân Lai đã tiếp kiến bà tại nhà ở, đã cùng bà thân mật kể lại chuyện cũ và tiếp kiến bà tại nhà ở, đã cùng bà thân mật kể lại chuyện cũ và bàn tới vấn đề tiền đồ của Đài Loan và cá nhân ông Tưởng Giới Thạch. Trong cuộc hội kiến, Trần Khiết như đã nêu ra lời thỉnh cầu muốn được định cư tại hương Cảng, ngay lúc đó thủ Tướng Chu Ân Lai đã biểu thị sự đồng ý. Tháng 5 năm 1962, Trần Khiết như rời thượng Hải đi hương Cảng. Sau khi tới hương Cảng không lâu, bà đã vào ở trong ngôi nhà mà Tưởng Kinh Quốc đã mua sẵn cho bà, dấu tên đôi họ, dấu kín như miệng bình mọi chuyện ngày

xa, lặng lẽ sống qua cuộc đời. Không lâu, bà đã nhận được bức thư do chính tay Tưởng Giới Thạch viết, thông qua Đới An Quốc - chuyển tới. Trong th, Tưởng Ca tụng Trần là “con người luôn luôn dịu dàng nhân hậu”, tiếp đó còn tỏ rõ: “Trước kia, trong những ngày cùng chung con thuyền đầy ma gió, tất cả những sự yêu thương vỗ về, không một khoảnh khắc nào có thể quên được”. Lúc này, Cụ Tưởng Giới Thạch đã trên bảy chục tuổi nhớ về ngày xa, trong lòng tràn đầy tình cảm hồ thẹn áy náy đối với Trần Khiết Nh. Năm 1967, được sự giúp đỡ của người khác, căn cứ vào nhật ký trân trọng giữ gìn của mình, Trần Khiết như đã biên soạn ra một bộ tự truyện theo thể ghi chép hồi ký, đặc biệt giới thiệu đời sống hôn nhân giữa bà và Tưởng Giới Thạch từ năm 1921 đến năm 1928. Một NXB ở Niu oóc nước Mỹ bàn bạc quyết định xuất bản ngay. Tin tức truyền đi, phía Đài loan vô cùng lo lắng. Nhà đương cục Đài Loan cùng một lúc trả giá rất cao để mua cho được bản thảo này, một mặt do Trần Lập Phu điều giải, hòng muốn kết thúc việc này. Trong bức thư gửi cho Trần Khiết Nh, Trần Lập Phu nói: “Nhưng sự hy sinh của bà cho sự thống nhất quốc gia, cùng với sự trầm lặng mà bà gìn giữ trong nhiều năm nay đã khiến bà trở thành một vĩ nhân, một công dân trung thực rồi. Thế nhưng trước tác của bà hề xuất bản phát hành ra, người duy nhất bị phương hại chính là Tưởng tổng thống và. Quốc dân đảng. Cho nên xin bà hãy tiếp tục giữ lấy sự trầm lặng như những năm tháng trước đây cho! Trầm lặng, trầm lặng ! Chẳng phải là sự bùng nổ trong trầm lặng, thì cũng là sự chết chóc trong trầm lặng. Trần Khiết như đã thông thức cách thứ nhất, xuất bản sách - có điều là một loại bùng nổ tình cảm có mức độ. Thế nhưng bà đã không thành công. Cuối cùng, không còn cách nào, bà đã phải ứng thuận theo cách thứ hai - bà đã chết. Ngày 21-2-1971 bà đã trúng phong đột ngột qua đời tại nhà riêng ở hương Cải, thọ 65 tuổi. Sau một tuần lễ, người ta mới phát hiện cái chết của con người cô độc này. Khi Trần Khiết như dự cảm thấy mình chẳng ở trần gian được bao lâu nữa, đã dùng bàn tay run rẩy, viết một bức thư cuối cùng cho Tưởng Giới Thạch, nói rõ nỗi buồn rầu đau sót cuối cùng: “Hơn ba chục năm nay, nỗi oan khuất của em chỉ có chàng mới hiểu được. Thế nhưng để gìn giữ niềm vinh dự trước quốc gia của chàng, em đã luôn luôn tự nguyện nhận về mình sự hy sinh lớn lao nhất...”. Tưởng Giới Thạch đã nói đúng. Trần Khiết như “luôn luôn dịu dàng nhân hậu”. Thế nhưng, hai người thê thiếp trước của Tưởng, có người nào không “dịu dàng nhân hậu” đâu ? Mao Phúc Mai ? Diêu Di Thành ? Họ đều đã từng trải qua nỗi đau khổ bị ruồng bỏ và lạnh nhạt mà phải ngậm đắng nuốt cay, im hơi lặng tiếng, đã đủ “dịu dàng nhân hậu” rồi. Giả sử có một người trong số đó không “dịu dàng nhân hậu” điều đó cũng đủ làm cho Tưởng “Tổng thống điệu đứng khốn khổ rồi. Phải nên thừa nhận rằng, ở trên chiến trường, Tưởng Giới Thạch nhiều lần đánh thì nhiều lần thất bại, không thể ngóc đầu lên được. Còn ở trên tình trường thì sao? thực sự đã rõ ràng cụ Tưởng là một người thắng lợi.

5. Cuộc hôn nhân Tưởng - Tống với tình yêu cùng tồn tại

Từ thời xa tới nay, coi nhân vật lớn trên lịch sử Trung Quốc, vô luận là bắt đầu sáng lập thiên hạ hay là giữ gìn sự nghiệp, tựa hồ như không thể rời khỏi một người nội trợ đảm đang để diễn xuất ra một vở hài kịch trong dân gian phu sồng phụ hòa. Ngày 1 tháng 12 năm 1927, sau khi bức màn của cuộc hôn lễ từ từ kéo lên, viên quân phiệt mới lớn nhất Trung Quốc - Tưởng Giới Thạch, chẳng những đã giành được Tống Mỹ Linh, người con gái xinh đẹp quyền quý mà mình đã thêm chầy dãi từ lâu, hơn thế thông qua dải váy của cuộc hôn nhân đã buộc chặt nhà tư bản tài chính, từ đó đã đặt được cơ sở kinh tế do chính quyền của mình. Trong cuộc trao đổi giao dịch này, phía phụ nữ cũng không bị hớ thiệt, thông qua cuộc hôn nhân bà đã trở thành đệ nhất phu nhân hiển hách của Trung Quốc. Quyền lực và tiền của luôn luôn chung nhịp với nhau như vậy. Chính trong hai tháng trước khi cử hành hôn lễ, tức là ngày 28, 29, 30 tháng 9, “Thân báo”, “Tân văn báo” và “Thời sự tân báo” ở thượng Hải liên tục đăng tải “Tin báo của Tưởng Trung Chính” suốt ba ngày liền, nói: “Các đồng chí đối với gia sự của Trung Chính, có rất nhiều người gửi thư đến chất vấn nghi ngờ, bởi cha trả lời khắp kết được, nay đặc biệt nói rõ như sau: Năm thứ mười dân quốc, nguyên phối Mao thị đã chính thức li hôn với Trung Chính, còn lại bà khác, vốn không có hôn ước, hiện tại đã thoát ly quan hệ với Trung Chính. Nay ở trong nhà ngoài hai người con ra, chẳng còn thê thiếp nữa. Mọi tin truyền sai sự thật, dễ làm ra sự hiểu lầm, nên đặc biệt kính báo tại đây !” Trước khi kết hôn với Tống Mỹ Linh, Tưởng đã có ba lần làm chú rể. Đàn bà đối với Tưởng quả thực chỉ giống như một chiếc áo lót, khi cần thì mặc vào, khi không cần thì cởi bỏ. Những lần kết hôn khác cũng chẳng bao giờ làm thủ tục li hôn với người vợ trước. Thế nhưng lần này thì khác hẳn. Trước khi lấy tiểu thư thứ ba của nhà họ Tống, Tưởng Giới Thạch cần phải tiến hành thanh lý nhà cửa đối với những thê thiếp vốn có từ trước, hơn thế còn tuyên bố trịnh trọng đảng hoàng trên báo chí, tất cả đều làm theo lớp lang bài bản, cẩn thận từng li từng tí một. Sự chuyển biến thái độ đối với cuộc hôn nhân này của Tưởng Giới Thạch, xuất phát từ

nguyên nhân địa vị xã hội và điều kiện không giống người thường của gia tộc họ Tống với tiểu thư thứ ba của nhà họ Tống. Trong lịch sử cận đại Trung Quốc, gia tộc họ Tống có tiếng tăm lừng lẫy. người cha của Tống Mỹ Linh là Tống Gia Thụ, tự là Diệu Nh, sinh năm 1866 tại một gia đình nghèo túng ở huyện Văn xương Đảo Hải Nam. Năm lên 9 tuổi, bởi gia cảnh khó khăn, cha mẹ đã đem Tống Gia Thụ giao cho người cậu mở cửa hiệu buôn Bốt Ston ở Mỹ nuôi dưỡng xung vào làm người giúp việc ở cửa hiệu. Sau đó vì bức tức với Cậu đã tự động bỏ đi. Sau đó, Tống Gia Thụ phiêu bạt lang thang ở nước Mỹ, làm thuyền viên ở trên tàu thủy, làm tạp dịch ở trong một khách sạn. Sự tôi luyện vất vả của cuộc sống, đã khiến cho chàng trai này trưởng thành, Tống đã tiếp nhận lễ rửa tội của Đạo Ki Tô, rồi được hun đúc trong nền văn hóa phương Tây. năm 1886, Tống Gia Thụ trở về thượng Hải được ủy nhiệm làm mục s. Không lâu, do vấp phải sự bài xích, ông đã vứt bỏ nghề truyền đạo, bắt đầu chuyển vào giới xí nghiệp công thương, sáng lập ra Hoa Mỹ ấn thư quán. Ngoài việc phát triển nghề xuất bản, nghề ăn lót ra, Tống Gia Thụ còn kinh doanh nhập khẩu máy móc, nghiệp vụ lắp ráp, trở thành thương nhân mai bán tương đối sớm ở thượng Hải. Trải qua hơn hai chục năm phấn đấu, ông đã tích lũy được số vốn năm sáu chục vạn lạng bạc. người vợ của Tống Gia Thụ là Nghê quế Trân, là con gái một nhà buôn giàu có ở thượng Hải, mẹ của bà họ Từ, là con cháu của Đại học sĩ cuối đời Minh là Từ Quang Khải - Hai vợ chồng tổng cộng có sáu người con, theo thứ tự là: Trưởng nữ là Tống ái Linh thứ nữ là Tống Khánh Linh, trưởng nữ là Tống Tử Văn, Tam nữ là Tống Mỹ Linh thứ tứ là Tống Tử lương, tam tử là Tống Tử An. Năm 1894, Tống Gia Thụ quen biết với Tôn Trung Sơn. Có lẽ bởi vì có mối quan hệ về bối cảnh văn hóa, hai người vừa gặp đã như quen biết từ lâu và đã trở thành người bạn thân thiết. Trong đời sống cách mệnh trắc trở về sau của Tôn Trung Sơn, Tống đã đem đại bộ phận tiền của mình ra tri viện cho cuộc cách mạng dân chủ tư sản do Tôn phát động, đã trở thành cột trụ về nguồn tài liệu quan trọng giúp cho cuộc cách mạng quốc dân của Tôn Trung Sơn tranh thủ được sự thành công. Đồng thời với việc kinh doanh thương nghiệp, Tống Gia Thụ đã quyết tâm bồi dưỡng các con của mình, đến tháng 5 năm 1918 thì qua đời. Ông đã sáng tạo ra cơ sở sự nghiệp tốt đẹp cho các con lúc này, con gái cả đã lấy Không tường Hy một nhà đại tài phiệt ở Sơn Tây. Con gái thứ hai lấy Tôn Trung Sơn. Con cả Tống Tử Văn về sau ra nhận chức Bộ trưởng Tài chính của Chính phủ quốc dân Vũ Hán. Trong gia tộc họ Tống, tiền của, địa vị vinh dự, những gì cần có thì đều đã có. Tiểu thư thứ ba trong gia đình này, Tống Mỹ Linh sinh ngày 14 tháng 3 năm 1897. Lúc này Tống Gia Thụ đã trở thành một phú ông nổi tiếng ở thượng Hải. Tống Mỹ Linh được lớn lên trong hoàn cảnh sống cực kỳ u việt, lại là một cô gái nhỏ nhất trong ba chị em, từ nhỏ đã được nâng niu chiều chuộng, bản tính rất buông thả. Năm 1907, Tống Mỹ Linh lên 10 tuổi, với sắp đặt của cha, cô bé đã tới nước Mỹ xa xôi, bắt đầu cuộc sống cầu học. Trong mười năm ở nước Mỹ, Tống Mỹ Linh đã trải qua sự hun đúc của nền văn hóa Tây phương điển hình rồi từ một cô bé béo mũm mĩm trở thành một thiếu nữ thót tha mềm mại phong thái dịu dàng. Năm 1917, Tống Mỹ Linh trở về thượng Hải. Sau khi về nước ngoài việc học tập bổ túc thêm văn hóa Trung Quốc ra, Tống Mỹ Linh tích cực lao vào công tác xã hội như Hội nữ thanh niên đạo Ki Tô thượng Hải. ủy viên ủy ban thẩm tra điện ảnh toàn quốc v.v.. và đã rất nhiều lần xuất đầu lộ diện ở giới xã giao thượng Hải, rất nhanh chóng trở thành một nhân vật có tiếng tăm lừng lẫy. Lúc đó, địa vị của gia đình họ Tống như trời giữa Xuân, những người thông qua các mối quan hệ muốn nhờ cậy, dựa dẫm gia đình họ Tống, chạy ra theo như đàn vịt. Trong đó, những người có ý đồ dồn chú ý lên thân tiểu thư nhà họ Tống cũng chẳng thiếu gì. Đáng tiếc là, Tiểu thư cả, tiểu thư hai nhà họ Tống thì sớm đã như danh hoa có chủ, duy nhất chỉ còn lại tam tiểu thư tuổi xuân mới chớm vẫn ở khuê phòng cha lấy chồng. Tức thì rất nhiều mũi tên thần liên hăm hở bắn về phía Tống Mỹ Linh. Trong rất đông số người truy cầu, Tưởng Giới Thạch là người biểu hiện siêng năng miệt mài không mệt mỏi và ngoan cường bất khuất. Tưởng Giới Thạch lần đầu quen biết Tống Mỹ Linh vào năm 1922. Tháng 8 năm đó, do vì khi Trần Quýnh Minh làm phần ở Quảng Châu, Tưởng “hộ giá” có công, tháp tùng Tôn Trung Sơn tới thượng Hải nghỉ ngơi. Một buổi tối đầu tháng 12, trong nhà ở của Tôn Trung Sơn trên Đường M^olie, Tống Tử Văn ở cùng cô em họ Tống Mỹ Linh, Tống Giới Thạch cũng nhận được lời mời. Tuy đối với nền văn hóa Ki Tô thì Tưởng không hiểu lắm, thế nhưng kinh nghiệm len thân vào giới xã giao trong xã hội thượng lưu thì Tưởng đã có. Buổi tối hôm ấy, Tưởng Giới Thạch ăn mặc sang trọng lịch sử đúng giờ tới nơi Tôn ở. Trong buổi dạ hội đó Tưởng làm quen được với Tống Mỹ Linh hoạt bát đáng yêu mà lại giao du rộng rãi. Lần đầu tiên gặp gỡ, khí chất cao nhà lịch sự, phong độ dịu dàng tha thót của tam tiểu thư họ Tống đã làm cho Tưởng Giới Thạch mê tít đã khiến cho chàng nam nhi tuổi gần bốn chục lại mới lấy vợ không lâu này suy nghĩ vớ vẩn lung tung: yếu điệu thực nữ, xinh đẹp quyền quý, lại là em vợ của Tôn Trung Sơn tiên sinh, rồi lại cộng thêm nguồn tài lực hùng hậu và ảnh hưởng ở hải ngoại của Tống Tử Văn, Không tường Hy. Tất cả nhưng danh dự, địa vị, tài sản này chỉ cần một chiếc dải váy của cuộc hôn nhân bền có thể buộc chặt được, để

cho mình sử dụng, quả thật là một cuộc buôn bán lớn một vốn vạn lợi! Cuối tháng 12 cùng năm, Tưởng Giới Thạch theo yêu cầu của Tôn Trung Sơn đã trở về Quảng Châu. Lúc này, trong con mắt của Tưởng Giới Thạch, Tôn Trung Sơn ngoài việc là lãnh tụ cách mạng tôn kính ra còn là chồng chị gái của người đàn bà mà mình truy cầu. Do đó, Tưởng đối với Tôn tỏ ra vô cùng thân thiết. Một hôm, Tưởng Giới Thạch hết sức cung kính khẩn cầu Tôn Trung Sơn, mong muốn Tôn đứng ra thuyết phục Tống Mỹ Linh trở thành vợ của mình. Trong cuộc trò chuyện Tưởng còn đặc biệt giải thích: Cuộc hôn nhân do cha mẹ bao biện đã được giải trừ, quan hệ với Diêu Thị cũng đã kết thúc; hiện tại bản thân đang là một tấm thân thanh bạch. Thế nhưng, Tưởng bịt miệng không nói tới nàng Trần Khiết như vừa mới lấy. Đối với yêu cầu đường đời này do học trò của mình vừa mới nêu ra, Tôn Trung Sơn rất khó xử. Đồng ý ? bản thân mình làm sao có thể thuyết phục Tống Mỹ Linh đồng ý lấy một người đàn ông đã kết qua mấy lần hôn này được ? Không đồng ý ? lại sợ tổn thương tới trái tim của con người sùng bái cùng mình sống chết với cộng (tới thiểu là lúc Trần Quýnh Minh làm phản đã như vậy). Đối với một sự việc liên quan tới trai thích gái yêu như vậy, Tôn Trung Sơn đã không trực tiếp đi tìm Tống Mỹ Linh, mà là thông qua vợ mình vòng vo nói rõ đầu đuôi câu chuyện. Thái độ của Tống Khánh Linh rất kiên quyết rõ ràng, xác thực phản đối việc em gái mình kết hôn với một người đàn ông đã có qua mấy người đàn bà. Lúc đó, Tưởng Giới Thạch lấy vợ cả, lấy vợ lẽ, đối với những tia đòn “hiếu sắc” đã có rất nhiều. Suy nghĩ về danh dự của gia đình họ Tống và tiền đồ của em gái, lẽ dĩ nhiên Tống Khánh Linh đã cự tuyệt thẳng thừng sự truy cầu này. Tôn Trung Sơn bẩm sinh trung hậu không thể đem những lời nói khiến cho người ta khó chịu buồn nản chuyển đạt tới Tưởng Giới Thạch được mà chỉ là nói một cách mập mờ với Tưởng rằng: “Hãy chờ đợi đã !”. Tưởng đã không hồ thẹn là một tay già đời về truy cầu phụ nữ, nghe Tôn tiên sinh trả lời như vậy, liền lập tức hiểu rõ tới tám, chín phần “Hãy chờ đợi đã !”, nói rõ đối phương không đồng ý nhưng lại không cự tuyệt rõ rệt, mà đang còn ở trong sự do dự. Với việc đó, để cho đối phương nói rõ ra “không”, sao bằng nói “hãy chờ đợi đã !”, như vậy thì còn có hy vọng. Tưởng tin Tưởng sâu sắc vào câu cách ngôn “hào sự đưa ma” của người Trung Quốc, cũng hiểu biết một cách sâu sắc rằng Tưởng ngại trong việc cầu hôn của mình là do ở mấy người đàn bà lớn tuổi trong nhà họ Tống. Tức thì, Tưởng Giới Thạch đã sử dụng sách lược tránh thực dựa h, đối với gia đình họ Tống thì sử dụng sự yên lặng, chờ đợi thời cơ. Đối với Tống Mỹ Linh thì dùng phương thức “th từ qua lại” tấn công nhiều lần, để giành lấy trái tim thỏ thảo. Từ năm 1922 đến năm 1927, tròn năm năm Tưởng Giới Thạch đòi chờ, truy cầu. Lẽ dĩ nhiên, trong thời gian này đã có Trần Khiết như trẻ trung xinh đẹp làm bạn. Tưởng không hề cảm thấy buồn tẻ chút nào. Trong vòng năm năm nay, Tưởng Giới Thạch đã sử dụng hết mảnh khóc toàn thân, trong sóng gió hãi hùng của cảnh quan trường chìm nổi, một bước lên mây, dần dần tiến thẳng lên đỉnh cao của quyền lực, khiến cho địa vị của mình phát sinh ra nhưng biến hóa như thần thoại. Tháng 5 năm 1924 Tưởng được ủy nhiệm làm hiệu trưởng trường quân sự Hoàng Phố, rồi tham mưu trưởng quân đội chính phủ Quảng Châu. Tháng 7 năm 1926, Tưởng ra làm chủ tịch ủy ban thường vụ trung ương Quốc dân đảng, Tổng tư lệnh Bắc phạt quân, tập trung toàn bộ quyền lực của Đảng của quân đội vào một thân mình, trở thành một nhân vật tối cao nắm giữ thực quyền trong Quốc dân đảng. Theo đà thắng lợi liên tiếp của chiến tranh bắc phạt, tháng 3 năm 1927 khi tiến đến Nam Kinh, thượng Hải, Tưởng Giới Thạch nghiêm nhiên trở thành người anh hùng cách mạng, địa vị của Tưởng trong tâm mắt Tống Mỹ Linh cũng dần dần có sự biến hóa. Tháng 4 tại nhà Tống trên đường Tây Môlie ở thượng Hải, Tưởng Giới Thạch đã gặp gỡ Tống Mỹ Linh, người anh hùng đã một lần nữa cầu hôn với mỹ nhân. Lúc này, Tưởng Giới Thạch đang nắm quyền thế như bầu trời xuân, lại một lần nữa cầu hôn với Tống Mỹ Linh, biểu hiện thoải mái tự nhiên đường hoàng, tiến thoái ung dung xuất phát từ thượng sách của binh pháp. Đối với sự việc cầu thân này gia đình họ Tống đã mở hội nghị gia đình đặc biệt, kết quả vốn là đại đa số người không đồng ý. Thế nhưng phái tán đồng cũng được tăng thêm. Chỉ cả Tống ái Linh dùng lực lớn át hội nghị, chủ trương đồng ý việc cầu thân này. Tống ái Linh tin Tưởng sâu sắc rằng trong tương lai tiền đồ của Tưởng sẽ là vô lượng, có thể làm vẻ vang cho nhà họ Tống. Tống ái Linh ra sức khuyên em gái và các em, tiếp nhận vị tổng tư lệnh nắm giữ đại quyền sát phạt này trở thành thành viên của gia đình họ Tống. như vậy chẳng những suốt đời của em gái được vinh hoa, có chỗ nương dựa, hơn nữa sự phú quý của cả gia tộc cũng đã có bảo đảm. Tiểu thư cả nhà họ Tống chẳng thẹn là người có con mắt tinh đời, chỉ có mấy câu nói ngắn ngủi mà đã rất có sức thuyết phục đối với mối quan hệ lợi hại này, lời nói đó thật là cặn kẽ kỹ càng. Ngày 14 tháng 5 năm 1927, dưới sự tác hợp của Tống ái Linh, Tưởng Giới Thạch đã xin phép Trung ương Quốc dân đảng nghỉ một ngày, dẫn Tống Mỹ Linh tới du lịch văn cảnh ở Tiêu Sơn Trấn Giang. Đây là một bước mang tính chất then chốt đối với cuộc liên duyên Tưởng Tống. Buổi sáng ngày hôm ấy, Tưởng Giới Thạch đã cử xe hoa tới thượng Hải nghênh đón Tống Mỹ Linh rồi cử vệ đội trưởng đích

thân đi bảo vệ. Trong xe chật đầy hoa tươi. Sau khi xe tới Trấn Giang, Tưởng tổng tư lệnh mặc comlê đi giày da, phong độ đường hoàng, ăn mặc giống như một thân sĩ. Mọi thứ sắp đặt như thế này đã làm cho Tống Mỹ Linh rất vui vẻ. Sau khi chèo lên Tiên Sơn, hai người đã đi du lãm âm Biệt Phong, động Hoa Nghiêm, lầu Cấp Giang, đình Tráng Quan v.v.. ở giữa khoảng đất trời, anh hùng mỹ nữ, núi non hùng vĩ đã khiến họ lưu luyến chẳng muốn về... Thời gian mờ nhạt đã trôi qua như một nháy mắt. Qua lần đi du chơi này, quan hệ giữa hai người trên đại thể đạt tới tám chín phần mười. Tháng 8 cùng năm, đổi mặt với áp lực trong Đảng, Tưởng Giới Thạch lấy thoái để tiến ông đã tuyên bố “từ chức”, rời khỏi các chức vụ mà mình nắm giữ. Sau đó, rời Nam Kinh qua thượng Hải, Ninh Ba về tới quê hương Khê Khẩu, rồi vào ở trong chùa Tuyết Đầu. Lúc này, rời khỏi chính sự bận rộn, Tưởng Giới Thạch với thân phận “võ nhân bãi chức vút khỏi việc đời”, đã gửi cho Tống Mỹ Linh một bức thư tình ý tứ khẩn thiết. thư viết rằng: “Nay ta không có ý hoạt động chính trị nữa, duy chỉ thương nhớ một người mà ta suốt đời mến mộ, đó là nàng. Trước kia khi ở Quảng Đông ta đã tỏ ý với lệnh huynh của nàng, nhưng cha được chấp nhận. Lúc đó hoặc vì quan hệ chính trị, cho nên bây giờ ta lui về làm người sơn dã, vút bỏ hết việc đời sống cùng tro bụi. Ngày trước trăm trận chiến đấu ngoài biên cương, lấy gào thét làm vui, đến nay nghĩ lại, cái gọi là công danh sự nghiệp chẳng qua chỉ là ảo mộng. Duy chỉ có nàng là người tài hoa vinh đức, khiến ta quyến luyến không thể nào quên. Thế nhưng chẳng biết được võ nhân buộc phải từ chức bị vút bỏ ra ngoài đời này, nàng nhìn thấy sẽ như thế nào đây?”. Tưởng Giới Thạch đã dùng hết cả mười tám ban võ nghệ để truy cầu một người đàn bà cuối cùng đã chiến thắng giành được trái tim ngào ngát của Tống Mỹ Linh. Ngày 16 tháng 9, Tiểu thư chị cả Tống ái Linh phụ trách công việc tác hợp này của nhà họ Tống đã tiến hành hội nghị chiêu đãi các nhà báo, tuyên bố: “Tưởng tổng tư lệnh sắp sửa kết hôn với tiểu thư Tống Mỹ Linh”, rồi đem đôi tân nhân này ra giới thiệu cho các tân văn ký giả biết. Mở ra hội nghị chiêu đãi các ký giả, đem tin tức liên duyên Tưởng Tống công khai trước dân chúng, là cái kế “Tiền trăm hậu tâu” để đối phó với Tống lão phu nhân, là hợp mu của Tưởng Giới Thạch và Tống ái Linh. Các con của nhà họ Tống, tuy đều tiếp thu nền giáo dục phương Tây, thế nhưng đối với nền văn hóa truyền thống Trung Quốc họ vẫn vô cùng tôn sùng. Hơn thế, Tống lão phu nhân Nghệ Quê Trân chính là con cháu của danh môn, lẽ dĩ nhiên, việc nhân duyên đại sự của các con trong gia đình cũng cần phải thông qua sự đồng ý của mẹ mới có thể được, nếu không thì sẽ là đại bất hiếu. Tức thì vào cuối tháng chín, Tưởng Giới Thạch đã vượt qua biển đông bãi kiến Tống lão phu nhân đang ở Nhật Bản. Trước mặt lão phu nhân, Tưởng nghiêm trang lấy ra một bản chứng minh biểu thị rõ bản thân mình đã cắt đứt với tất cả những người đàn bà trong quá khứ, hơn thế còn thể nguyện giữ mãi tình yêu “trung tình không bao giờ thay đổi” đối với tiểu thư Mỹ Linh. Đối với vấn đề tín ngưỡng tôn giáo, Tưởng Giới Thạch cũng dứt khoát trả lời đồng ý, biểu thị bằng lòng tiếp thu đạo Ki Tô. Tất thảy những điều này giống hệt như diễn kịch, tất thảy đều đã được sắp xếp sẵn từ trước. Một cuộc cầu hôn có tính chất hình thức đã được hoàn thành như vậy. Tống lão phu nhân đã bằng lòng lời thỉnh cầu của Tưởng Giới Thạch. Ngày 1 tháng 12 năm 1927, lễ kết hôn giữa Tưởng Giới Thạch với Tống Khánh Linh đã được cử hành tại thượng Hải. Chiều cổ tới tông giáo tín ngưỡng và bối cảnh văn hóa của gia đình họ Tống, lại không để mất thể diện của Tưởng tổng thống, hôn lễ được cử hành chia làm hai lần. Một lần tại nhà họ Tống trên đường Molié, cử hành theo tập tục của đạo Ki Tô, do mục sư D Nhật chương chủ trì, toàn bộ cuộc hôn lễ ắng lặng tĩnh mịch. Còn một lần cử hành tại khách sạn Đại Hoa, số người tham dự đạt tới trên một ngàn ba trăm người, các yếu nhân chính trị quân đội Quốc dân đảng, đầu mục bằng Thanh hồng --- đều tới chúc mừng; nhất thời tân khách đồng nghịt, so với nghi thức hôn lễ trước, nghi thức kết hôn mang phong cách truyền thống Trung Quốc ở khách sạn Đại hoa tỏ ra rất đàng hoàng sang trọng. Kết hôn với tiểu thư thứ ba trong gia đình họ Tống tám tiếng lấy lòng, thực hiện được nguyện vọng mà mình truy cầu cả trong mộng mị suốt mấy năm nay, Tưởng Giới Thạch sung sướng vô cùng. Thông qua cuộc hôn nhân, Tống đã giành được tiền của, mỹ nữ, địa vị xã hội, đã giành được mọi thứ mà mình mong muốn. Trong lúc Hưng phấn Tưởng Giới Thạch đã không quên căn cứ vào luân lý đạo đức của hôn nhân và gia đình cùng với mối quan hệ giữa mình với cách mạng, phát biểu những lời viên vông trời biển. Chính trong ngày kết hôn đó, ông đã phát biểu bài “Ngày hôm nay của chúng tôi” trên tờ “Dân quốc Nhật báo”, nói rằng: “Ngày hôm nay tôi được kết hôn với Tống Mỹ Linh người mà tôi kính yêu nhất, quả thực là một ngày vẻ vang nhất từ trước đến nay trong cuộc đời tôi, cũng là một ngày sung sướng nhất trong đời tôi từ trước đến nay. Những vấn đề nhân sinh triết học và xã hội mà hàng ngày tôi nghiên cứu, tin Tưởng sâu sắc rằng trong cuộc đời không có cuộc hôn nhân nào hoàn toàn mỹ mãn, thì làm người mọi thứ đều vô ý nghĩa cả. Trong xã hội không có gia đình yên vui sung sướng thì dân tộc căn bản không thể tiến bộ được... Cùng ngày hôm đó, trên tờ “Thân báo” đã đăng tin báo của Tưởng Trung chính, có lẽ có thể làm một lời chú thích cho bài văn phát biểu trên. Tin báo như sau: “Ngôi vợ kết tóc là

Mao thị, đã li dị từ lâu; Diêu Trần hai thị vốn không có khế ước !” Trời ơi, vì sự : “tiến bộ của dân tộc” Tưởng Trung Chính đã ruồng bỏ cả ba người đàn bà. Hiện tại, ông đang “sung sướng” lao vào lòng người đàn bà thứ tư ! Đầu năm 1928, đối với Tưởng Giới Thạch mà nói, đó là tuồng hay liễn sân khấu, sự tốt nổi liền nhau. Ngày mùng 2 tháng 2, hội nghị lần thứ tư khóa ba Quốc dân đảng họp ở Nam Kinh, Tưởng Giới Thạch được cử làm ủy viên thường vụ ủy ban chấp hành Trung ương , Chủ tịch ủy ban quân sự, Tổng tư lệnh quân cách mạng quốc dân. Ngày mùng 7 tháng 3, Trung ương Quốc dân đảng lại cử Tưởng Giới Thạch làm chủ tịch hội nghị chính trị Trung Ương. Từ đây Tưởng Giới Thạch độc chiếm đại quyền Đảng, chính phủ và quân đội, bước lên đỉnh cao về quyền lực. Đi theo một bước lên tận mây xanh của chồng, Tống Mỹ Linh cũng đã trở thành “Đệ nhất phu nhân” danh phù hợp với thực. Làm “Đệ nhất phu nhân”, Tống Mỹ Linh khác hẳn với các quan viên khác trong quyền thuộc, bà không thỏa mãn với hoạt động xã giao và cuộc sống hào hoa đơn thuần mà là phải len thân vào trong chiếc vòng chính trị và quyền lực cùng thao túng con thuyền trong thế giới quan trường với chồng. Căn cứ vào bản tính của phụ nữ, Tống Mỹ Linh tích cực theo đuổi sự nghiệp phúc lợi của trẻ em. Som từ trước khi kết hôn, bà đã đặt chân vào sự nghiệp của trẻ em, đối với con đường này đâu có phải là lạ lẫm. Sau khi Tưởng Giới Thạch thống nhất được toàn quốc, tiếp đó liền bùng nổ cuộc chiến tranh quân phiệt với quy mô lớn. Trong cuộc hỗn chiến quân phiệt mới, hàng loạt các sĩ quan binh lính Quốc dân đảng bị thương vong, các cô nhi quả phụ đầy rẫy ở thành thị và nông thôn. Để giúp đỡ cho chồng đánh thắng cuộc chiến tranh này, tiêu diệt hết bọn quân phiệt ở các lộ dăm đôi lập với chính quyền Tưởng, duy trì nền thống trị độc tài của Tưởng Giới Thạch nhằm lung lạc nhân tâm, Tống Mỹ Linh đã giọng cao ngạo của “nhà từ thiện”, xây dựng lên “Trường trẻ mồ côi cách mạng”. ở trong “nhà trường đào tạo nhân tài”, xây dựng lên giành riêng cho các trẻ mồ côi của các sĩ quan và binh lính Quốc dân đảng bị tử thương này. Tống Mỹ Linh đích thân đảm nhiệm chủ nhiệm giáo vụ và giáo sư Anh văn của trường. Nhằm khuếch trương ý nghĩa chính trị to lớn của hành động này, tăng cường tuyên truyền hiệu quả, Tống Mỹ Linh đã trình bày tôn chỉ mục đích xây dựng nhà trường như sau: “Rất nhiều nhà cách mệnh đã hy sinh, những người còn sống trong tương lai cũng khó tránh khỏi việc hiến dâng sinh mệnh của mình, kết quả giáo dục con cháu của họ không ai đề cập tới. Tôi cho rằng, số trẻ nhỏ này nếu được bồi dưỡng thích đáng, chúng sẽ trở thành những nhân tài cực kỳ hữu dụng. Bởi vì trong huyết quản của chúng, dòng chảy chính là mạch máu của những người cách mạng”. Bởi chiến tranh kéo dài nhiều năm, đời sống vật chất thiếu thốn, quân đội Quốc dân đảng dần dần biến đổi; buông lỏng kỷ luật, h bại bất tài, mất hẳn đi sự hoạt bát năng động của thời kỳ bắt phạt. Trong tình hình này, rất nhiều sĩ quan và binh lính Quốc dân đảng cảm thấy tiền đồ vô vọng, cuộc sống trống rỗng, tức thì liên tục phát sinh ra những sự kiện cướp bóc của cải hãm hiếp phụ nữ, thương vong bại tục. Thậm chí một số Tướng lĩnh cao cấp cũng ngày cờ bạc đêm dĩ điểm, sống say sa chết trong mộng mị. Một lần có hai môn sinh trường Hoàng Phố của Tưởng Giới Thạch bởi chộc ghẹo vợ của một Tướng lĩnh khác, đã dẫn tới xung đột, hai bên bị thâm vắn tại công đường, kiện tụng lên tới chỗ Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch tức giận nổi gân xanh chỉ muốn đem hai tên này ra bắn chết. Nhìn thấy quân đội của chồng, quân kỷ trên dới rệu rã, tinh thần ủy mị, Tống Mỹ Linh vô cùng lo lắng, Tống hiểu sâu sắc rằng cứ tiếp tục như thế này quân đội không đánh cũng sẽ tự bại thức thì với sự hoạch định của Tống Mỹ Linh, đã xuất hiện một cơ cấu được gọi là “Lệ chí xã”. Cái gọi là “Lệ chí” tức là khích lệ ý chí chiến đấu. Lệ chí xã là một cơ cấu tổ chức gần giống như câu lạc bộ quân đội, mong muốn thông qua tổ chức này, vừa có thể làm phong phú cuộc sống văn hóa nghiệp d của sĩ quan và binh lính, lại có thể bồi dưỡng được tố chất tâm lý và văn hóa của họ, điều càng quan trọng hơn là phòng ngừa bọn lính tráng này chẳng chịu làm gì mà quấy rối xã hội. Thoạt đầu, công tác của Lệ Chí Xã không mấy thuận lợi, những người chiêu mộ tới tham dự rất ít, phòng cửa vắng tanh vắng ngắt, mọi người đều nghi ngờ đó là tổ chức của đạo Ki Tô. Về sau, với sự cổ động mạnh mẽ của đệ nhất phu nhân và việc tham dự làm mẫu của Tưởng tổng tư lệnh các sĩ quan và binh lính vào tổ chức này dần dần đông lên. Điều này đối với sự bồi đắp sĩ khí sa sút, ít nhiều đã phát huy được một số tác dụng. Vào cuối năm 20, đầu năm 30, chính phủ Nam Kinh của Tưởng Giới Thạch hầu như đều trải qua khói đạn của cuộc nội chiến. Tháng 6 năm 1928, sau khi Tưởng dẫn quân đánh bại Trương Tác Lâm, các vùng Đông bắc đều lần lượt quy thuận chính phủ Nam Kinh. Thế nhưng, trong nội bộ chính phủ Quốc dân Nam Kinh, mâu thuẫn trong nội bộ các phe phái ngày càng sâu sắc, Tưởng có ý đồ thông qua thủ đoạn chính trị làm cho các phái phải khuất phục, để tiện việc tập trung quyền lực vào một thân. Kết quả là đã dẫn tới xung đột ngày càng lớn. Bắt đầu từ tháng 3 năm 1929, để duy trì và bảo hộ quyền uy của chính phủ quốc dân Nam Kinh, Tưởng Giới Thạch đã nhiều lần tiến hành chiến tranh với Quế Hệ, Phùng Ngọc tường, Đường Sinh Trí. Đồng thời với việc dựa vào vũ lực đã đánh bại được các phái có thực lực ở các địa phương của Phùng Ngọc tường, Diêm Tích Sơn, Lý Tông Nhân

v.v... Tưởng Giới Thạch còn sử dụng chính sách lôi kéo đối với thiếu sư trẻ tuổi Trương Học Lương. Về mặt này, Tống Mỹ Linh phu nhân đã phát huy được sức hấp dẫn đặc biệt sẵn có. Tháng 11 năm 1930, Tưởng Giới Thạch đánh điện mời Trương Học Lương tới Nam Kinh tham gia hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ tư khóa 3 của Quốc dân đảng. Đồng thời, Trương Học Lương phu nhân là Vu Phương Chí cũng nhận được lời mời của Tống Mỹ Linh. Sau khi vợ chồng Trương Học Lương tới Nam Kinh, họ được vợ chồng Tưởng Giới Thạch khoản đãi thịnh tình. Đối với Trương phu nhân con người xuất thân tại huyện Lê Thụ Cát Lâm này, Tống Mỹ Linh không vì dáng vẻ “nhà quê” của thị mà có chút thiếu chu đáo, cũng chẳng hề tỏ vẻ ta đây dễ nhất phu nhân, mà đã sắp xếp chu đáo tỉ mỉ công việc tiếp đãi. Tống biết rõ Vu Phương Chí không giỏi giao tế liền sử dụng hình thức khuê các dùng phương thức gia đình để chiêu đãi, đã làm cho Trương phu nhân thoát khỏi sự ngượng ngùng giữ ý, rất nhanh chóng đã phát sinh ra tình cảm tốt với vợ chồng Tưởng. Không lâu, Vu Phương Chí đã trở thành con nuôi của Tống lão phu nhân Ngô Quế Trân, trở thành chị em nuôi với Tống Mỹ Linh. Tức thì Tưởng Giới Thạch với Trương Học Lương cũng đã trở thành anh em kết liên minh là điều tất nhiên. Trong một loạt hệ thống hoạt động, hai người Tưởng Tống thay nhau xuất hiện, tiếp đãi vợ chồng Trương Học Lương ở mọi chỗ. Ngoài việc dốc hết sức giúp đỡ chồng trên mặt nội chính, trên mặt ngoại giao, Tống Mỹ Linh càng thể hiện là người trợ thủ đắc lực của Tưởng Giới Thạch. Tống Mỹ Linh có phong thái uyển chuyển dịu dàng, dung nhan xuất chúng, nói tiếng Anh lưu loát thông thạo, tinh thông nền văn học Anh. Những tố chất cá nhân và bối cảnh văn học này đã khiến cho bà khi giao dịch với các nước phương Tây, đặc biệt là với nước Mỹ đã tỏ ra thoải mái như ý muốn, thể hiện ra đầy đủ sức hấp dẫn của một đệ nhất phu nhân. Sớm từ những năm tháng Tưởng Tống mới kết hôn, Tống Mỹ Linh đã đảm nhiệm trợ thủ ngoại giao cho Tưởng Giới Thạch. Trong rất nhiều người có tài ngoại giao ở bên cạnh Tưởng, Tống Mỹ Linh đã có tác dụng đặc biệt quan trọng. Trong thời kỳ chiến tranh Thái Bình Dương, nhiều hoạt động trọng đại trao đổi đối ngoại của Trung Quốc, Tống Mỹ Linh đều tham dự ở trong đó. Tháng 2 năm 1942, Tống Mỹ Linh đã theo Tưởng Giới Thạch (lúc này Tưởng Giới Thạch là thống soái tối cao của quân đồng minh ở Châu Á và chiến khu Trung Quốc) đi thăm Ấn Độ, Miến Điện, đã hội kiến với Găng đì, cùng thương thuyết các vấn đề tác chiến chung đối với Nhật Bản ở chiến khu Trung Ấn Miến. Đầu năm 1943 làm khách quý của Bạch Cung đi thăm nước Mỹ và thể theo lời mời bà đã phát biểu diễn văn tham dự hai viện ở quốc hội Mỹ. Với trình độ tiếng Anh thông thạo, ngôn ngữ hóm hỉnh, dáng người xinh đẹp dịu dàng, áo quần hoa lệ lộng lẫy, Tống Mỹ Linh đã làm cho người Mỹ phải hâm mộ, khуnh đảo. Các tạp chí “thời đại”, “Tuần san tin tức” của nước Mỹ đều in bức ảnh khổ to của Tống ngay trên trang bìa. Tháng 12 năm 1943, theo Tưởng Giới Thạch chủ tịch chính phủ quốc dân tới Cairo thủ đô Ai Cập, tham dự “hội nghị người đứng đầu ba nước” với tổng thống Mỹ là Ruder Ven và thủ tướng Anh là Sốc Sin cùng bàn bạc các công việc chống đánh bọn Phát Xít xâm lược. Trong hội nghị “Thượng đỉnh ba nước” quan trọng này ở Cairo, Tống Mỹ Linh vừa là cán bộ phiên dịch của Tưởng, lại là đệ nhất phu nhân của Trung Quốc, bà đã như một con thoi trò truyền làm quen với người đứng đầu các nước, dốc hết mọi chiêu hớng khả năng. Sau sự kiện đó, Sốc Sin vô cùng tán thưởng, nói với Ruder Ven- người phụ nữ Trung Quốc này đâu có phải là phái yếu ! - là dĩ nhiên là như vậy ! Tháng 8 năm 1945 sau khi kết thúc cuộc kháng chiến, để giúp chồng phát động nội chiến, tiêu diệt Đảng cộng sản, xây dựng nền thống trị độc tài, Tống cũng đã từng sang thăm Mỹ, du thuyết giữa các nhân vật chính yếu của nước Mỹ, đã đem về một khối lượng lớn vũ khí đạn dược do Mỹ viện trợ cho chính phủ Quốc dân đảng. Năm 1948, theo đà thắng lợi dồn dập trong cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân Trung Quốc, vương triều họ Tưởng đã phơi trần sự thật, bại rõ rệt. Xuất phát từ sự suy xét bản thân, chính phủ Mỹ đã phê phán vứt bỏ Tưởng Giới Thạch. Lúc này, Tống Mỹ Linh không hiểu rõ thời cuộc lại một lần nữa sang thăm Mỹ, áo Tưởng dựa vào sức hấp dẫn của mình xoay chuyển càn khôn. Kết quả là tổn công vô ích, Tống đã bị đóng cửa không được tiếp. Lúc này, Tống Mỹ Linh tự phụ là người giỏi giao tế cũng đã có cảm giác “Giang lang tài tận”. Trong đời sống hôn nhân giữa Tống Tưởng, Tống Mỹ Linh đối với cuộc sống thường ngày của Tưởng Giới Thạch đã phát sinh ra những ảnh hưởng rất to lớn. Từ nhỏ, Tống đã sống trong giàu sang phú quý, lại ở Mỹ trong nhiều năm, ăn, mặc, đi, ở đều rất trang trọng lịch sự. Về mặt ăn mặc trang điểm, từ trước Tống Mỹ Linh đã rất khác người, thường xuyên mặc áo dài nữ bó sát thân, áo ba dờ xuy bó thân, giày cao gót kiểu dáng mới mẻ, đôi với màu hoa chất vải của quần áo Tống đều chọn lựa rất kỹ lưỡng. Thế nhưng Tống cũng là người biết nhập hương tùy tục. Đặc biệt là khi theo Tưởng Giới Thạch đi thị sát vùng núi hoặc nông thôn thì Tống đã mặc áo váy nhẹ nhàng thuận tiện tương đối giản dị, với hình tượng giản dị chất phát thoải mái xuất hiện ở trước mặt dân chúng Trung Quốc. Về mặt ăn uống, Tống Mỹ Linh vô cùng khe khắt đòi hỏi khảo cứu, chú ý tiết thực. Bà rất thích các món nấu kiểu Tây như gà quay thịt lợn rán v.v.. thường uống nước cất, cho dù ở vùng rừng núi, cũng phải cử

người mỗi ngày xuống núi lấy một bình nước cất thật to cống lên trên núi. ở trước cửa phòng, luôn luôn đặt một chiếc cân nhỏ, để tiện việc thường xuyên tìm hiểu tình hình thể trạng. Giờ nghỉ tra mỗi ngày, đều do nhân viên nội vụ mở đĩa hát cho phát thanh những bài mà Tống Mỹ Linh đích thân lựa chọn, nội dung nói chung là nhạc độc tấu violông. Lâu dần, lâu dần, Tưởng Giới Thạch cũng đã thích ứng với phương thức nghỉ ngơi tiêu khiển này, dù Tống Mỹ Linh đi vắng Tưởng cũng vẫn kiên trì như vậy. Đối với những ngày lễ của đạo Ki Tô Tây phương, cả hai vợ chồng cũng rất coi trọng. Tháng 12 năm 1933, hai vợ chồng họ Tưởng bận “Tiễn Cộng” ở mặt trận Phúc Kiến, cũng vẫn không quên tết Nôen cử máy bay bay xa hàng ngàn cây số đưa gà quay tới. Đối với việc người vợ cả Mao Phúc Mai của Tưởng Giới Thạch vẫn ở trong nhà cũ của họ Tưởng ở Khê Khẩu Phụng Hóa, ly hôn chứ không ly gia, phí sinh hoạt do Tưởng cung cấp v.v.. Tống Mỹ Linh không hề tính toán, so bì, tranh cãi. Từ sau khi kết hôn, Tống đã nhiều lần về quê hương Tưởng Giới Thạch, hoặc theo đuổi các hoạt động xã hội, hoặc theo Tưởng Giới Thạch đi thăm viếng làng xóm, chinh đồn chỗ nghỉ ngơi. ở Khê Khẩu, nơi ở của Tống không chỉ ở một chỗ. Năm 1930 trên cơ sở căn nhà cũ của tổ tiên để lại, Tưởng Giới Thạch xây dựng mở rộng, đem lầu gác phía đông ngăn làm phòng ngủ của Tống Mỹ Linh, trong phòng toàn là đồ dùng gia đình kiểu Tây, được lựa chọn khảo cứu kỹ càng. Thế nhưng, khi Mao thị còn sống, Tống cha từng cư trú ở đây, mãi cho tới sau khi Mao thị qua đời, Tống mới chịu nghỉ qua đêm ở đây. Khi vợ chồng Tưởng Tống cùng về Khê Khẩu, nói chung đều sống ở biệt thự Lạc Đình. Nơi này ở đoạn nam Vũ Lĩnh, đứng ở trên cao nhìn xuống, đối mặt với dãy núi nhấp nhô uốn lượn, dưới chân là con suối Viêm chảy siết, phong cảnh của toàn thị trấn được thu hết vào trong tầm mắt. Những biệt thự ở Khê Khẩu của hai vợ chồng ngoài Lạc Đình ra, còn có biệt thự Diệu Cao Đài ở núi Tuyết Đầu và “Tứ Am” ở mộ đạo Tưởng mẫu v.v... Về mặt tiếp vật đãi người, Tống Mỹ Linh thông thạo giao tế, có tài ngôn ngữ bẩm sinh, ngoài Anh ngữ nước Mỹ thuần túy ra, Tống còn có thể nói lưu loát tiếng thượng Hải, tiếng Quảng Đông và tiếng phổ thông. Do đó, Tống có thể căn cứ vào những đối tượng khác nhau mà nói thứ tiếng khác nhau, để tăng cường sức thuyết phục. Khi gặp gỡ người quen, nói chung bao giờ Tống cũng với nét mặt mỉm cười, giọng nói khá dịu dàng, không để cho người nghe có cảm giác ngạo mạn hách dịch. Các nhân viên ở bên cạnh Tưởng Giới Thạch và Tống Mỹ Linh, nói chung đều gọi Tưởng là Tiên Sinh, gọi Tống là phu nhân. Sĩ quan phụ tá nội vụ ở bên cạnh Tưởng Giới Thạch tên là Tưởng Hiếu Trân là đời cháu chắt họ Tưởng ở Khê Khẩu Phụng Hóa. Sĩ quan phụ tá nội vụ ở bên cạnh Tống Mỹ Linh là tư Thiệu Khải. Ngoài ra, với sự sắp xếp của Tống Mỹ Linh, các nhân viên phục vụ thứ nhất trong gia đình còn có: người đầu bếp Trung Quốc và Tây phương mỗi loại một người, tạp dịch phòng khách hai người, bảo mẫu quốc tịch nước ngoài chuyên lo liệu sắp đặt phòng và quần áo, một người. Do vì đảm nhiệm tương đối nhiều công tác xã hội, bên cạnh Tống Mỹ Linh cũng lập một văn phòng thư ký, lập ra mấy viên thư ký chuyên trách. Nói chung, những nhân viên nữ thư ký được Tống Mỹ Linh tuyển chọn tới, năng lực và tổ chức học vấn đều rất tốt, thế nhưng chỉ có điều là dung mạo khó coi. Điều này hoặc có lẽ là do vì người vợ hiểu biết tương đối sâu về phẩm tính bản chất của chồng mà đã sử dụng biện pháp phòng ngừa đó chăng! Làm một người vợ, Tống Mỹ Linh đối với sự nghiệp quyền lực, uy tín của chồng, có thể nói là dốc lòng dốc sức bảo vệ, và ủng hộ. Bởi vì Tống biết rằng dốc sức bảo vệ chính quyền, của Tưởng cũng chính là dốc sức bảo vệ lợi ích của gia tộc họ Tống. Mấy chục năm lại đây, mối quan hệ cùng chung lợi hại, môi hở răng lạnh này đã được kết thành trong gió ma ma gió, đã khiến cho cảm tình của hai người cũng hoàn toàn làm một thể. Trong sự biến Tây An, Tống Mỹ Linh đã phấn đấu quên mình bốn tẩu ở vùng Nam Kinh, Tây An, đó là một ví dụ rất tốt đẹp. Sau khi sự biến kết thúc không lâu, Tống Khánh Linh đã từng đánh giá về mối quan hệ giữa Tưởng Giới Thạch với em gái thứ ba của mình như sau: “Thoạt đầu không có tình yêu. Thế nhưng tôi cho rằng bây giờ đã có tình yêu. Mỹ Linh yêu Tưởng một cách chân thành, Tưởng cũng chân thành yêu Mỹ Linh”[7]. Thế nhưng, làm một người đàn bà, Tống lại là một người tự tư và có tầm mắt nông cạn. Hễ khi lợi ích của chính quyền Tưởng với lợi ích của gia tộc họ Tống phát sinh mâu thuẫn, Tống lại không hề do dự, chẳng thèm chiếu cố tới lợi ích của “Đảng quốc”, mà đối lòng duy trì bảo vệ lợi ích của gia tộc họ Tống. Năm 1948, với sự đã kích về chính trị quân sự của Đảng Cộng sản, chính phủ Quốc dân đang hầu như sa xuống tuyệt cảnh, đặc biệt là tình trạng tài chính kinh tế lúc đó, đúng là có thể nói bệnh đã ăn sâu vào xương tủy rồi. Để cứu vãn nền kinh tế sắp sửa tử vong, ngày 19 tháng 8 năm 1948 chính phủ Nam Kinh đã ban bố “Lệnh xử trí khẩn cấp nền kinh tế tài chính”, ngang nhiên phát hành tiền quan kim, công bức dân chúng đem ngoại tệ, vàng bạc cất dấu và các đồ trang sức châu báu ra, đổi lấy tiền quan kim. Xét thấy thương Hải là một hệ thống thuộc mạch máu chính của nền kinh tế Trung Quốc, là mấu chốt thành bại của việc này, Tưởng Giới Thạch đích thân cử Tưởng Kinh Quốc tới thương Hải, nhân chức phó chuyên viên đốc thúc lãnh đạo khu thương Hải, lãnh đạo đã kích vào nhưng “phần tử phạm pháp” cất dấu vàng bạc riêng.

Chính trong lúc đại thái tử đánh mạnh dữ dội ào ạt tấn công trừng phạt gian thương, một vụ án có liên quan tới Công ti Dương Tử đã vây quanh tổ ong vò vẽ. Vốn là, căn cứ vào tin tình báo, người thuộc hạ của Tưởng Kinh Quốc đã niêm phong công ty Dương Tử với tội trọng đầu cơ tích trữ, thu dấu vàng bạc trái phép. Đây là sản nghiệp của Khổng Lệnh Khản con cả Khổng tường Hy. Vị đại công tử họ Khổng này đã kiên tới bà di là Tống Mỹ Linh. Vì muốn bênh vực cháu, đề nhất phu nhân đã làm một chuyến đi tới thượng Hải, xin đại thái tử hủy bỏ vụ án này. Sự việc có liên quan tới “Quốc Đảng” cùng với sự thành bại và danh dự của bản thân, Tưởng Kinh Quốc nhất định làm theo lý, không hề nhong bỏ. Thái Tử và đề nhất phu nhân đã hình thành cục diện đối lập. Để bảo vệ lợi ích của phía nhà mình, Tống Mỹ Linh trong lúc thịnh nộ đã chuyển tới Tưởng Giới Thạch. Với áp lực của Tưởng Giới Thạch, Tưởng Kinh Quốc đã giận dữ từ chức. Một “phong trào đả hổ” tiếng tăm lừng lẫy đã im hơi lặng tiếng. Lẽ dĩ nhiên, sau khi gió yên sóng lặng, Tống Mỹ Linh, Khổng Lệnh Khản đã bảo đảm được lợi ích của gia đình mình. Điều mất đi đối với vương triều họ Tưởng chính là dân tâm và xã tắc ! Ngày 21 tháng 4 năm 1949, quân giải phóng nhân dân đã vọt qua sông Trường Giang, uy hiếp Giang Triết. Ngày 25 tháng 4, Tưởng Giới Thạch, Tống Mỹ Linh, Tưởng Kinh Quốc dạt tuyền rời khỏi Khê Khẩu, tự Ninh Hải ngồi quân hạm tới thượng Hải. Sau đó giải phóng thượng Hải, vợ chồng Tưởng Tổng, chẳng có sức mạnh xoay trời đã phải rút về Đài Loan. Một chính phủ Quốc dân đảng lớn nhờ này, còn rút lại rút lên trên một hòn đảo này, trăm sự đổ nát đang đợi xây dựng lại. Tức thì, tất thảy đều phải làm từ đầu. Đề sáng tạo ra cục diện mới, thoát khỏi sự khủng hoảng của thất bại, đứng vững chân trên hòn đảo hoang sơ này, Tống Mỹ Linh lại một lần nữa tinh thần mạnh mẽ, hiệp lực giúp đỡ chồng, chống giữ chèo chống với cục diện nguy hiểm. ở Đài Loan, Tống Mỹ Linh đã trước sau làm việc suốt hai mươi năm năm. Nói chung mọi người đều cho rằng: Tống Mỹ Linh xếp hàng nhỏ nhất trong các chị em, là một người yếu đuối nhìn nhận này. So với hai người chị của mình, ở sinh mệnh chính trị trung tâm quyền lực, Tống Mỹ Linh tựa hồ như càng dài dằng dặc lại càng khúc khuỷu gồ ghề. Điều này lẽ tất nhiên có liên quan tới cảnh ngộ suốt đời của Tưởng Giới Thạch. người Trung Quốc coi trọng phu sống phụ hòa, chỗ mãi tới khi lâm chung Tưởng cũng không tháo dỡ gánh nặng độc chiếm chính quyền. Lẽ dĩ nhiên Tống cũng không thể không hát tiếp vở tuồng này được. Ngày 5 tháng 4 năm 1975, Tưởng Giới Thạch qua đời, lên trời thì cuối cùng đã giải thoát được gánh nặng quyền lực của vị độc tài này. Sau khi hoàn tất tang sự cho chồng, ngày 17 tháng 9 Tống Mỹ Linh nói là ốm phải sang Mỹ chữa bệnh. ở nước Mỹ, Tống Mỹ Linh ở trong biệt thự Trường Đảo ở Niu-oóc của Khổng Lệnh Khản, ru rú ở nhà ít thấy đi đâu, yên lặng theo ngày tháng. Hàng ngày, ngoài việc đọc báo, xem Ti Vi ra, bà còn lấy việc đọc sách lịch sử, truyện ký văn học và luyện tập thư pháp, hội họa để tiêu khiển. Tuy đã thân rời xa cảnh, thế nhưng đối với cục diện chính trị ở Đài Loan bà vẫn rất quan tâm. Trong suốt mười năm “Sang Mỹ chữa bệnh”, nước Mỹ tuy có rất nhiều bạn bè thân thích, thế nhưng quyền thế, phong quang đã thuộc về quá khứ, không thể tái hiện được nữa, tự nhiên bà cảm thấy vắng vẻ và trống trải. Ngày thường, các con cháu về phía họ Tưởng có gia đình Tưởng Hiếu chương cư trú ở Cự Kim Sơn tới thăm tương đối nhiều. Tưởng Vĩnh Quốc cũng từng có một số lần thay mặt Tưởng Kinh Quốc tới thăm bà. Nhìn chung, trong lịch sử hôn nhân luyến ái suốt cuộc đời Tưởng Giới Thạch, trong cuộc hôn nhân luyến ái nhiều nhất của ông, sự kết hợp với Tống Mỹ Linh một cuộc hôn nhân vừa thành công lại vừa lý Tưởng. Trong cuộc hôn nhân kết hợp giữa quyền lực và tiền của, Tưởng Giới Thạch xuất thân từ quân nhân thông qua chiếc dãi váy đã lôi kéo được bọn tài phiệt trong giới tiền tệ Trung Quốc như Tống Tử Văn, Khổng Tường Hy v.v..., được dựa vào thực lực kinh tế hùng hậu thống nhất Trung Quốc, xây dựng lên nền thống trị độc tài của mình. Sự kết hợp nhân duyên của gia tộc họ Tống, còn có lộc cho việc nâng cao sự ảnh hưởng của Tưởng Giới Thạch ở nước Mỹ, hơn thế, thông qua mối quan hệ, này, đã giành được hàng loạt khối lượng viện trợ to lớn của nước Mỹ. Những thứ này đối với chính quyền họ Tưởng mà nói, đều là những nhân tố quan trọng không thể thiếu được. Thông qua cuộc hôn nhân này, gia tộc họ Tống trong cục diện chính trị chao đảo đã tìm được hậu đài chính trị có đầy đủ sức mạnh. Các thành viên trong gia tộc họ Tống như Tống Trữ Văn, Khổng tường Hy đã có mấy lần ra làm bộ trưởng tài chính, viện trưởng viện hành chính v.v... của “Chính phủ quốc dân”. Căn cứ vào bối cảnh này, tài sản của họ Tống đã không ngừng được tiếp tục tăng trưởng. Căn cứ vào thống kê trong cuốn sách “Vong triều họ Tống”, từ năm 40 đến đầu năm 50 của thế kỷ này, số tài sản của gia tộc họ Tống đã vọt quá ba ngàn triệu đô la Mỹ! So với ba người thế thiếp trước của Tưởng Giới Thạch, Tống Mỹ Linh là người có vận may, xuất phát từ đòi hỏi của mình, một cuộc hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tiền của và quyền lực chính trị dần dần phát triển tới sự hòa thuận về tình cảm, vợ chồng khăng khít như môi với răng, vinh nhục cùng hưởng, có thể nói là có khổ cùng chịu khổ, có vui cùng chia vui. Thế rồi thông qua cuộc hôn nhân “trộn vện” này để

rồi thúc đẩy sự nghiệp đại “Cách mệnh”. Đó cũng chính là một lối phát triển lôgic mà Tưởng Giới Thạch đối với việc “Tề Gia, Trị quốc” của đạo nho.

Phần thứ ba

Bí mật về sự chìm nổi

Tưởng Giới Thạch từ một cậu bé ương bướng nghịch ngợm, một nông phu sơn dã, bắt đầu xông xáo giang hồ. Sau hơn mười năm đã tiến vọt, thăng lên làm thủ lĩnh Quốc dân đảng và Tổng tư lệnh quân Bắc phạt. Mặc dầu cảnh đẹp chẳng thể tồn tại được lâu, rất nhanh chóng Tưởng đã bị buộc phải từ chức. Hơn thế lần cầm đầu này đã lâu dài. Thế nhưng mới lần phục chức, sau khi bị buộc phải từ chức, đều khiến cho ông ta bước lên nấc thang càng cao, quyền thế càng lớn, địa vị càng được củng cố. Thậm chí khi binh bại ở đại lục, sau khi bị tiêu diệt 800 vạn quân đội, ông vẫn có thể cướp đoạt được vị cao hơn, chiếm cứ ở Đài Loan hơn 20 năm, còn luôn luôn hoạt động ở trên võ đài quốc tế. Có lẽ Lý Tông Nhân tiên sinh đã nói đúng: Tưởng Giới Thạch là một người thành công lớn về nhiều mặt trong trò chơi quyền thuật ở chốn quan trường từ dân quốc đến nay.

1. Tưởng Giới Thạch làm thế nào để giành được sự tín nhiệm của Tôn Trung Sơn ?

Tưởng Giới Thạch bước lên võ đài chính trị của Trung Quốc, một nhân tố quan trọng để ông ta cướp được đại quyền của Quốc dân đảng, đó là vì ông ta đã giành được sự tín nhiệm của Tôn Trung Sơn tiên sinh. Tháng 6 năm 1910, lần đầu tiên Tưởng Giới Thạch nhìn thấy Tôn Trung Sơn ở Nhật Bản. Lúc đó, Tưởng Giới Thạch mới có 24 tuổi, là sĩ quan dự bị của Liên đội pháo binh lục quân Jakada Nhật Bản, Tôn Trung Sơn là một nhân sĩ nổi tiếng trên vũ đài chính trị quốc tế và trong nước. Tôn Trung Sơn là người đi tiên phong trong cuộc cách mạng dân chủ của giai cấp tư sản Trung Quốc. Thời kỳ niên thiếu, ông trước sau đã tiếp nhận sự giáo dục của giai cấp tư sản ở núi Đan hương , Quảng Châu và hương Cảng. Năm 1894, Tôn Trung Sơn dâng thư điều trần với Lý Hồng chương trực thuộc tổng đốc kiêm Bắc Dương đại thần của triều Thanh, đề xuất chủ trương cải cách, sau đó lại tới núi Đan hương , xây dựng đoàn thể cách mạng của giai cấp tư sản sớm nhất ở Trung Quốc, tức là Hưng Trung Hội. Năm 1905, Hưng Trung Hội với các đoàn thể cách mạng khác như Hoa Hưng hội, Quang Phục hội v.v... đã liên hiệp lại đã thành lập Trung Quốc đồng minh hội tại Tôkiô Nhật Bản. Đây là một chính đảng của giai cấp tư sản đầu tiên ở Trung Quốc, Tôn Trung Sơn được cử giữ chức thủ Tướng, hơn thế, đã đề xuất công lĩnh cách mạng rất có sức kêu gọi là “Trừ khử Đát {(1)} Lỗ, khôi phục Trung Hoa, xây dựng dân quốc, chia đều quyền ruộng đất”. Tôn Trung Sơn trước sau đã lãnh đạo tám cuộc khởi nghĩa tiến hành ở các nơi như cuộc khởi nghĩa Hoàng Công ở Chiêu Châu, cuộc khởi nghĩa Hồ thất nữ ở Tuệ Châu, cuộc khởi nghĩa Trần Nam Quan, cuộc khởi nghĩa ở Hà Khẩu Vân Nam, cuộc khởi nghĩa Hoàng Hoa Công v.v.. giáng những đòn đả kích nặng nề vào chính phủ triều Thanh đang hấp hối, mở rộng ảnh hưởng của cuộc cách mạng tư sản.

Năm 1908 Tưởng Giới Thạch gia nhập Đồng minh hội. Hâm mộ vị lãnh tụ chủ chốt của cuộc cách mạng dân chủ này là Tôn Trung Sơn đã từ lâu, cho nên khi được Trần Kỳ Mỹ giới thiệu đi gặp Thủ Tướng Tôn Trung Sơn thì Tưởng Giới Thạch rất sung sướng. Ngày hôm ấy Tưởng Giới Thạch mặc bộ quân phục chỉnh tề sạch sẽ, do Trần Kỳ Mỹ đưa tới gặp Tôn Trung Sơn. Trần Kỳ Mỹ là thủ lĩnh bang hội của Triết Giang, lại là đồng hương của Tưởng Giới Thạch, lúc đó đang học tập ở trường Giám Cảnh Tôkiô Nhật Bản, quen biết với Tôn Trung Sơn đã từ lâu khi Tôn Trung Sơn từ núi Đan hương tới lưu trú ở Nhật Bản, ông thường xuyên tới tìm Tôn Trung Sơn. Trước mặt Tôn Trung Sơn, Tưởng Giới Thạch nói năng không nhiều, tỏ ra rất cung kính lễ phép. Lần đầu tiên gặp gỡ, Tôn Trung Sơn cảm thấy Tưởng Giới Thạch “Có thể trở thành nhà thực hành cách mạng” thế nhưng cũng chẳng có cảm tình gì đặc biệt. Thế nhưng mỗi khi Tôn Trung Sơn nguy nan, bao giờ cũng nghĩ tới Tưởng Giới Thạch. Điều này đối với sự phát triển của Tưởng Giới Thạch đặc biệt quan trọng. Sau hơn mười năm, ở Đài Loan, khi Tưởng Giới Thạch nhớ lại lần đầu tiên gặp gỡ Tôn Trung Sơn, ông nói: “ Thủ Tướng yêu cầu chúng ta: Những thanh niên của Đảng Cách mạng không nên tính đến danh vị mà phải hy sinh vì nhiệm vụ cách mạng,

phần đầu vì nhiệm vụ cách mạng”. Sau khi nghe xong lời huấn thị này tôi liền xác lập ý chí tình nguyện, cần phải thực hiện lời huấn thị này quyết không phụ lòng mong mỏi của thủ Tướng đối với Đảng viên. Dù thấy, Tướng Giới Thạch lúc đó đã nhanh nháp cảm thấy cần phải lợi dụng ngọn cờ này của Tôn Trung Sơn. ở Nhật Bản, Tướng Giới Thạch còn học tiếng Đức. Sau hai năm, vào đêm hôm trước khi chuẩn bị sang Đức, ông đã tới thượng Hải yết kiến Tôn Trung Sơn. Đầu năm nay, Tôn Trung Sơn đã từng nhận chức Đại tổng thống lâm thời Trung Hoa dân quốc tại Nam Kinh, thế nhưng chính phủ lâm thời Nam Kinh chỉ tồn tại được trong ba tháng ngắn ngủi, Tôn Trung Sơn đã bắt buộc phải từ chức. Lúc này chính là lúc ông đề xướng Cách mạng lần thứ hai, đang cần phải sử dụng người. Tôn Trung Sơn khuyên Tướng Giới Thạch không nên ra nước ngoài, nên tham gia cách mạng ở trong nước, Tướng Giới Thạch vui lòng tuân lệnh. Lần yết kiến này Tướng Giới Thạch đã giành được cảm tình tốt của Tôn Trung Sơn. Cũng đã đặt một viên đá trải nền cho Tướng Giới Thạch bước vào con đường làm quan .

Sau khi Tướng Giới Thạch gia nhập Đảng Cách mạng Trung Hoa do Tôn Trung Sơn tiên sinh tổ chức tại thượng Hải, rồi tháng 12 năm 1913 lại một mình tới bãi kiến Tôn Trung Sơn tại Tôkiô. Trong cuộc gặp gỡ lần thứ ba này, Tướng Giới Thạch đã trình bày thẳng thắn cách nhìn của mình đối với Cách mạng cho Tôn Trung Sơn biết, trong cách nói biểu lộ rõ sự bất mãn đối với một số người không phục tùng sự chỉ huy của Tôn Trung Sơn tiên sinh, ông còn biểu lộ rõ ông sẽ làm tốt sự nghiệp này. Sau lần gặp gỡ này, Tôn Trung Sơn đã để cho Tướng Giới Thạch nhận chức tư lệnh đường một, tới thượng Hải vận động khởi nghĩa một lần nữa. Năm 1917, với danh nghĩa Đại nguyên soái hải lục quân Tôn Trung Sơn đã ra lệnh cho Tướng Giới Thạch tới các tỉnh phía đông nam chủ trì công tác Đảng vụ và quân sự của Quốc dân đảng. Tháng 3 năm 1918, Tôn Trung Sơn bổ nhiệm Tướng Giới Thạch làm chủ nhiệm khoa tái chiến Tổng tư lệnh bộ của Định Uy Tướng quân, Trần Quýnh Minh. Khi chính phủ họ Pháp của Quảng Châu phản đối việc nhậm chức Đại nguyên Soái của Tôn Trung Sơn, Tướng Giới Thạch lại tới Misukai gặp gỡ Tôn Trung Sơn. Nhìn thấy sắc mặt tiêu tụy của Tôn Trung Sơn, Tướng Giới Thạch xót thương rơi nước mắt, làm cho Tôn Trung Sơn vô cùng cảm động. Ngày hôm đó Tôn Trung Sơn đã bàn bạc với Tướng Giới Thạch tới tận đêm khuya. Đây là lần gặp gỡ thứ tư của Tướng Giới Thạch với Tôn Trung Sơn, và cũng là lần gặp gỡ quan trọng nhất. Cuối tháng 9, Tôn Trung Sơn đã để cho Tướng Giới Thạch tới Trảng Thỉnh Phúc Kiến đảm nhiệm chức tư lệnh chi đội thứ hai của quân Việt. Trên mình Tướng Giới Thạch, cuối cùng đã xuất hiện vòng hào quang quyền lực, cho dù đây chỉ là một vòng hào quang nhỏ xíu.

Năm 1920, Tướng Giới Thạch trở về thượng Hải, bổ sung làm người mách nối của sự giao dịch vật phẩm chứng khoán. Chỉ trong vòng một năm ngắn ngủi, Tướng Giới Thạch đã lo liệu được một khoản tiền hoạt động là một trăm vạn đồng cho Tôn Trung Sơn. Trong thời kỳ cách mạng thoái trào, Tôn Trung Sơn cần thiết đến khoản tiền này do Tướng Giới Thạch cung cấp biết bao ! Ngày 12 tháng 11, Tướng Giới Thạch lại báo cáo tình hình bọn quân phiệt ở Quảng Đông, tường tận, tỉ mỉ cho Tôn Trung Sơn biết. Tháng 10 năm 1921, Tôn Trung Sơn cho Tướng Giới Thạch trở về Quảng Châu, hoạch định kế hoạch tác chiến tiến quân vào Quảng Đông, Quảng Tây tiếp đó là thống nhất Trung Quốc. Trong thời gian này, đối với các văn kiện mà Tướng Giới Thạch lần lượt biên soạn như “Kế hoạch tác chiến với Bắc quân”, “Kế hoạch tác chiến đơn độc của hai quân Trinh Việt đối với Mân Triết”, “Phán đoán hành động từ nay về sau của hai quân nam bắc” v.v... Tôn Trung Sơn rất có cảm tình tốt đẹp. Tướng Giới Thạch được Tôn Trung Sơn tin nhiệm sâu sắc là sau khi Tướng viết bài “Ghi chép về việc gặp nạn của Tôn Đại Tổng Thống”. Ngày 15 tháng 5 năm 1922, Tôn Trung Sơn nhận chức Đại tổng Thống bất thường, Trần Quýnh Minh làm Tổng trưởng nội chính kiêm tổng trưởng lục quân, tổng tư lệnh và tỉnh trưởng Việt quân, độc chiếm đại quyền. Lúc đó ý đồ giết người chứa chất ở Quảng Châu. Tướng Giới Thạch bí mật nói với Tôn Trung Sơn rằng: Con người Trần Quýnh Minh không thể dựa vào được, lại tập trung nhiều chức vụ vào trong tay hắn, tất sẽ có hậu hoạn. Tướng kiến nghị với Tôn Trung Sơn trước hết cắt quân tiêu diệt Trần Quýnh Minh rồi sẽ Bắc phạt. Khi Tôn Trung Sơn với tấm lòng khoan dung nhân hậu cự tuyệt kiến nghị của Tướng Giới Thạch, để chứng tỏ lòng trung thành đối với Tôn Trung Sơn, Tướng Giới Thạch đã chẳng kể tới nhiều lần lưu giữ của Tôn, đã cãi nhau một trận gay gắt, rồi từ chức bỏ về quê. Nhưng trên đường trở về, Tướng đã viết một lá thư cho Trần Quýnh Minh khuyên Trần Quýnh Minh phải phục tùng đại kế bắc phạt. Mãi về sau Tôn Trung Sơn mới biết việc này. Thế nhưng, vào lúc Tôn Trung Sơn khó khăn nhất thì Tướng Giới Thạch đã xuất hiện ở bên cạnh Tôn. Điều này đã nâng cao mạnh mẽ giá trị của bản thân Tướng Giới Thạch. Ngày 15 tháng 6, Trần Quýnh Minh ra lệnh cho bộ hạ Diệp Cử phát đi một bức điện thông báo, yêu cầu Tôn Trung Sơn bắt buộc phải từ chức. Sáng sớm ngày 16, Trần Quýnh Minh công

khai làm phản, phái cử hơn bốn ngàn lính vây chặt xung quanh phủ Tổng Thống, lại dùng đại bác và máy bay thả bom bắn phá phủ Tổng Thống. Tôn Trung Sơn không thể không mạo hiểm liều vọt qua rừng sủng ma đạn, rời khỏi phủ Tổng thống, đi bộ tới bộ tư lệnh Hải quân trên con đê dài. Sau đó bước lên chiến hạm Vĩnh Phong, chỉ huy hải quân đánh trả quân phiến loạn. Trong lúc hoạn nạn, Tôn Trung Sơn đã nghĩ tới Tưởng Giới Thạch. Lúc này Tưởng Giới Thạch đang cúng giỗ một năm ngày qua đời của mẹ ở Triết Giang, Tôn Trung Sơn liền sai người đánh đi một bức điện khẩn “Việc nguy cấp, mong tới đây ngay !” Sau khi Tưởng Giới Thạch nhận được bức điện, đã cấp tốc tới Quảng Đông, lặng lẽ bước lên chiến hạm Vĩnh Phong, hộ vệ Tôn Trung Sơn. Để tránh khỏi cuộc pháo kích lần thứ hai, Tưởng Giới Thạch kiến nghị các chiến hạm vọt qua pháo đài Chewai, lái về chỗ các chiến hạm ngoại quốc đang neo đậu ở đầm Bạch Nga. Trên đường, khi gặp phải pháo kích của quân phiến loạn, Tưởng Giới Thạch vội vàng mời Tôn Trung Sơn vào ẩn ở trong boong, còn bản thân mình kiên trì đứng chỉ huy ở trên dàn pháo. Sau khi chiến hạm Vĩnh Phong đi qua pháo đài Chewai, đối với nơi kinh hoàng của Tôn Trung Sơn, Tưởng Giới Thạch đã biểu thị rất hồ thẹn day dứt. Sau sự việc này, Tôn Trung Sơn đã mấy lần ca ngợi Tưởng Giới Thạch ở trước mặt mọi người. Tưởng Giới Thạch đúng là nắm lấy cơ hội Tôn Trung Sơn gặp và giành được sự tín nhiệm của Tôn Trung Sơn. Sau khi chiến hạm Vĩnh Phong neo đậu ở đầm Bạch Nga, Tưởng Giới Thạch thường lợi dụng lúc đêm khuya thanh vắng lặng lẽ bên bờ, mua thực phẩm và rau cỏ thức ăn cho Tôn Trung Sơn. Sau sự kiện này, Tôn Trung Sơn đã từng nói với nhà báo nước ngoài: - Tưởng tới lần này, thực sự đã như tăng thêm hai vạn viện binh ! Một nhà báo đã chụp một kiểu ảnh Tôn Trung Sơn và Tưởng Giới Thạch: Tôn Trung Sơn ngồi trên chiếc ghế mây, Tưởng Giới Thạch mặc quân phục thắt đai đứng nghiêm trang ở đằng sau Tôn Trung Sơn. Tưởng Giới Thạch đã cho người phân rải bức ảnh này ở khắp nơi. Đủ thấy, đây là một lần gặp mặt máu chót nhất giữa Tưởng Giới Thạch với Tôn Trung Sơn. Một lần khen ngợi và một lần chụp ảnh chung của Tôn Trung Sơn, đã xây cao mạnh mẽ địa vị của Tưởng Giới Thạch ở trong quân cách mạng. Trong tháng 9, Tưởng Giới Thạch nghĩ ra một điều khác hẳn, trở về Ninh Ba, chuyên tâm soạn viết “Ghi chép về việc gặp nạn của Tôn Đại Tổng Thống”, phi nhủ Trần Quýnh Minh, ca tụng Tôn Trung Sơn. Sau khi cuốn sách này viết xong, Tưởng Giới Thạch hành trình một chuyến tới thượng Hải yết kiến Tôn Trung Sơn, xin Tôn Trung Sơn viết lời đề tựa cho “ghi chép về việc gặp nạn”. Tôn Trung Sơn vui vẻ cầm bút, còn ca ngợi Tưởng Giới Thạch là người tùy tùng trung thành, sắp đặt kẻ sách đều trúng. Lúc này, Tưởng Giới Thạch đã được Tôn Trung Sơn tín nhiệm sâu sắc... Mặc dù về sau này, đối với việc Tưởng Giới Thạch có một số hành vi đã khiến cho Tôn Trung Sơn ác cảm, thậm chí còn phê bình chỉ trích Tưởng Giới Thạch. Thế nhưng Tôn Trung Sơn đã coi Tưởng Giới Thạch là một nhân vật quan trọng trên vũ đài chính trị Trung Quốc, dần dần được ủy nhiệm, trọng dụng.

Tháng 10 năm đó, Tôn Trung Sơn bổ nhiệm Tưởng Giới Thạch làm tham mưu trưởng quân đội hai của Hứa Sùng Trí. Tháng 2 năm 1923, Tôn Trung Sơn trở về thiết lập Phủ Đại nguyên soái ở Quảng Châu, bổ nhiệm Tưởng Giới Thạch làm tham mưu trưởng đại bản doanh, đã khiến cho Tưởng Giới Thạch trở thành nhân vật có thực quyền hiển hách bên cạnh Tôn Trung Sơn. Ngày 16 tháng 8, Tôn Trung Sơn lại ủy nhiệm Tưởng Giới Thạch làm đoàn trưởng “Đoàn đại biểu tiến sĩ khoa học Tôn Dật Tiên”, dẫn đoàn đại biểu sang Liên Xô khảo sát tổ chức Quân chính Đảng. Đầu năm 1924, Tôn Trung Sơn cử Tưởng Giới Thạch lập kế hoạch xây dựng trường quân sự Hoàng Phố, rồi trước sau bổ nhiệm Tưởng làm ủy viên ban thường vụ quân sự Quốc dân đảng, hiệu trưởng trường quân sự Hoàng Phố kiêm tham mưu trưởng bộ tổng tư lệnh quân đội Quảng Đông. Cho tới lúc mắc bệnh qua đời, Tôn Trung Sơn vẫn luôn luôn tín nhiệm Tưởng Giới Thạch. Suốt cuộc đời của Tưởng Giới Thạch, trước sau không hạ ngọn cờ này của Tôn Trung Sơn, tôn xưng Tôn Trung Sơn tiên sinh là “quốc phụ”. Chủ nghĩa tam dân: dân tộc, dân quyền, dân sinh mà Tôn Trung Sơn đề xuất cùng với một số chủ trương chính trị khác của Tôn Trung Sơn, đã thực sự được đông đảo dân chúng ủng hộ. Những hoạt động cách mạng của Tôn Trung Sơn đã có ảnh hưởng rất to lớn trong các đảng phái Quốc dân đảng, ngay cả đến toàn Trung Quốc toàn thể giới cũng đều có ảnh hưởng rất lớn lao. Chính bởi vì như vậy, Tưởng Giới Thạch thất bại phải chạy trốn sang Đài Loan, thậm chí ngay cả trong di chúc vẫn vang vọng không quên những câu từ đẹp đẽ “Đi theo cuộc cách mạng của thủ Tướng”, “thực hiện tam dân chủ nghĩa” v.v... để lung lạc lòng người, khống chế chính quyền. Có được ngọn cờ này của Tôn Trung Sơn, Tưởng Giới Thạch đã dần dần nắm chắc Đảng quyền Quốc dân đảng vào trong tay mình.

2. “Ba lời dao” mà Tưởng Giới Thạch kinh doanh ở Trường quân sự Hoàng phố

Mao Trạch Đông có nói: Tưởng Giới Thạch đã dựa vào trường quân sự Hoàng Phố mà làm nên sự nghiệp. Trường quân sự Hoàng Phố là trường sĩ quan lục quân được xây dựng dưới sự giúp đỡ của Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc, Tôn Trung Sơn đã tổng kết những kinh nghiệm lịch sử từ cuộc cách mạng Tân Hợi tới nay, cũng là những hành động cụ thể về tư Tưởng “Xây dựng quân đội Cách mạng”, “Cứu vãn nguy vong cho Trung Quốc” của Tôn Trung Sơn. Thời gian chỉ trải qua được ba năm, trường quân sự Hoàng Phố đã bị tập đoàn Tưởng Giới Thạch thao túng. Đây lại là một điều bí mật trong sự chìm nổi của Tưởng Giới Thạch.

Hạ tuần tháng 12 năm 1921 đại biểu của quốc tế Cộng sản Mã Lâm tới Quế Lâm yết kiến Tôn Trung Sơn, kiến nghị Tôn Trung Sơn xây dựng trường sĩ quan quân sự để tổ chức xây dựng quân đội Cách mạng. Kiến nghị này đã nói tới tâm khảm của Tôn Trung Sơn, bản thân nằm trong đại bản doanh bắc phạt mà lại không có một đội quân cách mạng lớn mạnh, đã khiến cho Tôn Trung Sơn nhiều lần lãnh đạo cách mạng gặp khó khăn. Tôn Trung Sơn nghe thấy xây dựng trường sĩ quan quân đội, “trong lòng vô cùng phấn khởi”. Ông đã cùng Mã Lâm “mật đàm suốt năm ngày”, đã tìm hiểu tường tận quy mô, biên chế và nội dung giáo dục chính trị. Tháng 8 năm 1922, người lãnh đạo Đảng Cộng sản là Lý Đại Chiêu tới thượng Hải, cùng Tôn Trung Sơn thảo luận các vấn đề “Chấn hưng Trung Quốc”. Trong cuộc đấu tranh quân sự liên tiếp bị thất bại đặc biệt là sau vụ Trần Quýnh Minh làm phản, Tôn Trung Sơn đối với kiến nghị của những người Cộng sản đã biểu thị niềm hứng thú cực kỳ to lớn. Một thời gian dài trong Quốc dân đảng, Tôn Trung Sơn đã hạ lệnh vạch kế hoạch xây dựng trường quân sự. Theo cách nghĩ của Tôn Trung Sơn, để cho Liêu Trọng Khải và Bào La Đình phụ trách vạch kế hoạch xây dựng, hiệu trưởng do bản thân ông kiêm nhiệm, còn xác định Tổng Giới Thạch, vương Bá Linh, Lý Tế Thâm, Thẩm ứng Thời, Lâm Trần Hùng, Du Phi Bằng, Trương Gia Thụy, Tống Vinh xương làm ủy viên trừ bị. Tưởng Giới Thạch từng bốn ba mấy năm trong cơn lốc đấu tranh quân phiệt đã hiểu rõ tác dụng của vũ khí, cảm thấy trường sĩ quan quân sự là một miếng “thịt béo” khó giành được, Tưởng đã đem hết tâm trí giành được quan hàm “ủy viên trưởng trừ bị” từ chỗ Tôn Trung Sơn, nắm được đại quyền trừ bị xây dựng trường quân sự Hoàng Phố vào trong tay. Đối với việc xây dựng tôn chỉ học của trường quân sự Hoàng Phố, Tôn Trung Sơn đã có một số cách nghĩ rất tốt. Ngày 16 tháng 6 năm 1924, Tôn Trung Sơn đích thân tới Hoàng Phố chủ trì lễ khai giảng của nhà trường đã đặt ra lời khuyên răn đối với nhà trường là “Thân ái chân thành”, yêu cầu thầy trò trường Hoàng Phố trước tiên thực hiện cho được ba tinh thần lớn “Đoàn kết, hy sinh, phấn đấu”. Trong buổi lễ khai giảng Tôn Trung Sơn đã chỉ rõ : “Bắt đầu từ hôm nay trở đi, phải xây dựng lại sự nghiệp cách mạng phải sử dụng học sinh của trường này làm căn bản, thành lập đội quân cách mạng”... “Tôn chỉ của chúng ta là phải tạo thành một loại quân cách mạng”... “Nếu không có chí khí cách mạng, không nghiên cứu lý luận cách mạng, giống như lục quân với xây dựng huấn luyện ra vào cuối năm Mãn Thanh, đều có đại pháo súng trường tinh xảo hoàn mỹ, hải quân có chiến hạm và tàu phóng ngư lôi kiên cố vẫn không thể phát huy được sự nghiệp cách mạng”[8] . Tôn Trung Sơn còn phê chuẩn hai câu đối dán ở hai bên cửa lớn trường quân sự Hoàng Phố là:

Thăng quan phát tài đi chỗ khác

Tham sinh úy tử chớ vào đây

Tám biển ngang đặt trên cửa khắc bốn chữ “Cách mạng giả lại”. Những tư Tưởng xây dựng nhà trường này của Tôn Trung Sơn đều bị Tưởng Giới Thạch ngấm ngấm vứt bỏ.

Ngày 3 tháng 5 năm 1924, Tưởng Giới Thạch cuối cùng đã giành được chức vụ Hiệu trưởng trường sĩ quan lục quân từ chỗ Tôn Trung Sơn. Lúc này mặc dù Tôn Trung Sơn còn kiêm nhiệm thủ trưởng nhà trường, người lãnh đạo kiệt xuất của phái tả Liêu Trọng Khải làm đại biểu của Đảng, Lý Tế Thâm làm phó hiệu trưởng. Thế nhưng ít lâu sau Tôn Trung Sơn bị ốm qua đời, Liêu Trọng Khải bị ám sát, trên thực tế trường quân sự Hoàng Phố đã trở thành “Trường quân sự của Tưởng”. Tưởng Giới Thạch kinh doanh trường quân sự Hoàng Phố, chủ yếu đã dùng ba “lời dao”.

Lời dao thứ nhất là làm chuyện sùng bái cá nhân. Đây là “lời dao mềm”. Tưởng Giới Thạch tới trường quân sự Hoàng Phố, đã có tư Tưởng chỉ đạo rõ rệt: Cần phải bồi dưỡng học sinh của trường sĩ qua quân đội này trở thành những sĩ quan tương lai trung thành với Tưởng mõ. Tưởng không rời bỏ bất kỳ cơ hội nào

huấn luyện học sinh ý thức phục tùng tuyệt đối đối với mình Tưởng Giới Thạch rất giả dối, ông ta luôn luôn lợi dụng ngọn cờ của Tôn Trung Sơn ở khắp mọi nơi để làm chuyện sùng bái cá nhân. Xin hãy dõi theo một số biểu hiện của ông ta. Trong những trường hợp công khai, Tưởng Giới Thạch luôn luôn hô to ba chính sách lớn mà Tôn Trung Sơn đặt ra. Tưởng nói với các học sinh: “Tôi cho rằng thực hành được tam dân chủ nghĩa đó chính là cộng sản chủ nghĩa”, “Tất nhiên muốn bao quát được chủ nghĩa cộng sản thì trước hết phải là chủ nghĩa tân dân chủ chính; đồng thời cũng có thể dụng nạp được Cộng sản đảng, trước hết phải là Đảng quốc dân chân chính”. “Đảng viên đảng quốc dân phản đối Đảng Cộng sản chính là chống lại phương châm chủ Trương mà thủ Tướng đã đề ra”. “Những chủ Trương mà chủ Trương đề ra, chúng ta không thể đi ngược lại được. Nếu không vậy thì vô luận anh tìn ngưỡng chủ nghĩa tam dân như thế nào, cũng là giả dối cả”. Còn kín dấu ở bên trong thì sao, tạm thời không nói tới, cuộc chính biến phản cách mạng “12-4” đã giết hại rất nhiều đảng viên cộng sản, ngay tới cả những nhân sĩ nổi tiếng giữ chức vụ quan trọng ở trường quân sự Hoàng Phố như Chu An Lai, Nhiếp Vinh Trăn, cũng đã vấp phải sự quả trách của Tưởng. Ngày 7 tháng 7 năm 1924, Tưởng Giới Thạch kiêm nhiệm tư lệnh nơi hiểm yếu vùng biên giới Trường Châu. Chức vụ tư lệnh này thực ra không cao. Thế nhưng bởi vì nơi hiểm yếu vùng biên giới Trường Châu này cách trường quân sự Hoàng Phố chỉ xa có một ngàn mét, Tưởng Giới Thạch đã xảo quyết lợi dụng được chức vụ này. Tưởng ra lệnh cấm lên một ngọn cờ lớn ở trước pháo đài Yếu tái {(1)} Trường Châu, trên là cờ ở đó thêu chữ “Tưởng” rất lớn để khoe khoang mình. Ban ngày Tưởng tới trường quân sự Hoàng Phố, ban đêm chui vào bộ tư lệnh Yếu Tái. Mỗi lần tới trường đều phòng bị nghiêm ngặt, tỏ ra rất oai phong lẫm liệt. Tưởng thường xuyên dùng hình thức lời giáo huấn để tiến hành giáo dục tư Tưởng đối với các học viên ở trường quân sự này. nhấn mạnh tuyệt đối tín ngưỡng tam dân chủ nghĩa, tuyệt đối phục tùng kỷ luật của nhà trường. Tưởng nói: “Những người hoài nghi chủ nghĩa tam dân hoặc phê bình chủ nghĩa tam dân chính là phản đảng, những kẻ đó đều là kẻ thù của chúng ta”. Để đặc biệt nhấn mạnh địa vị của hiệu trưởng, Tưởng đã đặt ra rất nhiều điều lệnh và pháp quy, yêu cầu học viên, sĩ quan và binh lính nghiêm chỉnh chấp hành. Những điều lệnh và pháp quy này đại đa số là bắt mọi người phải thực hiện sự thống trị của cá nhân ông ta. Ông ta dốc lòng tin Tưởng có quân tất có quyền, đặc biệt chú trọng bồi dưỡng chăm sóc thể lực cá nhân. Tưởng giao cho Đới Quý Đào, Thiệu Nguyên Xung làm sĩ quan giảng dạy chính trị, giao cho vương Bách Linh, Hà ứng Khâm vv.. làm sĩ quan giảng dạy quân sự; giao cho những người theo Tưởng trung thành không thay lòng đổi dạ như lưu Trĩ, Cố Chúc Đồng, Tiền Đại Quân, Trần Thành v.v... đảm nhận chức sĩ quan cấp trung, hạ ở trong trường. Số người này về sau đều trở thành lực lượng trung kiên của tập đoàn Tưởng Giới Thạch. Sự sùng bái cá nhân của Tưởng Giới Thạch đã sản sinh ra những ảnh hưởng rất to lớn trong số học viên của nhà trường. Binh lính trong quân đội Quốc dân đảng, coi việc được nhập vào “Trường quân sự Hoàng Phố” là vinh dự, “Học viên trường Hoàng Phố” đã trở thành những chiếc bậc thang cực tốt để họ tấn thăng “Hiệu trưởng”, tiếng gọi này trong rất nhiều trường hợp đã trở thành tiếng xng hô đặc thù nịnh hót chiêu chuộng đối với Tưởng Giới Thạch. Các sĩ quan chủ yếu trong quân đội là họ hàng của Tưởng đều được tuyển từ Hoàng phố. Một số sĩ quan Quốc dân đảng khi cầm quân bị thất bại cam nguyện làm “Hiệu trưởng”, “Thành nhân”. Mao Trạch Đông nói Tưởng Giới Thạch đã dựa vào trường Hoàng phố mà làm nên sự nghiệp, cũng là chỉ Tưởng Giới Thạch lợi dụng đại bản doanh - Trường quân sự Hoàng Phố này để đào tạo bồi dưỡng hàng loạt các sĩ quan quân đội.

Lời dao thứ hai là mượn cơ hội đông chinh để tổ chức xây dựng và mở rộng quân đội. Đây là “một lời dao cứng”. Tháng 10 năm 1924, Tập đoàn thương nhân Quảng Đông do Trần Liêm Bá ngân hàng mại bản Hối Phong nước Anh và Trần Cung Thu đại địa chủ ở Phạt Sơn khống chế, dưới sự ủng hộ trực tiếp của đế quốc Anh, đã dùng vũ lực uy bức thương nhân bãi thị, sát hại đẫm máu quần chúng du hành thị uy, chuẩn bị lật đổ chính quyền cách mạng Quảng Châu. Khi Tôn Trung Sơn yêu cầu Tưởng Giới Thạch tổ chức học sinh Hoàng Phố dẹp loạn, Tưởng Giới Thạch đã vui mừng phấn khởi lộ trên nét mặt. Tưởng đã dùng học sinh Hoàng Phố làm lực lượng cốt cán trước sau đã tổ chức thành hai trung đoàn lãnh đạo. Mỗi trung đoàn có ba tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn có ba đại đội, mỗi đại đội có ba trung đội. Ngoài ra còn thiết lập đại đội đặc vụ, đội trinh sát, đại đội súng máy, đội vận tải quân nhu v.v... Để khống chế hóa trung đoàn này, Tưởng Giới Thạch chọn Hà ứng Khâm đảm nhiệm Trung đoàn trưởng trung đoàn thứ nhất, vương Bách Linh làm trung đoàn trưởng trung đoàn thứ hai, tuyển chọn các sĩ quan giảng dạy ở trong trường đảm nhiệm các chức sĩ quan trung cấp. Mỗi binh sĩ cùng đều được tuyển chọn nghiêm ngặt. Đội quân Cách mạng vũ trang từ trường quân sự Hoàng Phố này, được sự ủng hộ và giúp đỡ của quần chúng công nông Quảng Châu và sự phối hợp của quân đội công đoàn, rất nhanh chóng đã đập tan được quân đội thương

nhân phản động. Lần đầu Tướng Giới Thạch được hưởng kết quả thắng lợi, cùng coi trọng việc khống chế của trung đoàn lãnh đạo Hoàng Phố. Cơ hội lại đã tới, sau khi quân phản loạn của tập đoàn thương nhân Quảng Đông bị dẹp tan, Trần Quýnh Minh được sự giúp đỡ của thế lực nước Anh và quân phiệt Bắc Dương đã chuẩn bị dân quân tiến đến xâm phạm Quảng Châu. Lúc này, Tôn Trung Sơn đang bị ốm nặng tại Bắc Kinh, chính phủ quốc dân Quảng Châu quyết định tổ chức liên quân Đông Chinh trừng phạt Trần Quýnh Minh. Để tiếp tục rèn luyện trung đoàn lãnh đạo của Trường quân sự Hoàng Phố, Tướng Giới Thạch đã mượn cơ hội thể hiện rõ tài năng quân sự của mình, tích cực yêu cầu được dẫn trung đoàn lãnh đạo tham gia tác chiến Đông Chinh. Ngày 30 tháng 1 năm 1925, Bộ tổng tư lệnh liên quân Đông Chinh không khí sôi nổi, trung đoàn quân người ngựa từ nhiều ngả, có bộ đội của quân Việt là Hứa Sùng Trí, bộ đội của quân Điền là Dương Hy Mân, bộ đội của quân Quế là Lưu Chấn Hoàn, bộ đội của quân tương là Đàm Diên Khải. Bởi Tướng Giới Thạch bản thân kiêm các chức: Hiệu trưởng trường quân sự Hoàng Phố, tư lệnh Yếu Tái Trường Châu, tham mưu trưởng quân đội Việt v.v... đều là các chức vụ quan trọng, cho nên được toàn thể cử làm Thống lĩnh. Chín giờ sáng ngày 3 tháng 2, Tướng Giới Thạch dẫn quân Đông Chinh, ngày hôm sau đã thu phục được Đông Quan, Thạch Long. Lúc này Tướng Giới Thạch toi cời hơn hờ tức hứng viết ngay bài thơ sau:

Thân dẫn ba ngàn lính chiến binh,

Rập rình cú vọ bước Đông chinh,

Cách mạng gian nan dành thử sức

Vung kiếm rạch trời, lệ chảy quanh !

Quân đội của Trần Quýnh Minh không kham nổi đòn sấm sét. Sau mười ngày, Tướng Giới Thạch lại chỉ huy quân đội thu phục lại Đàm Thủy, bắt sống làm tù binh hơn bảy trăm tên địch. Ngày hôm đó Tướng Giới Thạch phấn khởi vô cùng vội vàng báo tin thắng trận tới Tôn Trung Sơn đang ở tận Bắc Kinh xa xôi, nói rõ rằng dưới sự chỉ huy độc lập của mình đã giành được chiến thắng lợi đầu tiên. Trong tháng 3, một trung đoàn lãnh đạo của Hoàng Phố do Hà ứng Khâm dẫn đầu, dùng hơn một vạn quân đã đánh bại được hơn hai vạn quân địch. Cuối cùng, bộ phận tàn quân của Trần Quýnh Minh đã thất bại chạy khỏi biên giới Mân Cán.

Sau khi kết thúc cuộc Đông Chinh lần thứ nhất, Tướng Giới Thạch không hề do dự xây dựng mở rộng quân đội Quốc dân đảng, bản thân nhận chức tư lệnh Đảng Quân. Trung đoàn lãnh đạo của Hà ứng Khâm mở rộng bổ sung thành Lữ đoàn một, Hà ứng Khâm giữ chức Lữ Đoàn trưởng. Mùa hạ năm 1925, phủ Đại nguyên soái Quảng Châu cải tổ thành chính phủ quốc dân, học sinh quân Hoàng Phố cùng thừa cơ mở rộng thành Quân đoàn 1 quân cách mạng quốc dân. Quân đoàn trưởng lẽ dĩ nhiên là Tướng Giới Thạch. Thế nhưng Trần Quýnh Minh chết mà không đông cứng, bộ đội tàn quân của hắn sau khi nhận được ba mươi vạn đồng lương ăn và sinh hoạt phí của Đoàn Kỳ Thụy, một khối lượng tiền mặt lớn và ba trăm vạn viên đạn của chính phủ thực dân Hồng Công, lợi dụng lúc Liêu Trọng Khải bị giết, lại một lần nữa phát động phản loạn, chiếm lĩnh trở lại Triều Châu, Sán Đầu, khí thế hùng hục tiến công Quảng Châu. Lúc này, Tướng Giới Thạch đang cùng Uông Tinh Vệ, Hứa Sùng Trí v.v... lập thành “ẹy ban đặc biệt xử lý vụ án họ Liêu”, để xử lý vụ án giết chết Liêu Trọng Khải. Lúc này Tôn Trung Sơn đã qua đời, trong Quốc dân đảng chỉ có một mình Uông Tinh Vệ có chức vị đứng trên Tướng Giới Thạch. Tướng nhìn thấy mình sắp sửa bước lên đỉnh cao của chính quyền Quốc dân đảng thế nhưng Tướng vẫn không muốn vứt bỏ cơ hội dẫn quân đi dẹp loạn. Tướng đã danh chính ngôn thuận đảm nhiệm chức tổng tư lệnh quân đội Đông chinh, dưới sự phụ trợ của Chu Ân Lai chủ nhiệm Bộ Chính trị quân đoàn một quân cách mạng quốc dân, lại một lần nữa dẫn quân Đông Chinh. Xuất chinh lần này, Tướng Giới Thạch hầu như đã mất hết thể diện, thế nhưng để khống chế quân đội, Tướng đã chơi hai trò rất xảo trá. Trò bịp thứ nhất là vờ lùi ngậm tiền. Sau khi quân Đông Chinh đánh phá Tuệ Châu, Tướng Giới Thạch đệ trình lên chính phủ quốc dân một lá đơn xin từ chức, nói nào là việc đánh chiếm Tuệ dân, quân Đông Chinh căn bản đã làm xong, để tránh khỏi việc thực sự nắm giữ binh quyền trở thành quân phiệt, phải từ bỏ chức vụ quân đoàn trưởng quân đoàn một. Trò bịp này của Tướng Giới Thạch, chẳng những quân quyền không mất mà chiếc gậy chỉ huy tổng chỉ huy quân đội Đông Chinh một khắc cũng chẳng rời tay, mà còn giành được sự tín

nhệm của chính phủ quốc dân và cố vấn Liên Xô, thuận lợi bước vào phạm vi lãnh đạo của Trung Ương Quốc dân đảng. Còn trò bịp thứ hai là vờ văn ngâm vờ. Sau chiến dịch Hoa Dương, Tưởng Giới Thạch chuyển ngụ thành an, cuối cùng đã vào trú ở Miếu Quan Nhạc Triều Châu, ngâm nga đọc truyện ký của Ta Go nhà đại thi hào ấn Độ. tư thái cầu tĩnh trung loạn, học văn trong vờ này của Tưởng Giới Thạch, đã khiến cho một số Tướng tá thỉnh thoảng chạy vào trong miếu thỉnh thị báo cáo đã hết lòng khâm phục. Cuộc Đông Chinh lần thứ hai, đã quét sạch được thế lực quân phiệt gây ra loạn họa ở Quảng Đông của Trần Quýnh Minh. Sự đổ máu hy sinh của các Tướng sĩ tiền phương, đã hóa thành vàng hào quang vinh dự ở trên đầu Tưởng Giới Thạch, đặc biệt là bức điện báo chúc mừng thắng lợi của Uông Tinh Vệ đã vô tình ca ngợi Tưởng Giới Thạch là người đặt nền tảng cho căn cứ địa Cách mạng Quảng Đông. Tưởng Giới Thạch đã dựa vào chức vụ quan trọng - hiệu trưởng trường quân sự Hoàng Phố và chiến công hiển hách của học sinh Hoàng Phố, không những đã trở thành nhân vật mấu chốt trong chính phủ quốc dân mà đã trở thành phái có thực lực ở Quảng Đông nắm giữ binh quyền ở trong tay.

Lời dao thứ ba của Tưởng Giới Thạch là tạo ra “Sự kiện chiến hạm Trung Sơn” để đối phó với Đảng Cộng Sản. Đây là một “Con dao hai lưỡi” kết hợp giữa cứng và mềm. Sáng tạo và xây dựng ra trường quân sự Hoàng Phố, là thành quả quan trọng trong lần hợp tác thứ nhất của hai đảng Quốc Cộng. Chu Ân Lai, Nhiếp Vinh Trăn, Diệp Kiếm Anh v.v... đã lần lượt đảm nhiệm những chức vụ quan trọng ở trong trường quân sự Hoàng Phố. Các Đảng bộ đặc biệt nhiều khóa của nhà trường đều có các đảng viên cộng sản trúng cử làm ủy viên chấp hành hoặc ủy viên giám sát. Thế nhưng, chính trong ngày 26 tháng 3 năm 1926, Chu Ân Lai chủ nhiệm Bộ Chính Trị trường quân sự Hoàng Phố đã bị giam lỏng trong nhà máy xi măng. Bộ thư bộ chính trị kiêm sĩ quan dạy chính trị Nhiếp Vinh Trăn cũng bị giam lỏng ở trên chiến hạm Trung Sơn. Lý do giam người rất đáng sợ: Chiến hạm Trung Sơn sắp bắn phá Hoàng Phố, Đảng Cộng Sản sắp được bắt Tưởng hiệu trưởng. Hạm trưởng chiến hạm Trung Sơn là đảng viên Cộng sản Lý Chi Long. Hai ngày trước, Tưởng Giới Thạch lấy danh nghĩa là Biện sự xứ đóng tại tỉnh của Trường quân sự Hoàng Phố, ra lệnh cho Lý Chi Long cục trưởng thay mặt Hải quân kiêm hạm trưởng Chiến hạm Trung Sơn, điều chiến hạm Trung Sơn tới Cảng Hoàng Phố để chuẩn bị sử dụng. Sau khi chiến hạm Trung Sơn lái tới Hoàng Phố, Lý Chi Long đột nhiên bị người bắt đi trong lúc ngủ mơ, giam giữ ở Sở quản lý quân đoàn I. Lý Chi Long trách hỏi giám đốc Sở quản lý.

- Các anh dựa vào đâu để bắt tôi.

Giám đốc sở quản lý khịt khịt mũi, hỏi lại:

- Anh có điều gì không phải với hiệu trưởng?

- Không có.

- Ai cử chiến hạm Trung Sơn tới Hoàng Phố?

- Là chỉ thị tự tay Tưởng hiệu trưởng viết ra, vừa rồi đã bị binh lính lục soát va li của tôi cướp đi mất rồi!

Lý Chi Long nghĩ rằng, việc này chỉ cần điều tra là rõ ngay.

- Để tôi tới nói với hiệu trưởng.

Giám đốc sở quản lý đứng dậy bước ra. Chỉ chốc lát hần quay trở lại, nói với một tên lính đứng ở bên cạnh:

- Hiệu trưởng ra lệnh, trói chặt nữa vào!

Tên lính canh giữa lập tức trói thêm mấy sợi dây thừng thô thít chặt làm cho chân tay của Lý Chi Long không thể động đậy được nữa. Giám đốc sở quản lý lại hỏi:

- Tại sao hôm nay anh dậy sớm như vậy? bước lên chiến hạm với âm mưu gì?

Lý Chi Long đang sắp sửa giải thích, từ cửa sau có người bước vào, giận dữ độc ác nói:

- Hiệu trưởng ra lệnh, trói chặt thêm nữa vào!

Tên lính gác lại lấy ra một sợi thừng, trói chặt hai tay của Lý Chi Long đau buốt tới tận tim tận xương. Tưởng Giới Thạch còn lấy tội danh: Đảng Cộng Sản âm mưu bạo động, điều động quân đội tuyên bố lệnh giới nghiêm, cắt đứt đường giao thông giữa trong và ngoài Quảng Châu, bao vây chặt ẹy ban bãi công của Tỉnh Cảng, sở Cố vấn Liên Xô ở Đông Dơn Quảng Châu. Khi Trần Độc Tú và những người Cộng sản khác, “giải thích sự hiểu lầm” với Tưởng Giới Thạch, Tưởng Giới Thạch đồng ý thả người, thế nhưng trái lại, đã đề xuất những điều kiện đả kích Cộng sản Đảng và lực lượng lãnh đạo của Đảng. Trong đó có những điều như sau:

- Mọi đoàn thể bí mật và mọi hành động bí mật của các đảng viên cộng sản ở Trung Quốc dân đảng, hoàn toàn thủ tiêu. Nếu kẻ nào phạm vào điều này, nhẹ thì khai trừ Đảng tịch, nặng thì bị trừng phạt.

- Mọi huấn lệnh và sách lược của Đảng cộng sản đối với Đảng viên, cần phải thông qua cán bộ cao nhất của Quốc dân đảng.

- Các đảng viên Cộng sản ở trong Quốc dân đảng, danh sách của họ phải thông qua cán bộ cao nhất của Quốc dân đảng.

Không lâu, Tưởng Giới Thạch lại triệu tập hội nghị liên tịch giữa đảng bộ Trung Ương Quốc dân đảng với chính phủ Quốc dân đảng, đã giải tán “Hội liên hiệp quân nhân Thanh niên” là tổ chức tiền bộ, củng bức toàn bộ các đảng viên Cộng sản trong quân cách mạng quốc dân phải rút ra khỏi đội quân này. Tiếp sau đó Tưởng Giới Thạch lại đem “Sự kiện chiến hạm Trung Sơn” đổ bỏ cho Uông Tinh Vệ, nói là Uông Tinh Vệ đang xúi bẩy gây xích mích trong mối quan hệ giữa Quốc dân đảng với Đảng Cộng sản. Tưởng Giới Thạch tự trách nói: “Sự kiện chiến hạm Trung Sơn “Xuất phát từ sự vội vàng lật đật, xử trí không bình thường, trước khi xảy ra sự việc không kịp thời báo cáo, đó là tội tự ý làm, thành thực không dám từ chối!”. Tưởng còn nói rõ với mọi người: “Tôi đối với các đồng chí Cộng sản, có tình thân ái, điều này không thể nói rõ ra được!” Tưởng Giới Thạch một mặt kiên quyết được hết các đảng viên Cộng sản ở trong quân đoàn một, đồng thời lại thiết tiệc mời các đại biểu đảng rời khỏi quân đoàn một. Trong bữa tiệc, Tưởng nâng cốc nói:

-”Nếu con người cách mệnh trong tôi còn may mắn trái tim quyền lợi bổng lộc địa vị, vô luận đồng chí học sinh nào, chẳng những có thể lật đổ tôi, hơn nữa còn có thể rút súng bắn chết tôi được!”[9]

Thời kỳ đầu sáng lập ra trường quân sự Hoàng Phố, được sự giúp đỡ của những người cộng sản như Chu Ân Lai v.v... đã bồi dưỡng ra hàng loạt những nhân tài quân sự, chính trị u tú. Trong cuộc binh định bọn phản loạn quân phiệt Quảng Đông, thống nhất các căn cứ địa cách mạng Quảng Đông và chiến tranh bắc phạt đã có những cống hiến quan trọng. Sau lễ tốt nghiệp của học viên khóa 5 trường Hoàng Phố, trường quân sự này, dưới sự thao túng của Tưởng Giới Thạch, ngày một trở thành trường học bồi dưỡng những phần tử cốt cán phái hữu của Quốc dân đảng. Trường quân sự Hoàng Phố hoàn toàn đã bị Tưởng Giới Thạch khống chế. Công cuộc kinh doanh ở trường quân sự Hoàng Phố là một khoản đầu tư trọng đại của Tưởng Giới Thạch ở trên vũ đài chính trị Trung Quốc, cũng là một cuộc đầu cơ chính trị sản sinh ra ảnh hưởng to lớn đối với ách thống trị độc tài của Tưởng.

3. Tưởng Giới Thạch làm thế nào để nhận chức Tổng tư lệnh quân Bắc phạt.

Tổng tư lệnh quân Bắc phạt, đó là một chức vụ mà Tưởng Giới Thạch rất đặc ý suốt đời, bởi vì nó đã lũng đoạn được đại quyền của Đảng, Chính phủ, quân đội và tài chính của Quốc dân đảng. Lễ dĩ nhiên Tưởng Giới Thạch rất say mê và quyền luyến với chức vụ này. Hơn thế, Tưởng đã nhận định rằng chức Tổng tư lệnh ngoài ông ra thì không ai có thể nhận được nó, bởi công lao của hai lần Đông Chinh đủ để làm khiếp sợ bất kỳ đối thủ cạnh tranh nào. Thế nhưng để giành được chức vụ này Tưởng Giới Thạch vẫn phải dùng

hết tâm cơ. Lẽ dĩ nhiên Tưởng Giới Thạch biết được, Bắc phạt là điều không thể không phạt, thế nhưng có một độ ông đã tăng lờ ra về không nhiệt tình đối với việc Bắc phạt cho lắm.

Từ năm 1925 đến đầu năm 1926, khu vực Lũng Quảng đã kết thúc ách thống trị đen tối của Quân phiệt Bắc Dương. (Quân Phiệt Bắc Dương là tập đoàn quân phiệt đại biểu cho thế lực phong kiến bắc phương vào đầu năm dân quốc (1912 - 1927) là sự kéo dài liên tục của thế lực phái Bắc Dương cuối Đời Thanh. Còn Bắc Dương là chỉ khu vực Phụng Thiên (Liêu Ninh), Trục Lệ (Hà Bắc), miền duyên hải Sơn Đông. Đặc biệt lập ra quan đại thần thông thương Bắc Dương do tổng đốc Trục Lệ kiêm nhiệm. Thủ lĩnh đầu tiên của quân phiệt Bắc Dương là Viên Thế Khải, sau khi Viên chết phân thành mấy phái. được sự giúp đỡ của bọn đế quốc, trước sau đã không chế được chính phủ Bắc Kinh lúc đó, trấn áp lực lượng cách mạng, bán rẻ chủ quyền đất nước, tiến hành nội chiến trong nhiều năm), chính phủ cách mạng và căn cứ địa cách mạng Quảng Đông được củng cố. Thế nhưng các thế lực phản động của quân phiệt Bắc Dương như Ngô Bội Phu, Tôn Truyền phương, Trương Tác Lâm v.v.. đã liên hiệp lại, chuẩn bị “Nam chinh”, hòng dập tắt ngọn lửa Cách mạng ở phương nam. Đối mặt với khí thế hung hăng của bọn quân phiệt Bắc Dương, Chính phủ Quốc dân Quảng Châu quyết định giáng đòn phủ đầu xuất binh Bắc phạt. Tưởng Giới Thạch biết rõ, quân phiệt Bắc Dương đã bán đứng chủ quyền quốc gia cho nước ngoài, đối nội thì vơ vét tài sản của dân chúng, trấn áp cách mạng, tranh quyền đoạt lợi với nhau không ngừng phát sinh ra hỗn chiến. Nhân dân Trung Quốc đón đầu khổ cực, tiến hành cuộc bắc phạt là việc đại sự của cả nước được lòng người, hợp ý dân, cũng có lợi cho việc đề cao địa vị của con người Tưởng mỗ. Tôn Trung Sơn qua đời đã một năm, Tưởng Giới Thạch đã đoạt được đại quyền của Đảng và quân đội Quốc dân đảng phải nên suy nghĩ tới đại nghiệp của Bắc Phạt.

Ngày mùng 3 tháng 4 năm 1926, Tưởng Giới Thạch chính thức nêu kiến nghị tiến hành Bắc Phạt trước Ủy ban Trung ương Quốc dân đảng. Thế nhưng trong khi d luận về Bắc phạt vừa sôi sục lên thì bản thân Tưởng Giới Thạch lại tỏ ra như không để ý tới. Có một lần hội nghị thảo luận vấn đề quân đội tham gia Bắc phạt, Tưởng Giới Thạch bỗng nhiên mạo muội nói bừa một câu: Phàm những kẻ tín ngưỡng bọn vô chính phủ và bọn Cộng sản đều phải rút ra khỏi quân đội. Bề ngoài đã tiến thêm một bước hạn chế đối với Đảng Cộng Sản Trung Quốc, ngầm ngầm bên trong còn có mục đích cá nhân của ông ta nữa. Đối với các Tướng lĩnh tích cực chủ trương Bắc phạt, Tưởng Giới Thạch cũng tỏ ra một bộ mặt nghiêm nghị lạnh lùng. Lúc ấy, có hai người trong tay nắm giữ binh quyền, rất tích cực đối với việc Bắc Phạt. Một người là Lý Tông Nhân, một người là Lý Tế Thâm. Lý Tông Nhân là một Tướng lĩnh nổi tiếng của quân đội Quảng Tây. Sau năm 1907, lần lượt vào học các trường Tiểu học Đường lục quân Quảng Tây, trường lục quân cấp tốc Quảng Tây, sở Giảng tập trường Tướng Quảng Tây, trong cuộc chiến tranh bảo vệ đất nước và bảo vệ pháp luật, đã lập được rất nhiều chiến công. Năm 1922, Lý Tông Nhân đã là Tổng tư lệnh quân Tự trị Đường số 2 Quảng Tây. Tháng 11 năm 1924, Lý Tông Nhân được Tưởng Giới Thạch bổ nhiệm làm quân đoàn trưởng quân đoàn một lục quân Quảng Tây, Lý đã liên lạc với một số người như Hoàng Thiệu Hồng, Bạch Sùng Hy v.v... lần lượt đã tiêu diệt quân đội của Lục Vinh Đình, Thẩm Hồng Anh, đã đánh bại được quân đội của Đường Kế Nghiêu, thống nhất Quảng Tây, là một chiến Tướng hăng hái sôi nổi trong quân đội Quốc dân đảng. Ngày 10 tháng 5, Lý Tông Nhân tới Quảng Châu, tuyên truyền Bắc phạt ở khắp nơi. Trên hội nghị toàn thể Trung Ương Quốc dân đảng, Lý Tông Nhân khẳng khái hùng hồn cho rằng nhân lúc Tôn Truyền phương cha phụ họa theo Ngô Bội Phu nên kéo quân đánh lớn, sẽ rất có lợi đối với việc đánh bại quân phiệt Bắc Dương. Quân cách mạng quốc dân nên mượn uy danh này thống nhất Lũng Quảng, nhanh chóng đánh bại. Diệp Khai Hàm phụ họa Bắc quân. Lý Tông Nhân còn mấy lần đi tìm Tưởng Giới Thạch yêu cầu Tưởng nhanh chóng sắp đặt đại kế Bắc Phạt. Thế nhưng, cái mà Tưởng Giới Thạch trao cho Lý Tông Nhân là một bộ mặt lạnh lùng, thậm chí Tưởng còn nói với Lý Tông Nhân:

- Đức Lân Huỳnh, lần đầu ông tới Quảng Châu, có một số tình hình còn chưa hiểu rõ. Quảng Châu quá phức tạp, rất nhiều sự việc còn chưa làm rõ ràng, sao lại có thể bàn tới chuyện Bắc phạt được?

Tưởng Giới Thạch biết quân đội của Lý Tông Nhân đã đánh nhau với quân đội của Diệp Khai Hàm ở Hồ Nam rất ác liệt, rất có hùng tâm muốn dẫn quân Bắc phạt trước nên đã cố ý dội gáo nước lạnh lên đầu Lý Tông Nhân.

Một người khác nữa tích cực chủ trương Bắc phạt là Lý Tế Thâm. Lý Tế Thâm tốt nghiệp trường trung học Lục quân Hoàng Phố, học đường lục quân cấp tốc và trường sĩ quan quân tư phủ Bảo Định, trải qua huấn luyện chính quy có hệ thống, đã từng đảm nhiệm chức phó quan trưởng tham mưu trưởng, sư trưởng kiêm tham mưu trưởng trong quân chính phủ do Tôn Trung Sơn lãnh đạo. Trong số rất đông Tướng lĩnh chủ trương Bắc Phạt, thái độ của Lý Tế Thâm dốc toàn sức ủng hộ Lý Tông Nhân, thậm chí ông ta gào vang lên: “Quân đoàn bấy đã đổ máu trong cuộc chiến, các quân đoàn khác cũng nên dốc lòng hưởng ứng cùng rầm rộ giúp đỡ. Lúc này Tướng Giới Thạch chỉ cời nhạt. Tuy hội nghị toàn thể ban chấp hành Trung ương Quốc dân đảng quyết nghị Bắc phạt, thế nhưng Tướng Giới Thạch vẫn cứ lạnh lùng như trước tỏ ra không mấy hứng thú với cuộc bắc phạt. Lý Tông Nhân và Lý Tế Thâm cảm thấy rất buồn bực, vô cùng thất vọng đối với thái độ của Tướng Giới Thạch. Đồng thời họ cũng cảm thấy nếu không có sự giúp đỡ của Tướng Giới Thạch về tổng tư lệnh quân cách mạng quốc dân và vị chủ tịch quân ủy này chỉ dựa vào sự bôn tẩu của hai người bọn họ, cũng khó có thể khiến cho quân Bắc phạt bước lên con đường chinh chiến được. Lý Tông Nhân và Lý Tế Thâm cuối cùng vẫn là người cộng sự nhiều lần với Tướng Giới Thạch, họ cho rằng, đề cử Tướng Giới Thạch làm tổng tư lệnh quân Bắc Phạt thì có thể giải trừ điều bí ẩn không nhiệt tâm bắc phạt của Tướng Giới Thạch. Tức thì, hai “họ Lý” liền biểu thị ngay trước mặt Tướng Giới Thạch, nếu lập tức cất quân Bắc phạt, thì họ sẽ cùng tiến cử Tướng Giới Thạch làm Tổng tư lệnh quân Bắc phạt. Điều mà Tướng Giới Thạch đòi hỏi chính là câu nói này, chính là chiếc gậy chỉ huy này của một viên tổng tư lệnh quân Bắc phạt.

Ngày 5 tháng 6 năm 1926, Trung ương Quốc dân đảng chính thức ủy nhiệm. Tướng Giới Thạch làm tổng tư lệnh quân Bắc Phạt, hơn thế còn được tổ chức xây dựng Bộ tổng tư lệnh quân Bắc phạt. Tướng Giới Thạch vừa ý thỏa lòng. Sau khi lên làm Tổng tư lệnh quân Bắc phạt, thái độ với Bắc phạt hoàn toàn khác hẳn trước. Ngày mùng 1 tháng 7, Tướng Giới Thạch hạ lệnh tổng động viên Bắc phạt, phát biểu “Tuyên ngôn Bắc Phạt”, nêu ra mục tiêu rõ ràng: Tuyền định Tam tương, sau đánh Vũ Hán hội sư Trung Nguyên, thống nhất Trung Quốc. Từ mùng 4 đến mùng 6 tháng 7, Tướng Giới Thạch tổ chức hội nghị chấp ủy lâm thời trung ương Quốc dân đảng, thảo luận công việc cần phải làm trong việc Bắc Phạt. Tướng Giới Thạch ra nhận chức chủ tịch ủy ban thường vụ Trung ương Quốc dân đảng. Ngày mùng 7 tháng 7, Tướng Giới Thạch đã đặt ra “Đề Cương tổ chức bộ tổng tư lệnh quân Cách mạng quốc dân”. Bản đề cương này quy định: Sau khi cuộc chiến tranh Bắc Phạt bắt đầu, các cơ quan quân sự, tài chính thuộc chính phủ quốc dân, đều phải chịu sự chỉ huy của tổng tư lệnh. như vậy thì, Tướng Giới Thạch đã tài tình khéo léo nắm chắc quyền quân sự, quyền tài chính của Quốc dân đảng vào trong tay mình. Ngày 9 tháng 7, Tướng Giới Thạch tổ chức cử hành Đại hội tuyên thệ Bắc Phạt tại quảng trường Đông Hiệu, Quảng Châu bao gồm mời vạn người. Tướng Giới Thạch đã phát biểu “Lời tuyên thệ Bắc phạt”, biểu lộ rõ ràng “Quân đội ta dấy binh, cứu nước cứu dân”, kêu gọi toàn quân “Tuân thủ kỷ luật, phục tùng tự lệnh”, “Triệu người một lòng cùng lái con thuyền vượt qua ma gió”. “Mặt giữa chiến sĩ ta cũng trả mỗi thù này!”. [10] Đồng thời còn lần lượt phát biểu “Th gửi nhân dân toàn tỉnh Quảng Đông”, “Th gửi các đồng chí binh sĩ”, “Th gửi đồng bào ở hải ngoại”. Bổ nhiệm Lý Tế Thâm làm Tổng tham mưu trưởng quân Bắc Phạt, Đường Sinh Trí làm Tổng chỉ huy tiền phương, dẫn tám quân đoàn của Hạ ứng Khâm, Đàm Diên Khải, Châu Bồi Đức, Lý Tế Thâm (Trần Khả Ngọc), Lý Phúc Lâm, Trình Tiềm, Lý Tông Nhân, Đường Sinh Trí v.v... chính thức xuất quân bắc phạt, trong tiếng khẩu hiệu hô vang “Đả đảo bọn đế quốc !” “Đánh đổ bọn quân phiệt”, “Xóa bỏ thế lực phong kiến !”.

Tướng Giới Thạch đã nhìn thấy đại xu thế Bắc phạt không thể không phạt, trước tiên đã nêu ra đề tài quân cách mạng quốc dân phải tiến hành Bắc phạt, sau đó đã lại đổi một bộ mặt khác, tỏ ra không mấy nhiệt tình, đưa Lý Tông Nhân và Lý Tế Thâm thông minh sáng suốt bước vào đám mây mù dày đặc mời dậm sâu Tướng Giới Thạch muốn làm tổng tư lệnh quân Bắc phạt, thế nhưng cố ý lùi lại một bước, để cho Lý Tông Nhân, Lý Tế Thâm tích cực đi tuyên truyền Bắc phạt, hơn thế đã để cho họ chủ động đem chức hàm Tổng tư lệnh đưa tới. Loại ma thuật lấy ở trên bảo tháp, lại có thể danh chính ngôn thuận không chế các quân phiệt khác. Điều bí mật này đã có thể nhìn thấy rất nhiều rất rõ ràng trong tiếng súng tiếng bom trong cuộc chiến tranh Bắc phạt. Lẽ dĩ nhiên, Tướng Giới Thạch còn có thể tung ra rất nhiều đám hỏa mù mới nữa. Sau khi Tướng Giới Thạch lên làm Tổng tư lệnh quân Bắc phạt thỉnh thoảng lại có những hành động bất thường, có khi ngay cả đến những Tướng lĩnh cao cấp làm việc ở ngay bên cạnh Tướng cũng không sao có thể hiểu nổi. Xin nêu ra mấy sự kiện dưới đây.

Một là việc kết nghĩa kim lan thân thiết với Lý Tông Nhân. Việc trao đổi thiếp lan phổ kết nghĩa anh em, đó là một loại phương thức kết giao đặc biệt độc đáo của người dân Trung Quốc. Trong thời Tam Quốc, việc “kết nghĩa đào viên” một hành động nổi tiếng của ba người lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi, đã trải qua mấy ngàn năm nay vẫn được mọi người truyền tụng. Thời kỳ đầu Bắc Phạt, Tể Tướng Giới Thạch tổng tư lệnh sau khi duyệt binh ở trên sân trường lớn ngoài Đồng môn Trường Sa, bỗng nhiên đề xuất muốn kết nghĩa anh em khác họ với Lý Tông Nhân Quân đoàn trưởng quân đoàn bảy. Lý Tông Nhân không biết thuốc bán ở trong hồ lô của Tể Tướng Giới Thạch là thuốc gì, nên không sao có thể dám bằng lòng được. Ai ngờ được Tể Tướng Giới Thạch đã viết xong thiếp Lan phổ sẵn sàng từ trước. Tể Tướng một mặt níu chặt tay Lý Tông Nhân, thân mật nói:

- Đức Lân Huỳnh nè, để cùng mưu đại nghiệp Bắc phạt hai chúng ta nên cùng đồng chí, tình thân thiết tựa đồng bào đồng tâm đồng đức, sinh tử cùng nhau.

Một mặt khác nhét thiếp lan phổ mà mình đã viết xong vào trong túi áo của Lý Tông Nhân. Trên tờ thiếp lan phổ viết lời thề của Tể Tướng Giới Thạch, ở mặt sau còn có chữ ký của Tể Tướng Giới Thạch và vợ là Trần Khiết Nh. Trước mỗi thịnh tình Lý Tông Nhân khó từ chối, cũng phải bắt chước về hồ lô đưa tới một tấm danh thiếp lan phổ đưa tới cho Tể Tướng Giới Thạch. Và như vậy Tể Tướng Giới Thạch và Lý Tông Nhân đã hoàn thành “thủ tục pháp luật của việc kết nghĩa anh em. Tể Tướng Giới Thạch càng phóng tay “trọng dụng” Lý Tông Nhân trong cuộc chiến tranh Bắc phạt. Trên danh nghĩa quân cách mạng quốc dân tham gia chiến tranh Bắc phạt có tám quân đoàn gồm mười vạn người. Thế nhưng so sánh với quân phiệt Bắc Dương, trên mặt số lượng vẫn ở vào thế xấu. Quân phiệt của Ngô Bội Phủ chiếm cứ Hồ Nam, Hồ Bắc và Hà Nam, Thiểm Tây có hai mươi vạn người. Tôn Truyền phương khống chế năm tỉnh đông nam có hai mươi vạn người. Trương Tác Lâm khống chế khu vực Hoa Bắc và Đông Bắc có ba mươi năm vạn người. Thế nhưng quân phiệt Bắc Dương mỗi người chiếm cứ một phương, lục đục hục hặc với nhau. Quân Bắc phạt quyết định sử dụng phương châm trước đánh Ngô Bội Phủ, sau đánh Tôn Truyền phương, sau nữa đánh Trương Tác Lâm, đánh phá riêng từng hòng một. tháng tám quân đoàn bảy của Lý Tông Nhân, quân đoàn bốn của Lý Tế Thân, quân đoàn tám của Đường Sinh Trí liên tục tấn công rất nhiều thành phố như Trường Sa Hồ Nam v.v... men theo Bạc La Giang, đối địch với bắc quân của Ngô Bội Phủ. Sau khi Tể Tướng Giới Thạch kết nghĩa anh em với Lý Tông Nhân, đã lập tức ra lệnh cho Lý Tông Nhân thống nhất quân đoàn 4 và quân đoàn 7, vượt mạnh qua Bạc La Giang mưu đồ chiếm đóng Vũ xương trước các quân đội khác. Ngô Bội Phủ, tên quân phiệt Bắc Dương, đã từng tạo ra “thảm án mộng 7 tháng 2”, trấn áp cuộc bãi công lớn của đường sắt Kinh Hán, tuy nắm giữ hai mươi vạn đội quân hùng hậu, thế nhưng từ sau khi Trường Sa thất thủ, có cảm giác sâu sắc rằng sức chiến đấu của quân Bắc phạt lớn mạnh, nhìn thấy đại quân của Lý Tông Nhân áp sát biên giới, lập tức quyết định quân đội từ các nơi gần cố thủ Bạc La Giang, lại điều động sự đoàn tinh nhuệ cản trở quân Bắc phạt. Lúc đó quân đội của Lý Tông Nhân sĩ khí đang mạnh chỉ dùng thời gian một ngày đã dễ dàng, nhẹ nhàng đột phá Bạc La Giang, bước thẳng tới cầu Thịnh Tứ. Cầu Thịnh Tứ, cầu Hạ Thắng là hai chiếc cầu bảo vệ Vũ xương, Ngô Bội Phủ đích thân soái lĩnh mấy vạn quân tinh nhuệ cố chết giữ lấy hai mảnh đất quan trọng này. Tại cầu Hạ Thắng, Ngô Bội Phủ đích thân chỉ huy đội đại đao và đội súng máy đốc trận, kẻ nào rút lui lập tức xử tử ngay. Ngô Bội Phủ còn tay cầm đại đao, tự tay giết chết mấy chục tên lữ đoàn trưởng, trung đoàn trưởng rút lui, rồi đem đầu của bọn đó treo trên cột dây điện để thị chúng, dùng hành vi đó để cổ vũ sĩ quan và binh lính kiên trì giữ lấy. Đối với hai mảnh đất quan trọng giữ vai trò rất chủ yếu và khó tiến công như vậy, Tể Tướng Giới Thạch không chịu động dụng quân đoàn một của mình, nhưng lại ra lệnh cho quân đoàn 4 của Lý Tế Thân tới đánh chiếm cầu Thịnh Tứ. Đội quân này, dưới sự xông đánh dũng mãnh của trung đoàn độc lập Diệp Đình, đã chiến đấu ác liệt suốt hai ngày hai đêm, đánh phá được cầu Thịnh Tứ. Tể Tướng Giới Thạch lại đề cho quân đoàn 7 của Lý Tông Nhân chủ công cầu Hạ Thắng. Quân đoàn 1 của Tể Tướng sẽ làm “hậu thuẫn” cho Lý Tông Nhân. Lý Tông Nhân dốc hết toàn bộ sức lực cống hiến cho người anh em kết nghĩa của mình. Quân đoàn 7 của ông ta chia làm hai cánh trái phải, cùng kẻ vai sát cánh tiến lên với quân đoàn 4. Bản thân Lý Tông Nhân cũng đích thân lao ra tiền tuyến đốc chiến, say mê chiến đấu suốt mấy chục giờ liền, cuối cùng đã đánh phá được cầu Hạ Thắng, bước thẳng tới dưới chân thành Vũ xương. Lý Tông Nhân lại chỉ huy bộ đội trèo lên thang để đánh thành. Thế nhưng bởi thương vong quá lớn, liên tục đánh phá hai lần mà không hạ được. Ngày mùng ba tháng chín, Tể Tướng Giới Thạch triệu tập hội nghị đại Thành Nam Vũ xương, ra lệnh nghiêm ngặt bắt buộc trong vòng bốn mươi tá tiếng đồng hồ phải hạ được Vũ xương. Đồng thời với cái đó, Tể Tướng Giới Thạch đem sư đoàn hai của lưu Trĩ điều lên

đánh Trung Hiếu Môn, đồng thời còn treo giải thưởng: Ai trèo được lên tường thành Vũ xương, sẽ quan được thông 200 đồng, binh sĩ được thông 100 đồng. người đầu tiên tiến vào thành Vũ xương được thông 300 đồng. Lúc này Lý Tông Nhân mới lĩnh ngộ được điều bí mật trong việc Tường Giới Thạch kết nghĩa anh em với mình. Cảm thấy rất bất mãn đối với Tường Giới Thạch, quân Bắc phạt tiến đánh hai tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc thuận lợi, Lý Tông Nhân đã lập được nhiều công lao. Những trận khó đánh nhất Lý Tông Nhân đã không hề do dự, thế nhưng chính trong lúc có thể dừng lại ngay trong ngày thì Tường lại điều dùng lưu Trĩ. Vị tổng tư lệnh này quả thật là “dùng binh chu đáo !” Sau hơn 10 năm, Lý Tông Nhân lại đã chỉ huy một trận cú chiến ở Đài Nhi Trang, cũng có liên quan đến người anh em kết nghĩa của ông ta. Hai là thể hiện tinh trong khi động. Bộ trưởng tư lệnh quân Bắc phạt tuy nhiên không giống Bush tổng thống nước Mỹ chỉ huy chiến tranh vùng Vịnh dùng nhiều thiết bị chỉ huy hiện đại như hệ thống máy tính điện tử, hệ thống C³I v.v.. thế nhưng đã có cảnh tượng người qua kẻ lại, điện báo điện thoại không ngừng chuyển quân, thật là một cảnh tượng bận rộn rối bời. Quân đoàn bảy của Lý Tông Nhân vượt qua sông Bạc La, khi phát khởi cuộc tiến công mạnh mẽ vào trận địa của Ngô Bội Phủ bộ tư lệnh tỏ ra càng rối loạn. Theo lẽ thường tình Tổng tư lệnh Tường Giới Thạch nên ngồi trấn giữ bộ tư lệnh, điều binh khiển tướng, quyết định sách lược ta chiến, thế nhưng Tường Giới Thạch đã không như vậy, tiếng súng vượt qua Bạc La giang của Lý Tông Nhân vừa nổ, Tường Giới Thạch đã rời bỏ quân trang vũ khí mặc bộ quần áo ngắn để cỡi ngựa nhẹ nhàng rời khỏi sở chỉ huy đi du chơi ở núi Nhạc Lộc. Núi Nhạc Lộc chính là một hòn núi nổi tiếng ở bờ tây tương Giang thị trấn Trường Sa, là một trong bảy mươi hai ngọn của Nam Nhạc. “Nam Nhạc Ký” của lưu Tống đã ghi chép: “Nam Nhạc chu vi tám trăm dặm, Hồi Nhạn là đầu, Nhạc Lộc là chân”. Trong núi màn biếc chập chùng, đẹp như ngọc giữa, từng từng xanh thắm, khe núi âm u. Từ thời Tây Hán tới nay rất nhiều văn nhân mặc khách đều lưu lại dấu tích ở trên núi Nhạc Lộc. Tường Giới Thạch đã tới thư viện Nhạc Lộc ở phía đông Nhạc Lộc Sơn, ngẩng đầu lên nhìn tám biển đề “Nhạc Lộc thư viện” do chính tay Tống Chân Tông viết, bằng nghe thấy từng loạt pháo nổ vang trời chuyển đất. Tường nghĩ bụng, Lý Tông Nhân, my chớ có coi thường quân đội của Ngô Bội Phủ, ngoài miệng lại nói với bọn lính hầu cận ở xung quanh: - Đây là một trong bốn thư viện lớn của đời Tống, các danh nhân nổi tiếng như Trương Thúc, Chân Hy đều giảng dạy ở đây, từ trước đến nay đã có tên “Tiêu tương Tru T”. Khi nhìn thấy bốn chữ lớn “Trung Hiếu Liêm Tiết” khắc ở hai bên tường trái phải của tiền sảnh, Tường Giới Thạch bỗng tình cảm xúc động nói: - Mấy trăm năm lại đây thư viện này đã trải qua binh đao khói lửa, nhiều lần đổ nát nhiều lần dựng xây, chỉ có chữ khắc “Trung Hiếu Liêm Tiết” trên đá là vẫn như xưa. Du húng của Tường Giới Thạch ngày càng nồng đượm, Tường hết quan sát tiền sảnh lại xem xét bia dựng, tựa hồ như đã quên tiết mọi điều của chiến sự bắc phạt. Ra khỏi thư viện Nhạc Lộc, Tường Giới Thạch lại bước tới mộ Thái Ngạc ở bên trên suối Bạch Hạc. Thái Ngạc, vị thủ lĩnh tân quân rất có danh tiếng này, trong cuộc phát động khởi nghĩa Vân Nam, tổ chức hộ quốc quân tiến đánh Viên Thế Khải, rất được quốc dân ca ngợi. Tuy ông cha được toại nguyện trong cuộc phát động khởi nghĩa vũ trang ở Hán Khẩu, thế nhưng thanh danh diệt Viên hộ quốc vĩnh viễn, không thấp hơn việc tổ chức một cuộc khởi nghĩa vũ trang. Tường Giới Thạch bước tới bên cạnh mộ Thái Ngạc cổ thụ chọc trời, phong cảnh hợp với lòng người đi dạo quanh một vòng phần mộ và bức tường xây bằng đá hoa cong, nghĩ tới oai phong hùng vĩ mà mình dựa vào Tướng sĩ Bắc phạt, chẳng bao lâu nữa đã có thể bước lên thành Vũ xương, trong lòng không ngăn nổi một dòng khoái cảm dâng trào. ở dưới chân núi Nhạc Lộc, tiếng súng nổ ừng ừng, cuộc chiến đấu ngày càng ác liệt. Bọn lính hầu cận đã mấy lần tỏ ý muốn để cho Tường Giới Thạch trở về bộ tư lệnh. Thế nhưng, Tường Giới Thạch “du húng đang nồng”, ngồi xe xông thẳng lên đỉnh núi. Từ xa đã nhìn thấy tám bia mộ màu trắng như sữa hình bốn cạnh, Tường Giới Thạch đã nghĩ tới Hoàng Hưng, liền có ý muốn tới dạo chơi mộ Hoàng Hưng. Hoàng Hưng là một nhân sĩ nổi tiếng đã cùng một số người như Tôn Trung Sơn, Trương Thái Viêm v.v... tổ chức ra Trung Quốc đồng minh hội, đã từng đảm nhận chức tổng trưởng lục quân chính phủ lâm thời Nam Kinh, tiến đánh quân Viên với chức vụ tổng tư lệnh, sau khi ốm chết được quốc táng lại Nhạc Lộc sơn. Ngôi mộ Hoàng Hưng được đặt tại nơi rộng rãi trên đỉnh ngọn cao của núi Nhạc Lộc, vô cùng hùng vĩ, vô cùng trang nghiêm. Từ trên mộ đưa mắt nhìn, cảnh vật của tương Giang, Trường Sa đều tận thu vào trong tầm mắt, thậm chí ngay cả hành tung của quân đội Lý Tông Nhân cũng đều nhìn thấy rất rõ. Khi Tường Giới Thạch nhìn thấy quân Bắc phạt đột phá Bạc La giang, chiếm được thành Trường Sa một cách thuận lợi, húng thu du chơi đã hoàn toàn biến mất, Tường lập tức hạ lệnh trở về bộ Tổng tư lệnh. Tình huống chiến tranh, biến ảo khôn lường. Lý Tông Nhân dẫn quân đánh Trường Sa, chính là sự so sánh lực lượng toàn diện lần thứ nhất của quân Bắc phạt với quân đội Ngô Bội Phủ, không thể vượt ra ba loại khả năng: Một là tốc chiến giành thắng lợi, hai là khổ chiến giành thắng lợi, ba là khổ chiến nhưng không giành được thắng lợi. Trước khi đánh, Tường Giới Thạch đã yêu cầu rõ ràng Lý

Tông Nhân đánh Trường Sa, nếu thắng công lao lớn nhất đương nhiên phải là của Tổng tư lệnh tức là của ông ta. Nếu ở trên chiến trường xuất hiện những gì phiền phức, như những vấn đề khó khăn thuộc loại bảo đảm hiệu cần, điều binh tăng viện v.v.. Tướng Giới Thạch biết rõ tám quân đoàn Bắc phạt quân là tám quả tim, mỗi cái đầu đều khó gọt cạo, cho nên đã dứt khoát để cho Lý Tông Nhân tự mình điều độ, còn ông Tướng thì an nhàn du chơi ở trong ngôi chùa cổ của núi rừng giữa lúc chiến trận đang chém giết. Như vậy, đã gạt bỏ được những phiền toái, lại không để mất đi “phong độ đại Tướng” vị Tướng Tổng tư lệnh của ông ta được. Đây chính là lời giải bí mật của việc Tướng Giới Thạch du chơi Nhạc Lộc Sơn. Tướng Giới Thạch tự biết rằng muốn nắm chắc được trái tim của Lý Tông Nhân quyết không phải là một việc dễ dàng. Sự việc kiểu như trong chiến trận mà lại bỏ đi du chơi Nhạc Lộc Sơn chỉ có thể diễn ra một lần. Khi quân Bắc phạt đánh tới chân thành Vũ xương, Tướng Giới Thạch lại thay đổi thủ pháp, đột nhiên mời Lý Tông Nhân cùng tới thành quách thị sát. Trong ma súng bão đạn đánh thành ác liệt, Tướng Giới Thạch ung dung trấn tĩnh, cử chỉ đường hoàng, ngay cả đến Lý Tông Nhân một vị chiến Tướng như vậy cũng phải thán phục Tướng Giới Thạch rất có phong độ chủ soái ở trong tâm mình. Có thể nhìn thấy được sự dụng tâm khổ sở của Tướng Giới Thạch tới mức độ nào! Ba là cố tình làm ra tư thái. Khi Đường Sinh Trí chỉ huy quân đoàn tám đánh chiếm Hán Khẩu, Hán Dương, Tướng Giới Thạch đánh Vũ xương đã lâu mà không thắng, Tướng Giới Thạch lại bắt Đường Sinh Trí tới vây đánh Vũ xương còn mình thì lại dẫn quân đi tấn ông Nam xương. Nam xương là một thành phố quan trọng do quân phiệt Tôn Truyền phương đóng giữ. Trung tuần tháng chín, Tướng Giới Thạch ra lệnh cho quân đoàn 2, quân đoàn 3, quân đoàn 6, quân đoàn 1 và quân đoàn 5, mỗi quân đoàn một bộ phận tấn công vào Giang Tây, rất nhanh chóng chiếm lĩnh được một số thị trấn quan trọng ở Cống Nam, thế nhưng đánh Nam xương thì không mấy thuận lợi. Ngày mùng 4 tháng 10, Tướng Giới Thạch lại một lần nữa hạ lệnh vây đánh Nam xương, hơn thế còn đích thân tới đốc chiến ở Nam Môn khẩu, chỉ huy bắt ép quân đội lấp đặt thang dây leo lên thành. Thế nhưng cuộc chiến tranh ta địch, tình huống thiên biến vạn hóa, cộng thêm việc quân Bắc phạt bắt buộc phải quyết chiến, tham mưu trưởng hành dinh Bạch Sùng Hy không thực sự bằng lòng. Đêm ngày 12, giữa lúc quân Bắc phạt đánh thành gặp trắc trở, tư lệnh phòng vệ thành Nam xương là Nhạc tự Tuyên đột nhiên tổ chức một đội quân cảm tử đánh trộm vào quân Bắc phạt. Đội ngũ hơn ba trăm người này tung hoành xông xáo ngang dọc, chỉ trong một đêm hầu như đã tiêu diệt toàn bộ quân đoàn 6 của quân đoàn Bắc phạt tới đánh thành nguy cấp đến nỗi Tướng Giới Thạch phải kéo tay Bạch Sùng Hy ở trận địa, nói liên tục. - Làm sao bây giờ? Làm sao bây giờ? Khi bộ chỉ huy rút về bến xe Ngụ Hoàng ở gần Nam xương, Tướng Giới Thạch lại kéo tay Bạch Sùng Hy bắt đi dạo, trên đường qua một miếu nhỏ, trên bàn hương trong miếu đặt một ống què. Tướng Giới Thạch bắt Bạch Sùng Hy rút một què. Bạch Sùng Hy chối nhòng, bản thân Tướng Giới Thạch đã rút một thẻ tre mời hòa thượng giải cho. Hòa thượng xem què xong, nói: - Chiến sự đại cát đại lợi, nhất định sẽ thắng, thế nhưng cần phải đề phòng cẩn thận việc cắt đứt đường phía sau. Tướng Giới Thạch yêu cầu Bạch Sùng Hy điều hai trung đoàn trung đội dự bị kéo tới gần bộ tư lệnh. Ngày hôm sau, một đơn vị quân địch từ trong thành Nam xương theo đường hầm xông ra đánh úp bộ tổng tư lệnh. Do vì Tướng Giới Thạch đã có sự điều động trước hai trung đoàn, bọn địch này đã bị tiêu diệt rất nhanh chóng. Bạch Sùng Hy thán vắn ý đồ đánh úp của tên sĩ quan bị bắt làm tù binh, hần trả lời:

- Cắt đứt đường phía sau!

Lời khai của tên tù binh lẽ dĩ nhiên là một loại trùng hợp khéo léo, tư thái cố tình làm ra của Tướng Giới Thạch lại có dụng ý sâu sắc của nó. Khi lâm nguy kéo tay tiểu Gia cát Bạch Sùng Hy liên tục hỏi “Làm sao bây giờ”, nếu quả thực Bạch Sùng Hy có diệu kế, thì cũng chẳng ngần ngại mà không thừa nêu ra cách tránh nạn. Nếu mưu kế của Bạch khó có thể lui được quân địch, hoặc là vô kế khả thi thì Tướng lại có thể dùng danh nghĩa của Tổng tư lệnh quở trách vị Bạch tham mưu trưởng này. Hơn thế, hành động này để cho Bạch Sùng Hy cảm thấy Tướng tổng tư lệnh đối với ông ta đã hoàn toàn tín nhiệm. Sau khi rút thẻ què ở trong miếu nhỏ đã điều động hai trung đoàn, nếu không có kết quả, thì chỉ là một mẹo vặt làm xiếc. Nếu có kết quả bởi dùng hai trung đoàn này, thì cũng để cho người ta cảm thấy ông ta chỉ huy bộ đội đã được thần linh ủng hộ. Mặc dù đây chỉ là một số thứ cưỡi rích, thế nhưng cũng đã lung lạc được rất nhiều trái tim của sĩ quan và binh lính quân Bắc phạt. Đây cũng là một điều bí mật giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh Bắc phạt của Tướng Giới Thạch khi làm Tổng tư lệnh.

4. Bí quyết giành thắng lợi trong đại thắng Trung Nguyên” của Tướng Giới Thạch

Năm 1930 trên giải đất Trung Nguyên rộng lớn đã phát sinh ra cuộc đại hỗn chiến giữa các quân phiệt mới của Quốc dân đảng. Một bên của cuộc đại hỗn chiến này là Tưởng Giới Thạch, còn một bên là Diêm Tích Sơn Tổng tư lệnh hải lục không quân của Trung hoa dân quốc, với tám phương diện quân của quân phiệt Quảng Tây thuộc phái Diêm Phùng do phó tổng tư lệnh Phùng Ngọc tường, Lý Công Nhân soái lĩnh. Phía bên này còn được sự giúp đỡ ủng hộ của Uông Tinh Vệ ở Vũ Hán, được sự lên tiếng ủng hộ của “Phái hội nghị Tây Sơn”, hầu như đã hình thành tập đoàn lớn chống Tưởng trên mặt quân sự và trên mặt chính trị, đã hình thành sự liên hiệp lớn trên mặt quân sự và chính trị. Trong một lần hỗn chiến quân phiệt này, với quy mô lớn nhất trên lịch sử Cận đại Trung Quốc tử thương trên 30 vạn người do quý khiến thần sui, bên phía giành thắng lợi lại là Tưởng Giới Thạch. Chỉ trong năm tháng ngắn ngủi, quân đội của Phùng Ngọc tường hầu như đã bị tiêu diệt hoàn toàn, Phùng Tướng quân nuốt nước mắt lui về ở ẩn tại ven sông Phần Thủy {1}. Diêm Tích Sơn bị bức thủ tiêu bộ tư lệnh Lục, Hải, không quân, đánh điện tới buộc phải từ chức, co lại ở Sơn Tây, lúc phong thanh khẩn cấp còn không thể không rời khỏi Sơn tây tới Thiên Tân. Bộ đội thuộc Quảng Tây của Lý Tông Nhân, Bạch Sùng Hy sau khi bị đòn đánh nặng nề không lùi về Quảng Tây. Số quân phiệt mới của Quốc dân đảng này từ đây đã mất hẳn thực lực mưu cướp chính quyền Trung Nguyên, quyết phân thắng phụ với Tưởng Giới Thạch. Từ đây về sau, đại quyền về mặt Đảng, chính quyền quân đội, tài chính trong Quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch ngày càng được củng cố, không có một quân đội quân phiệt mới nào của Quốc dân đảng dám tranh giành với Tưởng Giới Thạch nữa. Tưởng Giới Thạch đã làm thế nào giành được thắng lợi trong cuộc đại chiến ở Trung Nguyên? Muốn vạch trần điều bí mật này phải bắt đầu nói từ trò chơi quyền thuật trên vũ đài chính trị của Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch che dấu tung tích trong nhiều năm ở thượng Hải, chơi bởi nồng nhiệt với bọn đại lưu manh như Hoàng Kim Vinh, Đỗ Nguyệt Sinh v.v.. đã cảm thấy tác dụng quan trọng sâu sắc trong việc kéo bè kết đảng, lung lạc nhân tâm đối với việc phát lên cơn đường quan lại. Ngoài một bộ mặt công khai trên vũ đài chính trị ra, Tưởng Giới Thạch còn ngấm ngấm lôi kéo mua chuộc một số người. Bọn người này luôn luôn ở mọi nơi mọi chỗ, cung cấp mọi hành tung và các loại tình báo của những kẻ đối địch về chính trị của mình. Bàn tay đen này của Tưởng Giới Thạch còn vương dài vào trong quân đội quân phiệt mới khác nữa. Do đó, Tưởng Giới Thạch một độ đã nắm chắc rất rõ ràng tình hình quân đội của Phùng Ngọc tường, Diêm tích sơn, Lý Tông Nhân. Số người này về sau đã phát triển thành tổ chức đặc vụ nghiêm mật “Trung thông”, “Quân thông” mà ai nghe thấy cũng kinh hoàng khủng khiếp chính là hai bàn tay đen của Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch do được sự ủng hộ của tập đoàn tài chính Giang Triết, túi tiền riêng của ông ta bao giờ cũng căng phồng hơn so với mọi người như Phùng Ngọc tường. Tưởng Giới Thạch vợ vét tiền bạc của dân chúng cha từng bỏ sót một xu nào. Thế nhưng ông ta cũng không hề ky bo bủn xỉn trong việc dùng tiền bạc mua chuộc nhân tâm. Các sĩ quan trung hạ cấp xuất thân từ Hoàng Phố khi chơi bạc hết tiền, không có tiền phát lương cho lính, liền trực tiếp tìm tới van xin Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch hỏi rõ nguyên do, chững cũng nói thẳng không dấu diếm. Sau khi Tưởng Giới Thạch chửi bới chúng một thôi một hồi, liền viết một lá thư tay, do sở quân nhu cấp tiền cho. đưa số sĩ quan này liền không thay lòng đổi dạ đi theo Tưởng Giới Thạch. Những thư đoạn này của Tưởng Giới Thạch đương nhiên cũng có kẻ áp dụng lên bản thân của những người như Diêm Tích Sơn. Tưởng Giới Thạch đã sớm có ý thức đề phòng cảnh giác đối với bọn quan phiệt mới. Khi kết thúc Bắc phạt Phụng Trương, Tưởng Giới Thạch đã từng triệu tập các sĩ quan quân đội tốt nghiệp trường quân sự Hoàng Phố ở Bang Phụ để huấn thị, còn phát cho mỗi người một tờ giấy trắng yêu cầu mỗi người viết rõ lên trên tờ giấy trắng đó một trong hai thái độ “Quân phiệt đã bị đánh đổ” hoặc “Quân phiệt cha bị đánh đổ”. Khi đó chính là lúc Bắc phạt thắng lợi, mọi người vui mừng lộ ra trên nét mặt, liền đều viết lên mấy chữ “Quân phiệt đã bị đánh đổ, để làm vừa lòng Tưởng Giới Thạch. Nào ngờ Tưởng Giới Thạch xem xong hăm hăm giận dữ, nặng nề nói: “Quân phiệt cố nhiên đã bị đánh đổ rồi, thế nhưng bọn quân phiệt mới lại phát triển lên. Chỉ có triệt để đánh đổ bọn quân phiệt mới thì mọi người mới có triển vọng. Dù thấy, Tưởng Giới Thạch đã sớm có dã tâm tiêu trừ bọn quân phiệt mới như Phùng Ngọc tường, Diêm Tích Sơn, Lý Tông Nhân v.v.. Tháng 5 năm 1930, Diêm Tích Sơn, Phùng Ngọc tường, Lý Tông Nhân chỉ huy trên sáu mươi vạn bộ đội đã giải ra chiến trường quyết một phen cao thấp với Tưởng Giới Thạch ở Tân Phố, Kinh Hán, Lũng Hải Tuyền. Tưởng Giới Thạch cũng không thể không điều quân đội ứng chiến trên tuyến Hà Nam, Sơn Đông. Mở đầu cuộc chiến tranh, Tưởng Giới Thạch hoàn toàn ở vào trạng thái bị động bị đánh. Quân đội của Phùng Ngọc tường dùng tuyến Bình Hán, tuyến Lũng Hải làm chiến trường chủ yếu, quân đội của Diêm Tích Sơn lấy tuyến Tân Phố làm chiến trường chủ yếu, trước tiên đánh bại quân đội lưu Trĩ của Tưởng Giới Thạch ở vùng Dân Quyền, Tây Lăng thuộc Dự Đông, đánh

bại quân đội của Hàn Phúc Cử, Trần Điều Nguyên ở Sơn Đông, đánh bại quân đội của Hà Thành Tuấn ở vùng Hứa xương. Trong cuộc chiến đấu ở bên xe Quy Đức tập, Tưởng Giới Thạch đích thân chỉ huy tiền tuyến chỉ chút nữa đã bị bắt sống. Thế nhưng cuộc chiến tranh này rất nhanh chóng đã phát sinh ra sự biến đổi mang tính chất hài kịch. Ngày 15 tháng 6, khi Phùng Ngọc tường chỉ huy quân đội chuẩn bị truy kích quân Tưởng ở trên tuyến Lũng Hải, đã không ngờ vấp phải sự tấn công của quân đoàn ba Hà Thành Tuấn của quân Tưởng. Khi Phàn Chung Tú tổng chỉ huy phương diện quân thứ tám chỉ huy quân đội tiến quân về phía Hứa xương, đột nhiên bị máy bay của Tưởng Giới Thạch bắn bị thương, ít lâu sau thì chết. Phùng Ngọc tường không thể không vứt bỏ việc truy kích mà rút lui về phía Tây. Diêm Tích Sơn cũng không lệ ngoại đã vấp phải đòn đả kích ngoài dự liệu của quân đội Tưởng. Hai viên sĩ quan tư lệnh từng qua chiến trận lâu dài này là Diêm Tích Sơn và Phùng Ngọc tường một vạn lần cũng chẳng ngờ được, Tưởng Giới Thạch đã phá dịch được mã mật điện của họ. Đối với việc sắp xếp quân đội và động hống của Diêm, Phùng, Tưởng Giới Thạch đã nắm vững được rất rõ ràng. Những mệnh lệnh mà Phùng Ngọc tường truyền đạt có khi quân đội của mình còn chưa nhận được Tưởng Giới Thạch đã sớm biết trước rồi. Điều này chẳng khác gì con bạc ở trên chiếu bạc, do vì đã biết trước được bài nọc của đối phương thì làm sao lại không thấy cho được! Đi theo việc sử dụng công cụ điện tín, mà số điện mật cũng đã bước lên ngôi nàh lịch sử để chỉ huy quân sự. Thế nhưng mã số điện mật lúc đó còn tương đối giản đơn, rất nhiều mật mã vốn đều là những chữ trong cuốn sổ đã ghi rõ mã rồi thêm mấy hàng mã ngang, mã dọc, đã được coi là một quyển mật mã rồi. Đem những chữ trong cuốn sổ đã ghi rõ mã rồi sắp xếp theo hàng khác, lại cộng thêm một tổ chữ số khác nhau, khiến cho mật mã ban đầu lại phát sinh những biến đổi khác nhau, chính là quyển mật mã tương đối phức tạp. Tưởng Giới Thạch đã phá dịch được mật mã của Phùng, Diêm, nói ra cũng còn một câu chuyện ly kỳ nữa. Đầu năm 1930, một người có tên là Thái Mạnh Kiên chịu sự sai phái của Tưởng Giới Thạch tới Bắc Bình để tìm hiểu nội tình quân đội của Phùng Ngọc tường và Diêm Tích Sơn. Khi Thái Mạnh Kiên đi qua Hứa xương tới thăm hỏi một người bạn ở trong giới quân đội, tiện thể hỏi thăm điều tra tình hình của quân đội Phùng Ngọc Tường, ông ta còn quen biết với mấy vị nhà buôn của công ty cây thuốc lá Anh Mỹ ở Hứa xương. Một hôm Phan Nghi Chi ở Quảng Tây nhận lệnh của Diêm Tích Sơn, Phùng Ngọc tường, với danh nghĩa là Tổng Giám binh trạm tới Hứa xương thị sát. Toàn thể các sĩ quan và binh lính của doanh trại này đều đi nghênh tiền, chỉ có một mình Thái Mạnh Kiên lưu tại sở tham mưu. Chính trong lúc này tổng tư lệnh tiền phương của Phùng Ngọc tường Lộc chung Lân cử người đi công tác đem tới một quyển mật điện mới phát ra. Thái Mạnh Kiên vừa nhìn thấy trên quyển mật điện này còn ghi rõ phiên hiệu thông tin mật điện với nhau giữa các đơn vị quân đội, ngay lập tức dùng con dấu đóng ở trên bàn sở tham mưu, thu lấy quyển mật điện, cẩn thận dấu nó vào trong người lập tức rời khỏi Hứa xương, vội vàng tới trụ sở của bộ tổng tư lệnh ở Đãng Sơn, lại dùng danh nghĩa của Trần lập phu tiên sinh đem quyển mật điện này giao cho phòng cơ yếu của tổng bộ. Tưởng Giới Thạch nhìn thấy cuốn sổ mã điện mật này như là bắt được của chí bảo, lập tức bắt điện đài dùng danh nghĩa của Bộ tổng tư lệnh quân dịch điều khiển quân đội của Phùng, Diêm. Và như vậy, Phùng Ngọc tường, Diêm Tích Sơn làm sao mà chẳng thất bại cho được? Sau sự kiện này, Tưởng Giới Thạch đã đặc biệt triệu kiến Thái Mạnh Kiên để khen thưởng chúc mừng. Đây chính là điều bí mật Tưởng Giới Thạch “dự đoán dịch như thần” trong cuộc đại chiến Trung nguyên. Trong cuộc đại chiến này, Tưởng Giới Thạch còn đặc biệt không tiếc vàng bạc tiền của loại ma pháp này để mua chuộc và phân hóa đối phương. Khi đại chiến Trung Nguyên, trên thực tế Trung Quốc có ba chính quyền giành giật nhau. Một chính quyền quân phiệt mới Tưởng Giới Thạch lấy Nam Kinh làm trung tâm, họ chiếm hữu một bộ phận của Tô Hoàn (An Huy) và toàn bộ Mân, Triết, đặc biệt là được sự giúp đỡ của đế quốc Anh Mỹ và tập đoàn tài chính Giang Triết. Một chính quyền nữa là chính quyền Vũ Hán, trên mặt quân sự họ lôi kéo thế lực của Diêm Tích Sơn, Phùng Ngọc tường, Lý Tông Nhân. Còn một chính quyền nữa là bộ phận cũ của Trương Tác Lân, quân đội của Trương Học lương. Trong lòng Tưởng Giới Thạch hiểu rất rõ, trong khi ông ta kịch chiến ở Trung nguyên với Diêm, Phùng, Lý, thì lực lượng của Trương học lương, vô luận đối với bên nào cũng đều có quyền uy cả. Cuộc đại chiến bùng nổ, Tưởng Giới Thạch đã “giành nhiều thời gian” về phía Trương học lương. Trong cuộc tác chiến của Tưởng Giới Thạch, từ trước vẫn chú trọng dùng tiền bạc để mua chuộc những nhân vật máu chốt của đối phương. Trong cuộc chiến tranh Tưởng Quýe từ một năm trước, Tưởng Giới Thạch đã sử dụng biện pháp “Rút xương”, “Khoét tim”, “dọn đá” để đối phó với Lý Tông Nhân và Phùng Ngọc tường. Mở đầu cuộc chiến tranh, Tưởng Giới Thạch sử dụng thủ đoạn lừa bịp, đem Lý Tế Thâm chủ tịch chính phủ tỉnh Quảng Đông và tổng chỉ huy lộ quân thứ tám giam lỏng ở Thang Sơn Nam Kinh, phá tan liên minh Quảng Đông, Quảng tây, rút bỏ xương sọ của Quảng Tây. Tưởng Giới Thạch còn hứa với Phùng ngọc tường, dụ dỗ khiến cho Phùng Ngọc tường phát biểu tuyên ngôn tấn công Quảng tây,

thúc đẩy sự đoàn trường quân đội Quảng Tây như Lý Minh Dương v.v... Quay súng chống lại ở ngay mặt trận, khoét đi mất “bộ óc trái tim” của Quảng Tây, còn khiêng dọn đi “hòn đá tảng” là Đường Sinh Trí tới đánh Bạch Sùng Hy. Do vì sử dụng những biện pháp này, tuy Tưởng Giới Thạch dùng binh không nhiều trên mặt quân sự, nhưng đã rất nhanh chóng đánh bại quân đội Quảng Tây. Khi Phùng Ngọc tường nhận thức được bản thân mình đã bị Tưởng Giới Thạch lừa bịp, đã chỉ huy quân đội rút về phía Tây. Khi chuẩn bị tác chiến với quân đội của Tưởng Giới Thạch, Tưởng Giới Thạch đã mạnh mẽ ra tay trước, lấy danh nghĩa Tưởng Giới Thạch và Tổng Mỹ Linh, mời Hàn Phúc Cừ tới Vũ Hán, tiếp đãi rất “thịnh tình”, hơn nữa còn tặng một khoản tiền lớn mấy chục vạn cùng với chức vụ chủ tịch tỉnh Hà Nam, khiến cho Hàn Phúc Cừ, một vị Tướng lĩnh tự xưng là trung thành với Phùng Ngọc tường đã đưa quân đội từ Thiểm Châu kéo tới Lạc Dương, rồi bỏ Phùng Ngọc tường, đầu hàng Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch còn dùng khoản tiền mấy chục vạn mua chuộc Thạch Hữu Tam, khiến cho Thạch Hữu Tam cùng Hàn Phúc Cừ trong giờ phút gay go khẩn cấp đã quay súng chạy sang đầu hàng Tưởng. Mặc dù sau mấy năm Tưởng Giới Thạch lại hạ lệnh bắn giết Hàn Phúc Cừ và Thạch Hữu Tam, thế nhưng việc quay súng đầu hàng tại mặt trận của Hàn Phúc Cừ và Thạch Hữu Tam, đã khiến cho Phùng Ngọc tường vấp phải thất bại thảm hại. Tướng quân họ Phùng đã nhiều năm dày dạn trên chiến trường này đã đón đầu khóc lóc âm ỹ. Thế nhưng vớ kịch của Tưởng Giới Thạch vẫn còn chưa diễn hết. Để ngăn chặn sự liên hợp giữa Phùng và Diêm, Tưởng Giới Thạch lại đem chức vụ sĩ quan tư lệnh trưởng biên phòng Tây Bắc vốn là thuộc về Phùng Ngọc tường nay trao cho Diêm Tích Sơn, khiến Dương Tích Sơn đã bắt Phùng Ngọc tường đang thăm viếng Sơn Tây gài tới huyện Ngũ Đài. Trong tháng 9, Tưởng Giới Thạch còn cử Hà ứng Khâm đem giấy ủy nhiệm giữ chức phó tư lệnh Lục Hải không quân đưa tốp trụ sở của Diêm Tích Sơn ở Thái Nguyên, mua chuộc Diêm Tích Sơn thêm một bước nữa. Có thể nhìn thấy rõ, Tưởng Giới Thạch đã nắm chắc mọi cơ hội dùng tiền bạc và địa vị để mua chuộc và phân hóa kẻ địch. Trong cuộc đại chiến Trung Nguyên, khi Diêm Tích Sơn đã trở thành đối thủ chủ yếu của Tưởng Giới Thạch rồi, Tưởng Giới Thạch đã quyết tâm lôi kéo Trương Học lương về phía mình. Ngày 21 tháng 8, Tưởng Giới Thạch ủy nhiệm Trương học lương làm phó tư lệnh Lục Hải không quân, địa vị ở trong Quốc dân đảng chỉ đứng sau Tưởng Giới Thạch. Việc thay đổi ngọn cờ ở Đông Bắc của Trương học lương, công khai tuyên bố ủng hộ Tưởng Giới Thạch, chỉ huy quân đội Đông Bắc nhập vào Quan, trong vòng mười ngày đã chiếm lĩnh được cả một vùng đất rộng lớn Bình Tân và Hoa Bắc. Diêm Tích Sơn và Phùng Ngọc tường lần lượt dôi dần đánh khập khep gọng kìm của Tưởng Giới Thạch và Trương Học lương đã mau chóng tan rã thất bại. Một cuộc chiến tranh Trung Nguyên, quân phí mỗi tháng của quân đội Tưởng chỉ tiêu hết ba mươi triệu đồng, còn quân phí mỗi tháng cho hai quân đội to lớn hùng hậu của Diêm Tích Sơn và Phùng Ngọc tường chỉ có mười triệu đồng. Chẳng trách được người anh em kết nghĩa và người đối thủ gia lý Tông nhân của Tưởng Giới Thạch đã phải thốt lên lời than vãn nói. - Tưởng tiên sinh trung thành trên chiến trường Trung Quốc mấy chục năm, những vũ khí mà ông ta dựa vào không ngoài mảnh khố dùng tiền bạc mua chuộc và phân hóa li gián. Nếu từ lập luận trên quan điểm thuần quân sự thì Tưởng tiên sinh quả thực đã không làm Tướng của Tướng cũng chẳng thể làm Tướng của quân được ! “ [11]

.Lời nói này của Lý Tông Nhân tiên sinh đã vạch rõ những điều bí mật lấy ít thấy nhiều trong Đại chiến Trung nguyên của Tưởng Giới Thạch.

5. Tại sao Tưởng Giới Thạch giăng cái lưới đen ?

Trên đầu phố Quảng Châu, theo sau tiếng súng nổ chói tai, ủy viên ban chấp hành Trung ương Quốc dân đảng vương Lạc Bình đã ngã xuống trong vũng máu. Sau đó mấy ngày, khi bốn mươi học sinh trường đại học Trung Sơn cũng bỗng nhiên mất tích. Đó là năm 1930. Lúc đó, chính phủ quốc dân đã từng tổ chức một lực lượng rất mạnh để điều tra phá án sự kiện án sát mấy lần này. Thế nhưng, thân thuộc của vương Lạc Bình đã bị thất vọng, những công chúng chú ý theo dõi vụ án này cũng bị thất vọng. Những sự kiện ám sát kiểu này đã dần dần không thể cháy nhà ra mặt chuột được. Liên sau đó, một số nhân sĩ nổi tiếng trong và ngoài Quốc dân đảng như Dương Hạnh Phật, Sử Lộng Tài v.v... Đã lần lượt bị ám sát chết một cách thảm hại. Có một số vụ án gây chấn động cả nước đã từng do các nhân vật quan trọng trong Quốc dân đảng như Tưởng Giới Thạch v.v... xuất đầu lộ diện tổ chức trình sát điều tra, nhưng rồi cũng đã lờ đi cho qua chuyện, cho dù là một số vụ án cực kỳ đơn giản, cũng thường thông là càng điều tra càng rối loạn, trưởng sau không thể kết án công bằng được. Tại sao lại như vậy? Số người này chết vì nguyên nhân nào? Những vụ án này vì sao không thể điều tra phá án được? Muốn vạch rõ được điều bí mật này, cần

phải bắt đầu nói từ “Phục Hưng Xã” do Tưởng Giới Thạch tổ chức ra. Trên võ đài chính trị, Tưởng Giới Thạch đã coi quân đội, đặc vụ, tài chính là hòn ngọc quý để củng cố ách thống trị phản động của ông ta, “Phục Hưng Xã” chính là một tổ chức đặc biệt vụ phục vụ cho ách thống trị đen tối của Tưởng Giới Thạch. Con người Tưởng Giới Thạch này rất có hứng thú đối với ách thống trị độc tài Phát Xít và hoạt động đặc vụ, Tưởng coi hoạt động đặc vụ là một loại thủ đoạn quan trọng để đối phó với phải phản đối. Đêm hôm trước cuộc chính biến phản cách mạng “12-4” năm 1927, Trần Lập Phu làm bí thư ở bên cạnh Tưởng Giới Thạch đã bắt đầu mời chào một số kẻ phản bộ ở trong đội ngũ cách mạng và bọn lưu manh, bắt tay vào tiến hành hoạt động cách mạng, phòng điều tra thuộc ban tổ chức trung ương Quốc dân đảng, đều tiến hành “điều tra” theo yêu cầu xoay quanh ách thống trị độc tài của Tưởng Giới Thạch. Tháng 1 năm 1927, Tưởng Giới Thạch đã thành lập “Lê Chí Xã” ở trong trường sĩ quan lục quân Trung Ương Đường Hoàng Phố Nam Kinh, đích thân đảm nhiệm xã trưởng, nghĩ ra trăm phương ngàn kế đem “Lê Chí Xã” làm thành một Cơ quan đặc vụ. Chỉ do vì điều kiện của các phương diện không thành thuộc, cho nên cách nghĩ này chưa được thực hiện, thế nhưng những hoạt động bám gót, bắt cóc, ám sát do Tưởng Giới Thạch gợi ý vẫn không ngừng diễn ra. Sau sự biến ngẫu “18-9”, Chính sách bán nước mà Tưởng Giới Thạch sử dụng không hề kháng đã kích động sự phẫn nộ của đông đảo quần chúng nhân dân, rất nhiều quần chúng đều tới Đảng bộ thành phố, Tỉnh của Quốc dân đảng đưa ra yêu sách chung, một số học sinh yêu nước còn kéo tới Nam Kinh kiên quyết yêu cầu Trung ương Quốc dân đảng và chính phủ quốc dân tác chiến với Nhật. Tưởng Giới Thạch bị bức đến nỗi không thể lẩn tránh được, không thể không đích thân xuất hiện nói chuyện với học sinh trong lòng càng bức bối càng cảm thấy cần phải lợi dụng tổ chức đặc vụ để trấn áp nhân dân, tăng cường ách thống trị độc tài của Tưởng. Sai khi Tưởng Giới Thạch dùng thủ đoạn lừa bịp để đối phó với những yêu sách chung của học sinh, lập tức triệu tập những lâu la của mình tới răn dạy, nói nào là “những học sinh tốt của ta đều đã chết rồi, lũ các người là đồ vô dụng, nhìn cách mạng của chúng ta sắp sửa thất bại rồi...” Tưởng Giới Thạch từ trước tới nay vẫn lợi dụng phương pháp nhục mạ để bức đối phương phán đoán tâm lý của mình, lại nghĩ ra biện pháp để phù hợp với ý đồ của Tưởng. Số người “vô dụng” này qua nhiều lần bàn bạc, đã quyết định dùng một loại tổ chức đặc vụ “lực hành xã”. “Cứu vong xã” hoặc “Phục Hưng xã” để duy trì ách thống trị độc tài của Tưởng Giới Thạch. Chủ ý này đã rất nhanh chóng được sự tán đồng của Tưởng Giới Thạch. Ngày 1-4-1932, Tưởng Giới Thạch đích thân chủ trì thành lập tổ chức đặc vụ “Trung Hoa phục Hưng xã”, gọi tắt là “Phục Hưng xã”. Bản thân Tưởng Giới Thạch đảm nhận chức vụ giám đốc Phục Hưng Xã, dới Tưởng còn thành lập Bí thư cán sự thường vụ, Phòng giám sát và tổ chức thường vụ, phòng tuyên truyền, phòng huấn luyện, phòng đặc vụ v.v... và các tổ chức nhân sự. Các nhân viên trong tổ chức này chủ yếu là những học sinh đã tốt nghiệp ở trường quân sự Hoàng Phố ra. Phàm những người tham gia vào tổ chức này đều cần phải tuyên thệ, lời tuyên thệ là: “tuân theo nội quy của bản xã, phục tùng mệnh lệnh của giám đốc xã trưởng, gìn giữ bí mật của bản xã. Nếu làm trái lời tuyên thệ này xin chịu sự trừng phạt nghiêm khắc nhất”. Kỷ luật của Phục Hưng Xã chủ yếu có rất nhiều điều “không được” như là “Không được chống lại mệnh lệnh”, “không được có tổ chức nhỏ”, “không được tiết lộ bí mật”, “không được hăm hại đồng chí” v.v... vi phạm bất kỳ điều nào, đều có thể bị chặt đầu. Ban đầu thành lập phục Hưng xã, người nhập xã đều phải được Tưởng Giới Thạch phê chuẩn. Theo đà tổ chức đặc vụ không ngừng được mở rộng, Tưởng Giới Thạch mới đồng ý cho thành lập phân xã, các phân xã cũng có thể phê chuẩn những người trung thành với Tưởng Giới Thạch vào tổ chức. Muốn vạch rõ điều bí mật của việc ám sát, không thể không nói tới một con người tên gọi là Đới Lập. Đới Lập không phải là phần tử cốt cán đứng ra tổ chức trước nhất của “phục Hưng xã”, thế nhưng về sau đã trở thành người chủ trì thực tế của tổ chức đặc vụ “Quân thống Cục” của Tưởng Giới Thạch. “Mời ba vị thái bảo” chuẩn bị tổ chức Phục Hưng Xã thông thường là chỉ Hạ Trung Hàn, Phan Hộ Cường, Quế Vĩnh Thanh, Trịnh Văn Nghi, Trịnh Giới Dân, lưu Kiện Quân, lương Cán Kiều, Tiêu Tấn Dục, Cát Vũ Khải, Đặng Kiệt, Khang Trạch, Đỗ Tâm Nh, Hồ Tông Nam v.v... Đới Lập không ở trong số này. Đới Lập là người thị trấn Hiệp khẩu huyện Giang San tỉnh Triết Giang, khi che dấu tung tích ở Sở Giao dịch thượng Hải đã quen biết Tưởng Giới Thạch, không lâu làm lính cận vệ cho Tưởng Giới Thạch. Sau khi Đới Lập chui được vào trong trường quân sự Hoàng Phố, học được một năm ở khoa Kỵ Binh khóa 6, tháng 8 năm 1927 tới giúp việc Hồ Tông Nam, nhậm chức sĩ quan phụ tá. Hồ Tông Nam cho rằng Đới Lập Có “Dị tài” liền tiến cử hẳn tới làm sĩ quan phụ tá cho Tưởng Giới Thạch. Khi thành lập Phục Hưng Xã, Đới Lập chỉ là cán sự dự bị của Hội Cán sự trung ương, trưởng phòng Phòng Đặc Vụ. Đoạn từng trải này của Đới Lập, trong tâm mắt “các lão đại ca Hoàng Phố” thì chẳng ai thèm để ý tới, đặc biệt là cán sự trung ương Trịnh Giới Dân, trong lòng chẳng chút nề phục, thế nhưng do vì Đới Lập là người Triết Giang, cùng thuộc hệ thống “Ala” với Tưởng Giới Thạch. Đây là điều

mà những người Quảng Đông như Trịnh Giới Dân v.v.. không sao so sánh nổi. Cộng thêm Đới Lập có “dị tài”, giỏi “phụng mệnh ý chỉ của lãnh tụ, lo lắng cho nỗi khổ tâm của lãnh tụ”, rất được Tưởng Giới Thạch yêu quý, Đới Lập cũng có thể thành đạt như điều gặp gió trong tổ chức đặc vụ, trở thành Tổng quản đặc vụ của Tưởng Giới Thạch, trở thành một nhân vật đặc biệt độc đáo dới một người, trên vạn người của Tưởng Giới Thạch, một số yếu nhân trong Đảng và chính quyền Quốc dân đảng đề khiếp sợ Đới Lập nhiều bề. Năm 1935, Tưởng Giới Thạch đem các loại tổ chức đặc vụ của mình tập hợp lại, thành lập nên “Cục thống kê điều tra của ẹy ban quân sự chính phủ quốc dân”. Đới Lập đảm nhận chức vụ thiếu Tướng trưởng phòng của phòng 2 cục này. Sau ba năm, Đới Lập thăng chức trung Tướng Phó cục trưởng “Cục Quân Thông”, một lòng một dạ liều chết bán mình cho Tưởng Giới Thạch. Bộ thuộc của Đới Lập là Thẩm Túy đã từng nói:

- Đới Lập là con dao găm sắc nhọn đeo ở bên sườn Tưởng Giới Thạch, cũng là một con chó săn trung thành, hung ác, rất giỏi nắm bắt ý đồ của chủ, rất được Tưởng Giới Thạch quý mến ! [12]

Tưởng Giới Thạch rất cần thiết có một tên trùm sỏ đặc vụ kiểu như Đới Lập, cho nên đã dụng tâm bồi dưỡng Đới Lập. Do được Tưởng Giới Thạch tin yêu, Đới Lập đã không ngừng mở rộng tổ chức đặc vụ. Nhân viên đặc vụ dới quyền Đới Lập rất nhanh chóng từ hơn ba ngàn người phát triển tới gần năm vạn người. Tổ chức nội bộ đã phát triển mở rộng tới hơn mười phòng, ban. Đới Lập còn thiết lập “Ban nghiên cứu kỹ thuật đặc chủng” chuyên nghiên cứu và chế tạo các loại thuốc độc, đoạn độc, dao độc, dụng cụ phóng hỏa, bom định giờ, địa lôi, các loại khí tài nổ v.v.. dùng để đối phó với các Đảng phái dân chủ và những người cộng sản chống đối lại Tưởng Giới Thạch, tạo ra những hoạt động khủng bố. Có được con chó săn trung thành như kiểu Đới Lập, Tưởng Giới Thạch càng ngày càng điên cuồng thực hành ách thống trị độc tài Phát xít. ở trong Quốc dân đảng, phạm hể cứ nghe thấy tiếng hô gọi “Tưởng ủy viên trưởng”, “ủy tọa”, “lãnh tụ” ...tất cả các nhân viên có mặt đều phải đứng nghiêm dậy !”Bàn tay đen” của tổ chức đặc vụ Tưởng Giới Thạch đã vương ra rất dài, chủ yếu là ở trong hai lĩnh vực lớn nội bộ và ngoại bộ. Trong nội bộ Quốc dân đảng, vô luận là ở trong các cơ quan các cấp huy là quân đội Lục, Hải, Không quân và các đoàn thể xã hội, đều có những hoạt động đặc vụ của Tưởng Giới Thạch. ở trong quân đội các cấp Hải, lục, không quân, các loại nhà trường học viện quân sự và các loại cơ quan quân sự đều thiết lập phòng huấn luyện chính trị, sắp đặt các nhân viên công tác chính trị từ trung cấp trở lên, tuyệt đại bộ phận đều là người của “Phục Hưng xã” Họ chủ yếu phụ trách giám thị các sĩ quan tư lệnh quân đội và tình hình tư Tưởng của các sĩ quan, phát hiện thấy tình hình khác thường thì sẽ báo cáo ngay lên nhân viên công tác chính trị cấp trên có thể báo thẳng tới Đới Lập, bộ đội chính quy hoặc tạp nham cũng đều như vậy cả. Theo yêu cầu của Tưởng Giới Thạch, ngoài những nhân vật cốt cán của Phục Hưng xã như Hồ Tông Nam, Hoàng Kiệt, Quế Vĩnh Thanh v.v... không cho phép các sĩ quan quân đội trực tiếp chỉ huy quân đội được tham gia Phục Hưng xã, để tiện cho các đặc vụ của Phục Hưng xã có thể bí mật theo dõi số sĩ quan quân đội này, như vậy sẽ có lợi cho sự khống chế quân đội của Tưởng Giới Thạch. Do đó, các sĩ quan quân đội từ trung thượng tầng trong quân đội Quốc dân đảng đều phải đặt dới quyền giám thị của đặc vụ Tưởng Giới Thạch. Hể phát hiện có lời nói và hành động không trung thành với Tưởng Giới Thạch thì sẽ có thể gặp tai họa bị giết chết ngay. Một số đặc vụ lục đục hục hặc với nhau, để đạt được mục đích cá nhân chúng đã vu cáo người khác, do đó đã khiến cho các sĩ quan quân đội suốt ngày hoảng hốt lo sợ, thường xuyên có người bị mất tích, có người bị ám sát. Các nhân viên công tác chính trị trong các nhà trường học viện quân sự chủ yếu là theo dõi học sinh. Hể phát hiện những học sinh tư Tưởng không ổn định hoặc có nghi ngờ thông đồng với Cộng sản thì do phòng huấn luyện chính trị lấy danh nghĩa là nhà trường đem nhốt lại, khai trừ, hoặc đem giao cho cơ quan quân pháp đem nhốt vào trại giam lục quân. Từ năm 1933 đến năm 1935, Phục Hưng xã còn thành lập hai tổ chức ngoại vi là “Trung Dũng cứu quốc hội” và “Trung quốc văn hóa học hội” “Trung Dũng cứu quốc hội” chuyên môn tiếp nhận các phần tử băng bí mật, ác ôn du ôn, lưu manh bất lương làm cốt cán. “Trung Quốc văn hóa học hội” thì dùng các hiệu trưởng, giáo sư đại học và những người có trình độ văn hóa làm cốt cán. Hai tổ chức ngoại vi này tuy không nghiêm mật chặt chẽ như Phục Hưng xã, thế nhưng đã khiến cho các hoạt động đặc vụ của Quốc dân đảng ngày càng điên cuồng lòng lộn.ở bên ngoài, tổ chức đặc vụ của Tưởng Giới Thạch chủ yếu coi trọng hoạt động tổng tiền. Thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh kháng Nhật, Tưởng Giới Thạch còn thành lập các cơ quan nhe Phòng giám sát cấm thuốc v.v.. thu nhập của việc cấm thuốc không nộp vào kho nhà nước, đều dùng làm “phí đặc chi” của cá nhân Tưởng Giới Thạch. Loại này trên danh nghĩa là cấm thuốc, còn trên thực tế là việc vơ vét của cải, Tưởng Giới Thạch đều để cho bọn đặc vụ của Phục Hưng Xã đi bắt

bớ. Bọn đặc vụ này cầm lông gà làm lệnh tiễn, luôn muốn quấy đục nước để bắt cá, mu đồ tư lợi từ bên trong, chúng thường tùy ý bắt người giết người, điên cuồng như vệ quân Đảng quốc xã Nazi của Hít le. Bắt cóc là một loại thủ đoạn quan trọng mà Tưởng Giới Thạch lợi dụng tổ chức đặc vụ để bức hại các nhân sĩ tiến bộ, bài trừ khác cánh với mình. Để củng cố địa vị thống trị của mình, khi Tưởng Giới Thạch cần phải hạn chế hành động của một số người, liền ra hiệu cho Đới Lập tiến hành bắt cóc người đó. Khi Tưởng Giới Thạch có mâu thuẫn với Hồ Hán Dân, đã hận tận xương tận tủy đối với người trợ thủ đắc lực của Hồ Hán dân là lưu Lô ẩn. Sau khi Hồ Hán Dân chết, Đới Lập liền ra lệnh cho đặc vụ bí mật bắt cóc lưu Lô ẩn đem về Nam Kinh. Khi người vợ nhỏ của lưu Lô ẩn phát hiện ý đồ bắt cóc của mấy tên đặc vụ do Thẩm Túy dẫn đầu ở trên phố thượng Hải, kinh sợ gào thét ầm lên. Bọn đặc vụ đã ngang nhiên đem cuộc bắt cóc bí mật biến thành cuộc đuổi bắt công khai, giải ngay lưu Lô ẩn tới giam cầm ở Vũ Hán. Lúc đó, Tô giới của Anh Pháp ở thượng Hải không cho phép nhân viên chính phủ Quốc dân đảng tùy tiện tiến vào bắt bớ cư dân. Đới Lập đã không tiếc tiền của đã dùng khoản vàng lớn mua chuộc bọn cảnh sát ở trong Tô giới, để cho đặc vụ và cảnh sát cùng “hợp tác”, bắt cóc các nhân sĩ có liên quan ở trong tô giới. Tại một số thành phố lớn dưới ách thống trị của Quốc dân đảng như thượng Hải, Vũ Hán, Trùng Khánh v.v... hoạt động bắt cóc của Đới Lập hầu như không ngày nào dừng lại. ám sát, là một loại thủ đoạn Phát xít mà Tưởng Giới Thạch rất hay dùng, cũng là thủ đoạn mà Đới Lập a chuộng nhất. Để bài trừ những người khác cánh, ngăn chặn các lực lượng tiến bộ, Tưởng Giới Thạch thường ra hiệu cho Đới Lập điều khiển đặc vụ ám sát kẻ thù địch về chính trị và những nhân sĩ tiến bộ. Tại thượng Hải, phu nhân của Tôn Trung Sơn tiên sinh là Tống Khánh Linh, vì để phản đối Tưởng Giới Thạch đã có những hành động bạo ngược miệt thị nhân quyền, sát hại dân chúng, bà đã cùng rất nhiều nhân sĩ tiến bộ tổ chức ra “Hội đồng minh bảo đảm dân quyền Trung Quốc”, vạch trần những hành vi phản động của Tưởng Giới Thạch, tuyên truyền tư Tưởng cách mạng. Đối với việc này, Tưởng Giới Thạch đã hận tới tận xương tủy đối với vị “quốc mẫu” này, chỉ do vì ảnh hưởng xã hội của bà Tống Khánh Linh quá lớn, Tưởng không dám hạ độc thủ đối với bà đành phải phái cử một khối lượng đặc vụ khá lớn tới giám sát khu nhà ở của Tống Khánh Linh, đồng thời ra lệnh cho Đới Lập ám sát Dương Hạnh Phật, ủy viên chấp hành kiêm tổng cán sự của “Hội đồng minh bảo đảm dân quyền Trung Quốc”, hòng mượn việc này đe dọa Tống Khánh Linh. Đới Lập vốn muốn nhân lúc Dương Hạnh Phật đi cỡi ngựa trên đường Đại Tây tới đường Trung Sơn tiến hành đánh lén, thế nhưng Tưởng Giới Thạch không đồng ý cách làm như vậy. Lúc đó, Khu nhà ở của Tống Khánh Linh ở gần vườn hoa thuộc tô giới nước Pháp, Tưởng Giới Thạch cho rằng Dương Hạnh Phật ở khu vực ngoài tô giới mà bị ám sát thì khó có thể đạt được mục đích khủng bố đe dọa Tống Khánh Linh, lại suy nghĩ tới việc giết người ở trong khu vực quản lý của chính phủ Tưởng, sau sự việc khẳng định sẽ dẫn tới sự chỉ trích về các phương diện, không phá án thì sẽ mất thể diện, muốn phá án thì lại phải bắt bọn đặc vụ, do đó Tưởng đã kiên trì bắt Đới Lập phải động thủ ở gần tô giới Pháp. Vì sự kiện này, Đới Lập đã đặc biệt từ Nam kinh tới thượng Hải đích thân bố trí. Buổi sáng ngày 18 tháng 6 năm 1933, khi Dương Hạnh Phật ngồi xe tới số nhà 331 đường Albe, bốn họng súng trường của bốn tên đặc vụ cùng bắn vào ông ta, trên thân ông ta đã bị hơn mười vết đạn. Sau sự việc, Tưởng Giới Thạch đã vin vào lí do việc hung sát này xảy ra ở trong tô giới, nên không chịu trách nhiệm phá án, để đối phó với giới báo chí. Thông qua sự kiện này, bạn đọc đã nhìn thấy rõ bí mật của các sự kiện ám sát mà không được phá án từng phát sinh ra rất nhiều lần ở trong khu vực thống trị của Quốc dân đảng, đã nhìn thấy rõ những hành vi đáng sỉ nhục của “Phục Hưng Xã”. Tám lời đen “Phục Hưng Xã” do Tưởng Giới Thạch giảng cái đã tạo ra rất nhiều sự kiện ám sát chính trị gây chấn động xã hội, đã phạm biết bao nhiêu tội ác tày trời. người chủ trì “Thân báo” thượng Hải ông Sử lượng Tài do vì đã phát biểu bài “Bình luận thời sự Tiểu phi” trên “Thân báo” không lợi cho chính quyền của Tưởng, đã nêu ra quan điểm “Bọn phi trong cả nước ngày nay, đều do sự thống trị đen tối tạo thành... Bọn phi đã bị tiêu diệt đâu có phải là những đồng bào lao khổ của chúng ta, đâu có phải là những dân lành cơ hàn quần bách cầu sinh bất đắc”, đã bị Đới Lập bố trí đặc vụ tinh vi bắn chết ngay ở ngoại ô Hàng Châu. Có những trước tác nổi tiếng như “Bí quyết then chốt của chiến tranh”, “Tôn tử Thiên dịch”, “Tổng tư lệnh học” v.v... Dương Kiệt từng đảm nhận chức vụ hiệu trưởng trường Đại học Lục quân, phó tổng tham mưu trưởng, đã bị ám sát tại lầu bốn số nhà 302A đường Xuannishi. Vị Tướng lĩnh yêu nước nổi tiếng trong sự biến Tây An là Dương Hổ Thành, ủy viên Trung cộng tỉnh Tứ Xuyên là Xa Diệu Tiên, La Thế Văn v.v... lấy cớ vin vào sự kiện cướp gạo bị chúng bắt giam, đã lần lượt bị ám sát ở trong trại giam. Tưởng Giới Thạch còn đưa bàn tay đen vương tới một số người như Chu Ân Lai, Hà tư Nguyên, Trương Trị Trung v.v... chỉ có điều là những âm mưu ám sát này cha thành hiện thực. Tưởng Giới Thạch đúng là có ý đồ lợi dụng tổ chức đặc vụ lớn mạnh để trấn áp nhân dân, bài trừ những người khác phe cánh, để duy trì ách thống trị phản động của mình. Thế nhưng điều đó đã thực sự chứng tỏ sự suy yếu

giả dối của chính quyền họ Tưởng. Những hoạt động đặc vụ ám sát tàn khốc nguy hiểm càng nhiều chỉ có thể càng kích động sự công phẫn của nhân dân Hít le và Môsulini đã từng có tổ chức đặc vụ vô cùng lớn mạnh đã bị sụp đổ. Tưởng Giới Thạch cũng đã bị bắt buộc phải từ chức hết lần này tới lần khác. “Con dao găm sắc nhọn” luôn ở bên cạnh ông Tưởng đó đã ngồi máy bay từ Bắc Bình tới Nam Kinh trên đường bay đã bị lao đầu vào Đới Sơn, thị trấn Bản Kiều huyện Giang Ninh chết mất mạng vào ngày 17 tháng 3 năm 1946.

6. Lần đầu tiên Tưởng Giới Thạch buộc phải từ chức và phục chức

“Buộc phải từ chức” cách nói này là để chỉ những người chấp chính bị bức phải hạ bệ, bao hàm một ý xấu. Tưởng Giới Thạch giành giật trên diễn đàn chính trị, tranh quyền đoạt lợi, việc từ chức quyết không phải là bản ý của Tưởng. Thế những cuộc đấu tranh tàn khốc của bọn quân phiệt mới Quốc dân đảng đã bức bách buộc Tưởng Giới Thạch phải tuyên bố từ chức trong bài phát biểu “Th gửi quốc dân” ngày 13 tháng 8 năm 1927. Đây là lần thứ nhất trong cuộc đời Tưởng Giới Thạch được thông thức mùi vị của việc bắt buộc phải từ chức. Thế nhưng, thời gian chỉ trôi qua hơn một trăm ngày ngắn ngủi, Tưởng Giới Thạch lại giống như một kỳ tích được chính phủ Nam Kinh ủy nhiệm làm Tổng tư lệnh. Tưởng Giới Thạch lại múa may chiếc gậy quyền lực, hạ lệnh xét tội những người lúc đầu buộc ông phải từ chức như Uông Tinh Vệ, Cố Mạnh D, Tần Công Bác v.v... bắt Uông Tinh Vệ một lần nữa rời khỏi đất nước. Ngày mùng 2 tháng 2 năm 1928, trên hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ tư khóa hai của Quốc dân đảng, Tưởng Giới Thạch được bầu làm chủ tịch ủy ban chính trị Trung ương và chủ tịch quân ủy Trung ương, quyền lực của Đảng, chính phủ, quân đội Quốc dân đảng lại một lần nữa rơi vào trong tay Tưởng Giới Thạch, địa vị của Tưởng Giới Thạch so với trước khi buộc phải từ chức đã càng được củng cố hơn. Thuật chìm nổi đã thiên biến vạn hóa. Tưởng Giới Thạch đã làm thế nào để nâng cao được địa vị của mình sau khi buộc phải từ chức, củng cố được quyền lực của mình? Đây lại là một điều bí mật nữa ở trong cuộc đời Tưởng Giới Thạch. Muốn vén được bức màn bí mật này lên thì cần phải bắt đầu nói từ việc buộc phải từ chức của Tưởng Giới Thạch trở đi. Lần thứ nhất Tưởng Giới Thạch bắt buộc phải từ chức, chủ yếu có ba nguyên nhân. Nguyên nhân thứ nhất là giữa chính phủ Quốc dân đảng Nam Kinh do Tưởng Giới Thạch cầm đầu và chính phủ Quốc dân đảng Vũ Hán do Uông Tinh Vệ cầm đầu đang tồn tại những xung đột lợi hại nghiêm trọng, Tưởng Giới Thạch đã trở thành chướng ngại của sự quy tụ Ninh Hán. Sau khi Tưởng Giới Thạch phát động cuộc chính biến phản Cách mạng 12 tháng 4 để giành được địa vị “lãnh tụ” Quốc dân đảng, Uông Tinh Vệ không thể không dựa vào lực lượng của Cộng sản Đảng, cầm cờ hiệu của cách mạng, lấy danh nghĩa là chính phủ quốc dân Vũ Hán tuyên bố khai trừ Đảng tịch của Tưởng Giới Thạch, kêu gọi một người đánh đổ Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch mâu thuẫn gay gắt, trực tiếp đối đầu, thực hành phong tỏa kinh tế và bao vây quân sự đối với chính phủ Vũ Hán, phát động các nhân sĩ trong Quốc dân đảng bao vây tiến công Uông Tinh Vệ trên mặt chính trị. Khi địa vị lãnh tụ của Uông Tinh Vệ bị uy hiếp, cùng công nhiên phát động cuộc chính biến phản cách mạng ở Vũ Hán, hơn nữa còn chủ trương quy tụ Ninh Hán. Thế nhưng, để giành được quyền lực tối cao trong Quốc dân đảng, Tưởng Giới Thạch kiên quyết không chịu thua kém Uông Tinh Vệ, tức thì hai bên liên chỉ trích lẫn nhau, đều tuyên bố bản thân mình là chính phủ “Chính thống”. Trong cuộc tranh cãi tuốt kiêu căng này, chỉ riêng một Uông Tinh Vệ cũng khó có thể bức được Tưởng Giới Thạch phải từ chức. Uông Tinh Vệ chỉ có quyền trong Đảng không có quyền trong quân đội, lời nói thì tỏ ra thiếu sức mạnh. Trong khi cuộc tranh giành Tưởng Uông chưa ngã ngũ thì bọn quân phiệt Quảng Tây nhúng tay vào, khiến cho cán cân giành “chính thống” này đã xuất hiện sự nghiêng lệch. Ngày mùng 9 tháng 8, tổng chỉ huy đệ tứ phương diện quân của đệ nhất tập đoàn quân là Đường Sinh Trí đã công khai đứng ra vạch trần những hành vi tội ác dùng quân đội chế ngự Đảng, Dùng Đảng uy hiếp chính quyền, tự lập chính phủ, giới mở hội nghị, giết hại người khác cánh v.v.. Sau hai ngày, đường sinh Trí lại phát đi bức thư “Gửi các bạn học ở Hoàng Phố hãy đứng lên lật đổ Tưởng Trung Chính”, bổ nhiệm Trình Tiềm, Hà Kiện làm tổng chỉ huy hai cánh quân tả hữu của Quân Đông Chinh, kéo về phía đông tiêu diệt Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch ăn miếng trả miếng, ra lệnh cho Bạch Sùng Hy chỉ huy quân đội đánh trả. Nào ngờ Bạch Sùng Hy - tiểu Gia cát này nhìn thấy gốc cây Tưởng Giới Thạch này không thể dựa được, đã cự tuyệt chấp hành mệnh lệnh của Tưởng Giới Thạch. Lúc này, Lý Tông Nhân về phía chính phủ Nam Kinh cũng biểu thị ủng hộ Uông Tinh Vệ, phản đối Tưởng Giới Thạch, Hà ứng Khâm bằng mặt không bằng lòng, cũng muốn giành giật Tưởng để thay thế. Và như vậy, Tưởng Giới Thạch đã bị bức tới trước vực thẳm, không thể không từ chức để dung hòa mâu thuẫn. Thế nhưng, khi Tưởng Giới Thạch bước xuống Vũ đài quân đội chính quy

của Tưởng không hề bị tổn thất. Đây cũng chính là điểm mấu chốt, khiến cho Tưởng Giới Thạch sau khi buộc phải từ chức phục chức, rồi sau khi phục chức địa vị càng được củng cố. Tưởng Giới Thạch tự tin rằng, chỉ cần quân đội không tan thì ông lại có thể đứng lên quật khởi được. Nguyên nhân thứ hai là Tưởng Giới Thạch đã bị trượt ngã thất bại ở trước mặt Tôn Truyền phương một tên quân phiệt cũ. Tôn Truyền phương vốn đã học sinh tốt nghiệp ở trường võ bị cấp tốc lục quân Bắc Dương và trường sĩ quan Nhật Bản, năm 1921 được bổ nhiệm lên làm sư trưởng sư đoàn 2 lục quân tổng tư lệnh thượng du Trường Giang. Trong cuộc chiến tranh Tề L năm 1924 dẫn quân đi đánh chiếm Triết Giang, thực lực lớn mạnh, được chính phủ Bắc Dương bổ nhiệm làm Mãn Triết tuần duyệt sứ kiêm Triết Giang quân vụ Đốc biện. Không lâu lại chiếm lĩnh Từ Châu, khống chế được năm tỉnh Triết, Mãn, Tô, Huân, Cán, là một trong những quân phiệt lớn nhất của Bắc Dương hậu kỳ. Thế nhưng vô luận là trên mặt chính trị hay trên mặt quân sự Tôn Truyền phương đều không phải là đối thủ của Tưởng Giới Thạch. Trong cuộc đối kháng với quân phiệt phía bắc ở Giang tây, Triết Giang, Giang Tô v.v... Tôn Truyền phương đã nhiều lần vấp phải thất bại thảm hại, liên tục phải rút lui về phương bắc. Tưởng Giới Thạch cũng chưa bao giờ coi Tôn Truyền phương là một đối thủ chủ yếu. Khi mâu thuẫn giữa Tưởng Giới Thạch với chính phủ Vũ Hán ngày thêm sâu sắc, Tưởng đã từng cử Trương Qian tới gặp Tôn Truyền phương ở Dương Châu, yêu cầu Tôn Truyền phương tới Nam Kinh chuyện trò. Trương Quyền còn đem đi một dự án ngầm của Tưởng Giới Thạch: Nếu Tôn Truyền phương thay đổi treo cờ thanh thiên bạch nhật, cùng về làm việc với Tưởng mỗ, thì Tưởng Giới Thạch sẽ mời Tôn Truyền phương đảm nhiệm chức phó Tổng tư lệnh quan cách mạng quốc dân kiêm Tổng tư lệnh liên quân Hoa Bắc. Nếu cuộc thôn tính thành công, thì Tưởng Giới Thạch có thể tập trung lực lượng đối phó với Ông Tinh Vệ và Đường Sinh Trí. Tưởng Giới Thạch luôn luôn chỉ muốn nghĩ cách “nuốt chửng” quân đội này của Tôn Truyền phương. Đâu ngờ Tôn Truyền phương đã sớm nhìn thấu mấy khúc ruột ở trong bụng Tưởng Giới Thạch, Tôn đã cự tuyệt “lòng tốt” của Tưởng Giới Thạch và trao cho Trương Qian một bộ mặt lạnh nhạt. Tức thì, Tưởng Giới Thạch liền hạ lệnh chia quân thành ba đường tiếp tục tiến đánh Tôn Truyền phương. Hà ứng Khâm chỉ huy đệ nhất lộ quân, từ Trán Giang qua sông, men theo sông đào tiến thẳng tới Lỗ Nam. Lý Tông Nhân chỉ huy đệ tam lộ quân, mục tiêu là đoạt cướp Từ Châu. Tưởng Giới Thạch đích thân dẫn đệ nhị lộ quân tiến lên bắc. Lý Tông Nhân tiến công mạnh mẽ, ngày mùng 2 tháng 6 đánh chiếm được Từ Châu. Trong khi Tưởng Giới Thạch đang tưng bừng hơn hớn đọc tin mừng thắng trận của Lý Tông Nhân thì hậu viện bốc lửa. Chính phủ Vũ Hán tiến vào chiếm đóng Trinh châu, Khai phong, chuẩn bị đông chinh Nam Kinh. Tưởng Giới Thạch biết Lý Tông Nhân có thể đánh có thể giữ, đã mệnh lệnh cho Lý Tông Nhân cấp tốc về Nam Kinh, để cho vương Thiên Bồi cố thủ Từ Châu. Tôn Truyền phương và Trương Tông xương nắm chắc được cơ hội này phản công Từ Châu. Từ Châu lại thất thủ, Tưởng Giới Thạch có được miếng “thịt béo” kề tới gần miệng lại đã bị mất. Tưởng Giới Thạch buồn bực tức giận, ông không để ý gì đến thân phận tổng tư lệnh quân Bắc phạt, sau khi quát tháo chửi rủa Hà ứng Khâm một trận, Tưởng lập tức quyết định tổ chức lực lượng phản công. Tưởng Giới Thạch còn đích thân tới đốc chiến ở tiền tuyến Từ Châu, nghiêng răng nghiêng lợi nói:- Không đánh được Từ Châu thì quyết không trở về Nam Kinh. Kết quả là đã trúng kế phục binh miệng túi của Tôn Truyền phương quân đội vấp phải thương vong nặng nề. Tưởng Giới Thạch đã phải lúng túng chạy trốn về Nam Kinh. Tôn Truyền phương cũng dồn quân đội phản công theo hướng Nam Kinh. Để cứu vãn ảnh hưởng đốc chiến thất bại, Tưởng Giới Thạch bỗng ngang ngược ra lệnh bắn chết vương Thiên Bồi tổng chỉ huy mặt trận tiền phương. Nào ngờ tiếng súng nổ vang đã kích động sự bất mãn và chống đối của các Tướng lĩnh đối với Tưởng, ngay cả đến Hà ứng Khâm cũng thừa cơ xuyên thông với quân đội Quảng Tây. Tưởng Giới Thạch đành phải lựa chọn phương thức bản thân mình buộc phải từ chức để xoa dịu bộ hạ, để lừa dối lấy lại tín nhiệm của quân đội. Có thể nhìn thấy bắt buộc phải từ mu đó chỉ là khổ nhục kế của Tưởng Giới Thạch quyết không phải là sự vứt bỏ quyền bính. Nguyên nhân thứ ba là cuộc đi về phía đông sang Nhật Bản để tranh thủ sự giúp đỡ của chính phủ Nhật Bản. Trong những năm này, trên vũ đài chính trị, tuy Tưởng Giới Thạch đã được sự giúp đỡ và ủng hộ của thế lực nước Anh và nước Mỹ. Thế nhưng Nhật Bản, nước lân cận hùng mạnh này đã không mấy nhiệt tình đối với Tưởng Giới Thạch. Mặc dù những năm trước Tưởng Giới Thạch đã từng bước chân lên đất nước Nhật Bản, quen biết không ít người Nhật Bản, thế nhưng Nhật Bản cũng không đem lại nhiều ích lợi cho Tưởng. Dựa vào trực giác của Tưởng Giới Thạch, nếu muốn xng vương xng bá ở trên vũ đài chính trị Trung Quốc thì còn cần phải mượn sự giúp đỡ về sức mạnh của người Nhật Bản nữa. Do đó, Tưởng quyết định xuất phát từ kế sách lâu dài, bỏ thời gian đi sang Nhật Bản một chuyến. Đây chính là một nước cờ hiểm bắt buộc phải làm ra xuất phát từ suy nghĩ chiến lược. Từ đây có thể nhìn thấy, sau khi Tưởng Giới Thạch bắt buộc phải từ chức, gốc rễ của nền thống tự Tưởng cha bị đào bỏ. Bản thân con

người của Tưởng Giới Thạch cũng quyết không muốn trở thành con người sơn dã, một mặt Tưởng nắm chắc không rời các sĩ quan quân sự Hoàng Phố, một mặt khác lại thông qua các nhân vật như Trần Quả Phu, Trần Lập Phu v.v.. để khống chế cán bộ Đảng, chính quyền ở các nơi. Tưởng Giới Thạch đã dụng tâm gian khổ chuẩn bị đầy đủ mọi điều kiện cho việc phục chức kể từ giây phút ông bắt buộc phải từ chức. Trên vũ đài chính trị Tưởng Giới Thạch ẩn dấu tung tích trong nhiều năm, đối với những mâu thuẫn giữa Tôn Truyền phương, Uông Tinh vệ, Đường Sinh Trí và bọn quân phiệt Quảng tây, Tưởng đã nhìn thấy rất rõ ràng. Trong lòng Tưởng Giới Thạch hiểu rất rõ, cho dù Tưởng mỗi có bất buộc phải từ chức thì cuộc tranh quyền đoạt lợi giữa bọn quân phiệt mới Quốc dân đảng quyết không thể chấm dứt được. Do đó ngay buổi chiều hôm đọc lời tuyên bố từ chức ông đã trở về quê nhà ở Khê Khẩu Phụng Hóa Triết Giang, quan sát với con mắt lạnh lùng. Khi quân đội bộ thuộc quân phiệt cũ của Tôn Truyền phương chuẩn bị phản công Nam Kinh, cuộc đấu chọi nhau lúc công khai lúc ngầm ngầm giữa Uông Tích Vệ, Đường Sinh Trí với Bạch Sùng Hy, Lý Tông Nhân của phái Quảng Tây ngày càng kinh liệt, Tưởng Giới Thạch đã nhìn rõ cục thế nổi dậy bùng lên đã hình thành cơ bản, Tưởng liền vượt sông qua biển, đông du sang Nhật Bản. ở Tôkiô Tưởng đã nhìn thấy trong cuộc đấu tranh đó Lý Tông Nhân đã tiêu diệt Đường Sinh Trí, Đường Sinh Trí cùng bước theo sau đám bụi của Tưởng, bắt buộc phải từ chức, chạy trốn sang Nhật Bản. Tới Nhật Bản lần này Tưởng Giới Thạch đã làm được hai việc đại sự. Một là định được hôn ước tam tiểu thư nhà họ Tống là Tống Mỹ Linh. Việc hôn sự này, đối với Tưởng Giới Thạch thống trị Trung Quốc về sau rồi bước lên vũ đài quốc tế đều đã sản sinh ra những ảnh hưởng rất to lớn, là một trong những sự việc mà ông Tưởng đặc ý nhất trong suốt cả cuộc đời. Đối với điều bí mật giữa Tưởng Giới Thạch và Tống Mỹ Linh trong bộ sách này đã có một chương giải thích riêng. Còn một sự kiện khác nữa chính là cầu được sự giúp đỡ và ủng hộ của người Nhật Bản. Ngày 29 tháng 9, được sự bảo vệ của Trương Quân v.v... Tưởng Giới Thạch từ thượng Hải tới Nagasaki Nhật Bản, không lâu lại tới Kando, Tôkiô v.v.. Do vì thắng lợi không thể ngờ tới trong việc cầu hôn với Tống Mỹ Linh, Tưởng Giới Thạch lòng vui phơi phới, đi du chơi các nơi danh lam thắng cảnh, không hề có tình cảm bi quan của con người bị bắt buộc phải từ chức. Mỗi khi đi tới một nơi nào, Tưởng Giới Thạch đều kiếm có nói là đến thăm viếng những người bạn cũ ngày trước của Tôn Trung Sơn. Khi Tưởng Giới Thạch tới thăm viếng thầy giáo và bạn bè lúc Tưởng lưu học ở Nhật Bản cốt để cầu mong đạt được lời tuyên bố ủng hộ và giúp đỡ. Lúc Tưởng Giới Thạch tới thăm sư đoàn trưởng Trương Cong còn đặc biệt lưu ý về bức tranh treo “không phụ thầy dạy” để biểu thị sự tôn trọng đối với sự vị sĩ quan đã dạy mình khi còn học tập ở Takata. Ngày 23 tháng 10, tại Tôkiô, Tưởng Giới Thạch đã phát biểu “Th gửi quốc dân Nhật Bản”, công khai gọi “Trung Nhật thân thiện”. Những thái độ này của Tưởng Giới Thạch đã dần tới sự chú ý của Đầu Sơn Mãn người đứng đầu đặc vụ Nhật Bản. Đầu Sơn Mãn đã đón Tưởng Giới Thạch đến cư trú ở trong gia đình mình, còn sắp xếp Tưởng Giới Thạch cùng tiến hành hội đàm bí mật với Điện Trung Nghĩa. Lúc thoát đầu, Tưởng Giới Thạch đối với cuộc hội đàm với Điện Trung Nghĩa ôm ấp niềm hy vọng rất lớn. Tưởng đã đề xuất ra ba kiến nghị với Điện Trung Nghĩa: Thứ nhất chính sách đối với Hoa Kiều của chính phủ Nhật Bản từ nay về sau nên lấy việc đối với Quốc dân đảng làm mục tiêu chủ yếu chứ không phải là quân phiệt Bắc Dương. Thứ hai, Tưởng chủ trương tiếp tục bác phạt, thống nhất Trung Quốc. Sự việc này được chính phủ Nhật Bản giúp đỡ, chí ít thì cũng không nên can thiệp. Thứ ba, phản đối cộng sản Đảng. Điện Trung Nghĩa coi Tưởng Giới Thạch là một nhân vật trọng yếu của Trung Quốc, thế nhưng ông biểu thị sự hoài nghi về năng lực thống nhất Trung Quốc, thế nhưng ông biểu thị sự hoài nghi về năng lực thống nhất Trung Quốc của Tưởng, do đó đã khuyên bảo Tưởng Giới Thạch không nên tiếp tục bác phạt, mà nên “chuyên tâm với việc thống nhất phương nam”. Đối với những yêu cầu của Tưởng Giới Thạch, ông Tanaka Giichi biểu thị rất rõ ràng: Trong phạm vi quốc tế cho phép và trong phạm vi quyền lợi của Nhật Bản không làm sự hy sinh khác, đối với sự nghiệp của ngài chúng tôi sẽ không tiếc sự viện trợ đầy đủ”. Đối với việc ông Tanaka gichi không ủng hộ việc bác phạt của mình Tưởng Giới Thạch biểu lộ không vui vẻ, thế nhưng Tưởng đã đã biểu lộ rõ việc “Nhật Bản có những đồng chí tất yếu sẽ giúp đỡ chúng tôi, sớm có ngày hoàn thành cách mạng, bài trừ được sự hiểu sai về Quốc dân đảng. Mà, nếu có thể làm được như vậy thì vậy thì vấn đề Mãn, Mông cũng dễ dàng giải quyết, phong trào bài Nhật sẽ bị tuyệt tích!” [13] Thái độ này của Tưởng Giới Thạch, trên thực tế là bán rẻ chủ quyền của Trung Quốc ở Mãn Châu lý và Mông Cổ, thừa nhận lợi ích đặc thù ở Đông bắc Trung Quốc của đế quốc Nhật Bản để đổi lấy sự ủng hộ của người Nhật Bản, để củng cố địa vị thống trị của mình. Tưởng Giới Thạch còn tiếp xúc với Thiên hoàng Nhật Bản Yosejiki, đem những vấn đề của đất nước từ Trường Thành trở lên phía bắc của Trung Quốc tiến hành “sự hợp tác” nào đó. Ngày 10 tháng 11, Tưởng Giới Thạch về tới thượng Hải. Đã có được thái độ của người Nhật, Tưởng Giới Thạch liền yên tâm. Rất nhanh chóng Tưởng Giới Thạch đã

bàn bạc thương lượng với một số người như Uông Tinh Vệ, Lý Tông Nhân v.v.. về các sự việc thủ tiêu ẹy ban đặc biệt và triệu tập hội nghị toàn thể Trung ương làm thứ tư khóa 2 Quốc dân đảng. Mặc dù trong suốt cuộc đời Tưởng Giới Thạch đã có mấy lần biến đổi thái độ đối với Nhật Bản, thế nhưng sự giúp đỡ của người Nhật Bản lúc này đối với việc phục chức của Tưởng Giới Thạch đã có ảnh hưởng rất quan trọng, cũng là một “chiếc khuy áo” chủ yếu để giải đáp điều bí mật này. Khi Tưởng Giới Thạch tích cực hoạt động ở Nhật Bản, cuộc đấu tranh giữa các phe phái trong quốc dân đảng, cuộc đấu tranh của các quân phiệt, cuộc đấu tranh giữa Uông Tinh Vệ với bọn quân phiệt Quảng Tây đã tiến thêm một bước. Khi lực lượng các phe phái khó có thể thôn tính được đối phương, chúng đều nghĩ tới việc lôi kéo Tưởng Giới Thạch ra để ủng hộ cho lợi ích của mình. Tức thì, cơ hội phục chức trở lại của Tưởng Giới Thạch cuối cùng đã tới. Trong hội nghị trừ bị cho hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ tư khóa hai Quốc dân đảng, Uông Tinh Vệ đã tranh giành đề nghị trước: “Mời Tưởng phục chức là một việc cấp bách, nóng bỏng để giải quyết các vấn đề trong Đảng, trong chính phủ và trong quân đội”. Lý Tông Nhân cũng tuyên bố lý ủng hộ lập trường của Tưởng Giới Thạch. Phùng Ngọc tường và Diêm Tích Sơn ở phương bắc cũng hăm hở gửi điện, thúc dục Tưởng Giới Thạch phục chức Chính trong lúc này, những tiếng hô hào yêu cầu Tưởng Giới Thạch phục chức còn cao hơn tiếng hô hào đòi hỏi Tưởng phải từ chức lúc ban đầu. Đủ thấy Tưởng Giới Thạch giỏi chơi quyền mưu từ chức như thế nào!

7. Lần thứ hai Tưởng Giới Thạch buộc phải từ chức và phục chức

Ngày 15 tháng 12 năm 1931, đây là một ngày khiến cho Tưởng Giới Thạch cảm thấy sự đau khổ sâu sắc. Ngày hôm đó, Tưởng Giới Thạch bị bức phải từ bỏ chức vụ chủ tịch chính phủ quốc dân, tổng tư lệnh Hải Lục không quân ngay cả đến chức Viện trưởng viện hành chính chính phủ quốc dân do ông kế nhiệm Đàm Diên Khải mất tại Nam kinh một năm trước cũng bắt buộc phải từ bỏ. Những chức vụ này đều là những chức vụ quan trọng mà Tưởng Giới Thạch phấn đấu khổ sở trong mấy năm liền mới có thể giành được. Hiện tại đã để cho các đối thủ của mình bù lấp vào những chỗ trống quyền lực này, Tưởng Giới Thạch đã cảm hận tới mức phải nghiêng răng nghiêng lợi. Sau khi Tưởng Giới Thạch bước lên vũ đài chính trị của Trung Quốc, mỗi giờ mỗi khác, Tưởng đều mong Tưởng đảm nhận được càng nhiều chức vụ càng quan trọng, giành được quyền lực càng lớn. Dục vọng đối với loại quyền lực này đã khiến cho Tưởng sau khi đã ngồi được lên tiên chiếc ghế bành rồi, con mắt lại nhanh chóng hau háu nhìn vào chức vụ của người khác, lại muốn kéo người khác xuống để cộng thêm một quả cân lên trên cán cân quyền lực và địa vị của mình. Tưởng đã tốn phí rất nhiều tâm lực thỉnh thoảng lại thiết nghĩ ra một số chức vụ mới, để thỏa mãn dục vọng quyền lực của ông ta. Thế nhưng, trời có ngày râm ngày nắng, trăng có lúc khuyết lúc tròn. Mọi sự việc của Trung Quốc quyết chẳng giản đơn như sự Tưởng tụng của Tưởng Giới Thạch. Cuộc đấu tranh phe phái kịch liệt trong nội bộ Quốc dân đảng, là một cơn lốc chính trị mà ông ta vĩnh viễn không có cách gì bình phục được. Tiếng hô hào đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Trung Quốc là lực lượng lớn mạnh mà ông Tưởng không thể nào có thể trấn áp được. Chính trong khi Tưởng khao khát chèo lên đỉnh cao quyền lực mới, Tưởng đã bị bắt buộc phải từ chức lần thứ hai, ông Tưởng lại bị rơi tòm xuống vực sâu của quyền lực. Thế nhưng Tưởng Giới Thạch đã chịu đựng đau khổ giày vò suốt ba mươi bảy ngày, “Chiếc gậy ma” của quyền lực và địa vị lại đã trở về trong tay ông ta. Đó là lịch sử đùa cợt với Tưởng Giới Thạch hay là Tưởng Giới Thạch đang lừa dối lịch sử? Muốn giải được điều bí mật này, phải bắt đầu nói từ việc tranh quyền đoạt lợi của Tưởng Giới Thạch. Trong đại chiến trung nguyên, Tưởng Giới Thạch khéo dùng mưu kế ứng biến, đã đánh bại hai đối thủ cứng rắn mạnh mẽ là Phùng Ngọc tường và Diêm Tích Sơn. Những vui mừng thắng lợi đã tiến thêm một bước nẩy mầm sôi sục để cho Tưởng Giới Thạch trèo lên đỉnh cao quyền lực. Tưởng Giới Thạch bắt đầu tạo d luận, chuẩn bị triệu tập hội nghị quốc dân, đặt ra “Pháp lệnh tạm thời mới”, chuẩn bị làm “Đại Tổng Thống” mới của Trung Quốc. Tưởng Giới Thạch còn chơi trò mảnh lời, nhận được sự giúp đỡ ủng hộ của các yếu nhân chính giới như Ngô Trĩ huy, Trần Lập Phu, lưu kiến Quân v.v... thế nhưng lại vấp phải sự phản đối của nguyên lão Quốc dân đảng là Hồ Hán Dân. Hồ Hán Dân là một cử nhân năm cuối đời Thanh năm 1902 và năm 1904 đã hai lần sang Nhật Bản lưu học, năm 1907 vào dịp mùa xuân lại cùng Tôn Trung Sơn tiên sinh, tới Hà Nội Việt Nam xây dựng cơ quan cách mạng, mưu lập kế hoạch khởi nghĩa ở các tỉnh Việt Quế, Diên v.v... Trước sau ông còn tham gia tổ chức và lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Hoàng công Triều châu, cuộc khởi nghĩa Tuệ Châu, cuộc khởi nghĩa Phòng Thành, cuộc khởi nghĩa chấn Nam quan và cuộc khởi nghĩa Hoàng Hoa Cong Quảng Châu là một trợ thủ quan trọng trong cuộc vận động cách mạng thời kỳ đầu của Tôn Trung Sơn. Tháng 1 năm 1912 khi thành lập Trung Hoa dân quốc, Hồ Hán dân đã đảm nhiệm bí thư trưởng của Phủ

Tổng Thống. Tháng 5 năm 1921, sau khi Tôn Trung Sơn tổ chức chính phủ Trung Hoa dân quốc ở Quảng Châu, Hồ Hán Dân trước sau đã được bổ nhiệm làm Tổng thương viện kiêm văn quan trưởng, Tổng thương viện Đại bản doanh đại nguyên soái. Tháng 9 và tháng 11 năm 1924, Hồ Hán Dân còn lần lượt đảm nhận các chức vụ quan trọng quyền đại nguyên soái, thay mặt đại nguyên soái. Tôn Trung Sơn ở Quảng châu, rất được Tôn Trung Sơn tín nhiệm, là một nhân vật có ảnh hưởng rất to lớn trong Quốc dân đảng. Do đó, đối với sự phản đối của Hồ Hán Dân, Tưởng Giới Thạch quyết không thể xem thường được. Trong lịch sử phát triển của Tưởng Giới Thạch, Hồ Hán Dân đã từng có tác dụng rất quan trọng. Hai năm trước, cuộc hỗn chiến trong tân quân phiệt Quốc dân đảng không ngừng xảy ra, chính là do Hồ Hán Dân giúp đỡ Tưởng Giới Thạch xuất mu vạch kế, khiến cho Tưởng Giới Thạch độc chiếm hàng đầu trong tân quân phiệt Quốc dân đảng. Thế nhưng lần này Hồ Hán Dân đứng về phía đối lập của Tưởng Giới Thạch, phản đối rõ rệt việc đặt ra “Pháp lệnh tạm thời mới”, phê phán những hành vi độc tài “Hội mà không nghị, nghị mà không quyết, quyết mà không hành, hành mà không động” của Tưởng Giới Thạch. Sau ý kiến của Hồ Hán Dân phát biểu ở trên “Trung ương nhật báo”, rất nhiều các nhân sĩ chính giới xông vào phản đối “Mộng đại tổng thống” của Tưởng Giới Thạch, ủng hộ chủ trương của Hồ Hán Dân, đề đến nổi trên hội nghị ban chấp hành Trung ương mọi người đều không chịu đựng nổi Tưởng Giới Thạch nữa. Đối với điều này Tưởng Giới Thạch đã hận tới mức phải nghiêng răng nghiêng lợi. Mấy năm nay, trước mắt Tưởng Giới Thạch thường xuyên nổi hiện ra hình ảnh của Hồ Hán Dân. Tưởng hiểu rõ, muốn bài xích và đánh đổ những yếu nhân khác trong Quốc dân đảng thì không thể không mượn sức mạnh của vị nguyên lão Hồ Hán Dân này. Thế nhưng cũng chính bởi vì Hồ Hán Dân đã dựa mượn vào tư cách và địa vị của mình, đã thường xuyên đem lại khó khăn khổ sở cho Tưởng Giới Thạch, đã chỉ trích Tưởng Giới Thạch là chuyên quyền, độc đoán độc tài, vạch rõ lòng tham quyền lực không biết thỏa mãn của Tưởng Giới Thạch. Có khi trước mặt đông đảo quần chúng, thậm chí Hồ Hán Dân đã phê phán điều này sai điều kia trái của Tưởng Giới Thạch. Trong lòng Tưởng cha bao giờ khoa dung tha thứ, để không chế Quốc dân đảng, năm đó Tưởng còn gây mâu thuẫn với Tôn Trung Sơn, loại hành vi như thế này của Hồ Hán Dân, Tưởng Giới Thạch làm sao có thể chịu đựng được. Trước đây mới làm Hồ Hán Dân chỉ trích Tưởng, Tưởng chỉ thầm chửi rủa ở trong lòng. - Mẹ kiếp, cái thằng già này có muốn sống nữa hay không? Lần này, khi Hồ Hán Dân công khai đứng ra cản trở giấc mộng “Đại tổng thống” của Tưởng, Tưởng Giới Thạch đã trợn tròn mắt, quyết định tóm bắt Hồ Hán Dân, sau đó triệu tập hội nghị quốc dân, đặc ra “Pháp lệnh tạm thời mới”. Tưởng Giới Thạch thầm nghĩ: Những công việc mà ta quyết định nhất quyết phải làm, đại tổng thống nhất định phải làm, bắt Hồ Hán Dân kẻ nào còn dám phản đối? Hồ Hán Dân thực sự đâu có phải là một người dân bình thường, muốn bắt ông ta, lại không thể giằng co qua, biết làm sao đây? Tưởng Giới Thạch khổ tâm suy nghĩ, cuối cùng đã quyết định bắt chước Hang Vũ, bày ra “Hồng Môn yến”. Tưởng tự tay viết một tờ thiệp mời, mới Hồ Hán Dân đúng 8 giờ tối ngày 28 tháng 2 tới dự tiệc gia đình tại nơi ở của Tưởng. Sau khi thiệp mới đưa đi, Tưởng Giới Thạch gọi Đối Lập sĩ quan phụ tá tùy tùng, kiêm trưởng phong biện sự sử sự đoàn 1 đóng quân tại nam kinh của Hồ Tông Nam, tới gặp gỡ, yêu cầu Đối Lập nắm chắc cơ hội lập công này. Hồ Hán Dân cũng là một con người tự tin, đối với sự chuyên quyền, độc đoán và độc tài của Tưởng Giới Thạch, Hồ Hán Dân cực kỳ bất mãn, thế nhưng ông cha hề nghĩ tới Tưởng Giới Thạch dám dùng vũ lực đối với ông. Sau khi ông nhận được thiệp mời của Tưởng Giới Thạch, ông vẫn theo tục lệ cũ đem theo lễ vật, quần áo chỉnh tề bước vào khu nhà ở của Tưởng Giới Thạch. Khi đang trước đàng sau ông đột nhiên xuất hiện sáu tên đặc vụ lăm lăm tay súng lờ lờ tới, ông giận giữ dùng ba toong đập mạnh trên bàn, chửi lớn: - Tưởng Trung Chính ! Ngươi là cái thứ gì ? Ngươi lại dờ cái trò này ra mới ta ? Tưởng Trung Chính, trong mắt ngươi không còn kỷ luật Đảng và quốc pháp nữa ? Ngươi ... - ông thở hổn hển, nhìn thấy ở trong nhà không có Tưởng Giới Thạch lại quát tháo chửi rủa âm ỹ - “Bọn khốn kiếp lũ bay ta há lại sợ súng của bọn bay hay sao ? Hãy đi gọi Tưởng Trung Chính ra đây ? Chẳng phải là hần đã mời ta đến hay sao ? Tại sao lại không dám ra gặp ta, hử ? Kỳ thực, Tưởng Giới Thạch đã chờ sẵn ở tường bên cạnh, những tiếng chửi của của Hồ Hán Dân, Tưởng nghe thấy rất rõ. Khi Tưởng đã thực sự nhốt được vị nguyên lão Quốc dân đảng này vào trong nhà tù rồi, trong lòng có chút hoảng sợ, Tưởng không muốn gặp Hồ Hán Dân. Hồ Hán Dân vừa đập bàn, vừa chửi rủa âm ỹ suốt hai giờ liền. Bọn đặc vụ cũng không làm gì được ông. Tưởng Giới Thạch bị chửi rủa om xòm, đành phải li mặt bước ra, giả vờ với nét mặt tươi cười nói: - Hồ tiên sinh, đã làm cho tiên sinh kinh sợ. - Tưởng Trung Chính, ngươi định giờ trò gì thế hử ? Ngươi có còn kỷ luật Đảng hay không ? Ngươi có còn cần đến Quốc dân đảng nữa hay không ? ... Hồ Hán Dân nhìn thấy Tưởng Giới Thạch, chửi bới càng hung dữ. Tưởng Giới Thạch li lợm cời, nói: - Tha Hồ tiên sinh, trong Đảng có một số sự việc muốn nói để cho tiên sinh rõ. Do vậy, xin mời tiên sinh tạm thời vất vả ở đây vài hôm. Xin Hồ tiên sinh cứ yên tâm, tôi quyết không làm gì để cho tiên

sinh phải oan uổng đầu. Nếu làm oan uổng tiên sinh, thì tôi không phải là họ Tưởng. Nói xong, Tưởng Giới Thạch vẫy tay, liền đưa Hồ Hán Dân tới giam ở Thang sơn. Tưởng Giới Thạch không muốn tranh luận với Hồ Hán Dân, càng tranh luận trong lòng Tưởng càng lo sợ. Tưởng Giới Thạch đã đánh giá thấp hậu quả của hành động này. Tin tức Hồ Hán Dân bị cầm tù vừa truyền đi, Quảng Đông, Quảng Tây lập tức nổi lên một làn sóng công phần lớn. Ngày 30 tháng 4, ủy ban giám sát Trung Ương tỉnh Quảng Đông nêu ra phương án khép tội Tưởng Giới Thạch đầu tiên. Ngày 3 tháng 5, Trần Tế Đường chủ nhiệm khu điều chỉnh biên chế Quảng Đông, Tổng chỉ huy đệ bát bộ quân tiêu trừ quân phản nghịch cùng công khai biểu thị ủng hộ phương án khép tội Tưởng Giới Thạch. Không lâu lại có một bức thông điện liên danh của hơn hai mươi người, yêu cầu Tưởng Giới Thạch trong vòng bốn mươi tám tiếng đồng hồ bắt buộc phải từ chức. Tại Quảng châu quê hương của Hồ Hán Dân đã tổ chức chính phủ quốc dân mới công khai phát biểu tuyên bố phải trừng trị Tưởng Giới Thạch, yêu cầu trả lại tự do cho Hồ Hán Dân. Lúc đầu, Tưởng Giới Thạch đối với tiếng hô bắt Tưởng phải từ chức không hề để ý vẫn muốn làm giấc mơ “Đại tổng thống” như cũ, Ngày mùng 5 tháng 5; Tưởng Giới Thạch lại gửi lời chào mừng tới “Hội nghị quốc dân” ở Nam Kinh, công khai biểu thị phản đối chủ nghĩa Cộng Sản và chủ nghĩa dân chủ của Anh, Mỹ, chủ trương theo chủ nghĩa Phát Xít của Hít le. Tưởng nói chủ nghĩa Cộng Sản “không thích hợp tình hình sản nghiệp lạc hậu của Trung Quốc và đạo đức cổ hủ của Trung Quốc”, Chủ nghĩa dân chủ của nước Anh, nước Mỹ “nếu được thực hành ở trong một quốc gia không có bối cảnh cảnh xã hội lịch sử này” thì sẽ nảy sinh ra sự “rối loạn”, lý luận chính trị của Phát xít “ngồi thao túng nó lập tức sẽ là người thống trị có hiệu quả nhất trong giai đoạn của hệ thống tiến hóa”[14]. Vì vậy Tưởng Giới Thạch còn phải cả con trai nhỏ của ông ta là Tưởng Vĩnh Quốc cùng một loạt người sang lưu học ở Đức và Ý ta li. Những hàng động này của Tưởng Giới Thạch càng kích thích sự bất mãn của một số người như Tôn Khoa v.v. Tôn khoa đã bôn tẩu khắp bốn phương, liên lạc đđộc với phái của Uông, phái của Hồ, phái của Tôn, “phái của Hội nghị Tây Sơn” trong Quốc dân đảng và các đại biểu quân đội ở phương Nam phương Bắc, hầu như đã lôi kéo tập hợp được các lão nhân văn võ, ngày 27 tháng 5 đã tiến hành hội nghị bất thường của ủy ban chấp hành Trung ương Quốc dân đảng phản đối Tưởng Giới Thạch. Dưới sự áp bức của hai lực lượng văn võ và song phương Nam Bắc, đặc biệt là lòng Quảng thừa cơ tổ chức xây dựng hành động của tập đoàn quân thứ nhất và thứ 2, bắt buộc Tưởng Giới Thạch không dám đặt ra “pháp lệnh tạm thời mới”, tạm thời vứt bỏ mộng đẹp làm “Đại Tổng thống”. Thế nhưng, Tưởng Giới Thạch còn cha nghĩ tới việc từ chức, cũng không chịu thả Hồ Hán Dân ra. Trong tâm Tưởng Giới Thạch hiểu rất rõ, hễ để cho Hồ Hán Dân trở về Quảng Châu, thì đúng là thả hổ về núi, sẽ tăng thêm thế lực cho phái chống Tưởng. Khi đợt sóng gào thét lớp sóng sau cao hơn lớp sóng trước bắt buộc Tưởng Giới Thạch phải từ chức thì sự biến “ngày 18 tháng 9” chấn động trong và ngoài nước đã phát sinh. Đúng 10 giờ đêm ngày 18 tháng 9 năm 1931, đội quân Quan Đông Nhật Bản dựa theo mưu kế sắp đặt từ trước, đã phá hủy một đoạn đường sắt Nam Mãn ở gần hồ Liễu Điều ở ngoại vi phía bắc Thẩm Dương, hơn thế còn lấy đó làm cái cớ đột nhiên tập kích phía bắc đại bản doanh của đội quân Đông Bắc Thẩm Dương, bỏ bom pháo kích thành Thẩm Dương, sáng sớm ngày thứ hai thì chiếm lĩnh Thẩm Dương. Do vì Tưởng Giới Thạch yêu cầu Trương Học Lương “vô luận là quân đội Nhật Bản từ nay về sau tìm đến gây hấn ở vùng Đông Bắc như thế nào, phía ta không nên đối kháng, hết sức tránh sự xung đột. Anh em ta vạn nhất không được biểu hiện sự căm phẫn nhất thời, gạt bỏ quốc gia, không chiếu cố dân tộc”. Đội quân Quan Đông rất nhanh chóng đã chiếm được các nơi như Liễu Dương, Hải Thành, Danh Khẩu, Bản Khê, Yên Sơn, Phù Thuận, An Lạc, Tứ Bình Nhai v.v... Chỉ trong thời gian vài ngày, hai tỉnh Liên Minh, Cát Lâm hầu như bị xâm chiếm toàn bộ. Trong tiếng gào thét căm hờn, nhân dân toàn quốc đòi hỏi chống Nhật gay gắt, cuối cùng, ngày 22 tháng 9 trên đại hội Đảng viên Quốc dân đảng thị trấn Nam Kinh, Tưởng Giới Thạch đã phát ngôn yêu cầu quân dân toàn quốc hãy sử dụng “Thái độ lấy hòa bình đối xử với dã man, nhẫn nhục che dấu căm phẫn, tạm thời thuận chịu theo nghịch cảnh”, để tập trung lực lượng “Tiểu Cộng” và đối phó với thế lực chống Tưởng của Quảng Đông. Dưới cục diện quân Quan Đông Nhật Bản xâm chiếm Đông Bắc, nguy cơ của dân tộc ngày càng nghiêm trọng, các phe phái Quốc dân đảng lại lấy lý do Quốc nạn đã tiến hành tranh quyền đoạt lợi. Ngày 21 tháng 9, phía Quảng Châu với danh nghĩa ủy ban chính phủ quốc dân Quảng Châu đã phát biểu bức “Thông điện hòa bình” đề xuất thực hiện ba điều kiện trong Nghị Hòa Ninh Việt. Điều thứ nhất chính là yêu cầu Tưởng Giới Thạch “Tự động từ chức”. Phía Quảng Châu còn gửi điện cho Tưởng Giới Thạch chỉ rõ rằng: Từ nay về sau việc tiêu trừ Cộng sản cứu tai nạn cùng các vấn đề đối ngoại khẩn cấp khác, không chấp hành từ chức thì không có cách gì giải quyết được. Điều này rõ ràng là lợi dụng sự biến ngày “18 tháng 9” bắt buộc Tưởng Giới Thạch phải từ chức. Tưởng Giới Thạch bị người Quảng Đông sờ tới chỗ đau, không thể không suy nghĩ tới vấn đề từ chức. Thế nhưng Tưởng còn

muốn tỏ ra một sự cố gắng cuối cùng, tránh được việc từ chức, cho dù có phải mất một bộ phận quyền lực, cùng còn tốt hơn là phải từ chức. Ngày 14 tháng 10, Tưởng Giới Thạch lấy danh nghĩa “Bắt tay vào công việc hủy bỏ điều giả dối” đã thả Hồ Hán Dân đang giam giữ ở thương Sơn ra. Khi Tưởng Giới Thạch ra bến xe Nam Kinh đưa tiền Hồ Hán Dân, trước mặt đông đảo quần chúng, Tưởng đã nói với Hồ Hán Dân: “Mọi việc trong quá khứ, tôi đều sai cả. Mong Hồ tiên sinh tha thứ cho. Sau này có gặp phải sự việc gì con mong được Hồ tiên sinh tha thứ cho”. Để phóng thích một tù phạm của mình, Tưởng Giới Thạch không những đích thân tới bến xe đưa tiền, hơn thế còn xin lỗi ngay trước mặt, điều này đã nói rõ Tưởng Giới Thạch đã thay đổi thái độ cứng rắn ngang ngạnh ban đầu, sử dụng sách lược lấy thoái để tiến dẫu kim trong bông, tránh vấp phải vận xấu phải từ chức. Thế nhưng Hồ Hán Dân đâu có chịu thua kém Tưởng Giới Thạch. Sau khi trở về tới Quảng Châu, ông càng nghiêm khắc khiển trách và đã kích sự chuyên chế và độc tặc của Tưởng Giới Thạch. Trong một bài tuyên bố Hồ Hán Dân nói: “chiều cổ tới hiện tợng chính trị ngày nay của Trung Quốc, chỉ còn cách đoạn tuyệt với hiện tợng chính trị ngày nay của Trung Quốc, chỉ còn cách đoạn tuyệt với hiện tợng thống trị quân phiệt mà thôi. Súng còn thì quyền còn chỗ cậy nhờ. Chính lệnh phát ra không ở chính phủ, mà ở ủy viên trưởng quân sự !” Chiếu gây này của Hồ Hán Dân đã quật đau vào Tưởng Giới Thạch. Ngày 28 tháng 11, thế lực chống Tưởng ở Quảng Châu đã triệu tập đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Quốc dân đảng chỉ trích Tưởng Giới Thạch sử dụng chính sách không đề kháng đối với quân Nhật xâm lược Trung Hoa, một lần nữa nói rõ sự hợp tác giữa Nam Kinh và Quảng Châu cần phải lấy việc Tưởng Giới Thạch từ chức làm điều kiện tiên quyết để cải tổ chính phủ Nam Kinh, đề suất ra mời điều chủ Trương chính trị cách mạng về ba phương diện Đảng chính phủ và quân đội. Nói đi nói lại vẫn chỉ có một câu là Tưởng Giới Thạch cần phải từ chức. Ngày 10 tháng 12, một số nhân vật quan trọng trong Đảng bộ Trung Ương Quảng châu Quốc dân đảng như Tôn Khoa, Trần Hữu Nhân, Lý Văn Phạm v.v. đã tới thượng Hải cùng thương lượng bàn bạc với một số người như Ôn Tinh Vệ, Trần Minh Xu v.v. kiên trì yêu cầu Tưởng Giới Thạch phải từ chức. Nếu Tưởng Giới Thạch không chịu từ chức thì sẽ triệu tập hội nghị toàn thể Trung Ương khóa 4 để khép tội Tưởng Giới Thạch. Dối áp lực của làn sóng chống Nhật và chống Tưởng của nhân dân sôi sục, bắt buộc Tưởng Giới Thạch đã phải từ bỏ các chức vụ như chủ tịch chính phủ quốc dân, tổng tư lệnh Hải lục không quân, Viện trưởng viện hành chính vào ngày 15 tháng 12, lại một lần nữa bay về Khê Khẩu Phụng Hóa tỉnh Triết Giang. Lần này, tiếng gào thét bắt buộc Tưởng Giới Thạch từ chức kéo dài hơn nửa năm trời. Mặc dù cuối cùng Tưởng Giới Thạch đã phải bỏ ba chức vụ quan trọng, thế nhưng ông ta đã có sự sắp xếp chu đáo tỉ mỉ cho lần phục chức sau khi từ chức này... ông ta đã tổ chức ra ẹy ban lâm thời Trung Ương, sắp đặt bố trí những người thân tín vào các ngành quan trọng ở Trung Ương. Ông còn lần lợt cải tổ chính phủ bốn tỉnh Giang Tô, Triết Giang, Giang Tây và Cam Túc, bí mật giết hại Trịnh Diễn Đạt nguyên là trưởng Giáo vụ, trưởng quân sự Hoàng Phổ, bộ trưởng bộ nông dân Trung Ương Quốc dân đảng và thành viên chủ tịch đoàn ẹy ban quân sự, xây dựng lên các tổ chức đặc vụ như “Lang Xã”, “Phục Hưng xã”, “Lực hành xã”, v.v. Tưởng Giới Thạch đã trải sẵn con đường phục chức cho mình, rồi mới tuyên bố từ chức. Đây chính là điều bí mật mà Tưởng Giới Thạch có thể lại một lần nữa phục chức. Sau khi Tưởng Giới Thạch từ chức, Lâm Sâm đảm nhiệm chức chủ tịch - chính phủ quốc dân, Tôn Khoa giữ chức Viện trưởng Hành chính. Cuộc tranh giành quyền lực trong nội bộ Quốc dân đảng lại đã xuất hiện những điểm nóng mới. Do vì Tưởng Giới Thạch sắp đặt các loại tướng ngại trước khi từ chức, đã khiến cho mâu thuẫn trong Quốc dân đảng càng thêm phức tạp. Sau khi Tưởng Giới Thạch từ chức cha đầy mười ngày, ba phương Ninh, Việt Hộ Quốc dân đảng đã triệu tập hội nghị toàn thể trung Ương khóa 4 ở Nam Kinh, Ba người Tưởng Giới Thạch, Ôn Tinh Vệ, Hồ Hán Dân lại được bầu làm ủy viên thường vụ hội nghị chính trị Trung ương Trung Quốc dân đảng. Điều này đã chứng tỏ oan hồn của Tưởng Giới Thạch không tan, trên danh nghĩa là từ chức, nhưng thực tế vẫn thao túng được “bộ máy” này của chính phủ Quốc dân đảng. Tưởng Giới Thạch từ chức không lâu, chính phủ nhân dân Quảng Châu tuyên bố thủ tiêu, thế nhưng lại dốc hết mọi mu cơ thành lập lên Bộ chấp hành Tây nam Quốc dân đảng và ẹy ban quân sự Tây nam Quốc dân đảng, dùng một loại hình thức khác để đối lập với Nam Kinh. Trần Tế Đường tổng tư lệnh tập đoàn quân thứ nhất của Quảng Đông đã bí mật liên kết với năm tỉnh tây nam để thực hiện “Đại đoàn kết”, trên thực tế là có mu đồ thừa dịp Tưởng Giới Thạch từ chức mở rộng bổ xung thêm địa bàn. Vì vậy, Tưởng Giới Thạch vội vàng sai người cháu của mình là Hà Thành Tuấn phát động “liên phòng” chín tỉnh, đối kháng với Trần Tế Đường. Nhìn thấy tình thế này Trường học lương ở Đông Bắc cùng thừa cơ thừa cơ liên lạc với bộ thuộc cũ là Diêm Tích Sơn và Phùng Ngọc tường, phát lên cờ hiệu “Đại Liên hợp” ở sáu tỉnh phía bắc. Ôn Tinh Vệ biết sâu sắc những “Đại liên hợp”, “Đại đoàn kết” này chính là làm suy yếu địa vị của ông, tốc đoạt quyền lực của ông. Đề đối phó với những người nắm giữ binh quyền này, Ôn

Tinh Vệ không thể không liên lạc với Tưởng Giới Thạch, mượn dùng thế lực của Tưởng Giới Thạch để đối phó với bọn quân phiệt này. Trung tuần tháng giêng năm 1932, Ông Tinh Vệ đích thân tới triết Giang Hoàng Châu, mật đàm với Tưởng Giới Thạch thảo luận vấn đề củng cố quyền lực của chính phủ Nam Kinh. Tưởng Giới Thạch cầu không được, tức thì ngày 21 tháng 1 đã cùng về Nam Kinh với Ông Tinh Vệ, bức bách Tôn Khoa viện trưởng hành chính. Tôn khoa bị bức sau ba ngày phải tuyên bố từ chức, những người trong chính phủ Tôn Khoa như Trần Hữu Nhân, Hoàng Hán lương v.v... cùng bị bức phải rời khỏi Nam Kinh. Ngày 28 tháng 1, Tưởng Giới Thạch chủ trì hội nghị chính phủ Trung ương tại Nam Kinh, nêu tên Ông Tinh Vệ đảm nhận chức viện trưởng hành chính. Ông Tinh Vệ lại đề cử Tưởng Giới Thạch làm ủy viên trưởng ủy an quân sự kiêm tham mưu trưởng bộ tham mưu quân sự. Thực hiện việc hợp tác Tưởng Ông, Tưởng Giới Thạch lại công khai hăm dọa hoạt động trên và đài chính trị. Đủ thấy, cuộc tranh giành quyền lợi giữa các phe phái của Quốc dân đảng đã bắt buộc Tưởng Giới Thạch phải từ chức lần thứ hai. Thế nhưng, sau khi Tưởng Giới Thạch từ chức, mâu thuẫn giữa các phe phái Quốc dân đảng chưa hề được giải quyết. Do vì những hoạt động ở đằng sau màn của Tưởng Giới Thạch đã khiến cho những mâu thuẫn này càng thêm gay gắt, càng thêm sâu sắc. Không một người nào có thể bù đắp được vào chỗ trống quyền lực sau khi Tưởng Giới Thạch ra đi. Cùng giống như Ông Tinh Vệ con người có quyền lực cực mạnh này khi nhìn thấy địa vị của mình bị xung kích, lại không thể không cất nhắc Tưởng Giới Thạch. Ông Tinh Vệ có lẽ cũng chưa nhìn thấy trước khi ông ta từ chức đã giăng cái bẫy “chiếc bẫy” như thế nào. Đây chính là điều bí mật sau khi Tưởng Giới Thạch buộc phải từ chức mà lại phục chức được nhanh như vậy, Tiếng xng hô “ủy viên trưởng” đã luôn luôn vang dội suốt mấy chục năm trong chính phủ quốc dân!

8. Tưởng Giới Thạch buộc phải từ chức và phục chức lần thứ ba

Ngày 21 tháng 1 năm 1949, Tưởng Giới Thạch lại một lần nữa rời bỏ chiếc “gậy ma” của địa vị và chức quyền, tuyên bố “từ chức”. Đây là lần thứ ba bắt buộc phải từ chức trong cuộc đời Tưởng Giới Thạch. Năm đó, Tưởng Giới Thạch đã 62 tuổi rồi, vốn phải là cái tuổi chấm hết trong cuộc đời làm chính trị của Tưởng Giới Thạch. Vậy mà đêm hôm trước khi từ chức, Tưởng Giới Thạch vừa chửi vừa gào lại vừa khóc, thậm chí còn dơ tay đánh người, bắn súng lên trời, miệng luôn lảm nhảm nói có người bắt buộc ông ta phải từ chức. Thậm chí mã Tưởng còn chửi bới rất nhiều các nhân viên quan trọng trong Quốc dân đảng bắt họ phải khóc theo. Chính trong những tiếng khóc đó, Tưởng Giới Thạch đã đổi trắng thay đen, sau khi sắp đặt mọi thứ trướng ngại cho việc di chuyển quyền lực, ông đã bức bối giận dữ trở về Khê Khẩu Phụng Hóa Triết Giang, kết thúc ách thống trị đen tối ở đại lục Trung Quốc của ông ta. Sự thất bại của Tưởng Giới Thạch giống hệt như một sự thất bại của một con bạc sau khi đã nóng hết toàn bộ vốn liếng vào trong canh bạc. Đó là điều tất nhiên, chẳng có cách nào cứu vãn nổi. Thế nhưng, Tưởng Giới Thạch thân đứng trên tầng cao nhất của tập đoàn thống trị Quốc dân đảng, quen chơi trò âm mưu phản cách mạng, tại sao lại gào thét bất bình là bị “buộc” phải từ chức lần thứ ba? Đây là một điều bí mật mà ngay cả bản thân Tưởng Giới Thạch nhất thời cũng khó có thể giải đáp được. Ai đã “buộc” Tưởng Giới Thạch phải từ chức? Lịch sử đã để lại ba cách giải thích. Cách giải thích thứ nhất là Tưởng Giới Thạch bị người Mỹ “buộc” phải từ chức. Nhiều năm nay, chính phủ Mỹ luôn luôn là một ngọn núi dựa trên và đài chính trị của Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch với phu nhân Tống Mỹ Linh cùng rất nhiều quan chức cao cấp trong chính phủ Mỹ đã có hàng vạn hàng triệu mối liên hệ chằng chịt. Chính phủ Mỹ coi Tưởng Giới Thạch là người đại diện và kẻ chấp hành chính sách đối với Trung Hoa của nước Mỹ. Họ đã có sự viện trợ rất phong phú hậu hĩnh do Tưởng trên mặt quân sự và kinh tế. Nửa năm đầu năm 1946, nước Mỹ đã cung cấp cho chính phủ phản động Tưởng Giới Thạch số vật tư trị giá 1330 triệu đô la Mỹ. Nước Mỹ còn trang bị cho quân đội Quốc dân đảng 936 chiếc máy bay, chuyển giao 131 chiếc hạm tàu hải quân; ngay cả đến tổng thống Mỹ Harey Truman cũng thừa nhận: Sau kháng chiến thắng lợi Nước Mỹ đã viện trợ vật tư cho chính phủ Tưởng Giới Thạch gấp đôi số vật tư Viện Hoa của nước Mỹ trước cuộc kháng chiến thắng lợi. ở bên cạnh Tưởng Giới Thạch luôn luôn có một đoàn cố vấn Mỹ giúp Tưởng bàn mưu vạch kế. Tại sao người Mỹ lại bắt buộc Tưởng Giới Thạch phải từ chức? Nói ra thì đã khiến cho Tưởng Giới Thạch vô cùng đau đớn. Mùa hạ năm 1947, giải phóng quân nhân Trung Quốc trải qua cuộc nội chiến một năm, quân chủ lực đã bắt đầu chuyển sang tấn công chiến lược. Hình thế quân sự và chính trị của Trung Quốc đã phát sinh những biến hóa trọng đại. Tổng thống Mỹ Truman, muốn tìm hiểu tình hình chiến trường Trung Quốc, đã cử đoàn đại biểu đứng đầu là Wedemeyer tới Trung Hoa tiến hành “Khảo sát”. Sau một tháng, Wedemeyer đã hoạch định ra một bản “Kế hoạch tri viện và hiệp trợ quân sự”, một mặt

kiến nghị nước Mỹ điều vận thêm hàng loạt máy bay tác chiến, hạm đội, vũ khí, đạn dược để trang bị cho quân đội Quốc dân đảng. Một mặt khác, trong bữa tiệc tiễn biệt do Tưởng Giới Thạch chiêu đãi, Wedemeyer đã đọc lời tuyên bố về chuyến thăm Trung Hoa. Bản tuyên bố chỉ rõ: “Sự phục Hưng của Trung Quốc còn phải chờ đợi một lãnh tụ giàu sức cảm hóa và thuyết phục. Đó là điều kết luận mà Wedemeyer rút ra được sau khi nhìn thấy sự hủ bại về chính trị và rất nhiều quan chức tham ô bất tài trong chính phủ Nam Kinh, lời tuyên bố này cũng đại diện cho trường của Tổng thống Mỹ Truman. Điều này chứng tỏ rằng Tưởng Giới Thạch không có sức cảm hóa và thuyết phục ở Trung Quốc, muốn “Phục Hưng” Trung Quốc thì cần phải lựa chọn một lãnh tụ mới. Tưởng Giới Thạch ngồi bên cạnh Wedemeyer giống như bị phang một chiếc gậy rất nặng nề đau đớn, hồi lâu vẫn chưa tỉnh lại được. Thế rồi sự việc phát triển theo hướng bất lợi cho Tưởng Giới Thạch. Marchais{1} quốc vụ khanh nước Mỹ sau khi nhận được bản báo cáo đi thăm Trung Hoa của Marchais đã rất nhanh chóng chuyển giao cho Stuart{2} đại sứ quán Mỹ trú tại Trung Quốc, muốn nghe ý kiến của Stuart. Stuart rất hiểu tình hình của Trung Quốc và Quốc dân đảng, ông ta nói với Marchais rằng :- Tưởng Giới Thạch trọng trung cho sự thông trị của Quốc dân đảng, danh vọng của ông ta đã ngày càng tàn lụi, thậm chí đã bị coi là nhân vật lỗi thời...danh vọng của Lý Tông Nhân ngày càng lên cao[15]. Điều này trên thực tế là kiến nghị với Marchais dùng Lý Tông Nhân thay thế cho Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch hiểu biết sâu sắc rằng không có sự giúp đỡ ủng hộ của chính phủ Mỹ thì khó có thể đứng vững chân được ở Trung Quốc, và tất nhiên sẽ bị hạ bệ. Bộ máy chính trị mà Tưởng Giới Thạch thao túng này trên thực tế cũng là do nước Mỹ nâng đỡ. Khi Tưởng Giới Thạch được biết nước Mỹ chuẩn bị gạt bỏ mình, ông lập tức dự cảm thấy sinh mệnh chính trị của mình sắp sửa bước tới cuối ngõ rồi nên đã vô cùng bức bối. Lúc ấy chính là dịp tuyên cử tổng thống mới, Tưởng Giới Thạch rất hy vọng ông Dewey giành phần thắng trong cuộc tranh cử này. Để giành được sự giúp đỡ trong tương lai của ông Dewey, Tưởng Giới Thạch đã không tiếc tài trợ một khoản tiền để ông Dewey ra tranh cử. Đầu ngờ được khoản tiền dộc túi đánh canh bạc này đã lại một lần nữa biến thành xương rỗng. Dewey ra tranh cử đã thất bại, ông Truman liên tục làm tổng thống. Một lần nữa Tưởng Giới Thạch ném đòn đả kích nặng nề. Tức thì Tưởng Giới Thạch lại li lợm viết cho Tổng Thống Truman một lá thư, trên danh nghĩa là chúc mừng tổng thống liên nhiệm, trên thực tế là van xin sự giúp đỡ của chính phủ mới nước Mỹ đối với Tưởng lần này, Tưởng Giới Thạch không cần tới đôla, cũng không cần tới vũ khí đạn dược, mà chỉ mong muốn Truman phát biểu một lời tuyên bố kiên trì ủng hộ chính phủ Quốc dân đảng, để tiện việc duy trì sĩ khí của quân đội Quốc dân đảng, nâng cao được địa vị của Tưởng trong chính phủ Trung Quốc. Một vạn lần Tưởng Giới Thạch cũng không thể ngờ tới ngay đến cả chỉ một điều yêu cầu giúp đỡ về tinh thần như vậy mà Truman cũng lập tức cự tuyệt. Điều này không còn nghi ngờ gì nữa lại là một chiếc roi nặng nề quất mạnh vào Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch đã cảm thấy tuyệt vọng, thế nhưng Tưởng Giới Thạch không cam tâm rút lui khỏi vũ đài chính trị mà ông khổ tâm kinh doanh trong mấy chục năm nay tại đây. Tất thảy những thứ khác đều chẳng có tác dụng gì nữa, nếu muốn tiếp tục chấp chính thì cần thiết phải được sự ủng hộ của chính phủ nước Mỹ. Tưởng Giới Thạch suy nghĩ rất lung, cuối cùng đã nghĩ ra một diệu kế: Để cho Tổng Mỹ Linh vừa giới giao tiếp lại quen thuộc tình hình chính giới nước Mỹ sang bờ bên kia đại Dương, triển khai cuộc ngoại giao vàng phu nhân, van xin lấy sự ủng hộ của chính phủ nước Mỹ. Trong thời kỳ khó khăn quân thua như nước đổ, sang nước Mỹ thực hiện một nhiệm vụ “Trọng đại” như vậy, Tổng Mỹ Linh vốn chẳng muốn làm. Thế nhưng bà đã nhìn thấy “đức ông chồng” khó giữ nổi trụ cột quyền lực, đang đau buồn cực độ, mấy ngày liền không ngừng thổ huyết, thường dùng tay đập bàn, dùng chân đá người, trái tim của bà đã mềm nhũn. Bà đích thân gọi điện thoại nói chuyện với ông Marchais quốc vụ khanh nước Mỹ, đề suất bà muốn sang thăm nước Mỹ. Mặc dù khi Marchais yêu cầu bà không được đại diện cho chính phủ Quốc dân đảng (Trong chính phủ quốc dân đảng bà cũng chưa hề đảm nhiệm chức vụ nào quan trọng) mà chỉ được dùng thân phận cá nhân tới thăm nước Mỹ thôi, trong lòng bà đã có hàng trăm điều không thoải mái, bà vẫn phải bay sang nước Mỹ. Bà có thể đại diện cho Tưởng Giới Thạch. Bà tự tin rằng với danh phận cá nhân này bà vẫn có thể quyết định được tất thảy. ở nước Mỹ, Tổng Mỹ Linh lúc đi gặp Marchais, lúc lại tới gặp Truman. Đề nhất phu nhân của Trung Quốc đã đề suất ba yêu cầu đối với nước Mỹ: Một là yêu cầu nước Mỹ phát biểu một bản tuyên ngôn ủng hộ chính phủ Nam Kinh và phản đối Cộng sản. Hai là yêu cầu cả một phái đoàn quân sự cấp cao sang Trung Hoa chủ trì cuộc chiến tranh chống cộng và công tác cung ứng. Ba là mỗi năm cung cấp viện trợ quân sự cho Trung Hoa trị giá một ngàn triệu đô la. Thế nhưng, Tổng Mỹ Linh đã thất vọng. Điều yêu cầu mà mấy năm trước thì chẳng có gì là Cao này đã vấp phải sự cự tuyệt kiên quyết của Marchais và Truman. Thái độ của chính phủ Mỹ rất rõ ràng là: “Trừ phi Cơ cấu tổ chức lãnh đạo của chính phủ Quốc dân đảng được cải tổ”, chính phủ Mỹ mới có thể cung cấp viện trợ thêm nữa. Tổng Mỹ

Linh không cam tâm trở về nước với bàn tay trắng, bà cứ ở lại nước Mỹ không chịu về, thời gian ở lại là hơn một năm. Sau khi Tưởng Giới Thạch đứng vững chân được ở Đài Loan rồi, đệ nhất phu nhân mới về ở bên cạnh Tưởng Giới Thạch. Sau khi Tưởng Giới Thạch được biết thái độ của chính phủ Mỹ “buộc” ông phải hạ đài, mới cảm thấy sâu sắc ngôi bầu thống trị Trung Quốc của ông sẽ bị lật đổ trong chớp lát thì lại càng tâm hoảng ý loạn, nơm nớp lo sợ suốt ngày. Chẳng bao lâu, năm điểm kiến nghị trong chính sách đối với Trung Hoa mà ông Stuart nêu ra trước quốc hội Mỹ, Tưởng Giới Thạch đã nắm biết hết. Khi Tưởng Giới Thạch nhìn thấy Stuart đã từng đề xuất: “Chúng ta có thể khuyên bảo Tưởng ủy viên trưởng về hưu, những ngôi cho Lý Tông Nhân hoặc một lãnh tụ chính trị tương đối có tiền đồ khác trong Quốc dân đảng”, Ngài bức tức quá đã chửi ầm ỹ Stuart đã phản bội ngài, liền tức tức điên cuồng sai nịnh vuốt công kích những hoạt động sau bức màn buộc ngài phải hạ đài của Stuart. Thái độ chán ghét Tưởng Giới Thạch của chính phủ nước Mỹ đã khiến cho Tưởng trong nhiều năm nay vẫn cầu cạnh sự viện trợ của nước Mỹ, cảm thấy mặt trời đã lặn về núi phía tây, hơi thở nghẹn ngào. Cách giải thích thứ hai là Tưởng Giới Thạch bị những người Quốc dân đảng “buộc” phải từ chức. Tưởng Giới Thạch cho rằng, chính người buộc ngài phải từ chức chủ yếu là trợ thủ phó tổng thống Lý Tông Nhân của ngài. Mâu thuẫn giữa Tưởng, Lý đã được công khai hóa trong “Hành hiến quốc đại” cử hành từ nửa đầu năm 1948. Trong ngày quốc đại lần này bầu cử tổng thống và phó tổng thống, Tưởng Giới Thạch trúng cử tổng thống dễ dàng như trở bàn tay đã cực lực cản trở Lý Tông Nhân tham gia tranh cử phó tổng thống. Lý Tông Nhân là đại biểu của Quảng Tây, lại được sự ủng hộ của nước Mỹ, chính phủ Mỹ cho rằng: Tưởng Giới Thạch là tọng trung cho sự thống trị của Quốc dân đảng đã hoàn toàn mất hết địa vị của ông ta rồi ... Lý Tông Nhân lên vũ đài sẽ ngày càng giành được sự tín nhiệm của công chúng. Tựa hồ như chẳng có lý do gì để tin Tưởng vào lời nói đồn đại vu vơ rằng ngài không trung thành với chính phủ quốc dân. Lý Tông Nhân tham gia tranh cử là sự uy hiếp rất to lớn đối với Tưởng Giới Thạch. Đâu có ngờ Lý Tông Nhân khẳng khái không chịu “chiều cô tới toàn đại cục”, kiên trì phải tham gia tranh cử, cho dù ông ta không được nêu tên trong Quốc dân đảng cũng chứng tỏ ông độc lập tranh cử ở ngoài đảng. Trong cuộc bỏ phiếu bầu cử phó tổng thống liên tục bốn vòng, Lý Tông Nhân tuy chiến thắng Tôn khoa với đa số yếu ớt, đã trúng cử phó tổng thống chính phủ quốc dân, thế nhưng mâu thuẫn với Tưởng Giới Thạch đã càng thêm gay gắt, bộ mặt “chống Tưởng” đã trở thành một loại tư bản chính trị dùng để mê hoặc quần chúng của Lý Tông Nhân. Sau khi Tưởng Giới Thạch và Lý Tông Nhân phân nhiệm “Tổng Thống”, “Phó Tổng Thống”, nền kinh tế, chính trị của khu thống trị Quốc dân đảng đã xuất hiện sự đổ vỡ của cả hệ thống, mức thâm hụt tài chính của chính phủ đạt tới mức cao là 90.000 triệu đồng, cộng thêm quân đội Quốc dân đảng với tất cả các chiến trường trong toàn quốc đều vấp phải thất bại thảm hại. Một số nhân vật quan trọng trong quân đội và chính phủ Quốc dân đảng đã tiến hành công khai những hoạt động đánh đổ Tưởng, họ cho rằng chỉ có bắt buộc Tưởng Giới Thạch từ chức thì chính sách của chính phủ quốc dân mới có thể chuyển biến được. Cuối năm 1948, Lý Tông Nhân đã tuyên bố năm chủ trương hòa bình bao gồm cả việc “Tưởng tổng thống từ chức” ở trong đó. Bạch Sùng Hy, Trình Tiềm v.v... cũng gọi điện cho Tưởng Giới Thạch, yêu cầu Tưởng phải từ chức. Trong tình hình bất lợi bị đánh khệp gọng kìm cả trong lẫn ngoài, Tưởng Giới Thạch cảm thấy tiền đồ mờ mịt. Ngày 31 tháng 12, Tưởng Giới Thạch triệu tập hơn bốn chục ủy viên ban chấp hành Trung ương Quốc dân đảng tới dự bữa cơm thân mật, sau bữa cơm mọn cơ hội, Tưởng giận dữ quát tháo ầm ỹ: “Tôi đâu có muốn rời bỏ, chỉ vì đảng viên của các anh bắt tôi phải chịu từ chức. Muốn tôi từ chức không phải là vì Đảng Cộng sản mà là một số phe phái trong Đảng mình. Câu nói này đã bộc lộ ra chân tướng từ chức của Tưởng Giới Thạch. Để che lấp tâm lý suông rỗng của mình, Tưởng Giới Thạch lại quay sang nói với Lý Tông Nhân: “Căn cứ vào tình thế trước mắt, là dĩ nhiên tôi không thể tiếp tục làm việc được nữa”. Ngày 19 tháng 1, khi Tưởng Giới Thạch triệu tập “Ngự tiền hội nghị” ở dinh quan Đường Hoàng Phố Nam Kinh, ông lại bức bối nói: “Ngày nay tôi không phải là bị Đảng Cộng sản đánh đổ, mà là bị Quốc dân đảng đánh đổ đó! Sau hai ngày, Tưởng Giới Thạch không thể không triệu tập hội nghị khẩn cấp các nhân viên chính phủ ở Nam Kinh, tỏ rõ Tưởng sẽ “Từ chức”, chấp hành theo luật pháp Lý Tông Nhân sẽ giữ chức quyền tổng thống, Tưởng còn bộc lộ rõ trong vòng năm năm tới sẽ quyết không tham dự chính trị, nhưng nguyện sẽ đứng giúp đỡ ở bên cạnh. Buổi tra, Tưởng Giới Thạch còn thết tiệc Lý Tông Nhân, mời cả năm ông viện trưởng viện hành chính, Viện lập pháp, viện giám sát, viện tư pháp và viện khảo thí cũng tới dự để biểu thị sự bàn giao chính quyền. Sau bữa tiệc. Tưởng vội vã tới bãi yết làng Trung Sơn, rồi lao thẳng ra sân bay, ngồi lên chiếc máy bay chuyên cơ mang tên “Mỹ Linh” bay thẳng về Hàng Châu, rồi tới Khê Khẩu Phụng Hóa. Thế nhưng lần ra đi này vẫn giữ lại chức vụ Tổng tài (thủ lĩnh) Quốc dân đảng.

Cách giải thích thứ ba là Tưởng Giới Thạch bị Đảng Cộng Sản “bức” phải từ chức. Buổi đầu cuộc chiến tranh giải phóng, quân đội Quốc dân đảng do Tưởng Giới Thạch chỉ huy, trên mặt quân sự và kinh tế đều chiếm ưu thế rất lớn, trong đội quân tổng số gồm 430 vạn người này, những sư đoàn trang bị Cơ giới hoặc bán cơ giới Mỹ đã chiếm tới 22 sư đoàn, còn có khối lượng pháo binh rất lớn và số lượng máy bay, tàu chiến và xe tăng nhất định, đã trang bị một số công cụ vận tải hiện đại hóa. Hỏa lực và lực lượng cơ động của đội quân này đều mạnh hơn quân giải phóng Trung Quốc. Tưởng Giới Thạch đúng là đã dựa vào ưu thế trên sức mạnh quân sự phát động cuộc tấn công toàn diện vào khu giải phóng, hòng trước hết tiêu diệt quân giải phóng ở trong Quang Trung vòng từ 3 đến 6 tháng, sau đó sẽ giải quyết vấn đề Đông Bắc. Một lần trên hội nghị các sĩ quan cao cấp, Tưởng Giới Thạch đã điên cuồng tuyên bố: Nếu biết phối hợp đúng cách, vận dụng linh hoạt... thì nhất định có thể tốc chiến tốc quyết, tiêu diệt hết bọn gian phi. Thế nhưng sau hai năm hơn 260 vạn quân đội Quốc dân đảng đã bị Giải phóng quân nhân dân do Mao Trạch Đông chỉ huy tiêu diệt, 174 vạn quân chính quy còn lại cũng lần lượt bị kiểm chế ở trên các chiến trường Đông Bắc, Hoa Bắc, Tây Bắc, Trung Nguyên, Hoa Đông, sĩ khí không cao, sức chiến đấu không mạnh. Ngày 3 tháng 8 năm 1948, Tưởng Giới Thạch đã triệu tập “Hội nghị kiểm thảo quân sự” ở Bộ Thống soái Nam Kinh điều chỉnh sự sắp xếp chiến lược, hòng cứu vãn cục thế thất bại. Thế nhưng rất nhanh chóng, Mao Trạch Đông đã phát khởi chiến dịch Liêu Thẩm, chiến dịch Hoài Hải và chiến dịch Bình Tân, Tưởng Giới Thạch phí công bay đi bay lại ở trên trời mà cũng chẳng xoay được cách gì. Ngày 25 tháng 12, nhân vật có uy tín của Đảng Cộng sản Trung Quốc phát biểu tuyên bố đề xuất phải truy nã bắt 43 tên tội phạm chiến tranh đầu sỏ, tên của Tưởng Giới Thạch được nêu đầu tiên. Trước mắt đã nhìn thấy hơn 100 vạn bộ đội chủ lực của ba tập đoàn chủ lực Đông Bắc, Hoa Đông, Hoa Bắc bị quân giải phóng tiêu diệt, sự thất bại của quân đội Quốc dân đảng như núi sập, Tưởng Giới Thạch bức tức rút súng lục từ trong ngăn kéo ra, bắn liên mấy phát lên mái nhà, còn bắn chết con chó mà Tưởng rất yêu đang ngồi ở trước mặt, để giải nỗi hận trong tim. Tết Nguyên đán năm 1949, Tưởng Giới Thạch bị bắt buộc phải phát biểu “Lời chúc mừng năm mới”, đã tuyên bố: “Chỉ cần hòa bình được thực hiện thì biệc sử trí tiến lùi của cá nhân tôi tuyệt nhiên chẳng chút bận tâm, tôi xin tuân theo công ý của quốc dân: Trong tình hình liên tục vấp phải thất bại thảm hại ở trên chiến trường tiền phương, Tưởng đã ngấm ngấm dùng chiêu bài “Về hưu” để lừa dối lấy hòa bình, bảo tồn lấy số bộ đội còn lại. Lúc này, Tưởng Giới Thạch đối với việc có nên từ chức hay không vẫn còn do dự. Ngày 7 tháng 1, Tưởng Giới Thạch được biết hơn 50 vạn bộ đội tinh nhuệ ở mặt trận Hoài Hải đã bị tiêu diệt toàn bộ, tên Tưởng yêu là cháu đích tôn tên gọi Đỗ Duật Minh cũng bị bắt sống, Tưởng Giới Thạch đã giống như một quả bóng bị xì hơi, toàn thân đều mềm nhũn. Trong nhật ký ngày hôm đó, Tưởng Giới Thạch viết: “Bộ đội của Đỗ Duật Minh sớm hôm nay đã bị bọn phi tiêu diệt quá nửa, nghe nói đã có tới ba vạn người từ phía tây nam Trần Quang Trang đột phá vòng vây, Chẳng biết có được thoát khỏi nguy hiểm an toàn không, ta lo sợ vô cùng. Trước đây ta đã không dám từ chức vì còn muốn giúp đỡ cho quân đội của Đỗ, Trách nhiệm của ta tới đây đã hết rồi!” Có thể nhìn thấy, tập đoàn của Đỗ Duật Minh bị tiêu diệt trong chiến dịch Hoài Hải đã khiến cho Tưởng Giới Thạch vô cùng đau đớn. Không còn nghi ngờ gì nữa, quân đội nhân dân do Mao Trạch Đông chỉ huy là lực lượng lớn mạnh đã kết thúc ách thống trị phản động của Tưởng Giới Thạch, là người thực sự đào mộ chôn của chính phủ phản động. Tưởng Giới Thạch tuy đã về già, trước khi từ chức đã giở mọi mưu kế tạo ra rất nhiều chân tay để chuẩn bị cho ngày lại trời đất. Lần này Tưởng Giới Thạch lại chơi trò xiếc: Khi Tưởng Giới Thạch dự cảm thấy việc từ chức không thể tránh khỏi được, Tưởng đã tìm đủ trăm phương ngàn kế cấm các bọn thân tín vào trong quân đội và chính phủ, bước tới ngày 4 tháng 12 năm 1948, khi Tưởng Giới Thạch nói chuyện điện thoại xong với Tổng Mỹ Linh đang ở Mỹ, liền triệu tập tên thân tín là Ngô Trung Tín tới, đau buồn nói: - Xem chừng ta không thể tiếp tục làm việc được nữa. Sau khi ta đi khỏi thế tất sẽ do Lý Đức Lâm tới duy trì. Ngươi hãy giúp được Đức Lâm lên kiệu nhé! Ngày 24 tháng 12, Tưởng Giới Thạch chính thức ủy nhiệm Ngô Trung Tín là bí thư trưởng phủ tổng thống. Ngô Trung Tín quả nhiên đã không phụ công vun trồng của Tưởng ủy viên trưởng, khi phủ tổng thống phát biểu bài tuyên bố từ chức của Tưởng Giới Thạch, Lý Tông Nhân kiên trì bắt phải viết lên trên đó câu Tưởng Giới Thạch về hưu và do Lý Tông Nhân kế nhiệm. Thế nhưng Ngô Trung Tín đã bề ngoài tuân theo bên trong chống lại, trước mặt Lý Tông Nhân đã viết lên hai câu kể trên, khi phát biểu ở Thông tấn xã Trung ương vẫn là nguyên bản của Tưởng Giới Thạch. Lúc Lý Tông Nhân trách chửi Ngô Trung Tín, Ngô Trung Tín đã nói thẳng không né tránh: Tôi chỉ có thể nghe lời của Tưởng Giới Thạch. Để bảo tồn được thực lực của họ Tưởng, đêm hôm trước khi từ chức, Tưởng Giới Thạch đã hạ lệnh mở rộng bộ tư lệnh cảnh vệ kinh Hộ thành bộ tổng tư lệnh cảnh vệ Kinh Hộ Hàng, trao cho Thang Ân Bá giữ chức Tổng tư lệnh; bổ nhiệm Trần Thành làm chủ tịch chính phủ tỉnh Đài Loan kiêm Tổng tư lệnh cảnh vệ Đài Loan Trương Quân làm chủ nhiệm ỵ ban

bình định Trùng Khánh. Châu Thiệu lương làm chủ tịch chính phủ tỉnh Phúc Kiến kiêm chủ nhiệm ủy ban bình định Phúc Châu; phương thiên làm chủ tịch chính phủ tỉnh Giang Tây; Tiết Nhạc làm chủ tịch chính phủ tỉnh Quảng Đông. Và như vậy, Tưởng Giới Thạch không những đã khống chế được khu vực Kinh Hồ Hàng, ngay cả khu vực miền duyên hải Đài Loan và Đông Nam cũng đã trở thành phạm vi khống chế của Tưởng sau khi “từ chức”, vì Tổng với công vị là thủ lĩnh Quốc dân đảng nắm giữ độc quyền lớn về chính trị quân sự, thực hành việc chao túng ở sau năm để chuẩn bị các bước trong tương lai. Ngoài ra Tưởng Giới Thạch còn xảo quyết chơi trò chơi âm mưu “Lý phó tổng thống đại diện thực hiện quyền tổng thống”. Chức vụ mà Tưởng sắp xếp cho Lý Tông Nhân là “quyền tổng thống” mà không phải là kế nhiệm tổng thống. Đối với âm mưu này “Tiểu Gia Cát” Bạch Sùng Hy thoáng nhìn đã thấy rồi gọi điện thoại nói với bí thư của Lý Tông Nhân, Tưởng Giới Thạch cần phải từ chức, do Lý Đức Lân chính thức nhận chức tổng thống, không thể dùng danh nghĩa thay mặt được. Nếu danh bất chính thì bất cứ việc gì cũng đều rất khó làm. Đối với điều này nhất định phải kiên trì đến cùng. Lý Tông Nhân cũng công khai bàn bạc với Tưởng Giới Thạch, yêu cầu Tưởng Giới Thạch công khai tuyên bố “Từ chức”, để cho Lý Tông Nhân kế nhiệm tổng thống. Thế nhưng do vì Ngô Trung Tín là tâm phúc của Tưởng Giới Thạch, trong cuộc đấu tranh đòi kế nhiệm tổng thống này Lý Tông Nhân đã bại trận, trước sau vẫn chỉ là “quyền Tổng Thống”. Chiếu gậy chỉ huy của Lý Tông Nhân ở trong quân đội và chính phủ quốc dân Đảng đều không thiêng, còn Tưởng Giới Thạch sau khi “về nghỉ” lại đã lấp đặt bẫy trạm điện đài ở quê hương Khê Khẩu, trên thực tế đã trở thành sự ròi đô của phủ tổng thống Nam Kinh. Chúng ta vạch rõ những hoạt động này trước khi từ chức lần thứ ba của Tưởng Giới Thạch, trên thực tế cũng đã là nhẹ nhàng vén bức màn bí mật của Tưởng Giới Thạch sau khi bại trận chạy ra Đài Loan lại một lần nữa phục chức, đảm nhiệm chức vụ tổng thống. Thế nhưng màn hài kịch mà Tưởng Giới Thạch đặt chân vào phủ tổng thống Đài Loan còn có một cuộc đấu tranh kinh hồn động phách nữa. Sau khi Tưởng Giới Thạch chạy ra Đài Loan, trước hết đã dựa vào bọn lính quân đội tàn d của Tưởng từ đại lục kéo ra, mở một cuộc tàn sát đẫm máu, trấn áp tàn khốc nhân dân ở trên đảo Đài Loan. Đối với những tổ chức và quần chúng nhân dân có trở ngại tới việc phục chức và thống trị Đài Loan, đều nhất loạt được gán cho một tội danh là “gián điệp của Phỉ” rồi bắt nhốt, chém giết, thậm chí có nhiều người đã bị ném xuống biển làm mồi cho cá. để tập trung lực lượng quân sự, Tưởng Giới Thạch lại ra lệnh đem hơn mười vạn quân đội ở trên các hòn đảo như Châu Sơn v.v.. kéo về Đài Loan, tập trung các sĩ quan chủ yếu tới “Đảng Bộ Trung Ương: ở Đài Loan để cử hành “lễ tuyên thệ”, lại gây lên điệu nhạc cũ “Không thành cộng cũng thành nhân”, yêu cầu các sĩ quan”Tuyên thệ không ngại hy sinh, quyết bảo vệ Đài Loan”. Để cổ vũ sĩ khí của bọn lính bại trận Quốc dân đảng, không những Tưởng Giới Thạch đã mách nước cho con cả Tưởng Kinh Quốc tuyên truyền bữa bãi trên các báo chí như “Trung ương nhật báo” tiếm những liều thuốc an thần cực mạnh cho các nhân viên chính phủ chạy ra Đài Loan, còn mặt dày mày dạn không biết xỉ nhục mời hàng loạt các Tướng tá Nhật Bản, bao gồm cả những Tướng tá Nhật trước đây đã xâm lược Trung Hoa tới Đài Loan để giúp đỡ quân đội Tưởng chinh đốn quân kỷ, nghiên cứu quân phong. Đồng thời với thứ này, Tưởng Giới Thạch đã đóng một bộ mặt khác, Tưởng thường xuyên đi bộ nông thôn thăm hỏi điều tra xem xét nỗi thống khổ của nhân dân Đài Loan, thậm chí còn chụp ảnh lưu niệm với những dân chúng nghèo khổ ở vùng bờ biển Tưởng Giới Thạch mu đồ dùng tác phong hoàn toàn khác với khi ở đại học để mua chuộc nhân tâm, Tưởng lại một lần nữa trải con đường bằng phẳng cho hồn phục chia này. Đủ thấy Tưởng Giới Thạch đã vắt óc suy nghĩ sâu sắc đến như thế nào. Quân đội Quốc dân đảng Quảng Tây sau khi bị quân giải phóng tiêu diệt, căn cứ ở đại lục của quyền tổng thống Lý Tông Nhân bị xóa sạch, liền đem hai con và bí th, bác sĩ bay sang nước Mỹ. Trước khi đi, Lý Tông Nhân gọi điện cho Diên Tích Sơn nói: “Nhân tôi tạm ra nước ngoài một thời gian ngắn, xin huynh cứ tiến hành bình thường các việc chính trị quân sự của chính phủ. Đối với những quyết sách to lớn, cố gắng luôn luôn bàn bạc qua điện thoại với Nhân !”[16]. Đủ thấy, khi Lý Tông Nhân rời khỏi đại lục vẫn còn cha chịu vứt bỏ chiếc gậy chỉ huy quyền thống trị, vị “Thần” không muốn nhường quyền lực lại một lần nữa về tới bên cạnh Tưởng Giới Thạch. Thế nhưng chiếc bàn tính của Tưởng Giới Thạch so Lý Tông Nhân còn cao hơn một nước. Trước hết Tưởng Giới Thạch dùng ba vạn lượng vàng lôi kéo Bạch Sùng Hy một vị Tướng lĩnh quan trọng của Quảng Tây về với mình, lại bắt Bạch Sùng Hy gọi điện thoại cho Lý Tông Nhân ở bên kia bờ đại Dương, hy vọng Lý Tông Nhân ủng hộ Tưởng Giới Thạch phục chức, thậm chí đã đề xuất ra phương án “Cứ từ chức mà không về nước, để cho Tưởng phục chức”. Khi Lý Tông Nhân đã không từ chức, cũng không trở về Đài Loan công khai biểu thị việc Tưởng Giới Thạch phục chức và không phù hợp với những quy định có liên quan tới hiến pháp, cho dù quyền tổng thống từ chức cũng phải do viện trưởng viện hành giữ quyền đại diện tổng thống. Tưởng Giới Thạch lại tổ chức hết đoàn này tới đoàn nọ đi thuyết khách, sang Mỹ để uy hiếp, khuyên bảo Lý Tông Nhân, tựa

hồ như một ngày cũng không thể chờ đợi được nữa. Tổng thống Mỹ Truman vì muốn ngăn cản Tưởng Giới Thạch phục chức đã quyết định mời Lý Tông Nhân tới dự tiệc ở tòa bạch cung với lễ đón nguyên thủ quốc gia. Tưởng Giới Thạch được biết tin này lập tức triệu tập ụy ban thường vụ trung ương Quốc dân đảng, cổ động các ủy viên lập pháp mời Tưởng phục chức, lại gia tăng áp lực khiến viện giám sát vạch tội Lý Tông Nhân vào ngày 25 tháng 2. Ngày mùng 1 tháng 3 năm 1950, Tưởng Giới Thạch phát biểu Công bố tại Đài Bắc, tuyên bố thể theo tấm lòng thịnh tình của toàn thể các ủy viên lập pháp kính mời ông lại một lần nữa ra nhận chức “Tổng thống”. Từ đó về sau Tưởng Giới Thạch lại tiến thêm một bước chơi trò quyền thuật, liên nhiệm “Tổng thống” bốn lần ở trên hòn đảo Đài Loan trợ trọi này, bốn lần liên tục được bầu làm Tổng tài Quốc dân đảng, mãi cho đến ngày 5 tháng 4 năm 1975 thì bị bệnh mất tại Đài Loan.

Phần thứ t

Bí Mật Về DÙNG BINH THẤT BẠI

Tục ngữ có nói: Thắng hay bại là chuyện thường của nhà binh. Thế nhưng chỉ trong thời gian ngắn bốn năm, Tưởng Giới Thạch đã đem 807 vạn quân Quốc dân đảng nóng chết hết ở dưới cờ trước trướng, tạo thành sự sụp đổ hoàn toàn của ách thống trị phản động mà ông khô tâm kinh doanh trong hơn hai chục năm trời. Ông cũng không thể không từ bỏ chức vụ “Tổng thống” để chạy trốn ra hòn đảo cô độc được. Vì sao Tưởng Giới Thạch lại thất bại nhanh như vậy?

1. Tại sao Tưởng Giới Thạch không cứu nổi mạng của Trương Linh Phủ?

Trương Linh Phủ là một viên Tướng yêu của Tưởng Giới Thạch, là trung Tướng sư trưởng sư đoàn 74 đã được chinh đồn cải biên trang bị cơ giới Mỹ, được Quốc dân đảng tự khoe là một trong “năm đội chủ lực lớn”. Trước kia, Trương Linh Phủ là một học sinh của trường Đại học Bắc Kinh về sau đã gác bút nghiên theo việc đao cung, thi đỗ vào khóa 4 trường quân sự Hoàng Phố, đi theo Tưởng Giới Thạch tham gia một số cuộc chiến đấu nổi tiếng như chiến tranh Bắc phạt, đại chiến Trung nguyên, cuộc kháng chiến Tùng Hộ, cuộc chiến tranh bảo vệ Nam Kinh, cuộc hội chiến Vũ Hán, cuộc hội chiến Nam xương, cuộc hội chiến Trường Sa lần thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, cuộc hội chiến Triết Cống v.v... đã giành được Huân chương Cờ Quá vắn, Huân chương Bảo Đỉnh. Tháng 5 năm 1946, Trương đảm nhận chức Trung Tướng sư trưởng sư đoàn 74 chinh biên của Quốc dân đảng, kiêm chức tư lệnh quân cảnh vệ Nam Kinh. Tưởng Giới Thạch đã khoe khoang có một sư trưởng như Trương Linh Phủ rồi đem những cơ giới Mỹ tốt nhất trang bị cho sư đoàn này của Trương Linh Phủ. Trương Linh Phủ cũng do được sự tán Dương vinh dự của Tưởng Giới Thạch mà coi trời bằng vung. Khi cuộc chiến tranh giải phóng bùng nổ, Tưởng Giới Thạch luôn luôn coi sư đoàn của Trương Linh Phủ là lực lượng cốt cán để tấn công khu giải phóng Hoa Đông. sư đoàn 74 đã nhiều lần tác chiến với Quân giải phóng nhân dân đều không bị đòn công kích nào lớn, điều đó càng làm cho Trương Linh Phủ thêm điên cuồng kiêu ngạo. Thế nhưng, đội “chủ lực lớn” này của Tưởng Giới Thạch ngày 14 tháng 5 năm 1947 đã bị năm đạo quân giải phóng bao vây tứ phía ở Mạnh lương Cổ thuộc vùng đông nam Mông Âm khu giải phóng Sơn Đông và khu vực Hiệp Tiểu Địa ở phía Bắc. Chỉ trong thời gian ba ngày, sư đoàn 74 của Trương Linh Phủ cùng với sư đoàn 83 chinh biên tổng cộng ba vạn hai ngàn quân đã bị quân giải phóng hoàn toàn tiêu diệt. Trương Linh Phủ cùng phó sư trưởng Lữ trưởng đều bị bắn chết. Cái chết của Trương Linh Phủ vốn là sự kết thúc tất nhiên vì hắn là kẻ thù của nhân dân đã bán mình cho Tưởng Giới Thạch, thế nhưng lúc đó đã gây nên một chấn động rất to lớn trong quân đội Quốc dân đảng. Tưởng Giới Thạch than khóc sư đoàn chinh biên số 74 bị tiêu diệt là “một sự kiện đau lòng nhất, đáng tiếc nhất” của ông ta. Tưởng Giới Thạch không những đã giọng cò giọng trống mở đại hội truy điệu Trương Linh Phủ, còn đem cả một hạm đội pháo do Mỹ viện trợ đổi tên là “Linh Phủ”. Vậy thì, tại sao lúc đó Tưởng Giới Thạch không cứu viện Trương Linh Phủ ?

Mùa xuân hè năm 1947 quân đội Quốc dân đảng còn đang ở vào thời kỳ thực hiện tấn công toàn diện khu giải phóng. Tổng số binh lực chỉ riêng trên chiến trường Sơn Đông đã có tới 24 sư đoàn chinh biên, 60 lữ đoàn ớc khoảng 45 vạn người. Binh đoàn thứ nhất ở xung quanh Mông Âm do Thang Ân Bá chỉ huy

ngoài sư đoàn 74 ra còn có các sư đoàn 83, 65, 57, 48 và 25, tổng cộng 5 s, có binh lực d thừa đủ có thể chi viện. Lực lượng quân sự ở các khu vực khác của Quốc dân đảng còn cha vấp phải tổn thất nặng nề, các khu vực thống trị của Tưởng Giới Thạch còn cha bị lung lay, trên căn bản trong và ngoài quân đội còn có địa vị độc tài nhất hô bách ứng, muốn điều ai đi đâu thì điều, muốn giết ai thì giết, tại sao lại không cứu nổi viên Tướng yêu Trương Linh Phủ này, tại sao không cứu nổi sư đoàn “quân át chủ” 74 đã được chinh biên này ? Muốn giải được điều bí mật này, lại phải bắt đầu nói từ tình thế của chiến trường Sơn Đông. Cuộc chiến tranh giải phóng tiến hành tới tháng 3 năm 1947, sau khi Tưởng Giới Thạch vấp phải sự tấn công của Quân giải phóng nhân dân, buộc phải bỏ tấn công toàn diện, chuyển sang thế thủ trên các chiến trường Tân Kỳ Lỗ Dự, Tân Sát Ký, Đông Bắc v.v..., chỉ thực thi tấn công trọng điểm ở hai chiến trường Sơn Đông và Thiểm Bắc. Tưởng Giới Thạch nói với các Tướng lĩnh cao cấp của ông ta rằng: “ở các khu vực tiểu phi trong toàn quốc chúng ta nên trước tiên hoạch định khu vực sở tại của chủ lực quân phi là chiến trường chính, tập trung lực lượng của bộ đội chúng ta, trước hết phải tăng cường thanh trừng tiểu phi, sau đó sẽ đề cập tới các chiến trường khác”. Tưởng Giới Thạch còn cho rằng: “Chủ lực của quân phi tập trung ở Sơn Đông, đồng thời Sơn Đông là nơi xung yếu, giao thông tiện lợi, có cửa biển để vận tải. Nếu chúng ta có thể tiêu diệt được chủ lực của phi ở trong đất Sơn Đông thì quân đội phi ở các chiến trường khác sẽ dễ dàng bị quét sạch”. Vì vậy, quân Quốc dân đảng đã tập trung ở hai khu giải phóng Thiểm Bắc, Sơn Đông 94 lữ đoàn, chiếm 43% tổng binh lực tấn công khu giải phóng. ở mặt trận chính diện từ bến Phong Lăng Hoàng Hà đến Tế Nam ớc khoảng 1000 kilômét đã xây dựng lên cái gọi là “Phòng tuyến Hoàng Hà” để cản trở Quân giải phóng Tân Kỳ Lỗ Dự chi viện cho chiến trường Sơn Đông. Trên chiến trường Sơn Đông, Tưởng Giới Thạch muốn dùng cách đánh hồ vồ mồi, đầu tháng 4 hạ lệnh cho ba binh đoàn của Thang Ân Bá, vương Kính Cửu, Âu Chân tổng cộng hơn 25 vạn quân men theo tuyến Lâm Nghi đến Thái An lên bắc, tìm trăm phương ngàn kế quyết chiến với chủ lực Giải phóng quân, mộng Tưởng chỉ trong một đêm bao vây tiêu diệt Quân giải phóng của Hoa Đông ở vùng núi Nghi Mông. Lúc này, Quân giải phóng nhân dân đã phát triển tới 1 triệu 68 vạn người, đã từng bước tổ chức xây dựng các binh chủng pháo binh, công binh v.v... Năng lực công kiên và năng lực bảo đảm chiến đấu đã được nâng cao rất mạnh mẽ. Quân ủy Đảng cộng sản Trung Quốc yêu cầu Quân giải phóng Sơn Đông thực hiện như địch vào sâu, tập trung binh lực có u thế, nắm vững thời cơ, từng bước tiêu diệt hàng loạt bọn địch tới xâm phạm. Quân đã chiến Hoa Đông đã kịp thời tổng kết kinh nghiệm của chiến dịch Lai Vu, chẳng những mở rộng phong trào luyện tập kỹ thuật, luyện tập chiến thuật với quy mô lớn mà còn mở rộng công tác chính trị “Ba chiếc chìa khóa”, vận dụng giáo dục ôn nghèo tổ khổ, đoàn kết hỗ trợ và vận động lập công, để cổ vũ ý chí chiến đấu của bộ đội. Trung tuần tháng 4, khi quân chủ lực Quốc dân đảng phát động cuộc tấn công trên tuyến Tân Thái, Mông Âm. Quân giải phóng nhân dân đã tập trung binh lực của ba đạo quân tiêu diệt quân chủ lực của sư đoàn 72 chinh biên đang trấn giữ ở Thái An, lại tập trung binh lực của bốn đạo quân tiêu diệt quân đội của sư đoàn 83. Trước sau đã tiêu diệt hơn hai vạn tám ngàn quân, thế nhưng quân Quốc dân đảng vẫn không tìm thấy quân chủ lực của bộ đội đã chiến Hoa Đông. tư lệnh binh đoàn 1 Thang Ân Bá đã nghĩ trăm phương ngàn kế tìm chủ lực Quân giải phóng để quyết chiến hòng lập công lấy lòng Tưởng Giới Thạch nên không để mắt tới sự sắp xếp của Tổng tư lệnh lực quân Cố Chúc Đồng xác định, mà tự tiện thay đổi phương pháp tác chiến đánh chắc thắng chắc, ra lệnh cho sư đoàn 74 chinh biên của Trương Linh Phủ làm chủ, phối hợp với sư đoàn 25, sư đoàn 83 làm hai cánh, ngày 11 tháng 5 từ khu vực đông tây Đóa Trang phía đông nam Mông Âm tấn công lên hống bắc hòng ép chủ lực Quân giải phóng tới khu vực Giao Đông để bao vây tiêu diệt. Lúc này, Mao Trạch Đông đánh điện cho Trần Nghi và Túc Dục quân đã chiến Hoa Đông đề xuất đối với bọn địch tập trung tấn công dày đặc này phải thực hiện như địch vào sâu, phải có lòng nhẫn nại cực kỳ lớn, cần nắm vững binh lực lớn nhất ở trong tay, để cho bọn địch bạo dạn tiến quân thì sẽ có cơ hội tiêu diệt địch. Có thể nhìn thấy, hành động của Thang Ân Bá hoàn toàn nằm trong dự liệu của Mao Trạch Đông.

Ngày 13 tháng 5, khi sư đoàn 74 chinh biên của Quốc dân đảng chiếm lĩnh các điểm quan trọng Trại Hoàng Lộc, Núi Tam Giác, Trại Dương Gia tiếp tục tấn công theo phía nam Thản Phụ, ba đạo Quân giải phóng đã lợi dụng địa hình vùng núi phức tạp và đêm tối bí mật đóng nê sư đoàn 74 và bộ đội kết hợp của hai cánh trái phải liêu lĩnh tiến vào, bắt đầu hợp sức bao vây Trương Linh Phủ. ở đây có thể thấy rõ, vì muốn lập công, Thang Ân Bá đã chôn sâu mầm họa bị tiêu diệt của sư đoàn 74. Lúc đầu vì nôn nóng tiêu diệt chủ lực của quân đã chiến Hoa Đông, đối với việc Thang Ân Bá không tuân theo mệnh lệnh “Bám gót tiến theo tiêu diệt, ra vào tuyến Cử Huyện, Nghi Thủy, Duyệt Trang, Truy Bác” mà Cố Chúc Đồng đã ban bố, Tưởng Giới Thạch đã lim dim mờ một mắt, nhắm một mắt. Sau khi Trương Linh Phủ

chết, Tướng Giới Thạch đã tra xét nghiêm khắc Thang Ân Bá, chiếc mũ Ô sa sĩ quan tư lệnh binh đoàn 1 của Thang Ân Bá cũng bị lột mất. Điều này lẽ dĩ nhiên chỉ là làm ra vẻ mà thôi, đối với Thang Ân Bá mà Tướng Giới Thạch thân tín như vậy đã lại được trọng dụng rất nhanh chóng. Trương Linh Phủ kiêu ngạo tự đại, đối với mâu thuẫn giữa sư đoàn trưởng sư đoàn chinh biên 83 Lý Thiên Hà và sư đoàn trưởng sư đoàn chinh biên 25 Hoàng Bá Thao là những người cùng hành động với mình cũng rất sâu sắc. Trương Linh Phủ và Lý Thiên Hà đều là bộ thuộc của vương Diêu Vũ, nhưng do vì Lý Thiên Hà là học sinh khóa 3 trường Hoàng Phố, Trương Linh Phủ là học sinh khóa 4 trường Hoàng Phố, từ trước Lý Thiên Hà vẫn coi mình là ông anh cả, thường kiêu ngạo tự phụ trước mặt Trương Linh Phủ. Thế nhưng Trương Linh Phủ rất biết lấy lòng vương Diêu Vũ, khiến cho vương Diêu Vũ đã trao cả sư đoàn chinh biên số 77 mà mình đã xây dựng trong nhiều năm cho Trương Linh Phủ, Trương Linh Phủ cũng vì vậy mà đã coi thường Lý Thiên Hà. Theo tập quán của quân Tưởng, những quân đội không có quan hệ lệ thuộc cùng hành động với nhau từ trước vẫn là người có thâm niên cao chỉ huy người có thâm niên thấp. Giữa hai sư đoàn của Lý Thiên Hà và Trương Linh Phủ phải do Lý Thiên Hà chỉ huy Trương Linh Phủ. Lúc đầu hành động, Trương Linh Phủ còn có thể miễn cưỡng tiếp thu quan hệ chỉ huy này, thế nhưng trong lòng rất coi thường Lý Thiên Hà. Khi bộ đội tiến đến tuyến đường Khiêu Kh, Mông Âm, Trương Linh Phủ đột nhiên đề xuất muốn quy về Hoàng Bá Thao chỉ huy. Ngoài mặt Lý Thiên Hà không dám nói gì, thế nhưng đối với sự hiệp đồng giữa Trương Linh Phủ và Hoàng Bá Thao thì trong lòng đã có một vạ điều không vui vẻ rồi. Kỳ thực, Trương Linh Phủ chẳng những có ý không giữ thể diện cho Lý Thiên Hà, cũng căn bản chẳng đặt Hoàng Bá Thao và trong con mắt, những lời nói của Hoàng Bá Thao hấn cũng chẳng nghe lọt được một câu nào. Trước khi sư đoàn chinh biên 74 tấn công Thản Phụ, Trương Linh Phủ đề xuất cần phải trước hết tu sửa đường quốc lộ từ Đóa Trang tới Thản Phụ. Hoàng Bá Thao cho rằng trắng trợn trâng tráo tu sửa đường quốc lộ có thể bộc lộ ra ý đồ hành động của quân đội, đã khuyên can Trương Linh Phủ không nên làm như vậy. Trương Linh Phủ ngẩng cao đầu, ngạo nghễ tự phụ nói:

- “Bộc lộ thì có sợ gì? Ta đang muốn dẫn phi tới đó!”

Hoàng Bá Thao nghe thấy câu nói này, chỉ còn biết lắc đầu, không còn biết làm sao nữa. Sau khi quân đội Lý Tiên Châu bị tiêu diệt, mấy đạo quân của quân dã chiến Hoa Đông bắt đầu kéo xuống phía nam. Hoàng Bá Thao đã từng bắt Trương Linh Phủ đem quân nhanh chóng rút về Đóa Trang, Khiêu Kh, đặc biệt là phải không chế Thiên Mã Lĩnh để tiện việc chiếu cố tiếp ứng lẫn nhau với sư đoàn chinh biên 25 ở gần Cựu Trại, sư đoàn chinh biên 83 ở khu vực Dã Tr Vọng, Mã Mục Trì, đánh chắc thắng chắc. Trương Linh Phủ cứ coi thường bỏ qua Thiên Mã Lĩnh, chỉ huy bộ đội chiếm lĩnh lấy Mạnh lương Cổ, Trương còn cuồng điên nói với Hoàng Bá Thao:

- Hoán Nhiên ông anh ơi, chúng ta tìm chủ lực của phi cộng mà vẫn chưa thấy. Bây giờ ông anh tới vừa may, để chờ tôi thu hút chúng tôi.

Hoàng Bá Thao thực sự nhìn không lọt con mắt, liền nói:

- Chung Lân anh ơi, sư đoàn của anh trang bị nặng, xe pháo nhiều tại sao lại đi chiếm Mạnh lương Cổ ? Nếu Mạnh lương Cổ không có nước thì quân đội sẽ sống thế nào ?

Trương Linh Phủ xì hơi ra khỏi lỗ mũi, nói:

- Đặt vào đất chết để mà sống chứ !

Sự phát triển của cuộc chiến đấu vừa hay đã phù hợp với lời nói của Hoàng Bá Thao, ở trên núi Mạnh lương Cổ quả nhiên không có nước, tiết trời nóng bức, người ngựa khát không chịu đựng nổi. Sau khi lên núi ngày thứ ba, rất nhiều ngựa đã cắn đứt dây cương, chạy lung tung khắp núi đồi, rất nhiều binh sĩ bị ngựa dẫm chết hoặc bị thương. Có một viên lữ đoàn trưởng lòng nặng trĩu u buồn tới hỏi Trương Linh Phủ:

- Tha sư trưởng, chúng ta cần phải nghĩ cách nào để giải quyết vấn đề nước. Cứ tiếp tục như thế này chúng ta không thể kéo dài được nữa đâu !

Trương Linh Phủ vẫn không vứt bỏ được bộ mặt sĩ diện, nói:

- Binh sĩ sợ khát à, cảm thấy chết khát khô hơn chết trận sao không dốc sức xông vào trận?

Chiếm lĩnh Mạnh lương Cổ, Trương Linh Phủ muốn tỏ rõ bản sắc anh hùng ở trước mặt Tưởng Giới Thạch, Thang Ân Bá v.v...Do hấn hấp dẫn Quân giải phóng nhân dân tới, sau đó để cho Lý Thiên Hà, Hoàng Bá Thao và sư đoàn chinh biên số 65 tiến hành bao vây phản công, trong ngoài đánh kẹp vào Quân giải phóng. Thế nhưng Trương Linh Phủ cha nói rõ, hai người Lý Thiên Hà, Hoàng Bá Thao cùng cố ý giả cầm giả điếu. Trong quân đội Quốc dân đảng, những con người cuồng ngông tự đại, coi thường tất thấy như Trương Linh Phủ đâu chỉ có mười người hoặc một trăm người ? “Những hành vi anh hùng” của họ tuy phù hợp với tâm ý của Tưởng Giới Thạch, thế nhưng đã gieo xuống những “hạt giống” dùng binh thất bại. Sau khi Trương Linh Phủ bị bao vây, Tưởng Giới Thạch và Thang Ân Bá đều cho rằng sức chiến đấu của sư đoàn 74 mạnh, chính là cơ hội tốt để tiến hành quyết chiến với Quân giải phóng, tức thì liền hạ lệnh cho Trương Linh Phủ kiên trì giữ vững trận địa, thu hút chủ lực của Quân giải phóng, đồng thời nghiêm lệnh cho 10 sư đoàn chinh biên ở Lâm Nghi, Tứ Thủy, Lai Vu, Tân Thái, Mông Âm, Hà Dương, v.v..kéo tới chi viện cho Mạnh lương Cổ. Thang Ân Bá còn đặc biệt yêu cầu hai sư của Lý Thiên Hà và Hoàng Bá Thao phải dốc toàn bộ sức lực ra chi viện, thực hiện trong ngoài đánh khép gọng kìm, tập trung tiêu diệt Quân giải phóng. Thế nhưng, tính toán của Tưởng Giới Thạch lại sai một lần nữa . Quân giải phóng nhân dân một mặt tấn công mãnh liệt quân đội của Trương Linh Phủ đang bị bao vây, một mặt kiên quyết đánh trả quân đội tăng viện của Quốc dân đảng, khiến cho chúng khó có thể hội hợp được với quân đội đang bị bao vây. Lúc này Tưởng Giới Thạch mới nhìn thấy Trương Linh Phủ có nguy cơ bị Quân giải phóng nhân dân tiêu diệt, liền nghiêm lệnh cho Lý Thiên Hà và Hoàng Bá Thao cần phải dùng hết lực lượng để cứu viện Trương Linh Phủ. Lý Thiên Hà nhìn thấy Trương Linh Phủ bị bao vây ở Mạnh lương Cổ, trong bụng ngậm vui sướng. Nhận được mệnh lệnh của Tưởng Giới Thạch không những không đi cứu viện Trương Linh Phủ, mà còn lấy cớ là bị Quân giải phóng nhân dân tấn công dữ dội, đã dẫn quân chuẩn mất biển. Hoàng Bá Thao biết Trương Linh Phủ đã sa vào trùng trùng vòng vây nguy khốn của Quân giải phóng nhân dân, đã chửi ầm Trương Linh Phủ lúc đầu không nghe lời khuyên can của hấn để tự tìm lấy con đường chết. Với lời huấn thị khiển trách nghiêm khắc của Tưởng Giới Thạch, hai sư đoàn của Hoàng Bá Thao và Lý Chân mới bắt đầu cứu viện Trương Linh Phủ, thế nhưng do vì sự tấn công ác liệt của Quân giải phóng nhân dân, bản thân họ cũng bị bao vây ba mặt, bất cứ lúc nào cũng đều có nguy hiểm bị Quân giải phóng nhân dân “nuốt” sống, cho nên đã không dám dốc toàn sức ứng phó. Dựa vào mấy sư rất gần với Trương Linh Phủ đều không thể tiếp cận được với Trương Linh Phủ, các cánh quân khác đều không dám thọc tay vào. Do đó, mặc dù Tưởng Giới Thạch nổi trận lôi đình như thế nào, cũng chỉ có thể giơng mắt nhìn Quân giải phóng nhân dân thắt chặt thiên la địa võng đem Trương Linh Phủ và sư đoàn 74 của hấn tiêu diệt không còn một mống. sư đoàn chinh biên số 74, một trong “năm chủ lực lớn” của Quân quốc Đảng bị tiêu diệt, trên thực tế đã là một bức ảnh thu hẹp về sự thất trận của vương triều gia đình họ Tưởng.

Sau khi vén được bức màn bí mật về việc Trương Linh Phủ bị tiêu diệt, cũng còn cần phải bàn vài nét về kết cục của Lý Thiên Hà và Hoàng Bá Thao. Điều này còn có lợi giúp chúng ta hiểu biết được sâu sắc quân đội Quốc dân đảng, vạch rõ được bức màn bí mật về binh bại của Tưởng Giới Thạch. Trận đánh ở Mạnh lương Cổ này, Thang Ân Bá vốn muốn tiêu diệt chủ lực Giải phóng quân mau chóng, kết quả là, chỉ trong ba ngày ngắn ngủi, ngọc trở lại quân chủ lực của mình đã bị Giải phóng quân tiêu diệt hoàn toàn. Kết cục này đã gây nên chấn động dữ dội trong quân đội Quốc dân đảng. Tưởng Giới Thạch vô cùng bức tức, lập tức bố trí triệu tập Hội nghị kiểm thảo, truy cứu tra xét trách nhiệm của Cố Chúc Đồng, Thang Ân Bá v.v.. Phủ tổng thống còn tung ra d luận, Tổng tài sẽ giết chết Lý Thiên Hà và Hoàng Bá Thao để cảnh cáo ch Tướng. Lý Thiên Hà tự biết trách nhiệm tội trạng của mình khó thoát chết, trước khi sắp chết Trương Linh Phủ đã dùng vô tuyến điện trực tiếp nói với Tưởng Giới Thạch: “Lý Thiên Hà nhìn thấy chết mà không cứu đã dẫn quân chạy trốn trước”. Câu nói này đủ để kết thúc mạng sống của Lý Thiên Hà. Thế nhưng Lý Thiên Hà đã vợ vét đục khoét được rất nhiều tiền của, Trương Linh Phủ vừa chết, hấn lập tức khẳng khái rút hầu bao ra, dùng mấy chục thỏi vàng để gỡ tội cho mình. Sau Hội nghị kiểm thảo, mặc dù Lý Thiên Hà bị áp giải tới xét xử ở Sở quân pháp Bộ tư lệnh Từ Châu thuộc Bộ tổng tư lệnh Lục quân, thế nhưng mấy hôm sau đã được tuyên bố là vô tội. Qua nửa năm, vị sư trưởng sư đoàn

83 này lại đảm nhận chức vụ Quân đoàn trưởng quân đoàn 73. Hoàng Bá Thao thì dùng thuật chạy lầy sống “dùng cái chết để đánh cuộc lấy mạng sống”. Trước hết Hoàng đi gặp tư lệnh binh đoàn Thang Ân Bá, thừa nhận thảm bại ở Mạnh lương Cô là do hắn chịu trách nhiệm toàn bộ, không liên quan gì tới người khác. Thang Ân Bá vừa nghe, tình cảm xúc động trào dâng đầy lồng ngực. Thang Ân Bá lúc có trách nhiệm chỉ huy trực tiếp đang khổ sở vì không có cách gì trao đổi ở trước mặt Tưởng Giới Thạch được, đang lo lắng sẽ bị Tưởng Giới Thạch truy cứu nghiêm khắc. Hiện tại Hoàng Bá Thao đã đứng ra chủ động thừa nhận tội trạng, liền có cảm giác trong khi hoạn nạn mới thấy lòng ngay thật. Do vậy Thang Ân Bá đã yêu cầu Hoàng Bá Thao mạnh dạn báo cáo ở trên hội nghị kiểm thảo, lúc đó Trương Linh Phủ chống lại mệnh lệnh, tự xuất chủ Trương nên mới rơi vào thảm trạng toàn sư bị tiêu diệt. Hoàng Bá Thao lĩnh hội một cách sâu sắc, nghĩ rằng Trương Linh Phủ đã chết, chẳng còn cách gì đối chất nữa, liền làm ra vẻ bản thân mình đã hy sinh oan uổng, đã phát biểu liên hai tiếng đồng hồ ở trên hội nghị kiểm thảo. Tổng tư lệnh lục quân Cố Chúc Đồng vì để gỡ trách nhiệm của mình cũng nói Trương Linh Phủ kiêu ngạo tự đại không nghe chỉ huy. Và như vậy, Hoàng Bá Thao không những đã giữ được cái đầu, mà chỉ bị “cách chức lưu nhiệm”. Năm sau, Hoàng Bá Thao còn được thăng chức làm sĩ quan tư lệnh binh đoàn 7, thống soái năm sư đoàn. Trong cuộc chiến tranh giải phóng, đối thủ của quân đội Quốc dân đảng là Quân giải phóng nhân dân anh dũng thiện chiến do Mao Trạch Đông chỉ huy. Tưởng Giới Thạch đã “kiểm thảo” như vậy, đã dùng Trương như vậy, làm sao lại chẳng thất bại cho được ?

2- Kết quả khổ sở trong ba lần chạy về Thẩm Dương của Tưởng Giới Thạch.

Cuộc chiến tranh giải phóng đúng là đã vượt quá xa dự liệu của Tưởng Giới Thạch. Tháng 6 năm 1946, Tưởng Giới Thạch đã từng khoát lác một tác đến trời: “Trong vòng năm tháng sẽ đánh bại quân đội Trung cộng”. Viên Tướng yêu của Tưởng là Trần Thành nói:- Không cần đến năm tháng, chỉ ba tháng là đủ ! Tức thì đầu tiên chúng đã tập trung điều động trọng binh bao vây tấn công Lý Tiên Niệm ở Trung Nguyên. Ai ngờ sau hai năm, quân đội mà Tưởng Giới Thạch chỉ huy đã từ 4 triệu 30 vạn quân xuống còn 3 triệu 65 vạn, hơn thế đại bộ phận quân chính quy đã bị Quân giải phóng nhân dân lần lượt kiểm chế ở trên chiến trường Đông Bắc, Hoa Bắc, Tây Bắc, Trung Nguyên, Hoa Đông. Những binh lực có thể tiến hành cơ động chiến lược chỉ còn lác đác một vài, rất nhiều đơn vị được xây dựng ghép lại sau khi bị Quân giải phóng tiêu diệt còn sống sót, ý chí không cao, sức chiến đấu không mạnh. Để có thể xoay chuyển được cục diện bất lợi này, Tưởng Giới Thạch buộc phải thi hành một số biện pháp mới trên mặt quân sự, trong đó bao gồm việc triệt tiêu hành dinh ở Đông Bắc, mở rộng chức quyền cho Vệ Lập Hoàng Tổng tư lệnh “Tiểu Phỉ” ở Đông Bắc, cải tổ Bộ thống soái, thay đổi Bộ trưởng Quốc phòng và Tổng tham mưu trưởng. Tưởng Giới Thạch còn muốn bỏ Trường Xuân, Thẩm Dương, khởi thông tuyến Bắc Ninh, đưa bộ đội Đông Bắc rút về Cẩm Châu, lựa thời cơ chuyển sang dùng ở chiến trường Hoa Bắc, Hoa Trung. Thế nhưng Tưởng Giới Thạch đã do dự trù trừ, nước cờ cha định, trong đó có hai điều phải suy nghĩ. Một là suy nghĩ tới giả sử quân đội ở Đông Bắc phải rút về Nam, thì có khả năng sẽ dao động quân tâm, trên mặt chính trị sẽ dẫn tới ảnh hưởng xấu. Hai là địa phương Đông Bắc này rất quan trọng. Công nghiệp ở Đông Bắc phát đạt, nguồn vật tư phong phú, giao thông tiện lợi, phía nam kề liền với Ký Nhiệt Liêu, Tân Sát Ký và Sơn Đông; ba mặt Đông, Tây, Bắc tiếp giáp với đất Triều Tiên, Mông Cổ và Liên Xô, Tưởng Giới Thạch không thể rời bỏ được “miếng thịt béo nục” này. Từ mùng 3 đến mùng 6 tháng 8 năm 1948, Tưởng Giới Thạch đã triệu tập “Hội nghị kiểm thảo quân sự ở Nam Kinh” quyết định đem trọng điểm tác chiến đặt ở khu vực phía nam Hoàng Hà, phía bắc Trường Giang; “Triệt để tập trung binh lực, xác định bảo vệ Liêu Đông, Nhiệt Hà” ở khu vực Đông Bắc, để tiện việc kiểm chế Quân giải phóng nhân dân ở Đông Bắc và Hoa Bắc; đem khu vực Đông Bắc và Hoa Bắc hợp nhất thành một chiến khu, “Mỗi nơi đặt một Thống soái để tiết chế nó”. Lúc này, ở Đông Bắc Quốc dân đảng còn có 55 vạn quân. Ai ngờ sau 100 ngày, quân Tưởng ở Đông Bắc ngoài hơn một vạn tên từ Doanh Khẩu ngồi thuyền chạy trốn ra, số còn lại toàn bộ đều bị Giải phóng quân tiêu diệt hết. Trong 100 ngày này, Tưởng Giới Thạch ba lần qua lại Thẩm Dương, đích thân ra tiền tuyến chỉ huy, cũng chẳng có cách gì thay đổi được kết quả toàn vùng biên giới Đông Bắc được giải phóng. Mao Trạch Đông từng nói với Nhiếp Vinh Trăn rằng: Tưởng Giới Thạch bay tới đâu thì quân đội Quốc dân đảng bị thua trận ở đó. Vậy thì chỉ trong vòng nửa tháng ngắn ngủi, điều bí mật giữa ba lần qua lại Thẩm Dương với việc bại trận của quân đội Quốc dân đảng ở Đông Bắc có quan hệ gì?

Đầu năm 1948, khi Vệ Lập Hoàng tới Đông Bắc nhậm chức Tổng tư lệnh “Tiểu phi”, số lượng Quân giải phóng nhân dân ở trên chiến trường Đông Bắc đã vượt quá quân Tưởng. Hơn 50 vạn quân Tưởng đã bị Giải phóng quân nhân dân chia cắt ở Trường Xuân, Thẩm Dương, Cẩm Châu, ba khu không nối liền được nhau. Trong tháng 8, sau khi triệu tập Hội nghị kiểm thảo quân sự ở Nam Kinh, Vệ Lập Hoàng bắt Phó tổng tư lệnh Trịnh Động Quốc chỉ huy 10 vạn quân phòng giữ Trường Xuân, kiểm chế bộ phận chủ lực của quân đã chiến Đông Bắc; bắt phó tổng tư lệnh Phạm Hán Kiệt chỉ huy 15 vạn quân phòng giữ tuyến đường từ Huyện Nghĩa tới Sơn Hải Quan, đặc biệt phải giữ chắc các nơi quan trọng như Cẩm Châu, Cẩm Tây v.v.. đảm bảo chắc chắn sự liên hệ đường sắt, đường biển ở trong và ngoài Quan; Bản thân Vệ chỉ huy 30 vạn quân phòng thủ Thẩm Dương và khu vực Bản Khê, Phủ Thuận Thiết Lĩnh, Tân Dân; để bảo đảm chắc chắn Thẩm Dương, khi cần thiết sẽ chi viện cho Trường Xuân ở mặt Bắc và Cẩm Châu ở mặt Nam.

Ngày 12 tháng 5 đã chiến quân Đông Bắc do Lâm Bu chỉ huy đã phát động chiến dịch Liêu Thẩm, trước hết phát khởi cuộc công kích mãnh liệt vào ba nơi là Nghĩa Huyện, Cẩm Châu và Cẩm Tây. Tiếng đại bác vừa nổ, Phạm Hán Kiệt đã hoảng sợ. Hẳn tự biết khó có thể chống đỡ được sự công kích mãnh liệt của Giải phóng quân nhân dân, vội vã cầu viện Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch cảm thấy vấn đề nghiêm trọng, đã nghiêm khắc ra lệnh cho Vệ Lập Hoàng ở Thẩm Dương cử binh tăng viện Cẩm Châu, hơn thế còn cử Tham mưu trưởng Cố Chúc Đồng tới Thẩm Dương để đốc chiến. Thế nhưng, Vệ Lập Hoàng không muốn làm như vậy. Sau nhiều lần thúc giục của Cố Chúc Đồng hẳn mới miễn cưỡng đồng ý cho quân đoàn 49 của Thẩm Dương vận chuyển bằng đường không tới Cẩm Châu. Vừa mới vận chuyển được hai trung đoàn, Vệ Lập Hoàng lại lấy cớ là sân bay Cẩm Châu bị pháo hỏa của Quân giải phóng phong tỏa, đã đình chỉ chi viện Cẩm Châu. Tưởng Giới Thạch bức tức quá liền từ Nam Kinh bay tới Bắc Bình, rồi ngày mùng 2 tháng 10 từ Bắc Bình bay tới Thẩm Dương, đích thân điều động binh lính. Đây là lần thứ nhất Tưởng Giới Thạch đích thân tới Thẩm Dương trong thời kỳ chiến dịch ở Liêu Thẩm. Tại sao Vệ Lập Hoàng không chịu chấp hành kế hoạch viện binh của Tưởng Giới Thạch? Nói ra thì ngay cả Tưởng Giới Thạch cũng cảm thấy rất đau lòng. Mấy chục vạn quân Quốc dân đảng ở Đông Bắc vốn là do Chủ nhiệm hành dinh Hùng Thúc Huy và sĩ quan tư lệnh trưởng Bảo An Đỗ Duật Minh chỉ huy. Tháng 8 năm 1947, Tưởng Giới Thạch để cho tâm phúc của mình là Trần Thành tới Đông Bắc tiếp quản thay thế Hùng Thúc Huy. Quyết định này của Tưởng Giới Thạch đã dẫn tới rất nhiều điều chê trách. Thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh giải phóng, Trần Thành là Tổng tham mưu trưởng đầu nhiệm của Bộ quốc phòng, quản lý bốn Tổng tư lệnh Lục, Hải, Không quân và Liên lạc hậu cần. Lúc đó Trần Thành ngênh ngang ngạo ngạo coi trời bằng vung, xem thường tất thảy. Để phụ họa với ý đồ chống Cộng của Tưởng Giới Thạch, Trần Thành đã tuyên bố: “Hiện tại tổ chức của Bộ quốc phòng đã được kiện toàn, các trang bị vũ khí của quân đội đã tinh xảo hoàn mỹ, chỉ cần nước Mỹ giúp đỡ, viện trợ quân đội được tiếp tế đầy đủ, thời gian từ nửa năm đến một năm, việc tiêu diệt cộng quân là điều chắc chắn!” [17] Ai ngờ sau khi Trần Thành nhậm chức, quân đội Quốc dân đảng liên tục thất lợi trên mặt quân sự, dẫn tới sự bất mãn của rất nhiều Tướng lĩnh cao cấp như Cố Chúc Đồng, Hùng Thúc Huy, Đỗ Duật Minh, Thang Ân Bá v.v.. Tưởng Giới Thạch cũng muốn đem trách nhiệm thất bại của cuộc chiến tranh đổ lên đầu Trần Thành, liền để cho Trần Thành tới Đông Bắc để “lập công”. Lúc đó, chiến trường Đông Bắc đang bị thế tấn công mùa hạ của Quân giải phóng. Trong thế tấn công lần này, 8 vạn quân Quốc dân đảng đã bị tiêu diệt, 42 thành phố bị mất, cục thế vùng Đông Bắc càng thêm nghiêm trọng. Lập tức trong nội bộ Quốc dân đảng có người nói, Trần Thành đã bại trận ở trong Quan ra ngoài Quan liệu có đánh thắng được không? Hùng Thúc Huy cũng đích thân cầm bút viết thư tới bảy lần cho Tưởng Giới Thạch, yêu cầu được từ chức, Hùng đã nhìn thấy chức vụ Chủ nhiệm hành dinh Đông Bắc này sớm hay muộn sẽ phải để cho Trần Thành. Sau khi Trần Thành tới Đông Bắc lớn tiếng hò hét “Tiêu diệt Cộng phi, xây dựng vùng Đông Bắc mới theo Tam dân chủ nghĩa”. Trần Thành lấy danh nghĩa: “chỉnh đốn nội bộ, an ủi dân chúng, bồi dưỡng sức chiến đấu”, chỉnh đốn biên chế quân đội, thay đổi hàng loạt các quan chức quân chính quan trọng, hòng đánh thắng vài trận ở Đông Bắc để tiếng tăm được vang vọng, để cứu vãn tín nhiệm trước mặt Tưởng Giới Thạch. Nào ngờ hùng tâm của Trần Thành chưa được báo đáp, Quân giải phóng nhân dân do Lâm Bu, La Vinh Hoàn chỉ huy đã phát động cuộc tiến công mùa thu, tiêu diệt hơn bảy vạn quân của Trần Thành, giải phóng các vùng đất quan trọng chiến lược như Hải Thành, Triều Dương, Phụ Tân v.v.. Không để cho Trần Thành tỉnh táo trở lại, quân đội Quốc dân đảng lại bị cuộc tiến công mùa Đông của Quân giải phóng tiêu diệt mất vài vạn tên, bị mất 18 thành phố, ở Đông Bắc chỉ còn lại vài cứ điểm cô lập như Trường Xuân, Thẩm Dương, Cẩm Châu v.v.. Trần Thành hoảng hốt lo sợ gào thét thất thanh sức cùng lực kiệt nói

với cán bộ thuộc: “Ta quyết tâm cùng sống chết với Thẩm Dương. Nếu Thẩm Dương thất thủ, ta nhất định sẽ tự sát tuân chức !” Trong khi đó Trần Thành lại bí mật đánh điện cấp báo với Tưởng Giới Thạch, lại bắt vợ là Đàm tường cầu van Tổng Mỹ Linh kể lẽ trình bày bệnh loét dạ dày của Trần Thành lại tái phát, rất cần được chữa chạy, thỉnh cầu Tổng Mỹ Linh nói với Tưởng Giới Thạch điều Trần Thành về Nam Kinh. Tưởng Giới Thạch không chịu đựng nổi sự quấy rầy của Tổng Mỹ Linh, quyết định điều Vệ Lập Hoàng tới Đông Bắc. Nhưng, Vệ Lập Hoàng không bằng lòng tới Đông Bắc. Vệ Lập Hoàng từ một vệ binh của Tôn Trung Sơn tiên sinh phấn đấu thành một trong “Năm hổ Tướng” của Quốc dân đảng, trong cuộc chiến tranh chống Nhật đảm nhận chức tư lệnh quân viễn chinh Trung Quốc, đã từng được tư lệnh tối cao ở Hoa Bắc của quân Nhật là Kajukiyoji coi là “Hổ Tướng của Trung Quốc”. Tổng tư lệnh Chu Đức đã ca tụng Vệ Lập Hoàng là “Ngồi anh hùng dân tộc đã lập công lớn trong chiến dịch Hán Khẩu”. Thế nhưng do vì Vệ Lập Hoàng là “Con bài tạp nham trong hệ địch tôn”, đã mấy lần bị Tưởng Giới Thạch bãi quan. Khi cuộc chiến đấu kết thúc, do vì không mẫn ý đối với chức vụ mà Tưởng Giới Thạch sắp xếp, Vệ Lập Hoàng liền dẫn vợ và người thư ký tới một số nước như Nhật Bản, Mỹ, Anh, Pháp, Tây Đức v.v.. để “khảo sát quân sự”. Tháng 10 năm 1947 vừa về nước, Tưởng Giới Thạch đã bắt Vệ tới Đông Bắc. Vệ Lập Hoàng nói:

- Chẳng phải là Trần Thành đang ở Đông Bắc sao ?

Tưởng Giới Thạch nói:

- Nếu hần có thể gánh vác nổi thì tôi không phải nhờ vả tới ông.

Ngày hôm sau, Tưởng Giới Thạch lại gọi Trương Quân, Cố Chúc Đồng v.v..tới khuyên giải, vợ của Trần Thành cũng mặt dày mày dạn chạy tới nhà Vệ Lập Hoàng kể lẽ khóc lóc nói:

- Bọn cộng phi ở Đông Bắc đánh ác liệt, trời băng đất tuyết cứ phải trùm chăn rúc ở khắp nơi. Ban đêm rút về hậu phương bệnh cũ tái phát không có thuốc thang chữa trị. Chỉ có Vệ tiên sinh mới có cách thôi. Xin mời Vệ tiên sinh sớm tới Thẩm Dương cho ! [18]

Do ba lần bày lợt thúc giục của Tưởng Giới Thạch, ngày 20-1-1948 Vệ Lập Hoàng bay tới Thẩm Dương, ngay lập tức thu thập bộ đội, cố thủ các điểm quan trọng để ổn định cụ thể. Vệ Lập Hoàng cho rằng: “Chiến thuật của Quân giải phóng là bao vây thành phố đánh quân cứu viện, chúng ta không thể chui vào thông lọng của Giải phóng quân tiến đánh các thành phố Tân Thuần, Bàn Sơn, Liêu Dương, Pháp Khố, Yên Sơn v.v... Tưởng Giới Thạch lại một lần nữa thúc giục Vệ Lập Hoàng cử binh tới giải vây cho quân cố thủ ở các nơi, Vệ đều không để ý tới. Sau khi chiến dịch Liêu Thẩm nổ ra, Vệ Lập Hoàng cảm thấy quân đội Quốc dân đảng ở Đông Bắc có nguy cơ bị tiêu diệt, đã kiến nghị với Tưởng Giới Thạch cử mấy đạo quân từ Quan nội tới Cẩm Châu, mở thông đường với Cẩm Thẩm, tập hợp bộ đội các sư đoàn ở Thẩm Dương, rồi cùng tiến lên Bắc, kéo quân đội đang bị bao vây ở Trường Xuân ra. Thế nhưng Tưởng Giới Thạch không đồng ý, kiên trì bắt Vệ Lập Hoàng chỉ huy quân đội Thẩm Dương ra khỏi Liêu Tây. Thậm chí Cố Chúc Đồng còn uy hiếp nói:

- Đây là mệnh lệnh của Tổng thống, không thể chống lại được!

Vệ Lập Hoàng cời nhạt một tiếng, nói:

- Quân đội Thẩm Dương đơn độc rút khỏi Liêu Tây, nhất định sẽ bị tiêu diệt toàn quân. Nếu không tin, hai chúng ta sẽ cá cược, vạch chữ thập.

Vệ còn cứng cổ “mời” Tưởng Giới Thạch từ Nam Kinh tới Thẩm Dương. Tưởng Giới Thạch cảm thấy, nếu Vệ Lập Hoàng có thể kịp thời điều binh cứu viện Cẩm Châu, tăng cường binh lực cho Liêu Tây, Quân giải phóng nhân dân sẽ khó có thể đánh chiếm Cẩm Châu. Thế nhưng lúc này Tưởng Giới Thạch đã cảm thấy không chỉ huy nổi Vệ Lập Hoàng nữa rồi. Sau khi Tưởng Giới Thạch tới Thẩm Dương, lập tức đôn đốc triệu tập Vệ Lập Hoàng tới, thế nhưng Vệ Lập Hoàng vẫn kiên trì không chịu cử viện binh. Tưởng Giới Thạch vô cùng bức tức, Tưởng đã triệu tập các nhân viên từ sư trưởng trở lên để huấn thị,

quát chửi các Tướng lĩnh cao cấp của Đông Bắc không muốn đánh trận, tiêu cực bị động. Tướng Giới Thạch còn nói:

- Lần này ta tới Thẩm Dương là để cứu các anh ra khỏi đây. Trước đây các anh muốn tìm chủ lực của cộng phi cũng không tìm thấy. Bây giờ Cộng phi ở Đông Bắc đã tập trung ở hành lang Liêu Tây. Đây chính là cơ hội để các anh lập công vì quốc Đảng... Vạn nhất lần này các anh không thể đánh ra được, thế thì, kiếp sau xin chào! [19]

Tướng Giới Thạch huấn thị xong, liền một mình tiếp kiến Liêu Diệu tương, bắt tư lệnh binh đoàn 9 Liêu Diệu tương trực tiếp nghe sự chỉ huy của Tướng. Thời gian biểu của cuộc chiến tranh không dừng lại. Trong lúc Tướng Giới Thạch với Vệ Lập Hoàng cãi cọ âm ỹ với nhau thì tiếng pháo bao vây tiến đánh Cẩm Châu của Quân giải phóng nhân dân càng ngày càng kịch liệt, Phạm Hán Kiệt không chịu đựng nổi liền tiếp kêu cứu với Tướng Giới Thạch. Lập tức, Tướng Giới Thạch lại mời Phó Tác Nghĩa của Hoa Bắc ra. Kế hoạch tác chiến mà ba người Tướng, Vệ, Phó bàn định là: Phạm Hán Kiệt tiếp tục cố thủ Cẩm Châu để lôi kéo và tiêu hao chủ lực quân dã chiến Đông Bắc. "Tiểu tổng" Hoa Bắc điều động rút ra 11 sư đoàn, tổ chức thành "Binh Đoàn Đông tiến" do sĩ quan tư lệnh binh đoàn 17 Hầu Kinh như chỉ huy, tăng viện cho Cẩm Châu; Từ khu vực Thẩm Dương điều động rút ra 11 sư đoàn thêm 3 lữ đoàn kỵ binh, tổ chức thành "Binh đoàn Tây tiến" do sĩ quan tư lệnh binh đoàn 9 Liêu Diệu tương chỉ huy, tiến đánh theo hướng chương Vũ, Tân Lập Đồn, Nghĩa huyện; Trịnh Động Quốc ở Trường Xuân tìm cơ hội đột phá vòng vây theo hướng Thẩm Dương. Thế nhưng, phương án chiết trung mà Tướng Giới Thạch với Vệ Lập Hoàng thỏa hiệp với nhau đã không thể giải vây được cho Cẩm Châu, cũng không thể cứu vãn được vận mệnh toàn quân bị tiêu diệt của Phạm Hán Kiệt. Quân giải phóng nhân dân kiên quyết ngăn cản tiến đánh "Binh đoàn Đông tiến" và "Binh đoàn Tây Tiến" đúng 18 giờ ngày 15 tháng 10 đã đánh chiếm Cẩm Châu thuận lợi, Phạm Hán Kiệt và tư lệnh binh đoàn 6 Lô Tuấn Tuyền cùng với khoảng 9 vạn quân bị bắt sống. Cẩm Châu là yếu điểm chiến lược nối tiếp giữa Quan nội và Quan ngoại, trên vấn đề chi viện Cẩm Châu, ý kiến của Tướng Giới Thạch với các Tướng lĩnh cao cấp như Vệ Lập Hoàng v.v.. có sự chia rẽ lớn như vậy, làm sao có thể đánh thắng được? Chẳng trách Vệ Lập Hoàng đã nói:

- Sự chỉ huy của Tướng Giới Thạch đối với Đông Bắc, trên mặt binh pháp đã phạm phải ba điều đại kỵ. Binh pháp nói chớ có ý vào binh khí tối tân mà khinh địch, chớ có lấy ý kiến độc đoán mà chống lại số đông, chớ có lấy biện thuyết mà cho là tất nhiên. Ba điều cấm này Tướng tiên sinh đều phạm phải cả.

Khi Quân giải phóng nhân dân tấn công mãnh liệt vào Cẩm Châu, Tướng Giới Thạch đang ở Nam Kinh. Nhìn thấy chiến báo của Tiên tuyến Cẩm Châu, Tướng Giới Thạch lo sợ cuống cuống như kiến bò trên nồi nóng. Giả sử mấy chục vạn quân ở Đông bắc thực sự bị Giải phóng quân "nuốt sống", Hoa Bắc và Trung Nguyên cũng khó lòng ổn định được. Lập tức, Tướng Giới Thạch quyết định đem phó tổng tư lệnh "Tiểu Tổng" Từ Châu Đỗ Duật Minh lại một lần nữa vội tới Bắc Bình. Ngày 15 tháng 10, Tướng Giới Thạch từ Bắc Bình bay tới Thẩm Dương. Đây là lần thứ hai Tướng Giới Thạch đích thân tới Thẩm Dương trong thời kỳ chiến dịch ở Liêu Thẩm. Lần này Tướng Giới Thạch tới Thẩm Dương chủ yếu muốn làm hai việc. Một việc là ra lệnh cho Vệ Lập Hoàng phản công Cẩm Châu. Còn một việc nữa là hạ lệnh cho bọn địch giữ Trường Xuân đột phá vòng vây cho Thẩm Dương. Thế nhưng cả hai việc này đều biến thành số không. Lợi dụng binh lực bao vây Thẩm Dương phản công về phía Cẩm Châu, Vệ Lập Hoàng không bằng lòng làm vật hy sinh vô tích sự. Đối với Vệ mà nói, phản công cũng tốt, không phản công cũng hay, Cẩm Châu sớm muộn cũng sẽ bị mất. Tướng Giới Thạch cãi nhau một trận với Vệ Lập Hoàng, mọi việc đều vô cùng khó xử, đành phải gọi Đỗ Duật Minh tới trước mặt nói:

- Ta đã viết cho Phạm Hán Kiệt một bức th, bảo hắn có thể giữ được thì giữ, không thể giữ được thì lùi về giữ Cẩm Tây. Ngươi hãy nghĩ cách thả dù bức thư này xuống cho hắn!

Kỳ thực, khi Tướng Giới Thạch muốn đi thả dù bức thư này, Phạm Hán Kiệt đã không thể phá vây nữa. ở xung quanh thành Cẩm Châu, ánh lửa ngút trời, tiếng đạn đại bác liên tục không ngớt, Quân giải phóng nhân dân đã không ngừng thu hẹp vòng vây. Mặc dù máy bay của quân Tưởng bắn đạn khói ở trên bầu trời Cẩm Châu để làm tín hiệu, nhiều lần biểu lộ cho quân Tưởng phá vây về hướng nam, thế nhưng Phạm Hán Kiệt đã không biết được bộ đội của mình ở đâu nữa. Hơn 4 giờ chiều, Phạm Hán Kiệt vô cùng thất

vọng đã lui trốn trên con đường nhỏ vùng núi giữa Tháp Sơn và Trần Gia Đồn, rồi đã bị quân đội mai phục của Giải phóng quân bắt sống trên đoạn đường quốc lộ ở gần cửa biển phía Tây. Tướng Giới Thạch ở Thẩm Dương, mắt nhìn thấy Cẩm Châu bị Giải phóng quân chiếm mất, hận Phạm Hán Kiệt không chịu cố gắng vương lên, lại càng hận Vệ Lập Hoàng không chịu phối hợp. Đây cũng là một nguyên nhân quan trọng để Tưởng quyết tâm cho Đỗ Duật Minh đổi sang nhận chức phó Tổng tư lệnh “Tiểu Phi” vùng Đông Bắc. Bức thư viết tay mà Tưởng Giới Thạch thả dù xuống cho Trịnh Động Quốc, khẩu khí càng nghiêm khắc, thậm chí còn uy hiếp nói: Nếu hần không nhanh chóng phá vây, Thẩm Dương cũng không thể chờ được. Nào ngờ tình hình của Trường Xuân càng khiến cho Tưởng Giới Thạch đau lòng. Từ khi mấy chục vạn Quân giải phóng nhân dân do Tiêu Kinh Quang, Tiêu Hoa chỉ huy vây khốn Trường Xuân đến nay, trên mặt đất chu vi 50 dặm ngoài Trường Xuân, ngang dọc xen kẽ trên tuyến phong tỏa đã hình thành một khu phong tỏa dày đặc, xây dựng lên một đường “Thành ở ngoài thành” vững chắc không gì lay chuyển nổi, vây khốn tới mức sĩ quan và binh lính Tưởng trong thành phố Trường Xuân đến cơm cũng không được ăn no. lương thực khan hiếm, giá lương thực tăng vọt, một chiếc nhẫn vàng chỉ có thể đổi được một chiếc bánh bao. Quân đoàn trưởng quân đoàn 60 Quốc dân đảng Tăng Trạch Sinh đã suy nghĩ kỹ càng, quyết định dẫn quân làm phản. Quân giải phóng nhân dân không tốn một viên đạn mà đã nhanh chóng không chế được Thành Trường Xuân Đông. Không lâu, các binh lính quân đoàn 7 mới của Quốc dân đảng đã hăng hái ra đầu hàng quy phục, bộ đội còn lại của Trịnh Động Quốc cũng hạ vũ khí. Trường Xuân được giải phóng một cách hòa bình. Tưởng Giới Thạch tới Thẩm Dương lần này, đã vứt bỏ Vệ Lập Hoàng sang một bên, hòng dùng phương thức thả dù lá thư tay để cứu vãn cục diện thất bại trên chiến trường Đông Bắc. Nào ngờ Cẩm Châu đã không cứu được, Trường Xuân lại đã biểu cho Quân giải phóng, từng viên chiến Tướng như Phạm Hán Kiệt, Trịnh Động Quốc v.v...đều bị Quân giải phóng bắt giữ, ba tỉnh Đông Bắc to lớn như vậy, chỉ còn lại một thành Thẩm Dương trơ trọi. Tưởng không thể không nghĩ tới việc triệt thoái mấy chục vạn quân đội của Thẩm Dương. Kết quả này sao lại không làm cho Tưởng Giới Thạch đau đớn được ? Sự chỉ huy mù quáng theo kiểu không chiều cổ tới tình hình chiến trường, chỉ dựa vào óc đoán chủ quan của Tưởng Giới Thạch làm sao lại không thất bại được ? Buổi tối hôm bị mất Cẩm Châu, Tưởng Giới Thạch từ Thẩm Dương bay tới Cẩm Tây, lại ngồi xe tới đảo Hồ Lô trao đổi ngay trước mặt với Hầu Kính Nh, yêu cầu Hầu chỉ huy bộ đội thu phục lại Cẩm Châu, ngay hôm đó lại vội vàng hấp tấp bay về Bắc Bình. Thế nhưng Tưởng Giới Thạch vẫn không sao bỏ được cứ điểm quan trọng Cẩm Châu này lại liên tiếp cử máy bay đem “Thủ dụ” tới cho Vệ Lập Hoàng. Lúc thì “Thủ dụ” cho Vệ Lập Hoàng tìm cách viện trợ cho Trịnh Động Quốc phá vòng vây ra, lúc lại “thủ dụ”: “Căn cứ vào báo cáo của trinh sát không quân, một số lượng lớn Cộng phi lui trốn ở Cẩm Châu đang triệt thoái về hóng Bắc Phiến, Phụ Tân. Nay ra lệnh cho binh đoàn Liêu Diêu tương phải nhanh chóng tiến đánh Hắc Sơn, Đại hồ Sơn, Cẩm Châu!” [20]

Thế nhưng, bất kể Tưởng Giới Thạch “Dụ” như thế nào, Vệ Lập Hoàng vẫn kiên quyết không đồng ý Liêu Diêu tương đem quân đội tiếp tục tiến về phía Cẩm Châu. Tưởng Giới Thạch không thể không kéo Đỗ Duật Minh bay tới Thẩm Dương vào buổi sáng ngày 18 tháng 10. Đây là lần thứ ba Tưởng Giới Thạch đích thân tới Thẩm Dương trong thời gian chiến dịch ở Liêu Thẩm. Buổi sáng hôm ấy, Tưởng Giới Thạch triệu tập một cuộc họp bao gồm Vệ Lập Hoàng, Đỗ Duật Minh. Triệu Gia tương, La Trạch Khải v.v..Tưởng Giới Thạch phán đoán, khi Giải phóng quân nhân dân đánh Cẩm Châu thương vong rất lớn, đòi hỏi phải nghỉ ngơi chỉnh đốn hơn một tháng mới có thể lại đánh nhau được. Cộng quân ở trong thành Cẩm Châu đã triệt thoái, quân đội ở Đông Bắc nên bỏ Thẩm Dương, “thu phục” lấy Cẩm Châu. Vệ Lập Hoàng nói:

- Để tránh cho quốc quân sau khi ra khỏi Thẩm Dương bị Quân giải phóng tiêu diệt, phải nên cố thủ Thẩm Dương.

Tưởng Giới Thạch vừa nghe đã nổi nóng, thế nhưng nghĩ tới Đông Bắc đã thất bại thế thảm như vậy, cũng không tiện chơi trò oai phong như những ngày trước, liền hỏi Phó Tác Nghĩa có ý kiến gì mới. Phó Tác Nghĩa nói:

- Việc này có quan hệ tới quốc gia đại sự, ta phải suy nghĩ cho kỹ càng.

Nghe thấy câu nói lấp lửng nước đôi này, Tưởng Giới Thạch bực tức đập bàn quát lớn:

- Học sinh Hoàng Phổ mà thật là quá vô dụng !

Đỗ Duật Minh vừa nghe, vội vàng đề xuất ra hai phương án. Một là ra lệnh cho quân Tướng ở Đông Bắc nhanh chóng triệt thoái về Doanh Khẩu. Hai là lấy Doanh Khẩu làm hậu phương, giữ lại một bộ phận binh lực để giữ Thẩm Dương, quân chủ lực tiến đánh Đại Hổ Sơn, Hắc Sơn. Nếu thành công thì thu phục lấy Cẩm Châu, nếu không thành công thì triệt thoái theo hướng Doanh Khẩu. người học khóa 1 trường Hoàng Phổ Đỗ Duật Minh này rất có đầu óc, Đỗ đề xuất phương án thứ 2 đã quy nạp một phần ý kiến của Tướng Giới Thạch và Vệ Lập Hoàng, không có ai phản đối. Lập tức, họ quyết định quân đội của Liêu Diêu tương từ Hắc Sơn, Đại Hổ Sơn tấn công về phía Nam, “khôi phục Cẩm Châu”, sau đó yểm hộ quân địch ở Thẩm Dương rút lui về Quan nội qua tuyến Bắc Ninh; Quân đoàn 52 của Liêu Dương chiếm lấy Doanh Khẩu, hễ khi binh đoàn của Liêu Diêu tương tiến về phía tây bị trắc trở, thì thay đổi qua Doanh Khẩu sẽ cùng quân đội giữ Thẩm Dương triệt thoái từ thượng Hải. Tướng Giới Thạch vẫn còn lo lắng Vệ Lập Hoàng không chấp hành kế hoạch này, đã chính thức bổ nhiệm Đỗ Duật Minh làm phó Tổng tư lệnh “Tiểu Tổng” Đông Bắc kiêm tư lệnh biên khu Ký Nhiệt Liêu, chỉ huy hành động triệt thoái này. Hội nghị vừa kết thúc, Tướng Giới Thạch liền bay về Bắc Bình. Buổi tối hôm ấy, Tướng Giới Thạch lại đánh điện báo bắt Vệ Lập Hoàng tới Bắc Bình. Đủ thấy Tướng Giới Thạch đối với Vệ Lập Hoàng đã không yên tâm tới mức nào. Sau khi Đỗ Duật Minh nhậm chức, lập tức dùng quân đội Cao xạ pháo, xe bọc thép và lữ đoàn 3 sư đoàn chinh biên 207 của Thẩm Dương tăng cường cho Liêu Diêu tương, yêu cầu Liêu Diêu tương tiến thẳng lên Đại Hổ Sơn, Hắc Sơn, nhanh chóng chiếm Cẩm Châu; lại hạ lệnh cho quân đoàn 53 bảo vệ Thẩm Dương, quân đoàn 52 chiếm lấy Doanh Khẩu. Thế nhưng, đạo quân thứ 10 Quân giải phóng nhân dân giữ vững bảo vệ Hắc Sơn, Đại Hổ Sơn, đẫm máu trong chiến đấu, ngoan cường đánh địch suốt 5 ngày đêm, cuối cùng đã giữ vững được trận địa, ngăn chặn được bước tiến của binh đoàn Liêu Diêu tương về phía Cẩm Châu. Liêu Diêu tương không thể không vọt qua Liêu Hà triệt thoái về hướng Doanh Khẩu, trên đường lại vấp phải đòn đánh khép gọng kìm của mấy đạo Quân giải phóng, Liêu Diêu tương lại hạ lệnh cho bộ đội triệt thoái theo hướng Thẩm Dương. Thế nhưng lúc này triệt thoái thì đã quá muộn rồi, đạo quân thứ 5 của Quân giải phóng đã cắt đứt mất đường rút lui của bọn địch này về hướng Thẩm Dương. Các đạo quân khác càng bám chặt đuổi theo sau, lần lượt bao vây chặt 12 sư của Liêu Diêu tương ở khu vực hai bên đường quốc lộ phía đông Bắc Sơn, phía tây Bán Lạp Môn và khu vực giữa phía đông Đại Hổ Sơn và Nghĩa Hòa Trang, Khang Gia Đồng. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt đến ngày 28 tháng 10, đã tiêu diệt 12 sư đoàn, ớc khoảng 10 vạn quân của binh đoàn Liêu Diêu tương, bao gồm toàn bộ quân đoàn chủ lực mới số 1 và quân đoàn mới số 6, được gọi là “Ngũ đại chủ lực” của quân Quốc dân đảng. Tướng Giới Thạch chỉ huy ở Bắc Bình giống mắt nhìn binh đoàn của Liêu Diêu tương bị tiêu diệt, chỉ biết than khóc và bất lực, toàn bộ quân đội ở Đông Bắc tựa hồ như sa vào vận mệnh đen tối, lo lắng vô cùng, không còn biết xoay sở ra sao nữa! Sau khi binh đoàn của Liêu Diêu tương bị tiêu diệt, một thành Thẩm Dương trở lại vô cùng nguy ngập như trứng dựng trên đầu gậy. Khi Quân giải phóng nhân dân tấn công vào khu vực thành phố Thẩm Dương, Tướng Giới Thạch mới cử phi cơ tới đón Vệ Lập Hoàng từ Thẩm Dương đi, để cho sĩ quan tư lệnh binh đoàn 8 Chu Phúc Thành chỉ huy 14 vạn quân ở xung quanh Thẩm Dương. Ngày mùng 1 tháng 11 Quân giải phóng nhân dân phát động tổng tấn công, bọn địch giữ Thẩm Dương tranh nhau ra đầu hàng. Ngày thứ hai, Thẩm Dương, thành phố công nghiệp lớn nhất Đông Bắc được giải phóng, Chu Phúc Thành bị bắt sống. Quân giải phóng nhân dân trải qua 52 ngày đêm liên tục chiến đấu, trước sau đã tiêu diệt 472.000 tên địch, toàn bộ vùng biên giới Đông Bắc được giải phóng. Tướng Giới Thạch đã thất bại to lớn ở chiến trường Đông Bắc, khiến cho sự so sánh lực lượng hai bên trong cuộc chiến tranh giải phóng đã phát sinh ra những biến đổi căn bản, quân đội Quốc dân đảng từ trước vẫn chiếm ưu thế trên mặt số lượng suốt một thời kỳ dài nay đã chuyển sang thế yếu.

Để đùn đẩy trách nhiệm bại binh ở Đông Bắc, ngày 26 tháng 11, Tướng Giới Thạch đã tuyên bố mệnh lệnh: “Tổng tư lệnh tiểu phi Đông Bắc Vệ Lập Hoàng trừ trừ không quyết, để mất cơ hội chiến thắng, đến nỗi mất cả thành phố quan trọng, nay phải cách chức để xem xét trị tội!” Xem xét trị tội một Vệ Lập Hoàng, quyết không thể cứu vãn được cục diện thất bại của vương triều họ Tưởng, thế nhưng từ đó mọi người có thể nhìn thấy sự chuyên quyền tàn bạo của Tướng Giới Thạch, không quan tâm tới thực tế chiến trường, chỉ huy mù quáng, cùng với sự xung đột gay gắt giữa Tưởng với các Tướng lĩnh cao cấp Quốc dân đảng. Tướng Giới Thạch ba lần đích thân tới Thẩm Dương đã chôn vùi mầm họa thất bại toàn diện

trong chiến dịch Liêu Thẩm của quân đội Quốc dân đảng và cũng đã vén lên được tấm màn bí mật của sự bại binh ở Đông Bắc.

3. Tại sao Tưởng Giới Thạch do dự không quyết đối với việc giữ hay rút khỏi Từ Châu ?

Vùng đất Từ Châu thuộc về bình nguyên Hoàng Hoài. Chiến trường Hoài Hải lấy Từ Châu làm trung tâm nằm ở khu vực giáp giới bốn tỉnh Giang Tô, An Huy, Sơn Đông, Hà Nam, địa hình rộng lớn, thôn làng dày đặc, đường quốc lộ thông suốt bốn phương tám hướng, lại là giao điểm hội tụ của hai đường sắt Tân Phô, Lũng Hải như hai động mạch lớn, là chiến trường tốt cho sự tác chiến cơ động của những binh đoàn lớn. Ngay từ hơn 200 năm trước Công nguyên, mấy chục vạn quân đội của lưu Bang và Hạng Vũ đã triển khai một cuộc tàn sát lớn ở Bành Thành. Bành Thành này chính là Từ Châu tỉnh Giang Tô ngày nay). Từ tháng 1 đến tháng 6 năm 1938, 60 vạn quân đội Trung Quốc đã kháng chiến đánh trả cuộc tiến công của quân Nhật ở vùng đất rộng lớn lấy Từ Châu làm trung tâm, đã viết lên những trang sử hào hùng tuyệt vời của cuộc hội chiến Từ Châu trên lịch sử chiến tranh chống Nhật. Thu Đông năm 1948, trên chiến trường Hoài Hải lấy Từ Châu làm trung tâm lại tụ tập hơn một triệu quân đội, tiến hành chiến dịch Hoài Hải nổi tiếng. Quân đoàn đã chiến Hoa Đông, quân đoàn đã chiến Trung Nguyên, cùng với bộ đội các quân khu tham chiến lân cận của Quân giải phóng nhân dân tham gia chiến dịch lần này ớc khoảng 60 vạn người. Tưởng Giới Thạch lần lượt điều động 80 vạn quân đội tham gia chiến dịch Hoài Hải. Mở đầu chiến dịch, Tưởng Giới Thạch đã nhận thức được, “Cuộc quyết chiến tiến hành ở trong khu vực Từ Bang, có quan hệ tới sự mất còn của Đảng quốc”, nên mới không tiếc điều động đội quân hùng hậu như vậy. Chiến dịch Hoài Hải cũng là một chiến dịch mà binh lực quân đội Quốc dân đảng chiếm u thế trong ba chiến dịch lớn của cuộc chiến tranh giải phóng. Thế nhưng chính trong chiến dịch lớn mà quân đội Quốc dân đảng chiếm u thế trên mặt số lượng này, 55 vạn quân đội Qóc dân Đảng đã bị tiêu diệt, bộ đội tinh nhuệ của họ Tưởng đã vấp phải thất bại lớn mà từ trước cha hề có, Tưởng Giới Thạch đã bắt buộc phải từ bỏ chức vụ tổng thống, lạng lẽ rời khỏi Nam Kinh. Trong chiến dịch Hoài Hải, đối với vị trí quan trọng mang tính chất chiến lược Từ Châu này, Tưởng Giới Thạch đã do dự bất quyết hoặc giữ hoặc rút. Thông qua cánh cửa sổ Từ Châu này, mọi người có thể nhìn thấy điều bí mật thất bại lớn lao trong việc lấy nhiều đánh ít ở trên chiến trường Hoài Hải của Tưởng Giới Thạch. Sau chiến dịch Tế Nam, đối với Từ Châu, Tưởng Giới Thạch đặc biệt coi trọng, Tưởng thường xuyên đứng trước tấm địa đồ nghiên cứu hình thế xung quanh Từ Châu. Tưởng Giới Thạch thấy từ Từ Châu men theo đường Kinh Phô lên phía Bắc là Lâm Thành của Sơn Đông; men theo đường Tân Phô đi về Nam, chính là Bạng Phụ và Hợp Phì. Hai thành phố này đều là thành phố quan trọng ở phía Tây nam Nam Kinh. Việc giữ vững hay rút khỏi Từ Châu có liên quan chặt chẽ với sự an nguy của Đô Thành Nam Kinh. Từ Từ Châu vòng theo đường Lũng Hải đi về phía Đông đi thẳng tới Hải Châu và Liên Vân Cảng; vòng theo đường Lũng Hải đi về phía Tây tức là Đàng Sơn và thương Khâu. Đường sắt và đường biển của những địa phương này đều nằm trong sự khống chế của quân đội Tưởng, việc điều động quân đội cũng tương đối thuận tiện. Do đó, ngày 24 tháng 10 Tưởng Giới Thạch đã ra lệnh cho lưu Kỳ tổng tư lệnh “Tiểu Tông” Từ Châu phải tăng cường phòng ngự đoạn đường Lũng Hải thương Khâu tới Hải Châu và đoạn đường Tân Phô. Lâm Thành tới Bạng Phụ, âm mưu hình thành cứ điểm “Phòng ngự thế Công” ở Từ Châu, Bạng phụ. Hoài Âm v.v.. để “củng cố và bảo vệ vững chắc Từ Châu” [21], bao vây bảo vệ Nam Kinh, thượng Hải. Để tiến thêm một bước điều động lực lượng Quảng Tây, Tưởng Giới Thạch còn long trọng tuyên bố Quyết nghị của Hội nghị kiểm thảo quân sự Nam Kinh tháng 8, yêu cầu Bạch Sùng Hy thống nhất chỉ huy các đơn vị quân đội thuộc Bộ Tổng tư lệnh “Tiểu Phì” của hai vùng Từ Châu, Hoa Trung. Thế nhưng, kế hoạch này của Tưởng Giới Thạch chưa được thực hiện. Lúc đó, cuộc tranh quyền đoạt lợi giữa Tưởng Giới Thạch với Lý Tông Nhân ngày càng có xu hướng quyết liệt. Để ủng hộ Lý Tông Nhân và cũng là để bảo tồn lực lượng của mình, Bạch Sùng Hy không muốn quân bãi đất rách nát Từ Châu này. Bọn lưu Kỳ cũng không muốn trao quyền chỉ huy mấy chục vạn quân đội ra, đối với việc này Tưởng Giới Thạch cảm thấy rất tức giận. Tưởng Giới Thạch cho rằng, lưu Kỳ khó có thể đảm nhận nổi trách nhiệm nặng nề chỉ huy mấy chục vạn đại quân ở vùng gần Từ Châu. Tưởng cảm thấy Đỗ Duật Minh có năng lực chỉ huy thì còn đang ở đảo Hồ Lô chỉ huy bộ đội Đông Bắc triệt thoái. Do vì thất lợi ở chiến trường Đông Bắc, những áp lực của quân đội Quốc dân đảng ở khu vực Hoa Đông càng ngày càng lớn, một cuộc chiến lớn khó có thể tránh khỏi. Hạ tuần tháng 10, Tưởng Giới Thạch đã triệu tập hội nghị Bộ trưởng quốc phòng, Tổng tham mưu trưởng, bốn Tổng tư lệnh Hải, Lục, Không, Liên Cản ở “Dinh thự” đường Hoàng Phô Nam Kinh. Khi nghiên cứu tình thế chiến trường Hoa Đông, mọi người đều cảm thấy Từ Châu lương thực không đủ, tiếp tế khó khăn. Đối

mặt với hai Dã chiến quân Hoa Đông và Trung Nguyên của Quân giải phóng, khó có thể tiến hành tác chiến được lâu dài. Tướng Giới Thạch nghĩ ngay tới tấn bi kịch Hạng Vũ bị khốn ở Cai Hạ năm xưa, sợ rằng bản thân mình sẽ sa vào cảnh bốn mặt đều là tiếng ca của quân Sở, liền quyết định bỏ Từ Châu, lui về giữ bờ nam Hoài Hà, để tiện việc đánh bại chủ lực giải phóng quân ở khu vực Hoài Hà, bảo đảm ngoại vi Nam Kinh. Một số người như Hà ứng Khâm v.v.. cũng tán đồng phương án này. Ngày mùng 3 tháng 11, Tướng Giới Thạch ra lệnh cho Tổng tham mưu trưởng Cố Chúc Đồng dẫn Ty trưởng Ty thứ ba của Bộ quốc phòng là Quách Nhữ Khôi kéo tới Từ Châu, thay Tưởng truyền đạt mệnh lệnh rút khỏi Từ Châu. Lần này, vốn Tưởng Giới Thạch muốn đích thân đi, nhưng vì một sự cố không đi được. Sau khi Cố Chúc Đồng tới Từ Châu lập tức triệu tập các sĩ quan cao cấp như Khâu Thanh Tuyền, Hoàng Bá Thao, Lý Di, Tôn Nguyên lương v.v.. để nghiên cứu bố trí sắp xếp tác chiến. Đồng thời với điều đó, Tưởng Giới Thạch lại viết một lá thư tay gửi cho Đỗ Duật Minh đang ở đảo Hồ Lô xa xôi, sai phó ty trưởng ty thứ ba của Bộ quốc phòng là Hứa Lăng Hiên cầm bức thư tay và “Kế hoạch hội chiến Từ Bạng” bay tới đảo Hồ Lô, yêu cầu Đỗ Duật Minh lại một lần nữa nhận chức phó tổng tư lệnh “Tiểu Tổng” Từ Châu, chỉ huy “chiến dịch Từ Bạng”. Tại sao Tưởng Giới Thạch lại tuyển chọn Đỗ Duật Minh còn cha thể cứu vãn được thất bại lớn của quân Quốc dân đảng ở Đông Bắc tới “hiệp trợ” với lưu Kỳ chỉ huy trận quyết chiến Từ Bạng? Trong đây chứa đựng biết bao nhiêu điều bí ẩn về cách dùng người của Tưởng Giới Thạch, cũng đã bộc lộ ra đầu mối của sự thất bại. “Tiểu Tổng” Từ Châu, thực ra thì ở Trịnh Châu đã có bộ chỉ huy tiền tiến, do Tôn Chấn đảm nhận chức Chủ nhiệm bộ chỉ huy Tiền tiến. Mấy tháng trước Tôn Chấn điều Xuyên Ngạc làm chủ nhiệm “Sở bình định”, bộ chỉ huy liền rút về Từ Châu. Lưu Kỳ là con người thân mang chức vụ quan trọng, nhưng thường nghe tin địch là chạy trốn trước, nên có tên gọi là “Tổng quân chạy trốn”. Đối mặt với trận quyết chiến Từ Bạng, lưu Kỳ lại thiếu hẳn niềm tin, để có thêm một người thay mình chia gánh trách nhiệm, lưu Kỳ đã kiến nghị với Bộ quốc phòng nhanh chóng chọn lấy một người “Xuất thân từ khóa 1 Trường Hoàng Phố, từng đảm nhiệm từ chức tư lệnh binh đoàn trở lên, có kinh nghiệm dày dặn, có uy tín rộng rãi với danh nghĩa phó tổng tư lệnh kiêm chủ nhiệm bộ chỉ huy tiền tiến!”

Bộ trưởng bộ quốc phòng Hà ứng Khâm nhìn thấy cơ hội này, rất nhanh chóng đã tiến cử với Tưởng Giới Thạch hai tên cốt cán trong hệ thống của mình là Tống Hy Liêm và Đỗ Duật Minh. Xem báo cáo của Hà ứng Khâm, thoảng nhìn Tưởng Giới Thạch đã chọn ngay Đỗ Duật Minh, nhưng lại nghĩ tới Đỗ Duật Minh đang ở chiến trường Đông Bắc, liền chỉ có thể tuyển chọn Tống Hy Liêm phó tổng tư lệnh “Tiểu Tổng” Hoa Trung kiêm tổng tư lệnh binh đoàn 14. Chủ ý đã định, Tưởng Giới Thạch lập tức đánh một bức điện “Hạn một giờ sau phải có mặt” cho Tống Hy Liêm. Thế nhưng Tống Hy Liêm không mấy vui vẻ đối với việc thăng quan ngoài dự liệu này. Tống Hy Liêm nhìn thấy hai viên chiến Tướng Tôn Nguyên lương, Khâu Thanh Tuyền “Tiểu tổng” Từ Châu đều giả dối gian trá, kiêu ngạo ngang ngược, cuồng ngông tự đại, rất khó chỉ huy. Khâu Thanh Tuyền lại là cốt cán trong trận quyết chiến Từ Bạng của tổ chức Tưởng Giới Thạch, đặc tội thì không được, đi Từ Châu sao bằng làm nên sự nghiệp ở bắc Ngạc Tây. Do đó, Tống Hy Liêm liền quyết định bỏ cảnh mới mà về ở tổ cũ, lấy lí do là “Sau khi tới Ngạc Tây tình hình dần sáng sủa, đang thực hiện các loại quy hoạch và tích cực bố trí” còn “đối với tình hình Từ Châu thì không thành thạo lắm, xin Tưởng Giới Thạch chọn cử người khác. Nào ngờ Tưởng Giới Thạch lấy lí do là “Từ nay về sau trọng điểm của chiến tranh ở Từ Bạng, Từ Bạng là cửa ngõ của thủ đô, có quan hệ tới sự an nguy của Quốc Đảng”, lại đánh cho Tống Hy Liêm một bức điện báo “Hạn một giờ phải có mặt”, còn nhấn mạnh “Tuyệt đối không được chậm trễ!” Tống Hy Liêm vừa xem điện báo liền biết được không còn cơ hội cò kè ngã giá nữa, đành âu sầu rầu rĩ thu xếp hành trang, dẫn theo vài tên tùy viên, vội vàng rời khỏi Kinh môn, đi tới Từ Châu. Nào ngờ Tống Hy Liêm vừa tới Sa thị lại nhận được điện báo của Tưởng Giới Thạch. Trong bức điện nói: “Đã quyết định cử Đỗ Duật Minh tới phụ trách mặt Từ Châu. Chú em ta có thể trở lại với chức cũ!” Tống Hy Liêm bức tức, tay cầm bức điện, hồi lâu chẳng nói được câu nào! Tống Hy Liêm tuy cha tới Từ Châu nhậm chức, nhưng từ đây có thể nhìn thấy các loại mâu thuẫn trọng tâm trên vấn đề dùng người của Tưởng Giới Thạch, có thể nhìn thấy tâm trạng chán ghét chiến tranh và mâu thuẫn nặng nề trong số Tướng lĩnh cao cấp của Quốc dân đảng, cũng lại có thể nhìn thấy tính tất yếu trong việc thất bại ở Hoài Hải của quân đội Quốc dân đảng. Đỗ Duật Minh ở đảo Hồ Lô nhìn thấy “Kế hoạch quyết chiến ở Từ Bạng” trong lòng cảm kích về sự tín nhiệm của Tưởng Giới Thạch, thế nhưng lại không dám lập tức tới nhậm chức ngay, Đỗ Duật Minh cực kỳ không muốn ôm lấy tội danh bỏ mất Từ Châu nhưng lại không dám không đi, đành phải lấy lí do việc rút quân ở đảo Hồ Lô chưa xong để cố ý kéo dài. Thế nhưng lưu Kỳ không làm, hẳn lại đánh điện báo thúc Đỗ Duật Minh nhanh chóng tới Từ Châu. Chính trong lúc Đỗ Duật Minh đang khó khăn lúng lự, Tưởng Giới Thạch lại thay đổi chủ ý,

Tướng đã quyết định cô thủ Từ Châu. Tướng Giới Thạch nhìn thấy Dã chiến quân Trung nguyên do Mao Trạch Đông chỉ huy đã phát động tấn công ở phía nam Hà Nam, chứ không phải là tấn công Từ Châu, tức thì Tướng liền quyết định Bắc giữ Từ Châu, Nam dựa Bạng Phụ. Vì vậy, Tướng Giới Thạch lại hạ lệnh cho các binh đoàn của Khâu Thanh Tuyền, Lý Di, Hoàng Bá Thao, Lý Diên Niên nhanh chóng tập kết về Từ Châu, cô thủ Từ Châu, hạ lệnh cho quân đội của Tôn Nguyên lương và lưu Nhữ Minh ở phía nam Từ Châu cô thủ Túc Huyện và Bạng Phụ, để tiện cho hai cánh quân đường sắt Từ Bạng bao vây tiêu diệt Dã chiến quân Hoa Đông và Dã chiến quân Trung nguyên, xoay chuyển chiến cuộc. Thế nhưng, Tướng Giới Thạch đã phán đoán sai lầm tình hình chiến trường, quyết định này của Tướng vừa hay đã chui vào thông lọng của Mao Trạch Đông. Trung tuần tháng 10, sau khi sắp đặt xong phương châm tác chiến của chiến dịch Hoài Hải, Mao Trạch Đông lại tiến thêm một bước chỉ ra rằng: “Cảm giác thứ nhất là quân ta tựa hồ như có ý cướp lấy Từ Châu mà không thể đoán định chắc chắn quân ta không phải là cướp Từ Châu mà là tiêu diệt binh đoàn vàng!”[22]

Đề mê hoặc Tướng Giới Thạch, Mao Trạch Đông còn yêu cầu chủ lực Dã chiến quân Trung Nguyên phát động cuộc tiến công trước đánh chiếm Trịnh Châu và Khai Phong ở chiến dịch Hoàng Hải, hoặc giả đầu tiên xuất hiện ở con đường Tân Phố giữa Từ Châu và Bạng Phụ, để hấp dẫn binh đoàn của Tôn Nguyên lương Khâu thanh Tuyền và Lý Di. Trận thế này do Mao Trạch Đông bày ra đã khiến cho Tướng Giới Thạch hiểu lầm rằng Quân giải phóng nhân dân không phải là muốn bao vây tấn công Từ Châu, mới chỉ sau một ngày đã thay đổi quyết tâm, ra lệnh cho quân đội thu hẹp hai cánh quân Tân phố theo hóng giữa Từ Châu và Bạng Phụ, chuẩn bị cô thủ Từ Châu. như vậy là chiến dịch Hoài Hải đã hoàn toàn giống như dự kiến của Mao Trạch Đông, bao vây tiêu diệt bộ chủ lực của Tướng Giới Thạch ngay tại chỗ, khiến cho Tướng Giới Thạch tất nhiên phải thất bại ở Hoài Hải. Mao Trạch Đông đã đóng cửa đánh chó ở Đông Bắc, đã tiêu diệt 47 vạn quân đội của Vệ Lập Hoàng, bây giờ lại bao vây tiêu diệt tại chỗ tập đoàn của lưu Kỳ. Đêm mùng 6 tháng 11, Dã chiến quân Hoa Đông và Dã chiến quân Trung Nguyên theo kế hoạch dự định đã phát khởi chiến dịch Hoài Hải. Cánh quân thứ 4 và thứ 8 ngay hôm đó đã tấn công chiếm được Phôi Huyện. Than thượng ; cánh quân Lỗ Nam đã tiêu diệt được quân chiếm giữ Đàm Thành; các cánh quân của binh đoàn Sơn Đông đã bao vây Đài Nhi Trang; chủ lực Dã chiến quân Trung Nguyên cùng tiến đến khu vực thương Khâu. Chính trong lúc tiếng đại bác của chiến dịch Hoài Hải vừa nổ, trung Tướng phó tư lệnh của khu binh định thứ ba Quốc dân đảng là Hà Cơ Phong cùng với Trương Khắc Hiệp, đã soái lĩnh hai sư đoàn của quân đoàn 59, nửa sư đoàn của quân đoàn 77 tổng cộng hơn hai vạn ba ngàn quân khởi nghĩa ở khu vực Cổ Uông, Đài Nhi Trang, tạo điều kiện cực kỳ có lợi cho việc quân giải phóng cắt đứt đường rút lui của binh đoàn Hoàng Bá Thao rất nhanh chóng. được tin này Tướng Giới Thạch gầm lên như sấm, Tướng mơ hồ cảm thấy “tòa đại lâu” mà mình tu sửa xây dựng trong hơn hai mươi năm đã sắp sụp đổ. Sau khi Hà Cơ Phong và Trương Khắc Hiệp khởi nghĩa, lưu Kỳ nhìn thấy các cánh quân của giải phóng quân đã nhanh chóng tiến sát Từ Châu, đã vô cùng hoảng sợ; một mặt thúc giục Đỗ Duật Minh nhanh chóng tới Từ Châu, một mặt ra lệnh cho quân đội thuộc binh đoàn 7 của Hoàng Bá Thao nhanh chóng triệt thoái theo hóng Từ Châu. Ngày 8 tháng 11 Đỗ Duật Minh từ đảo Hồ Lô về tới Bắc Bình, khi hẳn biết được chủ lực quân Tưởng vẫn ở gần Từ Châu, được biết Tướng Giới Thạch đã thay đổi “kế hoạch quyết chiến ở Từ Bạng” mà mình đặt ra từ trước, Đỗ Duật Minh dự cảm thấy thất bại là điều khó tránh khỏi, thực tế chiến trường đang chờ đợi Đỗ Duật Minh đã trở thành một pháp trường. Khi Phó Tác Nghĩa mời hẳn ăn cơm, trong tiếng cụng ly hẳn nghe nói Hà Cơ Phong, Trương Khắc Hiệp soái lĩnh quân đội “phản biến”, tư Tưởng hẳn càng thêm hỗn loạn. Ngày hôm sau, Đỗ Duật Minh bay tới Nam Kinh, trước hết tới tham gia hội nghị quốc phòng do Tướng Giới Thạch triệu tập ở đường Hoàng Phố. Chính trong thời gian hội nghị, quân giải phóng từ ba mặt bắc, đông, Nam đã bức tới gần binh đoàn 7, bao vây chặt 7 sư đoàn của Hoàng Bá Thao ở trong một khu vực nhỏ hẹp lấy Triền Trang Vu làm trung tâm. Sau khi nghe xong báo cáo của Quách Nhữ Khôi, Tướng Giới Thạch liên tục nói với Đỗ Duật Minh:

- Nhất định phải giải vây cho Hoàng Bá Thao. Ta đã thay ông chuẩn bị sẵn máy bay rồi, tối hôm nay ông sẽ tới Từ Châu.

Từ Nam Kinh tới Từ Châu là một tuyến bay mà các phi công rất quen thuộc. Ai ngờ đêm hôm đó, máy bay bay thẳng lên bờ Hoàng Hà mà không sao tìm được Từ Châu, viên phi công lo sợ lái máy bay bay lộn ở trên không. Đỗ Duật Minh nghĩ bụng: Tình hình khẩn cấp như thế này, cuối cùng đã không tìm thấy Từ Châu, xem ra thì trận đánh này không thể không thất bại. Trước mắt máy bay đã không còn dầu nữa, mới

phát hiện một ánh đèn ở bên trái phía trước mặt. Hạ cánh xuống sân bay Từ Châu, đã là hơn một giờ sáng. Có thể nhìn thấy lúc này các sĩ quan binh lính của Tướng Giới Thạch đã không còn ý chí chiến đấu nữa, năng lực tác chiến đã giảm yếu ghê gớm, chiến trường Hoài Hải sao lại không thất bại được?

Sau khi Hoàng Bá Thao bị bao vây, Tướng Giới Thạch lại thay đổi quyết tâm, quyết định đưa bộ đội chủ lực tập kết về xung quanh Từ Châu, quyết chiến với giải phóng quân. Một mặt Tướng ra lệnh cho Hoàng Bá Thao ra sức sửa chữa công sự, cố thủ chờ viện trợ; ra lệnh cho hai binh đoàn của Khâu Thanh Tuyền và 13 binh đoàn của Lý Di tăng viện về phía đông cho Hoàng Bá Thao; còn đem binh đoàn Hoàng Duy thuộc hàng ngũ “Tiểu Tổng” Hoa Trung từ Xác sơn điều tới để chi viện cho Từ Châu, hơn thế còn báo cho các Tướng lĩnh tiền tuyến biết rằng: “Cuộc quyết chiến Từ Hoài thực sự là mấu chốt quan trọng lớn nhất trong việc thành bại cách mạng và tồn vong đất nước của ta”, cần phải “Đoàn kết chiến đấu gian khổ, giành lấy tất thắng”.[23] Thế nhưng chính trong chiến dịch cần phải “Đoàn kết chiến đấu gian khổ” này, hai binh đoàn của Khâu Thanh Tuyền và Lý Di đã hành động chậm chễ, không muốn cử chủ lực tăng viện cho quân đội tập nham Hoàng Bá Thao. Lần này Hoàng Bá Thao tới chiến trường Hoài Hải, trên thực tế là đái tội lập công. Hoàng Bá Thao không phải là hệ học sinh Hoàng Phổ, lại chẳng có hậu đài cứng rắn. Trong cuộc chiến đấu ở Mạnh lương Cổ, một độ Tướng Giới Thạch cho rằng Hoàng Bá Thao không chịu cứu viện Tướng Linh Phủ mà dẫn đến sư đoàn 74 chính biên bị tiêu diệt, đã chuẩn bị giết Hoàng Bá Thao để làm gong thị chúng. Hoàng Bá Thao bèn lấy cái chết để đổi lấy mạng sống, đã chủ động gánh vác trách nhiệm thay cho Thang Ân Bá và Cố Chúc Đồng, khiến cho hai người bọn họ đã gỡ trách nhiệm cho hẳn ở trước mặt Tướng, Hoàng Bá Thao mới ôm án kỷ luật “Cách chức lưu nhiệm” tới mặt trận Hoài Hải để xung phong vào trận cho Tướng Giới Thạch. Do vậy Khâu Thanh Tuyền và Lý Di căn bản chẳng coi Hoàng Bá Thao ở trong con mắt. Khi binh đoàn Hoàng Bá Thao bị quân giải phóng bao vây, Khâu Thanh Tuyền và Lý Di đều nhìn thấy Tướng Giới Thạch vì danh nghĩa cứu viện Hoàng Bá Thao mà phải tiến hành quyết chiến với giải phóng quân, cho nên khi trên đường đi tăng viện đã vấp phải quân giải phóng đón đánh, đã hành động chậm trễ, họ đã tận mắt nhìn gần tám vạn quân của binh đoàn Hoàng Bá Thao bị quân giải phóng hoàn toàn tiêu diệt, Hoàng Bá Thao đã tự sát sau khi bị thương. Dương Đình Yến từ bên cạnh Hoàng Bá Thao trốn ra được nói, Hoàng Bá Thao trước khi chết vẫn còn hỏi, binh đoàn của Lý Di đã đi về phía đông cứu viện ta, tại sao lúc đầu không ở gần Tào Bát để yểm hộ ta rút về hướng Tây? Thực tế này đã đánh một dấu hỏi bí mật về sự bại binh ở Hoài Hải của Tướng Giới Thạch, là lời chú thích rõ ràng nhất đối với cái chết của Hoàng Bá Thao. Sau mấy ngày, binh đoàn Hoàng Duy lại bị quân giải phóng vây khốn ở Nam Bình tập, Song Đồi tập.

Ngày 28 tháng 11 Tướng Giới Thạch lại có quyết định bỏ Từ Châu, rút về giữ Hoài Nam, thế nhưng điều này đã khó có thể cứu vãn được cục diện thất bại của chiến dịch Hoài Hải. Căn cứ vào kế hoạch rút lui của Tướng Giới Thạch, Đỗ Duật Minh đã ra lệnh cho hai binh đoàn của Khâu Thanh Tuyền và Tôn Nguyên lương tiếp tục men theo đường Tân Phố tấn công về phía nam để mê hoặc giải phóng quân, hạ lệnh cho binh đoàn Lý Di yểm hộ cho chủ lực của cánh trái được an toàn khi rút lui, còn mình thì soái lĩnh ba binh đoàn, các nhân viên cơ quan chính Đảng Từ Châu, các thanh niên học sinh bị ép buộc cộng khoảng 30 vạn người, đêm 1 tháng 12 rút khỏi Từ Châu, men theo đường Từ Châu Túc Huyền đến Vĩnh Thành về phía Tây. Ra khỏi thành Từ Châu, các sĩ quan và binh lính tranh nhau chạy tháo thân, trên các xe cộ nhân viên chen chúc chật ních, cuộc hành quân vô cùng hỗn loạn. Sau khi Tướng Giới Thạch ngồi trên máy bay trinh sát được cảnh này, vừa lo lắng cho cuộc “chạy trốn vu hồi” của Đỗ Duật Minh, dốc tâm trốn về Tây, lại vừa dùng máy bay thả dù xuống một bức thư viết tay, hạ lệnh cho hắn thay đổi phương hướng, hợp đồng với binh đoàn 6 bắc tiến ở Bạng Phụ, hai cánh quân nam bắc đánh khép gọng kìm vào Dà chiến quân Trung nguyên. Cuộc “chỉ huy bằng bút” lần này của Tướng Giới Thạch, đã dẫn đến mấy vạn người của Đỗ Duật Minh bị quân giải phóng nhân dân bao vây chặt cả vòng trong lẫn vòng ngoài ở khu vực Trần Quan Trang, Thanh Long tập, Lý Thạch Lam. Tướng Giới Thạch những muốn đích thân tới chỉ huy để trốn thoát vận mệnh thất bại, kết quả luôn luôn lại là chỉ huy càng nhiều, thất bại càng thảm hại. Bộ chỉ huy của Đỗ Duật Minh đặt tại Trần Quang Trang. Một hôm, Đỗ Duật Minh đang cắt tóc ở trong sân bộ chỉ huy, bốn xung quanh sân này đều là nhà cửa, giữa có một gốc cây. Bên cạnh có người nói gốc cây này rất không cát lợi, trong khuôn viên bốn mặt ở giữa mọc một gốc cây, đó vừa hay chính là chữ “khốn”. Đỗ Duật Minh vừa nghe nói, lập tức hạ lệnh chặt đứt ngay cây đó đi. Điều này cũng giống hệt như trước đây Khâu Thanh Tuyền không bằng lòng đem bộ đội đang ở thương Khâu vậy, hẳn cho rằng thương Khâu nhất định là “gò bị thương” vậy. Tuy gốc cây ở trong sân bộ chỉ huy đã bị chặt đứt, thế mà Đỗ Duật Minh

khó có thể phá nổi trùng trùng vòng vây khốn của quân giải phóng. Sau khi binh đoàn Hoàng Duy bị bao vây, hẳn rất sợ lại đi theo con đường cũ của Hoàng Bá Thao, nên đã tìm trăm phương ngàn kế để đột phá vòng vây ra ngoài. Hoàng Duy nói với bộ hạ rằng:

- Chúng ta không thể nằm chờ được, thế thì phải lăn mà chạy chứ!

Ai ngờ đột phá mấy hôm, ngay đến lăn cũng chẳng thể lăn ra được. Hoàng Duy liền yêu cầu nhân viên y tế trao cho hăm một gói thuốc ngủ liều cao, để chuẩn bị khi cần thiết sẽ uống thuốc tự sát. Sau khi Tưởng Giới Thạch được biết Hoàng Duy bị vây, đã từng viết thư yêu cầu Hoàng Duy phá vây. Tưởng Giới Thạch luôn nghĩ dùng những lá thư viết tay của mình coi đó là “đội quân tăng viện”, là một loại sức mạnh vạn năng. Bức thư này còn chưa kịp gửi đi, Tưởng Giới Thạch lại thay đổi chủ ý. Tưởng đã ý thức được, chỉ đơn thuần dựa vào sức mạnh của bản thân binh đoàn Hoàng Duy thì không có cách gì đột phá được vòng vây trùng điệp của quân giải phóng tức thì Tưởng lại hạ lệnh cho binh đoàn Hoàng Duy “cố thủ chờ viện binh”, không được khinh động”, một mặt lại bắt Đỗ Duật Minh đi cứu Hoàng Duy. Kết quả ra sao? Hoàng Duy không được cứu thoát mà Đỗ Duật Minh lại bị quân giải phóng bao vây. Lúc này, Tưởng Giới Thạch đã tìm trăm phương ngàn kế bưng bít tình hình ở chiến trường, đã không cho Hoàng Duy biết Hoàng Bá Thao bị tiêu diệt, cũng không muốn để cho Hoàng Duy biết Đỗ Duật Minh đang bị vây khốn, để tránh quân tâm dao động. Thế nhưng Tưởng Giới Thạch đã thất vọng, Đài phát thanh mặt trận của Quân giải phóng nhân dân suốt ngày phát thanh “Thức dục Hoàng Duy lập tức đầu hàng” của lưu Bá Thừa và Trần Nghị phát ra. Các sĩ quan và binh lính quân Tưởng ở mặt trận sau khi nghe bài phát thanh này đã tranh giành nhau ra đầu hàng quân giải phóng. Hoàng Duy đã cự tuyệt việc hạ vũ khí đầu hàng còn bắn tung khí độc điên cuồng dấy chết, thế nhưng cũng không thoát khỏi vận mệnh bị tiêu diệt, bản thân Hoàng Duy cũng trở thành tù binh của quân giải phóng.

Sau khi tập đoàn của Đỗ Duật Minh bị bao vây, lương thực đạn dược không được đầy đủ, mỗi ngày chỉ dựa vào hơn một trăm chiếc máy bay thả dù tiếp tế. Lúc đó vùng chiến khu gió ma mù mịt. nhiệt độ hạ thấp, máy bay không thể thả dù được, rất nhiều binh sĩ đã bị chết rét và chết đói. Trên trận địa còn xuất hiện cảnh tượng thê thảm là ăn thịt người chết. Có những binh sĩ còn tranh thủ lúc đêm khuya trời vắng chạy lên trận địa quân giải phóng để tìm thức ăn, dần dần phát triển thành trung đội, thành đại đội, thậm chí thành tiểu đoàn ra đầu hàng quân giải phóng. Để thoát khỏi khốn cảnh, Đỗ Duật Minh từng kiến nghị với Tưởng Giới Thạch tập trung binh lực của Tây An và Vũ Hán, quyết chiến với quân giải phóng tại khu vực Hoài Hải. Thế nhưng Tưởng Giới Thạch lúc này đã bị quân chúng chống lại, người thân xa lìa, Bạch Sùng Hy ngồi trấn giữ Vũ Hán không những không cứu viện mà còn ngấm ngầm cầu chúc Đỗ Duật Minh sớm bị tiêu diệt; Hồ Tông Nam ở tận Tây Bắc xa xôi, tự lo cho mình còn chưa xong; Lý Tông Nhân lại đang níu tay Tưởng Giới Thạch, khiến cho Tưởng sống trong cảnh thỏ chết cáo buồn, muốn cứu Đỗ Duật Minh mà không có sức để cứu. Ngày 10 tháng 1 năm 1949, tập đoàn Đỗ Duật Minh bị giải phóng quân tiêu diệt hoàn toàn, sĩ quan tư lệnh binh đoàn 2 Khâu Thanh Tuyên bị bắn chết, phó tổng tư lệnh “Tiểu Tổng” Từ Châu Đỗ Duật Minh bị bắt sống, chỉ có số ít người như Lý Di v.v... hóa trang nên đã trốn thoát. Trong chiến dịch Hoài Hải, 22 quân đoàn bộ, 56 sư đoàn, bao gồm cả quân đoàn 5, quân đoàn 18 “Năm chủ lực lớn” của Tưởng Giới Thạch, đã hoàn toàn bị tiêu diệt. Từ Châu đã được giải phóng, các thành phố quan trọng như Nam Kinh, thượng Hải, Vũ Hán v.v.. đã nằm dưới sự uy hiếp trực tiếp của Quân giải phóng. Từ trong nhiều lần trấn trở bỏ hay giữ Từ Châu của Tưởng Giới Thạch, mọi người có thể nhìn thấy sĩ khí của mấy chục vạn quân đội “Tiểu Tổng” Từ Châu Quốc dân đảng đã hoàn toàn giảm sút, binh lính không còn ý chí chiến đấu nữa, giữa các Tướng lĩnh cao cấp thì tranh giành đấu đá hục hặc với nhau, giữa các binh đoàn và các tập đoàn chiến lược thì tính đến so kè chỉ mưu đồ lợi ích riêng mà không có tinh thần chi viện lẫn nhau. Mọi người lại có thể nhìn thấy Tưởng Giới Thạch độc đoán chuyên quyền, chỉ huy mù quáng đã dẫn tới hậu quả nghiêm trọng là thất bại nặng nề. Lịch sử đã vạch trần một cách khách quan và vô tình tính tất yếu phải bại binh ở Hoài Hải của Tưởng Giới Thạch là dĩ nhiên!

4. Tưởng Giới Thạch để mất Bình Tân như thế nào ?

Trong ba chiến dịch lớn của thời kỳ chiến tranh giải phóng, chiến dịch Liêu Thẩm và chiến dịch Hoài Hải, hai phía của cuộc chiến đều đấu trí đấu dũng giành thắng bại trong tiếng đại bác và tiếng súng gay gắt. ở trên chiến trường Bình Tân bọn Quốc dân đảng đóng giữ hơn 50 vạn quân, sau khi quân giải phóng

nhân dân hạ được Tân Bảo An, Trương Gia Khẩu và Thiên Tân, 25 vạn bộ đội Bắc Bình đã bình tĩnh tiếp nhận sự chuyển đổi hòa bình, đô thành văn hóa Cổ kinh không vấp phải sự tàn phá của khói lửa chiến tranh, tài sản tính mệnh của 2 triệu dân cư đã tránh khỏi tai họa của cuộc chiến. Trong pho sách lịch sử không lồ của chiến tranh lại đã được tăng thêm một trang “Phong thức Bắc Bình”. Quân đội là “Hòn Ngọc” của Tưởng Giới Thạch. Trong bước gay go khấn cấp của cuộc chiến tranh giải phóng, Tưởng Giới Thạch đã để mất Thiên Tân và Bắc Bình như thế nào? Đã không may mắn luyện tiếu, bàn giao toàn vẹn 25 vạn quân đội cho giải phóng quân như thế nào? Đây lại là một điều bí mật trong sự thất bại ở trên đại lục của Tưởng Giới Thạch. Muốn vén lên bức màn bí mật này, trước hết phải hiểu rõ cuộc hành trình tới Nam Kinh vào mùa thu năm 1948 của Phó Tác Nghĩa Tổng tư lệnh “Tiểu phi” Hoa Bắc thuộc quân đội Quốc dân đảng.

Khi chiến dịch Liêu Thẩm kết thúc, trên vành đai hẹp và dài hơn 500 kilômét, từ Sơn Hải Quan đường Bắc Ninh khu vực Hoa Bắc tới Trương Gia Khẩu đường Bình Tuy, sắp đặt có 4 binh đoàn, 12 quân đoàn, 42 sư đoàn (Lữ đoàn) ớc khoảng hơn 50 vạn người do Phó Tác Nghĩa chỉ huy. Số quân đội này tương đối phức tạp, trên danh nghĩa đều thuộc Bộ tổng tư lệnh “Tiểu phi” Hoa Bắc, trên thực tế lại chia ra hai phe phái lớn thuộc Phó và thuộc Tưởng. Trong 42 sư đoàn (Lữ) này chỉ có 17 sư đoàn (Lữ) thuộc phe phái Phó Tác Nghĩa, còn 25 sư đoàn (Lữ) thuộc hệ thống Tưởng Giới Thạch. Đối với quân đội thuộc phái Tưởng, Phó Tác Nghĩa chỉ huy gặp rất nhiều khó khăn. Thậm chí có người nói, số quân đội thuộc Tưởng này là do Tưởng Giới Thạch cố ý cài cắm ở Hoa Bắc để kiềm chế Phó Tác Nghĩa. Mỗi khi nghe nói những câu như vậy Phó Tác Nghĩa đều nghiêm khắc ngăn chặn, nhưng từ trong lòng Phó Tác Nghĩa đã có chủ trương riêng. Sau khi tập đoàn của Vệ Lập Hoàng ở Đông Bắc bị tiêu diệt, Phó Tác Nghĩa phải đối mặt với sự đả kích liên hiệp của quân giải phóng Đông Bắc và quân giải phóng Hoa Bắc, sa vào tình trạng nguy kịch, nên cố thủ các khu vực Bình, Tân, tương, Đường hay là thực hành chiến lược triệt thoái di chuyển về phía nam? Cần phải nhanh chóng lựa chọn. Chính là vì mang theo một vấn đề trọng đại như vậy, ngày 4 tháng 11 Phó Tác Nghĩa đã tới Nam Kinh gặp Tưởng Giới Thạch. Khi Phó Tác Nghĩa tới Nam Kinh lần này, cuộc đại chiến Hoài Hải vừa đung vào đã bùng nổ, Tưởng Giới Thạch đang buồn bực sâu khổ vì tình thế bất lợi ở khu vực Từ Bạng. Đối với vị Tổng tư lệnh trong tay có hơn 50 vạn quân này, Tưởng Giới Thạch rất coi trọng, lập tức sắp xếp cho Phó Tác Nghĩa tham dự hội nghị quân sự tối cao. Trên hội nghị Tưởng Giới Thạch yêu cầu Phó Tác Nghĩa trao đổi về tình hình Hoa Bắc sau khi kết thúc chiến dịch “Liêu Thẩm.” Phó Tác Nghĩa luôn miệng nói rất khó khăn, rất khó khăn, không chịu nói ra ý kiến cụ thể. Ngày hôm sau, Phó Tác Nghĩa lại đề xuất rõ ràng chính xác việc xây dựng trận địa hình vòng cung ở trên đoạn đường 60 kilômét Thiên Tân Đường Cô; xây dựng tập đoàn lô cốt ở giữa Bình Tân, để ứng chiến với quân giải phóng vào Quan. Trong cuốn “Dân quốc cao cấp Tướng lĩnh liệt truyện” viết: Phó Tác Nghĩa tràn đầy niềm tin Tưởng nói với Tưởng Giới Thạch: “Đối với tình hình Hoa Bắc, tôi không bị quan giống như người khác nói đâu, tôi tự tin rằng còn có biện pháp xoay chuyển được cục diện nguy hiểm ở Hoa Bắc. phương án rút lui về Nam, chẳng phải là khi vạn bất đắc dĩ mới phải sử dụng hay sao? Bởi vì kiên trì giữ Hoa Bắc là toàn cục, rút lui về giữ đông nam là an phận. Bài giáo huấn dạy dỗ của lịch sử đáng để ta suy ngẫm sâu xa!” Tưởng Giới Thạch đã đồng ý ý kiến của Phó Tác Nghĩa! Tưởng Giới Thạch rất giỏi giở trò hai mặt, trong tình hình các chiến trường toàn quốc liên tiếp thất lợi, Tưởng Giới Thạch muốn lôi kéo những người nắm giữ quân đội hùng hậu như kiểu Phó Tác Nghĩa. Thế nhưng Tưởng Giới Thạch đề xuất yêu cầu Phó Tác Nghĩa soái lĩnh quân đội rút về nam, đảm nhận chức “Trông quan hành chính Đông Nam”. Phó Tác Nghĩa không bằng lòng rút về nam, có ý đồ khi nguy cấp ở Bình Tân sẽ dẫn quân rút về phía Tây, về tổ cũ Tuy Viễn. Có thể thấy được, khi Tưởng Giới Thạch hội kiến với Phó Tác Nghĩa, đã biểu hiện ra hành động do dự bất quyết như thế nào đối với hơn 50 vạn quân ở khu vực Hoa Bắc, hành động ở Nam Kinh của Phó Tác Nghĩa cũng chưa nhận được một định kiến nào của Tưởng Giới Thạch. Lẽ dĩ nhiên Phó Tác Nghĩa có cách nghĩ riêng của mình, làm một tổng tư lệnh, Phó phải chịu trách nhiệm với hơn 50 vạn quân đội của mình. Phó Tác Nghĩa không giống như Vệ Lập Hoàng và Lưu Kỳ, Phó cũng không phải là tâm phúc của Tưởng Giới Thạch, bộ đội của Phó cũng không phải là bộ đội con cháu của Tưởng Giới Thạch, mặc dù có người gọi nó là quân đội của Phó, lực lượng cũng kém xa so với Quảng Tây của Lý Tông Nhân, Bạch Sùng Hy, càng khó có thể chống đối với quân đội của Tưởng được. Do vậy, mặc dầu Phó Tác Nghĩa làm “Tổng tư lệnh” một phương dưới tay Tưởng Giới Thạch, thế nhưng đối với những mảnh khoe quen thuộc như thôn tính, bài xích người khác cánh của Tưởng Giới Thạch, Phó vẫn luôn cảnh giác đề phòng sâu sắc, thường xuyên đốp chát không tỏ ra mềm, chẳng tỏ ra rắn đối với Tưởng Giới Thạch. Những năm xa xa Phó Tác Nghĩa tốt nghiệp trường sĩ quan lục

quân Bảo Định từng đảm nhiệm chức sĩ quan thực tập 10 trung đoàn bộ binh độc lập ở Diêm Tích Sơn. Khi kết thúc đại chiến Trung Nguyên, bộ đội của Phó Tác Nghĩa bị Tưởng Giới Thạch cải biên, đảm nhiệm chức quân đoàn trưởng quân đoàn 35, năm 1931 lại đảm nhiệm chức Chủ tịch Chính phủ tỉnh Tuy Viễn. Phó Tác Nghĩa luyện quân có chương trình phép tắc riêng của mình. Phó yêu cầu bộ đội dới quyền không ăn uống chơi gái và cờ bạc, không ý thể đục khoét bắt bí tống tiền, không ăn của đút lót phá pháp luật, hễ có kẻ xúc phạm, tất sẽ bị trừng trị nghiêm khắc. Khi Tưởng Giới Thạch để cho Phó Tác Nghĩa đảm nhận chức Tổng tư lệnh “Tiểu Phỉ” Hoa Bắc còn cài cắm Trần Kế Thừa đặc vụ quân thông ở bên cạnh Phó Tác Nghĩa đảm nhận chức phó tư lệnh kiêm tổng tư lệnh cảnh vệ Bắc Bình, theo dõi Phó Tác Nghĩa ở mọi nơi. Đối với điều này, Phó Tác Nghĩa từng bực tức nói:

- Muốn dùng hai sợi dây thừng Trung thống, Quân thông để trói buộc chân tay ta, bắt ta làm ng khuyến trong cửa nhà địa chủ cường hào để cản chân những dân chúng tới gõ cửa xin ăn, thì ta không làm đâu!

Có thể nhìn thấy vết rạn nứt sâu sắc giữa Phó Tác Nghĩa với Tưởng Giới Thạch đến mức độ nào. Chuyến đi Nam Kinh trong lúc gió mây mịt mù, ít nhiều đã tăng sâu nỗi niềm không mấy vui vẻ ở trong lòng Phó Tác Nghĩa. Cuộc chiến tranh giải phóng tiến hành đến cuối năm 1948, tòa biệt thự của vương triều họ Tưởng sắp sửa xiêu đổ, quân đội Quốc dân đảng đã thất bại ở khắp mọi nơi. Tưởng Giới Thạch suốt ngày lo lắng bất an, dùng tận hết tâm sức mà cũng chẳng vớt được một “sợi cỏ cứu mệnh” nào, đối với cố đô Bắc Bình này quyết không chịu dễ dàng vứt bỏ. Thế nhưng đối với tình thế của Bắc Bình Tưởng Giới Thạch không lo lắng sốt ruột như đối với Từ Châu, chủ yếu xuất phát từ hai điều suy nghĩ. Một là, Tưởng Giới Thạch đã nhìn thấy quân đội của Lâm Bu sau khi kết thúc chiến dịch Liêu Thẩm nhất định có thể sẽ vào Quan, thế nhưng chí ít cũng phải qua an đông chinh đồn ba tháng mới có thể nhập Quan tác chiến được. Hai là Tưởng Giới Thạch dự đoán Lâm Bu chỉ có thể điều 50 vạn quân nhập quan tác chiến, mà Phó Tác Nghĩa cũng có 50 vạn quân, trong thời gian ba tháng nghỉ ngơi chinh đồn của quân đội Lâm Bu, Phó Tác Nghĩa còn có thể mở rộng bổ sung 20 vạn quân, có thực lực ứng phó với chiến cuộc. Do đó, hy vọng Phó Tác Nghĩa điều chỉnh quân đội tạm thời giữ chắc lấy khu vực Bình, Tân, Trương. Thế nhưng hành động của quân giải phóng hoàn toàn vượt ra ngoài dự liệu của Tưởng Giới Thạch. Thời kỳ sau chiến tranh giải phóng, Mao Trạch Đông đã coi ba chiến dịch lớn Liêu Thẩm, Hoài Hải. Bình Tân như một bàn cờ tiến hành vận trù toàn cục. Chiến dịch Liêu Thẩm còn chưa kết thúc, Mao Trạch Đông lại bắt đầu sắp đặt chiến dịch Hoài Hải và chiến dịch Bình Tân. Hai chiến dịch lớn này lại chiếu cố tương ứng lẫn cho nhau, trên chiến trường Hoài Hải có “Miếng ăn (Hoàng Duy), miếng gắp (vây khốn Đỗ Duật Minh), miếng chờ (ngăn cản Lý Diên Niên, lưu Nhữ Minh)”; trên chiến trường Bình Tân có “vây mà không đánh”, “cách mà không vây”. Để thực hiện tổng mục tiêu giải phóng toàn Trung quốc, Mao Trạch Đông đã có cách nghĩ cơ bản là phải tiêu diệt tại chỗ quân đội Tưởng Giới Thạch ở khu vực Đông Bắc, Hoa Bắc và Hoa Đông. Khi chiến dịch Liêu Đông sắp sửa kết thúc, Mao Trạch Đông đã đánh điện cho Lâm Bu yêu cầu đem đạo quân thứ 4, thứ 11 và sư đoàn 4, 6, 8, sư đoàn kỵ binh độc lập ở Nhiệt Hà tổ chức thành binh đoàn tiền trạm, do tư lệnh binh đoàn 2 Trình Tử Hoa, tham mưu trưởng Hoàng Chí Dũng dẫn quân vào Quan trước, quân chủ lực sau khi tiêu diệt quân địch ở Thẩm Dương, Doanh khẩu, nghỉ ngơi chinh đồn một tháng, sẽ nhập Quan sau. Theo sự phát triển của chiến cuộc, để kìm giữ tập đoàn của Phó Tác Nghĩa ở khu vực Hoa Bắc, Mao Trạch Đông lại ra lệnh cho Dã chiến quân Đông Bắc dừng lại nghỉ ngơi chinh đồn, nâng sớm ngày 22 tháng 11, đi tắt đường với tốc độ nhanh nhất, bí mật nhập Quan. như vậy, trên thực tế bộ đội của Lâm Bu chỉ sau khi kết thúc chiến dịch Liêu Thẩm 21 ngày đã nhanh chóng nhập Quan tác chiến, chứ không phải là ba tháng như Tưởng Giới Thạch phán đoán. Bộ đội quân dã chiến Đông Bắc nhập vào Quan là 12 đạo quân bộ binh, một đạo quân đường sắt, hai sở chỉ huy pháo binh mặt đất (mỗi sở ba trung đoàn) và các bộ đội đặc chủng khác tổng cộng 55 sư đoàn ớc khoảng 80 vạn quân, cũng không phải là 50 vạn như Tưởng Giới Thạch tưởng tượng. Sự chỉ huy cao siêu của Mao Trạch Đông đã khiến cho Tưởng Giới Thạch liên tiếp phán đoán sai lầm trên một số vấn đề trọng đại, trên chiến trường Bình Tân đã không tránh khỏi thất bại. Mao Trạch Đông tinh thông “Tôn Tử Binh Pháp”, am hiểu sâu mu lược , đối với nghệ thuật chỉ huy Dương đông kích tây, hiện giả giấu thật, người đã vận dụng đến mức độ thuần thực. Mao Trạch Đông ra lệnh cho Lâm Bu đồng thời với việc dẫn Dã chiến quân Đông Bắc vào Quan, còn yêu cầu Tân hoa Xã, Đài phát thanh phát đi phát lại nhiều lần các loại tin tức như tin chiến thắng, mừng công, luyện binh, khai hội v.v... ở khu vực Đông Bắc của Dã chiến quân Đông bắc, tạo thành giả tượng quân giải phóng đang nghỉ ngơi chinh đồn ở Đông Bắc. Những cách làm này đều làm tê liệt Tưởng Giới Thạch một cách có hiệu quả, khiến cho Tưởng Giới Thạch càng lún càng sâu trong vũng

bùn thất bại. Sau khi chiến dịch Hoài Hải nổ súng, Tưởng Giới Thạch vô cùng do dự nên sử dụng tập đoàn Phó Tác Nghĩa, bộ phận binh lực duy nhất có thể cơ động này như thế nào. Căn cứ vào hình thái bất lợi của sự phát triển chiến tranh, Tưởng Giới Thạch vừa muốn lợi dụng tập đoàn Phó Tác Nghĩa ngăn cản giải phóng quân kéo xuống miền Nam, để giành thời gian cần thiết sắp xếp phòng tuyến Trường Giang, tiếp tục huấn luyện tân binh; lại muốn vận chuyển quân đội xuống phía nam theo đường biển; tăng cường lực lượng cho chiến trường Hoa Đông, tiến hành sự đẩy dụa cuối cùng. Phó Tác Nghĩa nhìn thấy bản thân mình bị kẹp giữa hai cánh quân giải phóng Đông Bắc và Hoa Bắc, luôn luôn đều có nguy hiểm bị “nuốt” sống, cũng đang tìm đối sách. Các quan chức văn võ đã nghĩ ra 3 phương án cho Phó Tác Nghĩa. Một là toàn quân Bình, Tân di chuyển về Sơn Tây, thông qua Tân nam và Hồ Minh Nam liên thành một mảng, bộ đội của Tuy Viễn thì rút về Ninh Hạ, Cam Túc. Thế nhưng làm như vậy thì khó có thể thúc đẩy được “Quân trung ương ” thuộc về Tưởng Giới Thạch. Phó Tác Nghĩa lo lắng không có con đường sau. Hai là đưa quân chủ lực liều chết giữ lấy Tân Cô Hải Khẩu, tiếp nhận viện trợ Mỹ. Lúc đó nước Mỹ đã từng trả lời miệng bằng lòng viện trợ Phó Tác Nghĩa 160 triệu đô la Mỹ, trên thực tế chỉ cấp cho có một phần mòi, cầm chén nước đi chữa cháy, chẳng giải quyết được việc gì. Ba là hai đội quân của Phó và đội quân của Tưởng chia thành hai ngả, quân đội của Phó Tác Nghĩa thì rút về Sát, Tuy. Thế nhưng Phó Tác Nghĩa qua suy nghĩ thận trọng đã quyết định tạm thời cố thủ vùng đất Bắc Bình, Thiên Tân và Trương Gia Khẩu, đảm bảo chắc chắn thương cô, Hải khẩu, để nhìn sự biến hóa của thời cuộc. Đối với những điều này, Tưởng Giới Thạch cũng chẳng có lời nào đáng nói. Bắt đầu từ trung tuần tháng 11, Phó Tác Nghĩa đã thu hẹp binh lực, điều chỉnh sắp xếp, trước sau lần lượt đã bỏ các đất Thừa Đức, Bảo Định, Sơn Hải Quan. Đảo Tân Hoàng v.v..., dùng 18 sư đoàn phòng thủ Bắc Bình và các khu vực Nam khẩu, Mật vân, Huyện Thông, Huyện Trác; dùng 16 sư đoàn phòng thủ Thiên Tân, Đường Cô, Đường Sơn, Huyện Loan; dùng 8 sư đoàn phòng thủ các khu vực Trương Gia Khẩu, Tuyên Hóa, Hoài Lai. Đồng thời, Phó Tác Nghĩa còn thông qua tổ chức Đảng bí mật ở Bắc Bình, liên hệ với Trung Ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc, phát ra một tín hiệu hòa bình. Thế nhưng, hành động của Tưởng Giới Thạch và Phó Tác Nghĩa đều nằm trong dự liệu của Mao Trạch Đông. Ngày mùng 7 tháng 11, Mao Trạch Đông đã dự kiến từ nay về sau tập đoàn Phó Tác Nghĩa khả năng có thể có ba động hướng, một là cố thủ Bình Tân; Hai là bỏ Bình Tân, quân đội Tưởng sẽ rút về một vùng Nam Kinh theo phía nam, quân đội Phó sẽ rút về Tuy Viễn hóng Tây; ba là quân đội của Tưởng và Phó đều rút về một vùng ở Nam Kinh. Mao Trạch Đông đã đánh điện cho Quân đã chiến Đông Bắc và Quân đã chiến Hoa Bắc, chỉ rõ việc quân Tưởng cố thủ Bình, Tân, đối với quân ta rất có lợi, do vậy yêu cầu quân giải phóng Đông Bắc và Hoa Bắc “Chú ý chặt chẽ động thái của hai cánh quân Tưởng và Phó ở Bình, Tân, Trương Gia Khẩu, Đường Sơn, Cẩm Tây và Đảo Hồ Lô“. Để khiến cho Phó Tác Nghĩa không cảm thấy cô lập mà tự động rút bỏ khu vực Bình, Tân, Trương rút về hóng Tây hoặc hóng Nam, Mao Trạch Đông còn yêu cầu binh đoàn thứ nhất của giải phóng quân dừng việc tiến đánh Thái Nguyên, nghỉ ngơi chỉnh đốn tại chỗ, yêu cầu Dã chiến Quân Đông Bắc nhập Quan sớm hơn, đột nhiên bao vây địch ở ba nơi là Đường Sơn, Đường Cô, Thiên Tân, cắt đứt đường giao thông từ thượng Hải rút về Nam; yêu cầu quân giải phóng ở mặt trận Hoài Hải “chỉ phòng ngự, không tiến công” đối với tập đoàn Đỗ Duật Minh trong một số ngày. Có thể nhìn thấy, ở trên chiến trường Bình Tân, vô luận là việc sắp xếp chiến lược hay là hành động chiến dịch, Mao Trạch Đông đều đi trước một bước, từng bước chủ động. Tưởng Giới Thạch luôn luôn sa vào trạng thái bị động, sao lại chẳng thất bại cho được?

Ngày 25 tháng 11, Mao Trạch Đông ra lệnh cho binh đoàn 2, binh đoàn 3 của Dã chiến Quân Hoa Bắc và binh đoàn tiền trạm Đông Bắc tiếp tục hành động, đến đầu tháng 12, đã cắt đứt được đường rút lui về phía Tây của quân Quốc dân đảng ở Trương Gia Khẩu cùng với sự liên hệ của Tuyên Hóa. Phó Tác Nghĩa cho rằng đây là một lần hành động cục bộ của quân đội quân khu Hoa Bắc, quyết định trước tiên đánh phá quân đội của quân khu Hoa Bắc, sau sẽ đối phó với Dã chiến quân đông Bắc, hạ lệnh cho hai sư đoàn của quân đoàn thứ 35 ở Phong Đào và một sư đoàn của quân đoàn 104 ở Hoài Lai phải nhanh chóng tăng viện cho Trương Gia Khẩu. Đầu tháng 12, Phó Tác Nghĩa phát hiện Đông Bắc Dã chiến Quân đã nhập Quan, khi mũi nhọn tiến công chĩa thẳng vào Bắc Bình, lại ra lệnh cho quân đoàn 35 của Quách Cảnh Vân trong đêm tối rút quân về Bắc Bình. Ai ngờ Quách Cảnh Vân vì tham lam vận chuyển một khối lượng lớn vật tư quân dụng của Trương Gia Khẩu mà hành động chậm chễ đã bị quân giải phóng cắt đứt mất đường rút lui. Đến ngày 11 tháng 12, Phó Tác Nghĩa đã có hai quân đoàn, 5 sư đoàn bị quân giải phóng “nuốt” chửng ở trên tuyến Bình Trương. Quân đoàn thứ 35 và binh đoàn bộ thứ 11, quân đoàn 105 là bộ đội làm nên sự nghiệp của Phó Tác Nghĩa cũng bị quân giải phóng bao vây chặt ở Tân Bảo An và Trương Gia

Khẩu. Lúc này, Phó Tác Nghĩa nhìn thấy đường thông chạy trốn về Tây của Tuy Viễn đã bị giải phóng quân cắt đứt, Bắc Kinh, Thiên Tân lại bị uy hiếp nghiêm trọng, cấp tốc điều chỉnh sự sắp đặt, thu nhỏ binh lực, thực hành “Phân khu phòng thủ” ở Bắc Bình, Thiên Tân, Đường cô. Nhưng vì thời gian đã muộn, ngày 13 tháng 12 quân giải phóng nhân dân đã bao vây Bắc Bình, khiến cho hệ thống quân đội của Phó và Tưởng đã phân cắt thành hai đợt Bình Tân. Khu vực Thiên Tân, Đường Cô cũng rất nhanh chóng bị quân giải phóng chia cắt bao vây. Lúc này, Phó Tác Nghĩa lại phái giám đốc “Bình Minh Nhật Báo” là Thôi Tải Chi và nhà báo Lý Bính Tuyên làm đại biểu, ra khỏi Thành để đàm phán với Quân giải phóng, mong muốn giải quyết hòa bình các vùng đất Trương Gia Khẩu, Bắc Bình, Thiên Tân v.v..Hành động này mặc dù cực kỳ bí mật, Tưởng Giới Thạch vẫn phát giác ra được. Trong đoạn thời gian đó Tưởng Giới Thạch bị những thất bại trên chiến trường Hoài Hải và sự “bức cung” của Lý Tông Nhân làm cho sôi đầu nát óc, không còn thì giờ để ý tới Phó Tác Nghĩa ở Bắc Bình. Khi Tưởng Giới Thạch được biết mấy chục vạn quân của Phó Tác Nghĩa có khuynh hướng “đầu hàng địch”, lúc này mới cảm thấy sự nghiêm trọng của vấn đề, vội vàng thay đổi sách lược, tìm trăm phương ngàn kế lôi kéo, dọa bức Phó Tác Nghĩa. Ngày 14 tháng 1 năm 1949, Mao Trạch Đông phát biểu “Tuyên bố đối với thời cuộc”, đề xuất ra 8 điều kiện đàm phán hòa bình. Tưởng Giới Thạch nghi ngờ, lo lắng Phó Tác Nghĩa đã có những thỏa thuận ngầm nào đó với giải phóng quân, vội vàng ngay hôm đó đã cử Bộ trưởng quân lệnh Từ Vĩnh xương tới Bắc Bình, yêu cầu Phó Tác Nghĩa phải chia quân đội thành hai đường rút về Đường Cô và Thanh Đảo, để tiện nhằm thời cơ vận chuyển về Nam. Phó Tác Nghĩa tỏ ra khách khí mời Từ Vĩnh xương hãy mau mau trở về Nam Kinh. Ngày hôm đó giải phóng quân phát động tổng công kích Thiên Tân, chỉ trong 29 tiếng đồng hồ, 13 vạn quân hoàn toàn bị tiêu diệt, phó tư lệnh phòng khu Tân Đường kiêm tư lệnh cảnh vệ Thiên Tân Trần Trường Tiệp bị bắt sống. Thiên Tân được giải phóng là một đòn giáng thẳng vào đầu Tưởng Giới Thạch. Ngày 16 tháng 1, Bộ tư lệnh mặt trận Bình Tân của quân giải phóng đã gửi bức thông điệp tới hậu cho Phó Tác Nghĩa, yêu cầu Phó Tác Nghĩa hoặc là hạ vũ khí hoặc là tiếp nhận thay đổi hòa bình. Tưởng Giới Thạch lại vội vàng cử Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Trịnh Thế Dân tới Bắc Bình, khuyên thuyết Phó Tác Nghĩa. Trịnh Thế Dân còn phát cho các sĩ quan từ cấp sư đoàn trở lên mỗi người một bức thư có ký tên Tưởng Giới Thạch, ngoài mặt yêu cầu mọi người phải phục tùng sự chỉ huy của Phó Tác Nghĩa, bên trong thì ngầm ngầm bí mật hội họp với các sĩ quan cao cấp thuộc đích hệ của Tưởng Giới Thạch, hòng đào khoét chân tường của Phó Tác Nghĩa. Tưởng Giới Thạch còn cử con thứ của Tưởng là Tưởng Vĩ quốc tới Bắc Bình, lại một lần nữa can khuyên Phó tác Nghĩa rút quân về Nam. Tưởng Giới Thạch còn bắt Tưởng Vĩ Quốc cầm đến cho Phó Tác Nghĩa một lá thư viết tay, nhấn mạnh nhiều lần rằng “Ngàn quân dễ kiếm, một Tướng khó tìm” tỏ ra rất tín nhiệm, trân trọng đối với Phó Tác Nghĩa, lại một lần nữa đề xuất Phó Tác Nghĩa dẫn quân đội phá khỏi vòng vây. Thế nhưng, tất cả những điều này đã chẳng còn tác dụng gì nữa. Phó Tác Nghĩa sớm đã triệu tập hội nghị sĩ quan từ cấp sư đoàn trở lên tại Hoài Nhân Đường Trung Nam Hải bí mật nghiên cứu thảo luận vấn đề hòa bình. Phó Tác Nghĩa biểu thị rõ rệt: Biện pháp giải quyết duy nhất của Bắc Bình là hòa bình, dùng quân sự đã không thể giải quyết được vấn đề của Trung Quốc nữa.

Tưởng Giới Thạch vẫn chưa chịu cam tâm, tối ngày 17 tháng 1, lại đánh cho Phó Tác Nghĩa một bức điện báo, kể lẽ trong nhiều năm lại đây chúng ta đã hiểu nhau rất sâu sắc, trong lúc nguy nan, Phó Tác Nghĩa nên tự có chủ trương, Tưởng cũng “không biết làm thế nào” nữa. Thế nhưng Tưởng yêu cầu Phó Tác Nghĩa phải làm một việc: Ngày 18 Tưởng sẽ cho máy bay tới Bắc Bình, vận chuyển các sĩ quan từ cấp thiếu tá trở lên của quân đoàn 13 cùng một số vũ khí quan trọng, mong Phó Tác Nghĩa nể tình hữu hảo trong nhiều năm, tạo điều kiện hỗ trợ. Phó Tác Nghĩa thông qua nội tuyến, truyền báo tình hình này cho Bộ tư lệnh liên hợp Bình Tân của quân giải phóng biết, đã đập tan mộng Tưởng hòng vận chuyển quân “tinh nhuệ” của Tưởng bằng máy bay đi. Khi Tưởng Giới Thạch nhận được điện trả lời của Phó Tác Nghĩa, Tưởng đã cảm thấy hoàn toàn tuyệt vọng đối với Bắc Bình và đối với Phó Tác Nghĩa. Ngày 21 tháng 1, chính vào ngày Tưởng Giới Thạch bị bức phải từ chức lần thứ 3, Phó Tác Nghĩa đã triệu tập các nhân viên quân chính cao cấp dưới quyền họp tại Trung Nam Hải, tuyên bố tán thành “Hiệp nghị đối với vấn đề giải quyết Bắc Bình theo hướng hòa bình” với Quân giải phóng. Khi tư lệnh binh đoàn 9 quân đích hệ Tưởng Giới Thạch là Thạch Giác và tư lệnh binh đoàn 4 là Lý Văn yêu cầu được trở về Nam Kinh, Phó Tác Nghĩa đã không ngăn cản. Ngày 31 tháng 1, Quân giải phóng nhân dân tiến vào đóng giữ thành phố Bắc Bình, Bắc Bình đã được tuyên bố giải phóng hòa bình. Chỉ trong vòng 64 ngày, dưới sự chỉ huy của Mao Trạch Đông, Quân giải phóng đã tiêu diệt và cải biến 13 quân đoàn bộ, 50 sư đoàn, tổng cộng hơn 52 vạn người của Quốc dân đảng, về phía mình chỉ thương vong 3,9 vạn người. Ngoài tập đoàn Hồ

Tông Nam của Tây Bắc ra, quân đội Tưởng Giới Thạch từ phía bắc Trường Giang trở lên đều bị tiêu diệt sạch sẽ, chỉ còn lại một nửa giang sơn của Giang Nam. Ngày 22 tháng 2, Phó Tác Nghĩa nhận lời triệu tập đã ngồi máy bay tới Thạch Gia Trang, lại ngồi xe tới Tây Bách Pha Huyện Bình Sơn, yết kiến những người lãnh đạo quân giải phóng như Mao Trạch Đông. Chu Ân Lai, Chu Đức Vu. Buổi tối hôm đó, Mao Trạch Đông tới nơi ở của Phó Tác Nghĩa, Phó Tác Nghĩa vội vã đi mấy bước, giơ cả hai tay, bắt chặt tay Mao Trạch Đông. Không để cho Mao Trạch Đông kịp nói, Phó Tác Nghĩa đã tranh nói trước: Tôi có tội!

Mao Trạch Đông thân thiết nắm tay Phó Tác Nghĩa, hóm hỉnh nói:

- Trước đây chúng ta đã gặp mặt nhau ở trên chiến trường, điều đó đã rõ ràng. Hôm nay chúng ta là họ hàng thân thiết, khó bỏ khó rời nhau. Tưởng Giới Thạch suốt đời giở trò láu cá, cuối cùng thì ông đã bỏ xa hẳn rồi!

Mao Trạch Đông nói một câu nhẹ nhàng thoải mái, thế nhưng đã vạch ra được bản chất bí mật về sự thất bại của Tưởng Giới Thạch.

5. Tưởng Giới Thạch bố trí xây dựng phòng tuyến Trường Giang thế nào ?

Tưởng Giới Thạch vật lộn với Mao Trạch Đông mấy chục năm, điều thương tâm nhất không gì hơn là thảm bại ở Nam Kinh, thượng Hải, mất hơn 40 vạn quân đội do Thang Ân Bá chỉ huy. Thất bại này, khiến cho Tưởng Giới Thạch tự cảm thấy giang sơn toi đẹp rộng hơn 9 triệu kilômét vuông “hầu như không còn một mảnh đất cắm dùi”, không thể không chạy trốn tới hòn đảo Đài Loan cô độc xa cách đại lục để dựng xây sự nghiệp. Khi Tưởng Giới Thạch bá biệt phần mộ của mẹ, bước lên núi Phụng Hoàng, ngồi lên chiến hạm hiệu “Thái Khang” lái ra ngoài cửa khẩu Ngô Tùng, mặc dù đã nghiêng răng nghiêng lợi nói: “Ta phải trở lại, nhất định ta phải phản công đại lục, trở về quê hương ...”, Thế nhưng “Tâm tình đờn đau nặng trĩu, thì không có bút mực nào có thể miêu tả hình dung được chỉ một phần vạn”. Tại sao Tưởng Giới Thạch lại cảm thương với sự thất bại ở Nam Kinh, thượng Hải? Chẳng phải là Tưởng đã bắt buộc phải từ chức từ ngày 21 tháng 1 năm 1949 rồi sao? Há chẳng phải, Tưởng Giới Thạch chỉ từ chức chứ không từ quyền, trên thực tế, quân đội Quốc dân đảng vẫn do Tưởng Giới Thạch chỉ huy. Việc từ chức của Tưởng Giới Thạch chỉ là từ trước màn lùi ra sau màn mà thôi. Cuộc chiến tranh giải phóng tiến hành tới đầu năm 1949, tổng binh lực mà quân đội Quốc dân đảng bị tổn thất đã tới gần 5 triệu quân, quân chính quy tàn tồn chỉ có 227 sư đoàn với 1 triệu 15 vạn người, kể cả các binh chủng đặc biệt, các cơ quan, trường học và bộ đội địa phương, tổng binh lực cùng chỉ có 2 triệu 4 vạn người. Thắng lợi vĩ đại của ba chiến dịch lớn Liêu Thẩm, Hoài Hải, Bình Tân của quân giải phóng từ trên căn bản đã làm dao động, lung lay ách thống trị phản động của Tưởng Giới Thạch. Về các mặt quân sự, chính trị, kinh tế v.v.. của Quốc dân đảng đều đã lâm vào cảnh tuyệt vọng. Thế nhưng Tưởng Giới Thạch, đã không chịu cam tâm với thất bại ở trên chiến trường phương Bắc. Tưởng đã giống hệt như một con bạc vẫn còn vài xu nên không chịu rời khỏi sòng bạc, Tưởng vẫn cuồn cuộn dựa vào phần nửa giang sơn còn lại ở phía nam Trường Giang, lại chinh đồn quân đội, hòng một phen quật khởi.

Trường Giang là con sông lớn thứ nhất của Trung Quốc, mặt sông vùng hạ du chỗ rộng nhất đạt tới trên 10 kilômét, vào tháng 4, 5 hàng năm mức nước bắt đầu dâng cao, kỳ nước lũ hoa đào tháng 5 chẳng những mực nước đột ngột dâng mạnh, sóng gió cũng cao tới hơn 5 mét. Mỗi lần gặp hải triều lớn, dòng xoáy nước sông chảy ngược được các nhà quân sự gọi là một dòng cách trở tự nhiên. Men theo dòng sông, đại đa số là mạng lưới ruộng lúa nước của các tỉnh, dòng nước sông tung hoành, hồ đầm rải rác, rất bất lợi cho hành động của các binh đoàn. Thảm bại trên chiến trường Liêu Thẩm, Hoài Hải, Bình Tân, đã khiến cho Tưởng Giới Thạch đã đem “Cửa bấu” áp đặt lên dòng cách trở tự nhiên ở Trường Giang này. Khi Tưởng Giới Thạch từ chức trở về Khê Khẩu Phụng Hóa Triết Giang, cũng đem phương án sắp đặt tác chiến ven theo bờ Trường Giang này về Phụng Hóa. Tưởng Giới Thạch về tới Phụng Hóa không lâu, lại bí mật triệu tập Hội nghị quân sự cỡ nhỏ bao gồm các Tướng lĩnh cao cấp như Hà ứng Khâm, Cố Chúc Đồng, Thang Ân Bá v.v... quyết định đem phòng tuyến Trường Giang phân hoạch thành hai chiến khu lớn, lấy Hồ Khẩu làm ranh giới. Từ Hồ Khẩu trở sang phía Đông do Tổng tư Lệnh cảnh vệ Hồ Hàng Thang Ân Bá chỉ huy, Từ Hồ Khẩu trở về phía Tây trao cho Bạch Sùng Hy. Tưởng Giới Thạch nói với các tâm phúc của mình rằng: “Lấy phòng tuyến Trường Giang làm ngoại vi, lấy vùng đất tam giác Kinh

Hồ Hàng làm trọng điểm, lấy Tùng Hồ làm trung tâm, sử dụng phương châm phòng ngự lâu dài, cuối cùng kiên trì giữ Tùng Hồ để dao tương hô ứng với Đài Loan. Khi cần thiết chúng ta sẽ dùng u thế hải không quân từ Đài Loan chỉ viện cho Tùng Hồ, sau cùng chờ thời cơ phản công!” Đây chính là sự sắp xếp chiến lược được xác định sau khi thất bại ở ba chiến dịch lớn Liêu Thẩm, Hoài Hải. Bình Tân của Tưởng Giới Thạch. Căn cứ vào sự sắp xếp này của Tưởng Giới Thạch, đến đầu tháng 4 năm 1949, trên bờ sông Trường Giang dài hơn 1800 kilômét từ Nghi xương đến thượng Hải, quân đội Quốc dân đảng đã sắp xếp 70 vạn binh lính. Trong đó, trên phòng tuyến hơn 800 ki lô mét từ Hồ Khẩu của Giang Tây đến thượng Hải, 75 sư đoàn ớc 45 vạn lính của Thang Ân Bá phòng thủ. Trên phòng tuyến ớc 1000 kilômét từ Hồ Khẩu đến Nghi xương, do 45 sư đoàn ớc 25 vạn lính của Bạch Sùng Hy trưởng quan công sở quân chính Hoa Trung phòng giữ. Trong số 25 vạn người này còn có một số là quân đội của hệ thống Tưởng Giới Thạch. Ngoài ra, Tưởng Giới Thạch còn điều tập một bộ phận của hạm đội 2 hải quân phòng giữ biển và một số hạm đội phòng giữ sông tổng cộng 26 chiến hạm quân sự, 56 hạm đội pháo lần lượt đóng giữ ở các nơi như Nam Kinh, Vu hồ. Trấn Giang, thượng Hải, An Khánh v.v.; đã điều động máy bay của 4 đại đội không quân lần lượt lấy Nam Kinh, thượng Hải, Vũ Hán làm căn cứ, để chỉ viện cho lực quân tác chiến. Đối với sự sắp xếp phòng ngự trừ hoạch chu đáo tỉ mỉ như thế này, lúc mới bắt đầu đối với quyền tổng thống Lý Tông Nhân và trưởng ban quân chính Hoa Trung Bạch Sùng Hy, Tưởng Giới Thạch cũng vẫn còn giữ bí mật. Tưởng Giới Thạch chỉ cho người đem phương án sắp xếp từ Hồ khẩu về phía Tây trao cho Bạch Sùng Hy, còn thi hành việc mật báo đối với quân đội hệ Tưởng đối quyền Bạch Sùng Hy, để cho Thang Ân Bá không chế vững chắc vùng đất tam giác Hồ Hàng làm trọng điểm sắp xếp. Khắc hẳn với trước đây, sự bố phòng Trường Giang được tiến hành đối chiêu bài “Hòa đàm” với Đảng Cộng sản Trung Quốc, chỉ là do Lý Tông Nhân chỉ huy “Hòa Đàm” ở trước đài, bản thân Tưởng Giới Thạch thì chỉ huy quân đội ở sau đài, vấn đề trọng đại của Hòa Đàm, Tưởng Giới Thạch cũng cần phải góp ý. Ngày 13 tháng 2 năm 1949, Lý Tông Nhân trước tiên phái cử “Đoàn Đại biểu hòa bình của nhân dân thượng Hải” tổ thành bởi bốn người là Nhạn Huệ Khanh, Trương Sĩ Siêu v.v., tới khách sạn Bắc Bình Lục quốc để ký hiệp định về vấn đề thông hàng, thông bu. Ngày 26 tháng 3, đoàn đại biểu Chính phủ Nam Kinh cùng đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Trung Quốc hợp thành do Chu Ân Lai, Lâm Bá Cừ, Lâm Bu, Diệp Kiếm Anh, Lý Duy Hán v.v... đã tiến hành đàm phán ở Bắc Bình, thế nhưng Chính phủ Quốc dân đảng không có thiện chí đàm phán, chỉ mượn đàm phán làm cái cớ, tranh thủ thời gian, mở rộng biên chế quân đội, xây dựng phòng tuyến Trường Giang. Thang Ân Bá phụ trách phòng thủ đoạn đường hạ du Trường Giang là một trong ba đầu số quân sự của chính quyền Tưởng Giới Thạch, sau khi kết thúc cuộc kháng chiến đã cùng phân chia việc nắm giữ quân đội với Trần Thành, Hồ Tông Nam, tự phong là “Vua Trung nguyên”. Sau khi Tưởng Giới Thạch đem trách nhiệm nặng nề phòng thủ thiên hiểm Trường Giang, bảo đảm chắc chắn một nửa giang san Giang Nam, đối lập với Đảng Cộng sản trao cho Thang Ân Bá, Thang Ân Bá đã phí hết tâm can, dùng một số ít binh lực khổng chế một số cứ điểm nào đó ở trên bờ Giang bắc làm trận địa cảnh giới, dùng 54 sư đoàn chủ lực bố phòng ở bờ nam Trường Giang, trọng điểm đặt ở vùng đất phía đông Nam Kinh, trên đê sông bờ nam Trường Giang khắp nơi đều xây đắp chiến hào, trong những vách đá dốc núi cheo leo còn dựng nên những pháo đài cao to, các cửa sông bến bãi, không những xây dựng hàng loạt lô cốt, còn bắc lên những mạng lưới dây thép gai; ở trung tâm còn đặt phối hợp những lực lượng cơ động nhất định. Hễ giải phóng quân vượt sông thì lợi dụng sự hiểm trở của Trường Giang và những công sự đã xây dựng, với sự phối hợp của hải quân và không quân, sẽ tiêu diệt ngay quân giải phóng ở giữa dòng hoặc ở trận địa đầu bến. Vạn nhất, có đoạn đất cá biệt nào bị giải phóng quân đột phá cũng có thể rút về thượng Hải theo đường sắt Triết công tổ chức phòng ngự mới. Thang Ân Bá cảm thấy sự sắp xếp này của mình hoàn toàn có thể khiến cho Tưởng Giới Thạch yên tâm. So sánh với giải phóng quân, quân đội của Thang Ân Bá, trên mặt trang bị, trên mặt hỏa lực đều ở vào u thế, lại còn sự phối hợp của hải quân và không quân nữa, điều này đủ để tạo ra sát thương lớn nặng nề cho giải phóng quân. Hơn nữa quân đội của Thang phòng thủ ở cách sông, lấy sự an nhàn xử trí sự vất vả mệt nhọc. Trước mặt giải phóng quân có Trường Giang cách biệt hiểm trở, trong tình trạng không có công cụ giao thông hiện đại, mạo hiểm công kiên, cho dù có lên được bờ cũng chẳng có hậu phương. Những điều đó đều phạm vào đại kỵ trên mặt binh pháp. Hơn nữa Giải phóng quân từ bắc xuống nam, rất nhiều người không quen sóng nước, liệu có thể vượt qua được sóng gió trên mặt sông Trường Giang chăng? Do vậy, Thang Ân Bá rất lấy làm đắc ý nói trên hội nghị từ cấp trung đoàn trưởng trở lên của bộ đội phòng giữ tuyến Kinh Hồ rằng: “Chúng ta nhất định phải giữ chắc Trường Giang, mới có thể xoay chuyển được cục thế... Trường Giang đối với chúng ta mà nói, là mấu chốt của sống và chết, các bộ đội giữ sông quyết không thể tê liệt ý chí... Cộng quân từ trước không biết đánh trận địa chiến, chúng chỉ giỏi đánh kiểu du kích, Trên trời chúng ta

có máy bay, dới sông chúng ta có chiến hạm, trên bờ có phòng tuyến quan trọng, súng đạn chiếm u thế hơn cộng quân, đối với những thuyền nhỏ của dân lên trộm qua sông thì không đáng phải suy nghĩ”. Thang Ân Bá còn mọn những thứ này để lấy lòng, làm cho Tưởng Giới Thạch vui vẻ. Thế nhưng, những cố gắng này của Thang Ân Bá cũng không thể làm đẹp giấc mộng của Tưởng Giới Thạch, mu đồ cuồng vọng giữ chắc nửa phần giang sơn của Tưởng Giới Thạch đã bị Mao Trạch Đông đập tan rất nhanh chóng. Đầu năm 1949, giải phóng quân nhân dân thông qua việc thống nhất chính biên và bổ sung quân số, tổng binh lực đã đạt tới 4 triệu người. Trên mặt số lượng đã vượt quá quân đội Quốc dân đảng gần 2 triệu người. Từ trước cha hề chỉ huy qua một đội quân lớn mạnh như thế này bao giờ, Mao Trạch Đông cho rằng “Chỉ có triệt để tiêu diệt bọn phản động ở Trung Quốc, đuổi cút thế lực xâm lược của bọn đế quốc Mỹ ra khỏi Trung Quốc, Trung Quốc mới có thể có độc lập, mới có thể có dân chủ, mới có thể có hòa bình”[24], giải phóng quân nhân dân cần phải không chút dao động tiến quân xuống phía Nam Trường Giang. Trong tháng 2 và tháng 3, Mao Trạch Đông đã điều động tập trung 21 quân đoàn và bộ đội địa phương gồm 1 triệu quân của hai Dã chiến quân thuộc Trần Nghị và Lưu Bá Thừa, chuẩn bị trong tháng 4 sẽ vượt sông Nam Tiến, tiêu diệt tập đoàn Thang Ân Bá, đầu tiên cướp lấy các vùng Nam Kinh, thượng Hải, Hàng Châu, sau đó lại tiến về phía Nam. Sau khi 1 triệu đại quân giải phóng quân tiến đến gần bờ bắc Trường Giang, đã tiến hành công việc chuẩn bị vượt sông rất khẩn trương, đã trình sát tường tận sự sắp xếp phòng ngự của quân đội Quốc dân đảng, đã điều tra tìm hiểu thủy tính của Trường Giang và địa hình của bờ bên kia, đã triển khai cuộc luyện tập chiến thuật, kỹ thuật vượt sông ở nơi cường độ rộng nhất và mạng lưới ruộng lúa nước nhiều nhất. được sự ủng hộ và giúp đỡ của Đảng và quần chúng nhân dân địa phương đã tập hợp được hơn 9400 chiếc thuyền gỗ, đã động viên được trên một vạn người lái thuyền theo quân đội tham gia chiến đấu, đã bồi dưỡng huấn luyện được mấy ngàn thủy thủ bộ đội để bảo đảm nhu cầu vượt qua sông Trường Giang. Để giúp đỡ bộ đội tác chiến, chính quyền địa phương đã tổ chức hơn 3 triệu dân công lâm thời, tổ chức xây dựng thành 16 trung đoàn dân công phục vụ quân đội, thực hiện được khẩu hiệu “Cần lương có lương, cần người có người, cần thuyền có thuyền” quân đội đánh đến đâu, quần chúng nhân dân chi viện đến đấy. Tất cả những điều này, sau khi đã thất bại. Tưởng Giới Thạch đã suy nghĩ tới hàng trăm lần mà vẫn không tìm được lời giải. Trong tiếng trống tiếng chiêng dồn dập sắp xếp binh lực ở bên bờ sông Trường Giang, đoàn đại biểu song phương Quốc dân đảng và Cộng sản đã tiến hành cuộc đàm phán hòa bình chính thức ở Điện Cần chính Trung Nam Hải Bắc Kinh. Mao Trạch Đông bằng lòng tiến hành đàm phán hòa bình với Chính phủ phản động Quốc dân đảng Nam Kinh cùng bất kỳ Chính phủ Quốc dân đảng nào khác hoặc các tập đoàn quân sự, chính là đã suy nghĩ tới cuộc đàm phán này nếu có thể thành công sẽ có lợi ích rất to lớn đối với việc quân giải phóng tiến quân về phương nam và chiếm lĩnh các thành phố lớn ở phương nam. Lẽ đương nhiên, quyết tâm của Mao Trạch Đông đã định, bất luận là hòa hay chiến, giải phóng quân đều phải vượt qua sông, cần phải tiến hành cuộc cách mạng tới cùng. Do đó, khi Quốc dân đảng đề xuất ra hơn 40 điều sửa chữa ý kiến về “Phương án dự thảo hiệp định hòa bình trong nước” đã được nêu ra trên cơ sở 8 nguyên tắc, đoàn đại biểu Trung cộng đã biểu thị không thể nhượng bộ. Thậm chí Chu Ân Lai đã thẳng thắn nói: “Cuộc cách mạng ngày nay, quyết không thể giống như cuộc cách mạng Tân Hợi và cuộc chiến tranh Bắc phạt, do vì thỏa hiệp giữa chúng mà đã khiến cho bọn phản động giành được thắng lợi cuối cùng!”[25]. Trước mắt đã nhìn thấy “Trăm vạn hùng binh vượt qua sông lớn” đã sắp trở thành sự thực, một số Tướng lĩnh cao cấp của Quốc dân đảng cho rằng: “Mặc dù điều kiện hòa bình đàm phán mà Trung cộng nêu ra có quá cao một chút, nếu có thể hiểu biết được điều đạo lý “Chiến bại cầu hòa” “Thiên hạ là của chung”, không bị khốn khổ bởi tư lợi của một phe một phái, coi nguyên khí của quốc gia, sinh mệnh tài sản của nhân dân làm trọng, thế thì chỉ có cách thẳng thắn tiếp nhận; dùng thành tâm thừa nhận sai lầm, lấy dũng khí tiếp thu thất bại, thế thì đối với đất nước, đối với nhân dân, đối với Quốc dân đảng sẽ bảo toàn được thực nhiều, thế thì sẽ tốt hơn việc ngoan cố tới cùng thất bại tới cùng!” Thế nhưng, Tưởng Giới Thạch vẫn không cam tâm với thất bại của mình, Tưởng vẫn còn thù mộng đẹp trong việc thống trị một nửa giang sơn vùng Giang Nam. Tưởng Giới Thạch đã viết trong nhật ký: “Cộng phi đối với 24 điều khoản mà đoàn đại biểu chính phủ nêu ra những điều kiện xét lại, đúng là những điều kiện giải quyết đầu hàng vô điều kiện... Ta chủ trương một mặt cứ nêu ra phương án trả lời giao cho Cộng phi, một mặt cự tuyệt những điều kiện của họ”. Mộng đẹp của Tưởng Giới Thạch không dài. Hàng triệu đạo quân giải phóng quân nhân dân đã tuân theo mệnh lệnh “Phấn đấu anh dũng tiến lên, kiên quyết, triệt để, tiêu diệt sạch sẽ toàn bộ bọn phản động Quốc dân đảng dám chống lại” của Mao Trạch Đông, Chu Đức phát động ra, sáng sớm ngày 21 tháng 4, trên chiến tuyến dài hơn 500 kilômét từ Hồ Khẩu đến Giang Âm, đã vượt qua Trường Giang, vượt qua sự ngăn cản của pháo hạm và pháo phòng thủ mặt sông của địch, chiếm giữ các trận địa bên sông. Hệ thống phòng ngự

ven sông của quân Quốc dân đảng rất nhanh chóng đã bị quân giải phóng đột phá toàn tuyến. Hơn 7000 sĩ quan binh lính Quốc dân đảng và 25 tàu chiến của hạm đội 2 hải quân ở Yếu Trại Giang Âm lần lượt tiến hành khởi nghĩa, 23 tàu chiến đã đầu hàng giải phóng quân ở mặt sông Trần Giang. Buổi chiều ngày thứ hai, Thang Ân Bá bị bức triệt thoái ra khỏi Nam Kinh. Ngày 23, Nam Kinh được giải phóng, ách thống trị phản động suốt 22 năm của Quốc dân đảng từ đây đã tuyên cáo diệt vong. Đối mặt với sự tấn công dũng mãnh của giải phóng quân, Tưởng Giới Thạch tự thân sắp đặt rút về chiếm giữ thượng Hải cùng với tập đoàn Thang Ân Bá ở các khu vực xung quanh gồm 25 sư đoàn ớc khoảng 20 vạn người, âm mưu dựa vào nguồn tài nguyên vật tư phong phú và hơn 4000 công sự vững chắc của thượng Hải để tiếp tục ngoan cường chống lại. thượng Hải nằm trên bờ Đông Hải là thành phố và Trung tâm công thương nghiệp lớn nhất của Trung Quốc, cũng là khu vực tụ tập của các thế lực phản động, tình hình chính trị vô cùng phức tạp. Vùng ngoại ô thượng Hải địa hình bằng phẳng, thôn làng dày đặc, sông ngòi luồn lạch dọc ngang không tiện cho sự cơ động của các binh đoàn lớn. Tưởng Giới Thạch vọng Tưởng mượn địa hình có lợi cho việc phòng thủ này tranh thủ thời gian vận chuyển vật t, đâu có biết sự phòng ngự của thượng Hải cũng chỉ là một miếng “đậu phụ”. Ngày 12 tháng 5, giải phóng quân đã bắt đầu phát khởi tấn công vào các trận địa ngoại vi thượng Hải, từng trận địa một lần lượt rơi vào trong tay giải phóng quân. Ngày 23 tháng 5, Tưởng Giới Thạch điều động năm trung đoàn của Thang Ân Bá tác chiến với quân giải phóng ở một vùng Kim Gia Kiều, kết quả là lại vấp phải thảm bại. Lúc này, Tưởng Giới Thạch mới nhận thức được cục diện thất bại đã không còn cách nào cứu vãn được, đành để cho Thang Ân Bá hạ lệnh tổng triệt thoái. Ngày 26 thượng Hải giải phóng, tập đoàn Thang Ân Bá ngoài 54 quân đoàn ớc khoảng 5 vạn tên bước lên tàu thủy chạy trốn ra, số còn lại 15 vạn người toàn bộ bị tiêu diệt hết. Trọng điểm phòng ngự lấy Hộ Hàng làm trung tâm do Tưởng Giới Thạch xác định đã hoàn toàn tan rã. Trong chiến dịch vớt sông, mấy chục vạn quân đội của quốc dân đảng tại sao lại thất bại thảm hại đến như vậy? Phòng tuyến Trường Giang mà Tưởng Giới Thạch gửi gắm hi vọng rất lớn tại sao lại không chịu đựng với một đòn đánh của quân giải phóng? Tưởng Giới Thạch đã từng nói với một tên Tướng lĩnh tâm phúc của mình rằng: “Nguyên nhân chủ yếu nhất mà chúng ta thất bại trên mặt quân sự chính là ý chí chiến đấu của quân đội chúng ta quá bạc nhược! Một sư đoàn, thậm chí một quân đoàn vừa bị Cộng phi bao vây, chỉ có vài tiếng đồng hồ hoặc nhiều nhất là một hai ngày, đã bị cộng phi hoàn toàn tiêu diệt. Hành động của Cộng phi chơi voi chấp chơi, quân ta thường không dễ dàng tìm thấy chủ lực của chúng để tiến hành quyết chiến. Một đơn vị bộ đội bị bao vây, nếu một sĩ quan chỉ huy đứng cảm bình tĩnh, tìm chọn những điểm quan trọng, cố thủ chờ đợi chi viện, vốn là thời cơ tốt nhất để cho quân ta tóm bắt và tiêu diệt Cộng phi; thế nhưng mỗi khi quân đội tăng viện sắp sửa tới nơi, thì quân đội bị bao vây đã bị nuốt sống hết sạch rồi. Kết quả vẫn luôn luôn chỉ là hằng hệt, thế rồi cũng khiến cho các quân đội khác ở vào tình trạng gân trụng sức kiệt, tạo ra rất nhiều khe hở để cho cộng quân len vào. Và như vậy, làm cho lực lượng của cộng phi ngày càng lớn mạnh lên, còn chúng ta thì ngày càng suy yếu. Trong thời kỳ kháng chiến, một đơn vị bộ đội nhỏ bé của Nhật bản, trấn giữ một cứ điểm, chúng ta dùng binh lực gấp mấy lần, thậm chí gấp mười lần, bao vây tấn công nhiều ngày không thể đánh hạ được, chính là bởi vì quân đội Nhật Bản có tinh thần Võ Sĩ đạo, sĩ quan và binh lính coi cái chết như đi về nhà mình. Trong thời kỳ trước đây chúng ta thống nhất Lũng Quảng và Bắc Phạt, có thể lấy ít đánh nhiều, lấy một địch mười, là bởi vì sĩ quan và binh lính có tinh thần cách mạng không tham tài, không sợ chết. Trong thời gian kháng chiến, rất nhiều bộ đội trên đại thể có thể gìn giữ được tinh thần truyền thống này, anh dũng phấn đấu. Thế nhưng sau khi kháng chiến thắng lợi, rất nhiều bộ đội đã hoàn toàn chôn vùi mất tinh thần này, đặc biệt là trong rất nhiều các sĩ quan trung, cao cấp, lợi dụng cơ hội sau khi kháng chiến thắng lợi tới tiếp thu các thành phố lớn đã vơ vét tiền của, buôn bán, mua nhà cửa tài sản tham hám nữ sắc, sa hoa dâm dật, đồi bại, trụy lạc, làm cho trên dưới xa rời nhau, quân đội không còn ý chí chiến đấu. Đây chính là nguyên nhân căn bản làm cho chúng ta thất bại trên mặt quân sự. Những lời nói này của Tưởng Giới Thạch đã vén lên bức màn bí mật về sự bại binh của mình một cách hết sức sinh động!

6. Vì sao Tưởng Giới Thạch bị thất bại ở Trung Nam ?

Sáng sớm ngày mùng 7 tháng 5 năm 1949, trong sương mù mờ mịt Tưởng Giới Thạch ngồi trên tàu thủy rời khỏi thượng Hải. Trong Nhật ký ngày hôm đó Tưởng Giới Thạch ghi rằng: Bất kể tiền đồ gian nan như thế nào ông cũng phải “phấn đấu tiến lên không mệt mỏi, không sợ hãi mặc dù Tưởng đã nhìn thấy “Vết thương cũ chưa lành, vết thương mới lại sâu thêm”, thế nhưng không cam tâm với thất bại của mình, Tưởng nói với mình rằng: “Mắt ta đã nhìn thấy sự nguy vong của dân tộc Trung Hoa sao không thể

gạt nước mắt mà tiến lên cho được? Con đường tiến lên ai chẳng biết là rất khó khăn, thế nhưng đừng có sợ... Ngày nay chúng ta cần phải tiến lên! Đừng có thoái lui! Đừng có thoái lui! Hãy tiến lên!”. Con cả Tưởng Kinh Quốc của Tưởng cũng nói: Cha tôi đang “cổ vũ dũng khí lớn nhất, vọt muôn trùng sóng gió, tiến lên theo hóng tiền đồ lóe lên một tia sáng” trong đêm dài dằng dặc. Tiền đồ “lóe lên một tia sáng” này ở đâu ? Phòng tuyến Trường Giang của Quốc dân đảng bị Giải phóng quân phá vỡ, sau khi chiến trường Hoa Bắc, Tây Bắc nhiều lần vấp phải thất bại, hệ thống phòng ngự của nó đã bị sập đổ triệt để, 1 triệu 50 vạn quân lính còn lại phân bố ở trong một số tỉnh Trung Nam, Tây Nam, Tây Bắc ở vào tình trạng cực kỳ cô độc nguy hiểm. Thế nhưng Tưởng Giới Thạch vẫn có ý đồ dựa vào một chút lực lượng này, dựa vào thế hiểm để chống cự ở các tỉnh biên giới xa xôi, chờ đợi cơ hội quật khởi, trong đó, đối với Bạch Sùng Hy ở Trung Nam, Tưởng đặc biệt gửi gắm niềm hy vọng lớn lao. Bạch Sùng Hy là một trong những lãnh tụ tỉnh Quảng Tây của Quốc dân đảng, từ trước đã có biệt hiệu là “Tiểu Gia Cát”. Bạch Sùng Hy từ những năm trước đã học ở trường lục quân sơ cấp tỉnh Quảng Tây, trường quân pháp chính trị Quảng Tây, sau khi gia nhập Quốc dân đảng năm 1924, đảm nhiệm chức Tổng tham mưu trưởng liên quân đánh cướp tỉnh Quảng Tây, kiêm Tổng chỉ huy tiền phương, tham mưu trưởng quân đoàn 2 Quảng Tây, cùng tiểu trừ quân phiệt ở Quảng Tây cũ với Lý Tông Nhân, Hoàng Thiệu Hồng đã khống chế tỉnh Quảng Tây, là một viên chiến tướng rất có ảnh hưởng lúc đó. Năm 1924 sau khi tiến vào thượng Hải, kiêm nhiệm tư lệnh quân cảnh vệ Tùng Hộ, đi theo Tưởng Giới Thạch. Thế nhưng Bạch Sùng Hy và Tưởng Giới Thạch mỗi người đều có sự tính toán riêng, khó có được sự hợp tác thật tâm thành ý. Trước hết là trong cuộc chiến tranh ở Quảng Tây của Tưởng sau hai năm Bạch Sùng Hy đã thất bại trong cuộc va chạm vũ khí, bị bức phải trốn về hương Cảng; sau đó là trong sự biến Lũng Quảng, Bạch Sùng Hy cùng tham dự vào cuộc nổi loạn. Thế nhưng xuất phát từ đòi hỏi của việc thống trị Trung Quốc, Tưởng Giới Thạch không thể thỏa hiệp với một số người như Bạch Sùng Hy, hơn thế còn để cho Bạch Sùng Hy đảm nhiệm chức Phó tổng tư lệnh Lộ quân thứ 5. Sau khi kết thúc cuộc kháng chiến, Tưởng Giới Thạch còn phát động cuộc nội chiến toàn diện, rất cần đến viên chiến tướng Bạch Sùng Hy này, sau khi Bộ lục quân đổi thành Bộ quốc phòng, liền rộng rãi hào hiệp trao cho Bạch Sùng Hy chức Bộ trưởng Bộ quốc phòng. Thế nhưng, tựa hồ như Bạch Sùng Hy không cảm kích trước sự vun trồng của Tưởng Tổng tài sau khi Bạch Sùng Hy nắm giữ quyền chỉ huy của quân đội liền đề xuất với Tưởng Giới Thạch nguyên tắc chiến lược “Giữ Giang tất giữ Hoài”, chủ trương Hoa Trung chỉ có thể thiết lập một chiến khu, chống đối lại với Tưởng Giới Thạch. Năm 1948, Bạch Sùng Hy lại vẽ đường cho hươu chạy trong việc Lý Tông Nhân ra tranh cử chức Phó tổng thống, khiến cho Tưởng Giới Thạch cực kỳ đau đớn khó chịu. Trong lúc nguy nan, Tưởng Giới Thạch chẳng kể gì oán hận xa, phải lôi kéo Bạch Sùng Hy, thực sự khổ tâm vì ở bên cạnh không có một chiến tướng đặc lực, đồng thời cũng có tâm lý may mắn; Trong lúc thất bại ở Giang Bắc, đại lâu của vương triều họ Tưởng nghiêng đổ, mong muốn “Tiểu Gia Cát” trở phép thuật trở về trời. Ngày 22 tháng 4, ngày thứ hai giải phóng quân đột phá phòng tuyến Trường Giang, Tưởng Giới Thạch triệu Bạch Sùng Hy tới Hàng Châu, tham dự hội nghị quân sự khẩn cấp. Trên hội nghị, Tưởng Giới Thạch dùng hết cách lôi kéo, yêu cầu Bạch Sùng Hy kiên trì giữ lấy các tỉnh tương Ngạc Cống (Hồ Nam, Hồ Bắc và Giang Tây). Trong lúc nguy nan, Tưởng Giới Thạch còn khăng khải phát cho Bạch Sùng Hy 4 triệu đồng bạc trắng khi không lĩnh được tiền mặt ở Ngân hàng trung ương. Tưởng Giới Thạch lại quyết định dùng hơn 1 vạn lạng vàng quy đổi thành tiền, rồi phái chuyên cơ đưa tới Hán Khẩu. Thủ đoạn này của Tưởng Giới Thạch đã đánh trúng tim của Bạch Sùng Hy. Mặc dù Bạch Sùng Hy đã sớm nhìn thấy đại thế của tập đoàn thống trị Quốc dân đảng đã trôi qua, thế nhưng cũng quyết không muốn đem địa bàn mà mình xây dựng bao nhiêu năm nhẹ nhàng thoải mái trao cho Giải phóng quân được, không thể phục quốc cũng phải chống cộng. Hơn một vạn lạng vàng cuối cùng đã trở thành một loại lực lượng lớn mạnh. Lúc đó, khu vực Trung nam còn có 73 sư đoàn gồm hơn 40 vạn quân của tập đoàn Bạch Sùng Hy và D Hán Mu Bộ. Quân đội của Bạch Sùng Hy đóng giữ ở các tỉnh tương Ngạc Cống tổng cộng có 21 quân đoàn gồm 30 vạn tên. Căn cứ vào ý kiến trao đổi của Tưởng Giới Thạch, Bạch Sùng Hy sẽ sắp đặt 6 quân đoàn ở ven bờ Trường Giang giữa Ba Đông tới Nhạc Dương cùng với khu vực phía Nam; sắp đặt 7 quân đoàn ở tuyến Cửu Lĩnh Sơn, Mịch La Giang, Động Đình Hồ. Đem 4 quân đoàn của Trình Tiềm và Trần Minh Nhân đặt ở khu vực Trường Sa, tương Đàm; Số bộ đội còn lại thì đóng ở Quế Lâm, thường Đức, Toại Xuyên, Cống châu v.v.. Khu vực Trung Nam phần lớn là núi cao vách đứng, sông ngòi ngang dọc, đường xá gồ ghề, rất nhiều vùng đất trồng lúa nước, thời tiết viêm nhiệt nhiều ma còn thường lưu hành các bệnh dịch. Các tỉnh Tưởng, Việt, Quế (Quảng Đông, Quảng Tây) v.v... do bọn quân phiệt chiếm giữ lâu dài, rất nhiều dân tộc, tình hình xã hội rất phức tạp. Tưởng Giới Thạch âm mưu dựa vào lực lượng của Bạch Sùng Hy và điều kiện địa hình của khu vực Trung Nam, ngăn chặn Giải phóng quân nam tiến khống chế các tỉnh tương, Cống,

Việt, Quế v.v..Nếu gặp phải sự công kích của giải phóng quân, hoặc có thể rút lui về giữ khu Ngạc Tây Sơn, lấy Tứ Xuyên làm hậu phương, canh giữ nơi hiểm yếu cửa ngõ Xuyên Đông; hoặc có thể lui về giữ tương Nam, để bảo đảm an toàn cho Lũng Quảng. Bản tính toán như ý của Tưởng Giới Thạch có thể thực hiện được không? Quốc dân đảng ở Trung Nguyên tại sao lại thất bại như núi sập? Muốn vén lên tấm màn bí mật này, trước hết phải nhìn xem hành động của Bạch Sùng Hy như thế nào? Những mâu thuẫn rối rắm giữa Bạch Sùng Hy và Tưởng Giới Thạch bên trên đã lược kể qua, vào giờ khắc nguy nan, hơn một vạn lạng vàng của Tưởng Giới Thạch tuy đã hòa hoãn được mâu thuẫn của Bạch Sùng Hy và Tưởng Giới Thạch, thế nhưng mâu thuẫn giữa quân đội Tưởng và quân đội Quảng Tây vẫn còn chưa giải quyết được triệt để, mâu thuẫn giữa các sĩ quan thượng tầng với các sĩ quan trung hạ tầng của quân đội Tưởng cũng chưa được giải quyết. Bạch Sùng Hy và Tưởng Giới Thạch cũng là bằng mặt không bằng lòng. Các loại mâu thuẫn này không giờ nào, không khắc nào không xâm kích vào số quân đội trên 30 vạn người này. Trong số sĩ quan và binh lính Tưởng, những ký ức về các cuộc tranh cãi giữa Tưởng và Bạch vẫn đang còn như mới. Khi Đỗ Duật Minh bị vây, Tưởng Giới Thạch hạ lệnh cho Bạch Sùng Hy đem quân đoàn thứ hai của Sa Thị điều tới Bạng Phụ, Bạch Sùng Hy liền lấy lý do Vũ Hán là quan trọng, công nhiên nói với Tưởng Giới Thạch rằng:

- Những mệnh lệnh hợp lý tôi xin phục tùng, những mệnh lệnh không hợp lý tôi không thể tiếp thụ được! - Tưởng Giới Thạch bức tức quá ném máy điện thoại xuống, chửi lớn “Đ. mẹ!” Bạch Sùng Hy còn công khai cời mĩa Tưởng Giới Thạch: “Tưởng lão tổng chỉ huy tác chiến mà ngay đến một đại đội giao cảnh, một tiểu đoàn bộ binh cũng phải can thiệp vào, làm cho các Tướng lĩnh ở mặt trận bị trói tay trói chân, không thể nhúc nhích được. người ta nói Tưởng là sĩ quan chỉ huy bộ binh, tôi nói ông ta là sĩ quan chỉ huy súng trường”. Những lời nói này của Bạch Sùng Hy đã dẫn tới sự bất mãn gay gắt đối với các sĩ quan phái Tưởng như Tống Hy Liêm v.v..., thường xuyên va chạm đốp chát với Bạch Sùng Hy. Bạch Sùng Hy cũng oán trách kế hoạch tác chiến của mình khó có thể biến thành hiện thực. Bạch Sùng Hy đã nhận hơn một vạn lạng vàng của Tưởng Giới Thạch, cũng muốn xây dựng “Ngôi nhà trong thiên hạ” của mình. Đây là điều rất khiến cho Tưởng Giới Thạch cảm thấy bức tức. Tháng 10 năm đó, sau khi Bạch Sùng Hy thất bại lui về Quế Lâm, đã từng triệu tập hội nghị các nhân viên quân chính cao cấp trong tỉnh để họp, bố trí cái gọi là “chiến tranh tổng thể” mà Bạch chế đặt ra. Trên hội nghị Bạch Sùng Hy công khai nói, hiện tại Tưởng Giới Thạch nắm giữ Quốc dân đảng làm cho đảng quá thối nát. Trần Quả Phụ, Trần Lập Phu kéo bè kéo cánh, mọi người đều nói “Tướng quân thiên hạ, Trần quân Đảng”. Tôi cho rằng muốn đánh thắng cộng sản, cần phải bắt đầu từ việc chỉnh lý công việc của Đảng. Bạch Sùng Hy còn phân phát biểu đăng ký tham gia công tác chỉnh lý Đảng vụ Quốc dân đảng cho các thành viên tham gia hội nghị, điền hết vào trong biểu, rồi tuyên thệ với Bạch Sùng Hy, trong lời tuyên thệ có câu “Tôi xin trung thành tuyệt đối giữ tròn chức vụ, nếu chống lại kỷ cương của Đảng, tôi xin chịu sự trừng trị nghiêm khắc nhất”. Cách làm này cũng giống như Tưởng Giới Thạch tổ chức Phục Hưng Xã năm nào, chính là muốn mọi người phải trung thành với triều đình nhỏ của Bạch Sùng Hy. Sau khi Bạch Sùng Hy rút về Quảng Tây, một số Tướng lĩnh thuộc hệ Quảng Tây đã từng hỏi phương châm tác chiến về sau này, Bạch Sùng Hy thân nhiên tuyên bố: Quyết tâm ở khu vực giữa Đông Tuyên (Tây bắc huyện Lạc Mật) Trảng An(Đông Bắc huyện Dung) trước tiên giáng cho chúng một đòn đả kích; sau đó chiếm lĩnh bờ phía tây sông Hồng Thủy. Hơn thế dựa chặt vào An Nam thuộc Pháp, cố thủ tuyến bờ biển, chờ viện binh Mỹ tới, rồi sẽ có biện pháp. Bạch Sùng Hy còn có mưu đồ dựa vào nước Pháp, để tiện việc khi cần thiết sẽ rút sang Việt Nam, để cầu tìm sự viện trợ quốc tế về nhiều mặt. Những thủ đoạn này cũng vẫn là những thủ đoạn trước đây đã dùng để đối phó với Tưởng Giới Thạch ở Quảng Tây, chẳng giành được lợi lộc gì. Bây giờ Bạch Sùng Hy lại vọng Tưởng dùng nó để cứu vãn vận mệnh thất bại cũng chỉ là tốn công vô bổ, cuối cùng đành phải sống gửi ở Đài Loan. Những lời nói việc làm của Bạch Sùng Hy đã khiến cho Tưởng Giới Thạch quá thất vọng. Đây là một nhân tố thất bại ở Trung Nam của Tưởng. tư lệnh binh đoàn thứ nhất phòng thủ Trường Sa Trần Minh Nhân là một đội ngũ rất có sức chiến đấu của tập đoàn Bạch Sùng Hy. Ngay từ khi phòng thủ Vũ Hán, Trần Minh Nhân đã từng hò hét trên cửa miệng “Cần phải kiên quyết bảo vệ Vũ Hán, đánh tới người cuối cùng, Bạch Sùng Hy cho rằng Trần Minh Nhân kiên quyết chống cộng, rất yên tâm đối với Trần, không lâu đã điều động Trần Minh Nhân tới Trường Sa, Hồ Nam, trao cho nhiệm vụ quan trọng. Lúc đó Tưởng Giới Thạch và Bạch Sùng Hy đối với Trình Tiềm ở Trường Sa rất không yên tâm, hy vọng Trần Minh Nhân sẽ kiểm chế được Trình Tiềm ở Trường Sa. Thế nhưng Trần Minh Nhân soái lĩnh quân đoàn 39, quân đoàn 71, sau khi kéo tới Hồ Nam, Trường Sa, thường xuyên liên hệ với Trình Tiềm, Trần Minh Nhân còn đảm bảo dùng “ý chí làm ý chí” của Trình Tiềm, thế nhưng trong những trường hợp công

khai, Trần Minh Nhân vẫn là phái chủ chiến. Một lần, Trần Minh Nhân tham gia một hội nghị quan trọng thảo luận về tình thế Hồ Nam ở trong thành phố Trường Sa. Trên hội nghị mọi người tranh luận không ngừng đối với vấn đề “chiến” hay là “hòa”, Trần Minh Nhân nhìn thấy ở trong hội trường có đặc vụ cao cấp của Tưởng Giới Thạch và thân tín của Bạch Sùng Hy, liền chẳng chút do dự, nói:

- Tôi là một quân nhân, quân nhân phải lấy sự phục tùng làm thiên chức. Trung ương đã có mệnh lệnh tái chiến, lẽ dĩ nhiên chỉ có chiến đấu tới cùng dưới sự lãnh đạo của Trung ương và Bạch trưởng quan, không thể có ý đồ gì khác.

Mấy câu nói này đã làm cho những người chủ Trương hòa bình không dám ho he một tiếng, tên đặc vụ của họ Tưởng, trái lại, rất vui mừng sung sướng gọi điện thoại ngay cho Tưởng Giới Thạch, khiến cho Tưởng Giới Thạch cảm thấy mảnh đất Trường Sa này thực sự có thể yên tâm được. Bạch Sùng Hy nhìn thấy thái độ của Trần Minh Nhân vô cùng “sáng rõ” liền yên tâm để cho Trần Minh Nhân kiêm nhiệm tư lệnh cảnh vệ Trường Sa. Từ đó, đối với cục thế Hồ Nam, Bạch Sùng Hy càng yên tâm hơn, bắt đầu bức bách Trình Tiềm rời khỏi Trường Sa, “đi tuần tra” Thiệu Dương. Theo đà Giải phóng quân tiến quân vào Hồ Nam, đã giải phóng được hơn 10 huyện như Bình Giang, Lễ Lăng, An hương v.v., tình thế Trường Sa càng ngày càng nghiêm trọng. Tưởng Giới Thạch và Bạch Sùng Hy, bất chợt hạ mệnh lệnh cho Trần Minh Nhân củng cố bức dự đồ, mong muốn Trần Minh Nhân lập công vì Đảng quốc. Ngày 21 tháng 7, Trần Minh Nhân nhận được mệnh lệnh của Bạch Sùng Hy, yêu cầu Trần Minh Nhân tử thủ Trường Sa. Ngày 30 tháng 7, Trần Minh Nhân lại nhận được điện báo của Bạch Sùng Hy, bảo cho Trần biết Trình Tiềm đã soái lĩnh nhân viên vũ trang ngầm trở về Trường Sa, mu đồ không phép tắc, yêu cầu Trần “tiếp xúc tốc hết vũ khí hộ vệ”. Thời gian cách một ngày, Tưởng Giới Thạch lại để cho thứ trưởng Bộ quốc phòng Chính phủ Quảng Châu là Hoàng Kiệt, cục trưởng cục Công chính Trịnh Văn Nghi đem theo tiền mặt, vũ khí và thư tay tới Trường Sa gặp Trần Minh Nhân. Trong thư Tưởng Giới Thạch nói: “Sự tích vẻ vang suốt đời đệ, rất nên quý trọng giữ gìn, đã làm cho Trung Chính này tin Tưởng sâu sắc. Đối với những phần tử bán rẻ mình đi nhờ vả kẻ giàu sang nên biết hổ thẹn khi đứng vào trong đội ngũ. Khi cần thiết, không tiếc diệt thân vì đại nghĩa, lấy đó làm minh chứng điển hình, sau đó lui về giữ tương Tây. Trong tương lai ta sẽ trao Tứ Xuyên làm hậu thuẫn cho đệ”. Trong từng hàng chữ đó, chỉ yêu cầu Trần Minh Nhân tử thủ Trường Sa, quyết đổ máu chiến đấu tới cùng với cộng quân. Trần Minh Nhân vui vẻ sung sướng biểu thị: “Dốc hết lòng vì Đảng quốc, dù có phải nhảy vào nước sôi lửa bỏng, cũng quyết chẳng từ nan”, thực ra trong bí mật đã nhiều lần từng liên hệ với đại biểu hòa đàm của Quân giải phóng. Ngày mùng 2 và mùng 3 tháng 8, Bạch Sùng Hy đã không ngừng vận chuyển vũ khí cho Trần Minh Nhân, Viện trưởng Viện hành chính Diêm Tích Sơn của Chính phủ Quảng Châu cũng đánh điện báo cho Trần Minh Nhân hy vọng Trần “không thành công thì cũng thành nhân”. Đối với tiền mặt, vũ khí và điện báo, Trần Minh Nhân vẫn thu giữ không cự tuyệt, thế nhưng điều vọt khỏi ra ngoài dự liệu của Tưởng Giới Thạch là, Trần Minh Nhân và Trình Tiềm đã liên hiệp, ngày 4 tháng 8 đã tuyên bố dẫn quân khởi nghĩa. Trong các bức điện báo gửi cho Tưởng Giới Thạch ở Thảo Sơn Đài Bắc, Diêm Tích Sơn, Cố Chúc Đồng ở Quảng Châu, Bạch Sùng Hy ở Hoàng Dương, Trần Minh Nhân nói: “Thời gian cho tới ngày nay duy chỉ có xóng xuất hòa bình”, “giọng cao ngạo cờ nghĩa” mới là con đường có lối thoát. Trần Minh Nhân soái lĩnh ba quân đoàn của tập đoàn Bạch Sùng Hy khởi nghĩa, khiến cho Trường Sa trở thành một Bắc Bình thứ hai. Tưởng Giới Thạch và Bạch Sùng Hy ngậm đắng nuốt cay mà không còn chỗ để nói nữa. “Tiểu Gia Cát” hối hận vì đã ngã bở chẳng ở trước mặt Trần Minh Nhân. Đây chính là một nhân tố quan trọng khác thất bại ở Trung Nam của Tưởng Giới Thạch.

Nguyên nhân thứ ba của việc Tưởng Giới Thạch, Bạch Sùng Hy thất bại ở Trung Nam là sự chỉ huy cao siêu của Mao Trạch Đông, đây là nhân tố trực tiếp nhất, quan trọng nhất. Sau khi Trần Minh Nhân dẫn quân đội khởi nghĩa, tập đoàn Bạch Sùng Hy bị bức phải rút về chiếm giữ khu vực tương Nam lấy Hoàng Dương, Bảo Khánh làm trung tâm, hòng dựa vào tương Giang. Vĩnh Lạc Giang, tư Thủy, Ing dựa vào Điền, Quế, Kiềm (Vân nam, Quảng tây, Quý châu) cấu thành một “phòng tuyến liên hợp tương Việt”. Đông khởi từ Việt Bắc Lạc xương, tây đến tương Tây Chỉ Giang, ngăn cản Giải phóng quân Nam tiến. Thế nhưng Mao Trạch Đông đã sớm nắm bắt được tính nết bẩm sinh của Bạch Sùng Hy. Trước khi Bạch Sùng Hy cấu thành “Phòng tuyến liên hợp tương Việt”, Mao Trạch Đông đã đánh điện báo nói với Lâm Bu: “Quân đội của Bạch, tiền vốn nhỏ, cực kỳ cơ động linh hoạt, không phải là vạn bất đắc dĩ chúng quyết không tác chiến với ta đâu.” “Phán đoán địa điểm mà Bạch Sùng Hy chuẩn bị tác chiến với ta

không ngoài ba điểm tương Nam, Quảng Tây, Vân Nam, mà khả năng tính lấy Quảng Tây là lớn nhất. Thế nhưng bước thứ nhất các đồng chí nên chuẩn bị tác chiến với hãn ở tương nam tức là phía Nam Hoành Châu, bước thứ hai chuẩn bị tác chiến ở Quảng Tây, bước thứ ba tác chiến ở Vân Nam”. Với mục đích triệt để tiêu diệt tập đoàn Bạch Sùng Hy, Mao Trạch Đông nói với Lâm Bu: “Phương pháp tác chiến với quân đội của Bạch, vô luận là ở địa phương nào ở Trà Lăng hoặc ở phía nam Hoành Châu, ở Toàn Châu, Quế Lâm v.v.. hoặc ở nơi khác, đều không được sử dụng phương pháp vu hồi bao vây cự ly gần, mà nên sử dụng phương pháp vu hồi bao vây cự ly xa, mới có thể nắm được quyền chủ động, tức là hoàn toàn không để ý đến sự sắp xếp tạm thời của quân đội Bạch mà phải vọt xa hãn, chiếm lĩnh lấy hậu phương của hãn, bức hãn cuối cùng không thể không tác chiến với ta!” Có thể thấy, ngay từ trước khi Bạch Sùng Hy thất bại phải rút quân, Mao Trạch Đông đã sắp xếp chiến trường tiêu diệt địch. Theo đà phát triển của chiến cuộc, Mao Trạch Đông lại chỉ ra rõ ràng chính xác: “Đối với Bạch Sùng Hy và bọn địch ở Tây Nam đều phải lấy động tác đại vu hồi. Cắm sâu vào địch hậu, trước tiên hoàn thành việc bao vây, sau đó mới trở về phương châm đánh” [26] Trong khi vương triều họ Tưởng sắp sửa tan rã sụp đổ, Mao Trạch Đông đã quan sát kỹ càng sự phát triển của chiến cuộc, đã đề xuất được phương châm tác chiến dùng đại vu hồi, đại bao vây tiêu diệt tập đoàn Bạch Sùng Hy, yêu cầu Giải phóng quân không cần chú ý tới bất kỳ sự sắp xếp lâm thời nào của tổ chức Bạch Sùng Hy, dùng chủ lực mạnh dọn từ hai cánh của bọn địch vu hồi tới hậu phương sâu xa của chúng, cắt đứt đường rút lui, phối hợp bao vây tiêu diệt địch ở tung thâm. phương Chiêm này mà Mao Trạch Đông xác định, vô luận là đối với Tưởng Giới Thạch hay đối với Bạch Sùng Hy đều là đòn đả kích chí mạng cả. Khi Bạch Sùng Hy phát giác Giải phóng quân bao vây đại vu hồi, phân đường vọt các tỉnh trong phạm vi lớn ở các tỉnh tương, Ngạc, Cống, Việt, Quế v.v... liền vội vàng ra lệnh cho toàn tuyến phải triệt thoái theo hướng Quảng Tây, thế nhưng thời gian đã muộn. Trong tiếng hét truy kích “Quyết không để cho kẻ địch chạy thoát” của Giải phóng quân, hai binh đoàn có sức chiến đấu tương đối mạnh của Bạch Sùng Hy, ngày mùng 1 tháng 12 đã bị bao vây tiêu diệt ở khu vực Bắc Bạch. Sau ba ngày, Nam Ninh được giải phóng. Lại cách ba ngày, Khâm Châu giải phóng, bịt chặt cửa biển mà quân bại trận của Bạch Sùng Hy sẽ chạy trốn về Nam. Đến ngày 14 tháng 12, Giải phóng quân trước sau đã đánh chiếm được Nam quan và ái Phủ đã khống chế được biên giới Trung Việt. Tập đoàn Bạch Sùng Hy chạy trốn vào Quảng Tây, ngoài hơn hai vạn người bại trận lùi trốn sang Việt Nam ra, hơn 17 vạn quân còn lại đều bị tiêu diệt toàn bộ, mấy tỉnh biên giới tiếp tục được giải phóng. Sau khi Bạch Sùng Hy chạy trốn ra Đài Loan, vẫn chưa được Tưởng trọng dụng. Tưởng Giới Thạch âm mưu dựa vào Bạch Sùng Hy ngoan cường chống đánh ở mấy tỉnh biên giới xa xôi, luôn luôn ngóng đợi giấc mộng đẹp, tình hình quốc tế sẽ phát sinh những biến đổi trọng đại, giấc mộng đẹp đó đã hoàn toàn bị tan vỡ. Phong quan tăng chức theo óc nguyên cũng đã làm, dùng tiền vàng mua chuộc dụ dỗ cũng đã thực hiện, Tưởng Giới Thạch đúng là đã tính toán hết mọi mưu kế, tới lúc này cũng khó tránh khỏi vận mệnh bị tiêu diệt triệt để. Kỳ thực, đối thủ của Tưởng Giới Thạch không những chỉ là Mao Trạch Đông, con người không lồ này, mà còn có cả những người bộ thuộc của Tưởng, ăn mặc trang phục quân đội Quốc dân đảng nữa. Rất nhiều Tướng lĩnh cao cấp trong quân đội Quốc dân đảng đã hiểu rõ: “Tướng đối phó với người khác luôn luôn có hai tay: Hai tay sáng tối, hai tay thật giả, hai tay cứng mềm. Để bảo vệ lợi ích của cá nhân mình, Tưởng đã biến hóa đưa đoạn, nhiều bề nhiều mặt, không trừ thủ đoạn nào. Đúng vậy, khi họ đấu với Tưởng, cũng chính là dùng đạo của Tưởng để trị thân của Tưởng, từng giờ từng phút luôn luôn chuẩn bị hai tay.”[27] Đây cũng là một điều bí mật của việc thất bại ở Trung Nam của Tưởng Giới Thạch.

Phần thứ năm

Bí mật về việc chạy ra Đài Loan

Trước và sau chiến dịch vọt sông của quân giải phóng, Tưởng Giới Thạch đã bị hoàn toàn thất bại trên các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao; nhân tâm mất hết, quần chúng chống lại, người thân xa lìa. Ông cũng như “Cánh buồm cô đơn giữa đêm tối, chao đảo, nghiêng ngả trong gió vù ma đập và sóng đầy nước xô ở giữa biển cả mênh mông; sóng hay chết chỉ còn trong nháy mắt”. Chỉ cần có tàu chiến, máy bay thì nhất định có thể chạy thoát được ra Đài Loan .

1. Tường Giới Thạch đã rời Khê Khẩu như thế nào ?

Ngày 25 tháng 4 năm 1949 đối với Tường Giới Thạch mà nói, đó là một ngày mang tính chất lịch sử. Bởi vì ngày hôm đó, Tường Giới Thạch đã vĩnh viễn rời xa quê hương Khê Khẩu, thực sự bắt đầu một cuộc sinh nhai khốn khổ giữ lấy hòn đảo cô đơn như kẻ bị đi đày. Tuy Tường còn lưu lại đợi chờ một thời gian ở thượng Hải, Châu Sơn. Sau khi tới Đài Loan, Tường cũng đã từng nhiều lần trở lại đại lục trước cuối năm năm đó, đã nhiều ngày ở Quảng Châu, Hạ Môn, Trùng Khánh, Thành Đô, Côn Minh kéo dài sự bịn rịn, để bố trí sự chống đối ngang ngành cuối cùng. Thế nhưng cũng từ lúc này trở đi, Tường đã hiểu rõ chỉ có xây dựng sự nghiệp ở Đài Loan. Còn kiên trì giữ Đông Nam, kiên trì giữ Tây Nam, đợi thời cơ phản công chỉ là những mộng Tường mà mình hà hơi tiếp sức cho mình. Bởi vì ngày 23 tháng 4, binh đoàn 8 của Quân giải phóng đã chiếm lĩnh được Nam Kinh, nền thống trị suốt 22 năm của Tường Giới Thạch đã tuyên cáo diệt vong, cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân Trung Quốc đã giành được thắng lợi trong toàn quốc. Tường Giới Thạch biết rằng chỉ dựa vào lực lượng của mình khó có thể xoay chuyển được trời đất, việc chờ thời cơ phản công của Tường chỉ là sự hy vọng nước Mỹ can thiệp vào hoặc là bùng nổ cuộc Đại chiến thế giới lần thứ ba. Tường Giới Thạch về đến Khê Khẩu Phụng Hóa Triết Giang vào ngày 22 tháng 1 năm 1949. Vào lúc 10 giờ sáng ngày hôm trước, Tường đã “rút lui” từ chức khỏi trách nhiệm Tổng thống của Chính phủ Quốc dân đảng Nam Kinh, 4 giờ chiều liền bay khỏi Nam Kinh, trước tiên trú ở Hàng Châu, sau chuyển về Khê Khẩu. Tường Giới Thạch vô cùng yêu quý quê hương Khê Khẩu. Trong suốt hơn hai mươi năm thống trị đại lục, hầu như mỗi năm Tường đều trở về quê hương một hai lần, đặc biệt là mỗi lần từ chức, Tường đều luôn luôn trốn ở Khê Khẩu “đóng vai một ẩn sĩ theo kiểu Đào Uyên Minh” (ngôn ngữ Giang Nam) để tính toán việc “Đông sơn tái khởi”. Tường Giới Thạch còn viết những bài từ Ca vịnh Khê Khẩu, về sau đã được nhà đương cục Đài Loan quyết định làm giáo tài giảng văn bậc trung học. Đó là năm 1924, thời gian do Tường làm hiệu trưởng trường quân sự Hoàng Phố về quê tảo mộ, sau khi xây dựng xong Lạc Đình, đích thân soạn ra “Lạc đình ký”, bắt chước làm theo kiểu “Túy ông đình ký” của Âu Dương Tu. Trong bài văn, Tường đã viết rằng: Vũ Lĩnh nhô cao, chín khúc suối Viêm, Sừng sững ngoài riềm, ngọn cao sáng tỏ, Cột trụ hiện ngang, giữa dòng nước đỏ, Vạn núi nghiêng mình, ngồng mộ, nổi trôi ! Cổ thụ trọc trời, vách cao dựng đứng, Dòng suối dới chân, lưng lờ nghiêng bóng, Cá lợn ngẩn ngơ, trúc thắm bên dòng, Tùng thắm trên không, bóng soi khe biếc, Ngọc ngà tinh khiết ... ngọn bút lung linh ... Trong bài ghi chép nhỏ này, Tường Giới Thạch tự ví mình như một “cột trụ hiện ngang, giữa dòng nước đỏ, muốn đem Khê Khẩu miêu tả một mảnh đất anh hào giáng thế, cảnh núi cao suối trong nay chỉ có trên trời mới có, ngẫm ví mình như một Thiên Tử chân Long chuyển thế. Vứt bỏ những lời bình luận khoe khoang khoác loác coi trời bằng vung và những ngôn từ quá khích trong “Lạc Đình ký” này của Tường Giới Thạch đi, nói một cách khách quan, Khê Khẩu đúng là một nơi non xanh nước biếc của Giang Nam, đích thực là Tường Giới Thạch yêu mến quê hương của mình. Thế nhưng tình thế trở về của lần từ chức này khác trước, tự nhiên trong tâm trạng của Tường rất khổ sở. Khi Tường bước vào phòng ngủ trong “Từ am” cởi bộ áo khoác ngoài ra, nhìn thấy ở bên giường không còn chiếc giá áo liền quát gào âm ỹ:

- Chiếc giá áo đâu rồi ? - Tên nhân viên hầu cận đành phải lập tức đi tìm. Khi ăn cơm, nhìn thấy thức ăn đưa đến là cơm gạo xay sát bằng máy gia công, lập tức sa sầm nét mặt, hạ lệnh trở về, bắt phải nấu cơm bằng gạo xay gia công bằng cối đá. Tường Giới Thạch là hiệu trưởng trường Vũ Lĩnh ở Khê Khẩu, Tổng Mỹ Linh là trưởng ban quản trị của trường này. Ngôi trường này cũng là một công trình xây dựng kiểu mới mà Tường Giới Thạch đã xuất vốn ra trên 30 vạn đồng để xây dựng gọi là “tạo phú cho quê hương”. Ngày hôm nay trưởng ban giáo vụ trường Vũ Lĩnh là Thi Quý Ngôn đã đặc biệt mua về hai con ba ba, sau khi nấu chín bưng đến mời Tường Giới Thạch dùng bữa. Chẳng ngờ Tường lập tức biến sắc nói:

- Bây giờ là lúc nào, sao ngươi lại mua thứ quý đắt như vậy cho ta ăn ? Ngươi có biết bao nhiêu tiền một cân ba ba không?

Chẳng thế mà những nhân viên làm việc ở bên cạnh Tường Giới Thạch nói, lần trở về này của Tường Giới Thạch, tính nóng bùng như lửa cháy không thứ gì cảm thấy thuận mắt cả. Mặc dù tâm tình Tường Giới Thạch rất khổ sở khó chịu, thế nhưng ngoài mặt vẫn phải làm ra vẻ văn chương, trên đại thể vẫn coi là được. Thứ nhất là trước tết Xuân, với danh nghĩa là vào Tông miếu mở cửa đền tế cáo tổ tiên, sau đó

mở tiệc rộ, mời các cụ phụ lão ở trong họ tới dự. Trên thực tế đây là một bữa tiệc tiễn biệt, thế nhưng trong bữa tiệc Tưởng lại bàn tới việc xây dựng một sở công nghiệp cỡ nhỏ ở Khê Khẩu, lại còn lợi dụng nước suối để phát điện, phải xây dựng Khê Khẩu trở thành một thị trấn điển hình kiểu mẫu, có công nghiệp cỡ nhỏ, lấy nông nghiệp làm chính. Thứ hai là ngày 28 tháng chạp âm lịch, Tưởng Giới Thạch làm một bữa cơm đêm cuối năm ở Khê Khẩu, viên quan huyện Phụng Hóa lúc đó là Chu Linh Quân với thân phận là “Quan phụ mẫu” được mời đến dự, còn có trưởng ban giáo vụ trường Vũ Lĩnh Thi Quý Ngôn, Thu Giác Dân tham mưu quân sự phủ Tổng thống và vợ chồng Tưởng Kinh Quốc tổng cộng 10 người. Trong bữa cơm, Tưởng Giới Thạch nói tới phải xây dựng một chiếc cầu lớn ở Khê Khẩu, để cho xe ô tô có thể vào thẳng tới Am Pháp Hoa. Tổng Mỹ Linh cũng nói tới phải xây dựng một nhà máy dệt lụa ở Khê Khẩu, khiến cho phụ nữ Khê Khẩu đều có cơ hội làm việc, hình như họ thật sự đặt thân sống ở thôn dã, không có chút lo lắng gì. Kỳ thực trong lòng họ đã hiểu rất rõ, những ngày ở đại lục không còn bao lâu nữa. Thứ ba là buổi tối ngày mùng một tháng giêng âm lịch, Tưởng Giới Thạch và Tổng Mỹ Linh tới lễ đường của trường Vũ Lĩnh cùng xem kinh kịch “Tô tam khởi giải” với nhân dân trong làng, với quang cảnh cùng vui vẻ với dân chúng trong lúc thái bình thịnh trị. Trên thực tế, Tưởng Giới Thạch vẫn luôn luôn chuẩn bị vĩnh biệt Khê Khẩu. Căn cứ vào hồi ức của người em họ Tưởng Giới Thạch là vương lương Mục (con thứ của vương Hiền Cự), ngày 21 tháng 1 âm lịch (ngày 18-2- Dương lịch), Tưởng Giới Thạch dắt Tưởng Kinh Quốc cùng cháu trai cháu gái tới nhà bà ngoại ở Cát Trúc để tảo mộ thăm thân, trú ở đó một đêm, ngày hôm sau mới đi. Trong khi nói chuyện, Tưởng Giới Thạch nhiều lần căn dặn vương lương Mục: “Em hãy tới Khê Khẩu, anh sẽ ở nhà chờ em!”. Trước khi sắp bước lên kiệu ra đi, còn nhắc lại một lượt với lương Mục. vương lương Mục nói:- Lần này anh trai đến rất khách khí, từ xa cha hề bao giờ bảo tôi đến chơi nhà anh ấy. Lúc đó tôi không lĩnh hội được ý tứ của anh. Mãi đến khi Tưởng rời khỏi Khê Khẩu, tôi mới biết được thì ra anh muốn tôi cùng đồng hành với anh !Sau hai ngày Tưởng Kinh Quốc cũng tới nhà bà ngoại của mình ở Nham Đầu để tảo mộ từ biệt người thân. Sau khi Tưởng Kinh Quốc tể lễ ở phần mộ ông ngoại bà ngoại xong, thì vào trong làng thăm viếng bà chị họ là Trương Định Căn, còn ở lại nhà bà ăn bữa cơm tra. Trương Định Căn còn cho Tưởng Kinh Quốc một con gà trống lớn, một gói bánh Trùng thọ và một số trứng gà, còn nói:- Kinh Quốc nè ! Mấy ngày nữa đã là ngày sinh lần thứ 40 của em. Chút quà này biểu thị một chút lòng thành của chị !Tưởng Kinh Quốc cung kính tiếp nhận món quà sinh nhật này, rồi nói với Trương Định Căn:- Chị ơi, chúng em sắp ra đi rồi, chị có thể cùng đi với chúng em được không?Trương Định Căn hỏi:- Đi đâu hả em?Tưởng Kinh Quốc trả lời:- Chúng em tới đâu thì chị tới đó!Do vì Trương Định Căn không bỏ được gia đình mình, cuối cùng đã không đi theo họ. Ngày tết Thanh Minh hôm đó(ngày 5 tháng 4), Tưởng Giới Thạch đem vợ chồng Tưởng Kinh Quốc cùng cháu trai cháu gái tới núi Bạch Nham tế tảo phần mộ Tưởng mẫu. Trước phần mộ Tưởng cúi mình xuống vái, miệng lầm rầm cầu nguyện, nước mắt ngang tròng. Vái lậy xong, Tưởng luôn miệng căn dặn con cháu “Hãy vái lậy nhiều hơn nữa !” Thế nhưng người vợ mang quốc tịch Nga của Tưởng Kinh Quốc không biết có phải vì nghe không rõ hay là vì sao, chỉ cúi xuống chào một lượt, Tưởng Giới Thạch nhìn thấy thế rất tức bực, trừng mắt nhìn, quở trách “Ngồi Nga không biết lễ phép”. Tiếp đó, Tưởng lại bắt người em họ là Tưởng Chu Phong và người trong họ gánh đồ cúng, khiêng cả bàn cúng tới núi Đào Khanh để tế tảo phần mộ của Tưởng phụ.ở Khê Khẩu, Tưởng Giới Thạch còn làm một số việc nữa. Ngày 15 tháng 4 (tức 18 tháng 3 âm lịch) sau tết Thanh Minh là sinh nhật Tưởng Kinh Quốc 40 tuổi, Tưởng Giới Thạch vì việc này đã viết lên bốn chữ lớn “ Ngụ lý sư khí “ rồi làm thành tám biển ngang treo ở trước hành lang Tưởng từ Báo Bản Đường. Tám biển này có lời bạt nói rằng: Bài học đêm mỗi ngày, thầm đọc chương đồng khí của “Mạnh Tử”, suốt mười ba năm liền không gián cách, tự giác làm được điều này thì sẽ có lĩnh ngộ, thường dùng “Ngụ lý sư khí” tự ghi nhớ, đặc biệt dùng chữ “ngụ” trong “ngụ lý” để nhận thức sâu sắc thiết thực, sẽ dẫn tới niềm tự sung sướng, thế nhưng không dám nói cho người biết. Nay đã trải qua 40 lần sinh nhật, những chữ đặc biệt này dùng thế thay lời chúc riêng và mong muốn nó có thể xem xét thiết thực tới bản thân mình, tự cường đặc biệt, mà không phụ với lòng mong muốn. Xem ra thì Tưởng Giới Thạch cũng đang ngoảnh cổ nhìn lại và suy nghĩ về cuộc đời của mình.Những ngày ở Khê Khẩu này của Tưởng Giới Thạch, thực ra không hoàn toàn đắm chìm vào trong thương cảm của cá nhân và sự làm bộ làm tịch đối với họ hàng làng xóm quê hương cũ. Tưởng vẫn luôn luôn chú ý tới Nam Kinh, chú ý tới Trường Giang, chú ý tới tiền tuyến, vẫn chỉ huy điều động các sự vụ quân đội chính quyền ở những khu vực mà Quốc dân đảng còn khống chế. Đối với điểm này, trong ghi chép hồi ức của Lý Tông Nhân có viết:”Để tiện việc khống chế mọi biện pháp quân sự chính trị ở các nơi trong toàn quốc, sau khi Tưởng tiên sinh trở về Khê Khẩu, liền cho xây dựng 7 trạm điện đài ở quê hương , để tùy ý chỉ huy. Tham mưu trưởng Cố Chúc Đồng, đối với việc điều động từng tên lính hoàn toàn phải nghe theo

mệnh lệnh của Tướng tiên sinh. Ngày 16 tháng 2, tại tổng thống phủ tôi cho sửa tiệc mời các nhân viên quân chính cao cấp còn ở lại Nam Kinh, có các vị Diêm Tích Sơn, Vu Hữu Nhiệm, cư chính, Cố Chúc Đồng v.v.. Mọi người vừa mới ngồi vào bàn tiệc, một nhân viên hầu cận liền chạy tới báo cáo nói, Tướng tiên sinh ở Khê Khẩu có điện thoại cho Cố tổng tham mưu trưởng. Cố Chúc Đồng đành phải đặt bát đĩa xuống để đi nghe điện thoại. Lần gọi điện thoại này của Tướng tiên sinh vốn trước tiên gọi tới Bộ quốc phòng, người trong bộ nói, hôm nay quyền tổng thống đãi khách, Tổng tham mưu trưởng hiện đang ăn cơm ở phủ Tổng thống. Tướng tiên sinh liền ra lệnh đem điện thoại nối tới phủ tổng thống. Tối hôm ấy chúng tôi dùng bữa xong mà Cố Chúc Đồng trước sau đã phải nhận ba lần điện thoại từ Khê Khẩu. Từ đây có thể nhìn thấy Tướng tiên sinh đối với các sự việc chính trị quân sự lớn đã không chế rất chặt chẽ, sự thực chẳng khác gì trước khi cha từ chức. Thế nhưng tất thấy những điều mà tôi yêu cầu đối với tiên sinh, như các việc thả Trương Học lương, Dương Hồ Thành và việc vận chuyển ngân phiếu từ Đài bắc về Kinh v.v... thì Tướng tiên sinh thoái thác nói, người đã từ chức, không can dự vào việc quân quốc đại sự, đẩy hết trách nhiệm lên đầu Trần Thành. Thế nhưng những mệnh lệnh mà tôi trao cho Trần Thành, Tướng lại gọi ý cho Trần Thành cứ để đó, không giải quyết”. Bởi lẽ Tướng Giới Thạch thân ở Khê Khẩu mà đã hiểu được rất rõ tình hình chính trị quân sự trong toàn quốc, sau khi Tết Thanh minh trôi qua, Tướng biết rõ rằng những ngày lưu lại quê nhà không còn nhiều nữa. liền bắt đầu dẫn Tướng Kinh Quốc v.v... đi thăm thú khắp mọi nơi sơn thủy của quê hương , để làm một cuộc tuần du mang tính chất cáo biệt, dấu chân của họ đã đặt khắp Am Liễu Đình, Chùa Di Đà, chùa Thiên Đồng, chùa Kim Nga ở Ninh Ba, Làng Lâu ải, Làng Sơn lĩnh ở Phụng Hóa v.v... Trong bài viết “Những ngày cuối cùng ở Khê Khẩu của Tướng Giới Thạch” của vương Thuấn Hề đã nói: Bọn Tướng Giới Thạch... ở Am Liễu Đình ngoại ô phía Nam Ninh Ba, đã tế tảo phần mộ tổ tiên họ Tướng ở bên cạnh, rồi cho người quản Am Liễu Đình 500 đồng, căn dặn gìn giữ bảo quản phần mộ cho tốt. sau đó đi tới núi Tiểu Bàn ở phía đông Ninh Ba, đã tế tảo Thủy tổ họ Tướng ở Khê Khẩu là Tướng Ma Kha ở bên cạnh chùa Di Đà, đã cho hòa thượng Qủa như chủ trì chùa Di Đà năm gánh gạo trắng, dẫn dò hòa thượng thường xuyên cúng phụng hương hỏa. Sau đó lại tới Tam Lĩnh Phụng Hóa để vái lễ phần mộ tổ tông họ Tướng. Căn cứ vào “Tông phả họ Tướng”, họ Tướng ở Khê Khẩu là từ Tam Lĩnh Phụng Hóa chuyển tới từ đời Nguyên. Cho nên, Tướng Ma Kha tuy là thủy tổ phân chi này của Tướng Giới Thạch, họ Tướng ở Tam Lĩnh với Tướng ở Khê Khẩu có duyên huyết rất gần. Lần này tới Tam Lĩnh, Tướng Giới Thạch còn đem theo Tổng Mỹ Lĩnh, vợ chồng Tướng Kinh Quốc cùng với cháu trai cháu gái. Tướng dẫn con cháu vào lạy phần mộ tổ tông, chụp ảnh cả nhà ở trước phần mộ, bước vào Từ đường lại vái lạy thần vị. Vị tộc trưởng họ Tướng ở Tam Lĩnh so với Tướng thì gọi ông là “ông chú”. Tộc trưởng nêu ra am Ma Kha ở Tam Lĩnh đã rất rách nát cũ kỹ, có nên tạo sửa lại không, ý muốn là để cho Tướng Giới Thạch rút ví ra, lúc đó Tướng luôn miệng đồng ý, thế nhưng còn lấy đâu ra thời gian nữa. Bớt vào tháng 4, những ngày còn lại của Tướng càng thêm khó chịu đựng, thế nhưng Tướng vẫn đóng chốt ở Khê Khẩu, mong muốn cục thế có thể phát sinh ra những biến đổi mang tính chất hài kịch. Tướng biết rằng quân giải phóng nhất định phải qua sông, thế nhưng lại hy vọng cuộc đàm phán Quốc Cộng do Lý Tông Nhân chủ trì có thể đạt thành hiệp nghị mỗi bên cai trị một bờ sông. Tướng biết rằng bản thân mình đã bị người mỹ bỏ rơi rồi, thế nhưng vẫn ảo Tướng người Mỹ có thể ngăn cản được giải phóng quân vượt sông. Tối ngày 21 tháng 4, Tướng Giới Thạch, Tướng Kinh Quốc đang xem biểu diễn ở trong trường Vũ Lĩnh, Du Tế Thời vội vàng chạy vào báo cáo: “Có điện thoại đường dài từ Nam Kinh tới. Tướng Giới Thạch vừa nghe, liền ổn thẳng lng biết là có sự việc trọng đại, ra hiệu cho Tướng Kinh Quốc tới nhận điện thoại. Tướng Kinh Quốc trở lại, ghé vào tai Tướng Giới Thạch nói mấy câu, Tướng vội vã bỏ về. Bỗng chốc hội trường trật tự hỗn loạn, cuộc biểu diễn phải ngừng lại. Thì ra qua điện thoại từ Nam Kinh, Tướng Kinh Quốc được biết: Bắt đầu từ 20 giờ ngày 20 tháng 4 giải phóng quân bắt đầu qua sông, đột phá đoạn phòng tuyến của quân Quốc dân đảng từ Lỗ Cảng tới Đồng Lăng. Quân đội ở Tuy khu thứ 7 của Quốc dân đảng tuy nhiều lần phản kích, nhưng không thể ngăn chặn được. Ngày 21, giải phóng quân đã chiếm lĩnh Đồng Lăng, Phồn xương, Thuận An v.v... Buổi chiều ngày 22 tháng 4, Tướng Giới Thạch lại một lần nữa nhận được điện thoại từ Nam Kinh, phòng tuyến Trường Giang đã hoàn toàn bị phá vỡ. Ba tập đoàn lớn của Quân Giải phóng đều đã qua sông, bọn Cố Chúc Đồng đã dẫn quân đội Tổng rút lui, Tướng Giới Thạch hạ lệnh cho Cố Chúc Đồng chỉ huy bộ đội từ phía Tây Vu Hồ rút lui theo hóng đường sắt Triết Công; bộ đội từ phía Đông Vu Hồ và bộ đội từ phía Tây thường Châu thì rút lui theo hóng Hàng châu; bộ đội từ phía Đông thường Châu thì rút lui về hóng thượng Hải, tổ chức lại phòng tuyến mới ở Đường Triết Công và khu vực thượng Hải. Thế nhưng, giờ cuối cùng của ngày 23, các thành phố Đôn Dương, thường Châu, Vô Tích v.v... đều đã mất hết, đường sắt Ninh Hộ bị cắt đứt; điều quan trọng nhất là Nam Kinh, trung tâm chính trị của Quốc dân đảng đã bị quân giải phóng

chiếm lĩnh. Tường Giới Thạch nhận được tin, lặng lẽ chẳng nói được câu nào, mãi sau, dặn dò Du Tế Thời:

- Chuẩn bị tốt thuyền bè, ngày mai rời khỏi Khê Khẩu.

Buổi sáng ngày 25 tháng 4, đầu tiên Tường Giới Thạch dẫn cả nhà tới từ biệt phần mộ của Tường mẫu, sau đó bước lên đỉnh núi Bạch Nham; Nhật ký ngày hôm đó Tường Kinh Quốc viết: “Phóng tầm mắt nhìn khắp bốn phía, thấy suối thấy núi mà nghẹn ngào chẳng nói lên lời, tuy cha chứa chan dòng lệ, nhưng đau đớn vô cùng, khó có lời nào tả hết. Vốn muốn lại tới Phong Cảo phòng nhìn lại một lần cuối, nhưng con tim không chịu đựng nổi; lại muốn tới từ biệt các cụ phụ lão trong làng, trong lòng lại càng không dám. Nhìn thấy họ, nhưng chẳng có cách nào dẫn họ cùng đi, lòng càng lưu luyến bịn rịn khôn nguôi. Cuối cùng đành phải chẳng từ mà biệt, không khí trĩu nặng u buồn, lòng càng tăng thêm phần đau đớn.... Khê Khẩu là nơi đặt phần mộ tổ tông, ngày này phải bỏ mà đi, lòng càng xót xa, không có ngòi bút nào có thể hình dung được một phần vạn...” Từ trên núi Bạch Nham bước xuống, cha con và những người trong nhà họ Tường cùng bọn tùy tùng ngồi lên con thuyền qua suối Viêm tới Khê Nam. Hai cha con chậm bước đi dạo trên bờ đê Tân Thiết Khê Nam, sau đó dừng lại rất lâu nhìn lại sang bên bờ quê cũ bên kia, tựa hồ như họ vô cùng luyến tiếc cuộc ly biệt này. Nh trên đã nói, trong vòng hơn hai chục năm, từ sau khi Tường Giới Thạch bỏ quê ra đi, mỗi năm Tường đều trở lại quê hương một hai lần, hoặc là Tết Thanh Minh, hoặc là sinh nhật của mình. Hai lần từ chức trước Tường cũng đều ở ẩn tại Khê Khẩu. Thế nhưng nhìn chung toàn bộ lịch sử, lần từ chức thứ ba trở về quê là một lần chờ đợi dài nhất ở Khê Khẩu. Trong thời gian này Tường đã từng dắt con cháu đi du chơi khắp các nơi danh lam thắng cảnh của Khê Khẩu, như Đình Phi Tuyết, Đài Tiêu phiến, Động Phục Hồ, Đầm Tam ẩn, còn có cảnh xem cá. Bích Đầm, sóng âm Vũ Linh, thác nước Thiên trượng nham v.v... Ngoài mặt thì có vẻ du nhân nhìn mây ngắm hạc, nhưng trong lòng thì tràn đầy bi lụy thống thiết. Tường biết rằng từ biệt lần này, trong những năm còn sống tiếp theo sẽ khó có ngày trở lại. Mặc dù có thuyết nói 30 năm ở Hà Đông, 30 năm ở Hà Tây, Tường đã là một ông lão tuổi quá lục tuần, thượng Đế hay bất kỳ một “Đế” nào khác có thể đem lại cho Tường đầy đủ thời gian được hay không? Cho nên lúc ly biệt Khê Khẩu, Tường Giới Thạch không thể không đau buồn bịn rịn. Sau khi Tường Giới Thạch và mọi người bước lên xe từ Vũ Lĩnh Môn Khê Nam qua thành Huyện Phụng Hóa lao về phía Ninh Hải. Hơn hai giờ chiều họ xuống biển từ làng Tây L huyện Ninh Hải, bước lên quân hạm mang tên Thái Khang, từ đây ra đi để không bao giờ trở lại.

2. Tại sao trên đường chạy trốn ra Đài Loan Tường Giới Thạch đã tắc nghẽn ở Bành Hồ ?

Tường Giới Thạch rời khỏi Phụng Hóa, ngày hôm sau đã tới thượng Hải, tạm thời trú ở đảo Phục Hưng, cần phải đích thân đốc thúc tư lệnh cảnh vệ Tùng Hộ Hàng Thang Ân Bá từ thủ thượng Hải. Tường Giới Thạch bảo cho Thang Ân Bá biết, muốn biến thượng Hải thành một Valotăng thứ hai, cần phải kiên trì giữ lấy nửa năm, chờ đợi cục thế thay đổi. Đầu tháng 5, Tường Giới Thạch bỗng nhiên nhận được tin, trong Quốc dân đảng có người đang vạch kế hoạch tiến hành vũ trang khởi nghĩa ở thượng Hải, hơn thế còn chuẩn bị khi Tường Giới Thạch vào trong thành phố thượng Hải thì sẽ bắt sống ông ta. Tường nghe tin vô cùng kinh ngạc, cảm thấy sâu sắc rằng vùng phụ cận thượng Hải rất không an toàn, tức thì ngày mùng 7 tháng 5 đã ngồi lên tàu chiến quân sự chuyển tới Châu Sơn. Sau khi tới Châu Sơn Tường vẫn cảm thấy cách đại lục quá gần, dễ phát sinh ra điều bất trắc, quyết tâm lại chuyển đến Đài Bắc. Thế nhưng từ ngày 14 tháng 5 Tường rời khỏi Châu Sơn, đến ngày 24 tháng 6 mới tới được Đài Bắc, cứ trôi đi trôi lại ở trên biển, không biết nên dựa vào đâu. Đặc biệt là Tường không trực tiếp đến Đài Bắc mà còn quanh quẩn ở Bành Hồ, lại còn lưu lại 10 ngày ở Đảo Bành Hồ cách Đài Loan chỉ gần trong gang tấc. Khi từ Mã Công Bành Hồ bay tới Đài Loan vẫn không tới thẳng Đài Bắc, mà trước tiên tới Phong Sơn, rồi chuyển sang Cao Hùng, cuối cùng mới tới Đài Bắc. Cứ chùng chình kéo dài như vậy, trong đó có biết bao nhiêu trò ảo diệu. Ta hãy cùng xem thử hai đoạn nhật ký trong thời gian này của Tường Kinh Quốc. Ngày mùng 4 tháng 6, Tường Kinh quốc viết: “Ma dầm chớm nắng, tinh thần đã được phấn chấn, thế nhưng rất nhanh chóng đã cảm thấy sầu khổ - Đêm nào cũng mộng liên miên, ngủ không ngon giấc”. Ngày mùng 9 tháng 6, Tường Kinh Quốc viết: “Đêm hôm qua suốt đêm sắc trời trong sáng, ngồi yên lặng quan sát thông thức ở trước nhà. Biển và trời không biên giới, mây trắng gió xanh, biển ảo vô thường, lòng xốn xang nhớ quê hương, mới cảm thấy sâu sắc nỗi khổ của kẻ lưu vong”. Tại sao Tường Kinh Quốc lại có cảm giác “Sầu khổ”? Tại sao lại có cảm giác “lưu vong”? Tường Giới Thạch tại sao

không dám tới thẳng Đài Bắc mà lại kéo dài thời gian ở Bành Hồ ? Thì ra, Tưởng Giới Thạch muốn xem thái độ của người chủ thất khách Trần Thành thế nào rồi mới định được hành vi cử chỉ. Ngày 29 tháng 12 năm 1948, trước khi Tưởng Giới Thạch “rút lui” từ chức đã sắp xếp Trần Thành làm Chủ tịch Chính phủ tỉnh Đài Loan, về sau lại được Kiêm nhiệm chức Tổng tư lệnh cảnh vệ và Bí thư đảng bộ tỉnh Đài Loan. Trần Thành cũng là cái đỉnh và kẻ thân tín quan trọng nhất được Tưởng Giới Thạch cắm sâu vào trong tập đoàn Lý Tông Nhân. Thế nhưng, “mây trắng gió xanh, biển ảo vô thường” ! Trong ba bốn tháng trời, từ khi Tưởng Giới Thạch từ chức tới lần này ông đến Đài Loan, tình hình quốc tế và trong nước đều đã phát sinh những biến đổi quan trọng lớn lao, đặc biệt là thái độ của người Mỹ đối với Tưởng Giới Thạch đã phát sinh những biến đổi trọng đại. người Mỹ “Bội tín phụ nghĩa” (ngôn ngữ của Tưởng Giới Thạch) đang kéo “Vua Đài Loan” Trần Thành tự lập, cần kiên quyết triệt để rũ bỏ Tưởng Giới Thạch. Chính phủ Mỹ trong ba năm chiến tranh giải phóng luôn luôn kiên quyết ủng hộ Tưởng Giới Thạch làm cuộc nội chiến phải kiên quyết ruồng bỏ Tưởng Giới Thạch, nguyên nhân cơ bản nhất là đã nhìn thấy sự thất bại không sao tránh khỏi của Tưởng Giới Thạch, đã nhìn thấy sự hủ bại và vô năng của tập đoàn phản động Tưởng Giới Thạch. Một mặt khác trong cuộc tranh cử Tổng thống Mỹ năm 1948, Tưởng Giới Thạch đã chọn sai đối tượng ủng hộ, khiến cho Truman Tổng thống liên nhiệm sau này vô cùng bức tức. Thế nhưng, từ cuối năm 1948 đến giữa năm 1949 người Mỹ không muốn để cho Đài Loan rơi vào trong tay Đảng Cộng Sản, do đó, người Mỹ có mưu đồ “vận dụng ảnh hưởng, ngăn cản người Trung Quốc đại lục tiến thêm một bước đổ vào Đài Loan, còn thận trọng bảo đảm sự liên hệ với lãnh tụ Đài Loan có hy vọng, để tiện cho trong tương lai có một ngày nào đó khi phù hợp với lợi ích của nước Mỹ, sẽ lợi dụng phong trào tự trị của Đài Loan”[28]. Trên thực tế là muốn đem Đài Loan tách hẳn ra, rời khỏi bản đồ Trung Quốc. ý đồ cơ bản của nước Mỹ là tìm ra một người “bất tất phải nghe theo sự chỉ huy của Tưởng Giới Thạch, cũng bất tất phải phục tùng mệnh lệnh của Chính phủ liên hiệp Lý Tông Nhân, mà chỉ biết chuyên mưu phúc lợi cho Đài Loan” để hoàn thành công việc “tự trị của Đài Loan”. người Mỹ đã lựa chọn Trần Thành và Tôn Lập Nhân. Tháng 2 năm 1949, tham tán Đại sứ quán Mỹ trú tại Nam Kinh Mô Sen Tơ chấp hành sự sai khiến của quốc vụ khanh Akiton đã tới Đài Loan chấp hành sứ mệnh đặc thù. Sau khi Mô Sen Tơ tới Đài Loan, liền căn cứ vào dự tính của Chính phủ Mỹ đã du thuyết Trần Thành tự lập. Mô Sen Tơ truyền đạt ý kiến của Chính phủ Mỹ như sau:

1- Đài Loan tách rời chính phủ Quốc dân đảng, đoạn tuyệt kinh tế mậu dịch với Trung Cộng tự lập lên Chính phủ Đài Loan, một năm nước Mỹ sẽ viện trợ cho Đài Loan 25 triệu đô la Mỹ.

2- Nước Mỹ có thể liên lạc với Philippin, Ôxtrâyliya, Ấn Độ, Pakixtan, Tích Lan (Xirilanca) cùng một số nước, tiến hành sự xuất quân liên hiệp mang tính chất tọng trung, cùng chiếm lĩnh Đài Loan, rồi sẽ tiến hành Hội nghị chuyển giao chính quyền tại Đài Loan.

3- Sau khi quyết định hội nghị, nước Mỹ sẽ lập tức đảm nhận hoạt động tuần tra và liên hệ trên biển và trên không đối với eo biển Đài Loan, để tránh sự tập kích của quân đội từ ngoài vào, đồng thời tổng cổ những phân tử đại lục ở trên đất Đài Loan không được hoan nghênh.

4- Thông tri cho Tưởng Giới Thạch biết, nếu ông ta bằng lòng ở lại Đài Loan thì sẽ được đối đãi như thân phận một kẻ tị nạn chính trị.

5- Mời Tôn Lập Nhân tham gia chính quyền mới ở Đài Loan.

Trần Thành là một viên tướng yêu tâm phúc của Tưởng Giới Thạch, có quan hệ gần bó nhiều tầng, là đồng hương, là thầy trò và là con rể với bố vợ (con gái nuôi của Tống Mỹ Linh là Đàm tường sau này đã gả cho Trần Thành). ở dới tướng của Tưởng, Trần chẳng những đã biểu hiện ra có năng lực tài cán hơn người, mà còn biểu hiện ra sự trung thành hiếm có. Cho nên suốt chặng đường đi đã được bật đèn xanh, thuận buồm xuôi gió. Cũng chính vì vậy, khi Tưởng Giới Thạch nhìn thấy tình hình đại lục nguy cấp đã cử Trần Thành tới Đài Loan để xây dựng sự nghiệp ở trên cô đảo này cho Tưởng Giới Thạch, hơn thế còn chinh biên, chinh huấn bọn tàn binh bại tướng từ đại lục chạy trốn ra Đài Loan, để đảm bảo mảnh đất Đài Loan này sẽ là chỗ dung thân cuối cùng. Lần này người Mỹ tới thuyết phục Trần Thành tự lập, Trần Thành cũng biểu hiện ra sự trung thành tuyệt đối với Tưởng. Trần Thành nói với Mô Sentơ: Bản thân mình đã đi theo Tưởng ủy viên trưởng nhiều năm, không thể chống lại Tưởng để tự lập được, cũng không

thể cự tuyệt việc Tưởng Giới Thạch tới Đài Loan được. Mô Sento đã không thành công mà phải trở về. Trong báo cáo với Akiton, Mô Sento nói:

- Chủ tịch Trần Thành là người thân tín của tổng thống trước là Tưởng, không thể hy vọng ông ta chống lại Tưởng mà tuân theo chỉ ý của nước Mỹ được.

Có người khi bình luận về Trần Thành đã dùng 6 chữ để khái quát “Trung Tưởng, Chống Cộng, Yêu nước”, Tưởng Giới Thạch cũng đã từng nói: “Trung Chính không thể một ngày không có Từ Tu” (Từ Tu là tự của Trần Thành). Thế nhưng trong thời kỳ gió to sóng lớn phi thường này, sau khi Tưởng Giới Thạch lại nghe tin người Mỹ mu đồ lỗi kéo Trần Thành tự lập, Tưởng Giới Thạch đã không dám đem mình giao phó cho người khác. Tưởng Giới Thạch rùng rình ở Bành Hồ, kỳ thực còn muốn mò thử xem thái độ của một viên chức quan trọng ở Đài Loan, đó chính là Tôn Lập Nhân. Tôn Lập Nhân ở Đông Bắc, bất hòa với các sỹ quan trường Hoàng Phố, Tưởng Giới Thạch đã điều Tôn tới Đài Loan để huấn luyện biên chế quân mới. Điều này vốn bởi vì Tôn không phải là đích hệ Hoàng Phố, được Tưởng Giới Thạch xỏ cho đôi giày nhỏ, thế mà ngày nay ở trên đảo Đài Loan, Tôn đã đủ sức tranh giành đối địch với Trần Thành. Tôn Lập Nhân từng lưu học ở Mỹ, là học sinh tốt nghiệp trường đại học Pu Tu và học viện quân sự Fouchinia ở Mỹ, trình độ nói và viết tiếng Anh rất lưu loát, đem so sánh với các sỹ quan quân đội Quốc dân đảng tốt nghiệp ở trường quân sự Hoàng Phố và trường sỹ quan quân sự Nhật Bản, đứng trước mặt người Mỹ, rõ ràng là Tôn có u thế lớn hơn nhiều. Thứ nữa là trong cuộc viễn chinh tới Miến Điện ở thời kỳ Đại chiến thế giới lần thứ hai, Tôn Lập Nhân đã từng chỉ huy quân đội giải cứu được 7000 quân Anh cùng các nhà báo Mỹ và các giáo sỹ truyền đạo ra khỏi vòng vây của quân đội Nhật, đã từng nhận được nhiều huân chương chiến công do Chính phủ Anh Mỹ phát cho, đã từng nhận được sự coi trọng sâu sắc của thống soái quân đội Anh là Montgomery và tư lệnh viễn chinh lúc đó là StiWell. Thứ ba là mối quan hệ giữa Tôn Lập Nhân và người Mỹ rất thân thiết. Sau khi kết thúc đại chiến 2, thống soái quân đồng minh châu Âu là Tướng quân Aisenhao đã từng mời Tôn Lập Nhân tới thăm châu Âu. Trong cuộc viếng thăm ba tuần lễ, Tôn Lập Nhân đã trở thành ghé thượng khách của Aisenhao, Đờ gôn, Baton v.v., đã có uy tín nhất định trong giới quân sự và giới chính trị Tây phương. Ngoài ra trong tay Tôn Lập Nhân đã có ba đội quân mới, điều này trong tình hình các cánh quân Quốc dân đảng khác vẫn còn ở đại lục tác chiến với Giải phóng quân, vẫn là một lực lượng quan trọng có thể chi phối được thế lực của Đài Loan. Những điều này đều là nguyên nhân mà người Mỹ yêu cầu Tôn Lập Nhân tham gia chính quyền mới ở Đài Loan, và cũng là nguyên nhân mà Tưởng Giới Thạch cần phải xem xét thái độ của ông ta. Khi Tưởng Giới Thạch còn ở Châu Sơn đã đánh điện báo cho Trần Thành ở Đài Bắc, nói rằng Tưởng chuẩn bị đi Đài Loan. Thế nhưng đã trôi qua một ngày vẫn chưa thấy điện trả lời của Trần Thành. Sau khi Tưởng Giới Thạch tới Mã Công ở Bành Hồ, Tôn Lập Nhân nghe tin đã tới yết kiến, còn Trần Thành thì mãi bốn hôm sau mới bước chân lên Mã Công. Liên Tưởng tới việc ở thượng Hải có người mật vụ bắt sống Tưởng Giới Thạch, việc phò Lý đánh Tưởng, kéo Trần Lập Tôn của người Mỹ, rất nhiều nhân viên quan trọng trong Chính phủ quân Quốc dân đảng yêu cầu Tưởng Giới Thạch lưu vong ra nước ngoài; đối với Trần Thành, Tưởng Giới Thạch không thể không có những điểm đáng nghi ngờ, đối với việc mình có nên hay không nên bước chân lên Đài Loan, Tưởng vẫn còn trù trừ chưa quyết, do đó đã kéo dài tới 10 ngày. Nh phần trên đã đề cập đến, Tưởng Giới Thạch đã sớm có dự định xây dựng cơ nghiệp ở Đài Loan. Trong hồi ức của mình Lý Tông Nhân đã viết: “Trước khi quyết định từ chức, Tưởng tiên sinh đã chuẩn bị vứt bỏ đại lục, lùi về giữ lấy Đài Loan, để quán triệt chính sách cải tạo Đảng của mình, đã trở thành tâm nguyện ba ngôi nhất thể, duy trì một vương triều nhỏ đơn thuần một màu một vẻ. Tưởng càng tin Tưởng sâu sắc sau khi vứt bỏ đại lục, tình thế quốc tế tất sẽ ngày càng biến đổi xấu đi. Đại chiến thế giới lần thứ ba tất sẽ theo đó bùng nổ lập tức sẽ do con người làm nên sự nghiệp, trở về đại lục diễn lại giấc mộng đẹp tiếp thu chính quyền”. Đối với địa vị của Đài Loan, Tưởng Giới Thạch luôn luôn rất coi trọng. Tháng 10 năm 1946, Tưởng Giới Thạch và Tổng Mỹ Linh đã từng tuần tra Đài Loan, từ Đài Loan trở về, Tưởng Giới Thạch vui vẻ nói:- Đài Loan còn chưa bị các phần tử Cộng sản xâm nhập, có thể coi đó là mảnh đất Phật không nhuốm bụi trần. Từ nay về sau ta nên tích cực xây dựng, để cho nó trở thành một tỉnh kiểu mẫu, cho dù Nga, Cộng có xảo trá trăm lần, muốn có tâm địa thôn tính nước ta thì cũng chẳng làm gì nổi ta !Tưởng Giới Thạch còn cảm khái nói:- Thu hoạch trong chuyến tuần tra Đài Loan, còn lớn hơn thu hoạch trong chuyến tuần tra Đông Bắc ! - Rất rõ ràng tháng 10 năm 1946, Tưởng đã hình thành phương pháp suy nghĩ coi Đài Loan là hậu thuẫn cho một cuộc nội chiến. Điều mà Tưởng Giới Thạch chưa nghĩ tới được là chỉ trôi qua 3 năm Tưởng đã bị đuổi lên trên hòn đảo lơ lửng mà năm xa Tưởng đã không ngớt lời

ca tụng. Tháng 1 năm 1949, Tưởng Giới Thạch bị bức phải từ chức liên kiên định phương pháp suy nghĩ xây dựng Đài Loan thành căn cứ chống cộng. Tưởng nói:- Tôi từ chức còn có một mục đích quan trọng đó là địa vị trọng yếu của Đài Loan. Với sự xâm lược của tập đoàn đế quốc Nga, thà có thể mất toàn bộ đại lục, chứ Đài Loan thì không thể không giữ. Nếu tôi không từ chức, cứ từ thủ Nam Kinh thì Đài Loan kia không thể chú ý đến được, thì cũng không thể trở thành pháo đài kiên cường phản cộng chống Nga được. Năm 1936, sau khi tới thăm Đài Loan về, trong nhật ký tôi đã ghi một câu như thế này: Chỉ cần có Đài Loan, thì ta sẽ có thể khôi phục lại Đại lục. Chỉ cần có Đài Loan, cộng sản Đảng sẽ chẳng thể làm gì được ta. Cho dù toàn bộ đại lục có bị cộng sản Đảng cướp đi mất, chỉ cần có Đài Loan thì ta sẽ khôi phục lại được đại lục! Do đó, ta không quan ngại điều chi hết, ta kiên quyết từ chức không hề do dự !”[29], Tưởng Giới Thạch đã nói như vậy, đương nhiên là vì bản thân mình bắt buộc phải hạ đài để gỡ thế bí, thế nhưng cũng đã phản ánh Tưởng thực sự đã có tư Tưởng xây dựng cơ nghiệp lâu dài ở Đài Loan. Đặc biệt là sau khi Giải phóng quân vượt sông, Tưởng Giới Thạch biết rằng “Nửa cõi Giang Nam ...Hạc đứng gió gào, cây cỏ cũng đều là quân lính cả” (Lời của Tưởng Kinh Quốc), càng thấy rõ địa vị đặc biệt độc đáo và quan trọng của Đài Loan. Tưởng Giới Thạch còn nói: “Đài Loan còn cần phải dự tính những tình huống xấu nhất và sự chuẩn bị bất trắc, khiến cho Đài Loan trở thành căn cứ phục Hưng dân tộc. Theo “Tống Mỹ Linh truyện” của Trần Khải Văn nói, Tôn Trung Sơn tiên sinh từng nói với Tưởng Giới Thạch “Nội chiến không ra tới Đài Loan, ngoại chiến không ra tới Tứ Xuyên”. Nếu như vậy thì khi nền thống trị ở đại lục của Tưởng Giới Thạch bị gió ma vui dập nguy ngập chao đảo thì lại càng thực sự nhận thức một cách sâu sắc tới ý nghĩa cực kỳ to lớn trong việc xây dựng cơ nghiệp ở Đài Loan. Thế nhưng do vì nguyên nhân “mây trắng gió xanh”, Tưởng đã suy nghĩ nát óc muốn coi Đài Loan ở gần trước mắt làm mảnh đất dung thân, thế nhưng lại không dám tùy tiện vội vàng bước đi, trong lòng Tưởng sao lại chẳng có nỗi khổ “lu vong” ? Thế nhưng, qua sự trăn trở tính toán, Tưởng Giới Thạch đã quyết tâm bước lên đảo. Tuy quyết tâm của Tưởng Giới Thạch đã định, thế nhưng vẫn chưa dám bay thẳng tới Đài Bắc, mà là trước hết tới Công Sơn, rồi chuyển đến Cao Hùng. Sở dĩ Tưởng Giới Thạch bước lên bờ phía nam Đảo Đài Loan, không những là bởi vì nơi đây là phạm vi thế lực của Tôn Lập Nhân, hơn thế còn bởi vì Bành Mạnh Tập cũng ở đây. Tưởng Giới Thạch vẫn không thật sự yên tâm đối với Trần Thành. Bành Mạnh Tập lúc đó là phó tư lệnh Bộ tư lệnh Bảo an Đài Loan, là người thân tín đáng tin cậy nhất của Tưởng Giới Thạch. Trong thời gian Đông chinh, Bắc phạt suốt 20 năm trời, Bành Mạnh Tập luôn luôn là vệ sĩ trong đại đội vệ sĩ của Tưởng Giới Thạch. Tháng 8 năm 1927, sau khi Tưởng Giới Thạch từ chức lần thứ nhất, Tưởng đã đích thân điếm danh cho Bành cùng 21 người khác tới Nhật Bản học tập quân sự. Cuối cùng thì Tưởng Giới Thạch đã đặt chân được lên đảo Đài Loan, thế nhưng trái tim của Tưởng không được thực sự vững vàng. Tưởng vừa nhìn thấy Tôn Lập Nhân và Bành Mạnh Tập tới ngênh tiếp, liền mở miệng hỏi ngay:- Ta ở đây có được an toàn không ? Tôn Lập Nhân nhanh mồm nhanh miệng nói:- Có chúng con bảo vệ, ai dám làm gì được cụ Tổng tài ạ ? Nghe nói, những lời này đã lọt vào tai Trần Thành, Trần rất không hài lòng. Sáu năm sau, Tôn Lập Nhân bởi “Sự kiện binh biến”, “từ chức”, nhà đương cục Đài Loan đã cử 9 nhân viên quan trọng tổ chức thành “ey ban điều tra” tiến hành trình sát thăm dò đối với Tôn, Trần Thành là Chủ tịch ey ban, đâu có còn đối xử tốt với Tôn Lập Nhân được ? Có điều, đây đã là chuyện về sau. Ngày 31 tháng 5, Tưởng Giới Thạch dự thảo kế hoạch phòng thủ và cai trị Đài Loan ở Cao Hùng. Ngày mùng 2 tháng 6, bọn Trần Thành v.v... đã triệu tập các thành viên quan trọng trong Quốc dân đảng tới họp ở Cao Hùng, để nghiên cứu các vấn đề chính quân phòng bị và các vấn đề chính trị quân sự khác của Đài Loan. Cuối cùng, Tưởng Giới Thạch cho rằng Trần Thành quả thực không có ý đồ “hành động khác”, đến ngày 26 tháng 6 mới rời tới Thảo Sơn ở Đài Bắc.

3. Tưởng Giới Thạch đã chạy trốn khỏi đại lục như thế nào ?

ở Đài Loan, khi Tưởng Giới Thạch thực sự tin Tưởng Trần Thành, Tôn Lập Nhân đối với Tưởng cha có hai lòng, để thực sự đảm bảo cho Đài Loan, căn cứ chống cộng này, Tưởng đã phải tốn bao tâm sức. Tuy đại bộ phận đất đai Giang Nam lúc đó vẫn ở dưới ách thống trị của Chính phủ Quốc dân đảng, mặc dù Chính phủ Lý Tông Nhân đang ở Quảng Châu, Tưởng Giới Thạch đã quyết tâm xây dựng Đài Loan trở thành trung tâm của nền thống trị Quốc dân đảng. Vì vậy, Tưởng đã chủ trì việc hoạch định kế hoạch “Xây dựng Đài Loan. Mân (Phúc Kiến) Việt (Quảng Đông), khống chế Lũng Quảng, mở mang Xuyên (Tứ Xuyên) Điền (Vân Nam),” thiết lập xây dựng một hệ thống dây xích trên biển phía bắc nối liền Thanh Đảo với các đảo Trường Sơn, đoạn giữa là quần đảo Châu Sơn, nam tới đảo Đài Loan, Hải nam để phong tỏa, bao vây đại lục, làm căn cứ phản công trong tương lai. Để thực hiện kế hoạch này, Tưởng Giới

Thạch đã không thể cứ chờ đợi mãi ở Đảo Đài Loan, tức thì Tưởng đã nhiều lần qua lại giữa Đài Bắc với Quảng Châu, Phúc Châu, Trùng Khánh, Thành Đô, để làm các việc sắp xếp nhân sự và điều chỉnh lực lượng. Mặc dù lúc này ở trong Chính phủ, Tưởng không có bất kỳ chức vụ gì, chỉ là một người “bình dân” (lời của Lý Tông Nhân), thế nhưng trái lại Tưởng có thể điều động quân đội, miễn nhiệm, phong hàm đại sứ, mặc dù Lý Tông Nhân lúc này là Nguyên thủ quốc gia trên mặt “Hệ thống pháp luật”. Có điều là kế hoạch của Tưởng Giới Thạch đã bị phá sản rất nhanh chóng. Trong kế hoạch của Tưởng Giới Thạch, Tưởng đã đem trọng điểm phòng thủ đặt ở duyên hải phía Đông nam, đặc biệt coi trọng việc phòng thủ Phúc Kiến. Khi đi tuần sát Phúc Kiến, Tưởng Giới Thạch đặc biệt nhấn mạnh: “Đài Loan là đầu lâu, Phúc Kiến chính là chân tay, không có Phúc Kiến tức là không thể bảo vệ chắc chắn Đài Loan được”. Thế nhưng đến hạ tuần tháng 8, phần đại lục của Phúc Kiến đã hoàn toàn bị Giải phóng quân chiếm lĩnh. Trung tuần tháng 10, quân chủ lực của tập đoàn Bạch Sùng Hy đã bị tiêu diệt ở biên giới tương Quế (Hồ Nam, Quảng Tây). Đầu tháng 11, toàn tỉnh Quảng Đông, ngoài đảo Hải Nam ra, đều đã được giải phóng. Tới trung tuần tháng 12, chiến dịch Quảng Tây của Quân giải phóng cũng đã kết thúc thắng lợi. Mãn Việt, Lũng Quảng trong kế hoạch của Tưởng Giới Thạch đã mất hết, chỉ còn Đài Loan và Xuyên Điện. Cho nên chuyên cơ của Tưởng Giới Thạch cứ đi đi về về ở giữa Đài Bắc và Bình nguyên Xuyên Tây. Lúc này Tưởng Giới Thạch vẫn còn ảo Tưởng. Tưởng cho rằng chỉ cần giữ được bình nguyên Thành Đô trong vòng 6 tháng thì sẽ có thể bắt được người Mỹ xuất quân chi viện, và cũng có thể dẫn tới việc Liên Xô xuất quân chi viện Trung Cộng, như vậy thì sẽ dẫn tới Đại chiến thế giới lần thứ 3. Cho nên Tưởng không những đã phủ định kiến nghị của Hồ Tông Nam nhanh chóng rút quân về Tây xương rồi chuyển tới biên giới Điện Việt, còn ra lệnh tổ chức cuộc đại chiến ở Xuyên Tây[30]. Tưởng Giới Thạch không nghĩ được rằng, quyết định này của Tưởng, cuối cùng đã dẫn đến bị tiêu diệt hoàn toàn của tập đoàn Hồ Tông Nam, một tập đoàn chiến lược cuối cùng hơn 40 vạn tên ở trên đại lục của Quốc dân đảng. Tưởng Giới Thạch càng không nghĩ được rằng, cuối cùng ông ta không thể không vội vàng tháo chạy từ Thành Đô, từ Thành Đô này ông ta đã vĩnh viễn phải xa rời đại lục.

Tưởng Giới Thạch đã từ Thành Đô trốn khỏi đại lục như thế nào ? Ngày 30 tháng 11 năm 1949, Tưởng Giới Thạch ngồi chuyên cơ nhãn hiệu Trung Mỹ bay tới Thành Đô. Những tùy tùng cùng đi theo có Hoàng Thiệu Cốc, Du Tế Thòi, Cốc Chính Cong, Đào Hy Thánh, Tưởng Kinh Quốc, Thẩm xương Hoán, Chu Hồng Đào v.v... Từ sau khi kháng chiến thắng lợi tới Nam Kinh “Bè đào”, có đến 5 năm Tưởng Giới Thạch vẫn chưa tới Tứ Xuyên, lẽ dĩ nhiên cũng chưa tới Thành Đô. Thế nhưng trong hơn hai tháng từ ngày 12 tháng 9 năm 1949 tới nay, Tưởng đã tới Thành Đô lần thứ hai. Ngày 12 tháng 9, lần thứ nhất Tưởng tới Thành Đô, mục đích chủ yếu là tuần sát địa phương, lôi kéo những phái có thế lực ở địa phương Tứ Xuyên, để ổn định Tứ Xuyên, để chuẩn bị cho việc Tưởng điều binh khiển Tướng bảo vệ Đại Tây Nam. Trong 5 ngày Tưởng ở Thành Đô đã nhiều lần tiếp kiến vương Lăng Cơ, Đặng Tích Hâu, lưu Văn Huy, Hống Truyền Nghĩa, vương Toàn Tự, Hùng Khắc Vũ, phương Thúc Hiên, Hoàng Quý Lục, Tăng Khoát Tinh v.v.. hơn nữa còn mời họ cùng ăn bữa cơm tra. Tưởng Giới Thạch còn mời hơn 380 vị thân sĩ các giới của Thành Đô tham dự hội nghị trả thoại của Tưởng. Tưởng nói:

- Hơn bốn năm rồi cha được gặp mặt các cụ phụ lão Thành Đô, lòng rất nhớ nhung. Tôi muốn cảm ơn những công hiến vĩ đại trong 8 năm kháng chiến và 4 năm dẹp loạn mà nhân dân Tứ Xuyên đã giúp đỡ. Chỉ cần mọi người đoàn kết đồng tâm, tất sẽ giành được thắng lợi cuối cùng !

Thậm chí Tưởng Giới Thạch còn tiếp kiến cả những con cháu họ hàng của những nhân vật quan trọng trong Chính quyền Tứ Xuyên mà nay đã chết rồi như L tương, Lý Gia Ngọc, Hứa Quốc chương, Nhiêu Quốc Hoa v.v..hơn thế còn tặng họ một số tiền bạc để biểu thị lòng quan tâm chăm sóc. Tưởng Giới Thạch quyết tâm xây dựng cơ nghiệp ở Tứ Xuyên, quyết tâm lôi kéo các phe phái có thực lực ở địa phương Tứ Xuyên để tiến hành cuộc quyết chiến

- ọc vào các anh. Ngày nay, cộng phi ở mọi nơi, làm sao có thì giờ luận bàn đạo lý. Cần phải tiêu diệt chúng, chẳng qua cũng chỉ giống như gió thu quét sạch lá rụng mà thôi ! - Nói đến đây không hiểu vì sao, Tưởng bắt đầu có sự đau buồn từ bên trong phát ra - Tôi rất đau lòng, rất nhiều học sinh của tôi đã phản bội lại tôi ...Tôi hy vọng rằng các anh, những học sinh khóa này cần phải trung thành với Đảng quốc...” tiếp đó, ngôn ngữ của Tưởng đã chẳng còn thứ tự gì, nước mắt giàn dụa, sau đó khóc nức nở, miệng cũng không điều khiển nổi nữa. Bỗng nhiên, hơn 6000 thầy trò đều trợn mắt ra nhìn: Hàm răng giả của Tưởng

Giới Thạch rơi ra, rụng xuống. Tường há hốc mồm, trau mày nhăn mặt, tỏ ra rất khó chịu. Các quan chức theo Tường đứng ở hai bên, đứng ở đằng sau đều rất ngơ ngẩn, người nọ nhìn mặt người kia, không biết làm thế nào cho phải. Chỉ có Tường Kinh Quốc phản ứng nhanh nhạy, trầm lắng bình tĩnh, thân nhiên bước lại, cúi gập mình xuống nhặt bộ răng giả lên rồi liếc mắt ra hiệu cho hai tên lính thị vệ dìu Tường Giới Thạch về phía sau hội trường. Viên sĩ quan đảm nhiệm tổng chỉ huy cuộc duyệt binh, vội vã chạy lên đài kiểm duyệt, điều chỉnh đội hình đội ngũ, chuẩn bị tiến hành đội hình đội ngũ, chuẩn bị tiến hành đội hình điều binh. Cuộc huấn thị của Tường Giới Thạch như vậy là cha xong đã kết thúc. Chẳng ngờ, sau khi bắt đầu đội hình điều binh lại xảy ra sự việc. Lần này tuy không phải là bản thân Tường Giới Thạch, nhưng lại làm cho Tường hoảng sợ giật bắn mình. Khi Tường Giới Thạch đã cầm lại được hàm răng giả, lau khô nước mắt, lại một lần nữa xuất hiện ở trên đài kiểm duyệt các đội ngũ của trường quân sự đều đã chuẩn bị hoàn tất. Tức thì từng đội ngũ bộ binh tề chỉnh bắt đầu điều qua đài kiểm duyệt. Tường Giới Thạch cảm thấy hài lòng, trên mặt đã để lộ ra nụ cười. Sau khi đội ngũ bộ binh đi hết là đội ngũ pháo binh. Đây là các học viên khoa pháo của trường quân sự Hoàng phố. Năm 1907 khi Tường Giới Thạch sang Nhật lưu học đã học ở trường Chấn Vũ, những điều học được chính là chuyên nghiệp về pháo binh. Đối với pháo binh, địa vị ở trong gia tộc vũ khí đã có sự hiểu biết đầy đủ. Tường hy vọng pháo binh trong cuộc quyết chiến ở Xuyên Tây sắp tới sẽ có được những biểu hiện nổi trội, liền giơ tay mím môi tỏ ý với đội ngũ pháo binh. Việc giơ tay của Tường cũng không cấp bách, một xe chở pháo bỗng đứng sững lại ở trước đài kiểm duyệt. Tình hình đột xuất này đã khiến cho Tường Giới Thạch giật mình kinh sợ, cũng khiến cho các sĩ quan chỉ huy cuộc duyệt binh tinh thần hoảng loạn, họ đều sợ sẽ xảy ra sự kiện hành thích, ở trên đài chỉ huy Tường không biết làm thế nào, bọn lính cận vệ thì như là đứng trước quân địch, tổng chỉ huy cuộc duyệt binh tay cầm súng lăm lăm vội vàng, chạy về phía chiếc xe chở pháo thấy Tường Giới Thạch giơ tay vẫy mình, lại cho rằng Tường Giới Thạch muốn nói gì, hoảng sợ quá vội hãm sừng xe lại, đỗ ngay trước đài kiểm tra duyệt binh. Sau khi viên tổng chỉ huy cuộc duyệt binh hiểu rõ sự việc, liền ra lệnh cho xe chở pháo, lập tức cho xe phải chạy đi ngay. Thế nhưng máy động cơ lúc này đã tắt lửa, người lái xe lôi cả bó dây điện ra mà vẫn không tìm thấy bệnh, lo sợ quá, trên mặt mồ hôi đầm đìa mà vẫn không giải quyết được, các xe chở pháo ở phía sau cũng đều ứ tắc cả lại, cả bãi duyệt binh tràn đầy hỗn loạn. Sĩ quan chỉ huy nhìn thấy cảnh tượng này đành phải hạ lệnh tất cả xúm lại đẩy chiếc xe chở pháo này ra khỏi bãi. Cuộc duyệt binh lại tiếp tục tiến hành. Thế nhưng mãi cho đến lúc kết thúc, Tường Giới Thạch vẫn cứ nhăn mày chau mặt, chẳng lộ ra một nụ cười. Sau khi hoàn tất cuộc duyệt binh, Tường lặng lẽ không nói gì cả, ông lạnh lùng bước xuống đài duyệt binh. Tường Giới Thạch rời khỏi Thành Đô vào ngày 17 tháng 9, đến ngày 30 tháng 11 khi Tường trở lại Thành Đô, càng thêm buồn rầu ảo não. Tạm thời cha nói tới cảnh vật đổi sao dời, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã tuyên bố thành lập, nước Trung Hoa Dân quốc của Tường cũng đã sớm tiêu vong rồi, cũng không nói tới việc giải phóng quân đã đập tan được quân đội Tổng Hy Liêm canh giữ cửa ngõ phía Đông Tứ Xuyên, Trùng Khánh nguy cấp như trứng để đầu gậy, ngay cả đến tình hình khi Tường Giới Thạch từ Trùng Khánh chạy trốn về Thành Đô cũng đã đủ để cho ông rầu lòng. Tường Kinh Quốc từng nghĩ lại nói:

- “Vào lúc 4 giờ chiều ngày hôm đó (ngày 29-11 - người viết chú thích) Cha tôi bỗng ra lệnh lái xe tới thăm khu vực thành phố Trùng Khánh. Lúc đó, trong thành phố Trùng Khánh rối loạn hết mức, lòng người lo sợ, đại thể là không thể giữ nổi một ngày. Nhân viên các cơ quan vội vã thu xếp để chạy trốn, hầu như họ đã đi gần hết rồi. Xe của cha tôi trước hết lái tới Bộ tư lệnh bảo vệ thành phố. Nào ngờ bên trong Bộ tư lệnh to lớn đồ sộ như vậy mà chỉ còn lại có mấy tên cảnh vệ, hai tên sĩ quan phụ tá, còn những người khác thì đã chạy hết trơn. Cha tôi nói với tên sĩ quan phụ tá: “Khi anh gặp Dương tư lệnh, thì báo cáo cho ông ta biết tôi đã tới đây!”. Sau khi ra khỏi Bộ tư lệnh bảo vệ thành phố, cha tôi lại ra lệnh lái xe tới thăm ẹy ban quân sự của thời kỳ kháng chiến, tình hình thê lương chưa xót trên đường, khó có thể hình dung nổi!”

Cuốn nhật ký “Mùa thu nguy cấp mất còn” của Tường Kinh Quốc đã được công bố, có đoạn viết như sau: “Ngày 29 - Tình hình cuộc chiến ở tiền phương rất quyết liệt, thế cuộc nguy nan, Trùng Khánh đã bị bao vây. Còn cha tôi thì cứ chần chừ không chịu rời khỏi Du (Tứ Xuyên - Trùng Khánh). Tinh thần trách nhiệm và quyết tâm đối với Cách mạng của người, đã cảm động lòng người sâu sắc, thật khó có bút mực nào hình dung nổi. Vào lúc 10 giờ đêm, tiếng súng nổ vang vọng ở phía sau vờn rừng, tôi đành phải báo cáo tình hình thực với cha tôi, hy vọng rằng người sẽ sớm rời khỏi khu vực nguy hiểm này. Đồng thời La Quảng Văn từ mặt trận chạy về báo cáo, biết được quân đội của hân đã bị bộ đội phi đánh bại. Còn tiếng

nổ ở trong các bình công xưởng xung quanh lại vang lên bốn phía, liên hồi không ngớt. Lúc này ở trước vòm rừng hang núi, ô tô chật ních, đường không thông xe, hỗn loạn ầm ào, từ trước tới nay cha hề thấy. Cho nên quyết không thể nán ná chần chừ nên phải quyết định tới sân bay đóng quân. Trên đường đi xe pháo vì tắc nghẽn ba lần, không sao tiến lên được. Bất đắc dĩ, cha tôi phải xuống xe đi bộ, sau đó ngồi lên xe Jép quân sự mới đi được, nửa đêm cha tôi tới sân bay leo lên ngủ qua đêm ở trên chiếc chuyên cơ nhãn hiệu Trung Mỹ.

Đối với vấn đề “gặp biến không kinh sợ”, “Bình tĩnh và trấn tĩnh” cùng với “Tinh thần trách nhiệm cách mạng” của Tưởng Giới Thạch, vị học giả Đài Loan là Lý Ngạo đã bình luận nói: Bởi vì Tưởng Giới Thạch có chuyên cơ “Đã có được chuyên cơ, lẽ dĩ nhiên phương tiện cũng dễ hơn người thường, bất kỳ địa phương nào cũng đều có thể tới sớm được, cũng có thể về muộn được, khỏi phải lo nghĩ gì đến việc đi lại”. Kỳ thực, khi Tưởng Giới Thạch rời khỏi Trùng Khánh còn gặp phải một số phiền phức nữa, Tưởng Kinh Quốc không nói ra. Một đại đặc công có tên là vương Bồ Thần trong bài văn truy điệu Mao Nhân Phụng có đề lộ ra một chút ít. Ông ta viết: “Tháng 8 cùng năm (năm 1949 - người viết chú thích), tôi nhận được lệnh từ Đài tới Du chủ trì công tác huấn luyện. Lãnh tụ (chỉ Tưởng Giới Thạch) và Tiên sinh (chỉ Mao Nhân Phụng) đều ở đó vạch kế hoạch sắp xếp công việc. Tới đầu tháng 12 (phải là cuối tháng 11) Trùng Khánh đã vô cùng gay go căng thẳng rồi, tiên sinh nói với chúng tôi: “Các anh, những người không có nhiệm vụ có thể lần lượt triệt thoái trước đi. Nếu không, sau này sẽ không đi được đâu !” Tôi hỏi: “- Khi nào tiên sinh ra đi ạ?” Tiên sinh nói: - “Lãnh tụ còn ở đây, làm sao ta có thể đi được. các anh không cần phải chờ ta. Vạn nhất thời cuộc biến hóa, đã tới lúc chẳng theo ý người thì cá nhân ta chỉ có đi theo lãnh tụ!”. Tình hình ngày một khẩn trương, cảnh sát Trùng Khánh đã triệt thoái hết. Xe pháo trên mỗi con đường, đều chật ních, cho dù là xe của lãnh tụ cũng chẳng có cách gì đi được. Lúc đó tiên sinh đã vận dụng kỹ thuật đặc chủng, cuối cùng cũng đã đưa được lãnh tụ tới nơi an toàn!”

Mao Nhân Phụng đã dùng “Kỹ thuật đặc chủng” gì. vương Phủ Thần không nói rõ, nói chung đều cho rằng ông đã sử dụng xe tăng hoặc xe bọc thép. Bất kể là dùng thứ gì, việc Tưởng Giới Thạch trốn khỏi Trùng Khánh khẳng định là đã vấp phải khó khăn rất lớn, dẫn đến trên đường đi đã bị lỗ mất nhiều tiếng đồng hồ. Cộng thêm việc thất thủ Trùng Khánh, thủ đô phụ này của Quốc dân đảng sao lại chẳng khiến ông buồn rầu, đau đớn? Cho nên ngày 30 tháng 11, khi tới Thành Đô, Tưởng đã nói với Trương Quần, lưu Văn Huy v.v... rằng:

- Đã hết rồi, Trùng Khánh thất thủ, nơi đó đã trở thành bãi đất hoang tàn đổ nát. Khi bọn chúng ta rời xa nó, quốc quân đang phá hoại các bình công xưởng, những tiếng nổ dữ dội đã làm chấn động vỡ hết các cửa kính nơi ta ở rồi !

Thế thì về sau tình hình Tưởng Giới Thạch ở Thành Đô lại như thế nào ? Cuối cùng Tưởng đã từ Thành Đô chạy trốn khỏi đại lục như thế nào ? Tưởng Giới Thạch đến Thành Đô lần thứ hai, chủ yếu là bố trí cuộc đánh nhau ở Xuyên Tây. Tưởng đã nhiều lần triệu tập Cố Chúc Đồng, Hồ Tông Nam, vương Lăng Cơ v.v...tới nghiên cứu kế hoạch tác chiến. Tuy có nhiều loại phương án, thế nhưng phương pháp tư Tưởng cơ bản là cô thủ Bắc Xuyên Tây và Tây xương, trước hết phải đánh thắng một trận giòn giã ở gần Thành Đô, làm ngừng trệ cuộc tấn công của Giải phóng quân, rồi chờ sự biến đổi của tình hình quốc tế, lấy đó để Đông Sơn tái khởi. Để đạt được mục đích này, Tưởng quyết định ổn định quân tâm và dân tâm. Trước tiên Tưởng ra lệnh cho Ngân hàng Trung ương lấy ra 500 lạng vàng để ổn định lại thị trường tiền tệ đình đốn, khiến cho tầng lớp thị dân có thể đem những tập đồng bạc trắng đã biến thành một chĩnh không đáng ra đổi lấy một chút vàng (Căn cứ vào ghi chép trong tủ hồ sơ: cuối cùng thì thị dân toàn thành phố đã đổi mất 135 lạng, số vàng còn lại không biết đã nhét vào trong hầu bao của ai. Tưởng Giới Thạch cũng bị mắc lừa trò bịp này). Sau đó Tưởng điểm danh một số quyền thuộc của các sĩ quan quân đội đang dẫn quân đi đánh trận, đưa hết tới Đài Loan, đề “ổn định quân tâm”, không ngờ rằng rất nhiều sĩ quan quân đội đã cho rằng quyền thuộc của mình đã bị lôi đi làm con tin, trái lại đã khiến cho quân đội càng dao động bất an. Thứ ba là, Tưởng hạ lệnh cho Diêm Tích Sơn tổ chức “Phản Cộng cứu quốc đoàn”, Diêm đích thân làm đoàn trưởng, hạ lệnh cho trường quân sự Hoàng Phố tuyển chọn học sinh Hoàng Phố khóa 24 và Ban huấn luyện sĩ quan quân đội khóa 17. Thứ t, là, Tưởng một lần nữa kiểm tra lại học sinh Hoàng Phố, để cho họ sung sướng phấn khởi. Ai ngờ lần kiểm tra này lại xảy ra một tình huống ngoài dự liệu. Chín giờ rồi sáng ngày mùng 3 tháng 12, Tưởng Giới Thạch được những người như Trương Quần

tháp tùng, bước lên đài kiểm tra. Đầu tiên là lá “quốc kỳ” được kéo lên trong tiếng “quốc ca” của “Trung Hoa dân quốc”. Tiếng nhạc vang lên, là cờ thanh thiên bạch nhật bắt đầu vung cao lên đỉnh cột cờ, tiếng hát ê a rền rĩ, tiếng rờn rọc cột kết vang lên. Khi lá cờ sắp sửa kéo lên tới đỉnh ngọn cột cờ, bỗng nhiên, sợi dây thừng buộc lá cờ bị đứt ở quãng giữa, sau đó tiếng rờn rọc cột kết vang lên ở đầu cột một hồi xé tai, lá cờ đỏ và nửa sợi dây thừng đó rơi mạnh xuống đất. Sự việc xảy ra quá bất ngờ, nhất thời không ai trốn tránh được. Tưởng Giới Thạch cũng lặng yên bất động đứng ở trên đài, ngây đại nhìn lá cờ nằm ở dưới đất. Cuối cùng, có người nghĩ tới còn phải tiến hành đội hình diễu binh, không có lá cờ này thì không được. Tức thì tên lính kéo cờ vội vàng hạ đổ cột cờ xuống, buộc lại chiếc dây thừng rồi kéo lá cờ lên cao. Sau khi đội hình diễu binh kết thúc, Tưởng Giới Thạch bước xuống đài duyệt binh, lần lượt bắt tay từng học viên vừa được duyệt binh. Nghe nói là đã dùng hết thời gian hơn một tiếng đồng hồ. Buổi tối Tưởng lại gợi ý cho nhà trường chiếu bộ phim “Văn Thiên tường” cho các học viên xem, để chứng minh thực tiễn lời huấn thị “không thành công thì cũng thành nhân”. Lần này Tưởng Giới Thạch ở Thành Đô còn phát biểu một bài diễn thuyết dài với nhà báo Thông tấn xã Liên Mỹ. Buổi chiều ngày mùng 4 tháng 12, Tưởng Giới Thạch nói với Mu Sa, nhà báo Mỹ rằng: “Lần này nhận lời mời của Quyền tổng thống Lý tôi vào Tứ Xuyên, vừa hay gặp Cộng quân xâm nhập Xuyên Đông, thủ đô phụ nguy cấp ... Tôi là một phần tử của quốc dân có trách nhiệm phải lãnh đạo cuộc cách mạng của quốc dân, duy chỉ có mang hết mọi lực lượng, không thoái thác bất kỳ gian nan nguy hiểm nào, hiệp lực giúp đỡ Chính phủ cùng phấn đấu chung với quân dân đại lục. Trùng Khánh bị xâm lăng, cục thế vùng Tây Nam càng bước vào cảnh khổ sở. Thế nhưng nhân sĩ các nước dân chủ trên thế giới nên biết rằng cuộc chiến đấu chống cộng ở đại lục Trung Quốc, không những cha đình chỉ, trái lại, còn không tiếc bất kỳ sự trả giá nào, bất kỳ sự hy sinh nào, mà đang ngày càng có xu hướng mở rộng, khắc sâu trong quân đội tập kết ở các nơi, khiến cho cuộc chiến đấu chống cộng ở Tây Nam được giữ vững lâu dài. ở đằng sau bức màn thép, những dân chúng bị cộng phi áp bức tại các vùng lưu vực Trường Giang, Triết Giang, Hà Nam. Sơn Đông, Phúc Kiến và Quảng Đông v.v... đã nổi lên như ong ở mọi nơi để phản đối chủ nghĩa cực quyền. Đối với các đội du kích ở Địch hậu tôi sẽ hết lòng ủng hộ và giúp đỡ. Cộng Đảng Trung Quốc dưới sự chỉ huy của Mátxcova, hòng dùng bạo lực để thôn tính quốc gia Trung Quốc, nô dịch 450 triệu nhân dân Trung Quốc. Thế nhưng, nhân dân Trung Quốc dưới ngọn cờ Thanh thiên bạch nhật, chiến đấu vì độc lập tự do, tuyệt đối không một bạo lực nào có thể khuất phục được. Hiện tại tôi đang chiến đấu ở khu tự do, chiến đấu ở khu phi, chiến đấu ở nông thôn, thành thị, trường học và nhà máy”. Bài diễn thuyết dài dòng này của Tưởng Giới Thạch, một là muốn danh chính ngôn thuận bản thân vào Xuyên làm chủ Chính phủ với danh nghĩa là nhận lời mời của Lý Tông Nhân mà đến. Hai là mong muốn nhà báo Mỹ có một “bài báo chính xác” về cuộc chiến tranh chống cộng mà Tưởng đang tiến hành. Ba là nói tới kết cấu tư Tưởng đối với cuộc chiến tranh chống Cộng từ nay về sau của Tưởng. Tưởng Giới Thạch đã kiểm thảo sâu sắc những nguyên nhân dẫn tới nhanh chóng thất bại của Quốc dân đảng. Tưởng nói: “Tại sao “quốc dân” có thể dẫn tới mức độ mất hết niềm tin, tinh thần tan rã như ngày nay ? Cộng sản Đảng đánh bại Quốc dân đảng, chẳng phải là họ có ba đầu sáu tay, mà chính là Quốc dân đảng hủ bại vô năng, là “những nhược điểm của mình đã đánh bại mình, những cảm giác tự ti của mình, đã hù dọa làm mình thất bại”. “Lực lượng của Cộng sản Đảng, trước cuộc kháng chiến yếu ớt không đầy đủ, tiêu diệt chúng đã không thành vấn đề. Cuộc kháng chiến có nhiên đã đem lại cơ hội phát triển của họ. Thế nhưng ngay chính bản thân họ cũng không mong Tưởng được đã có ngày hôm nay. Bởi vì những nhược điểm của chúng ta đã bị họ tóm được ...dần dần diễn biến thành cục diện đồ nát như ngày nay !Tưởng Giới Thạch còn nói: “Chúng ta nếu muốn chuyển bại thành thắng, mấu chốt vẫn phải nắm chắc ở trong ta. Thất bại chỉ là do bản thân ta tạo thành. Thành công cũng phải do bản thân ta nỗ lực. Chỉ có cải tạo mình, coi trọng mình, triệt để cảnh sinh, kiên trì niềm tin, mới có thể đánh bại được Cộng Sản Đảng”.

Tưởng Giới Thạch còn nói với Mu Sa:- Bản thân tôi cha hề chống lại và vứt bỏ quốc gia dân chủ. Trong đại chiến thế giới lần thứ hai, trước sau tôi vẫn đứng ở mũi nhọn của mặt trận chống xâm lược . Ngày nay bản thân tôi cũng vẫn như vậy. Tuy bản thân tôi đã gặp rất nhiều trắc trở, thế nhưng tôi không hề nản chí. Kinh Thánh đã nói: Ta đã tuyên thệ, tuy bản thân mình bị hại, cũng không thể đổi thay. Các quốc gia dân chủ nếu đánh giá thấp tầm quan trọng của cuộc chiến tranh chống cộng của Trung Quốc, tất nhiên sẽ có hại cho nền độc lập an toàn và tự do của chính nước họ. Bản thân tôi từ nay về sau sẽ tiếp tục chiến đấu vì độc lập tự do của đất nước. Trên con đường phấn đấu của tôi có thể sẽ gặp rất nhiều khó khăn trở ngại, nhưng tôi vẫn tin Tưởng sâu sắc rằng cuộc chiến tranh chống cộng nhất định sẽ giành được thắng lợi sau này !” Lời nói này của Tưởng Giới Thạch, lẽ dĩ nhiên là nói để cho người Mỹ nghe, Tưởng hy vọng

rằng có thể sẽ lại giành được sự ủng hộ mới của Chính phủ Mỹ. Lần thứ hai tới Thành Đô của Tưởng Giới Thạch, vô cùng bận rộn, dốc hết sức “bảo vệ” Thành Đô. Thế nhưng tình hình Thành Đô, trái lại, ngày một “xấu đi”. Tưởng Giới Thạch không thể không có dự tính chạy trốn. Ngày mùng 1 tháng 12, Tưởng đã triệu tập “Bộ trưởng bộ tài chính” Quan Cát Ngọc và tư lệnh không quân vương Thúc Minh tới nơi ở của Tưởng tại trường quân sự Hoàng Phố, ra nghiêm lệnh cho hai người phải phối hợp mật thiết với nhau, đem tất cả tiền mặt, vàng, ngoại tệ còn lại phải lập tức bí mật vận chuyển hết tới Đài Loan. Sự lo lắng của Tưởng Giới Thạch thực ra chẳng phải là quá buồn rầu. Khi đại binh Giải phóng quân áp sát biên giới, tổ chức bí mật của Đảng cộng sản ở Thành Đô cũng rất sôi nổi hoạt bát, đang vạch kế hoạch nã pháo vào “Lầu Hoàng Phố” mà Tưởng Giới Thạch ở và nghĩ cách bắt sống Tưởng Giới Thạch. Trong trường Hoàng Phố cũng luôn xảy ra các sự việc, khiến cho Tưởng Giới Thạch lo lắng sợ sệt rất không yên tâm. Sáng sớm ngày 5 tháng 12, khi một vệ sĩ của Tưởng Giới Thạch bước vào nhà xí đem một chiếc thắt lưng có gài hai khẩu súng lục kiểu Nhật Bản tiện tay vắt ở trên cửa gỗ vào trong nhà xí, trong nháy mắt đã không biết người đó đi về hướng nào. Phía hữu quan đã hoài nghi là có người muốn mưu sát Tưởng Giới Thạch, tức thì họ đã tiến hành lục soát trong phạm vi toàn trường. Thế nhưng lục soát suốt cả ngày mà chẳng tìm được ra kết quả gì. Ngày hôm đó Tưởng Giới Thạch cứ ở lì không ra khỏi lầu Hoàng Phố, kế hoạch vốn dự định đi thăm khu thành phố cũng bị thủ tiêu Tưởng Giới Thạch nổi giận âm ỉ. Thế nhưng đợt sóng này chưa yên, thì đợt sóng khác đã nổi dậy. Vào lúc trên dưới 12 giờ đêm hôm ấy, Tưởng Giới Thạch vừa nằm mơ, bỗng nhiên ở dưới lầu Hoàng Phố đã vang lên tiếng súng nổ ròn rã. Trong trường Hoàng Phố phút chốc đèn lửa sáng choang những bóng quỷ lơ lơ, tiếng người hỗn loạn, tiếng chân chạy tiếng gào thét vang lên huyền ảo. Đội cận vệ của Tưởng Giới Thạch như gặp đội quạ đen phải cò súng đã mở chốt bảo hiểm, một băng đạn bắn vung lên trời, khiến cho mọi người hoảng hốt nhẩy cả xuống hồ Hoa Thanh. Sau khi Tưởng Giới Thạch được biết rõ tình tiết, lửa bực tức ngút trời, đã quát chửi Trương Diệu Minh vừa mới được lên làm chức hiệu trưởng trường Hoàng Phố là “Đồ con lợn !”, nhận định trong nội bộ trường nhất định có phần tử Cộng sản tuyên truyền nổi loạn, liền hạ lệnh cho hẩn triệt để điều tra, triệt để lục soát. Nghe nói sau đó có hai học sinh căn bản chẳng có quan hệ gì với “Cộng Đảng” đã đen đủi vấp phải tai ương. Lần này thực sự Tưởng Giới Thạch đã vấp phải nỗi kinh hoàng rất to lớn. Tại sao biết được ? Ngày mùng 7 tháng 12 khi ăn cơm trưa, Tưởng Giới Thạch bắt các học viên trường Quân sự lập tức phải được vũ trang, tăng cường huấn luyện chiến đấu. Hiệu trưởng Trương Diệu Minh lập tức chấp hành, mở niêm phong kho súng phát cho các học viên, buổi chiều tiến hành tập bắn súng đạn thật ở cửa ngoài phía bắc trường quân sự. Tiếng súng đùng đoàng chát chúa đã làm cho Tưởng Giới Thạch ở trên lầu Hoàng Phố hoảng sợ giật bắn mình, lập tức cho gọi Cố Chúc Đồng tới hỏi rõ nguyên do. Khi Tưởng biết rõ các học viên trường quân sự thử súng, Tưởng rất bực tức, quở trách Cố Chúc Đồng vì sao lại bắn đạn thật ở bên cạnh nhà trường. Cố Chúc Đồng đành phải chửi mắng mặt sát Trương Diệu Minh một trận rồi ra lệnh từ nay về sau không cho phép có tiếng súng nổ với bất kỳ lý do nào, “Trái lệnh sẽ bắn bỏ !”, Buổi chiều ngày hôm đó, Tưởng Giới Thạch cho gọi vương Lăng Cơ tới ra lệnh cho vương phải giết chết hết các tù phạm chính trị quan trọng ở trong ngục. Nửa đêm hôm đó, từ phía cầu 12 ngoại ô Thành Đô vọng lại từng tràng tiếng súng nổ, làm cho Tưởng Giới Thạch từ trên lầu Hoàng Phố thức tỉnh. Tưởng vội vàng triệu gọi viên sĩ quan trị an Thành Đô tới để thẩm xét tình hình. Khi Tưởng được biết đó là tiếng súng giết tù chính trị làm theo lệnh của Tưởng, Tưởng mới yên lòng. Tưởng Giới Thạch quả đúng là gió reo, nhạc hú, cỏ cây đều là lính địch cả. Tuy ở trong trường Hoàng Phố liên tục xảy ra các sự việc, thế nhưng sự uy hiếp thực sự đối với Tưởng Giới Thạch lại ở bên ngoài trường Hoàng Phố. Việc Tưởng Giới Thạch tới Thành Đô mọi người đều biết cả, giới báo chí đã có bài đăng kể tỉ mỉ. Tức thì, “Bộ công tác lưu dung” của ủy ban công tác lâm thời biên giới Xuyên Tây là tổ chức bí mật của Trung cộng liền bắt đầu vạch kế hoạch hành động quan trọng “Muốn bắt giặc phải bắt Tướng” ngay sau khi Tưởng đến Dung. Những đảng viên bí mật như Đường Hội xương v.v.. đã cùng với quân đoàn trưởng của Quốc dân đảng là Khổng Kỳ Vĩnh đã kích động làm phản, đặt một khẩu pháo ở vòm rau trong ngôi nhà cỏ phía ngoài trường Hoàng Phố. Khi viên đạn bắn trúng vào căn phòng Tưởng Giới Thạch ở, một tiếng nổ xé trời ở lầu Hoàng Phố, đã làm đổ sập bức tường ở đó. Ngày mùng 6 tháng 12, khi công tác chuẩn bị “nã pháo” đang được tiến hành khẩn trương, bỗng có tin tình báo nói: Tưởng Giới Thạch không cố định ở trong lầu Hoàng Phố, thời gian chính xác ở Hoàng Phố vào lúc nào, rất khó nắm vững. Bí thư chi bộ Đảng của “Bộ công tác lưu dung” là vương Miển Bình cảm thấy sự việc đã trở nên nghiêm trọng, lập tức triệu tập hội nghị chi bộ để tiến hành thảo luận. Mọi người nhất trí cho rằng tình hình có biến động, mạo hiểm quá lớn, sau khi nã pháo, vô luận là trúng hay không trúng sẽ dẫn đến cuộc lục soát lớn, chém giết lớn của bọn phản động. Điều này sẽ không thể phù hợp được với nhiệm vụ cơ bản “Bảo vệ Thành Đô, nghênh tiếp Giải phóng”,

liền quyết định thủ tiêu kế hoạch “nã pháo”, liền bí mật rút ngay khẩu pháo truy kích đặt ở trong vòn rau. Kỳ thực, động lực quan trọng nhất trong việc thủ tiêu kế hoạch cũ là kiến nghị “Bắt sống Tưởng Giới Thạch” được nêu ra ở trong Hội nghị. phương pháp tư Tưởng chủ yếu của kiến nghị này là: Lợi dụng phó quân đoàn trưởng Dương Sái Hiên quân đoàn 95 Quốc dân đảng đã được tổ chức Đảng bí mật giác ngộ làm phản, mời ông ta dẫn quân đội tới khống chế sân bay mà khi Tưởng Giới Thạch rời khỏi Thành Đô tất phải đi qua, để tiến hành việc bắt sống Tưởng Giới Thạch. Tức thì kế hoạch “nã pháo” đã biến thành kế hoạch “bắt sống”. Các hạng mục công tác lại được triển khai vây quanh nhiệm vụ mới. Tình hình Tưởng Giới Thạch ở lầu Hoàng Phổ như thế nào? Do vì bộ đội đã chiến quân đoàn 2 giải phóng quân sau khi giải phóng Trùng Khánh đã kéo tới tuyến đường Nội Giang, Tự Công, Nghi Tân, đang chuẩn bị vu hồi Lạc Sơn, Hiệp Giang, bao vây Thành Đô, tình thế quân sự vô cùng nghiêm trọng, Tưởng Giới Thạch không thể không đồng thời ra lệnh giết chính trị phạm ngày mùng 7 tháng 12 và ra lệnh cho “Chính phủ rời tới Đài Bắc. Buổi chiều ngày 8 tháng 12, Tưởng Giới Thạch tuần sát khu vực thành phố Thành Đô lần cuối cùng, nhìn thấy trên đường hầu như toàn là nạn dân và quân đội bị thương. Ngày 9 tháng 12, L Hán khởi nghĩa ở Côn Minh; Trương Quân, Lý Di v.v... bị bắt giữ, đồng thời với điều đó Đặng Tích Hưu v.v... đã điện báo khởi nghĩa ở Nhà An, Bành huyện. Bọn địch ở Thành Đô đã trở thành con ba ba ở trong vại. Đối với động hống của bọn L, Lu, Đặng v.v... tuy đã sớm nằm trong dự liệu của Tưởng Giới Thạch, nhưng khi tin tức truyền đến Tưởng vẫn bàng hoàng trấn động, kinh sợ. Để ứng phó với điều không nghĩ tới, đêm ngày 9, hiệu trưởng trường quân sự Hoàng Phổ Trương Diệu Minh đích thân tới tổng đội 2 khóa 23 bố trí nhiệm vụ, tổ chức hơn 10 học viên đào một chiếc hang ở dưới chân tường thành phía sau lầu Hoàng Phổ, để làm giao thông hào bí mật khi nguy cấp. Sân bay Tân Tân và sân bay núi Phụng Hoàng Thành Đô, máy bay luôn luôn sẵn sàng cất cánh. Trong thành phố Thành Đô lúc này đã trở thành mớ hỗn độn loạn xạ, các cửa hiệu đóng chặt cửa, lính thua trận xích mích nhau; các quan to, người giàu có muốn chạy trốn ra Đài Loan phần lớn là muốn lên trời mà không có lối, tiếng oán trách thảm hại đầy đường. Tưởng Giới Thạch liền nghĩ ra trò lừa đảo, một lúc lại đăng tin trên báo sáng sớm ngày mùng 8 đã rời khỏi Dung, một lúc lại đăng tin 2 giờ chiều ngày mùng 10 đã bay tới Đài Bắc. Kỳ thực, mãi đến đêm ngày 13 tháng 12 Tưởng Giới Thạch mới rời khỏi Thành Đô. Vốn là, Tưởng Giới Thạch vẫn không muốn đi, thế nhưng quân giải phóng ào đến như nước triều dâng, cách Thành Đô chỉ còn một ngày đường. Sân bay rất có khả năng bị quân giải phóng khống chế, tức thì vị tin đồ Cơ Độc này cũng chẳng kể gì tới con số 13” cát lợi hay không cát lợi, với sự hộ tống của đại binh lực quân chiến đấu phối hợp có 10 chiếc xe tăng và xe bọc thép do Hồ Tông Nam cử đi (nghe nói là có 6 trung đoàn, nhưng cha được khảo chứng) xông vào đánh phá sự cản trở của một trung đoàn lính khởi nghĩa do lưu Văn Huy chỉ huy ở khu vực miếu Võ hầu, xông thẳng tới sân bay Tân Tân. Năm 1988, Bò Kiếm Hồng vốn là học viên trường quân sự, hồi Tưởng lại tình cảnh lúc đó, nói: “Chúng tôi ngồi trên xe ô tô vận tải, vừa đánh vừa xông lên. Xe kiểu của Tưởng Giới Thạch đi liền sau xe ô tô của chúng tôi. Quân đội vừa dừng lại đã không được dừng, xuyên qua mạng lưới hỏa lực, lái thẳng vào sân bay Tân Tân”. Tại đó, Tưởng Giới Thạch đã leo lên chiếc chuyên cơ nhãn hiệu Trung Mỹ. Chiếc máy bay đó vội vã lao vút lên trên trời, rất nhanh chóng biến mất trong màn trời đêm. Tưởng Giới Thạch đã rời khỏi Thành Đô, rời khỏi Đại Lục như vậy đó. Tại đây, còn muốn nói thêm một câu nữa là, khi Đội bắt sống Tưởng của tổ chức Đảng bí mật đã chuẩn bị mọi sự đầy đủ, ngày mùng 9 bỗng nhìn thấy trên các tờ báo Thành Đô đăng tin: “Đêm hôm qua Tưởng Tổng tài đã rời khỏi Dung bay tới Đài Loan”, nên đành phải hủy bỏ kế hoạch bắt Tưởng. Ngày mùng 10 lại nhìn thấy báo đăng tải: Chiều mùng 8, Tưởng Giới Thạch “Tuần sát thành phố Dung”, chiều ngày mùng 10, đội bắt Tưởng lại nhóm họp, quyết tâm thi hành nghị quyết trước. Giữa lúc đang họp lại có tin: Tưởng Giới Thạch đã từ sân bay Phụng Hoàng Sơn bay tới Đài Loan vào buổi tra. Tổ chức Đảng bí mật lại đành phải một lần nữa hủy bỏ kế hoạch bắt Tưởng, chuyển công tác sang bước thứ hai là bạo động ở Thành Đô. Tưởng Giới Thạch thực sự không muốn rời khỏi Thành Đô. Có lẽ là Tưởng biết rằng lần ra đi này sẽ không còn dịp quay trở lại nữa. Thế nhưng ông ta không thể không rời khỏi Thành Đô, hơn thế, ông ta cũng không bao giờ có thể trở lại Đại lục được nữa!

4. Trước và sau việc Tưởng Giới Thạch lấy cắp vàng chuyển ra Đài Loan

Tưởng Giới Thạch từ Thành Đô chạy trốn ra Đài Loan, tuy hấp tấp vội vàng như con chó nhà chủ có tang, cập rập lo sợ như con cá lọt lưới. Thế nhưng trong sự kiện lịch sử rút khỏi đại lục này, có một việc mà Tưởng làm rất có bài bản. Đó chính là việc vận chuyển lên đi toàn bộ số vàng ở trong kho nhà nước đang còn tồn lại tại Ngân hàng Trung ương Thượng Hải. Tưởng Giới Thạch biết rằng, ông ta phải tới

Đài Loan khổ công nắm giữ một tiểu vương quốc. Quân đội cố nhiên là rất quan trọng, thế nhưng tiếng đại bác vừa nổ, một vạn lạng vàng, quân đội phải dùng đến tiền mới nuôi sống được. Lại còn sự an ninh của xã hội, sự phát triển về kinh tế, về mặt nào mà không có tiền cũng đều không được cả. Do đó Tưởng Giới Thạch lão mưu đưa kế, ông đã tính toán rất sâu. Trước khi từ chức lần thứ ba, ông đã tiến hành cuộc khảo sát tỷ mỹ đối với số vàng còn lại ở trong kho nhà nước. Tưởng hạ lệnh đem phần lớn số vàng vận chuyển ra Đài Loan, còn một phần thì vận chuyển tới Hạ Môn. Điều này chẳng phải là đã nói lên, từ tháng 1 năm 1949, ông Tưởng đã xác nhận sự thất bại triệt để ở đại lục của chính quyền Quốc dân đảng rồi sao ? Đầu tháng 12 năm 1949 Tưởng còn cho rằng ông còn có lực lượng chiếm giữ vùng Tây Nam, rồi đến 8 năm kháng chiến, ông ta không thể không suy nghĩ đầy đủ tới khả năng sẽ thất bại triệt để ở đại lục và tính nghiêm trọng của loại kết cục này. Thế nhưng đó chỉ là lẽ thứ nhất. Lẽ thứ hai là, lúc này Tưởng đã từ chức, Lý Tông Nhân làm Quyền tổng thống, Tưởng không thể để cho Lý Tông Nhân dùng số vàng này củng cố địa vị của hắn được. Tưởng muốn nhìn thấy trong tình trạng hoàn toàn bế tắc, Lý Tông Nhân sẽ phải trao trả lại cho mình vị trí tổng thống này. Tưởng Giới Thạch đã vận chuyển số vàng này đi như thế nào ? Trong cuốn “Tống Gia vương triều”, ông Torin -xicolêfu người Mỹ đã viết: “Kế hoạch cướp đoạt ngân hàng Trung Quốc của Tưởng Giới Thạch được chấp hành vô cùng cẩn thận và chu đáo. Một chiếc thuyền chở hàng nhem nhuốc bần thiêu đậu ở ngoài bến thượng Hải đối mặt với quán cơm Quốc Thái. Những Culi trên thuyền ăn mặc quần áo rách rưới lam lũ, kỳ thực họ đều là những binh sĩ hải quân giỏi bậc nhất được nguy trang. người chủ quản nào đó của ngân hàng Trung Quốc đã mở sẵn cửa kho, bởi vì họ đã được nhận một khoản tiền hối lộ khá lớn, hơn thế được chuẩn y sẽ đi trên con thuyền chờ đợi này chạy trốn tới nơi an toàn. Quân đội Quốc dân đảng được thiết lập một hàng rào canh gác bao vây chặt mấy đường phố ở xung quanh nhà ngân hàng, bao gồm một bộ phận đường Nam Kinh và bãi ngoài. Từ trong đêm tối thỉnh thoảng lại vọng ra tiếng thở phì phò của những “cu li” khi vận chuyển những đồ nặng. Mỗi người đều dùng đòn gánh gánh hai bao tải to. Dưới ánh sáng đèn thủy ngân, chúng giống như những thây ma chạy ra chạy vào từ nhà ngân hàng ra tới con thuyền. Một ký giả người Anh là Gioóc-Van đang viết bài ở trong văn phòng đã lên nhìn thấy toàn bộ quá trình này, bất giác đã rùng mình ghê sợ. Khi ông ta bàng hoàng tỉnh ngộ hiểu được sự việc, đã dùng một câu triết học quái dị gọi điện thoại về tòa báo ở Luân Đôn: “Tất cả số vàng của Trung Quốc đã bị những tên Culi dùng phương thức truyền thống vận chuyển đi hết!” Storin là con người có sức Tưởng tượng, thế nhưng so với ông Ban Nô rô người Nhật Bản thì lại hơi kém lăng lơ hơn. Trong cuốn “Vàng của Tưởng Giới Thạch”, ông Ban nô rô đã thêu dệt thành một câu chuyện có nhiều tình tiết phức tạp. Ban nô rô nói rằng, Tưởng Giới Thạch đã đem mấy trăm vạn Aoxơ vàng vận chuyển tới Đài Loan, đã đặc biệt ra lệnh cho tên cầm đầu Đảng áo xanh là Tưởng Đại Đông đặt ra một phương án tác chiến gọi là “Tín Thiên ông”. Mà điều bí mật này bị tiết lộ ra thì các cơ quan viện trợ kinh tế đối với Trung Hoa của Mỹ, Thanh Bang thượng Hải, các nhân viên ứ đọng ở Trung Hoa của bọn Nhật xâm lược cùng với đám giặc đen ần tích ở trong rừng núi, bọn phi cướp lưu lạc giang hồ đều tranh giành nhau kéo tới Đài Loan diễn xuất một màn kịch cướp vàng hiếm thấy. Nếu sự miêu tả của Storin là sự Tưởng tượng hợp lý của một phóng viên nhà báo, thì câu chuyện của Ban nô rô hoàn toàn là sự biếm tạo của nhà tiểu thuyết. Vậy thì tình hình chân thực là như thế nào? Chúng ta hãy cùng nghe thử hồi ức của người đương sự. Tình hình được Tưởng Kinh Quốc bộc lộ ra trong cuốn sách “Ngời cha của tôi” là: Cuối tháng 4 năm 1949, khi quân Quốc dân đảng sắp sửa triệt thoái từ thượng Hải, Tưởng Giới Thạch đã cử mấy người như Tưởng Kinh Quốc v.v... tới thượng Hải, yêu cầu họ nghĩ cách đem toàn bộ số vàng còn tồn lại trong ngân hàng Trung ương vận chuyển tới Đài Loan. Khi sắp đi, Tưởng Giới Thạch nhiều lần căn dặn Tưởng Kinh Quốc “Tuyệt đối phải giữ bí mật!”, bởi vì Tưởng đã “sớm dự liệu thấy, Lý Tông Nhân nhất định sẽ dùng số vàng ở trong kho nhà nước làm một trong những điều kiện hòa đàm”, kỳ thực là sợ Lý Tông Nhân cản trở họ vận chuyển vàng đi. Bọn Tưởng Kinh Quốc bí mật chui vào thượng Hải, đã đem khối lượng lớn vàng vận chuyển tới Đài Loan mà thân không biết quý chẳng hay. Sau này Tưởng Kinh Quốc bình luận nói: “Thời kỳ đầu Chính phủ dọn tới Đài Loan, nếu không có số vàng này để bù đắp, thì tình trạng tài chính và kinh tế, sớm đã không thể Tưởng tượng nổi, làm gì có được cục diện ổn định như thế này ? Cổ ngữ nói “vô lương bất tự bình”, nếu như lúc đó thiếu lương thực, việc cấp dưỡng quân đội đã trở thành vấn đề, điều đó sẽ nghiêm trọng mức nào? Bọn Tưởng Kinh Quốc tới thượng Hải vận chuyển vàng, ngoài việc phòng bị bọn Lý Tông Nhân phát hiện gây trở ngại ra, không phải là không có những phiền toái khác. Những chi tiết nhỏ nội tình cụ thể tuy cha biết hết, thế nhưng từ trong nhật ký của Tưởng Kinh Quốc có thể nhìn thấy rõ một phần. Ngày mùng 10 tháng 2 năm 1949, trong nhật ký Tưởng Kinh Quốc đã viết: “Việc vận chuyển số vàng trong ngân hàng Trung ương tới nơi an toàn là một công tác rất quan trọng. Thế nhưng nhà đương cục chủ quản tài chính với số lượng tiền tệ ít, ban đầu

đôi với điều này không được rõ lắm, cho nên trải qua sự kết hợp, thuyết minh và bố trí nhiều loại, mãi tới hôm nay, đã bắt đầu có thể đem đại bộ phận số vàng vận chuyển tới để ở Đài Loan và Hạ môn, ở thượng Hải chỉ để lại 20 vạn lạng”. Tại sao có thể lưu lại 20 vạn lạng vàng mà không vận chuyển hết toàn bộ đi ? Điều này là bởi bọn Tưởng Kinh Quốc đã vấp phải một số phiền phức nhỏ. Theo hồi ức của Hà Thiệu Thản: Khi Du Hồng Quân cùng Tưởng Kinh Quốc tới thượng Hải xử lý công việc này, một buổi tối đã triệu tập các nhân viên hữu quan tiến hành một hội nghị bí mật, có người phản đối việc vận chuyển toàn bộ số vàng đi. Vì họ Du trước khi được đảm nhiệm chức vụ Bộ trưởng Bộ tài chính Chính phủ Quốc dân đảng Nam Kinh và Tổng tài ngân hàng Trung ương , đã từng làm Thị trưởng thượng Hải, cho nên người phản đối đã nói với họ Du rằng: “Trước đây ông đã từng làm Thị trưởng thượng Hải, bây giờ ông hãy nên nghĩ cho thị dân thượng Hải, nếu đem toàn bộ số vàng trong kho chuyển đi hết thì bộ mặt thành phố sẽ duy trì như thế nào ?”. Hội nghị đã thảo luận kỹ càng, cuối cùng đã quyết định lưu lại một phần ở thượng Hải để “phòng bị việc gấp”, số còn lại sẽ vận chuyển hết tới Đài Loan. Sau khi khối lượng lớn vàng của thượng Hải vận chuyển được tới Đài Loan, Tưởng Giới Thạch lại nhớ ra hãy còn một hòm châu báu còn gửi ở Cục ký gửi Trung ương , liền ra lệnh cho bọn Tưởng Kinh Quốc lại một lần nữa tới thượng Hải, nghĩ cách đem hòm châu báu từ trong Cục ký gửi cùng vận chuyển tới Đài Loan. Hòm châu báu này quá nửa là của bọn Hán gian vợ vét được trong thời kỳ kháng chiến, sau thắng lợi bị Chính phủ Quốc dân đảng tịch thu, giao cho Cục ký gửi Trung ương trông nom bảo quản. Bởi vì Tưởng Kinh Quốc đã từng đảm nhiệm công tác quản chế kinh tế thượng Hải, biết được địa điểm tồn giữ hòm châu báu này, cho nên, Tưởng Giới Thạch đã ra lệnh cho Tưởng Kinh Quốc đi phụ trách chấp hành nhiệm vụ này. Thế nhưng khi Tưởng Kinh Quốc tới thượng Hải, Lý Tông Nhân đã hiểu rõ là việc gì rồi. Liền lập tức hạ lệnh: Bất kỳ người nào cũng không được phép di chuyển hòm châu báu này đi. Thế nhưng những bài học kinh nghiệm mà Lý tích lũy được trong mấy chục năm trong việc đấu pháp với lão Tưởng, Lý thừa biết chỉ một mệnh lệnh khó có thể bảo đảm chắc chắn được. Sau đó Lý đã dứt khoát hạ lệnh cho người bảo quản chiếc hòm bảo hiểm đó, bay tới Hồng Kông, làm cho Tưởng Kinh Quốc vô kế khả thi. Vì vậy Tưởng Kinh Quốc đã kiến nghị với Tưởng Giới Thạch: “Căn cứ vào tình hình được biết, chiếc hòm báu vật này đã dùng mất không ít, số còn lại chỉ đáng giá hai, ba chục vạn mỹ kim, hà tất chúng ta phải vì vật nhỏ bé này, mà làm thương tổn hòa khí với người ta!” Chẳng ngờ được Tưởng Giới Thạch dùng dùng nổi giận, Tưởng nói:- Tới Đài Loan, khi lương bổng của quân đội phát ra không đủ thì một Mỹ kim cũng rất đáng quý! - Tưởng Kinh Quốc nghe xong không còn biết trả lời ra sao nữa, đành phải lại ra sức nỗ lực. Kết quả vẫn là không có cách gì đem được hòm châu báu này trở về. Tưởng Kinh Quốc cố nhiên là người phụ trách việc vận chuyển trộm số vàng ở trong kho nhà nước, thế nhưng người chấp hành cụ thể lại là Du Hồng Quân đã được nhắc tới ở đoạn trên. Cục trưởng cục báo chí Quốc dân đảng trước là Đồng Hiền Quang từng viết: “Trong tháng 2 có một cơ hội có thể đoạt trở về được số tài sản quan trọng từ trong tay Cộng Đảng sắp sửa giành thắng lợi. Tưởng tổng thống tin Tưởng sâu sắc rằng đại lục không tránh khỏi bị xâm chiếm, mới dùng địa vị Tổng tài Quốc dân đảng ra lệnh cho Du Hồng Quân Tổng tài Ngân hàng Trung Ương có năng lực và đáng tin cậy bí mật vận chuyển đem số vàng dự trữ của quốc gia vận chuyển tới Đài Bắc, để tránh tương lai rơi vào tay bọn địch. Số vàng tồn tại này chuyển tới Đài Loan, khi cần thiết, sẽ có thể ủng hộ chính phủ chống cộng. Du Hồng Quân lập tức tuân lệnh thi hành. Hạng mục công việc vận chuyển vàng này được hoàn thành vào ngày 20 tháng 4, cảm chỉ chuyển đi. Nếu thượng Hải thất thủ, mà số vàng rơi vào trong tay Cộng phi thì sự tổn thất của quốc gia sẽ càng thảm hại nặng nề. Họ Du yên lặng chẳng nói năng liên gọi điện bí mật bàn bạc với phó Tổng thống Trần đang nhậm chức Chủ tịch tỉnh Đài Loan quyết định đem toàn bộ số vàng này vận chuyển tới Đài Loan. Trong một đêm khuya nào đó, tổng tư lệnh hải quân là Quế Vĩnh Thanh bí mật ra lệnh cho một chiếc quân hàm đậu ở bên cạnh bến, gần Ngân hàng Trung ương ở bãi Hoàng Phố thượng Hải, đường phố ở gần ngân hàng Trung ương , tạm thời bị giới nghiêm, từng hòm từng hòm vàng một, lặng lẽ được vận chuyển lên chiến hạm. Trước khi trời sáng, chiến hạm này đã phóng ra khơi cửa Ngô Tùng, với tốc độ cao nhất, lao về phía Cơ Long Đài Loan”. Trong “Tân hội Du tiên sinh Hồng Quân sự lược ” nói: chiến hạm vận chuyển vàng sau khi phóng ra khỏi thượng Hải, Du Hồng Quân lo lắng cuộc hành trình có tổn thất, trong lòng trĩu nặng, sớm tối luôn luôn đi quanh quẩn ở trong phòng. Sau hai ngày Trần Thành gọi điện cho Du, toàn bộ số vàng đã thu cất ổn thỏa. Họ Du giữ chức Tổng tài văn phòng ngân hàng Trung Ương đang ngồi ở ngoài bãi thượng Hải “lúc này mới cảm thấy gánh nặng vạn cân ở trên vai mới được giảm nhẹ? Đồng Hiền Quang nói: Du Hồng Quân lúc đó là Tổng tài ngân hàng Trung ương , kỳ thực không phải là như vậy. Trong bài “Phong thái của Du Hồng Quân tiên sinh” của Ngạn Viễn đăng trong “Liên Hợp báo” ngày 2-6-1960, có nói: “Có lẽ có người cho rằng họ Du lúc đó đã làm Tổng tài Ngân hàng Trung Ương, tru hoạch vận

chuyển kho vàng đến địa điểm an toàn, vốn đó chỉ là sự việc bên trong chức trách của ông ta. Kỳ thực, lúc đó họ Du không nằm trong nhiệm vụ Tổng tài ngân hàng Trung ương. Tổng tài ngân hàng Trung ương lúc đó là Bộ trưởng tài chính lưu Công Vân kiêm nhiệm, họ Du không những đã rời khỏi chức vụ ở ngân hàng Trung ương, hơn thế, lúc đó ông ta cũng không ở thượng Hải, mà là sau khi nhận được mệnh lệnh của Tưởng Giới Thạch, đã từ Hồng Công bay tới thượng Hải. Có thể nhìn thấy Tưởng Giới Thạch chẳng quản lý “Quản thống”. “Quốc thống” nào hết, chỉ cần tìm trăm phương ngàn kế đem những công việc mình muốn làm, làm xong là được. Đối với chi tiết nhỏ họ Du bay tới Hộ, vương Khang nói, lúc đó chiến dịch thượng Hải vừa mới bắt đầu, quân đội Quốc dân đảng canh giữ ở sân bay Long Hoa đã thực hành giới nghiêm, họ Du sau khi bước xuống máy bay lập tức bị bắt giữ. Mặc dù Du nhiều lần giải thích giới thiệu, thế nhưng Du không có bất kỳ thứ giấy tờ nào có thể chứng minh được mình là Du Hồng Quân cả, vệ binh vẫn không chịu để cho Du đi. Du đành phải nhiều lần gọi điện thoại cho Thang Ân Bá, cuối cùng điện thoại được nối thông, Thang Ân Bá cử quân tới đón, Du mới được thoát thân. Sau khi Du Hồng Quân trở về thượng Hải, lập tức hiệp trợ với Tưởng Kinh Quốc đem tất cả số vàng, số bạc và số ngoại tệ ở trong ngân hàng Trung Ương vận chuyển đi hết. Vậy thì, với kế hoạch tuyệt mật và sự chỉ huy của Tưởng Giới Thạch, tổng cộng đã vận chuyển đi được bao nhiêu vàng? Từ trước đến nay có nhiều cách nói khác nhau. Có người nói là 11 vạn lạng, có người nói là 120 vạn lạng thậm chí còn có người nói, khi đó Tưởng Giới Thạch bắt Thang Ân Bá kiên trì giữ thượng Hải chính là vì để cướp đoạt vận chuyển số vàng tồn giữ ở trong kho, có một chiếc chiến hạm nhà binh đã vận chuyển quá trọng tải rồi bị chìm xuống đáy biển. Căn cứ vào tư liệu tương đối đáng tin cậy, số vàng trong kho nhà nước mà Tưởng Giới Thạch vận chuyển đi đúng là hơn 2 triệu 97 vạn 3000 lạng. Ngoài ra còn có 16 triệu 40 vạn đồng bạc trắng. Toàn bộ số tiền này đều đã vận chuyển tới Đài Loan. Còn có 15 triệu 37 vạn đồng đô la Mỹ chuyển tới nước Mỹ, gửi vào tài khoản Chính phủ Quốc dân đảng ở Ngân hàng liên bang Mỹ[31]. Đối với chiếc tàu chiến bị đắm xuống biển kia, đúng là chiếc tàu mang nhãn hiệu “Thái Bình” vận chuyển toàn bộ hồ sơ của ngân hàng Trung ương, trên đường chạy từ thượng Hải đi Đài Loan, nó đã bị một chiến hạm hải quân Quốc dân đảng lao phải rồi chìm xuống đáy biển. Tưởng Giới Thạch dù đem số vàng và bạc nhiều như vậy vận chuyển tới Đài Loan, trước hết đã để lại cho Lý Tông Nhân một cơ đồ rách nát với hàng trăm lỗ thủng hàng ngàn vết thương. Căn cứ vào hồi ức về sau này của Lý Tông Nhân nói:- “Sau khi Trần Thành nhậm chức (chỉ Trần Thành nhậm chức Chủ tịch Chính phủ tỉnh Đài Loan ngày 29 tháng 12 năm 1948) Tưởng tiên sinh liền ra mật lệnh đem toàn bộ số vàng, bạc, đô la Mỹ còn đọng ở trong kho nhà nước phải vận chuyển hết ra Đài Loan... Toàn bộ số vàng ở trong kho là 390 vạn Ao xơ, ngoại hối là 70 triệu đô la Mỹ và số bạc trắng trị giá 70 triệu đô la Mỹ. Do đó, ngày tôi lên nhận chức Quyền tổng thống, trong tay đã chẳng còn một chinh. Để duy trì lương ăn của quân đội, ổn định lòng dân đã ra lệnh cho Bộ tài chính Viện hành chính phải đem số tiền bạc của kho nhà nước đã vận chuyển tới Đài Loan phải chờ về một phần để sử dụng. Thế nhưng Trần Thành chịu trách nhiệm phụ trách bảo quản tỉnh Đài Loan đã tuân theo chỉ thị mật của Tưởng, cuối cùng đã cầm lệnh chống lệnh, tảng lờ bùng tai không nghe thấy. Nghệ thuật cứu nghèo của Chính phủ duy chỉ có phát hành “Đồng tiền quan kim” vốn đã một chinh không đáng, với số lạng lớn. Giấy bạc in ra hàng loạt, dẫn tới đồng tiền mất giá, mỗi ngày ngàn dặm. Thị trường tiền tệ hoàn toàn đổ vỡ, trăm nghề đình đốn, quân tâm dân khí hoàn toàn mất hết, đã dần dần hình thành cục diện không còn cách nào có thể thu xếp lại được.

phần thứ sáu

Bí mật về sự phản công đại lục

Giang Nam tiên sinh nói: Lúc đầu Tưởng Giới Thạch chạy trốn ra Đài Loan, tiếng gào thét “Bảo vệ Đài Loan” đã vang trời dậy đất. Sau khi cuộc chiến tranh Triều Tiên bùng nổ, lập tức lớn tiếng hô “Phản công đại lục thu phục lại đất đai đã mất.” Sau đó, trong các thông báo mỗi năm ba lần (Tết Xuân, Tết thanh niên, Tết song Thập), luôn luôn nhắc lại giọng điệu “Năm nay là năm quyết định của sự phản công, sang năm là năm thắng lợi của sự phản công”. Vậy thì, Tưởng Giới Thạch đã phản công đại lục như thế nào?

1. Tưởng Giới Thạch đã đặt thời gian biểu cho sự “phản công phục quốc” như thế nào ?

Bất kể là ngày hôm nào vào trung tuần tháng 12 năm 1949 Tưởng Giới Thạch rời khỏi Thành Đô chạy trốn ra Đài Loan, từ đó trở đi, Tưởng cũng không thể trở lại đại lục được nữa, cũng không thể đạo gót ở Chung Sơn ma gió, nhân dân ngắm cảnh núi sông tráng lệ. Đây không thể không nói là một điều nuối tiếc lớn trong cuộc đời của Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch là con người rất yêu quê hương tha thiết. Đầu năm 50, trạm trưởng tình báo Kim Môn là Thẩm Chí Nhạc đã phái đặc vụ bí mật trốn về Khê Khẩu, đã đem trình lên Tưởng những bức ảnh chụp được về nhà cửa, phần mộ của họ Tưởng, rất được Tưởng tán thưởng. Chỉ từ điểm này mà nói, Tưởng Giới Thạch đã ghi xương khắc cốt hy vọng một sớm một chiều có thể trở lại đại lục, cộng thêm sự thất bại về quân sự, sự sụp đổ về chính trị, nhưng cảnh tượng bị phá hoại đòi hỏi phải xây dựng lại, cùng với tâm tư tình cảm của 2 triệu người đại lục theo Tưởng tới Đài Loan, Tưởng không thể không cao giọng hò hét phản công đại lục tới mức vang trời dậy đất. Mặc dù tới năm 1975 khi bị bệnh sắp qua đời, Tưởng vẫn không quên viết di chúc “phản cộng phục quốc”, “giành lại hết đất đai ở đại lục”. Khẩu hiệu phản công đại lục của Tưởng Giới Thạch, như mọi người đều biết đó là một câu tụng niệm đầu lời của nhà đương cục Quốc dân đảng Đài Loan, đồng thời cũng là câu khôi hài gây trò còi cho thiên hạ, đó là “Một năm chuẩn bị, hai năm phản công, ba năm quét sạch, năm năm thành công”. Kỳ thực, đây chỉ là một tờ trong vô vàn phiếu chỉ vô giá trị mà Tưởng Giới Thạch liệt kê ra, dĩ nhiên đây cũng là một tờ rất nổi tiếng. Tưởng Giới Thạch còn có tờ phiếu chỉ vô tích sự nào nữa? Trong những tờ phiếu chỉ đó còn đặt cả thời gian biểu phản công đại lục như thế nào, xây dựng lại vương triều họ Tưởng ra làm sao, nói ra để cho mọi người tăng thêm kiến thức. Tờ phiếu chỉ phản công đại lục mà Tưởng Giới Thạch liệt kê, tờ sớm nhất phát ra vào ngày 26 tháng 6 năm 1949, trong “Hội nghị quân sự khu Đông Nam” tại Đài Bắc, Tưởng Giới Thạch khi nói về “Quá trình cách mạng của bản Đảng với quan hệ nhân quả của thành bại”, đã nói: “Trong hội nghị lần này, chúng ta cần phải thảo luận một cách thiết thực. Tôi cho rằng, nói chung các Tướng lĩnh cao cấp chúng ta nếu có thể không tham ô tiêu cực, không buôn lậu, không biến thủ, không nhiễu dân. Lại tích cực, có tinh thần đoàn kết, mọi việc đều công khai, thực sự cầu thị, đã tốt rồi cần tốt nữa. Đặc biệt là đối với cấp dưới có thể đồng cam cộng khổ, thông phạt phân minh, thế thì tinh thần và lực lượng chiến đấu của bộ đội chúng ta, chỉ trong một thời gian rất ngắn, nhất định có thể khôi phục được. Cha đây ba năm, nhất định chúng ta có thể tiêu diệt được cộng phi! Đề kiên định ý chí của mọi người, cần phải vạch ra mục tiêu và tiến độ để mọi người cố gắng, ngày hôm nay tôi đặc biệt nêu ra mấy câu khẩu hiệu đơn giản, mong mọi người ghi lòng tạc dạ, cùng cố gắng, quán triệt trước sau. Mấy câu khẩu hiệu này là:

1. Rửa oan xỉ nhục, báo phục hận thù, tiêu diệt Cộng phi, hoàn thành Cách mệnh!
2. Tinh binh giản chính, thu hẹp đơn vị, Tự động giáng cấp, bổ xung lực lượng.
3. Chinh huấn nửa năm, đổi mới tinh thần! Một năm phản công, ba năm giành thắng!

Nói tóm lại, trước mắt sẽ là giai đoạn gian khổ nhất trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta, thế nhưng cũng là cơ hội thành công lập nghiệp, ngàn năm có một của các đảng viên cách mạng chúng ta. Mong muốn mọi người hãy nhớ lấy bài học lịch sử kiên định niềm tin tất thắng, chân thành đoàn kết, dốc sức hợp tác, để chuẩn bị đầy đủ cho cuộc phản công của chúng ta, hoàn thành cuộc cách mạng của quốc dân, thực hiện sứ mệnh của Tam dân chủ nghĩa”. Tại đây, Tưởng Giới Thạch nói rất rõ ràng chính xác, mục đích là chỉ thị “Mục tiêu và tiến độ cố gắng”, thời gian là một năm đến ba năm, một năm là khởi điểm, ba năm là điểm kết thúc, từ trong sáng ý rõ ràng, lời nói chắc chắn. Thế nhưng, sau nửa năm, Tưởng Giới Thạch lại nêu ra thời gian biểu mới, một năm phản công biến thành hai năm phản công. Ngày 13 tháng 3 năm 1950, trong bài nói chuyện “Mục đích và sứ mệnh của việc phục chức”, nói: “Bây giờ tôi đem kế hoạch “Một năm phản công, ba năm thành công” đổi thành “Một năm giáo huấn, hai năm phản công, quét sạch cộng phi, ba năm thành công”. Tức là nói, từ bây giờ trở đi, ít thì ba năm, nhiều tới năm năm, cần phải đạt tới mục đích tiêu diệt Cộng phi, phục Hưng Trung hoa dân quốc của chúng ta.” Từ tháng 6 năm ngoái tới tháng 3 năm nay, thời gian trôi mất đã hơn tám tháng rồi, quân đội Quốc dân đảng đã bị đuổi toàn bộ ra khỏi đại lục, Hải Nam, Châu Sơn thì nơm nớp lo âu từng giờ từng phút, đang chuẩn bị rút lui, không thể nói một năm phản công được nữa, đành phải nói “Hai năm phản công”. Thế nhưng, đã đòi giọng phải nói ra một lý do. Tức thì Tưởng Giới Thạch nói: “Sau khi tôi tới Đài Loan năm ngoái, tại Hội nghị quân sự khu đông nam triệu tập ở Giới Thọ Quán Đài Bắc vào tháng 6, nhằm kiểm điểm nguyên

nhân thất bại về mặt quân sự trong việc tiêu phi trước đây, còn hoạch định kế hoạch và kỳ hạn cuộc phản công từ nay về sau của chúng ta. Khi bế mạc hội nghị, tôi đã nêu ra kết luận “nửa năm chinh huấn, củng cố căn cứ địa, một năm phản công, ba năm thành công”. Lúc đó các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Tứ Xuyên, Vân Nam, Quý Châu, Tuy Viễn, Cam túc, Ninh Hạ, Thanh Hải, Tân Cương cùng với Thiểm Nam dài còn ở trong tay quốc quân của chúng ta, cho nên tôi cho rằng trong vòng một năm khu Đông Nam bắt đầu phản công, tuyệt đối không có vấn đề. Thế nhưng sau này chiến cuộc thay đổi quá nhanh, toàn bộ Tây bắc và Tây nam, không đầy thời gian bốn tháng, toàn bộ đã rơi vào gót sắt của kẻ địch. Đây là điều mà trước đây tôi không ngờ tới. Cho nên tình hình hiện tại, đã hoàn toàn không giống như lúc đó. Chúng ta phải vạch lại kế hoạch từ đầu, ung dung mu tính việc khôi phục, quyết không thể ham làm việc cao xa, chỉ cầu hiệu quả nhanh chóng!”Tướng Giới Thạch không thể không thừa nhận sự thất bại triệt để của mình ở đại lục, thế nhưng giấc mộng phản công vẫn phải tiếp tục làm, phiếu chi vẫn phải tung ra, điều này khó tránh khỏi có chút nản chí. Tướng đành phải mượn người đã chết để khích lệ người sống.”Chúng ta biết rằng sau khi Việt vương Câu Tiễn thất bại ở Cốc Kê, trải qua “mười năm tụ tập, mười năm giáo huấn” mà sau chỉ được nước Ngô bằng cái ao. Ngày nay chúng ta muốn khôi phục đất đai của toàn bộ đại lục rộng 12 triệu ki lô mét vuông, triệt để tiêu diệt Cộng phi quốc tế đầy âm mưu nham hiểm độc ác, đương nhiên phải đòi hỏi phấn đấu gian khổ trong suốt thời gian dài, mới có thể có hiệu quả. Thế nhưng nếu mọi người có thể dựa theo gợi ý của tôi trên đây trong ngày hôm nay, triệt để quét sạch những nguyên nhân thất bại của quá khứ, thực sự làm được: hiệp đồng nhất trí đoàn kết phấn đấu, một mặt tăng cường công tác phòng điệp bảo mật trong nội bộ, một mặt triển khai hoạt động tình báo trong khu phi, thế thì mục đích phục quốc của chúng ta, vẫn có thể thực hiện được nhanh chóng”.ý tứ này là muốn nói, sự thất bại triệt để về mặt quân sự ở đại lục trong 8 tháng lại đây, đã khiến cho “việc một năm phản công” mà Tướng dự định kỳ hạn đã trở thành nước chảy hoa trôi, thế nhưng đây không phải là sai lầm của ông ta, mà là những Tướng tá quan lại tại chức không “hiệp đồng nhất trí, đoàn kết phấn đấu”. Bất kể trách nhiệm thuộc về ai, thì đây cũng là tờ phiếu chi thứ hai mà Tướng Giới Thạch chi ra. Trải qua những vấp vấp và biến cố cực kỳ to lớn trong quá nửa năm lại đây, theo mọi người nói, khi Tướng Giới Thạch lại một lần nữa tung ra loại phiếu chi về thời gian phản công này, đã thận trọng lại càng thêm thận trọng, chớ để cho bản thân mình gây khó dễ cho bản thân mình. Thế rồi, sau hai tháng, phát biểu diễn văn về cuộc triệt thoái khỏi Châu Sơn, Đảo Hải Nam của quân đội Quốc dân đảng trên đài phát thanh Đài Loan, Tướng nói: “Nửa tháng trước, chúng ta đã triệt thoái quân đội của Hải Nam, hôm nay quân đội của Định Hải cũng chủ động tập trung về Đài Loan và các đảo vệ tinh... Sau khi binh lực tập trung, lẽ dĩ nhiên binh lực của Đài Loan càng thêm xung túc, sự phòng vệ của Đài Loan càng được củng cố... Tôi nghĩ rằng tất cả mọi người tới đây tất nhiên sẽ hỏi tôi, cuối cùng thì khi nào ông mới bắt đầu phản công đại lục để cứu vớt đồng bào của các ông? Tôi có thể báo cho mọi người biết một cách rất xác thực là: Trong vòng 3 tháng sau nữa, nếu cộng phi tới xâm phạm Đài Loan, thì đó chính là thời cơ quốc quân chúng ta ngang nhiên đánh mạnh thừa thắng phản công đại lục. như vậy là sau 3 tháng nữa, chúng ta có thể chính thức phản công đại lục”.Đây là tờ phiếu chi vô giá trị thứ ba mà Tướng Giới Thạch đã tung ra. Cần chú ý, tờ phiếu chi này của Tướng Giới Thạch có một đặc điểm, chính là tiền đề phản công luận sau 3 tháng của ông ta là giải phóng quân tới tấn công Đài Loan. Phản công luận của Tướng Giới Thạch vì sao từ một năm biến thành hai năm, tiếp đó lại vội vàng chuyển thành ba tháng? Đây là một vấn đề rất khôi hài. Muốn tìm hiểu thiết thực nguyên do “vội chuyển” này, cần phải hiểu rõ tình thế của Đài Loan lúc đó.Năm 1949, sự thất bại của quân đội Quốc dân đảng ở đại lục, không chỉ là sự thất bại về quân sự, sự thất bại về chính trị, mà còn là sự thất bại về ngoại giao, càng là sự thất bại về nhân tâm. Đầu tháng 10 năm 1949, trong cuộc nội chiến, chính phủ Mỹ luôn luôn kiên quyết ủng hộ chính quyền Tưởng Giới Thạch đã thực sự tin chắc rằng Tưởng Giới Thạch bị vĩnh viễn đuổi ra khỏi đại lục Trung Quốc, quân đội của Đảng Cộng sản Trung Quốc không lâu sẽ đánh chiếm Đài Loan, quan hệ giữa nước Mỹ và chính quyền Tưởng Giới Thạch cũng đã được kết thúc từ đây. Vì thế, chính phủ Mỹ đã công khai tuyên bố, họ sẽ không lợi dụng vũ lực của mình để can thiệp vào cục thế hiện tại của Đài Loan, hơn thế còn đưa Mỹ kiều rút khỏi Đài Loan, kiến nghị Tưởng Giới Thạch đưa quân đội rút ra khỏi đảo Hải Nam, Đài Loan sẽ do Liên hiệp quốc tiếp quản. Ngày 12 tháng 1 năm 1950 Quốc vụ khanh nước Mỹ là Akiton đã tuyên bố trước thế giới tại Câu lạc bộ báo chí của ông rằng: “Nước Mỹ chỉ có trách nhiệm bảo hộ trực tiếp an toàn cho các quốc gia trong phòng tuyến hình cung này là quần đảo Aleutian, Nhật Bản, quần đảo Izu, Cầu, Philippin”. Đài Loan bị vứt bỏ. Chính sách bỏ Đài Loan của Mỹ đã dẫn tới sự hỗn loạn cực kỳ lớn của chính cục Đài Loan, trong hòn đảo nhất thời “lan truyền những tin bịa đặt vu cáo, nhân tâm hoảng loạn”. Những người có sự tích lũy giàu có biến thành “những kẻ ý chí bạc nhược”. Vô luận là nhà buôn hay là quan chức, đều hăm hở muốn

chạy ra nước ngoài. Trong tháng 5, đảo Hải Nam lại bị đánh chiếm, Châu Sơn thất thủ, khắp nơi loan truyền tin Giải phóng quân sắp sửa đánh chiếm Đài Loan, trên đảo gió gấp mây thấp, ngày tới trăng mờ. Trong tình hình này, Tưởng Giới Thạch đã vứt bỏ phản công luận trong ba tháng. Ngoài việc ban đêm thổi sáo miệng qua bãi tha ma - tự mình làm cho mình bạo胆 hơn lên ra, chính là để lừa dối công chúng trên đảo để ổn định lòng dân. Vấn đề là ở chỗ tiền đề của tờ phiếu chỉ này là giải phóng quân sẽ tới đánh chiếm Đài Loan. Nếu giải phóng quân không đến thì sao? Tưởng Giới Thạch biết rằng công chúng của Tưởng nhất định sẽ nêu ra câu hỏi này. Tức thì Tưởng tiếp tục nói: Nếu Cộng phi trước sau không dám tới xâm phạm Đài Loan, thế thì chúng ta cũng phải hoàn thành sự chuẩn bị phản công đại lục của chúng ta trong vòng một năm Chậm nhất là sau một năm, cũng cần phải thực hiện phản công đại lục... Bây giờ tôi sẽ đem kế hoạch phản công đại lục của chính phủ, tổng quát vào bốn câu nói lại một lượt với đồng bào, đó là “Một năm chuẩn bị, hai năm phản công, ba năm quét sạch, năm năm thành công”. Đầu lời Tưởng Giới Thạch rục rờ như hoa sen, từ ba tháng phản công lại chuyển thành hai năm phản công, còn cho thêm một chiếc ô dài. Điều đáng nực cười là: Tại đây trong cùng một bài diễn văn, Tưởng còn nói: “Ba năm quét sạch, năm năm thành công”. Và túc, Tưởng Giới Thạch vẫn tiếp tục sắp đặt thời gian biểu phản công của mình, để làm dự toán chính trị cho mình, tiêu thụ những tờ séc vô giá trị của mình, chế tạo ra những thần thoại của mình. Ngày 19 tháng 5 năm 1959, trong Đại hội 8 khóa 2 Quốc dân đảng, bản báo cáo với nhan đề “Năm vững cơ may trung Hưng phục quốc” Tưởng Giới Thạch lại đặt ra một thời gian phản công nữa. Tưởng nói: “Do vì mọi người từ đại lục triệt thoái về Đài Loan, đã được 10 năm rồi. Sự bị ai thống khổ trong cảnh nước mất nhà tan lúc đó và món nợ máu ô nhục, cũng ít nhiều đã bị năm tháng xói mòn. Lại do vì sự ổn định của xã hội và sự phát triển của kinh tế cũng có một bộ phận người thực sự đã đặc biệt bận rộn lo lắng tới đời sống của mình, hơn thế còn mu đồ lầy việc nâng cao đãi ngộ cá nhân làm mục đích chủ yếu, do đó hoặc ít hoặc nhiều đã quên mất trách nhiệm chống cộng rửa nhục của mình, làm mờ hồ mục tiêu báo thù phục quốc của mình... Những bệnh hoạn trên mặt tâm lý, trên mặt sinh hoạt, trên mặt tinh thần như đã nói trên, đích thực là chướng ngại nghiêm trọng bậc nhất trên con đường trung Hưng phục quốc của chúng ta. Nếu không triệt để nhổ tận gốc, hơn thế phần đầu cổ vũ khích lệ nhục khí hăng say biết nhục phải rửa nhục, thì còn nói gì đến việc phản công phục quốc nữa? Nói thực tình, nếu lại trải qua 10 năm nữa, vượt quá kỳ hạn “Mười năm sinh tự, mười năm dạy dỗ” mà vẫn không thể phản công phục quốc được, thế thì bất kỳ hi vọng nào cũng đều bị phá diệt hết !” Từ năm 1949 quân Quốc dân đảng chạy trốn ra Đài Loan, đến nay nói chuyện này của Tưởng Giới Thạch, đã tròn trĩnh mười năm rồi. Cái gọi là “lại trải qua mười năm nữa” của Tưởng đương nhiên là chỉ 10 năm sau năm 1959. Đây lại có thể gọi là tờ phiếu chỉ thứ năm của Tưởng. Xem ra, chỉ cần Tưởng Giới Thạch còn sống thì Tưởng có thể “phát hành séc” không ngừng. Thế nhưng ông trời cũng không toàn mỹ, Jêsu cũng chẳng đủ đầy đến năm 1975, Tưởng Giới Thạch buông tay ở giữa nhân gian, rất nhiều tờ séc của Tưởng, cha có tờ nào có thể đổi ra thành tiền mặt được. Mặc dù như vậy, trong di chúc của mình Tưởng Giới Thạch vẫn kiên trì viết rằng: “Đại nghiệp phản cộng phục quốc đang ở thời kỳ ngày một đổi mới”. “Cần phải lấy việc phục quốc làm mục tiêu chung”, chỉ có điểm là lần này không liệt kê ra được thời gian. Điều này cuối cùng là “sự kiên cường, công nghị” của Tưởng, hay là “sự cố chấp, xảo trá” của ông ta?[32].

2- Tưởng Giới Thạch tuần sát kim môn và phong trào “dừng quên ở cử” của quân đội Quốc dân đảng.

Ngày 18 tháng 11 năm 1964 là một ngày hừng nắng nhiều mây ở khu vực duyên hải Đông nam Trung Quốc, một loại thời tiết râm mát ẩm thấp trong mùa đông. Trên đảo Kim Môn kề gần đại lục, hơn mười vạn sĩ quan và binh lính Quốc dân đảng, mỗi người chiếm giữ một vị trí chiến đấu, phòng bị nghiêm ngặt. Các cư dân ở trên đảo với số lượng có hạn cũng được báo cho biết đóng chặt cửa ngõ, không được ra ngoài. Đúng 10 giờ sáng, một chiếc xe Jeep kiểu Mỹ bóng loáng từ Bộ tư lệnh Phòng vệ Kim Môn, lái về phía đông bắc Đảo, leo lên con đèo núi ngoằn ngoèo, gấp khúc, lái thẳng tới đỉnh núi Thái Vũ ở phía bắc. Xé tới chùa Hải ấn, Tưởng Giới Thạch chui ra cửa xe, một mặt mỉm cười ra hiệu với mấy tên sĩ quan Quốc dân đảng đã chờ đợi từ lâu, một mặt cứ lao về phía trước, Tưởng Kinh Quốc và một số nhân viên quan trọng trong Chính quyền Quốc dân đảng đi sát theo sau. Chùa Hải ấn đặt ở trên ngọn chính nơi cao nhất trên núi Thái Vũ Sơn trên đảo Kim Môn, cách mặt biển hơn 230 mét, không những có thể từ trên cao nhìn xuống toàn đảo Kim Môn, hơn thế còn có thể phóng tầm mắt nhìn vào đại lục, và còn có thể đem bán đảo Hạ Môn, Tập Mỹ cùng với Đại Đảng, Tiểu Đảng thu hết vào trong tầm mắt. Chỉ có điều là ngày hôm nay thời tiết không đẹp lắm, phía đại lục mây phủ mịt mù, tuy đã chân chừ tiêu phí khá nhiều thời gian, mà vẫn không nhìn thấy ánh nắng, Tưởng Giới Thạch đành phải căn dặn xuống núi. Sau khi chạy

trốn ra Đài Loan, Tưởng Giới Thạch đã từng nhiều lần tới quan sát ở Kim Môn. Một là vì trèo lên Thái Vũ mà nhìn đại lục có thể giải được nỗi buồn phiền sầu nhớ quê hương. Hai là tới bắt gác đầu cầu của cuộc phản công đại lục này khích lệ sĩ khí. Mấy năm gần đây, theo sự trôi qua của năm tháng, sự tăng cao của tuổi tác, Tưởng Giới Thạch đã có một loại cảm giác những ngày khổ sở trước mặt sẽ được ngăn dần. Tưởng cảm thấy tuổi mình đã già tới 77 rồi, đã dần dần bước vào những năm cuối, leo lét như ngọn nến trước cơn gió thổi, như sắp bước quan tài, thế mà cuộc phản công đại lục vẫn còn mờ xa tí tắp. Tháng 5 năm 1959, Tưởng đã nói nếu lại trôi qua 10 năm nữa mà vẫn chưa thể phản công được đại lục, thế thì bất kỳ hy vọng nào cũng đều sẽ bị phá diệt hết. Vậy mà bấm đốt ngón tay đã năm năm trôi qua rồi, còn năm năm nữa lại sẽ như thế nào đây? Từ mùa xuân năm 1962 đến nay Tưởng đã ra lệnh cho quân đội Đài Loan đánh lên đại lục từ nhiều mặt bằng lục hải không quân. Thế nhưng đại lục số có đi mà chẳng có về. ở đại lục trước đây không lâu lại đã thí nghiệm thử thành công bom nguyên tử, càng khiến cho Tưởng buồn da diết, trời lạnh lẽo suốt cả mùa thu. Từ chùa Hải Ấn men theo các bậc đá xuống núi, rất nhanh chóng, đã bước tới vách đá có khắc dòng chữ “Mẹ quên ở Cù”. Bốn chữ đại tự mang phong cách liễu thể này do Tưởng Giới Thạch viết tháng giêng năm 1952 còn được tính là có lực, không những có thể biểu hiện được tri thức thư pháp của Tưởng, mà còn có thể toát ra được tâm tình của Tưởng lúc đó. Ngày 25 tháng 6 năm 1950 cuộc chiến tranh ở Triều Tiên bùng nổ, nước Mỹ thay đổi chính sách bỏ Đài Loan chuyển sang bảo vệ Đài Loan, Tưởng Giới Thạch đã vượt qua được cửa ải khó khăn này. Đầu năm 1952, cuộc chiến tranh ở Triều Tiên vẫn đang tiến hành. Quân đội Quốc dân đảng Đài Loan đã thay đổi phương pháp tập kích quấy rối quy mô nhỏ của hai năm trước, chuẩn bị sử dụng chiến thuật “lấy lớn nuốt bé, tốc tiến tốc thoái”, mở ra cục diện mới phản công đại lục. Vì vậy, Tưởng Giới Thạch lại tới Kim Môn tuần sát, nhận lời mời đã viết ra bốn chữ “Mẹ quên ở Cù”, về sau bốn chữ này được khắc ở trên vách đá núi Thái Vũ. Cù là huyện Cù ở Sơn Đông ngày nay, thời kỳ chiến quốc, đó là thành trì cổ thủ chặt vật sau cùng của nước Tề. Tống Tề là Điền Đan đã dùng thành trì này làm căn cứ địa phản công, kiên trì giữ được vài năm, sau đó đã thu phục thành công những đất đai đã mất. Tưởng Giới Thạch đã dùng Cù Thành để ví với Đài Loan, mong Tưởng câu chuyện Điền Đan thu phục nước Tề sẽ được diễn lại. Sau khi khắc đá ở Kim Môn, mỗi lần Tưởng Giới Thạch tới thăm đảo, đều phải tới chỗ này tham quan một lượt. Hôm nay lại tới đây, Tưởng Giới Thạch liền gọi mấy tên tùy tùng chủ yếu cùng với Tưởng chụp ảnh lưu niệm chung ở trước vách đá. Xuống núi Thái Vũ, Tưởng Giới Thạch lại dẫn tùy tùng tới thăm quán kỷ niệm đại thắng Cổ Ninh Đầu. Đây cũng là một nơi mỗi lần tới Tưởng Giới Thạch đều phải đến thăm. Cổ Ninh Đầu ở đầu tây bắc Đảo Đại Kim Môn, bao gồm ba làng Bắc Sơn, Nam Sơn và Lâm Thổ. Hạ tuần tháng 10 năm 1949, ba trung đoàn và bốn đại đội tổng cộng 9086 người quân giải phóng (trong đó quân đội 8736 người, dân công lái đò 350 người) tại đây đã leo lên đất liền[33], sau đó do vì các loại nguyên nhân, quyết chiến mấy ngày liền rồi bị thất lợi, liền dần dần trở thành đại thắng Cổ Ninh Đầu mà nhà đương cục Quốc dân đảng Đài Loan thời phòng rùm beng đem ra so sánh với chiến dịch Côn Lôn Quan, chiến dịch Ngõa Lô Ban trong cái gọi là chiến tranh kháng Nhật, nào là “điểm chuyển biến”. “bóc ngoặt” v.v... Về sau. Nhà đương cục Đài Loan đã tung ra một khoản tiền dành riêng để xây dựng quán kỷ niệm theo kiểu pháo đài. Từ Cổ Ninh Đầu trở về, theo thường lệ, Tưởng Giới Thạch đã phát biểu một bài diễn thuyết. Tưởng nói, phản công phục quốc là một trận chiến đấu thần thánh. Từ năm 1962 đến nay, các nhân viên vũ trang đã tiến hành đột kích thăm thâu vào đại lục, đã trở thành tiếng vang đầu tiên phản công toàn diện vào đại lục, thu được kết quả to lớn. Tưởng còn nói, ngày trước đây Trung Cộng đã nỗ lực vũ khí hạt nhân tuy có thể dùng vào chiến tranh, nhưng thời gian vẫn còn rất xa. Nếu muốn tránh khỏi sự uy hiếp của bom nguyên tử, thì phải tăng cường chuẩn bị phản công đại lục, cần phải hoàn thành đại nghiệp phản công phục quốc, trước khi Trung cộng hoàn thành vũ khí hạt nhân. Trước mắt, quân dân Bành, Kim, Mã, Đài rất cần phải phát huy tinh thần kiên nhẫn dẻo dai, nhẫn nhục chịu đựng, hy sinh phấn đấu, khó khăn không sờn, đánh đuổi quân thù, khôi phục nước Tề của Đan Điền, phấn đấu vì sự nghiệp “Quang phục đại lục”. Tiếp đó, Tưởng lại nói, ngoảnh lại nhìn năm 1924, cái nôi của quân Cách mạng quốc dân - nơi mà trường quân sự Hoàng Phố vừa mới ra đời, chỉ có điều là dựng lên ở trên một hòn đảo nhỏ trên Châu Giang gần thành phố Quảng Châu, “diện tích cha đây 5 kilô mét vuông, toàn trường cha đây 500 người, hơn thế ngày hôm nay không có lương ăn cho ngày mai, cộng thêm hoàn cảnh bốn mặt đều là địch, thế nhưng cuối cùng vẫn có thể quét sạch được bọn quân phiệt, thống nhất được Trung quốc. Ngày nay chúng ta còn có các căn cứ rộng lớn như Đài, Bành, Kim, Mã; chỉ lấy riêng tỉnh Đài Loan ra để nói, nhân khẩu và diện tích đã gấp Hoàng Phố hàng ngàn lần! Lại cộng thêm hậu thuẫn u việt trên những điều kiện chính trị, kinh tế, quân sự, tại sao chúng ta còn lo lắng hoảng sợ? Sau hai ngày, ngày 20 tháng 11 năm 1964, quân đội Quốc dân đảng ở Kim Môn đã phát động phong trào “Đừng quên ở Cù”, Tưởng Giới Thạch

nghe tin rất sung sướng. Tưởng cho rằng, thực chất tinh thần của cuộc vận động này, không những đủ để kiên định niềm tin của quân đội Quốc dân đảng Đài Loan đối với việc phản công phục quốc, hơn nữa còn có thể phát khởi tinh thần tích cực phấn đấu của họ. Tưởng Giới Thạch nói:- Gần đây sĩ quan và binh lính ở Mặt trận Kim, Mã đã học tập 2200 năm về trước, theo Đan Điền đã phát động phong trào “Đừng quên ở Cừ” tại Cừ Huyện và Túi Mặc... Điều này vào đêm trước cuộc phản công phục quốc hôm nay, phong trào dân tộc phục hưng do các sĩ quan binh lính ngoài mặt trận phát động “Đừng quên ở Cừ” chẳng những thực sự tỏ rõ tinh thần cách mạng và chí khí cách mạng của quân dân ta ở tiền tuyến, hơn nữa, tất nhiên cũng có thể nảy sinh ra hành động mới và khí thế mới bước vào cuộc chiến đấu của quân đội ta. Kỳ thực đây cũng chính là ý nghĩa của tám chữ “Đoàn kết phấn đấu, rửa thù phục quốc” mà tôi thường khích lệ mọi người. Tưởng còn nói: “Phong trào đừng quên ở Cừ” chính là một “kỷ niệm thiên cổ không thể phai mờ, cùng chung hoạn nạn, sống chết có nhau của quân dân ở Đài, Bành, Kim, Mã ngày nay”, dùng nó để giành lấy thắng lợi trong cuộc phản công phục quốc mai sau[34]. Đọc sự cổ vũ khích lệ của Tưởng Giới Thạch, nhà đương cục Đài Loan đã đẩy lên phong trào “Đừng quên ở Cừ” trong quân đội Quốc dân đảng. Bộ tham mưu của họ đã căn cứ vào đây vạch ra “Đề cương cuộc vận động “Đừng quên ở Cừ” trong quốc quân”, sau khi trình lên Tưởng Giới Thạch thẩm tra và quyết định, lại đặt ra những biện pháp cụ thể để đẩy mạnh thực hiện trong quân đội Quốc dân đảng. Một thời gian phong trào rất rầm rộ ở trong và ngoài đảo Đài Loan. Kỳ thực, đến tháng 11 năm 1964, cao trào phản công đại lục lần thứ hai của quân đội Quốc dân đảng không những đã thoái trào mà đã tiếp cận với bụng sóng dưới đáy biển. Làm sao biết được điều đó? Cao trào phản công lần thứ hai của quân đội Quốc dân đảng bắt đầu vào tháng 10 năm 1962, đến tháng 1 năm 1965, một nhóm đặc vụ vũ trang trèo lên bờ đột kích quấy rối, vì bị tổn thất nặng nề mà không thể không vội vàng rút quân. Hoạt động quấy rối do hải quân của chúng tiến hành sau cuộc hải chiến “mùng 6 tháng 8” năm 1965 và cuộc hải chiến phía đông Sừng Vũ cũng đã giảm bớt đi rất nhiều. Hoạt động quấy rối của không quân đã căn bản hạn chế ở hoạt động trinh sát trên cao của máy bay kiểu U-2 cải tiến của Mỹ, do nhiều lần bị quân giải phóng bắn rơi bắt đầu từ giữa năm 1960 đã dần dần giảm bớt những hoạt động quấy nhiễu trên không đối với đại lục.”Đừng quên ở Cừ”, chính là giấc mộng phản công cha được trọn vẹn của Tưởng Giới Thạch.

3. Cao trào quấy rối lần thứ nhất phản công đại lục của Tưởng Giới Thạch

Đừng quên ở Cừ, phản công đại lục là giấc mộng kê vàng đẹp đẽ của Tưởng Giới Thạch, thế nhưng Tưởng không phải là chàng thư sinh, tỉnh giấc mộng ở trong quán cơm Hàm Đan, mà nồi cháo kê vẫn còn cha chín. Giấc mộng phản công của Tưởng Giới Thạch mới chớp mắt đó mà đã mấy chục năm. Mùa hè thu năm 1949, tập đoàn Tưởng Giới Thạch sau khi rút chạy về Đài Loan và các hòn đảo nhỏ miền duyên hải, lập tức bắt đầu các cuộc quấy rối quân sự và các hoạt động phá hoại đối với đại lục. Căn cứ vào sự tiết lộ của “Đương đại Trung Quốc - quân sự quyền”, những hành động tác chiến quấy rối đại lục của quân đội Quốc dân đảng, bắt đầu từ năm 1949, đến năm 1969 đã cơ bản kết thúc, trải qua 20 năm. Trong thời gian này, từ mùa thu năm 1949 đến năm 1966, quân đội Quốc dân đảng, trước sau đã điều động hơn 54.000 người, tiến hành hoạt động quấy rối trên bờ đại lục tới hơn 400 lần, đối với sáu tỉnh và thành phố miền duyên hải ở phía bắc bắt đầu từ Sơn Đông, phía Nam tới Quảng Đông. Đồng thời với điều này, bộ phận tàn quân Quốc dân đảng tan tác chạy qua Miến Điện cũng đã nhiều lần phản công Vân Nam. Trong đó từ năm 1950 đến năm 1953 và từ 1962 đến 1964 là hai lần của cao trào quấy rối phản công. Cao trào lần thứ nhất chủ yếu dùng quân đội vũ trang quy mô vừa và nhỏ số lượng từ vài trăm quân tới trên vạn quân tới xâm phạm quấy rối. Cao trào lần thứ hai dùng đơn vị đặc vụ võ trang cỡ nhỏ từ 10 người trở lên tới vài chục người với đặc trưng là xâm nhập và quấy rối. Sau năm 1966, quân Quốc dân đảng dùng phương thức chủ yếu là cử bọn đặc vụ lẻ tẻ, tiến hành hoạt động phá hoại đối với đại lục. Quân giải phóng nhân dân với sự phối hợp với đông đảo quần chúng nhân dân, dân binh và bộ đội công an, đã đánh những đòn nặng nề vào các hoạt động phản công quấy rối của quân Quốc dân đảng và đã giành được những thắng lợi toàn diện. Đầu năm 1950, hoạt động phản công đại lục của quân đội Quốc dân đảng dùng phương thức chủ yếu là cử quân chính quy, phi biên và đặc vụ vũ trang vượt biển lên bờ tiến hành phá hoại. Vào thời kỳ này tập đoàn Tưởng Giới Thạch đã lợi dụng cơ hội quân dân đại lục dốc sức vào các hạng mục công tác trọng tâm là thanh trừ tiểu phi đặc vụ, tiến hành cải cách ruộng đất và chống Mỹ viện Triều v.v.. đã không ngừng cho quân đội Quốc dân đảng, tiến hành lên bờ hoạt động quấy rối với quy mô vừa và nhỏ đối với đại lục, đặc biệt là khu vực miền duyên hải Đông Nam. Sự phản công ở thời kỳ này cũng có thể phân làm 4 giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là từ mùa thu năm 1949 tới tháng 6 năm 1950, để kiểm chế

phát triển thắng lợi trong cuộc chiến tranh giải phóng của quân giải phóng nhân dân, cản trở công cuộc giải phóng Trung nam, Tây Nam và các hòn đảo miền ven biển, tập đoàn Tưởng Giới Thạch đã từng cử số lượng phi biển, đặc vụ, xâm phạm vào khu vực duyên hải đại lục, tiến công vào các hòn đảo miền ven biển Triết Đông. Thế nhưng tất cả các hoạt động quấy rối đó đều bị đập tan. Những cuộc tác chiến chủ yếu của giai đoạn này có: Ngày 15 tháng 1 năm 1950, hơn 200 quân Quốc dân đảng đảo Hải Nam lên vào xâm phạm huyện Từ Văn đoạn phía nam bán đảo Lôi Châu, đã bị quân giải phóng tiêu diệt toàn bộ, phó sư trưởng Trần Hồng lương và 160 người bị bắt sống. Ngày 25 tháng 1 năm 1950, quân Quốc dân đảng ở đảo Kim Môn cử “Đội du kích Lồng Long (Long Vân, Long Nham)” đã bị quân giải phóng tiêu diệt toàn bộ ở khu vực Bình Hòa, Nam Tĩnh, bắt sống tên thiếu Tướng tư lệnh Hạ Thiếu lương và hơn 100 tên. Ngày 15 tháng 3 năm 1950, Quốc dân đảng trên đảo Đại Trần đã cử “Đại đội đột kích thứ nhất Triết Nam” do vương Trương Nghĩa dẫn đầu với hơn 900 quân, mò lên đại lục vùng ven biển Tùng Môn huyện Ôn Lĩnh Triết Giang, vấp phải sự đánh trả ngoan cường của một tiểu đoàn, sáu trung đoàn cảnh vệ quân phiên khu Ôn Châu và một đại đội huyện Ôn Lĩnh của quân giải phóng, bắn chết bắn bị thương trên 100 người, về sau lại vấp phải sự vây đánh của hai trung đoàn quân giải phóng, sau khi toàn bộ đột phá vòng vây đã hốt hoảng lao xuống biển chạy trốn. Ngày 13 tháng 5 năm 1950, tập đoàn Tưởng Giới Thạch Đài Loan đã cử trung đội 1, trung đội 2 “Quân chống Cộng cứu nước nhân dân khu Sơn Đông” tổng cộng 105 tên đặc vụ vũ trang, leo lên từ cửa biển phía đông Tiểu Trang núi Đại Châu huyện Giao Nam, đã bị bộ đội bảo vệ biển, công an vũ trang, nhân dân hiệp đồng bao vây tiêu diệt, đến ngày 17 tổng cộng đã bắn chết 4 tên, bắt sống 97 tên, chỉ có 4 tên không rõ dấu vết trốn ở đâu. Ngày mùng 2 tháng 6 năm 1950, bọn phi biển ở trên đảo Phi Sơn Triết Giang do Lã Vị tường dẫn hơn 600 tên đánh trộm Đảo Ngọc Hoàn, bị tiêu diệt hơn 100 tên, số còn lại đều chạy trốn tháo thân. Giai đoạn thứ hai là từ tháng 7 năm 1950 đến cuối năm. Ngày 25 tháng 6 năm 1950, cuộc chiến tranh Triều Tiên bùng nổ, hạm đội 7 hải quân và đội hàng không thứ 13 của không quân Mỹ đã tiến vào đóng ở Đài Loan, cục thế ở eo biển Đài Loan trở nên vô cùng căng thẳng và phức tạp. Tập đoàn Tưởng Giới Thạch được sự cổ vũ của sự can thiệp vũ trang nước Mỹ, đã tăng cường thêm một bước hoạt động xâm phạm, chúng đã điều chỉnh biên chế toàn diện quân đội Quốc dân đảng ở Đài Loan, Bành Hồ, Kim Môn, đem phiên hiệu vốn có của 20 quân đoàn, biên chế thu nhỏ thành 12 quân đoàn, lại làm thành 6 sư đoàn độc lập. Đồng thời, đem đội hải phi vũ trang “Đông nam nhân dân Cứu quốc quân” cải biên thành “Trung Hoa phản Cộng cứu quốc quân”. Sau khi trải qua cuộc chỉnh biên, tập đoàn Tưởng Giới Thạch đã sắp xếp hơn 7 vạn binh lực ở trên hơn hai mươi hòn đảo cha giải phóng ở ven biển Phúc Kiến, Triết Giang, trong đó riêng hai đảo Kim Môn, Mã Tổ đã có hơn 6 vạn quân chính quy. ở ven biển Quảng Đông, lúc đó quân Quốc dân đảng còn chiếm giữ mấy hòn đảo nhỏ ở đảo Nam Bằng và quần đảo Vạn Sơn. Quân Quốc dân đảng đã dùng những hòn đảo này làm căn cứ tiến hành các loại hoạt động quấy rối và phá hoại đối với đại lục và những hòn đảo đã được giải phóng ở vùng ven biển. ở giai đoạn này, quân giải phóng nhân dân đã căn cứ vào các hòn đảo ven biển mà quân Quốc dân đảng coi làm trọng điểm xâm phạm quấy rối, hết sức mở rộng tình hình trận địa ở trên biển, dùng biện pháp kết hợp giữa công và thủ, vừa tiến hành tiêu trừ tàn d của bọn Quốc dân đảng chạy trốn ở trên các hòn đảo, vừa đánh trả những hoạt động quấy rối ở trên các hòn đảo đã được giải phóng. Ngày 12 tháng 7 năm 1950, hai tiểu đoàn của sư đoàn 62 bộ binh giải phóng quân chia nhau ngồi trên hai chiến hạm đổ bộ lên đất liền, do bốn pháo hạm hộ tống đi biển lợi dụng thời cơ Quốc dân đảng từ Phi Sơn và Đảo Nhất Giang Sơn điều động binh lực tăng cường phòng vệ cho Đảo Đại Trần, suốt đêm vớt biển, xông tới đánh Phi Sơn, qua chiến đấu ác liệt, tổng cộng đã tiêu diệt trên 500 quân Quốc dân đảng, bắn chìm một tàu pháo hạm của Quốc dân đảng, bắt giữ 4 chiếc thuyền tàu các loại. Từ trung tuần tháng 7 đến trung tuần tháng 8, bộ đội giải phóng quân đóng ở Triết đã tiêu diệt hơn 600 tên Quốc dân đảng giữ ở đảo Bắc Kỳ. Bộ đội đóng ở Mân đã tiến đến tập kích hai đảo Tây Dương và Phù Ứng; Bộ đội đóng ở Việt đã giải phóng được đảo Nam Bằng. Sáng sớm ngày 20 tháng 11 năm 1950 tên phi biển ở Phi Sơn là Lữ Vệ tường lại dẫn hơn 800 tên chia thành 3 đường từ đảo Ngọc Hoàn Triết Giang trèo lên đất liền, một độ đã chiếm lĩnh Thành huyện Ngọc Hoàn và phần lớn khu vực ở đảo này. Hai trung đội của đại đội canh gác huyện Ngọc Hoàn của Giải phóng quân, đã độc lập chặn đánh bọn phi biển suốt 7 giờ đồng hồ; hai đại đội của sư đoàn 61 bộ binh đóng ở Sở Môn, đã lợi nước ở bãi nông eo biển hơn hai chục dặm, leo lên đảo kịch chiến 6 giờ liền, phối hợp với quân đóng trên đảo tiêu diệt 180 tên hải phi, đã chiếm lại đảo Ngọc Hoàn. Giai đoạn thứ ba từ đầu năm 1951 đến cuối năm. Đầu tháng giêng năm 1950, để phối hợp với quân Mỹ, tấn công toàn tuyến vào quân đội nhân dân Trung Triều ở chiến trường Triều Tiên, tập đoàn Tưởng Giới Thạch chuẩn bị dùng 25 vạn binh lực đột phá Hạ Môn và Sán Đầu, mở ra chiến trường thứ hai để kiềm chế giải phóng quân; đồng thời hạ lệnh cho tàn quân Quốc dân đảng lẩn trốn ở Bắc Miên phản công

vào Vân nam để tiếp ứng cho bọn thổ phi ở các nơi vùng Tây Nam, nhằm “khôi phục Tây Nam”. Thế nhưng do vì ở khu vực Đông Nam giải phóng quân phòng giữ nghiêm mật, tập đoàn Tưởng Giới Thạch đành phải vứt bỏ ý đồ lên đất liền xâm phạm quấy rối với quy mô lớn, tiếp tục tiến hành lên đất liền xâm phạm quấy rối với quy mô vừa và nhỏ. Thế nhưng đặc điểm bọn Quốc dân đảng xâm phạm quấy rối ở khu vực ven biển Đông Nam trong giai đoạn này là chuyển hướng vào khu vực miền núi ở trong đất liền, hòng xây dựng “những căn cứ địa địch hậu”. Tập đoàn Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan trước sau đã thành lập được “Bộ tổng chỉ huy quân chống cộng cứu nước Phúc Kiến” ở Đảo Kim Môn, thành lập được “Tổng bộ chỉ huy quân chống Cộng cứu nước nhân dân Giang Triết” ở đảo Đại Trần, thành lập được “ủy ban công tác địch hậu” và “Bộ Tổng chỉ huy du kích đại lục” ở Đài Loan, đã xây dựng được “Ban huấn luyện thủ lĩnh Du kích”, tổng cộng đã huấn luyện được hơn một vạn tên thổ phi vũ trang, chuẩn bị phân nhau tiến sâu vào hoạt động trong đại lục, đợi thời cơ phối hợp với tập đoàn Tưởng Giới Thạch phản cộng đại lục. Từ tháng 6 trở đi, tập đoàn Tưởng Giới Thạch có kế hoạch tổ chức phân công bọn phi biên đi sâu vào quấy rối ở vùng núi đất liền, mu đồ “Xây dựng lại khu du kích”, “Căn cứ địa du kích”. Từ tháng 6 đến tháng 8, chúng đã cử đội vũ trang lớn tổng Cộng có 6 đội lên tới hơn 800 người, từ huyện Quỳnh Hải đảo Hải Nam, huyện Tạng Sơn, huyện Lạc Thanh tỉnh Triết Giang và huyện Huệ An tỉnh Phúc Kiến, thế nhưng đại bộ phận đều bị tiêu diệt, có đến mà chẳng có về. Ngày mùng 4 tháng 9, hơn ba vạn tên “Đội chống cộng cứu nước tỉnh Phúc Kiến” trên đảo Ô Khâu, dưới sự lãnh đạo của Đô Sát trưởng Cục cảnh sát huyện Tiên Du, Trần Lệnh Đức “T lệnh Tung đội Tuyên châu” và huyện trưởng huyện Đức Hóa, “T lệnh tung đội Vĩnh An” Trần Vĩnh a, đã chia làm hai cánh quân từ huyện Huệ An Phúc Kiến bước lên đất liền, vượt qua đường quốc lộ Phúc Hạ tiến về phía Tây, hòng xâm nhập quấy rối tới vùng núi Đới Vân, “Dần dần thi hành nhiệm vụ phản công đại lục”, thế nhưng đã bị mấy nghìn quân giải phóng và mấy vạn dân quân bao vây tiêu diệt. “Tung đội Tuyên châu” ý vào u thế hỏa lực súng cơ giới kiểu Mỹ đã thoát khỏi sự cản trở của dân quân. “Tung đội Vĩnh An” hóa trang thành quân giải phóng, mạo xưng là “bộ đội tiểu phi” thế nhưng vẫn không thể thoát ra khỏi thiên la địa võng bao vây tiền trừ của quân giải phóng. Ngày mùng 6 và mùng 7 tháng 9, hai cánh quân thổ phi này đều bị bao vây chia cắt, Trần Vĩnh a bị bắn chết ở núi Thất Khâu, Trần Lệnh Đức hóa trang thành hòa thượng đi hóa duyên để tìm đường chạy trốn, thế nhưng cũng không thể lừa nổi những dân quân canh gác chặn giữ. Đến hạ tuần tháng 9, hai cánh quân này xưng hiệu là “Tung đội” vũ trang, tổ chức thành những “Tình báo viên vạn năng trang bị kiểu Mỹ”, ngoài 8 tên chạy thoát ra, số còn lại đã bị hoàn toàn tiêu diệt. Trong giai đoạn này, tập đoàn Tưởng Giới Thạch, đồng thời với việc tiến hành thọc sâu quấy rối vào trong lục địa ở khu vực ven biển phía đông nam, tập đoàn Tưởng Giới Thạch cũng tổ chức chỉ huy bộ đội tàn d quân Quốc dân đảng và thổ phi địa chủ ác bá trốn sang Miến Điện, Việt Nam và Lào tiến hành vũ trang quấy rối ở biên giới Vân Nam. Tàn d quân Quốc dân đảng chạy trốn chiếm giữ miền bắc Miến Điện là quân đoàn 8, quân đoàn 26 nuôi quân đoàn một trung đoàn bị tiêu diệt trong chiến dịch Điện Nam tổng cộng hơn 1400 người. Tháng 9 năm 1950, Tưởng Giới Thạch cử Lý Di (nguyên là quân đoàn trưởng quân đoàn 8, tư lệnh binh đoàn thứ 13) tới Bắc Miến Điện chủ trì đám tàn quân, đã thành lập “Vân Nam nhân dân chống cộng Cứu quốc quân”. Đầu năm 1951 đã phát triển tới trên 13500 quân. Tàn quân Quốc dân đảng chạy trốn sang chiếm cứ phía bắc Việt Nam có quân đội của Chu Quang Lộc, quân đội của Dương Quốc Hoa, quân đội của Hạ Quang Dung, cũng là đám tàn quân lẻ tẻ lọt lỏi trong chiến dịch Điện Nam đã hỗn độn tổ chức đội thổ phi vũ trang của tổ chức địa chủ ác bá, tổng cộng có hơn 2 vạn tên “Đoàn biên chế mới độc lập của chống Cộng cứu quốc quân” chạy sang chiếm cứ miền bắc Lào ở núi Tháp Lạc, lấy vũ trang của địa chủ ác bá làm chính, tổng cộng có hơn 700 người. Chúng đều nghe lệnh của Lý Di ngồi trấn giữ ở miền bắc Miến Điện. Đầu tháng 5 năm 1951 từ phía bắc Việt Nam, Lào, Miến Điện tiến hành đợt kích quấy rối vùng biên giới Vân Nam. Trong rất nhiều hoạt động “phản công” tiến hành vào năm 1951 của tập đoàn Tưởng Giới Thạch, bọn tàn quân ở biên giới Trung Miến, Trung Việt, Trung Lào do Lý Di chỉ huy, điên cuồng quấy phá Vân Nam là một lần quy mô lớn nhất, thời gian dài nhất. Ngày 15 tháng 3 năm 1951, quân Mỹ xâm lược Triều Tiên đã chiếm lĩnh Hàn Thanh lần thứ hai. Tưởng Giới Thạch được cổ vũ lớn lao, lại một lần nữa hạ lệnh cho Lý Di dẫn bọn tàn quân bắc tiến, lợi dụng “Quân liên hiệp quốc” “đại thắng” ở Triều Tiên liền vào uy bức Côn Minh. Thế nhưng do vì Lý Di từ Đài Loan đến thời gian không dài, việc chinh biên bọn tàn quân chưa hoàn thành, cho nên đã kéo dài mãi tới hạ tuần tháng 4 mới chuẩn bị được tạm xong công tác phản công. Lúc này Lý Di không những là tổng chỉ huy của “Vân Nam nhân dân chống cộng cứu quốc quân”, mà còn là “chủ tịch chính phủ tỉnh Vân Nam” và “Chủ nhiệm cơ quan Tuy Tĩnh Tỉnh Vân Nam”, cho nên lần này hẳn phản công Vân Nam còn chỉ huy cả các loại vũ trang phản động ở trong biên cảnh Vân Nam. Lý Di hạ lệnh cho phó tư lệnh Đàm Anh Ninh chỉ huy “Quân chống cộng biên khu Điện Quê Kiềm” hoạt

động ở khu vực giáp giới Quý Châu, Tứ Xuyên, Vân Nam, dẫn quân tiến công các huyện La Bình, Quảng Nam, Khâu Bắc, hồng lồi kéo giải phóng quân ở Côn Minh. Điền Tịnh tới Điền Đông; Sau đó hạ lệnh cho quân đội của Hạ Quang Vinh, quân đội của Ninh Thụy Nam tiến công Vân Sơn và Cá Cự thu hút giải phóng quân ở mặt Khai Viễn, Ngọc Khê về hống Điền Nam, còn hạ lệnh cho bộ đội của Tung đội thứ hai là Dương Quốc Hoa “Quân chống Cộng Điền Việt” ở mặt Kim Bình, Lục xuân hoạt động về phía Giang Thành, tư Mao, thu hút giải phóng quân ở khu vực Điền Tây kéo về phía đông sông Lan thương. Mu đồ tính toán của Lý Di là thu hút chủ lực giải phóng quân Vân Nam kéo về phía Điền Quế, Điền Kiềm, Điền Việt, Xa rời trục đường tiến công phản công lần này để tiện cho việc dẫn chủ lực tàn quân chạy trốn sang Miến Điện tiến thẳng vào, áp sát tới Côn Minh. Lý Di biết rằng để tiện cho 4 cánh quân phi tác chiến phải hấp dẫn khối lượng lớn giải phóng quân tới khu vực dự định, biên giới Trung Miến cũng không thể không có giải phóng quân. Để tạo thành hình thái có lợi hơn, Lý Di đã chia “Vân Nam nhân dân phản Cộng cứu quốc quân” ở bắc Miến ra thành 4 đường. Đường thứ nhất 400 người từ hống Cảnh Đông, Đả Lạc tiến công Mạnh Hải, Cảnh Hồng, chiếm lấy hai huyện Thành, ngăn chặn giải phóng quân ở hống tư Mao chỉ viện cho phía nam; Đường thứ hai 2000 tên, tiến công theo hống Mạnh Liên, Lan thương, chiếm lấy hai huyện Thành, sau đó chuyển làm quân dự bị. Đường thứ ba 2.500 tên, chủ yếu công kích về hống Tây Ninh, thương Nguyên, Song Giang lâm thương, đầu tiên chiếm lấy 4 huyện, sau đó phát triển theo hống Đại Lý, Côn Minh. Con đường thứ tư 1500 tên, công kích theo hống Trần Khang, Vĩ Đức, sau khi chiếm đoạt lấy 2 huyện thì phát triển theo hống xương Ninh Phụng Khánh. phương án của Lý Di là bảo hộ hai cánh, chủ công ở giữa, trong đó lại lấy đường thứ ba làm chính. Hấn dự tính trước hết chiếm lấy các huyện Trần Khang, thương Nguyên, Tây Minh, v.v...xây dựng căn cứ phản công, sau đó tiến chiếm Cảnh Mã, Song Giang, Lâm thương, làm bước đi thứ nhất của cuộc phản công. Dới sự chỉ huy của kế hoạch Lý Di, quân đội tàn binh Quốc dân đảng ở khu vực biên giới Trung Việt trước hết đã gây rối, tiếp đó, quân đội phi của Đàm Anh Ninh cũng bắt đầu vây đánh các huyện thành ở Điền Đông, quân khu Vân Nam của quân giải phóng lại cử quân đội đi tiêu trừ quân phi ở các nơi. Lý Di nhìn thấy thời cơ để cho tàn quân phi chạy sang Miến Điện nhập cảnh quấy rối đã tới, liền dẫn hơn 6000 quân kéo vào Điền Tây ngông cuồng tuyên bố trong ba tháng sẽ chiếm được Côn Minh, “ngheh tiếp chính phủ Trung ương rời về Tỉnh Điền”, rồi lần lượt chiếm lĩnh các huyện thành Cảnh Mã, Mạnh Liên, Mạnh Hải, Trần Khang v.v...và các khu vực bộ phận. Chính trong lúc Lý Di đắc chí mu ý, đòi Đài Loan khen công tặng thưởng, quân khu Vân Nam của giải phóng quân đã tuyên bố mệnh lệnh tác chiến tiêu diệt quân Quốc dân đảng vào quấy rối. Bắt đầu từ thượng tuần tháng 6, các cánh quân giải phóng quân lần lượt bao vây tiêu diệt hơn 800 tên Quốc dân đảng từ Bắc Miến xâm nhập vào, số còn lại đều chạy trốn ra nước ngoài vào cuối tháng 6. Trung tuần tháng 7, do vì quân Mỹ ở Triều Tiên lại một lần nữa vượt quá “Vĩ Tuyến 38”, mũi nhọn đã đạt tới đường Kim Hóa, Cán Thành, cục thế bất lợi cho chí nguyện quân Trung Quốc, Tưởng Giới Thạch đã đánh điện hạ lệnh cho Lý Di lại một lần nữa phản công Vân Nam. Tức thì sau một thời gian ngắn chỉnh đốn và biên chế lại tổ chức, Lý Di lại một lần nữa xâm phạm quấy rối Vân Nam, chiếm lĩnh huyện thành thương Nguyên và Mạnh Liên. Quân giải phóng sử dụng chiến thuật dụ địch vào sâu, khi chúng tiến sâu vào biên cảnh ở một mức độ nhất định, liền cắt đứt con đường phía sau của chúng, dùng binh lực u thế tiến hành bao vây tiêu diệt, truy đuổi tiêu diệt và thanh trừng tiêu diệt, lại tiêu diệt hơn 200 tên địch, Lý Di dẫn toàn quân lại một lần nữa chạy trốn sang bắc Miến vào hạ tuần tháng 7. Trước đó, bộ đội của Dương Quốc Hoa, Ninh Thụy Nam, Hạ Quang Vinh ở Điền Nam đã bị bao vây tiêu diệt vào tháng 5, bị bắn chết hơn 100 tên, bị bắt sống hơn 400 tên. Đàm Anh Ninh ở biên khu Điền Quế kiềm bị bắn chết hơn 1200 tên dới trướng của hấn hoặc bị bắn chết, hoặc bị bắt sống hoặc chạy tẩu tán đi khắp các nơi. Giai đoạn thứ tư bắt đầu từ năm 1952 đến tháng 7 năm 1953. Sau nhiều lần vấp phải thất bại trong việc phản công mà tập đoàn Tưởng Giới Thạch cử quân đội tiến hành hoạt động quấy rối ở trong đất liền và ở biên giới Trung Miến, từ năm 1952 trở đi, chúng đã thay đổi thủ pháp, sử dụng chiến thuật “lấy lớn nuốt bé, tốc tiến tốc thoái”, dùng binh lực u thế gấp mấy lần, hoặc mời mấy lần, với sự phối hợp của hải quân và không quân, đột nhiên tập kích đánh phá bộ đội đột suất ở bờ biển hoặc các đảo ven biển có lực lượng phòng ngự mỏng và yếu, hồng tiêu diệt bộ đội phòng bị số lượng ít của giải phóng quân. Sau khi gặp thuận lợi hoặc phát hiện bộ phận quân đội lớn của giải phóng quân được tăng viện, liền nhanh chóng rút lui. Loại thủ pháp đột kích bất ngờ “lấy lớn nuốt bé” này mãi cho đến tháng 7 năm 1953 bị thất bại thảm hại sau khi xâm phạm đảo Đông Sơn mới bắt buộc phải thu lại. Ngày 28 tháng 3 năm 1952, hơn 1000 tên lính của Hồ Tông Nam trên đảo Đại Trần, đột nhiên tập kích vào đảo Bạch Sa Sơn huyện Lâm Hải, một trung đội quân giải phóng giữ đảo đã ngoan cường đánh lại, luôn luôn dựa vào địa hình thuận lợi và trận địa đã bày ra để đánh địch, kiên trì cho tới khi bộ đội tăng viện kéo đến. Quân đội Quốc dân đảng tiến vào xâm

phạm sau khi tổn thất hơn 200 tên mới lên thuyền chạy trốn. Ngày 10 tháng 6 năm 1952, Hồ Tông Nam lại dẫn hơn 1200 tên lính tiến vào xâm phạm đảo Hoàng Tiều huyện Ôn Lĩnh Triết Giang, một đại đội giải phóng quân giữ đảo, quyết giữ trận địa, kịch chiến suốt 18 giờ liền, sau đó lại phối hợp với quân đội tăng viện, tiêu diệt toàn bộ quân Quốc dân đảng cha kịp lên thuyền chạy trốn. Trong trận chiến đầu này, quân giải phóng bị thương vong 46 người, đã tiêu diệt 310 tên lính của Hồ Tông Nam. Ngày 19 tháng 10 năm 1952, quân giải phóng nhân dân chủ động xuất kích, với binh lực của một tiểu đoàn bộ binh tăng cường và một tiểu đoàn pháo binh, qua 4 giờ vượt biển, đã chèo lên đảo Nam Bành mà quân Quốc dân đảng đánh chiếm. Sau 6 giờ kịch chiến, đã tiêu diệt 118 tên địch ở trên đảo, bắn chết tên thiếu Tướng chỉ huy, thu hồi lại đảo Nam Bành. Ngày 14 tháng 12 năm 1952, hơn 1000 tên Quốc dân đảng đã tập kích lên bán đảo Lục Ngao huyện chương Phổ tỉnh Phúc Kiến. Lúc đó giải phóng quân ở trấn Lục Ngao chỉ có một trung đội biên phòng, họ đã anh dũng đánh trả sự tập kích của Quốc dân đảng đông gấp mười mấy lần, tiêu diệt chúng trên 100 tên, rồi tiến hành với viện quân truy kích chúng, đánh cho bọn lính tới xâm lược bạt vĩa kinh hồn phải tháo chạy. Thế nhưng, loại đột kích bất ngờ “lấy lớn nuốt bé” này của Quốc dân đảng cũng đã có mấy lần gặp may mắn. Trong năm 1952 chúng đã lần lượt tập kích đảo My Châu, đảo Nam Nhật huyện Bồ Điền tỉnh Phúc Kiến và Ô Nhạn, Vụ Thành huyện Bình Dương Triết Giang, đều đã khiến cho bộ đội chốt giữ của quân giải phóng và quần chúng nhân dân ở nơi đó vấp phải những tổn thất nhất định, trong đó đặc biệt là đảo Nam Nhật bị xâm phạm quấy rối rất nổi tiếng. Ngày 11 tháng 10 năm 1952, sư đoàn 14 và sư đoàn 75 mỗi sư đoàn có hai trung đoàn cùng bốn phi biên của Quốc dân đảng đóng trên đảo Kim Môn, tổng cộng 9000 người, chia nhau ngồi trên chiến hạm, thuyền buồm máy, dới sự yểm hộ của 8 chiếc máy bay, lần thứ ba đã xâm phạm quấy rối đảo Nam Nhật. Đảo Nam Nhật là một hòn đảo tương đối lớn của huyện Bồ Điền ở miền đông tỉnh Phúc Kiến, từ đông sang tây dài 14 ki lô mét, hai đầu chỗ rộng nhất trên dới 7 kilô mét, trong đó chỗ hẹp nhất chỉ có 700 mét. Phía đông đảo Nam Nhật gồ ghề tương đối lớn, có các núi Đại Kiều, Cửu Trùng, Bút Giá, Chủ Mẫu đều cao hơn mặt biển tới 130 mét. Thế núi dốc đứng địa hình hiểm yếu, dễ giữ khó đánh. Phía tây đảo là những núi gò đèo đất bằng phẳng, bình quân cao hơn mặt biển trên 40 mét, ngọn núi ở sau làng ven núi nơi cao nhất mới trên 80 mét. Diện tích của đảo Nam Nhật ớc khoảng 80 kilô mét vuông có hơn 60 làng, dân cư trên vạn. Đảo Nam Nhật là khu thứ 9 của huyện Bồ Điền, chính phủ khu đặt tại làng Nam Nhật thuộc phía tây Đảo. Ngày mùng 10 tháng 10, quân Quốc dân đảng Kim Môn gọi là “Tiến hành cuộc đại diễn tập Lục Hải Không quân để chúc mừng quốc khánh”. Sáng sớm ngày 11 tháng 10, hơn mười chiếc tàu đổ bộ và mười mấy chiếc xuồng máy lái khỏi eo biển Liêu La Kim Môn trong màn đêm, biên đội lái về phía nam. Khi trời sáng thì tiếp cận mặt biển Nam Nhật, phát hiện một chiếc thuyền đánh cá, ba chiếc tàu đổ bộ tập trung hỏa lực bắn phá. Chiếc thuyền đánh cá bị bắn trúng, cột buồm bị đổ xuống, có người bị bắn lên không trung. Một chiếc tàu đổ bộ của Quốc dân đảng lại lao về phía chiếc thuyền đánh cá, làm cho chiếc thuyền vỡ tan ra từng mảnh. Mấy ng dân rơi xuống biển cũng bị lao chết. Hơn 9 giờ sáng, quân Quốc dân đảng rải thành một tuyến Vạn Hộ, Thổ địa bình, làng Nham Hạ cùng Đông Hộ, Tây Hộ leo lên đất liền. Một đại đội quân giải phóng dựa vào địa hình có lợi ngoan cường đánh trả, kịch chiến suốt ngày, đại bộ phận đã hy sinh oanh liệt. Sau 2 giờ chiều ngày 11, quân đội đại lục tăng viện hai tiểu đoàn lần lượt tới, cấp tốc trèo lên đảo, người trước ngã người sau kế tiếp. Một số binh sĩ của tiểu đoàn muốn leo lên từ phía sau đảo, vấp phải sự phong tỏa của hỏa lực địch, bắt buộc phải rút về. Chỉ có một trung đội trôi tới cửa eo, leo được lên bờ, lại gặp phải bốn phi biên. Bị kẹp trong vòng vây dày đặc của bốn địch, ngoài 8 người bị bắt sống ra, còn lại toàn bộ đều hy sinh. Đại đội 2 của tiểu đoàn lục chiến vội vã leo lên đất liền từ cửa eo Bạch Sa Dương. Sau khi lên bờ chỉ còn lại binh lực của một đại đội. Quân địch trước hết dùng sự triệt thoái để dụ cho quân giải phóng vào sâu, sau đó chúng đã bao vây chặt ở khu vực làng Thảo Bồ, Xạ thủ súng máy Lý Trung Chí đứng trước tình hình các chiến sĩ toàn trung đội đều bị tử vong hết đã xông thẳng vào đám quân địch, kéo chốt nổ một quả lựu đạn. Đại đội phó đại đội 5 Kinh Ngọc Châm, trong tình trạng các chiến hữu đều bị hy sinh hết, bản thân mình đã bị thương hai chỗ, đã quyết chiến đấu trong hai giờ liền, đánh lùi năm đợt xung phong của địch, cuối cùng đã hy sinh anh dũng. 9 giờ tối ngày 12, phó tham mưu trưởng một đơn vị đã dẫn binh lực một tiểu đoàn leo lên đất liền, ngay lập tức đã gặp binh lực u thế của quốc dân đảng bao vây chặn đánh. Sáng sớm ngày 13 hai bên triển khai trận đánh giáp lá cà, khi trời sáng rõ, toàn bộ các chiến sĩ phần lớn đều bị hy sinh. ở trên đảo Nam Nhật đồng thời với cuộc chiến đấu đẫm máu giữa giải phóng quân và Quốc dân đảng, trên đại lục phía từ Bồ Điền tới Thạch Thành đang tranh thủ làm con đường vận chuyển quân lính, mấy vạn người ngày đêm phấn đấu, chỉ trong ba ngày đã làm xong con đường dài 60 kilômét, thế nhưng quân đội tăng viện vượt biển thì vẫn vấp phải chặn đánh của hỏa lực máy bay và đại bác Quốc dân đảng, rất nhiều thuyền gỗ bị bắn chìm, binh lực được tăng viện

ở trên đảo đã ít lại phân tán, đều bị các cánh quân quốc dân đảng đánh phá. Quân Quốc dân đảng tập kích đảo Nam Nhật, đồng thời với việc bao vây tiến đánh bộ đội viên binh và bộ đội giữ đảo của quân giải phóng, chúng còn cướp bóc hãm hiếp các cư dân trên đảo, phá hoại tổ chức chính quyền địa phương. Bọn đặc vụ địch và những phần tử quân chế ác bá ở trên đảo cũng nhẩy ra, dẫn đường cho Quốc dân đảng, chỉ điểm các cán bộ đảng viên, bao vây tiến đánh các phần tử quần chúng tích cực. Trên đảo Nam Nhật gà bay chó chạy, hỗn loạn vô cùng. Thống kê sau cuộc chiến đấu, các cán bộ khu Nam Nhật chết 5 người, bị bắt 15 người; đội công an chết 3 người; tổn thất súng pạc khoọc 6 khẩu, súng lục 12 khẩu, gạo 800 cân, khoản thuế 160 vạn đồng (tiền nhân dân tệ lúc đầu xây dựng nước, 100 đồng tương đương với 1 đồng). Các con trâu của khu ủy, ủy ban khu, hội phụ nữ, 500 tờ giấy thông hành của công an Huyện cùng với các bản thống kê danh sách dân quân Đảng viên Đoàn viên đều bị cướp đi mất. Quần chúng nhân dân tổn thất mất gà 633 con, vịt 11 con, lợn 324 con, bò 3 con, quần áo 660 bộ lương thực 2835 kilô gam, cánh cửa 75 bộ, quan tài 12 chiếc, dê 10 con, còn có 11 quần chúng nhân dân bị giết hại, 43 người bị thương, 5 người bị bắt làm tù binh đẩy tới Đài Loan. Trong cuộc chiến đấu này, tổng cộng quân giải phóng tổn thất mất hơn 1300 người. Trong đêm ngày 13 toàn bộ quân Quốc dân đảng đã rút lui. Bọn Quốc dân đảng đã mấy lần hoạt động xâm phạm quấy rối theo kiểu “lấy lớn nuốt bé” đạt kết quả, đã khiến cho tập đoàn Tưởng Giới Thạch vênh vang tự đắc. Trên “Hội nghị chiến lược” bọn chúng triệu tập tháng 12 năm 1952 có tư lệnh hạm đội 7 của Mỹ tham dự, đã tuyên bố năm 1953 sẽ là “năm phản công” của bọn chúng, chúng sẽ tiếp tục tiến hành tác chiến phản công với “quy mô đồ sộ”. Thế nhưng giải phóng quân nhân dân ở các quần khu ven biển đã căn cứ vào chỉ thị của bộ tham mưu, thực sự thu hút những bài học kinh nghiệm, theo dõi chặt chẽ tình hình địch, thực sự làm tốt công tác chuẩn bị chống tập kích quấy rối, khiến cho “năm phản công” của tập đoàn Tưởng Giới Thạch đã biến thành “năm thất bại!” Ngày 29 tháng 5 năm 1953, một đơn vị quân giải phóng đã tiến hành công kích chiếm luôn bốn hòn đảo như đảo Đề, núi Gà, núi Hưu lớn, Hưu bé, đã tiêu diệt hơn 230 quân Quốc dân đảng chiếm giữ Đảo, bắt sống tên thiếu Tướng tư lệnh quân đoàn 42 “Triết Giang nhân dân chống Cộng đột kích quân” là Hà Trác Quyền. Bốn hòn đảo này nằm ở cửa biển Ôn Châu Loan, vị trí vô cùng quan trọng, trong ba năm sau khi giải phóng đại lục ở Triết Giang, giải phóng quân và bọn Quốc dân đảng từng nhiều lần tranh giành nhau 4 hòn đảo này. Sau khi quân giải phóng chiếm được 4 đảo, Tưởng Giới Thạch vô cùng tức giận, đã ra lệnh cho Hồ Tông Nam “Cần phải chiếm lại ngay!” Đêm khuya ngày 19 tháng 6, Hồ Tông Nam dẫn hơn 1600 quân, ngồi lên hơn 50 thuyền buồm và xuồng máy, dới sự yểm hộ của hạm đội chiến đấu số 9 tiến hành phản công chiếm lại. Trước hết chúng dùng hỏa lực pháo tập kích khẩn cấp, tiếp đó quân chia hai đường tấn công lên đảo Đề và núi Hưu nhỏ, chúng còn muốn phát triển theo hóng núi lớn, sau cùng hợp lại đánh núi Gà. Các sĩ quan và binh lính quân giải phóng trấn giữ bảo vệ đảo đề, đã liên tục đánh tan 8 đợt xung kích của quân Quốc dân đảng, lại còn tổ chức 6 đợt phản kích, giữ chắc trận địa. Một đại đội bảo vệ núi Hưu nhỏ, đã liên tục đánh lui 7 lần xung phong của quân Quốc dân đảng. Đúng 9 giờ ngày 21, quân giải phóng bảo vệ núi Hưu lớn, bắt đầu phản công, quân Quốc dân đảng đã để mất hai trung đội có nhiệm vụ yểm hộ, chúng đã hốt hoảng tháo chạy. Trong cuộc chiến đấu gần hai ngày, quân giải phóng đã đánh tan sự phản công của quân quốc dân đảng, tiêu diệt 736 tên của chúng, bắn bị thương 5 tàu chiến địch, bắn chìm 12 thuyền địch, cả bốn hòn đảo đều được khống chế chặt chẽ trong tay giải phóng quân. Thế nhưng, Tưởng Giới Thạch không cam tâm với thất bại ở Ôn Châu Loan, đã ra lệnh cho quân đội Quốc dân đảng tiếp tục chấp hành phương châm “lấy lớn nuốt bé”, tăng cường các cuộc xâm phạm đối với ven bờ đại lục và hải đảo. Cuộc chiến ở đảo Đông Sơn chính đã phát sinh trong bối cảnh như vậy. Ngày 16 tháng 7 năm 1953, quân Quốc dân đảng xâm phạm đảo Đông Sơn, đây là một lần hoạt động xâm phạm quấy rối lớn nhất từ sau khi tập đoàn Tưởng Giới Thạch tháo chạy ra Đài Loan, chúng đã ném dòn đá kích và thất bại cũng nặng nề và thảm hại nhất. Đảo Đông Sơn là hòn đảo lớn thứ hai của Phúc Kiến, diện tích 165 kilô mét vuông, nhân khẩu ớc khoảng 83000 người là tấm bình phong che mặt biển của Mân Nam. Số quân đội đóng giữ đảo Đông Sơn là hai tiểu đoàn của Trung đoàn 80 (thiếu một đại đội) công an giải phóng quân. 21 giờ ngày 15 tháng 7, thượng Tướng tư lệnh trưởng Hồ Liên quân đội phòng vệ Kim Môn của Quốc dân đảng, đã dẫn sư đoàn 45 (thiếu 2 tiểu đoàn của trung đoàn 133) trung đoàn 53 sư đoàn 18 và đại đội đột kích 1,2 của phi biên v.v... ngồi trên 13 chiếc tàu chiến, xuất phát từ Kim Môn lái ra ngoài biển. Những động hống khác thường của quân quốc dân đảng ở Kim Môn đều được cơ quan chỉ huy quân khu Hoa Đông đặt ở trên biển lúc đó nắm biết hết. Vào lúc 23 giờ ngày hôm đó quân khu Hoa đông thông báo: “Tên Tướng phi Kim Môn Hồ Liên đã đích thân dẫn 4 trung đoàn quân chính quy, 4 đại đội phi biên, phối hợp với Hải quân và không quân, xuất phát từ đảo Kim Môn và lúc 9 giờ tối ngày 15”. Thủ trưởng quân khu Phúc kiến phán đoán, nếu bọn địch đi về phía bắc, có khả năng sẽ tập kích đảo Nam Nhật, hoặc

đảo Bình Đàm; đi về phía nam có khả năng sẽ tập kích đảo Đông Sơn, bởi vì cự ly của chúng đều cách Kim Môn khoảng trên dưới 150 kilô mét vừa đúng là hành trình một đêm trên biển. Trong đó bọn địch rất có khả năng sẽ tiên đánh đảo Đông Sơn, thứ nữa mới là đảo Bình Đàm, Đại Đăng và Hạ Môn. 1 giờ ngày 16, thủ trưởng quân khu Phúc Kiến quyết tâm. Nếu bọn địch tiến vào xâm phạm Bình Đàm, Nam Nhật Đại Đăng, Hạ Môn, quân đóng ở đó sẽ kiên quyết giữ, sau đó sẽ tiếp tục viện trợ dần. Nếu bọn địch xâm phạm Đông Sơn, quân đội giữ đảo sau khi đánh trả sẽ rút lui, bởi vì diện tích của đảo Đông Sơn lớn mà binh lực lại quá ít. Thủ trưởng quân khu Phúc Kiến đặc biệt chỉ rõ cho bộ đội giữ đảo Đông Sơn biết: lưu lại một tiểu đoàn tinh nhuệ tiến hành phòng ngự cơ động. Những nhân viên không phải chiến đấu, phải yểm hộ cho các nhân viên Đảng và chính quyền huyện Đông Sơn rời khỏi đảo trước khi trời sáng. Bộ đội giữ đảo nếu vấp phải binh lực u thế của địch tấn công, thì có thể tìm cơ hội di chuyển. Giữa lúc quân khu Hoa Đông và quân khu Phúc Kiến của quân giải phóng đang khẩn trương tiến hành chuẩn bị tác chiến, trên sân bay Tân Trúc ở phía bắc Đài Loan, có 487 “lính nhảy dù của dù đội đảo Lăng Hinh” đang chuẩn bị lên máy bay bay đi, để tiến hành một cuộc “diễn tập”. Đúng 4 giờ, 16 chiếc máy bay quân dụng vận tải cất cánh từ Tân Trúc, bay thẳng tới đảo Đông Nam ở phía Tây nam. Trước khi lên máy bay, tổng đội trưởng lính dù Cố Bảo Dụ tuyên bố đi chấp hành nhiệm vụ tác chiến, yêu cầu “không thành công, thì thành nhân”. Tại sân bay Tân Trúc, khi bọn lính dù bước lên máy bay, hơn một vạn quân Quốc dân đảng do Hồ Liên soái lĩnh đã tới gần mặt biển Đảo Đông Sơn. Hồ Liên là thượng tướng lục quân Quốc dân đảng, cuối tháng 10 năm 1949 sau khi giải phóng quân đánh đảo Kim Môn gặp thất bại, hắn đã phát đường quan vận. Trong quân giới Quốc dân đảng, hắn tuy bị châm biếm là đưa “thất phu”, thế nhưng sau trận đánh ở Kim Môn, hầu như hắn đã nổi lên như một ngôi sao chói lọi nhất trong quân đội Quốc dân đảng. Cho nên. “Trận phản công ở tiền tiêu đại lục” của quân đội Quốc dân đảng này, đột kích vào đảo Đông Sơn đã giao cho Hồ Liên chỉ huy. Hồ Liên đã dạn dày với chiến trận, rất chú ý thận trọng. Hắn cho rằng quân giải phóng ở Tuyên châu muốn tăng viện cho đảo Đông Sơn, ít nhất phải mất ba ngày. Trong đó, điều mấu chốt nhất là chiếc cầu lớn Cửu Long Giang ở gần chương Châu đã bị máy bay Quốc dân đảng bỏ bom phá hủy. Bởi vì trên con đường dài 270 kilô mét từ Tuyên châu tới Đảo Đông Sơn, chiếc cầu lớn Cửu Long Giang ở vào nơi hiểm yếu, chiếc cầu này chưa khôi phục được, viện binh Tuyên Châu không thể đi xuống phía nam Đông Sơn được. Viện binh không tới, hắn sẽ đảm bảo chỉ trong ba hôm sẽ lấy được Đông Sơn. Buổi trưa ngày 14 tháng 7, sau khi hắn nhận được báo cáo cầu Cửu Long Giang vẫn chưa khôi phục được, hắn liền hạ lệnh bắt đầu hành động. 4 giờ 40 phút ngày 16, máy bay vận tải và máy bay tiêm kích cất cánh từ Đài Loan vọt qua trên đầu của biên đội Hồ Liên, bộ đội địch lên bờ đã đổi chỗ ngồi hoàn tất, Hồ Liên liền ra lệnh cướp bãi. 4 giờ 50 phút ngày 16, trung đoàn trưởng trung đoàn 80 Công An đóng ở đảo Đông Sơn của quân giải phóng là Du Mai Diệu, đang tổ chức rút lui khỏi đảo Đông Sơn, bỗng nhiên nhận được báo cáo bọn địch đã nhảy dù ở bến đò Bát Xích Môn về phía Bắc đảo. Trung đoàn trưởng Du liền hạ lệnh cho một đại đội lính thủy ở địa phương này: Kiên quyết giữ chắc bến đò, ông sẽ lập tức cử viện binh tới. Lời nói vừa buông, lại báo cáo số quân của địch từ thôn Doanh lên đất liền ở phía nam đảo, đông tới hàng ngàn người. Du Mai Diệu thoáng nghĩ đã biết ngay là tình thế xấu, bởi vì bọn địch dùng lính nhảy dù từ xa chia hê có, hơn nữa lính nhảy dù đã bao vây chặt bến đò Bát Xích Môn, dựa theo kế hoạch trước rút lui về Đông Sơn đã không thể được nữa. Các nhân viên ở trên đảo chỉ có kiên trì giữ để đợi viện trợ, tức thì Du liền hạ lệnh cho trung đoàn hậu cần của Trần Đại đối diện với bến đò Bát Xích Khẩu cử quân vọt biển về phía nam, chỉ viện cho đại đội lính thủy đánh lại bọn lính nhảy dù. Chiêu này đã có tác dụng quan trọng. Cấp trên đã đồng ý cho trung đoàn trưởng Du gắng sức giữ vững để chờ viện binh, hơn thế còn hạ lệnh cho trung đoàn 272 tiếp cận viện trợ cho Đông Sơn, ra lệnh cho sư đoàn 82 ở gần Tuyên Châu hỏa tốc tăng viện. Quân ủy trung ương cũng ra lệnh cho sư đoàn 122 của quân khu Quảng Đông cấp tốc đông tiến phối hợp tác chiến. Chỉ huy các cấp đánh điện qua lại, trong khi điều binh khiển tướng, trên đảo Đông Sơn đã là một biển lửa. 4 giờ 45 phút, một đại đội lính thủy đang chuẩn bị rút lui, phần lớn các sĩ quan và binh lính đã lên thuyền, trên bờ chỉ có đại đội trưởng và 6 người lính thủy. Khi phát hiện lính dù địch đã nhảy dù xuống núi Tây làng Hậu Lâm, đại đội trưởng một mặt hạ lệnh cho các lính thủy ở trên bờ quay lại kho lấy súng máy, một mặt báo cáo tình hình với trung đoàn trưởng Du Mai Diệu, hơn nữa còn cử người đi gọi các binh sĩ đã lên thuyền quay trở lại. Sau năm ba phút, 4 khẩu súng máy ở trong tay 7 người đại đội lính thủy cùng nổ súng lên trời. Đội hình của máy bay địch bị đánh liền rối loạn, độ cao nhảy dù cũng từ 200 mét lên tới 1000 mét, trật tự nhảy dù hỗn loạn, có nhiều tên nhảy dù xuống biển. Đúng 6 giờ, dân quân ở làng Hậu Lâm cũng gia nhập tác chiến, họ đã dựa vào kiểu cấu trúc vờn không nhà trống mà trước đây 300 năm các anh hùng dân tộc đã dùng để đánh giặc, giành từng tấc đất triển khai cuộc chiến đấu đẫm máu với bọn lính dù. Đúng 8 giờ một trung đội của trung đoàn

hậu cần 80 Công An cử đến đã lên đất liền tại bến đò Bát Xích Môn, kết hợp cùng tác chiến với các lính thủy, cuối cùng đã không chế được bến đò. Trong lúc quyết chiến ở bến đò Bát Xích Môn quân đội Quốc dân đảng lần lượt lên đất liền vào làng Thân Doanh, làng Hồ Vĩ, chúng đã dùng 21 chiếc xe tăng dẫn đầu, đi nhanh vào thẳng đã chiếm lĩnh rất nhanh thành huyện Đông Sơn. Du Mai Diệu đã căn cứ vào số bộ đội thu thập được quyết tâm cố giữ làm chủ trận địa, ra lệnh cho các đơn vị bộ đội tiền duyên nhanh chóng thu hẹp lại, phối hợp với chủ lực. Thế nhưng do vì bọn địch tiến triển tương đối nhanh, trung đội 1 đại đội bị vây khốn ở khu vực Mã yên sơn, toàn bộ đã bị hy sinh, trung đội 2 của đại đội 1 bị vây khốn ở Quan Lộ Vĩ, cũng không một người sống sót. Đại đội của huyện Công An cũng chưa kịp di chuyển đã bị vây khốn thương vong mất quá nửa. Thế nhưng quân đội đã tìm trăm phương ngàn kế rút về tới vị trí kiên quyết giữ vững trận địa, đã đánh lui bọn địch hết đợt tấn công này tới đợt tấn công khác. Trong khi quân giải phóng bị vây, bị chia cắt, chiến đấu đẫm máu ở đảo Đông Sơn, trên các đường giao thông chủ chốt từ Phúc Kiến, Quảng Đông đi về hướng đảo Đông Sơn chiến xa rầm rộ, các đơn vị tăng viện hàng hải đổ về chiến khu. Các xe ô tô vận chuyển hàng hóa hành khách men theo tuyến Tuyên châu, chương Châu sôi nổi tập kết về Tuyên châu và chương Châu. Hành khách ở trên xe xuống xe, hàng hóa xếp dọn ở bên đường, lập tức vận chuyển bộ đội, ngày đêm tấp nập. Những xe ô tô bị máy bay địch bỏ bom phá đổ nằm ở bên đường, các xe ở phía sau vẫn tiếp tục tiến lên. Lại nói tới chiếc cầu lớn Cừ Long Giang ở gần chương Châu, buổi tra ngày 14 khi máy bay địch trinh sát thấy vẫn chưa được sửa chữa, thế nhưng buổi tối ván cầu đã được lắp xong, cho nên cuộc chiến đấu vừa mở màn, xe ô tô của quân giải phóng đã tấp nập đi qua, rất nhanh chóng tập trung ở Đông Sơn. Bộ đội viện binh lên đảo trước nhất là tiểu đoàn 3 trung đoàn 272. Sau khi họ lên đảo lúc 10 giờ 30 phút, đã đập tan ngay bọn lính dù không chế chắc chắn bến đò Bát Xích Môn. Thế nhưng so sánh lực lượng đôi bên vẫn là bên mời bên một, cuộc chiến đấu càng thêm căng thẳng khàn Trương. Buổi chiều ngày 16, Đảo Đông Sơn trừ ba ngọn núi chính là núi Công Vân, núi Ngu Độc, núi vương Da và bến đò Bát Xích Môn đất đai rộng khoảng ba bốn kilô mét vuông vẫn ở trong tay quân giải phóng ra, tất cả đều nằm trong tay địch. Lúc này Hồ Liên báo cáo về Đài Loan, hắn đã chiếm đoạt được đảo Đông Sơn. Đài Loan bắt đầu chúc mừng, thổi phồng “Màn mở đầu phản công đại lục đã kéo lên”, “Đảo Đông Sơn đã giành được thắng lợi mang tính quyết định” v.v.. Lúc này, Đại đội 2 trung đoàn 80 Công An kiên trì giữ núi Công Vân, chẳng sợ kẻ thù bao vây ba mặt, chỉ dựa vào 7 chiếc lô cốt xây, hơn 200 mét chiến hào và đoạn rãnh đất dài cha đầy trăm mét, đã đánh lui được 18 đợt xung phong của quân đội Quốc dân đảng. Đại đội 12 trung đoàn 272 sau khi được tăng viện, họ lại cùng đánh lui 13 đợt xung phong của Quốc dân đảng. Khi trời tối ở trước trận địa núi Công Vân đã nằm ngổn ngang 413 xác chết của địch. Đại đội 5, đại đội 6 của trung đoàn 80 Công An đã kết hợp với nhau kiên trì giữ chắc làm chủ trận địa núi Ngu Độc, sau khi chiến đấu với địch đã giành lại được bộ phận trận địa phía ngoài tiền duyên, họ lại tổ chức lực lượng phản kích, giành lại trận địa, đã đánh lui năm đợt xung phong của một tiểu đoàn địch, bắn chết hơn 200 tên. Quân quốc dân đảng tấn công vào trận địa chính núi vương Da, trước sau cũng không thể đột phá được trận địa chính. Trong đêm khuya ngày 16, cuộc chiến đấu vẫn rất ác liệt. Bởi vì quân đội tăng viện của giải phóng quân chỉ có tiểu đoàn 3 trung đoàn 272 lên đảo, số còn lại vẫn đang trên đường kéo đến. Binh lực quân giải phóng ở trên đảo càng ngày càng ít. Vào lúc 22 giờ, Hồ Liên điều chỉnh sắp xếp, quyết tâm phát khởi cuộc công kích toàn diện trước lúc 24 giờ, cần phải chiếm được toàn đảo trước khi trời sáng. Bởi lẽ hắn dự đoán buổi sáng ngày mai, bộ đội phía sau của giải phóng quân sẽ tới bờ bên kia. Đúng 23 giờ, Hồ Liên đã đem quân đội dự bị cuối cùng ném vào cuộc chiến đấu, đánh mạnh vào ba trận địa chính. Thế nhưng 23 giờ 30 phút, sư đoàn 82 và sư đoàn 122 dẫn đầu của đại quân viện binh cùng với chủ lực trung đoàn 272 đều bắt đầu lên đảo. tư lệnh viên quân khu Phúc Kiến là Diệp Phi quyết tâm đợi toàn bộ quân đội tăng viện sau khi lên đảo hết, chập tối ngày 17 đã phát khởi cuộc phản kích. Sáng sớm ngày 17, ba trận địa chính của đảo Đông Sơn vẫn ở trong tay quân giải phóng. Bọn địch lại phát giặc, đại bộ phận quân giải phóng đã lên đảo. Hồ Liên biết rằng đánh phá Đông Sơn đã vô vọng, quyết tâm rút về. Đúng 7 giờ, quân giải phóng phát hiện địch có dấu hiệu rút chạy, tư lệnh viên Diệp Phi quyết định lập tức phát khởi cuộc phản kích toàn diện. 10 giờ 30 phút, cuộc phản kích của giải phóng quân đã bắt đầu, cả ba đường đều chỉ hướng về thôn Hồ Vĩ. 18 giờ ngày 17 các đội quân phản kích của Giải phóng quân đều bức tới gần thôn Hồ Vĩ, quân Quốc dân đảng chen chúc nhau đổ về ven biển, cướp thuyền chạy trốn. Tàu chiến chẳng đợi xếp đầy đã vội vã tháo chạy, quân Quốc dân đảng còn lại đành phải nộp súng đầu hàng. 19 giờ, cuộc chiến đấu kết thúc thắng lợi, tổng cộng giải phóng quân đã tiêu diệt 3379 tên quốc dân đảng, phá hủy hai chiếc xe tăng, bắn chìm 3 tàu chiến đồ bộ cỡ nhỏ, bắn rơi hai máy bay. Quân giải phóng cũng đã phải trả giá thương vong và mất tích 1250 người. Cuộc chiến đấu ở Đảo Đông Sơn là một lần giành thắng lợi lớn nhất trong hoạt động đánh trả bọn quốc dân đảng tới xâm phạm

quấy rối của quân dân đại lục. Câu chuyện thần thoại của tập đoàn Tưởng Giới Thạch rùm beng phản công đại lục đã bị phá diệt. Cuộc chiến đầu vừa kết thúc, chủ tịch Mao Trạch Đông đã chỉ thị: Cuộc chiến đầu ở Đông Sơn không chỉ là thắng lợi của Đông Sơn, cũng không phải chỉ là thắng lợi của Phúc Kiến mà là thắng lợi của cả nước! Trong giai đoạn từ đầu năm 1952 đến tháng 7 năm 1953 này, ngoài việc phái cử quân đội tới xâm phạm quấy rối khu vực ven biển vùng Đông Nam, tập đoàn Tưởng Giới Thạch còn tích cực tăng cường lực lượng cho bọn tàn binh Quốc dân đảng chạy trốn sang Miến, chỉ đạo chúng cử quân đội vào đất liền quấy rối. Tháng 2 năm 1952 phía Đài Loan đã phái cử ba viên chức quan trọng tới Bắc Miến đảm nhận chức phó tổng chỉ huy, Quân đoàn trưởng v.v.. bọn tàn binh. Ngoài ra chúng còn cử hơn 700 tên sĩ quan cơ sở và đặc công tới Miến, chinh đồn tổ chức tàn quân huấn luyện tác chiến mạnh mẽ thêm. Tức thì, đồng thời với “lấy lớn nuốt bé” của quân Quốc dân đảng ở khu vực ven biển vùng Đông nam, bọn tàn quân chạy sang Miến đã tiến hành bừa bãi các cuộc quấy rối cỡ nhỏ. Chỉ nửa đầu năm 1952, các đội vũ trang cỡ nhỏ của chúng đã tiến hành quấy rối tới hơn 60 lần ở ba huyện Đằng Xung, Long Lăng, Trần Khang tỉnh Vân Nam, sát hại trên 100 người cán bộ khu, xã và quần chúng nhân dân. Trong đó riêng đêm ngày 22 tháng 3 chúng đã giết hại tới 82 người ở trong biên giới huyện Long Lăng. Tại khu vực ven biển Đông Nam, từ mùa thu năm 1949 tới năm 1953, tập đoàn Tưởng Giới Thạch ngoài việc tiến hành lên bờ xâm phạm quấy rối với quy mô vừa và nhỏ tới trên 100 lần đối với đại lục, chúng còn không ngừng phái quân đội dùng máy bay tiến hành các hoạt động phá hoại như bỏ bom bắn phá, cản quét, trinh sát, thả dù, đổ bộ đường không v.v... Từ tháng 11 năm 1949 đến tháng 2 năm 1950, máy bay Quốc dân đảng đã tiến hành 26 lần bỏ bom bắn phá và quấy rối đối với thượng Hải. Đặc biệt là ngày 6 tháng 2 năm 1950, 17 chiếc máy bay không quân Quốc dân đảng đã bỏ bom bắn phá điên cuồng đối với các mục tiêu như công ty điện lực và nhà máy đóng thuyền thượng Hải, phá hủy hơn 2000 căn nhà, bắn chết và bắn bị thương hơn 1400 người, các nhà máy bị phá hoại nghiêm trọng. Miền ven biển Triết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông là khu vực thường xuyên bắn phá quấy rối của máy bay không quân Quốc dân đảng, chủ yếu tập trung ở giữa Sán Đầu của Quảng Đông và Tùng Môn của Triết Giang. Lúc đó không quân của quân giải phóng còn rất yếu và nhỏ, Phúc Kiến và Việt Đông còn chưa có sân bay, số lượng bộ đội cao xạ pháo ít, trang bị cũ kỹ, không có sự bảo vệ che chở của tình báo Ra đa. Do đó máy bay địch hoạt động rất điên cuồng, mãi tới năm 1952, sau khi liên tục bắn rơi hai chiếc máy bay địch, khí thế của không quân Quốc dân đảng mới co cụm lại. Đồng thời với thời gian này, sự quấy rối trên biển của hải quân Quốc dân đảng cũng rất hung hăng. Chúng đã dựa vào ưu thế sức mạnh trên biển, dùng những hòn đảo ven biển đông nam đại lục mà chúng chiếm cứ để làm căn cứ, rất nhiều lần thêm lục địa và ng trường ven biển đại lục, cướp bóc và bắt giữ các thuyền buôn qua lại, bắt giữ ng dân, phá hoại nghiêm trọng việc vận chuyển đường biển và sản xuất nghề cá của đại lục. Chỉ riêng hai tỉnh Mân Triết từ mùa thu năm 1949 tới mùa đông năm 1953, số thuyền đánh cá bị hải quân Quốc dân đảng pháo kích, cướp bóc đã lên tới hơn 2000 chiếc, số ng dân bị bắt đi đã có tới hơn 1 vạn người, đã khiến cho hơn 50 vạn ng dân trực tiếp tham gia công việc sản xuất nghề cá đã không thể ra biển bắt đánh cá bình thường được. Nhằm thẳng vào tình hình này, quân ủy Trung ương và quốc vụ viện đã phát ra mệnh lệnh đối với việc vũ trang bảo vệ đường biển, bảo đảm an toàn trên biển, yêu cầu hải quân của giải phóng quân tăng cường tuần tra, đánh trả sự quấy rối trên biển của bọn Quốc dân đảng, đảm bảo an toàn việc vận chuyển đường biển. Các thuyền buôn cũng phải thành lập đội vũ trang của mình, để cùng đấu tranh chống lại các cuộc quấy rối của quân địch. Sau đó đã nhiều lần giành được thắng lợi trong cuộc đánh trả sự tập kích quấy rối của hải quân Quốc dân đảng. Cao trào phản công đại lục lần thứ nhất của tập đoàn Tưởng Giới Thạch là thời gian từ 1950 đến năm 1953, thế nhưng thực sự rù cờ im trống là từ sau khi quân giải phóng chiếm được Đảo Nhất Giang Sơn, quân quốc dân đảng đã triệt thoái ra khỏi đảo Đại Trần. Ngày 18 tháng 1 năm 1955, quân giải phóng đã chỉ huy 3 đạo quân Lục, Hải, Không quân thuộc quân khu Hoa Đông, phát động cuộc tác chiến liên hợp đối với bọn Quốc dân đảng chiếm đảo Nhất Giang Sơn, trải qua 10 giờ liên chiến đấu ác liệt, đã tiêu diệt toàn bộ quân giữ đảo là 1086 tên, bắn chìm 3 tàu chiến địch, bắn bị thương 4 chiếc tỏ rõ năng lực tác chiến hùng mạnh của quân giải phóng. Tập đoàn Tưởng Giới Thạch đã không thể không đem quân quốc dân đảng ở trên các đảo Đài Châu lấy đảo Đại Trần làm trung tâm rút lui ra Đài Loan. Tới hạ tuần tháng 2 năm 1955, các hòn đảo ở ven biển Triết Đông đã toàn bộ trở về trong lòng nhân dân.

4. Cao trào quấy rối lần thứ hai phản công Đại lục của Tưởng Giới Thạch

Từ mùa thu năm 1949 đến tháng 7 năm 1953, tập đoàn Tưởng Giới Thạch đã tiến hành 71 lần hoạt động xâm phạm quấy rối đại lục với quy mô vừa và nhỏ từ trên 100 tên đến trên 1 vạn tên địch, tổng binh lực

đã điều động đạt tới trên 47700 tên, đã bị quân dân đại lục tiêu diệt trên 7900 tên. Sau cuộc chiến đấu ở đảo Đông Sơn và cuộc chiến đấu ở đảo Nhất Giang Sơn, tập đoàn Tưởng Giới Thạch bị bức phải thay đổi chiến lược, chủ yếu là dùng đội vũ trang nhỏ, lẻ tẻ tiến hành tập kích quấy rối đại lục. Mùa Xuân năm 1962, tập đoàn Tưởng Giới Thạch đã đánh giá tình hình một cách sai lầm, chúng cho rằng đại lục đang ở vào thời kỳ khó khăn về kinh tế, đó là thời cơ tốt để chúng thực thi việc phản công, liền tích cực chuẩn bị tiến hành xâm phạm quân sự với quy mô lớn đối với khu vực ven biển đông nam đại lục, chúng gào thét om xòm “phản công đại lục”. Ngày mùng 10 tháng 6, Trung ương đảng Cộng sản Trung quốc phát ra bản chỉ thị chuẩn bị đập tan cuộc xâm phạm quấy rối của quân Quốc dân đảng vào khu vực ven biển đông nam, yêu cầu toàn Đảng, toàn quân, nhân dân toàn quốc nâng cao cảnh giác, chuẩn bị tốt về mọi phương diện, nếu quân đội Quốc dân đảng cả gan dám tới xâm phạm, thì sẽ kiên quyết, triệt để, tiêu diệt chúng toàn bộ và sạch sẽ. Giải phóng quân tuân theo tinh thần chỉ thị của Trung ương đảng Cộng sản Trung Quốc, lập tức lao vào công tác chuẩn bị khẩn trương, nhanh chóng điều chỉnh sự bố trí sắp xếp, tăng cường binh lực vùng ven biển Đông Nam, đẩy lên cao trào luyện binh trước khi tác chiến mang tính chất quần chúng, hơn thế, về mặt trang bị vật tư cũng đã có sự chuẩn bị đầy đủ. Quân chúng nhân dân và dân quân vùng ven biển Đông Nam cũng đã tích cực tiến hành, chuẩn bị sẵn sàng chi viện và phối hợp tác chiến với quân giải phóng. Ngày 23 tháng 6, Tân Hoa Xã đã công khai vạch trần mưu đồ của nhà đương cục Đài Loan. Do vì nghiêm trọng chờ đợi của quân dân đại lục và sự vạch trần công khai của Tân Hoa Xã, tập đoàn Tưởng Giới Thạch bị bức phải vứt bỏ kế hoạch mạo hiểm quân sự với quy mô lớn đó. Thế nhưng xuất phát từ yêu cầu “nội chính” và “ngoại giao”, nhà đương cục Quốc dân đảng Đài Loan đã nêu ra “Đường lối chung phục Hưng đại lục trong giai đoạn hiện tại là đẩy lên một cao trào chống cộng của nhân dân đại lục”, cần phải “vạch kế hoạch tiến hành hành động thực tế trong cuộc cách mạng chống cộng ở đại lục làm cuộc tác chiến trước tiên của cuộc phản công quân sự” ở trong Hội nghị toàn thể Trung ương khóa 8 của chúng. Xuất phát từ loại sách lược này, tập đoàn Tưởng Giới Thạch đã thay đổi phương thức phản công quấy rối tập kích đối với đại lục, không thể tiến hành biến động lớn mà phải biến động nhỏ, tiến hành xâm phạm quy mô lớn không được nữa mà phải lén lút vượt biển leo lên đất liền. Xuất phát từ nhu cầu trên mặt chiến lược và sách lược, nước Mỹ đối với nhà đương cục Đài Loan cũng biểu thị sự ủng hộ đối với kế hoạch dùng đội đặc vụ vũ trang nhỏ thâm thấu và tập kích quấy rối vào đại lục. Sau đó, cơ quan tình báo tối cao của Đài Loan đã thành lập “Tổ hành động đặc chủng”, tăng cường huấn luyện đặc vụ vũ trang, tích cực vạch kế hoạch thực thi đội vũ trang cỡ nhỏ hoạt động thâm thấu đối với đại lục. Kỳ thực, quân đội Quốc dân đảng dùng hoạt động đội vũ trang cỡ nhỏ tập kích quấy rối đại lục, từ ngay sau khi tập đoàn Tưởng Giới Thạch chạy trốn ra chiếm đảo Đài Loan cũng đã bắt đầu rồi. Trong thời gian chúng tiến hành hoạt động xâm phạm quấy rối đại lục với quy mô vừa và nhỏ cũng chưa bao giờ ngừng trệ. Thế nhưng từ cuối năm 1962 đến tháng 8 năm 1965 tập đoàn Tưởng Giới Thạch đã liên tục cử hàng loạt các đội đặc vụ vũ trang cỡ nhỏ, có kế hoạch, có tổ chức thâm thấu và tập kích quấy rối đại lục. Thoạt đầu, những đội đặc vụ vũ trang cỡ nhỏ được tập đoàn Tưởng Giới Thạch cử đi thường lợi dụng đêm tối từ trên biển lén trộm lên đất liền hoặc từ trên trời nhảy xuống, hòng ẩn trốn vào vùng núi nội địa, xây dựng “Căn cứ du kích”, phát triển vũ trang phản động, chờ thời cơ phối hợp phản công. Chiêu này không thành, chúng lại thay đổi thủ pháp, tiến hành tập kích quấy nhiễu đối với đại lục, hòng bắt bớ những sĩ quan và binh lính giải phóng, cán bộ địa phương và dân quân làm nhiệm vụ phân tán, phá hoại những công trình xây dựng về quân sự, kinh tế và giao thông quan trọng, cướp đoạt súng ống đạn dược cùng những văn kiện cơ mật, tập kích vào những chiếc thuyền của đại lục đang đánh cá ở trên biển và những con tàu đang neo đậu ở bờ biển, để khuếch trương ảnh hưởng chính trị của nó, từ đó đã hình thành cao trào quấy rối lần thứ hai phản công đại lục của tập đoàn Tưởng Giới Thạch. Mùa thu năm 1962, “Trung tâm tình báo liên hợp Trung Mỹ” cơ quan đặc vụ của nước Mỹ và nhà đương cục Đài Loan với “Cục tình báo Bộ quốc phòng” của nhà đương cục Đài Loan, cùng đặt ra kế hoạch tập kích quấy rối mang tên là “Oai biển” và “Siêu ban”, mưu đồ dùng các đội đặc vụ vũ trang cỡ nhỏ tập kích quấy rối Quảng Đông, mở ra “Hành lang du kích”. Chúng tuyển lựa các sĩ quan đặc vụ chuyên nghiệp, phản động, thu thập những thủ lĩnh thổ phỉ, những tên địa chủ chạy trốn và những phần tử phản cách mạng, biên chế thành “chống cộng cứu quốc quân”, còn ra lệnh cho chúng tăng cường tốc độ tiến hành huấn luyện đặc vụ, nhằm thời cơ cử chúng làm “quân tiên phong” trong việc “phản công đại lục”. Những cuộc quấy rối cỡ nhỏ trong thời kỳ này có thể chia làm ba giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất từ mùng 1 tháng 10 năm 1962 đến 6 tháng 12, 9 đội đặc vụ vũ trang là loạt đầu tiên chấp hành kế hoạch “Oai biển” và “Siêu ban”, ngồi thuyền xuất phát từ Cao Hùng và Đông Sa Đài Loan, trong đó 8 đội lần lượt trốn lên đại lục thuộc khu vực ven biển các huyện Hải Phong, Huệ Dương, Huệ Lai, Điện Bạch, Đài Sơn v.v... tỉnh Quảng Đông; còn

một đội vốn kế hoạch là lên bờ đại lục ở Huệ Dương, thế nhưng sau khi đến mặt biển Huệ Dương chúng không dám lên bờ mà lại chạy trốn lên Đảo Hòa Đầu bồn Hồng Công. Ngày mùng 4 tháng 12 “Trung tâm thông tấn phụ trợ hải quân” cơ quan đặc vụ của nước Mỹ, còn cử một chiếc máy bay gián điệp P-2V xâm nhập bầu trời khu vực Dương Giang tỉnh Quảng Đông, thả dù xuống đại lục một toán đặc vụ vũ trang quốc dân đảng đã được huấn luyện chuyên môn ở trên đảo Xung Thăng. Toán đặc vụ vũ trang này trước khi xuất phát, cơ quan đặc vụ Đài Loan đã lần lượt phong quân hàm trao ấn tín, thăng quan ủy chức cho chúng, hy vọng rằng chúng sẽ có thể trở thành tiền đồ phát triển. Thế nhưng, sau khi chúng hóa trang thành giải phóng quân bước lên đại lục hoặc chạm chân xuống mặt đất đều không thể chạy thoát vận mệnh bị quân dân đại lục tiêu diệt. Vào lúc 0 giờ ngày mùng 1 tháng 10 đội quân độc lập thứ hai gồm 14 người của “Quân cứu quốc chống cộng tỉnh Quảng Đông”, tại đảo Triết Lăng huyện Hải Phong lên trộm lên bờ. Sau hai giờ, lập tức bị các dân quân đi tuần tra phát hiện. Trời vừa sáng tên tư lệnh Trần Chính Quang cùng ba tên đặc vụ vũ trang, đã bị các dân quân bao vây truy kích phải bó tay chịu trói, đã trở thành tù binh. Tiếp đó, giải phóng quân và dân quân đã căn cứ vào khẩu cung của chúng tiến hành lùng bắt, đúng 7 giờ sáng lại bắt thêm được 11 tên khác. “Cánh quân thứ hai” đã bị tiêu diệt. 0 giờ 5 phút ngày 28 tháng 10, hai cánh quân độc lập thứ 5 và thứ 6 tổng cộng 22 tên của “Chống Cộng cứu quốc quân tỉnh Quảng Đông” đã lên trốn lên trên đất liền ở làng Công xã hạ Tóc Sơn huyện Điện Bạch, lập tức đã bị đội Canh gác trên biển phát hiện. Trong sự bao vây lùng sục của hai đại đội bộ binh giải phóng quân và dân quân, chúng đã phải kéo cờ trắng, toàn bộ ra đầu hàng vào lúc 18 giờ ngày hôm đó. Vào lúc 23 giờ ngày mùng 6 tháng 12, 10 tên đặc vụ vũ trang của cánh quân độc lập thứ 23 “Chống cộng cứu quốc quân tỉnh Quảng Đông” đã lên bờ công xã Tiên Chiêm huyện Huệ lâm. Trên thân chúng mặc phục trang giải phóng quân, trong tay cầm giấy giới thiệu của bộ đội, hỏi thăm đường trước quân chúng nơi đó, được dẫn tới nghỉ ở tiểu đoàn bộ tiểu đoàn dân quân. Thế nhưng khi chúng vừa bung tách trà lên uống thì phát hiện thấy xung quanh đầy đặc dân quân. Dối sự uy hiếp của hơn 50 khẩu súng trong tay dân quân, 10 tên đặc vụ vũ trang này đành phải hạ vũ khí. 29 tên đặc vụ vũ trang khác của cánh quân này đang lớt nhanh trên mặt biển trên chiếc thuyền “Tòng Thuận số 1” cũng chuẩn bị lên đất liền tại xã Tiên Chiêm Công. Thế nhưng vào lúc 23 giờ 56 phút ngày hôm đó đã bị chiến hạm hộ vệ của quân giải phóng bắn chìm. Số đặc vụ vũ trang ở trên thuyền có 19 tên đều bị bắt sống, 10 tên đã chôn thân dưới đáy biển. Ngoài ba toán đặc vụ vũ trang kể trên, cánh quân số 3 có 12 tên là “Chống cộng cứu quốc quân tỉnh Quảng Đông” đã lên bờ vào núi Tiểu Tinh huyện Huệ Dương; cánh quân số 1 có 14 tên “Chống Cộng Cứu quốc quân tỉnh Quảng Đông” lên bờ vào Thân Tuyên huyện Huệ Lai; Đội tiên phong 33 người “Chống Cộng cứu quốc quân tỉnh Quảng Đông” lên bờ vào Xà Tí Loan Xích Khê Công xã huyện Đài Sơn; Cánh quân thứ bảy 35 người “Chống Cộng cứu quốc quân tỉnh Quảng Đông” đã lên bờ vào đảo Hà Bao huyện Đài Sơn, Đội đặc vụ vũ trang 3 tên đã thả dù xuống đại lục vào ở núi Thạch Lỗi huyện Dương Giang đều lần lượt nhanh chóng bị tiêu diệt sau khi bước chân lên đại lục hoặc thả dù xuống chỉ trong vòng 4, 5 giờ hoặc 2, 3 ngày. Quân và dân ven biển Quảng Đông trải qua 8 trận chiến đấu, 9 đội đặc vụ vũ trang vào xâm phạm quấy rối đại lục đều hoàn toàn bị tiêu diệt, tổng cộng 172 tên (Trong đó có 7 tên tư lệnh đặc vụ, 14 tên phó tư lệnh). Giai đoạn thứ 2 từ tháng 6 năm 1963 đến tháng 10. Sau khi 9 toán đặc vụ vũ trang hoàn toàn bị tiêu diệt vào mùa đông năm 1962, tập đoàn Tưởng Giới Thạch đã thay đổi cách làm, chúng đã thực thi các cuộc tập kích quấy rối đại lục từ nhiều hóng, nhiều khu vực. Chúng đã cho các toán đặc vụ vũ trang hóa trang thành dân đánh cá, trà trộn vào trong các thuyền đánh cá, chờ thời cơ xâm nhập đại lục. Chúng đã ra lệnh cho bọn đặc vụ lên vớt biển trong đêm sau khi lên bờ phải xóa mọi dấu tích, che khuất hành động, cho nên đã có mấy lần đạt được kết quả. Vì vậy tập đoàn Tưởng Giới Thạch đã đưa phạm vi lên vớt biển và thăm thâu vào đại lục của các đội đặc vụ vũ trang cỡ nhỏ, dần dần từ một tỉnh Quảng Đông mở rộng ra các tỉnh ở Hoa Đông như Sơn Đông, Giang Tô, Triết Giang, Phúc Kiến v.v... Từ ngày 21 đến 28 tháng 6 năm 1963, cơ quan đặc vụ của nhà đương cục Đài Loan liên tục phái cử 6 đội đặc vụ vũ trang tổng cộng 69 người lần lượt lên đại lục khu vực ven biển các huyện Trung Sơn, Hải Phong, Điện Bạch tỉnh Quảng Đông; huyện chương Phổ, Chiếu An tỉnh Phúc Kiến; huyện Bình Dương tỉnh Triết Giang v.v... Số tên đặc vụ vũ trang này ngoài 12 tên trước khi lên đất liền đã chuyển hóng chạy về áo Môn ra, số còn lại đều hoàn toàn bị tiêu diệt. Từ ngày 23 tháng 6 đến 24 tháng 10, nhà đương cục Đài Loan lại cử 15 toán đặc vụ vũ trang ngấm trốn lên đại lục. Trong đó có 6 toán 47 tên, chuẩn bị lần trốn tới hoạt động ở khu vực Thập Vạn đại sơn phía tây tỉnh Quảng Đông, kết quả là chúng đã lầm lỡ lên bờ vùng ven biển tỉnh Hải Ninh cũ của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, kết quả đã bị nhân dân Việt Nam tiêu diệt hết. 9 tốp khác tổng cộng 90 tên lần lượt lên đất liền hoặc thả dù xuống đất liền ở vùng ven biển Sơn Đông, Giang Tô, Triết Giang, Phúc Kiến và Quảng Đông. Sáng sớm ngày 24 tháng 7, chi đội số 11 “Quân xung kích chống

Cộng” gồm 12 tên đã lên đất liền leo tới Lão Hồ Nham huyện Vĩ Hạ tỉnh Triết Giang, đúng 8 giờ sáng thì bị một đại đội quân giải phóng và dân quân tổng cộng hơn 1000 người bao vây chặt nhiều vòng, đúng 11 giờ thì bị tiêu diệt hoàn toàn. Đêm ngày mùng 6 tháng 10, cánh quân độc lập số 12 “chống cộng cứu quốc quân tỉnh Sơn Đông” gồm 16 tên, đã leo lên bờ tại Công xã Đại Tân Gia huyện Hải Dương tỉnh Sơn Đông. Trước khi chúng xuất phát, Tưởng Kinh Quốc vừa đi thăm nước Mỹ trở về Đài Loan đã đích thân huấn thị và tiễn biệt, còn chúc chúng “thắng lợi thành công”. Toán đặc vụ này xuất phát từ Đài Loan, vòng qua đảo Hưu ở phía nam Triều Tiên. Sau ba ngày nghỉ ngơi chỉnh đốn chúng đã lên vào vùng ven biển Sơn Đông. Buổi chiều ngày mùng 7 tháng 10, toàn bộ số đặc vụ của cánh quân độc lập số 12 đã bị 8 đại đội quân giải phóng và hơn 5000 dân quân bao vây chặt 8 tàu chiến hải quân của quân giải phóng cũng đã phong tỏa mặt biển. Vào lúc hoàng hôn, hai tên đặc vụ vũ trang đã bị bắn chết, số còn lại bị bức phải nộp khí giới đầu hàng. Sáng sớm ngày mùng 8 tháng 10, tốp đặc vụ vũ trang độc lập số 18 “Chống cộng cứu quốc quân tỉnh Giang Tô” gồm 10 tên đã lên bờ vào huyện Xạ Dương tỉnh Giang Tô, buổi tra đã bị quân và dân Xạ Dương bao vây, chúng hoàn toàn bị tiêu diệt ngay trong ngày hôm đó. Sáu toán đặc vụ vũ trang còn lại cũng không một tên nào lọt lưới! Sau khi các đội đặc vụ vũ trang tập kích quấy rối đại lục đã liên tục bị tiêu diệt, tập đoàn Tưởng Giới Thạch đã đem “vợt biển trộm thả thâu vào đại lục” đổi thành “tập kích quấy rối”. Chúng tăng cường huấn luyện “Bộ đội đột kích thủy lục”, sử dụng cách đánh “đi nhanh về nhanh, vồ một miếng liền đi ngay”, tiến hành tập kích quấy rối phá hoại đối với đại lục. Do đó đã bắt đầu giai đoạn thứ ba. Từ tháng 11 năm 1963 đến tháng 6 năm 1964, tập đoàn Tưởng Giới Thạch lại liên tục phái cử 14 tốp đặc vụ vũ trang, đột kích quấy rối miền duyên hải Quảng Đông, Phúc Kiến, Triết Giang. Giải phóng quân và dân quân đã căn cứ vào phương châm “đánh nhanh thắng nhanh” và “Cố gắng tiêu diệt địch ngay trên mặt biển hoặc ở bãi biển” do bộ Tổng tham mưu đề ra, giảng cho các tốp đặc vụ vũ trang nhỏ tới tập kích phá rối những đồn chí mạng. Mỗi bốn tốp đặc vụ vũ trang này có hai tốp lần lượt bị tiêu diệt ở trên bờ Đảo Hạ Đại Trần Tỉnh Triết Giang và khu vực ven biển huyện Vạn Ninh đảo Hải Nam, có 7 tốp bị tiêu diệt ở trên biển, 5 tốp còn lại do hoảng sợ uy lực của quân giải phóng và dân quân nên giữa đường đã phải rút về. Từ tháng 7 năm 1964 đến tháng 1 năm 1965, nhà đương cục Đài Loan lại phái cử 7 tốp đặc vụ vũ trang, kết quả là 2 tốp đã bị tiêu diệt toàn bộ ở trên bãi biển 5 tốp đã bị tiêu diệt toàn bộ ở trên biển. Với những đòn đả kích mạnh mẽ và sự canh phòng nghiêm mật của quân và dân đại lục, sự đột kích quấy phá của các tốp đặc vụ vũ trang cỡ nhỏ do bọn Quốc dân đảng Đài Loan cử đi, đã nhiều lần gặp thảm bại, chúng đã bị bức phải chấm dứt. Từ tháng 10 năm 1962 đến tháng 1 năm 1965, quân giải phóng và dân quân đã tiêu diệt ở khu vực ven biển Đông nam 40 tốp đặc vụ vũ trang Quốc dân đảng, tổng Cộng 594 tên, bắn chìm và thu giữ 24 chiếc thuyền tàu các loại, thu giữ hơn 400 khẩu súng trường và súng ngắn, đạn dược nhiều vô kể. Trong cao trào phản công đại lục lần thứ hai, ngoài việc tiến hành sự đột kích quấy phá cỡ nhỏ ở khu vực ven biển Đông Nam ra, tập đoàn Tưởng Giới Thạch còn khích động bọn tàn quân Quốc dân đảng chạy sang Miến Điện tiến hành các hoạt động quấy rối phá hoại ở biên giới tỉnh Vân Nam. Bọn tàn quân Quốc dân đảng chạy sang Miến sau khi bị thất bại trong các cuộc quấy rối mùa hạ năm 1951, chúng đã chiếm cứ miền bắc Miến, làm nguy hại tới sự an toàn của Miến Điện và quan hệ Trung Miến. Dối áp lực bởi những đòn đả kích quân sự của chính phủ Miến Điện và d luận quốc tế, bắt buộc chúng phải rút về Đài Loan trong hai lần tháng 11 năm 1953 và tháng 3 năm 1961, trên 5000 tên còn lưu lại ở biên giới Miến Điện, Thái Lan và Lào. Năm 1962 tập đoàn Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan đã cử những phái viên quan trọng tới “thị sát”, “an ủi khích lệ” bọn tàn quân ở Miến, Thái, Lào, động viên bọn tàn quân trở lại biên giới Trung Miến nhằm mục đích phản công đại lục, tiến hành hoạt động quấy rối phá hoại đối với Vân Nam. Cho nên, từ tháng 3 năm 1963 đến tháng 9 năm 1966, quân đội Quốc dân đảng chạy trốn ở Miến đã lần lượt tiến hành 8 lượt quấy rối quy mô nhỏ ở khu vực biên giới các huyện Lô Tây, Trần Khang thương Nguyên, Mạnh Liên của Điền Tây, trong đó có bốn lần vấp phải sự đánh trả của quân giải phóng, bị tiêu diệt 38 tên. Sau đó, do vì ảnh hưởng của tình hình chính trị trong nước Miến Điện, quân Quốc dân đảng chạy sang Miến bị bức phải rút sang khu vực biên giới Thái Miến, đã phải đình chỉ những hoạt động quấy rối vũ trang đối với vùng biên giới Vân Nam. Trong Cao trào quấy rối phá hoại phản công đại lục lần thứ hai, hải quân và bọn đặc vụ vũ trang trên biển của Quốc dân đảng cũng vấp phải sự đả kích nặng nề của hải quân quân giải phóng, khiến cho chính sách “Vũ trang thả thâu”. “Lên đại lục vì mục đích chính trị” của tập đoàn Tưởng Giới Thạch đã bị thất bại. Những hoạt động quấy phá của hải quân và đặc vụ vũ trang trên biển của Quốc dân đảng, từ tháng 10 năm 1962 đến cuối năm 1965 có thể phân ra làm hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất, từ tháng 10 năm 1962 đến tháng 7 năm 1965. Ngày mùng 2, ngày 29 tháng 11 năm 1962 và ngày mùng 6 tháng 12, những chiếc thuyền đặc vụ vũ trang trên biển của Quốc dân đảng mang “số hiệu M1545F”, “Hiệp tiến số 8” và “Tòng Thuận số

l” v.v... chấp hành kế hoạch tập kích quấy rối “Siêu ban”. “Hải Uy”, “Trường Phong”, phối hợp với hoạt động của đặc vụ lên đất liền, xông lên quần đảo Vạn Sơn, khu vực hải phận Thảm Giang. Hạm đội Nam Hải của hải quân quân giải phóng nhanh chóng xuất kích đã bắn chìm 3 chiếc thuyền địch kể trên, bắn chết chìm 49 tên đặc vụ vũ trang, bắt sống tên thương tá đội trưởng Châu Văn Kiệt và 42 tên. Ngày 21 tháng 6 năm 1963, một chiếc thuyền đặc vụ vũ trang Quốc dân đảng chấp hành “Kế hoạch Nhất Đức” đã lên vào mặt biển Đảo Đại Hoành Cầm ngoài bến Châu Giang. Một chi đội hải quân quân giải phóng vừa hay đang phục kích tại đây, sau khi phát hiện tình hình địch lập tức xuất kích, đã bắn chìm ngay ở mặt biển phía nam đảo Đại Hoành Cầm. Sau khi hải quân Quốc dân đảng vấp phải sự đả kích mang tính chất bị tiêu diệt ở ven biển tỉnh Quảng Đông, chúng đã phải thay đổi sách lược, tiến hành “Thủy lục đột kích”, lập tức cử những toán đặc vụ trên biển cỡ nhỏ, tiến hành tập kích bất ngờ, lũng sức, bắt bớ, cướp của, phá hoại công trình thi công, đến nhanh rút nhanh đối với những hòn đảo cô độc, những doi đất nhô ra ngoài bờ biển đại lục và những thuyền đánh cá. Ngày 24 tháng 10 năm 1963, con thuyền đặc vụ vũ trang mang tên “Thành công số 1” lao vào tiến hành phá hoại đoàn thuyền đánh cá ở khu vực Đông Hải Nam Lộ Sơn Ôn châu. Quân canh giữ Ôn Châu thuộc hạm đội Đông Hải của quân giải phóng đã cử ba chiến hạm hộ vệ cao tốc, truy tìm thuyền đặc vụ “Thành công số 1”. Trong tình trạng con thuyền này lẫn vào trong các con thuyền đánh cá, đã phải thực thi ba lần đột kích với nó, cuối cùng cũng đã bắn chìm được nó. Ngày 22 tháng 11 năm 1963, con thuyền đặc vụ “T3166M” của quân đội Quốc dân đảng nguy trang thành thuyền đánh cá lẫn vào khu vực Nam hải Kiệt Thạch Loan tỉnh Quảng Đông. Tàu hộ vệ hạm đội 4 Nam Hải của quân giải phóng lao tới bao vây chặt, vận dụng phương pháp kết hợp giữa áp lực quân sự với tiến công chính trị, quyết không buông súng, đã bức chiếc thuyền này phải treo cờ đầu hàng. Ngày mùng 5 tháng 3 năm 1964, con thuyền đặc vụ “Thành công số 4” của quân đội Quốc dân đảng đã tiến vào hải vực Bình Đàm Phúc Kiến, chuẩn bị nhằm thời cơ tập kích đảo Bình Đàm. Nhưng con tàu hộ vệ hạm đội 3 Đông Hải vội vã xông ra khu vực chiến đấu, bắt sống con thuyền đó. “Đội đột kích Thủy lục” của quân Quốc dân đảng liên tục húc vào tường, lại tổ chức “Đội đột kích trên biển” để tiến hành hoạt động “Đột kích trên biển”. Ngày mùng 1 tháng 5 năm 1964, cục tình báo Đài Loan phái cử 7 chiếc “Tàu Sói biển” của “Đội đột kích trên biển”, xuất phát từ đảo Đông Dẫn, hòng lần lượt tập kích những thuyền tàu qua lại trên đường biển từ Đảo ứng nổi tới Đảo Rồng bay và những con tàu hộ vệ của giải phóng quân neo đậu ở Đảo Bắc sương. Chúng đã trà trộn vào trong đoàn thuyền đánh cá của ng dân, chờ thời cơ phát động tập kích bất ngờ. Sau khi hạm đội Đông Hải của giải phóng quân trình sát rõ tình hình, đã dùng 9 chiếc tàu hộ vệ lao vào giao chiến. Đúng 7 giờ, hai chiếc tàu hộ vệ của quân giải phóng làm nhiệm vụ cảnh giới đã triển khai cuộc đánh nhau trên biển với bốn chiếc “Tàu Sói biển” địch, bắn bị thương và bắt giữ một chiếc, số còn lại tháo chạy. Ba chiếc tàu hộ vệ khác của quân giải phóng biết tin vội vàng tới trợ chiến, khi truy kích ba chiếc “Tàu Sói biển” họ đã triển khai pháo chiến với khu trục hạm “Số hiệu Đơn Dương” và tàu sân ngầm “số hiệu Bắc Giang” của bọn Quốc dân đảng. Ít lâu sau tàu hộ vệ của quân giải phóng lại bắn chìm hai chiếc “Tàu sói biển” ở gần đảo Đông Dẫn. Ngày 18 tháng 11 năm 1964, ba chiếc “Tàu sói biển” của Quốc dân đảng kéo một chiếc “tàu bọc phá” đựng trên dới 200 ki lô gam thuốc nổ, lái từ hóng bán đảo Hoàng Kỳ đi Mã Tổ, ý đồ khi gặp phải chiến hạm của giải phóng quân, thì sẽ cho nổ “tàu bọc phá”, hấp dẫn hỏa lực quân giải phóng, sau đó sẽ thừa cơ tiến hành công kích. Điều mà bọn địch không thể ngờ được là, sau khi đụng độ với quân giải phóng, hai chiếc tàu hộ vệ của hạm đội Đông Hải đã lao thẳng vào bọn địch, cắt đứt đường rút lui của “Tàu sói biển”. Hải quân Quốc dân đảng kinh hoàng hỗn loạn, vội vàng cho nổ “Tàu bọc phá” rồi cho hạm đội chạy trốn ra ngoài với tốc độ cao. Hai chiếc tàu bảo hộ của giải phóng quân không hề để ý tới mục tiêu bọc phá, dốc toàn lực truy kích “Tàu sói biển”, cuối cùng đã bắn chìm một chiếc của chúng. Ngày mùng 8 tháng 7 năm 1964, 5 tên đặc vụ của “Cục tình báo bộ quốc phòng” nhà đương Cục Đài Loan, chia nhau ngồi trên hai con thuyền đặc vụ “nhân hiệu Mãn Khánh Thịnh” và “Nhân hiệu Mãn Khánh Thăng” nguy trang thành thuyền đánh cá Nhật Bản, xuất phát từ Cảng nước ngọt Đài Loan, âm mưu thực thi việc “đột kích” Cảng Lữ Tứ Tỉnh Giang Tô, ngấm một miếng rồi chuồn thẳng. Hạm đội Đông Hải của quân giải phóng cử ra tàu bảo vệ, tàu quét mìn mỗi loại hai chiếc vội vã tới vùng biển Lữ Tứ đón bắt. 23 giờ ngày 11, tàu hộ vệ mang “số hiệu Hoành Dương” của quân giải phóng phát hiện thuyền đặc vụ mang “số hiệu Mãn Khánh Thịnh” nguy trang thành thuyền đánh cá mang “Số hiệu Khánh Thịnh Hoàn” của Nhật Bản, đã nã pháo bắn trọng thương, bức nó phải đầu hàng. Tiếp theo đó, tàu quét mìn mang “số hiệu Sa Gia Điểm” phát hiện mạn thuyền của một chiếc thuyền đánh cá dấu hiệu “Khánh Thăng Hoàn” mà ở đuôi thuyền lại đánh dấu “Mãn Khánh Thăng”, do đó đã nhận định đó chính là thuyền đặc vụ mang “số hiệu Mãn Khánh Thăng”, sau khi khuyên nó đầu hàng vô hiệu đã bắn chìm nó. Trong lần chiến đấu này, hải quân quân giải phóng đã bắn chết tên thiếu tá

đại đội trưởng Quốc dân đảng cùng 8 tên lính, bắt sống tên phó đại đội trưởng và 72 tên. Buổi tối ngày 11 tháng 7 năm 1964, những thuyền đặc vụ mang số hiệu “Đại Kim số 1”, “Đại Kim số 2” của cục tình báo Đài Loan, treo quốc kỳ nước Anh, lần lượt đổi tên là “Âu Ng số 1” và “Âu Ng số 2” chở 45 tên đặc vụ vũ trang và 29 thuyền viên, từ Cảng Nghiến Nam Việt Nam lái về Đài Loan, ba chiến hạm xung kích từ căn cứ Du Lâm của Hạm đội Nam Hải quân giải phóng đã nhận lệnh lao ra chiến khu. Chiều ngày 12 đã bắn chìm một chiếc tàu đặc vụ nguy trang, bắn chết chim 14 tên, bắt làm tù binh 60 tên. Từ năm 1962 đến tháng 7 năm 1965, hải quân quân giải phóng trước sau đã lần lượt tiêu diệt 47 toán đặc vụ vũ trang trên biển của bọn Quốc dân đảng, tiêu diệt một bộ phận của 13 toán, bắn chết 100 tên Quốc dân đảng bắt sống 316 tên. Giai đoạn thứ hai là từ tháng 8 năm 1965 đến cuối năm. Trong giai đoạn này đã phát sinh hai lần hải chiến quan trọng - “Cuộc hải chiến 6-8” và cuộc hải chiến về phía đông Sùng Vũ. Hải quân giải phóng quân trong hai lần hải chiến này lấy tàu nhỏ đánh hạm lớn, đã giành được những chiến tích huy hoàng, đã kích trầm trọng vào hải quân Quốc dân đảng, bắt buộc những hoạt động gây rối trên biển của địch phải dần dần giảm bớt thậm chí có xu hướng đình chỉ. Sau khi những hoạt động tập kích quấy rối quy mô nhỏ do tập đoàn Tường Giới Thạch lợi dụng thuyền tàu Cờ nhỏ tiến hành bị thất bại chúng đã quyết định điều động tàu hạm cỡ trung bình và lớn của hải quân, đảm nhận nhiệm vụ vận chuyển những tốp đặc vụ vũ trang cỡ nhỏ. Chúng nhận định rằng những tàu hạm cỡ lớn và trung bình trọng tải lớn, hỏa lực mạnh, tốc độ nhanh, có thể đánh có thể chạy, có thể đánh đòn bất ngờ để thắng địch, hai lần hải chiến quan trọng chính là đã phát sinh trong bối cảnh như vậy. 5 giờ ngày 5 tháng 8 năm 1965, Kỳ hạm của hạm đội 2 tuần phòng trên biển của Quốc dân đảng - “Nhân hiệu Kiếm Môn” tàu sân ngầm cỡ lớn và “nhân hiệu chương Giang” tàu sân ngầm cỡ nhỏ, vận chuyển một tốp đặc vụ vũ trang chấp hành “kế hoạch biên gào” của “Cục tình báo bộ quốc phòng” Đài Loan, từ Tả doanh Đài Loan bí mật ra biển, lái tới vùng ven biển Quảng Đông, chuẩn bị thâm thấu vào Phúc Kiến. “Nhân hiệu Kiếm Môn” vốn là hạm quét mìn do Mỹ chế mớn nước là 1250 tấn, tốc độ chạy là 20 tiết, đặt 10 khẩu hỏa pháo có đường kính 76,2 milimét. “Nhân hiệu chương Giang” là tàu sân ngầm cỡ nhỏ do Mỹ chế tạo, lợng mớn nước lầy đặc tăng tốc tiếp cận mục tiêu, mãi cho đến khi nhìn rõ cột buồm của tàu địch mới cùng nổ súng. Dới hỏa lực mạnh bắn gần của hạm đội hải quân giải phóng quân, “Nhân hiệu Kiếm Môn” vội vàng chạy trốn, “Nhân hiệu chương Giang” đã bị bốn tàu hộ vệ của quân giải phóng bám chặt trúng đạn liên tục. Khi nó có ý đồ chạy trốn, liền bị công kích mạnh ở cự ly từ 30 đến 50 mét, rất nhanh chóng đã bốc lửa, nổ tung, cuối cùng đã chết rũ chìm xuống đáy biển ở phía đông nam đảo Đông Sơn. Đồng thời với điều này, 8 tàu hộ vệ và 1 chiếc pháo hạm của hải quân giải phóng đã dốc toàn lực truy đuổi “Nhân hiệu Kiếm Môn”. Khi cự ly còn cách chiến hạm địch trên dới một ngàn mét, các tàu cùng nổ súng. Bốn phút kịch chiến, “Nhân hiệu Kiếm Môn” trúng đạn bốc cháy, lúc này hạm đội ng lôi tăng tốc lao tới phân thành 2 tổ, phóng 10 quả ng lôi vào chiến hạm địch. Con tàu “nhân hiệu Kiếm Môn” rất nhanh chóng đã bốc khói mù mịt, vào lúc 5 giờ 22 phút đã chìm xuống phía đông nam đảo Đông Sơn. Trong cuộc chiến này, tên thiếu Tướng Quốc dân đảng Hồ Hạ Hằng cùng hơn 170 tên sĩ quan và binh lính địch đã toi mạng, 33 tên bị bắt. Sau “Cuộc hải chiến 6-8” không lâu, Kỳ Hạm - tàu sân ngầm cỡ lớn “Nhân hiệu Vĩnh Thái” - đội bạn đi tuần tra khu nam của hải quân Quốc dân đảng, đã dẫn hộ vệ hạm đội pháo “Nhân hiệu Vĩnh xương” nguy trang ra biển từ Cảng Mã Công Bành Hồ vào lúc 13 giờ ngày 13 tháng 11, lái về hóng Ô Khâu, dự định kế hoạch sẽ tới Ô Khâu vào lúc 23 giờ ngày hôm ấy. Để giáng trả những hoạt động tập kích quấy rối của hải quân Quốc dân đảng, hạm đội Đông Hải của hải quân giải phóng quân đã quyết định dùng 6 tàu hộ vệ, 6 tàu ng lôi tổ chức thành biên đội xung kích trên biển để tiêu diệt biên đội “Nhân hiệu Vĩnh Thái” trên mặt biển phía nam Ô Khâu. Đúng 23 giờ ngày hôm đó, hai bên đã gặp nhau ở trên mặt biển phía nam Ô Khâu. Bốn chiếc tàu hộ vệ quân giải phóng đã lao vào đánh chiến hạm “Vĩnh Thái”, hai chiếc tàu hộ vệ lao vào đánh chiến hạm “Vĩnh xương”, còn tàu ng lôi đang đợi thời cơ. Khi hai bên có cự ly cách nhau 1000 mét đã triển khai cuộc pháo chiến ác liệt. Không lâu, người chỉ huy chính của biên đội quân giải phóng là Ngụy Viên Vũ bị thương nặng hôn mê, rất nhiều người trên chiến hạm chỉ huy đã bị thương, cuộc chiến đấu mất chỉ huy, tình thế đã đảo ngược “Vĩnh Thái” chạy trốn về hóng Ô Khâu. Sau khi Ngụy Viên Vũ tỉnh lại, đã khôi phục lại sự chỉ huy, đã ra lệnh cho đội tàu ng lôi công kích. Tàu phóng ng lôi của quân giải phóng đã ba lần phóng ng lôi vào “Vĩnh xương” của địch, nhưng vì chiến hạm địch né tránh chuyển hóng nên cha tiêu diệt được, vào lúc 0 giờ 30 phút ngày 14, hạm đội số 145 hải quân giải phóng đã gọi làn pháo hỏa dày đặc, bình tĩnh tới gần “Vĩnh xương” cự ly còn 350 mét, đồng thời phóng hai quả ng lôi, phần đuôi của nó bị bắn trúng, mất hết năng lực cơ động, bắt đầu chìm xuống đáy biển. Sau khi biên đội xung kích lao vào bắt sống 9 tên địch vào lúc 3 giờ 5 phút ngày 14 họ đã rút về. Trong cao trào tấn công quấy rối lần thứ hai phản công đại lực của tập đoàn Tường Giới Thạch, không quân quốc dân đảng cũng rất lỏng lẻo.

Chúng dựa vào những chiếc máy bay có tính năng u việt do Mỹ cung cấp, nhiều lần bay sâu vào vùng đất quân giải phóng, chủ yếu là tiến hành chụp ảnh trinh sát. Lính hàng không của không quân giải phóng quân và bộ đội phòng không mặt đất cũng như nhau đều đã đánh trả những đòn nặng nề vào không quân Quốc dân đảng. Do đó, từ trên tổng thể đã đập tan được những hoạt động phản công của tập đoàn Tưởng Giới Thạch. Sau khi tập đoàn Tưởng Giới Thạch chạy trốn ra chiếm cứ Đài Loan, liền sau đó không quân Quốc dân đảng đã tiến hành trinh sát từ trên không đối với đại lục. Từ năm 1951 đến năm 1966, máy bay quân đội Quốc dân đảng đã mò sâu vào đại lục 862 lần. Năm 1959, chúng bắt đầu trang bị máy bay kiểu RF-101 có tính năng tiên tiến. Đây là loại máy bay trinh sát chiến đấu có tốc độ siêu âm, thiết bị trinh sát cũng rất hoàn mỹ. Từ tháng 1 năm 1960 đến tháng 7 năm 1961, không quân Quốc dân đảng trước sau đã 9 lần điều động loại máy bay này tiến hành trinh sát đối với các vùng Sán Đầu, Tấn Giang, chương châu, Long Điền, Lộ Kiều v.v... Đồng thời với cái đó, tập đoàn Tưởng Giới Thạch cũng bắt đầu sử dụng máy bay trinh sát trên cao kiểu U-2, đi sâu vào khu vực tung thâm của đại lục. Đến năm 1962, không quân Quốc dân đảng quấy phá đại lục vẫn dùng hai loại máy bay này là chủ yếu. Không quân và bộ đội phòng không giải phóng quân đánh trả sự tập kích quấy rối trên không của Quốc dân đảng chủ yếu vẫn nhằm vào loại máy bay trinh sát trên cao kiểu U-2 là chính. Máy bay kiểu U-2 là một loại máy bay gián điệp có sứ mệnh đánh cắp tình báo quân sự của nước khác, cánh nó dài, trọng lượng nhẹ, tốc độ nhanh, thời gian bay được dài, thiết bị trinh sát tiên tiến. Từ tháng 1 đến tháng 8 năm 1962, tập đoàn Tưởng Giới Thạch đã điều động 15 lần chiếc máy bay kiểu U - 2 tiến hành trinh sát đối với đại lục, phạm vi hoạt động ở hầu khắp các tỉnh, thành phố trong toàn quốc. Do vì máy bay kiểu U-2 bay với tốc độ rất cao khả năng bay từ hai vạn mét trở lên, lúc đó máy bay tiêm kích Míc - 19 của không quân giải phóng chỉ có thể bay được trên dưới 18000 mét, nên khó có thể ngăn cản có hiệu quả đối với loại Máy bay U-2 này. Không quân giải phóng quân nhân dân đã quyết định sử dụng mấy tiểu đoàn tên lửa đất đối không hữu hạn để đánh máy bay kiểu U-2. Ngày 27 tháng 6 năm 1962, tiểu đoàn 2 tên lửa đất đối không của quân giải phóng đã đều bí mật rời khỏi Bắc Kinh, dùng phương thức vận chuyển bằng đường sắt cơ động tới lắp đặt mai phục ở Trường Sa Hồ Nam, thế nhưng suốt hai tháng không gặp máy bay địch. Cơ quan không quân của quân giải phóng qua phân tích tỉ mỉ đường bay đi sâu vào đại lục của máy bay U-2, phát hiện máy bay địch thường xuyên bay qua bầu trời Nam xương, hơn thế, hệ phía quân giải phóng có sự điều động quân sự tương đối lớn, máy bay U-2 tất sẽ tới trinh sát, tức thì quyết định đưa hai tiểu đoàn điều tới Nam xương. Ngày 28 tháng 8, tiểu đoàn 2 tên lửa đất đối không của quân giải phóng từ Trường Sa cơ động tới Nam xương tỉnh Giang Tây, rồi dùng phương thức di chuyển sân bay của binh chủng hàng không để nhử cho máy bay U-2 xuất hiện. Khoảng trên dưới 6 giờ ngày 9 tháng 9, một chiếc máy bay trinh sát tầm cao U-2, với tốc độ cao 2 vạn mét qua đảo Bình Đàm Phúc Kiến tiến sâu vào bầu trời đại lục, bay về phía Nam xương - Tiểu đoàn 2 Rada với cự ly 379 kilô mét đã phát hiện mục tiêu, thế nhưng máy bay địch đã rẽ queo từ một địa phương cách 75 kilômét đã bay xa. Lúc 8 giờ 29 phút, sau khi máy bay địch bay qua Cửu Giang, bỗng nhiên queo trái vòng trở lại, bay thẳng tới Nam xương. Khi cự ly cách máy bay địch 70 kilô mét, ba quả tên lửa của quân giải phóng vọt lên trời, hai quả đã trúng đích. Xác máy bay địch rơi xuống gần chợ La Gia về phía đông nam thị trấn Nam xương 15 kilômét, tên thiếu tá phi công Trần Hoài thân trúng mảnh đạn, sau khi nhảy dù xuống mặt đất qua cấp cứu cũng vô hiệu, hắn đã chết! Sau khi máy bay U-2 của không quân Quốc dân đảng bị bắn rơi một chiếc, chúng đã vội vàng cải tiến thiết bị quấy nhiễu điện tử và hệ thống báo động né tránh của máy bay, tiếp tục sử dụng loại máy bay này quay trở lại quấy rối trinh sát. Từ tháng 3 đến tháng 9 năm 1963, máy bay U-2 khi tiến sâu vào quấy nhiễu Lan châu, Tân An v.v.. đã 3 lần tới gần địa điểm mai phục của quân giải phóng. Sau khi quân giải phóng mở ăng ten điều khiển ra đa, bọn địch liền dựa vào hệ thống báo động nhanh chóng lẫn trốn, đã tránh khỏi đòn đả kích. Sau khi các cuộc mai phục luôn gặp thế bất lợi, qua nghiên cứu bộ đội không quân giải phóng phát hiện, thông thường máy bay U-2 sau khi mở ăng ten điều khiển ra đa dẫn tên lửa đất đối không bay lên 20 giây, chúng mới bắt đầu cơ động. Điều này nói rõ rằng nếu thu ngắn cự ly điều khiển Rada mở ăng ten, giảm bớt thời gian chuẩn bị phóng tên lửa, thì sẽ có khả năng bắn rơi được máy bay địch. Ngày mùng 1 tháng 11 năm 1963, một chiếc máy bay U-2 của địch cất cánh bay từ căn cứ Đào viên Đài Loan, 7 giờ 43 phút bay qua Ôn châu thọc sâu vào đại lục. Sau 11 giờ máy bay địch lại bay trở lại quấy rối qua Ngô Trung, Tam môn Hiệp Tín Dương, Cửu Giang tiến vào bầu trời Tiểu đoàn 2 tên lửa đất đối không bố trí trận địa mai phục. Tiểu đoàn 2 đã phát hiện ra mục tiêu từ một nơi cách xa 180 kilô mét. Tại chỗ còn cách 35 kilô mét họ đã mở dây ăng ten điều khiển ra đa, sau đó chỉ dùng thời gian 8 giây phóng lên ba quả tên lửa, có một quả bắt trúng mục tiêu, xác máy bay địch rơi xuống vùng núi Vạn La huyện Quảng Phong tỉnh Giang Tây, tên thiếu tá phi công Diệp thường Đệ bị bắt sống. Ngày 16 tháng 10 năm 1964, Trung

quốc đã cho nổ thành công quả bom nguyên tử đầu tiên. Quân giải phóng phán đoán nhất định bọn địch sẽ cử máy bay tiến hành hoạt động trinh sát, quấy p tục chiến đấu với máy bay địch vào quấy rối. 19 giờ 56 phút ngày mùng 10 tháng 1 năm 1965, một chiếc máy bay trinh sát trên cao U-2 của không quân Quốc dân đảng từ căn cứ địa không quân Đào Nguyên Đài Loan cất cánh, từ Khải Đông Tô Bắc tiến vào Đại Lục, tiểu đoàn 14 tên lửa đất đối không của quân giải phóng, sau khi đã bài trừ được sự quấy nhiễu mang tính chất trả lời của máy bay địch phát ra, đã liên tục phóng lên 3 quả tên lửa, có 1 quả trúng mục tiêu, tên lái máy bay địch bị bắn chết ở trong khoang lái. Với sự đả kích của bộ đội tên lửa đất đối không quân giải phóng từ năm 1962 đến năm 1967, tập đoàn Tưởng Giới Thạch đã liên tục tổn thất mất 5 chiếc máy bay U-2. Đồng thời với việc đánh máy bay U-2 địch của bộ đội tên lửa đất đối không, bộ đội hàng không hải quân và bộ đội hàng không không quân cũng đã nhiều lần bắn rơi các máy bay địch khác tiến vào xâm phạm đại lục. 14 giờ ngày 18 tháng 12 năm 1964, một chiếc máy bay kiểu RF-101 của Quốc dân đảng từ tầm thấp lên vào vùng Lộ Kiều Triết Giang, bộ đội hàng không hải quân quân giải phóng tại căn cứ Lộ kiều lập tức bay lên hai chiếc máy bay Tiêm kích - 5 ần mình bay vào chiến khu, cuối cùng đã bắn cháy được chiếc máy bay RF - 101 của chúng, rơi xuống đáy biển, bắt sống tên giặc lái. Ngày 18 tháng 3 năm 1965, bộ đội hàng không của không quân giải phóng quân đã bắn rơi một chiếc máy bay kiểu RF - 101 ở khu vực Sán Đầu. Ngày 13 tháng 1 năm 1967, một chiếc máy bay kiểu RF - 104G, được sự yểm hộ của 4 máy bay chiến đấu âm mưu trinh sát sân bay Tân Giang. Tám chiếc máy bay Tiêm kích - 6 của quân giải phóng đã bay lên nghênh chiến cuối cùng đã bắn rơi một chiếc máy bay chiến đấu kiểu F - 104 của địch. Do vì máy bay vào quấy rối đại lục của không quân Quốc dân đảng nhiều lần bị đả kích trầm trọng, bắt đầu từ cuối năm 1960, chúng liên dần dần giảm bớt những hoạt động quấy rối bằng không quân đối với đại lục. Từ đầu năm 1950 đến cuối năm 1960, trong việc tập kích quấy rối của hai cao trào phản công lục địa, tập đoàn Tưởng Giới Thạch đã tổn thất hơn 44400 tên sĩ quan và binh lính, tổn thất 348 chiếc tàu, xuồng, thuyền các loại, bị bắn rơi 46 chiếc máy bay, mà lại chẳng hề giành được một tấc đất nào của đại lục hoặc trên các hòn đảo ven biển. Giấc mộng “phản công phục quốc” của Tưởng Giới Thạch đã bị hủy diệt triệt để. Cho nên, sau khi bước vào năm 1970, vô luận là ở lục địa, trên biển hay trên không, những hoạt động tập kích quấy rối quân sự của tập đoàn Tưởng Giới Thạch đều đã đình chỉ về cơ bản.

Phần thứ bảy

Bí mật về đại nạn mà không chết

Tưởng Giới Thạch là một yếu nhân quân sự, chính trị. Trong mấy chục năm Tưởng đã ra sống vào chết, trải qua biết bao gian nan nguy hiểm, trong đó có bọn quân phiệt truy giết, có sự bắn giết ở chiến trường, cũng có sự “binh gián” của các Tướng lĩnh chống Nhật yêu nước và sự đụng chạm va vấp trong chiến đấu với giặc Nhật. Giữa lúc gian nguy như bão tuyết gào thét bên thân mình trong đêm đông, Tưởng Giới Thạch đã dùng tâm thái như thế nào để xử trí, lại làm thế nào để hóa nguy hiểm thành an lành? Giữa cái sống và cái chết, Tưởng Giới Thạch đã vung tay múa chân, đều là “Cánh cửa sổ” quan trọng nhìn lên nhân sinh quan, vinh nhục quan của Tưởng Giới Thạch cả.

1. “Trò nấp trong vại” của Tưởng Giới Thạch.

Trong “Sa gia Bang” “Tuồng bản mẫu” của Kinh kịch có một điệu hát hay tuyệt vời, nói rằng Hồ tư lệnh “Cứu quốc quân trung nghĩa” bị giặc Nhật truy đuổi không còn lối thoát thân, đã được bà chủ quán trà Xuân Lai là A Khánh Tẩu thông minh cơ trí giấu kín vào trong vại nước, ẩn nấp qua được sự lục soát của bọn lính Nhật, đại nạn mà không chết, thật đúng có thể nói là trong Tuồng có tuồng. Vào thời kỳ trai trẻ của Tưởng Giới Thạch cũng đã từng được một người đàn bà giấu vào trong vại nước, thoát khỏi được sự truy xét của địch đã bảo đảm được mạng sống. Đó là năm 1918, Tưởng Giới Thạch vừa qua tuổi 30, đúng vào dịp đi theo Tôn Trung Sơn tiên sinh, bắt đầu hăng hái sôi nổi muốn “làm nên sự nghiệp”. Lúc đó, Trung Quốc đang ở vào thời kỳ hỗn chiến của quân phiệt, Tưởng Giới Thạch rất muốn thể hiện rõ thâm thù của mình ở trong cuộc đấu tranh của quân phiệt cũ mới. Khi Tôn Trung Sơn tổ chức lực lượng Cách mạng đánh bọn quân phiệt phản động cũng đã nghĩ tới con người Tưởng Giới Thạch này. Ngày 12

tháng 3 theo điện triệu gọi của Tôn Trung Sơn, Tưởng Giới Thạch rời thượng Hải, vội vàng tới Quảng Đông. Lúc đó, cuộc chiến đấu ở xung quanh Quảng Đông rất ác liệt. Trương Kính Nghiêu dẫn một cánh quân tiến công Quý Lâm, Tào Côn dẫn một cánh quân tiến công Thiên Quan, Trương Hoài Chi dẫn một cánh quân tấn công Công châu. Trương Hoài Chi còn có ý đồ sau khi cướp đoạt Huệ Châu sẽ cùng tấn công Quảng Châu với Trung lộ quân. Sau khi Tưởng Giới Thạch tới Quảng Châu lập tức đảm nhận chức vụ chủ nhiệm khoa tác chiến của Tổng bộ Trần Quýnh Minh quân đội Việt, hiệp trợ với Trần Quýnh Minh vạch ra kế hoạch tác chiến. Sau mấy ngày, Tưởng Giới Thạch lại tới mặt trận Hoàng Cong, Triều An, Tam Hà Bá, Tùng Khẩu, Tiêu Sầm để thị sát. Lúc đó tính tích cực của Tưởng Giới Thạch rất cao, rất mong muốn thể hiện thân thủ của mình ở trên chiến trường. Thế nhưng do vì trong chính phủ bảo vệ Phật Pháp Quảng châu còn tồn tại mâu thuẫn, một số người như Đường Kế Nghiêu, Lục Vinh Đỉnh v.v.. lại phản đối Tôn Trung Sơn nhậm chức Đại nguyên soái, đã ảnh hưởng tới sức chiến đấu của quân đội, một số suy nghĩ của Tưởng Giới Thạch vẫn chưa thể thực hiện được. Theo sự phát triển của chiến tranh, vào đầu tháng 7 Tưởng Giới Thạch từng kiến nghị với Trần Quýnh Minh, cử bộ đội chủ lực đi qua đường biển tới chương Châu của Phúc Kiến, rồi chờ thời cơ cướp lấy Phúc Châu; hoặc giả cử một đơn vị bộ đội có sức chiến đấu mạnh tiến thẳng tới Long Nham Phúc Kiến, tiến sát chương châu, Phúc Châu. Đối với kiến nghị này của Tưởng Giới Thạch, Trần Quýnh Minh tương đối tán đồng. Thế nhưng quân đội của cánh quân thứ nhất do tư lệnh Lý Bỉnh Vinh chỉ huy đã để mất Đại Phố vào ngày 19, kế hoạch này cũng không thể thực hiện được. Thế nhưng đối với tình hình chiến sự ở Phúc Kiến, Tưởng Giới Thạch đã đặc biệt chú ý, ngày 30 tháng 7, khi Trần Quýnh Minh ra lệnh cho Tưởng Giới Thạch chỉ huy quân đội cướp lại sư Tử Khẩu, phản công Đại Phố, Tưởng Giới Thạch đã chiến đấu ác liệt ba ngày ba đêm ở trên trận địa, cuối cùng đã thu phục lại được Đại Phố. Thế nhưng, do vì nguyên nhân những thất bại ở trên các chiến trường khác, Tưởng Giới Thạch đã phát sinh ra mâu thuẫn với các đồng僚, trong lúc bức tức đã từ bỏ chức vụ chủ nhiệm khoa tác chiến, quay trở về thượng Hải. Lần bỏ đi này đã lưu lại những tai nạn ở Phúc Kiến những ngày sau. Tưởng Giới Thạch chỉ sống ở thượng Hải hơn hai chục ngày đã liên tiếp nhận được điện báo của Tôn Trung Sơn và Trần Quýnh Minh yêu cầu Tưởng phải trở về Quảng Châu nhận chức. Mặc dù trong lòng Tưởng đã có hàng trăm điều không hài lòng, nhưng cũng không dám bỏ mặc không đếm xỉa gì đến các bức điện báo của Tôn Trung Sơn và “Định Uy Tướng quân” Trần Quýnh Minh. Lúc đó, Trần Quýnh Minh bản thân là tổng tư lệnh ở chương châu Phúc Kiến, Tưởng Giới Thạch lại vội vã chạy tới chương châu, Trần Quýnh Minh bổ nhiệm Tưởng Giới Thạch đảm nhận chức sĩ quan tư lệnh chi đội thứ hai, bộ tư lệnh của chi đội này đặt tại Trường Thái Phúc Kiến. Lúc này Tưởng Giới Thạch có thể trực tiếp chỉ huy trên một ngàn người, ngày thành lập bộ tư lệnh hôm đó, Tưởng Giới Thạch đọc bài diễn văn tế cáo “Đã chiến tất phải thắng, đã đánh tất phải thắng, thống nhất Trung Hoa, bình định toàn giang sơn cơ nghiệp... hoàn thành sự nghiệp vĩ đại của cuộc cách mạng, đều do thần linh ban cho cả”. Tưởng Giới Thạch tuyệt đối không thể ngờ được tráng trí cha báo đáp, nguy hiểm đã gặp họa sát thân. Trong thành lỵ Trường Thái vốn có một chi đội đóng giữ do Lã Công Dục chỉ huy. Lã Công Dục là người Vĩnh Khang tỉnh Triết Giang, từ những năm trước đã được gửi đến học tập ở khoa cấp tốc trường quân sự Bảo định, năm 1911 đảm nhận sĩ quan chỉ huy tiểu đoàn 2 trung đoàn 82. Sau cuộc khởi nghĩa Vũ xương bùng nổ, Lã hưởng ứng cách mạng, chỉ huy quân đội đánh chiếm Nam Kinh, về sau đảm nhận chức sư trưởng sư đoàn 6 quân Triết Giang, đô đốc kiêm tỉnh trưởng tỉnh Triết Giang. Tháng 7 năm 1917 khi Tôn Trung Sơn phát động “phong trào bảo vệ Phật pháp”, Lã Công Dục ra sức ngăn cản quân đội Triết Giang tiến công Quảng Đông. Không lâu, Lã lại đảm nhận tổng tư lệnh quân đội Viện Môn Triết của quân bảo hộ Phật pháp. Khi Tưởng Giới Thạch tới Trường Thái nhận chức sĩ quan tư lệnh chi đội, Lã Công Dục vừa hay cũng ở Trường Thái. Tưởng Giới Thạch và Lã Công Dục đã vừa là đồng hương lại đều là hai viên chiến tướng đối đại kỳ “Phong trào bảo vệ Phật pháp”, vốn không nên có sự xung đột lợi hại to lớn. Tình yêu quê hương của con người Tưởng Giới Thạch này rất nặng, sau khi Tưởng đắc tị lòng đã thực sự không vui, cũng chẳng coi bộ tư lệnh này của Tưởng Giới Thạch ra cái thứ gì. Một hôm, chi đội hai này với quân đội Viện Môn Triết chỉ vì một sự việc nhẹ như lông gà, mỏng như vỏ hẹ mà đã phát sinh ra xung đột, hai bên đã đánh nhau. Lã Công Dục vốn trong lòng có bức bối, sau khi nghe tin đã chẳng phân đỏ xanh vàng tím, đã hạ lệnh cho quân đội bao vây bộ tư lệnh của chi đội. Để bảo vệ uy tín của bản thân mình là sĩ quan tư lệnh, Tưởng Giới Thạch đã va chạm nảy lửa với đối phương. ở địa phương Trường Thái này, Tưởng Giới Thạch còn xa mới là đối thủ của Lã Công Dục, chẳng bao lâu, những binh lính ở bên cạnh Tưởng Giới Thạch đã bị Lã Công Dục đánh chết mấy tên. Tưởng Giới Thạch nhìn thấy tình hình nguy cấp trong sớm tối, cũng chẳng kể gì tới bộ tư lệnh, vội vàng vọt tường chạy thoát thân. Trong thành huyện Trường Thái, tiếng đại bác càng kịch liệt, những tiếng súng này giống như

những con quỷ đòi mạng, hoảng sợ quá, Tưởng Giới Thạch đã chẳng quản gì liền chạy trốn. Khi trốn ra khỏi thành huyện, Tưởng Giới Thạch ngoảnh cổ lại nhìn đằng sau lưng mình chẳng còn một sĩ quan và binh lính nào của chi đội 2 nữa, quân đội Triết Giang do Lã Công Dục chỉ huy vẫn còn đang liều mạng đuổi theo. Tưởng Giới Thạch sải长腿 chạy bước dài trốn vào trong nhà một người nông dân. Bà chủ nhà của hộ nông dân này là người Giang Tây. Mấy hôm trước đã từng có một lần giao tiếp gặp mặt Tưởng Giới Thạch. Bà ta nhìn thấy vẻ mặt sợ hãi ngơ ngẩn của ngài sĩ quan tư lệnh họ Tưởng, đang muốn hỏi cho rõ lẽ, lại nhìn thấy quân Triết từ xa đang đuổi tới, cũng chẳng kể gì tới an nguy của bản thân vội vàng kéo tay Tưởng Giới Thạch đẩy vào trong một chiếc vại lớn, rồi dùng chiếc lồng hấp đặt lên trên chiếc vại lớn đó, trên chiếc lồng hấp đó còn đặt rải rác một số áo quần. Vừa thu xếp xong, một viên sĩ quan dẫn một toán lính thở hổn hển xông vào trong nhà. Họ lật tung mọi thứ ở trong nhà, còn giận dữ quát tháo truy hỏi bà chủ nhà. Kết quả họ chẳng thu được gì lại vội vàng chạy sang nhà khác tìm kiếm, lục soát. Tưởng Giới Thạch bị nhốt ở trong vại, lòng buồn rười rượi, nhưng không dám phát ra nửa tiếng kêu. người phụ nữ nông dân kia nhìn thấy binh lính đã đi xa, mới lo lắng sợ hãi nâng chiếc vung lồng hấp đặt vại kia lên. Tưởng Giới Thạch đã quỳ ở trong chiếc vại này hơn một giờ đồng hồ mới bảo toàn được tính mạng. Sau sự việc, Tưởng Giới Thạch đã đem sự việc vất vả nhọc nhằn này quy vì bản thân mình bị ốm, không cử nhiều người đi trinh thám. Tưởng sĩ không có ý chí chiến đấu, binh sĩ vào thành cướp bóc hãm hiếp. Các bộ thuộc như lương Hồng Khái v.v... đều đam mê tử sắc, không nghe lệnh chỉ huy v.v... Điều khiến cho Tưởng Giới Thạch cảm thấy thương tâm nhất đó là, vì để thoát chết, Tưởng đã đánh mất cuốn nhật ký của 6 năm qua và hai bộ binh thư. Hai bộ binh thư này, một cuốn là “Chiến thuật Ben Co” do một người Đức bình thường viết ra, chỉ ít Tưởng Giới Thạch đã xem được sáu lượt. Còn một cuốn nữa là cuốn “Chiến tranh luận” nổi tiếng cũng do người Đức viết ra. Hai bộ sách này trong nhiều năm nay Tưởng Giới Thạch luôn đem theo nó ở bên mình, thường xuyên mở ra đọc. Lần này để mất, Tưởng Giới Thạch hối hận vô cùng. So với mạng sống, “Chiến thuật Ben Co” và “Chiến tranh luận” có đáng kể gì ? Tưởng Giới Thạch đã lấy điều đó để tự an ủi mình.

2-Tưởng Giới Thạch với sự kiện lầu Đông Pha

Trên bờ sông Châu Giang ở ngoại ô phía đông Quảng Châu, có một hòn đảo Trường Châu rất xinh đẹp. Đảo Trường Châu đã kết duyên với quân đội. Vào cuối năm đời Thanh một pháo đài canh giữ sông đã tọa lạc ở đầu phía đông đảo Trường Châu. Đầu năm Dân quốc, trường Tiểu học lục quân, học đường thủy quân Quảng Đông lần lượt được xây dựng ở trên đảo Trường Châu. Thế nhưng điều thực sự khiến cho đảo Trường Châu lừng danh trong thiên hạ là có trường quân sự Hoàng Phố. Trường Quân sự Hoàng Phố là trường đào tạo sĩ quan lục quân được xây dựng lên do Tôn Trung Sơn sáng lập dưới sự giúp đỡ của Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc, vì địa chỉ của trường đặt ở đảo Trường Châu Hoàng phố, người đời phần lớn chỉ gọi là trường quân sự Hoàng phố. Tưởng Giới Thạch luôn coi quân đội là sinh mệnh cho nên rất coi trọng trường quân sự Hoàng Phố, đã tìm trăm phương ngàn kế để làm vừa lòng Tôn Trung Sơn. Ngày mùng 3 tháng 5 năm 1924 Trường Giới Thạch được Tôn Trung Sơn bổ nhiệm làm hiệu trưởng trường quân sự Hoàng Phố kiêm tham mưu trưởng bộ tổng tư lệnh quân đội Việt. Từ đó về sau, trường quân sự Hoàng phố đã được Tưởng Giới Thạch đào tạo ra khỏi lòng lớn những người thân tín thống trị Trung Quốc cũ, cũng đã đem lại những viên đạn hận thù giữa những kẻ đối địch nhau về chính trị. Lúc đó, cuộc đại cách mạng như gió cuốn mây dồn, những địa chủ vũ trang ở vùng Quảng châu cũng hăng hái kéo bè kết phái, chiếm đất làm vua, cuộc đấu tranh giữa các phe phái rất kịch liệt. Tưởng Giới Thạch là quân phiệt mới quật khởi, nền móng không vững chắc, cây to gọi gió, âm mưu ám sát ở lầu Đông Pha, nguy hiểm tới mức chỉ chút nữa là Tưởng Giới Thạch bỏ mạng. Tưởng Giới Thạch đã làm thế nào để thoát khỏi những viên đạn ám sát ông ta? Buổi đầu Tưởng Giới Thạch đảm nhận chức hiệu trưởng trường quân sự Hoàng Phố, để xác lập nên hình tượng cách mạng của mình ở trong học sinh trường quân sự và trong quân đội Quảng Đông, suốt ngày Tưởng bận rộn túi bụi, tỏ ra rất cần cù phấn đấu. Tưởng chẳng những đã mạnh dạn gửi thư “phát biểu ý kiến về quân sự chính trị” về các vấn đề có quan hệ tới việc cải cách quân sự, thống nhất tài chính, cải tổ quân đội v.v... đưa tới ẹy ban quân sự Quốc dân đảng, mà còn thường xuyên khảng khái hùng hồn quán triệt chuyển tải những tư Tưởng trung hiếu nhân ái cho học sinh. Trong hơn 8 tháng trước khi Đông chinh lần thứ nhất, Tưởng Giới Thạch đã diễn thuyết 46 lần với học sinh Hoàng Phố. Có một lần, do vì trong khi giảng giải về tư Tưởng chủ nghĩa yêu nước của mình, Tưởng đã quá xúc động đến nỗi ngắt đi nằm lăn xuống đất. Trong công việc thường ngày, phạm những điều Tưởng suy nghĩ tới, cho dù là một sự việc nhỏ, Tưởng cũng không dây da. Theo sự phát triển nhanh và mạnh của

hình thể cách mạng, trường quân sự Hoàng Phố không ngừng mở rộng, các nơi như Bình công, Hồ Điệp Công ở trên đảo Trường Châu và Ng Châu, Sa Lộ, Thâm Tinh, Đại Thạch Đầu v.v... ở hai bờ Châu Giang, đã lần lượt phân học sinh trường quân sự đến ở. Đền họ Trần, Bãi Bắc Giao, Sa Hà của thị trấn Quảng Châu cũng trở thành phân hiệu của trường quân sự Hoàng Phố. Tướng Giới Thạch làm hiệu trưởng, mỗi tuần đều phải tới các nơi kiểm tra vài lượt, hoặc chấn chỉnh hiệu phong, hoặc diễn thuyết, biểu hiện rõ hùng tâm tráng khí của mình. Một buổi chập tối, Tướng Giới Thạch bận rộn làm xong việc công vụ của một ngày, chuẩn bị ngồi xe từ Tổng đội bộ học sinh nhập ngũ tới kiểm tra mấy phân hiệu ở trong thành phố Quảng Châu. Mấy viên sĩ quan của Tổng đội bộ đã từng khuyên hiệu trưởng, yêu cầu Tướng đừng đi Quảng Châu nữa. Tướng Giới Thạch vừa xuất viện, lỗ mũi còn thường xuyên chảy máu. Thế nhưng Tướng Giới Thạch dùng lời nói khéo cảm ơn, vẫn cố ý ngồi vào chiếc xe ca có cấm chiếc cờ nhỏ thanh thiên bạch nhật. Tướng Giới Thạch ngồi trong xe ca, đặc ý vẫy tay chào đoàn người ra tiễn. Trước đây, Tướng đóng cửa, xe từ từ chạy, Tướng luôn luôn đem theo tư thế và nụ cười như thế này rời khỏi đoàn người ra tiễn mình. Thế nhưng hôm nay, người lái xe liên tiếp đạp máy khởi động, chiếc xe ca vẫn không thể phát động được. Những nụ cười trên mặt Tướng Giới Thạch tan biến, một cơn tức giận bỗng sôi trào trong tim. Một viên lính hầu bước lại, muốn nói một câu gì đó, chiếc xe ca đã phát động. Tướng Giới Thạch đang tựa lưng ở phía sau, bỗng nhiên cảm thấy thân thể chấn động, chiếc xe ca lại tắt hỏa. người lái xe xuống xe rồi lại lên xe, toàn thân vã mồ hôi mà vẫn chưa thể chữa được xe. Tướng Giới Thạch đã không chịu đựng nổi nữa. Tướng đã xuống xe, nhìn thấy chiếc xe hộ vệ đang đỗ ở phía sau, Tướng liền chui vào trong xe, vội vã nói:

- Nổ máy! Cho xe chạy mau!

Các vệ sĩ nhìn thấy, đang muốn lên xe, thì xe đã chạy đi khá xa rồi. Lúc này tình cảm của Tướng Giới Thạch không vui, xe vào Quảng Châu, liền bắt lái tới văn phòng hiệu trưởng. Tướng xuống xe, cha uống xong tách trà, bỗng nhiên nghe thấy một tràng súng nổ đánh gập. Tướng Giới Thạch giật mình kinh sợ, một cảm giác rủi ro nhói trong tim, Tướng kinh hoàng hỏi: Tại sao lại có tiếng súng nổ? Những tiếng súng này đúng là nhằm vào Tướng Giới Thạch. Tục ngữ nói: “Cây to gọi gió!”. Mấy năm nay, dã tâm của Tướng Giới Thạch hùng hực cháy, đã không chế trường quân sự Hoàng Phố và một bộ phận tương đối lớn quân quyền và chính quyền của Quảng Đông, đã dẫn tới sự đối kỵ oán hận của các quân phiệt địa phương, cũng có một số Tướng giặc có thể lực không lớn muốn trừ diệt Tướng Giới Thạch đi để khuấy đục nước hồ này của Quảng Đông. Ng. Chi có Tướng Giới Thạch mới được ngồi vào chiếc xe ca có cấm cờ thanh thiên bạch nhật. Tình báo của quân đội đóng ở nơi đó rất chuẩn, mục tiêu cũng rất chuẩn, Thần xui quỷ giục như thế nào, mà vừa hay Tướng Giới Thạch lại không ngồi ở trong chiếc xe đó. Tướng Giới Thạch được biết nguyên do “Sự kiện lầu Đông Pha”, hoảng sợ quá toàn thân toát mồ hôi, đối mặt với đội vệ sĩ pháp phòng vì quá cẩn thận, Tướng gào to tới mức cổ rát sức kiệt, nói:- Tướng Trung Chính ta là con người ngồi ngay, đứng thẳng. Những loại âm mưu này, đừng có hòng động tới một sợi lông tơ của ta!” Kỳ thực trong lòng Tướng đã vô cùng cảm tạ thần thánh phù hộ. Trước đó một số hôm có một thuật sĩ giang hồ đã nói với Tướng. Trong vũ đài lớn của Xã hội, vô luận là người nào, hễ gặp con số 9 thì đều bất lợi cả. Chu Du chết bệnh năm 29 tuổi, Nhạc Phi bị bức hại phải chết năm 39 tuổi, Hồ Lâm Dục cũng chết năm 49 tuổi. Năm nay Tướng Trung chính 38 tuổi, không lo lắng có tai hại lớn gì hay sao? Thế nhưng “Sự kiện lầu Đông Pha” cuối cùng đã thọc sâu làm đau buốt con tim của Tướng Giới Thạch. Tướng đau đớn không phải vì sáu tên vệ sĩ đã chết kia, mà là lo lắng tới đám quân đóng ở nơi đó kia muốn mu sát Tướng. Sự việc đã lộ tẩy chân Tướng rất nhanh chóng, hành động mu sát đó là do quân đội của Dương Kim Long gây ra. Tên Dương Kim Long này là một Lữ đoàn trưởng quân đội cũ của lương Hồng Khải. Khi hắn đứng ở trên lầu thành nhìn thấy chiếc xe bị đánh đó có cấm cờ Thanh thiên bạch nhật, cho rằng Tướng Giới Thạch tắt chết rồi chẳng còn nghi ngờ gì nữa, nào ngờ việc giết Tướng chẳng thành, còn mình lại trở thành “Tên tù dối bạc”. lương Hồng Khải bị Tướng Giới Thạch bức ép không biết làm thế nào, hắn không thể không bắt giữ xét xử Dương Kim Long. Ngày hôm sau, với danh nghĩa Tổng tham mưu trưởng Việt quân, Tướng Giới Thạch điều động lữ đoàn của Dương Kim Long ra ngoại thành.” Sự kiện lầu Đông Pha”, Tướng Giới Thạch gặp đại nạn mà không chết. Tướng biết rõ trong kịch lại có kịch, thế nhưng do vì bản thân Tướng cha đủ lòng đủ cánh, nên chỉ có thể như vậy mà thôi!

3. Tại sao Tướng Giới Thạch cha tự sát ?

Tháng 9 năm 1925, trong cuộc Đông Chinh lần thứ nhất của quân Cách mạng quốc dân, tên quân phiệt Quảng đông Trần Quýnh Minh đã vấp phải đòn đả kích trầm trọng, nhân lúc Liêu Trọng Khải bị đâm chết, Dương và lưu ở Quảng Châu phản loạn, đã dựa vào việc vay một khoản tiền mặt rất lớn và 3 triệu viên đạn mà Chính phủ thực dân Hồng công bỏ ra, cùng với 30 vạn đồng lương quân đội của chính phủ Đoàn Kỳ Thụy bỏ ra, đã chỉ huy bọn tàn quân lại một lần nữa phát động cuộc phản loạn; sau khi chiếm lĩnh Triều châu, Sán Đầu v.v... lại bắt đầu tiến công Quảng Châu. Những người như Đặng Bản Ân, Hùng Khắc Vũ v.v.. câu kết với quân phiến loạn, từ ba mặt đông, nam, bắc đánh khép gọng kìm vào Quảng Châu. Vì thế, Chính phủ quốc dân Quảng Châu quyết định tiến hành cuộc Đông chinh lần thứ hai. Tướng Giới Thạch đảm nhiệm chức Tổng tư lệnh quân Đông chinh lần thứ hai. Ai ngờ trong lần Đông chinh này, Tướng Giới Thạch lạc cực sinh bi, khi thân lâm vào tuyệt cảnh, một độ đã muốn tự sát để “Thành nhân”. Điều này vì sao vậy? Lần Đông chinh này, Tướng Giới Thạch hấp thụ được những bài học lần trước, trước khi xuất quân đã ban phát “lệnh hành quân”, kỷ luật nghiêm minh, thay đổi kế hoạch tác chiến, trước hết đưa quân chủ lực Đông chinh tiến về sào huyệt cũ Huệ Châu của Trần Quýnh Minh. Huệ Châu có tên gọi là chiếc chìa khóa của Đông Giang, phía đông gối núi, ba mặt nước vây quanh, thành phòng hiểm yếu, dễ giữ khó đánh. Truyền thuyết kể rằng từ đời Tống đến nay có giữ là được, từ trước tới nay chưa có người nào có thể công phá được thành Huệ Châu. Lúc đó, Huệ Châu có bộ đội chủ lực của Trần Quýnh Minh là Dương Khôn như phòng thủ, cho rằng không thể nào có sơ xuất mất mát được. Tướng Giới Thạch thân mang chức Tổng tư lệnh quân Đông Chinh, quyết tâm trước hết phải phá tan tiền lệ cho rằng thành Huệ Châu khó đánh hạ, Tướng đã tổ chức đội cảm tử trên 650 tên, mỗi tên được thưởng 30 đồng, rồi tiến hành phá thành mạnh mẽ dưới sự yểm hộ của hỏa lực đại pháo. Tướng Giới Thạch còn đích thân chỉ huy, treo giải thưởng 100 đồng cho người nào vào Thành trước nhất. Đúng là với sức mạnh trọng thưởng tất có kẻ dũng phu. Qua hai ngày kịch chiến, thành Huệ Châu dễ giữ khó đánh, cuối cùng đã bị quân Đông chinh công phá. Dương Khôn như hoảng sợ chạy trốn ra ngoài Đông môn, hơn 4000 tên lính của hắn bị bắt sống. Tướng Giới Thạch vô cùng sung sướng tuyên bố trước mọi người, mỗi binh sĩ được thưởng tiền là 1 đồng, được thưởng thịt lợn là bốn lạng. Sau khi phá được Huệ Châu, Tướng Giới Thạch vui mừng đặc ý liền ra lệnh cho quân đội tiếp tục tiến lên phía trước, quét sạch bọn tàn quân địch. Chính trong lúc Tướng Giới Thạch say xa với chiến tích hiển hách của mình, sư đoàn thứ ba quân Đông chinh do Đàm Thự Khanh chỉ huy đã bị quân chủ lực của bọn làm phản Trần Quýnh Minh bao vây chặt ở khu vực đất Đường Hồ gần Hoa Dương vào ngày 27 tháng 10, tổn thất rất thảm hại. Tướng Giới Thạch nghe tin giật mình kinh sợ lập tức vội vàng tới Hoa Dương đốc chiến, hồng cứu vãn cục thế thất bại. Tướng còn đặc biệt đem theo đại đội hộ vệ của Bộ tổng chỉ huy quân Đông chinh do đại đội trưởng Trần Canh dẫn đầu. Đúng là tên đại đội trưởng Trần Canh này đã cứu mạng Tướng Giới Thạch. Khi đánh Huệ Châu, Trần Canh còn đang làm đại đội trưởng ở trung đoàn số 4 thuộc trung đoàn chủ công của lưu Nghiêu Thần. Trong cuộc chiến đầu phá thành, Trung đoàn trưởng họ lưu chết trận, chân trái của Trần Canh cũng bị thương, thế nhưng Trần Canh không chịu rời chiến trường, vẫn chỉ huy quân đội anh dũng chiến đấu. Sau khi kết thúc cuộc chiến đấu, Tướng Giới Thạch đã điều động đại đội của Trần Canh tới làm nhiệm vụ hộ vệ ở bên cạnh mình. Sư đoàn ba do Đàm Thự Khanh chỉ huy, từ quân Việt cải biên thành, sức chiến đấu tương đối yếu. Sau khi Tướng Giới Thạch chạy tới sở chỉ huy Lý Vu, đã liên tục tổ chức ba lần phản công, nhưng đều thất bại. Trong lúc đang điều chỉnh quân đội, bỗng nhiên vấp phải một đợt đánh thọc cạnh sườn của quân phiến loạn Lâm Hồ, thế là toàn tuyến của sư đoàn ba đều bị tan vỡ. Tướng Giới Thạch bức tức ngay lúc đó đã cách bỏ chức vụ sư đoàn trưởng của Đàm Thự Khanh, hạ lệnh cho Trần Canh giữ quyền sư đoàn trưởng sư đoàn này, thu thập lại quân đội tan vỡ, tổ chức lại các đợt phản công. Thế nhưng, thế đại quân tan vỡ thất bại không có cách gì chống đỡ nổi. Trần Canh tạm thời giữ quyền sư đoàn trưởng, có những bộ đội không nghe sự chỉ huy của Trần, nhìn thấy quân phiến loạn dần dần áp sát tới gần, các nhân viên của Bộ tổng chỉ huy cũng tháo chạy tán loạn. Nhìn thấy tình hình này, Tướng Giới Thạch càng bức tức bại hoại, rút súng lục ra vung lên quát tháo ầm ỹ ở sở chỉ huy: - Không được rút lui! Không ai được phép rút lui! Tiếng nói vừa dứt, một viên đạn bay “véo” qua tai, Tướng Giới Thạch hoảng sợ quá ngồi bệt mông đít xuống dưới đất. Nhìn thấy quân phiến loạn dần dần áp sát, lo sợ quá, Tướng giơ súng lục lên, quát to: - Ta sẽ tự sát để thành nhân tại đây, ta không còn mặt mũi nào trở về nhìn thấy các phụ lão Giang Đông nữa. Đúng là Tướng muốn bắt chước tấm gương của Sở Bá vương Hạng Vũ tự vẫn ở Ô Giang. Nhìn thấy tình hình này, Trần Canh vội vàng bước tới khuyên can: - Ngài là tổng chỉ huy, hành vi của ngài sẽ phát sinh ảnh hưởng đối với toàn bộ chiến sự lần này. ở đây cuối cùng chỉ là một sư đoàn hơn thế vẫn chẳng phải là quân đội do Hoàng Phổ huấn luyện ra. Xin hãy mau mau rời khỏi nơi này. Chúng ta có thể chinh đốn lại quân đội, rồi sẽ đánh trở lại. Trong khi nói chuyện, quân phiến loạn càng ngày càng tới gần đen

kết. Tưởng Giới Thạch hoảng sợ quá hai chân mềm nhũn, không sao có thể tự đứng lên được nữa. Trần Canh nhìn thấy tình thế càng ngày càng nguy cấp, chẳng kể gì tới vết thương ở chân mình, đã cố hết sức công Tưởng Giới Thạch rút lui về phía sau. Trần Canh công Tưởng Giới Thạch trên lng, chạy một mạch mấy cây số, tới bên một dòng sông, đưa Tưởng lên trên một con thuyền, rồi vội vàng quay trở lại tổ chức bộ đội chặn đánh quân địch truy đuổi tới. Khi Trần Canh vọt qua sông thoát nạn thì ánh tịch Dương đã ngả về tây rồi. Tưởng Giới Thạch hồn kinh cha định, bắt Trần Canh phải lập tức chạy ra ngoài 160 dặm đường để truyền đạt mệnh lệnh của Tưởng cho sư đoàn một, để cho sư đoàn một kéo tới chi viện. Để bảo đảm thắng lợi của cuộc Đông chinh, Trần Canh chẳng quản gì tới vết thương ở chân và sự mệt mỏi của một ngày kịch chiến, đã hóa trang thành một người nông dân, bốn ba một ngày một đêm, ứng phó với sự quấy rối của mấy toán thổ phỉ, cuối cùng đã đem tình hình cuộc chiến đấu ở Hoa Dương báo cáo với Hà ứng Khâm và Chu Ân Lai ở sư đoàn 1. Lúc này Tưởng Giới Thạch mới tiếp tục tổ chức ba sư đoàn tiến hành phản công, đánh tan quân đội của Lâm Hồ, tới ngày ứng là “ăn sừng cùng có đủ”. Thế nhưng, mỗi cảm kích đối với ơn Trần Canh cứu mạng của Tưởng Giới Thạch đã phát sinh biến hóa rất nhanh chóng. Sau khi quân Đông chinh đánh hạ được Sán Đầu, Tưởng Giới Thạch bất ngờ biết được Trần Canh học sinh khóa 1 trường Hoàng Phố vốn là một đảng viên Cộng sản. Tưởng lập tức lật mở cuốn danh sách sĩ quan các cấp là học sinh trường quân sự Hoàng Phố đặt ở trong phòng ra, vẽ một ký hiệu vòng tròn đỏ ở bên cạnh họ tên Trần Canh, còn ghi chú thêm “Ngời này là đảng viên Cộng sản không thể để cho hắn cảm quân được”. Khi tham mưu hầu cận Trần Canh bước vào trong phòng ở của Tưởng Giới Thạch, vô tình nhìn thấy hàng chữ viết ở bên cạnh của Tưởng, lập tức liên báo cáo tình hình với Chu Ân Lai. Chu Ân Lai yêu cầu Trần Canh phải rời khỏi Tưởng Giới Thạch ngay. Trần Canh lập tức lấy lý do về quê thăm mẹ tới xin phép Tưởng Giới Thạch. Trong óc Tưởng Giới Thạch lập tức nhớ lại hàng chữ ghi bên cạnh mà mình đã viết trước đó mấy hôm, thế những trên miệng vui vẻ bằng lòng ngay, còn cử người đưa tiền lộ phí cho Trần Canh. Sau khi Trần Canh rời khỏi bộ tổng chỉ huy quân sự đông chinh liền về trường quân sự Hoàng Phố đảm nhiệm đại đội trưởng đại đội 7 trung đoàn 1 khoa bộ binh. Năm 1931, Trần Canh trên thân mang chức vụ sư đoàn trưởng sư đoàn 12 Hồng quân công nông Trung Quốc trong khi đột phá vòng bao vây của quân đội Quốc dân đảng chân phải bị thương nặng, khi điều trị ở thượng Hải không may bị bắt, bọn phản động Quốc dân đảng đã dùng hết mọi cực hình đối với vị ân nhân đã cứu mạng Tưởng Giới Thạch này, uy hiếp dụ dỗ, rồi lần lượt dần giải Trần Canh từ thượng Hải đến Nam Kinh, từ Nam Kinh chuyển tới Nam xương, lại từ Nam xương giải tới Nam Kinh, giày vò trăm nỗi đớn đau. Đây là câu chuyện về sau.

4. Tưởng Giới Thạch nhìn thấy hồng Quân kéo tới Quý Dương

Hồng quân Công nông Trung Quốc do vì bị tổn thất nặng nề trong cuộc chống “Vây quét” lần thứ năm, Trung Ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và quân ủy Cách mạng Trung Quốc đã quyết định bỏ Tô khu Trung ương, tức thì vào đêm mùng 10 tháng 10 năm 1934 đã chỉ huy 5 quân đoàn chủ lực hồng quân Trung Ương cùng các Cơ quan trung ương, quân ủy và bộ đội trực thuộc tổng cộng 8 vạn 6 ngàn người bắt đầu cuộc Trường chinh. Tưởng Giới Thạch tìm trăm phương ngàn kế muốn “bao vây tiêu diệt” hồng quân, say sa mẫn nguyện, vội vã điều khiển mấy chục vạn quân đội chặn trước đuổi sau, hồng khiến cho hồng quân lại vấp phải tổn thất nặng nề trong thời kỳ đầu của cuộc Trường chinh. Thế nhưng, khi quân đội hồng quân sắp kéo tới Quý Dương, Tưởng Giới Thạch chỉ một lòng nghĩ tới việc bao vây tiêu diệt hồng quân, thì hầu như Tưởng đã trở thành tù binh của hồng quân. Đầu năm 1935, hồng quân Trung ương bất thành linh đánh chiếm Tuân Nghĩa tỉnh Quý Châu, đem mấy chục vạn “quân truy quét tiêu diệt” của Quốc dân đảng quăng tới khu vực phía đông và phía nam Ô giang. Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc đã kịp thời tiến hành Hội nghị mở rộng ở Tuân Nghĩa, uốn nắn những sai lầm trên mặt quân sự “tả” khuynh mạo hiểm của vương Minh, một lần nữa khẳng định một loạt hệ thống chiến lược chiến thuật chính xác mà Mao Trạch Đông đã căn cứ vào kinh nghiệm thực tiễn chiến tranh tổng kết ra, xác lập địa vị lãnh đạo của Mao Trạch Đông trong hồng quân và Trung ương Đảng. Sau khi Mao Trạch Đông nắm giữ quyền chỉ huy, đã lợi dụng đầy đủ những mâu thuẫn của kẻ thù, chỉ huy hồng quân khéo léo xen kẽ vào giữa những tập đoàn quân đội của địch, đạo diễn ra kiệt tác “Tứ độ xích thủy”, (4 lần vọt qua sông Xích thủy) nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh này, hầu như đã đặt Tưởng Giới Thạch vào đất chết. Sau khi hồng quân chiếm lĩnh được Tuân Nghĩa, Tưởng Giới Thạch vội vàng điều động tập trung binh đoàn Tiết Nhạc và toàn bộ chủ lực quân Kiềm, quân Điền cùng với một bộ phận quân đội Tứ Xuyên, Hồ Nam, Quảng Tây, tiến áp vào khu vực Tuân Nghĩa, hồng đem toàn bộ hồng quân bao vây tiêu diệt ở khu vực biên giới hai tỉnh Xuyên Kiềm phía Tây bắc Ô giang. Không lâu, Tưởng Giới Thạch còn đích thân tới Quý Dương

chỉ huy, làm như tất sẽ thắng. Vì vậy Mao Trạch Đông đã chỉ huy hồng quân trước sau đã mấy lần vọt qua sông Xích Thủy tại các vùng Bái Viên hầu (nay là Nguyên Hầu), bến Thái Bình, bến đò Nhị Lang, Mao Đài v.v...trung tuần tháng 3 lại kéo vào Xuyên Nam. Tướng Giới Thạch phán đoán hồng quân sẽ lại vọt Trường Giang ở phía bắc, vội vàng ra lệnh cho tất cả quân đội truy kích về phía Xuyên Nam, lại hạ lệnh cho quân đội ở biên giới ba tỉnh Xuyên, Kiềm, Điền gấp rút tu sửa xây dựng các lô cốt âm mưu phong tỏa bao vây tiêu diệt hồng quân. Thế nhưng, Mao Trạch Đông đoán địch như thần, sau khi bọn địch bắt đầu hành động, hồng quân đã dùng một trung đoàn giơng cờ đánh trống dụ địch đi về hướng tây, quân chủ lực đột nhiên lại quẹo về hướng đông bắc. bước tới ngày 21 tháng 3 đã vọt qua sông Xích Thủy đi về phía đông lần lượt qua bến đò Nhị Lang, Cừ Khê Khảm bên Thái Bình. Cánh phải từ tập đoàn quân đội địch cấp tốc tiến về phía nam, phía nam vọt qua Ô Giang tiên phong bức thẳng tới Quý Dương. Lúc này, quân đội Quốc dân đảng đều tuân theo mệnh lệnh của Tướng Giới Thạch xung kích về hướng Xuyên Nam, vùng phụ cận Quý Dương chỉ có 4 trung đoàn của sư đoàn 99. Tướng Giới Thạch đang đốc chiến ở Quý Dương được biết chủ lực của hồng quân đã áp sát Quý Dương, cho rằng hồng quân sắp đánh Quý Dương, vội vàng lòng lộn lên, quát chửi những tên dối quyền không nắm rõ được ý đồ chân thực của hồng quân, đã để chúng đánh lừa. Trong lòng Tướng Giới Thạch hiểu rất rõ, lúc này Quý Dương như thể một ngôi thành trống rỗng, hễ chủ lực của hồng quân tập kích tới Quý Dương thì bốn trung đoàn ở bên thân mình tuyệt đối không thể “bảo giá” được. Có lẽ nào cứ như vậy chịu để cho hồng quân tóm bắt hay sao? Cứ như vậy lại chịu làm “tên tù ở dưới bậc thềm” của Mao Trạch Đông hay sao? Trước mắt hồng quân cách Quý Châu chỉ có mấy chục dặm đường, Tướng Giới Thạch lòng nóng như lửa thiêu, để giữ lấy mạng sống, Tướng Giới Thạch một mặt ra lệnh cho quân đội ở các đường phải hỏa tốc lao tới cứu viện Quý Dương, để cho bộ đội quân phiệt Vân Nam tới trước “Cứu giá”; một mặt ra lệnh cho quân Quốc dân đảng Quý Dương tử thủ sân bay. Các cứ điểm khác có thể để mất, duy có sân bay thì không thể để mất. Đồng thời còn để cho tham mưu hầu cận chuẩn bị kiệu ngựa, tìm người dẫn đường tốt, hễ hồng quân tới đánh Thành luôn luôn chuẩn bị tháo chạy- Sau khi bố trí xong mấy đạo mệnh lệnh, Tướng Giới Thạch vẫn hoang mang lo sợ, vẫn luôn luôn tra hỏi hồng quân có đánh thành hay không? Viện quân của Quốc dân đảng khi nào có thể tới nơi? Quân đội hồng quân kéo tới Quý Dương, vì sao Tướng Giới Thạch gặp phải đại nạn mà không chết? Khi hồi Tưởng lại cuộc Trường chinh, lưu Bá Thừa đã viết: Khi bố trí hành động lần này, Mao Trạch Đông đã từng nói: “Chỉ cần có thể điều động được quân Điền ra thì chính đã là thắng lợi”. Quả nhiên, bọn địch đã hoàn toàn hành động dựa theo sự chỉ huy của Mao Trạch Đông. Tức thì quân đội Trung Quốc đã dùng một quân đoàn bao vây Long Lý ở đông nam Quý Dương, h Trương thanh thế, mê hoặc quân địch. Số chủ lực còn lại xuyên qua con đường tương (Hồ Nam)Kiềm (Quý châu), chen thẳng vào Vân Nam, di ngược hẳn lại quân đội của Điền (Vân nam) tới cứu viện Quý Dương. Nguyên soái Nhiếp Vinh Trăn, trong ghi chép hồi ký cùng viết, hồng quân tiến thẳng nhanh chóng, quân tiên phong áp thẳng tới chân thành Quý Dương, quân đội giữ thành Quý Dương hoảng sợ đã phải đóng chặt bốn cửa, còn quân giải phóng thì từ ngoại ô thành Quý Dương trước tiên hóng về Quý Định, sau đó lại ngoặt trở lại, ngày mùng 9 tháng 4 từ một cửa rất nhỏ ở giữa Quý Dương tới Long Lý, theo hướng đông bắc đi xuống đông nam vòng qua Quý Dương. Lúc đó Tướng Giới Thạch đã ở Quý Dương, từ xa đến nay Tưởng vẫn thô lỗ liều lĩnh, lần này vì giải phóng quân hành động thần tốc, Tưởng không mò được ra ý đồ của giải phóng quân, lại vẫn cứ cho rằng giải phóng quân muốn đánh Quý Dương”. Xem ra, đúng là Tướng Giới Thạch tự mình dọa cho mình hoảng sợ mà thôi!

5. Tướng Giới Thạch chạy trốn về “Tróc Tường Đình”

Về phía Tây bắc dưới chân núi Nam Lệ thành huyện Lâm Đồng tỉnh Thiểm Tây có một nơi thắng địa du chơi rất đẹp, đó là Hoa Thanh Trì. Nước ở trong Hồ Hoa Thanh nóng tới 43oC, trong nước bao hàm nhiều thành phần hóa học, thích hợp cho việc tắm gội điều dưỡng chữa bệnh. tương truyền Tàn Thủy Hoàng đã làm cho nữ thần nổi giận ở Lệ Sơn, sau khi bị nữ thần nhổ vào mặt, lập tức mọc thành mụn. Tàn Thủy Hoàng cầu xin tha, nữ thần dùng nước suối nóng rửa cho Tàn Thủy Hoàng khỏi, có thể nhìn thấy “Thần” của nữ thần. Đường Huyền Tông đời Đường mỗi năm đều phải đem Dương Quý Phi tới Hoa Thanh Trì sống qua mùa đông. Trong bài “Trường Hận Ca” nhà thơ nổi tiếng Bạch cư Dị cũng viết: “Xuân hàn tứ dục Hoa Thanh Trì, Ôn tuyền thủy hoạt tẩy ngng chi” (Đông về tắm suối Hoa Thanh, nước ấm da mịn long lanh mỡ màng). Năm 1936, sau khi Tướng Giới Thạch cũng tới Hoa Thanh trì đã cho xây dựng một ngôi đình ở trên núi phía sau cách Hoa Thanh trì không xa lắm. Khi đó những tên Quốc dân đảng gọi ngôi đình này là “Đình dân tộc phục Hưng”, xung quanh ngôi đình còn khắc rất nhiều văn tự ca tụng Tưởng

Giới Thạch. Sau khi giải phóng, ngôi đình này được đổi tên là “Tróc Tường đình”(Ngôi đình đã bắt Tường Giới Thạch). Tại sao lại gọi nó là “Tróc Tường Đình”? Nói ra thì còn có một đoạn kinh lịch chạy nạn hôn bay phách lạc của Tường Giới Thạch nữa. Vốn là, việc ráp mu tiêu diệt kẻ khác phe cánh. Làm quân phiệt Quốc dân đảng của Tường Giới Thạch thì ai ai cũng đều biết cả. Quân đội đích hệ của Tường Giới Thạch với quân Đông Bắc do Trương Học Lương cầm đầu và quân đội Tây Bắc do Dương Hổ Thành cầm đầu có mâu thuẫn rất sâu sắc. Sau khi quân Đông Bắc và quân Tây Bắc nhận lệnh tới Thiểm Tây “Tiểu Cộng”, đã nhiều lần bị hồng quân công nông Trung Quốc do Mao Trạch Đông lãnh đạo đánh bại. Trương Học Lương và Dương Hổ Thành dần dần nhận thức được “Tiểu Cộng” chẳng có tiền đồ, “Tiểu Cộng” chỉ có thể làm tổn thất lực lượng của mình, khiến cho Tường Giới Thạch ngồi không vớ bờ. Với ảnh hưởng của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Hồng quân công nông, để xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật, quân đội Đông Bắc, quân đội đường 17 và Hồng quân đã thực hiện sự liên hiệp trên cơ sở chống Nhật vào tháng 10 năm 1936, đã khiến cho phong trào kháng Nhật cứu vong ở khu vực Tây bắc, đặc biệt là khu vực Tây An đã không ngừng phát triển. Đối với tình thế này, Tường Giới Thạch cảm thấy vô cùng lo lắng. Sau khi Tường xử lý xong sự biến Lũng Quảng liên vội vàng bay tới Tây An, cũng bức Trương Học Lương và Dương Hổ Thành chỉ huy quân đội tiếp tục “Tiểu Cộng”. Tường Giới Thạch còn triệu tập gặp gỡ các sĩ quan quân đội từ cấp sư đoàn trở lên của quân đội Đông Bắc và quân đội đường 17, khẩu khí nghiêm khắc, nói:- Kẻ thù trước mắt chúng ta là Cộng sản Đảng. người Nhật Bản cách chúng ta rất xa. Chúng ta đánh trận phải trước gần sau xa... vô luận như thế nào, lúc này chúng ta cần phải tiêu diệt Cộng sản Đảng. Quân đội Đông Bắc và quân đội đường 17 hiện tại chỉ có hai con đường để đi: Một con đường là tới Thiểm Bắc tiểu phi, quân đội Trung ương làm viện quân của các anh. Một con đường là điều về Mãn (Phúc kiến) Hoãn (An huy) nghe sự điều khiển của Trung ương, do quân trung ương tiến vào hai tỉnh Thiểm, Cam “tiểu Cộng”. Trương Học Lương và Dương Hổ Thành đã không bằng lòng tác chiến với hồng quân mới, cũng chẳng bằng lòng quân đội của mình rời khỏi tây bắc. Bị Tường Giới Thạch thay đổi biên chế, sau khi hai người bàn bạc, quyết định trước hết sử dụng “khóc lóc can gián”, khóc lóc can gián không thành thì sẽ dùng “binh lính can gián”. Ngày hôm sau, Trương Học Lương tới Hoa Thanh Trì, nơi Tường Giới Thạch ở, kể lể tình thế trước mắt. Trương Học Lương nói: Chỉ có nhất chí kháng Nhật mới là con đường duy nhất làm cho đất nước tồn tại, mới không phụ lòng mong mỏi của nhân dân toàn quốc. Trương còn nức nở khóc lóc kể lể nói toàn thể Tướng sĩ quân đội Đông Bắc có tinh thần chống Nhật rất hăng hái. Quân đội ở mặt trận chuẩn bị tự động tổ chức Viện tuy chống Nhật. Nào ngờ Tường Giới Thạch không những không chút cảm động suy nghĩ còn bưng bưng giận dữ, quát mắng nghiêm khắc Trương Học Lương là ấu trĩ vô tri, còn đập bàn chửi:- Ngươi bây giờ cho dù có cảm sủng giết ta đi thì chính sách của ta cũng không thể thay đổi được! Buổi sáng ngày mùng 9 tháng 12, Tường Giới Thạch còn triệu tập hội nghị “Tiểu Cộng” ở Tây Bắc, chuẩn bị lập tức điều 30 vạn quân đội tiến vào Thiểm Tây, còn Quyết định ngày 12 tháng 12 phát mệnh lệnh bao vây tiêu trừ hồng quân lần thứ 6. Trương Học Lương và Dương Hổ Thành vạn bất đắc dĩ đã phải “dùng binh lính để can gián”. Tiếng súng tróc nã Tường Giới Thạch cuối cùng cũng đã vang lên, tiếng súng này hầu như đã đòi mạng của Tường Giới Thạch. Sáng Sớm ngày 12 tháng 12, sau khi Tường Giới Thạch ngủ dậy, đặt hàm răng giả ở trên tủ đầu giường, mặc bộ quần áo ngủ đứng trước cửa sổ. Trong sắc đêm mờ mịt, bỗng nhiên Tường nhìn thấy bốn chiếc xe ô tô quân dụng chở đầy lính vũ trang đỗ lại tập trung ở cửa ngoài công quán. Sau khi xuống xe bọn lính vội vàng vào tới gõ cửa. Khi bọn lính gác cổng chịu mở cửa, bọn lính này lập tức nổ súng. Nghe thấy tiếng súng, Tường Giới Thạch giật mình kinh sợ cho rằng có binh biến do Đảng Cộng sản súi giục. Thế nhưng tiếng súng bỗng nhiên dồn dập, mấy tên hạ sĩ quan xông vào trong phòng, hấp tấp nói:- Ủy viên trưởng, mau chạy ngay! Mau chạy ngay! - Tường Giới Thạch vừa nghe, vội vàng vứt bỏ chiếc áo ngủ, xông ra cửa sau, khi vọt qua bức tường vây vọt qua bức tường vây vờn hoa, một tên hạ sĩ quan dùng sức đẩy Tường lên, Tường Giới Thạch rơi xuống dưới chân tường bị thương ở sườn sống lưng và xương con khoai ở chân. Để chạy thoát thân, Tường Giới Thạch nhin đau đớn, chẳng kể gì, chạy vọt lên trên đèo núi, hai chân bị gai cào rách thịt mà Tường vẫn không hề hay biết. Trên đồi núi đã nhon lờm chớm, gai mọc um tùm, không có chỗ nào ẩn thân được. Tường Giới Thạch chạy một hồi, bàn chân đau buốt quả thực không thể chạy nổi nữa. Lúc này, một tên tùy viên chạy kịp, cũng Tường Giới Thạch chạy lên núi phía đông nam. Hắn chạy một mạch tới vài dặm đường mới nhìn thấy một tảng đá to mới vội vàng giấu Tường Giới Thạch ở phía sau tảng đá ấy. Sau sự việc này, một số tên trong Quốc dân đảng đã gọi tảng đá này là “Dân tộc phục Hưng thạch”- hòn đá dân tộc phục Hưng. Lúc này trên thân Tường Giới Thạch chỉ mặc một chiếc áo kếp màu xanh, thân dưới chỉ có một chiếc quần đơn màu trắng, trên chân ngay cả một đôi tất cũng chẳng có. Giá rét ma đông ở vùng tây bắc, gió lạnh thấu xương, Tường

Giới Thạch vừa lạnh, vừa kinh lại vừa sợ, thân run cầm cập, co ro cúm rúm. Mắt nhìn thấy những tên lính hầu cận ở bên thân, trong tiếng súng ác liệt, từng đũa từng đũa đã trúng đạn ngã gục, nhìn thấy quân đội đen nghịt ở dưới chân núi Lê, xung quanh hành dinh, tiếng súng máy, tiếng đại bác truy kích, liên tiếp nổ không lúc nào ngừng. Tướng Giới Thạch đã trên năm mươi tuổi không kìm nổi kinh hoàng, tự hỏi:- Ta thực sự sẽ chết trong tiếng súng điên loạn của đám quân làm phản này sao? Trời mờ mờ sáng, tiếng súng ở Hoa Thanh Trì dần dần yên tĩnh. Trương Học lương và Dương Hổ Thành nhận được báo cáo của tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn đặc vụ Tôn Minh Cửu: Thứ trưởng bộ Quân chính Chính phủ Nam Kinh Trần Thành, chủ nhiệm Sở binh định Phúc Châu Tưởng Đình Văn, chủ nhiệm Sở binh định Lan Châu Châu Thiệu lương, chủ nhiệm Sở binh định liên khu Dự Ngạc Hoàn Vệ Lập Hoàng, quân đoàn trưởng quân đoàn 25 Vạn Diệu Hoàng cùng các nhân viên quân chính cao cấp như Trần Kế Thừa, Trần Điều Chi, Tưởng Tác Tân, Tưởng Bách Lý, Trương Xung v.v.. toàn bộ đều bị bắt giữ. Chủ nhiệm ủy ban soạn thảo biên tập Khoa Sử Quốc dân đảng Thiệu Nguyên Xung khi vượt tường chạy trốn bị súng bắn bị thương, sau khi đưa tới bệnh viện không chữa kịp đã bị chết. Duy chỉ có điều là cha bắt được Tướng Giới Thạch, thế nhưng ở chốn trong phòng ngủ Tướng Giới Thạch vẫn còn ấm, bộ răng giả vẫn còn đặt ở trên tủ đầu giường, chiếc chuyên xa ở trong sân cũng chưa lái chạy. Cho dù Tưởng có chạy trốn cũng chưa chạy được bao xa. Trương Học lương vừa nghe đã nổi nóng, liền lớn tiếng hạ lệnh cho tiểu đoàn trưởng họ Tôn nhanh chóng chia quân lùng sục ở trên núi “Đề ủy viên trưởng chạy thoát ta sẽ bắn chết nơi đó!” Tướng Giới Thạch có thể chạy thoát ra khỏi Hoa Thanh Trì được không? Trương Học lương vô cùng sốt ruột. Vì muốn ép Tưởng phải chống Nhật, trước khi xảy ra sự việc, Trương Học lương đã từng bí mật thương lượng hai lần với Dương Hổ Thành tại dinh quan của mình, hơn thế, còn đặt ra 3 điều quy định: 1. Quyết định 6 giờ sáng ngày 12 sẽ đồng thời hành động ở hai nơi là Tây An và Lâm Đồng. 2- Phàm các cuộc nói chuyện của Tướng Giới Thạch với phía Nam Kinh và Tây An đều cần phải tiếp đây tổng đài thông qua dinh quan của Trương Học lương để tiện trình sát hành động của Tướng Giới Thạch. 3- Cử nhân viên tin cậy và đặc lực bắt giữ Tướng Giới Thạch tại Lâm Đồng vào lúc sáng sớm ngày 12. Tối hôm qua Trương học lương còn trình trọng phân công Tôn tiểu đoàn trưởng, tuyệt đối không để cho Tướng Giới Thạch chạy thoát. Bây giờ Tướng Giới Thạch đang ở đâu? Sau khi Tôn tiểu đoàn trưởng vấp phải sự huân thị quở trách nghiêm khắc của Trương Học lương, vội vàng cùng binh lính lên núi lục soát. Lúc này trời đã sáng, địa hình địa vật ở xung quanh nhìn đã rõ ràng. Khi chúng lục soát tới tảng đá to đó, nhìn thấy ở trong hang bên cạnh tảng đá có một người cuộn tròn phủ phục, liền dùng súng lục chĩa vào thét lớn:- Ai đó? Có phải là ủy viên trưởng không? Hãy mau ra ngay, nếu không ra sẽ nổ súng lập tức! Tướng Giới Thạch vừa nghe, vội vàng nói:- Tôi là ủy viên trưởng đây, các ông không được nổ súng, không được nổ súng! - Nói xong liền run run rẩy rẩy bò ra khỏi hang. Khi Tưởng duỗi thẳng lưng, nhìn thấy họng súng của các binh sĩ chĩa thẳng vào mình, liền cup mắt xuống, nói:- Các anh cứ bắn chết ta đi! - Nói xong, mặt tái xanh tái xám trắng bệch như tờ giấy. Tôn tiểu đoàn trưởng đưa mắt nhìn Tướng Giới Thạch toàn thân đầy bụi đất, nói:- Chúng tôi không bắn chết ông, chỉ bắt ông phải chống Nhật! - Mời ủy viên trưởng hãy mau xuống núi, Trương phó tư lệnh đang đợi ngài! Tướng Giới Thạch vừa nghe, bỗng nhiên ngồi xuống đất, bực tức nói:- Lng ta đau lắm không thể đi được. Hãy nói với phó tư lệnh của các anh tới gặp ta! Lng của Tướng Giới Thạch quả thực là đau, khi vượt tường chạy trốn bị ngã lng đau buốt. Thế nhưng lúc này cho dù lng chẳng đau Tưởng cũng chẳng chịu đi.- Tha ủy viên trưởng, ở đây không an toàn. Lng ngài bị đau, chúng tôi sẽ công ngài xuống núi. Tôn Minh Cửu nói xong, tỏ ý cho binh sĩ xung quanh xúm vào khiêng Tưởng lên, du Tưởng, đẩy Tưởng xuống núi, vào tới Hoa Thanh Trì. Chẳng bao lâu, Tướng Giới Thạch lại bị vừa lôi vừa kéo lên trên một chiếc xe ô tô con, lái về phía Tây An. Ngồi trong xe ô tô, bên trái Tưởng là tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn đặc vụ Tôn Minh Cửu, bên phải là Lữ đoàn trưởng sư đoàn 105 quân đội Đông Bắc Đường Quân Nghiêu. Theo đà lắc l của chiếc ô tô, Tướng Giới Thạch nói một tiếng có ý thức:- Chật quá! Thế nhưng, bây giờ khác, trước kia khác, Tướng Giới Thạch thân làm ủy viên trưởng lúc này có khác gì tên tù dưới bậc thêm, bản thân Tưởng cũng cảm thấy bây giờ không phải là lúc oán trách được. Trên đường thường xuyên gặp phải quân đội, ô tô lúc chạy lúc dừng. Tướng Giới Thạch lo lắng sinh ra chuyện bất trắc, thò đầu ra ngoài cửa xe ngó nhìn.- Đây là quân đội nào vậy? - Tưởng hỏi- Quân đội Đông Bắc! - Tôn Minh Cửu lạnh nhạt nói một câu - Phó tư lệnh của chúng tôi ủng hộ ủy viên trưởng chống Nhật! - Ta cũng không phải là không chống Nhật! - Tưởng Giới Thạch lại bực tức - Ta là lãnh tụ quốc gia, quốc sách phải do ta quyết định, đánh Cộng sản là quốc sách đâu có sai! - Tưởng Giới Thạch nén cơn bực tức trào dâng trong lồng ngực, rồi dần dần nhắm mắt lại. Khi xe tới cửa thành Tây An, Tướng Giới Thạch nghe thấy tiếng ồn ào huyên náo, nhìn thấy bộ đội ở dưới cửa Thành, không nhịn nổi lại hỏi:- Đây là quân đội nào? - Quân đội đường 17! - Tiểu đoàn trưởng họ Tôn rất muốn chửi cho Tưởng một

trận. Xe ô tô đỗ lại, một hạ sĩ quan tới mời Tưởng Giới Thạch xuống xe. Tưởng Giới Thạch vẫn muốn ổn ngực đứng dậy như trước, bỗng nhiên lng đau buốt nhói vào tận tim, kêu lên một tiếng “Trời ơi!” lại ngồi phịch xuống đệm ngồi. Khi viên hạ sĩ quan công Tưởng Giới Thạch ra khỏi xe ô tô, Tưởng Giới Thạch đang muốn đứng thẳng, lại bỗng nhiên kêu lên một tiếng “Trời ơi!” Tôn tiểu đoàn trưởng vội vàng bước tới dìu Tưởng đi, Tưởng Giới Thạch mới không bị ngã lảo nhào xuống mặt trước quần chúng. Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn đặc vụ của Dương Hồ Thành là Tống Văn Mai với Tôn tiểu đoàn trưởng cùng dìu Tưởng Giới Thạch vào trong phòng ngủ. ở trong phòng ngủ toàn bộ bóng đèn dây điện đều tháo dỡ hết, chỉ sợ Tưởng Giới Thạch nhất thời nghĩ quần tiếp xúc điện tự tử. Sau khi Tưởng Giới Thạch ngồi xuống, đặt chân phải bị thương lên trên đầu gối bên trái, rên rỉ ngán dài. Tống Văn Mai đưa tới một cốc nước sôi để nguội, Tưởng Giới Thạch bình tĩnh lại, hai tay bưng chiếc cốc nhỏ, uống một hơi cạn sạch. Tống Văn Mai lại vội giót đầy một cốc nữa, Tưởng Giới Thạch lại uống cạn. Giót liên tục, uống liên tục, chỉ trong vòng 10 phút, Tưởng Giới Thạch đã uống hơn 10 cốc nước. Lúc bình thường, cha bao giờ Tưởng đã uống nhiều nước như vậy. Sau đó, với sự cố gắng của Trương Học lương, Chu Ân Lai v.v.. Tưởng Giới Thạch bị bức ép phải tiếp nhận yêu cầu đình chỉ nội chiến, đoàn kết chống Nhật. Tưởng Giới Thạch chạy trốn về “Tróc Tưởng đình” tuy đã thoát cơn nguy hiểm, nhưng một khắc một giây Tưởng vẫn không quên chống cộng, chống nhân dân.

6. Tưởng Giới Thạch trên đường thăm ấn Độ trở về

Sau “Sự biến Tây An”, Quốc dân đảng đã triệu tập Hội nghị toàn thể trung ương lần thứ 3 khóa 5, đã xác định chính sách đối với Nhật Bản và sự hợp tác lại từ đầu với Đảng Cộng Sản, phát biểu tuyên ngôn Quốc Cộng hòa bình thống nhất. Ngày 31 tháng 7 năm 1937 Tưởng Giới Thạch phát biểu “Th gửi toàn thể các chiến sĩ kháng chiến” đã nói: “Sự nhẫn nại mấy năm nay, chửi không chửi lại, đánh không đánh lại... Hiện tại, hòa bình đã tuyệt vọng, chỉ có kháng chiến đến cùng.” Trong tháng 8, Tưởng Giới Thạch hoạch định chiến trường Nam Bắc thành 5 chiến khu, còn tự nhận là sĩ quan tư lệnh trưởng chiến khu thứ 3 thượng Hải, đã đặt ra phương châm tác chiến “chủ lực quốc quân tập trung ở Hoa Đông, công kích bọn địch ở thượng Hải, ra sức bảo vệ mảnh đất quan trọng Tùng Hộ (Thượng hải), củng cố thủ đô”. Không lâu, Tưởng Giới Thạch chỉ huy quân đội tiến hành các chiến dịch quyết chiến ở Tùng Hộ, quyết chiến ở Từ Châu với quân đội xâm lược Nhật Bản. Quân đội Quốc dân đảng tuy thương vong nặng nề nhưng quân xâm lược Nhật Bản cũng bị đã kích trầm trọng. Sáng sớm ngày mùng 8 tháng 12 năm 1941, Tưởng Giới Thạch ở biệt thự Hoàng Sơn ngoại ô Trùng Khánh nhận được tin điện báo khẩn cấp chiến tranh Thái Bình Dương đã bùng nổ, Tưởng đã lập tức trở về Trùng Khánh, quyết định tuyên chiến với Đức, Nhật, còn đề suất 3 nguyên tắc thành lập Đồng Minh Thái Bình Dương và Bộ tổng tư lệnh liên quân; yêu cầu Anh, Mỹ, Xô với Trung Quốc cùng tuyên chiến đối với Nhật Bản; sau khi cuộc chiến tranh Thái bình Dương thắng lợi, các nước liên minh không đơn độc giảng hòa với Nhật Bản v.v... Ngày mùng 3 tháng giêng năm 1942, Tưởng Giới Thạch đảm nhiệm chức Thống soái tối cao chiến khu Trung Quốc. Để liên hiệp với ấn Độ cùng tác chiến chống Nhật Bản, ngày mùng 4 tháng 2 Tưởng Giới Thạch đã tới thăm ấn Độ. Chính phủ ấn Độ chịu ảnh hưởng của thủ Tướng nước anh là Sớc Sin , trong cuộc đàm phán với Tưởng Giới Thạch dài tới nửa tháng, mà vẫn chưa đạt được hiệp nghị nhất trí về cuộc tác chiến với Nhật. Vì thế, đối với Sớc Sin, Tưởng Giới Thạch rất không hài lòng. Ngày 21 tháng 2, Tưởng Giới Thạch khó chịu chẳng vui ngồi lên máy bay trở về nước. Khi máy bay bay tới La Rôn Miến Điện, Tưởng Giới Thạch tạm thời quyết định hạ cánh xuống La Rôn thị sát lính Viễn chinh Trung Quốc vào tác chiến ở Miến. Mấy tháng trước, Nhật Bản sau khi xâm chiếm Malaixia và Singapor lại vào xâm lược Miến Điện. Cuộc thị sát của Tưởng Giới Thạch cũng là vì làm tăng thêm quân uy cho quân đội viễn chinh. Khi chiếc máy bay của Tưởng Giới Thạch từ La Rôn cất cánh bay về nước đột nhiên vấp phải sự truy kích của 18 chiếc máy bay chiến đấu của Nhật Bản. Cơ trưởng hoảng sợ toát mồ hôi, một mặt báo cho các nhân viên trên máy bay buộc chặt dù, một mặt vội vã dùng vô tuyến điện liên hệ với mặt đất, thỉnh cầu chi viện khẩn cấp. Vừa nghe nói có hơn 10 chiếc máy bay chiến đấu của quân đội Nhật Bản đuổi tới, các nhân viên trên máy bay vô cùng kinh sợ. Lúc đó năng lực hộ vệ của chiếc máy bay này rất yếu, dễ bị máy bay Nhật bắn trúng thì máy bay tan, người chết, ngay đến xương của xác chết cũng không thể tìm thấy được! Tưởng Giới Thạch cũng buộc xong dù, nhưng Tưởng không muốn nhảy xuống từ độ cao mấy ngàn mét, mà Tưởng đã đem ra một quyển sách lật mở xem. Là nghe theo mệnh trời, hay là... Thế nhưng cuối cùng tai nạn đã không kéo tới, sau một hồi kinh hồn bạt vía, chiếc máy bay của Tưởng Giới Thạch cũng đã hạ cánh an toàn. Tưởng Giới Thạch lại một lần nữa, gặp đại nạn mà thoát chết!

7. Tướng Giới Thạch suýt bị bắt sống ở trên đảo Phục Hưng

Ngày 25 tháng 4 năm 1949, Tướng Giới Thạch mặc áo ngắn cỡi ngựa, ngoài khoác áo dài nén chịu nỗi khổ sở đớn đau, với sự hộ tống của một đoàn gia nhân là Tống Mỹ Linh, Tưởng Kinh Quốc, Tưởng Vĩ Quốc v.v... và một đoàn cựu thần là Tống Tử Văn, Khổng tường Hy, Trần Lập Phu v.v... đã rời ngôi nhà cũ ở Khê Khâu, bước lên chiếc quân hạm mang tên “Thái Khang” ở bến bờ Tạng Sơn, ngày 26 tháng 4 lên Đảo Phục Hưng ở ngoài cửa Ngô Tùng thượng Hải. Tên tổng tư lệnh quân cảnh vệ Kinh Hộ Hàng, tên tâm phúc của Tướng Giới Thạch, thấy lạ lùng vì được ưu ái nhiều, vội vã điều binh khiển Tướng, bố trí sắp xếp công tác bảo vệ an toàn cho vị “Tổng thống” đã hạ bệ Tướng Giới Thạch này. Một tuần lễ trước, hàng triệu Quân giải phóng đã đột phá hào của trời là Trường Giang, với thế gió thu quét sạch lá vàng, tấn công quân đội tàn d Quốc dân đảng về hóng Giang Nam. Vào ngày Tướng Giới Thạch tới đảo Phục Hưng, chủ lực binh đoàn 9 của Quân giải phóng thông qua Quảng Đức, quân đội binh đoàn 8, binh đoàn 10 đã tiến thành một tuyến Chùa Thiên vương, Nghi Hưng. Ngày hôm sau, Tô Châu bị quân đoàn 29 giải phóng quân chiếm lĩnh; khu vực Vu Hồ, Nam Kinh, Trần Giang cũng nguy trong sớm tối. Tướng Giới Thạch ở trên đảo Phục Hưng suốt ngày lo sợ hoảng hốt, ngồi đứng không yên. Buổi tối hôm đó, Tướng Giới Thạch đang sắp tắt đèn đi ngủ, một tên lính hầu cận vội vàng chạy vào, thần sắc hoảng loạn nói với Tướng Giới Thạch:- “Tha Tổng tài, vừa rồi nhận được mật báo, trung Tướng Trương Quyền đã câu kết với Cộng phi, chuẩn bị bắt giữ quân hạm, phong tỏa đường thủy cửa Ngô Tùng, dẫn cộng quân tới Đảo Phục Hưng, đề...” Tướng Giới Thạch vừa nghe, sắc mặt sấm ngợt như sắc mặt người chết. Tưởng nghĩ: “Mẹ kiếp! Trương Quyền cũng muốn làm trò giàu đồ bìm leo, muốn bắt ta à? Bắt ta đem đến chỗ Cộng sản để báo công! Mẹ kiếp!” Tướng Giới Thạch vừa tức vừa sợ, vội vã đập mạnh, chiếc cốc pha lê ở trên bàn rơi xuống đất vỡ tan, Tướng gào thét:- Ngay lập tức báo cho Thang Ân Bá, để Thang lập tức bắt Trương Quyền lại, cả Lý Tích Tá cũng phải bắt ngay, bắn chết tại chỗ! Vốn dĩ, trung Tướng Trương Quyền là một sư trưởng nổi tiếng của thời kỳ Bắc phạt Quốc dân đảng, trong quân đội Quốc dân đảng đóng ở Hộ cũng phải kể là người có thâm niên cao. Với thanh thế lớn mạnh lưng lầy của Giải phóng quân, Trương Quyền chuẩn bị hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng Cộng Sản Trung Quốc, tiến hành vũ trang khởi nghĩa, bắt sống Tướng Giới Thạch. Trương Quyền đã liên lạc được với một tàu quân hạm, chuẩn bị ngầm ở ngoài bến Ngô Tùng, cắt đứt đường chạy trốn của Tướng Giới Thạch. Nào ngờ, viên tư lệnh Tung đội cùng chuẩn bị tiến hành khởi nghĩa với Trương Quyền là Lý Tích Tá lại bố trí làm với một viên trung tá tham mưu trưởng khoa đối quyền là Trương Hiền. Trương Hiền bán thân cầu vinh, ngoài mặt tuân theo, bên trong chống lại, đem tin tức chuẩn bị khởi nghĩa của Trương Quyền mật báo cho Tướng Giới Thạch biết. Trương Quyền và Lý Tích Tá chưa kịp tới Đảo Phục Hưng để bắt Tướng Giới Thạch đã bị Thang Ân Bá bắn chết tại cửa phố xá nhộn nhịp đường Nam Kinh thượng Hải. Đêm hôm trước khi giải phóng thượng Hải, tuy Tướng Giới Thạch chưa bị bắt sống, nhưng lại càng nghi thần ngờ quỷ, mỗi giờ mỗi phút đều như ngồi trên cửa núi phun lửa vậy. Tướng luôn luôn cảm thấy có người muốn tới giết mình. Ngày mùng 7 tháng 5, Tướng Giới Thạch không sao chịu đựng nổi, đã vội vàng hấp tấp ngồi lên quân hạm rời khỏi thượng Hải trốn tới Đài Loan.

Phần thứ tám

Bí mật về tính cách

Có người nói: Tính cách chính là vận mệnh. Cũng có người nói: Tính cách của một số người có thể ảnh hưởng tới thời đại. Tướng Giới Thạch suốt đời bị sấm sét đập vùi, hết nổi lại chìm, lần này lọt khác. Thế nhưng ông đã khiến mình trước sau vẫn đứng ở thế không bị thất bại trong cuộc đấu tranh với bọn quân phiệt cũ và mới, cũng đã khiến cho ông thất bại thảm hại trong cuộc đấu tranh với những người cộng sản, đã hoàn thành một nhân sinh: Quạt khởi trong nguy nan, thảm hại trong huy hoàng giã dụa trong tuyệt cảnh. Vậy Tướng Giới Thạch đã có những tính cách như thế nào?

1. “Thụ nguyên vô lại “ buông thả phóng túng

Lật mở lịch sử mấy ngàn năm của Trung Quốc, loài người không khó phát hiện: Đại phạm là tuổi thơ của các bậc đế vương và một số nhân vật nổi tiếng, thường có một số sáng suốt sâu sa và hành động tốt đẹp, làm cho người đời tán Dương ca ngợi. như Khang Hy đế 14 tuổi giết quyền thần Ngao Bái, Khổng Dung 7 tuổi nhòng lê v.v... Những truyền thuyết này hoặc thật hoặc giả, nửa thật nửa giả, cùng chung một lò soạn sử và dựng thần, duy trì và bảo hộ thần thánh chí tôn, khiến cho các bậc vương giả vĩnh viễn đứng trên vành sáng lóa mắt chí tôn chí thánh. Thế nhưng khi chúng ta xem lướt qua thực sử thời thơ ấu của Tể Tướng Giới Thạch đã phát hiện thấy con người này trong năm ba bốn chục của những năm 30-40 thế kỷ này cũng có thể gọi là con người xng vua xng chúa nhưng lại là một kẻ sống buông thả “vô lại”. Mặc dù chính sử của Quốc dân đảng khi ghi chép thời thơ ấu của Tể Tướng Giới Thạch rất thận trọng, thế nhưng những người dân Khê Khẩu Phụng Hóa lại ngấm ngấm vụng trộm nói: “Thằng bé này vừa sinh ra đã là cái phôi sinh ra hết chuyện nọ đến chuyện kia”[35]. Tể Tướng Giới Thạch thời thơ ấu, tên tục là Thụy Nguyên. Mức độ bóng bĩnh và bản tính buông thả, những đứa trẻ bình thường không thể nào sánh kịp. Ngày 30 tết âm lịch năm 1891, là năm âm lịch thứ tư sau khi Tể Tướng Giới Thạch ra đời. Tết Xuân là mở đầu của một năm, nó tượng trưng cho sự phục hồi của vạn vật, vạn tượng đều đổi mới, đó là ngày tết truyền thống gia đình đoàn tụ, cầu chúc nhau được hạnh phúc như ý của dân gian Trung Quốc. Trong ngày hôm đó, Cửa hiệu muối Ngọc Thái của họ Tể Tướng giăng đèn kết hoa, vô cùng tưng bừng phấn khởi. ở trong một quốc gia có nền văn hoa chú trọng đến việc ăn uống này, bữa cơm đêm tất niên luôn luôn là cao trào của ngày tết. Gia đình họ Tể Tướng cũng không lệ ngoại. Lúc này, ở trong nhà khách phía sau hiệu muối Ngọc Thái, tam đại đồng đường nhà Tể Tướng Ngọc Biểu ngồi xúm quanh bàn ăn, cùng thưởng thức những món ăn quý hiếm của ngày tết. Có lẽ là không khí chúc mừng vui vẻ, cảnh vật xen kẽ nhau đã kích động Thụy Nguyên cậu bé hơn ba tuổi không hiểu biết gì. Trong lúc vui đùa, cậu đột nhiên phát sinh ra ý nghĩ kỳ quặc, muốn thử xem cuống họng của mình có độ sâu bao nhiêu. Kết quả, một chiếc đũa đã cắm sâu vào thẳng cuống họng theo đường thực quản... trong phút chốc, một trận đau đơn kịch liệt rách tim vỡ phổi. Tể Tướng Thụy Nguyên mắt trắng dã, mồ hôi toát ra, làm cho tất cả mọi người già trẻ trong nhà đều ngơ ngác nhìn nhau. Bà mẹ vương Thái Ngọc của Tể Tướng hầu như đã hôn mê ngất đi. Đêm hôm đó, ông nội của Tể Tướng là Tể Tướng Ngọc Biểu suốt đêm mất ngủ, chỉ hoảng sợ đưa cháu biến thành câm. Ông thỉnh thoảng lại hỏi cô con dâu của mình qua cửa sổ cánh phòng:- Thụy Nguyên đã đỡ được cha? Sáng sớm, khi Thụy Nguyên tỉnh lại, nghe tiếng hỏi của ông, liền từ trên giường vọt dậy vui vẻ trả lời:- Ông ơi, cháu đã khỏi rồi, không còn đau một tý nào nữa. Lúc này mới khiến cho cả nhà biến lo buồn thành vui vẻ. Năm Thụy Nguyên lên 5 tuổi, gặp dịp Trung thu, mọi người trong gia đình đều ngồi ngắm trăng ở ngoài sân. Còn Tể Tướng luôn luôn có những hành động kỳ di, liền bỏ ánh trăng sáng ở trên trời không nhìn mà lại phát hiện ở trong vại nước đặt chỗ cuối sân có một vầng trăng sáng rực rỡ lung linh. Tức thì tể tướng chèo lên trên miệng vại thò bàn tay vào bên trong để vớt. Tể Tướng vốn nghĩ rằng thò tay vào là có thể vớt được vầng trăng trong nước, nào ngờ đầu nặng đít nhẹ, Tể Tướng đã ngã lộn ngọc đầu sục vào trong vại nước. Nếu người nhà không nhanh tay thì tính mạng của đứa bé nghịch ngợm này đã toi đời rồi. Đối với Tể Tướng Thụy Nguyên mà nói sự nguy hiểm trong nước, đây đã không phải là lần đầu bữa hiệu muối Ngọc Thái gần phố, mà dãy phố dài duy nhất ở trên thị trấn này chính là đã vương dài ra tới tận suối Viêm. Nước suối ở đây trong vắt, đã nhọn lởm chởm, chẳng còn nghi ngờ gì nó đã có sức hấp dẫn cực kỳ to lớn đối với Tể Tướng Thụy Nguyên. Hầu như mỗi ngày Tể Tướng đều ra bờ suối nô đùa. Có mấy lần sau những trận ma rào, nước suối dâng cao, dòng nước chảy siết xuyết nữa đã cuốn trôi Thụy Nguyên đi. Kỳ thực, “kiệt tác” mà Tể Tướng Thụy Nguyên đặc ý nhất chính là trò chơi dân một đoàn trẻ con đi đánh trận. Trong loại hoạt động này, Tể Tướng tự mệnh danh là “Đại Tướng”, đứng đầu bọn trẻ, tay cầm “Trường mâu” do mình tự chế, dới ánh trăng sáng, dẫn “đội ngũ” của mình đi “chinh chiến” ở khắp nơi, thường thường là đầu vỡ máu chảy. Do vì tính tình ngang ngạnh, quật cường bất khuất, cho nên mọi sự Tể Tướng đều đi trước người một bước, nếu không như vậy thì thà chết không làm, những đứa trẻ ở trong phố đều không dám đụng vào Tể Tướng, cho nên Tể Tướng đã được một biệt hiệu là “Thụy Nguyên vô lại”. Một lần, ở bên ngoài Tể Tướng chuốc họa vào thân, bị mẹ đánh đòn nghiêm khắc, trong lúc tình thế nguy khốn không có chỗ thoát thân, liền phải rúc đầu chui vào trong gầm giường. Vừa hay, lúc đó có người đến tìm mẹ, Tể Tướng Thụy Nguyên thừa cơ lúc mở cửa, liền chạy vọt ra khỏi cửa. Bà mẹ vương Thái Ngọc bức tức quá, không biết làm thế nào bà đã phải gào thét khóc lóc âm ỹ. Năm lên 6 tuổi, bố mẹ và ông bà Thụy Nguyên rất sợ đứa trẻ này ngang ngạnh thành nét thì sẽ khó cứu chữa, họ liền quyết định mời thầy chạy tử mặc dù Tể Tướng cha đến tuổi đi học. Họ đã mời một lão tú tài lên gọi là Nhiệm Giới My tới dạy Tể Tướng. Cuộc sống trong trường, tuy cũng có điều bó buộc Tể Tướng Thụy Nguyên, thế nhưng cũng không thể trừ bỏ hết được thói quen

ngang ngang liễu lĩnh và buông thả của Tường được. Tệ hại hơn là Tường vẫn bản chẳng coi thầy giáo ra gì. Một lần, Tường xúc phạm hiệu quy, thầy giáo dơ thước lên chuẩn bị đánh vào mu bàn tay. Nào ngờ thước cha đụng đến tay, Tường đã tự động ngã lăn xuống đất, vừa khóc vừa rầy rụa, làm cho thầy giáo phải bó tay. ở Phụng Hóa có một tập tục, vào ngày mùng một tết hàng năm, mọi người trong họ đều phải đến miếu thờ thắp vái tổ tông. Sau khi vái lạy mỗi người được phân mấy miếng bánh hoặc kẹo vừng. Dòng họ Tường ở Khê Khẩu cũng có tục lệ như vậy. Một lần, sau khi Tường Thụy Nguyên thắp vái tổ tiên xong, nhìn thấy mọi người đều sắp hàng theo thứ tự, liền nghĩ ngay ra một kế Tường ngã lăn xuống đất, toàn thân dính đầy bùn đất, sau đó bò dậy chui rúc lên lỏi vào trong đoàn người. Mọi người trong họ nhìn thấy Tường Thụy Nguyên giống tựa con khỉ bùn đang khệnh khệnh bước tới trước mặt, đều vội vàng né tránh hết chỉ sợ dính phải vận rủi. Tức thì Tường đường hoàng bước tới lĩnh bánh kẹo vừng. Từ đó về sau, số người biết tên “Thụy Nguyên vô lại” ngày càng nhiều. Đàn bà trẻ con ở Khê Khẩu ai ai cũng đều biết được cái tên này. Năm 14 tuổi, bà mẹ vương Thái Ngọc đã đích thân tìm chọn cho Tường Thụy Nguyên một nhà làm thông gia, lấy nàng Mao Phúc Mai 19 tuổi về làm vợ cho Tường. Bà mong muốn thông qua việc hôn nhân có thể khoát được một cái rọ lên đầu con ngựa rừng nhỏ bé ương ngạnh bóng này. Ngày tổ chức lễ cưới, trống nhạc vang trời, pháo nổ liên tiếp. Chiếc kiệu hoa có cô dâu ngồi bên trong dừng lại ở trước cửa miếu thờ, mọi người diu cô dâu ăn mặc chỉnh tề lộng lẫy từng bước từng bước đi vào trong phòng hỉ. Thế nhưng chú rể Tường Thụy Nguyên lại tỏ ra đầy bụng bức tức. Trước hết những đứa bạn của Tường kia không chịu chơi với Tường nữa, chúng nói rằng chú rể đã thành người lớn rồi, muốn có vợ thì không có bạn, không đáng mặt làm “tóng quân” nữa. Điều này đã khiến cho Tường Thụy Nguyên rất bức bối. Ngoài ra, trong thời gian này bà mẹ đã quản thúc Tường rất nghiêm ngặt, động một tý là dạy dỗ mắng mỏ, làm cho Tường nghe mà váng đầu nhức óc. Sau khi hôn lễ bắt đầu, lúc đầu Tường còn có thể giữ vững được tinh thần, biểu hiện lịch sự lễ độ. Tiếp theo sau ta những trình tự rườm rà phức tạp, Tường dần dần bắt đầu đã không chịu đựng nổi. Khó khăn lắm mới nghe thấy người phụ trách nghi lễ hét to “Đa cô dâu chú rể nhập động phòng”, Tường Thụy Nguyên tựa hồ như được lệnh tha tội, vội vàng ồm thẳng lng thoáo bỏ ngáychiếc mũ da da hấu dính giải đỏ ở trên đầu xuống, ném “vút” lên trên trời, theo tiếng reo hò chạy như bay vọt ra cửa băng lên phố. Đôi lúc mọi người dẫn cô dâu bước vào động phòng, quay trở lại tìm chú rể tiếp tục làm nghi lễ ngồi trên giường, buông màn, trao cốc cho nhau uống rượu v.v.. thì đã không thấy Tường Thụy Nguyên chạy đi lỏi nào rồi. Bà mẹ Tường nghe nói con trai bỏ đi đâu, lo lắng vô cùng. Giữa lúc đang sắp sửa cử người đi tìm ở bốn phía, bỗng nghe thấy ở cửa ngoài có một trận ồn ào huyên náo, ra ngoài cửa nhìn thì thấy một đoàn trẻ con tóc để chỏm ngang ngang đang tranh nhau ném cuồng pháo. Trong đó, đứa tranh giành được nhiều nhất, đốt nhanh nhất, gào thét to nhất, chính là chú rể tóc bím đuôi sam đen lánh, mặc áo chén áo dài, đeo hoa hồng cát tường như ý. ở vùng Phụng Hóa có câu tục ngữ”Chú rể ném cuồng pháo, vợ chồng khó sống tới già lão”. Mọi nhà đều kiêng kỵ điều này, coi đó là điều dự báo cuộc hôn nhân không tốt lành vương Thái Ngọc vừa nhìn thấy con trai mình không chịu phấn đấu vương lên. bỗng chốc sắc mặt thay đổi, bùng mặt chạy vào trong phòng của mình gào khóc thảm thiết. Mao Phúc Mai vốn dĩ vẫn cho rằng người có học, bao giờ cũng có phần lịch sự nhà nhặn như trong những vở tuồng, nào ngờ người chồng nhỏ bé của mình lại ngang ngang xấu xa tới mức như vậy, lại hiện tợng tới những ngày sau này, đúng thật là ruột sâu trăm mối dòng lệ chứa chan. Từ sau khi Tường Thụy Nguyên kết hôn, những tính cách buông tuồng vô lại, phóng túng bừa bãi này của Tường, cũng thường thường đem lại nỗi buồn bức cho nhà bên ngoại. Phong tục ở nơi đó, sau khi nam nữ thành thân, ngày mùng 2 tết xuân, chú rể mới phải tới dãy nhà vợ lễ tết mừng tuổi bố mẹ vợ. Bố mẹ vợ cũng theo tục lệ địa phương cũng mời con rể ở lại dùng cơm. Đây là thứ lễ tiết mà cả hai bên bố mẹ vợ và con rể đều cần phải rất tôn trọng. Vào lúc sáng Sớm ngày mùng 2 tháng giêng, vương Thái Ngọc và Mao Phúc Mai đã chuẩn bị sẵn sàng những lễ vật đem đi, còn thuê một người gánh đưa Tường Thụy Nguyên tới nhà ông nhạc lễ tết. Phía bên nhà vợ rất vui mừng sung sướng. Ông già Mao Đình Hòa giết vịt mổ gà, nấu canh, rang lạc chuẩn bị một bàn rượu thịt thịnh soạn, còn mời một số nhân vật đứng đầu trong họ tới, chỉ còn chờ con rể đến là mở tiệc ăn mừng. Thế nhưng, một nửa ngày đã trôi qua, vẫn chưa thấy bóng dáng con rể đâu. Theo tốc độ bình thường, từ Khê Khẩu Tới Nham Đầu chỉ có lộ tình ba tiếng đồng hồ. Thế nhưng, mãi tới khi mặt trời đã ngả về tây vẫn chưa nhìn thấy chàng rể đâu. Các vị khách phí công chờ đợi nửa ngày, chẳng còn gì hứng thú, họ xôn xao dự định cáo từ, làm cho Mao Đình Hòa rất ngượng ngùng. Chính trong lúc này, có người tới báo: Chàng rể đã đến từ lâu rồi, hiện tại đang “Tạp giao” ở trong miếu thờ nhà họ Mao!- Cái gì kia? - Quả thực Mao Đình Hòa không dám tin Tường vào đôi tai của mình. Một người đi học đã chín năm, làm sao có thể “Tạp giao” cùng với bọn khốn kiếp hạ lưu bán thuốc nhảm, hoạch tiền được? Trước mặt những người trong họ, Mao Đình Hòa quả thực là khó xử. Lúc này, Tường Thụy

Nguyên quả nhiên đã dẫn mấy tay anh chị trong “hội hoa đăng” đang hát trò diễn tuồng ở trong miếu thờ nhà họ Mao ở Nham Đầu. “Hội hoa đăng” là một loại hoạt động văn hóa mang tính chất tự vui chơi ở trong dân gian vùng đó, do một số thanh niên tự phát tổ chức ra, đi biểu diễn hết thôn này trại khác vào thời kỳ tết Xuân hàng năm để đổi lấy một số đồ vật, tiền, gạo, bánh trái v.v... Dựa theo lý mà nói, bàn về kinh tế và địa vị thì Tường Thụy Nguyên không nên tham gia vào loại hoạt động với hình thức hoạch tiền này. Thế nhưng chàng hậu sinh ngang bóng hào sảng này, chẳng những đã tham gia mà còn dân cả bằng anh chị khôn khéo này tới nhà bố vợ ăn tiệc nữa! Giữa lúc ông già họ Mao đang chuẩn bị đi xem sự thể ra sao, tiếng thanh la ở ngoài cửa đã vang lên, pháo nổ ba lần, đội hoa đăng kéo thẳng tới. Đi đầu là một thiếu niên mười lăm mười sáu tuổi, mặc áo lụa dài màu đen mới tinh, trên vạt áo bunn lấm loang lổ, bím tóc sam ở dưới mũ da sắp sửa rũ tung ra. Mao Đình Hòa nhìn kỹ quả nhiên đúng là Tường Thụy Nguyên, con rể của mình, không kìm nổi lửa giận bốc cao ba trượng, dùng chiếc tàu thuốc cán đồng chỉ thẳng vào Tường Thụy Nguyên mà chửi:- Mày là cái đồ vô lại! Còn dám vác mặt tới cửa làm xấu cả nhà. Môn phong của hai nhà Mao Tường đều do mày làm cho bại hoại hết cả! Tiền thì chẳng kiếm được lại bị ném một trận chửi cay đắng, các tay anh chị trong hội hoa đăng thì cời khi khi rồi lui trốn. Tường Thụy Nguyên đang lúc hào hứng thì vấp phải trận chửi quái ác, sắc mặt từ hồng chuyển sang tím. Sau khi đối chọi với bố vợ một lúc, Tường “hì mũi một tiếng, rồi bỗng nhiên quay ngoặt, khênh khạng bước đi đầu không ngoái trở lại. Lúc này, giữa con rể và bố vợ đã kết thành cục oán hận ở trong lòng. Đối với những tính cách ngang ngạnh phóng đảng theo kiểu này của Tường Thụy Nguyên, trong cuốn sách “Tường Giới Thạch tiên sinh trước năm 15 Dân quốc” của Mao tư Thành cũng lược ghi: “Những trò a thích của tiên sinh, lấy lớp học làm vũ đài, dùng bạn học làm đồ chơi, thái độ ngông cuồng không ai sách kịp. Những điều tóm tắt phái thảo này, chính là biểu hiện ở trong trường của Tường Thụy Nguyên thời niên thiếu. Thế thì, Tường Trung Chính sau khi thành niên lại lược thuật như thế nào về những năm thơ ấu ngang ngược ác liệt của mình? Trong bài “Lược sự về tiên tử vương Thái phu nhân” do Tường tự soạn, Tường nói: “Thời niên thiếu Trung Chính nhiều bệnh tật, thường xảy ra nguy kịch. Tới khi khỏi, lại vui vẻ chơi đùa. Phàm những vết thương về nước lửa đao gậy, vấp phải nguy hại không chỉ có một lần, một lần lại làm tăng thêm vết và khổ sở cho mẹ hiền. Năm lên 6 tuổi thì đi học, ngày càng bóng bĩnh, vậy mà tiên tử vẫn dạy dỗ không biết mệt mỏi, vẫn chịu đựng khổ sở không chút nong chiều”. Rõ ràng, trong bài nói tới “vui vẻ chơi đùa”, “ngày càng bóng bĩnh” chính là trò chơi tinh nghịch mà “Thụy Nguyên vô lại” biểu diễn; còn như “Thờng xảy ra nguy kịch” thì nhất định là bao hàm tình tiết nguy hiểm chọc đùa vào trong cuống họng và trò trống ngọc cũ tở ở trong vại nước rồi! Hiển nhiên là, mọi người đều đã nhìn thấy rõ: buông thả phóng đảng, tự làm theo ý mình, mọi việc đều tranh giành hiếu thắng, để đạt mục đích đã không từ thủ đoạn nào v.v... những biểu hiện này đã tạo thành một trong những đặc trưng điển hình của mô típ hành vi Tường Thụy Nguyên. Do đó đã được biệt hiệu là “vô lại”. Phải nên nói rằng, loại tính cách điều toa, hiếu thắng, không chọn thủ đoạn của Tường Thụy Nguyên là nguyên nhân cơ bản di truyền của việc noi theo gong Cha. người cha Tường Triệu Thông của Tường, mọi người gọi là “Con lon vàng cứng đầu”, có ý là rất khó đối phó. Tường Triệu Thông là con người tinh nhanh tài giỏi, thao nói năng, làm việc không bị thu hớ, luôn chiếm thế lợi. Những điểm tinh nhanh tài giỏi” này của Tường Triệu Thông đều đã truyền cả cho con trai, công thêm sự sùng ái của hai người ông và cha lại càng bồi dưỡng cho tính cách phóng túng buông thả bừa bãi của Tường Thụy Nguyên, đúng là màu xanh lấy từ màu lam, nhưng lại đậm hơn màu lam. Những tính cách đặc trưng mà Tường Thụy Nguyên đã noi theo cha và mở rộng hơn cha, trong công cuộc tung hoành ngang dọc mà bản thân Tường đứng trên vũ đài chính trị của Trung Quốc đã thực sự có đất dụng võ!

2. Quạt cường bất khuất, cố chấp và độc đoán chuyên quyền.

Nếu nói tính cách “Vô lại” buông thả phóng túng thời niên thiếu của Tường Thụy Nguyên có khả năng chủ yếu là đến từ người cha, thế thì, tính chất quạt cường bất khuất, cố chấp bướng bỉnh có lẽ chủ yếu là chịu ảnh hưởng của người mẹ. Tường mẫu vương Thái Ngọc là người làng Cát Trúc huyện Thăng Triết Giang. Nhà họ vương vốn cũng là một gia đình giàu có ở vùng đó. Về sau gia cảnh sa sút, đặc biệt là vấp phải người anh chơi bởi cờ bạc thành nết, khiến cho cuộc sống ngày càng khó khăn hoàn toàn dựa vào đôi bàn tay khéo léo làm công việc may vá của vương Thái Ngọc để trợ giúp gia đình. vương thái Ngọc khi còn ở nhà mẹ đã là một tay khiến cho các cô gái trẻ coi đó là một phụ nữ đảm đang tuyệt vời, lại giỏi chữ nghĩa, thông thạo thư thả, biết tụng các quyển kinh như “Kinh Lăng nghiêm” “kinh Kim Cong” v.v... Cũng có thể gọi là một cô gái tài ba sắc xảo nhất trong đám phụ nữ nông thôn thời đó. Thế nhưng, vận

mệnh của cá nhân dẫu có thể so sánh đúng với tài năng của con người được. Đặc biệt là ở trong chế độ phong kiến Trung Quốc đã tuyên truyền “Ngồi đàn bà không có tài chính là có đức” suốt trong hơn hai ngàn năm lịch sử, lấy gà theo gà, lấy chó theo chó là kết cục tất nhiên của những người phụ nữ yếu đuối. vương Thái Ngọc trưởng hết do cha mẹ làm chủ gả về làm vợ Du mỗi nhà họ Tào ở Điền thôn Thế nhưng cha được mấy năm thì chồng chết nàng phải sống cảnh góa bụa. Lúc 23 tuổi, do được người anh họ là vương hiền Đông giới thiệu, vương Thái Ngọc cải giá lấy làm lẽ Tường Triệu Thông, cuộc sống mới tạm gọi là giàu có sung túc. ở trong gia đình họ Tường, vương Thái Ngọc như mai nở hai kỳ, lại khôi phục được tính quật cường bất khuất và tự tin của thời làm con gái ngày trước. Nàng sinh con đẻ cái, cần kiệm xây dựng gia đình thu vén cho gia đình họ Tường ngăn nắp gọn gàng. Thế nhưng, đối với vương Thái Ngọc mà nói, những ngày tốt, đẹp chỉ như làn mây khói bay qua trước mắt, trong nháy mắt đã tan biến. Tháng 7 năm 1895. Tường Triệu Thông bị bệnh qua đời, nàng lại làm bà quả phụ lần thứ hai. Không lâu, người con trai của vợ trước Tường Triệu Thông sinh ra là Tường Giới Khanh đã chia gia tài với mẹ con Thụy Nguyên. vương Thái Ngọc và những đứa trẻ do nàng sinh ra chỉ được phân một căn nhà nhỏ mà mình đang ở. theo sự hồi ức về sau này của Tường Giới Thạch, người mẹ của Tường “đã phải chịu đựng rất nhiều oan khuất, nước mắt ràn rụa nghẹn ngào, chẳng biết thổ lộ cùng ai”. Thậm chí điền sản cũng bị cướp đoạt, còn bị vu cáo ở công đường, chịu đựng biết bao cảnh khổ nhục. Vậy mà “ở trong làng chẳng có công luận, họ hàng thân thích cũng chỉ bàng quan” [36] đã khiến cho mẹ con nhà họ Tường khổ sở hết chỗ nói. Bà họ vương giãy dụa trong khốn cảnh như vậy. Bản thân bà kiên cường thông minh, biết nhiều chữ nghĩa, liền từ trong nghịch cảnh đó tự nhiên đã sinh ra một loại ý chí kiên nghị, tự cường bất khuất, ra sức chấn hưng thanh thế gia đình, lẽ dĩ nhiên cũng đã đem loại ý chí này truyền cho người con cả là Tường Thụy Nguyên. Sau đó, người con thơ ấu lại chết yếu, Thụy Nguyên liền trở thành niềm hy vọng duy nhất của vương thị. Do vậy, bà đã dốc toàn bộ sức lực ra tiến hành giáo dục đối với Thụy Nguyên, thúc đẩy Thụy Nguyên cố gắng học tập khắc khổ tự cường. Mỗi ngày Tường Thụy Nguyên ra ngoài, trở về, người mẹ đều tra xét những thứ mà con trai đem theo. Khi ra ngoài, tất phải hỏi là đi đâu. Khi tan học trở về thì hỏi han tình hình bài vở. Lúc nhà rồi còn bắt Tường quét dọn nhà cửa sân thềm, giúp đỡ việc tằm tang v.v... và làm những việc lao động thể lực mà Tường có thể làm được. Ngoài ra, còn truyền thụ dạy dỗ những lễ tiết như xử sự với người và việc ứng đối ngoài xã hội. Với sự dạy dỗ cẩn kẽ như rót vào tai của mẹ, Tường Thụy Nguyên mông lung mơ hồ nảy nở ra tư Tường phải phấn đấu nỗ lực, trong học tập không ngừng chú ý khắc phục hành vi điên cuồng phóng đảng của mình. Có khi trong giờ học Tường cũng tâm trí rạo rực dở trò quái ác đùa giỡn bạn học. Thế nhưng, hễ cứ bắt đầu chăm chỉ, lại chuyên tâm bền trí, chẳng kể hoàn cảnh rối loạn thế nào, Tường vẫn cứ vui đầu vào đọc tụng hoặc viết chữ, không hề bị ảnh hưởng gì. Đối với những hành vi của mình, Tường còn tìm thấy những căn cứ lý luận. Trong trường tư thực treo tám biển đề “Đăng Thanh ngọc khiết”, Tường Thụy Nguyên đem nó giải thích rằng: Cho dù trong hoàn cảnh rối bời, chỉ cần dốc lòng truy cầu học vấn, thì nhất định có thể làm được. Cách giải thích như thế này tuy đã đi rất xa, những cũng đủ nhìn thấy bộ óc hiếu động của Tường, có những kiến giải độc lập của mình. Trong những trò vui, ngoài việc Tường kiên trì làm “đại Tướng” ra, còn thường nói với các bạn rằng: Ta cầu phải làm đại quan mà không có ai quản được”. Mùa hạ năm 1903, Tường Thụy Nguyên đổi tên là Tường Chí Thanh, tới Phụng Hóa dự thi khóa “Đồng tử thí”. “Đồng tử Thí” là kỳ thi khoa ải sơ cấp nhất được tiến hành đối với các nam thiếu niên vị thành niên của chình phủ nhà Thanh. Những người thi đồ được gọi là “Đồng sinh”, những người đồ đồng sinh mới có thể được tham gia thi tú tài. Thế nhưng Tường Chí Thanh lần đầu tiên ra khỏi lều cỏ lại không thi đỗ. Lần này tới Phụng Hóa, tuy Tường Chí Thanh thi trượt thế nhưng cũng mở rộng được tầm mắt. Sau cuộc chính biến năm Mậu Tuất (năm 1898), tiếng kêu gọi yêu cầu cải cách trong toàn quốc ngày càng lên cao, để duy trì và bảo hộ giai cấp thống trị phản động đã lung lay sắp sụp đổ triều đình nhà Thanh bắt đầu chơi trò mảnh khéo lừa bịp “dự định xây dựng chính sách mới”, thực thi một trong những chính sách mới đó là tuyên bố phế bỏ chế độ khoa cử. Lúc đó đã bắt đầu xây dựng những trường học kiểu mới ở các nơi. ở Thành Phụng Hóa cũng đã có tới ba bốn trường kiểu mới. Tường Chí Thanh đã nhanh nhạy ý thức được: Muốn đuổi kịp trào lưu của thời đại thì cần phải tiếp thụ nền giáo dục kiểu mới. Tức thì Tường đề xuất xin với mẹ cho rời nhà tới học tập ở “Trường Tây”. Lúc đó, nhìn từ tình hình gia đình, mẹ góa con cô, hoàn cảnh kinh tế lại chẳng d dật. Mong mỏi bức thiết của bà mẹ Tường là sau khi học xong trường tư thực thì đảm đương lấy công việc gia đình, ở nhà kinh doanh buôn bán hoặc trông nom quản lý ruộng đất. Thế nhưng, Tường Chí Thanh quyết chí không chịu, nói với vương Thị rằng:- Con lập chí phải làm nên sự nghiệp lớn. Làm thương nhân nếu được hoan nghênh, thì phải nhìn vào sắc mặt của người khác mà làm việc, con quyết không làm cái việc buôn bán đâu! - Trong một số văn chương truyện ký của Tường Giới Thạch lại đem

hành vi Tưởng đòi đi học “Trường Tây” này nói thành “Tinh thần đòi hỏi đổi mới”. Kỳ thực không phải như vậy, điều chủ yếu mà Tưởng Chí Thanh đòi hỏi truy cầu lúc đó là tiền đồ của Cá nhân. Còn điều đã phản ánh trong thực sử này lại nói là tính cách, đó là sự thực! Sau đó, Tưởng Chí Thanh chuyển vào học ở trường Phụng Lộc trong thành huyện Phụng Hóa, bắt đầu tiếp nhận nền giáo dục mới. Lúc đó cái gọi là những trường mới dựng lên, trong quá trình giảng bài ngoài tiếng Anh và Toán học ra đại bộ phận bài học vẫn giảng bài học cũ kinh sử v.v..., điều này đã dẫn đến sự bất mãn của một số học sinh khao khát tri thức khoa học cận đại. Các học sinh sôi nổi đề xuất với nhà trường yêu cầu “Cải lương giáo vụ”. Tưởng Chí Thanh là người dẫn đầu nêu ý kiến cải cách với nhà trường. Những người phụ trách nhà trường liền lấy tội danh “đầu xỏ âm mưu làm loạn”, quyết định đuổi Tưởng Chí Thanh ra khỏi trường hơn thế còn đưa lên quan trừng trị. Các học sinh khác nhìn thấy quan cảnh như vậy vô cùng phẫn nộ, họ tổ chức đứng dậy phản đối, đề xuất kháng nghị với nhà trường. Bản thân Tưởng cũng hăng hái tranh đấu. Về sau phía nhà trường nhìn thay sự việc chẳng lành, liền xóa bỏ quyết định đuổi học. Từ đó các bạn học đã gọi Tưởng Chí Thanh bằng một biệt hiệu là “Tướng quân mặt đỏ”. Thắng lợi của cuộc đấu tranh trong trường học, không nghi ngờ gì đã làm mạnh mẽ thêm tính cách quật cường bất khuất, cố chấp của Tưởng, đồng thời cũng mở rộng thêm tâm thái cố chấp, tự phụ của Tưởng, nuôi dưỡng thành những nhân tố tính cách độc đoán chuyên quyền, thực thi chuyên chế phong kiến trên võ đài chính trị Trung Quốc của Tưởng sau này. Tưởng Giới Thạch thành viên đầu tiên đã thể hiện ra tính cách cố chấp, quật cường bất khuất trên vũ đài chính trị Trung Quốc, đó là vào năm 1916. Lúc đó, Tưởng Giới Thạch thông qua Trần Kỳ Mỹ quen biết được Tôn Trung Sơn, rồi tham gia vào Trung Hoa Cách mạng Đảng. Tháng 6 năm đó, Tôn Trung Sơn cử Tưởng Giới Thạch đi tới Sơn Đông nhận chức tham mưu trưởng quân đội Đông Bắc quân Cách mạng Trung Hoa do cư chính lãnh đạo. Trên cương vị tham mưu trưởng, Tưởng đã tận tâm tận chức, lại cộng thêm những cơ sở quân sự đạt được trong khi lưu học ở Nhật Bản, Tưởng rất muốn làm nên sự nghiệp ở đây. Lúc đó, các loại quân đội ở trong nước Trung Hoa, bao gồm cả quân đội của Đảng Cách mạng tổ chức và xây dựng, còn chưa có chế độ chương trình quy cả hoàn thiện hệ thống. Bởi vì chế độ quân sự cũ của triều Thanh đã tan rã, chế độ quân sự mới lại nhất thời chưa thể xây dựng được, cho nên đã thể hiện ra trạng thái tương đối hỗn loạn. Đối mặt với tình trạng này, Tưởng tham mưu trưởng vừa lên nhậm chức hết sức gặt bỏ mọi nghị luận, mạnh dạn thực thi đổi mới trong đội quân này. Tưởng đã thay đổi phương pháp tập luyện, chỉnh đốn kỷ luật, đặt ra chương trình quy tắc, định ra điều khoản thi hành v.v... Khi tiến hành một loạt hệ thống cải cách này, Tưởng luôn luôn hách dịch chửi người, hiện rõ hết tài năng, dẫn đến sự đố kỵ oán ghét của các đồng僚, mọi người xông xáo viết đơn tố cáo lên Tôn Trung Sơn. Do vì phạm phải sự phẫn nộ của quần chúng, Tưởng Giới Thạch đành phải từ chức rút lui, yên lặng ra đi. Bình tâm mà phân xét, lúc này Tưởng Giới Thạch vẫn là một thanh niên nhiệt huyết, quả thực muốn có một chút tác dụng, để chấn hưng quân đội. Thế nhưng, phương pháp của Tưởng giản đơn, đối với mọi người lại quá kiêu ngạo, không thể được mọi người chấp nhận, kết quả là chỉ có thể ôm mối bực tức mà ra đi. Đối với điều này có bài ký đã viết: “Tính tình quật cường hay bực tức nóng nảy, hơi không vừa lòng là nhảy lên gào thét như sấm nổ. Xử sự thì cố chấp ý mình, không cho người khác được tỏ lộ... cho nên đồng僚 thường tỏ ra ác cảm...”[37]. Trong thời kỳ Tưởng Giới Thạch thực tiễn Cách mạng theo Tôn Trung Sơn, do những nguyên nhân chính kiến không hợp, phải tay là bất cần, việc bỏ rời đội ngũ Cách mạng từng phát sinh nhiều lần. Từ năm 1916 đến năm 1924, trong vòng tám năm. Tưởng đảm nhiệm chức vụ hiệu trưởng Trường quân sự Hoàng Phố, sự việc động một chút là Tưởng từ chức rời bỏ đội ngũ đã đạt tới trên mười lần. như năm 1918, Tưởng ra nhậm chức chủ nhiệm khoa tác chiến bộ tổng tư lệnh quân đội Viện Mân Việt, vào thời điểm mấu chốt quan trọng của cuộc tác chiến, do vì có quan hệ bất hòa với các Tướng lĩnh quân Việt, liền bức tức bỏ đi. Tôn Trung Sơn và các Tướng lĩnh quân Việt như Trần Quýnh Minh v.v.. đã nhiều lần khuyên can, Tưởng đều khẳng khái nhất mực không chịu trở lại nhận chức. Từ đây có thể nhìn thấy tính cách quật cường, bất khuất, cố chấp của Tưởng đã phát triển tới mức độ như thế nào !

Tháng 10 năm 1919, Tôn Trung Sơn từng viết thư phê bình thói hống hách lộng quyền của Tưởng Giới Thạch, nói rằng: “Điều tôi mong muốn chính là vì chủ nghĩa. Tôi luôn luôn nhất quán với chính sách, tức là chủ nghĩa cộng hòa mà tôi phục tùng đã 30 năm nay. Tôi đâu có phải là một ông vua chuyên chế, dùng lời nói chống lại việc làm đặc ý đâu ?... Thói quen nóng nảy và cứng cỏi của huynh quá nặng, cho nên thường bất hòa khó hợp. Thế nhưng với trách nhiệm nặng nề của người đảng viên, cần phải cố gắng hy sinh ý thích cá nhân để cầu lấy sự nghiệp cho Đảng, đâu có phải là vì cá nhân được !”[38].

Trong đoạn văn này, Tôn Trung Sơn đã dạy dỗ Tưởng Giới Thạch không được giống như một ông vua chuyên chế, cần có lời nói giữ được niềm tin, không được quá nóng nảy, phải có lòng khoan dung độ lượng với người; nên vì chủ nghĩa, vì đảng mà hy sinh ý thích cá nhân. Thế nhưng đối với những lời phê bình của Tôn Trung Sơn Tưởng vẫn bỏ ngoài tai, vẫn cứ làm theo ý thích của mình. Sau khi Tôn Trung Sơn qua đời, trong Quốc dân đảng đã không có người chế ngự được Tưởng Giới Thạch. Theo sự tăng tiến của địa vị và sự bành trướng của quyền lực, khí chất quật cường ngang ngạnh và cố chấp trong máu thịt của Tưởng Giới Thạch đã dần dần biến hóa ra ngoài trở thành độc đoán, chuyên quyền, rồi từng bước đi theo hống chuyên chế phong kiến.

Cuối năm 1926, theo đã thắng lợi của chiến tranh bắc phạt, Tưởng Giới Thạch đã giành được đại quyền trên mặt quân sự, đã đủ lông đủ cánh, bắt đầu tạo ra d luận chuyên chế. Ngày mùng 3 tháng 12 trong bài nói chuyện với Đảng bộ Giang Tây, Tưởng nói: “Hiện tại quân cách mạng dưới quyền chỉ huy của tôi, chỉ cần bản thân tôi phục tùng Đảng, còn ngoài ra quyết không được hai lòng”. Điều này chính là nói quân đội là của Tưởng, Tưởng tức là đại biểu của quân đội. Tưởng còn đặc biệt yêu cầu các vị trung ương chỉ huy Tưởng “nhanh chóng gánh chịu trách nhiệm”, “thiết thực chinh đôn Đảng vụ”.[39], quả nhiên, Tưởng Giới Thạch đã từng bước từ Tổng tư lệnh bắc phạt quân leo lên Tổng tài Quốc dân đảng, rồi leo lên Tổng thống “Trung Hoa dân quốc” leo lên đỉnh cao tột cùng của quyền lực.

Ngày 11 tháng 9, tại L Sơn, Tưởng Giới Thạch huấn thị đối với các Tướng quân trong trung đoàn huấn luyện sĩ quan quân đội, nói: “Vô luận quốc gia chuyên chế hay quốc gia dân chủ, cho đến cả quốc gia xã hội chủ nghĩa đều cần phải có một nguyên thủ hoặc lãnh tụ, trong quốc gia đế chế, xng là hoàng đế hay Thiên tử; trong quốc gia dân chủ thì gọi là đại Tổng thống hoặc chủ tịch. Danh nghĩa tuy khác nhau nhưng ông ta chính là một thủ lĩnh đại biểu cho quốc gia đó. Cho nên thiên tử ở trong “Đại Lục” chúng ta có thể giải thích theo nghĩa rộng là nguyên thủ quốc gia”. Tổng thống, nguyên thủ, Chủ tịch v.v.. chính là thiên tử, Hoàng đế. Sự vận dụng xảo diệu “dùng cổ ví kim, dùng tây ví đông” tồn tại trong tâm Tưởng Giới Thạch, trong ngôn từ quả thật đã có lòng ham muốn phảng phất muốn làm hoàng đế. Điều đáng may là Viên Thế Khải từ hơn hai chục năm trước, đã đi trước một bước, đưa làm tám gong chiếc xe trước cho Tưởng mỗi, nếu không, vị “Thụy Nguyên vô lại” cứ khăng khăng làm theo ý mình này, bảo đảm chắc chắn sẽ diễn ra một màn hài kịch theo kiểu mặc áo hoàng bào lên thân.

Tháng 5 năm 1945, Quốc dân đảng triệu tập đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 6. Trong hội nghị, các đảng đồ của Tưởng liên doanh nêu ra “Dự án sửa đổi Công lĩnh của Đảng” yêu cầu đặt chức Tổng tài theo chế độ suốt đời, đã vấp phải sự phản đối của một số nguyên lão. Tức thì Tưởng dùng dùng nổi giận, phát bực trong hội nghị đã nói: “Hai ba trăm vạn quân đội tinh nhuệ của ta, đủ sức mạnh để tiêu diệt quân đội trung cộng. Đồng tiền kho bạc của chúng ta có hàng trăm triệu đô la Mỹ đã chuẩn bị sẵn sàng, vật giá tài chính đâu còn là vấn đề nữa. Điều mà tôi lo lắng chính là cái Đảng này ! Tôi đâu có giống Uông Tinh Vệ! Khi ở Vũ Hán, Uông chỉ muốn làm chủ tịch, còn tôi thì chỉ bằng lòng làm Tổng tài. Nhiệm vụ làm Tổng tài, một là để đánh Nhật Bản, một là để tiêu diệt Trung Cộng ! Sau khi hoàn thành nhiệm vụ như vậy tôi vẫn làm. Tổng tài thì tôi không là người nữa!” Trong hội nghị, Đới Quý Đào lại đề xuất: “Chức Tổng tài trao cho hội nghị thảo luận, mọi người nên thông qua không được bảo lưu!” Tức thì dới bực, mọi người huyên náo, các đại biểu xôn xao chất vấn: “Đã là giao cho hội nghị bàn bạc, sau không được thảo luận?”. Kết quả, với sự uy bức của Tưởng, dự án bàn bạc vẫn là thông qua sự sửa đổi. Khi bế mạc đại hội, Tưởng Giới Thạch chiêu đãi tiệc các đại biểu. Thế nhưng các đại biểu tới dự không đầy một phần ba. Tưởng bực bội vô cùng, nói: “Thanh tra những người không đến, xử trí thích đáng!” Lần đại hội này đã thể hiện một cách sống động mặt mũi chuyên chế độc tài, chống cộng trong con người Tưởng Giới Thạch.

3. Tính bẩm sinh của lái buôn : tích trữ hàng quý.

Mặc dù thời niên thiếu Tưởng Giới Thạch từng phát ra lời thề: Suốt đời tuyệt đối không làm thương nhân. Thế nhưng quan sát cả cuộc đời Tưởng, trong việc làm người và xử sự của ông ta, trái lại, đã luôn luôn bộc lộ ra sự điêu toa của thương nhân. Từ xa tới này, người Trung Quốc tin thờ câu cách ngôn “ Gàn mực thì đen, gàn đèn thì rạng” . Nguyên nhân không phải vì câu nói này xuất ra từ trong miệng thánh hiền, mà ở chỗ nó đã vạch rõ được một quy luật khách quan tư Tưởng, tính cách của con người chịu ảnh

hưởng của hoàn cảnh như vậy. Cho nên khi mọi người nghiên cứu và vạch rõ tính cách thương nhân của Tướng Giới Thạch thì không thể không chú ý tới hoàn cảnh mà Tướng Giới Thạch đã sống trong thời nhi đồng và thiếu niên. Trước hết, mọi người hãy nhìn xem hoàn cảnh địa lý của quê hương đã có ảnh hưởng như thế nào đối với Tướng. Thị trấn Khê Khẩu, tuy ở trong vùng núi xa xôi hẻo lánh cách phía bắc thành huyện Phụng Hóa 15 kilômét, nhưng thực ra không phải là “Đào hoa nguyên” cách tuyệt với đời. Con suối Viêm chảy qua thị trấn, là đường giao thông chủ yếu liên hệ vùng này với thế giới bên ngoài. Dòng suối Viêm có thể chở thuyền gỗ đi lại trên mặt nước. Kỳ nước dâng hàng năm thuyền chở hàng nặng tới ngàn cân cũng có thể qua lại. Từ Khê Khẩu thuận dòng chảy đi xuống hơn tám chục dặm, liền có thể tới Ninh Ba, Danh Phụ Triết Đông. Ninh Ba là cửa cảng được mở ra theo quy định của “Điều Ước Nam Kinh” trong cuộc Nha chiến tranh lần thứ nhất, là một trong năm cửa cảng buôn bán do các đế quốc cận đại giàu mạnh bắt ép Chính phủ nhà Thanh mở ra sớm nhất. Từ Ninh Ba ngồi thuyền gỗ tới thượng Hải, cũng chỉ hành trình mất một, hai ngày. Lúc đó, giao thông đường bộ rất không phát đạt, nông dân ở vùng núi các nơi như Thiên Đài, Tân xương v.v.. ở phía Tây bắc Khê Khẩu muốn tới ven biển đều phải đi qua thị trấn Khê Khẩu chỗ lối ra khúc thứ chín của Suối Viêm. Do đó, Khê Khẩu đã trở thành nơi tập trung phân tán vật tư của quê hương phía bắc Phụng Hóa. Một vị trí địa lý có lợi này của Khê Khẩu đã dẫn tới sự phát đạt về thương nghiệp, mà sự phát đạt về thương nghiệp lại thúc đẩy ý thức chuộng thương. Lúc đó, thị trấn Khê Khẩu nhỏ bé, số hộ chưa đầy một ngàn (Năm 1936 tổ chức đại thọ lần thứ 50 của Tướng, Phong Cảo phòng từng đặt 1000 xuất điểm tâm ở Ninh Ba, theo dự định mỗi hộ trên thị trấn được phát một xuất, kỳ thực số xuất phát ra là 960, có thể nhìn thấy số hộ trên thị trấn khi Tướng còn thơ ấu, tuyệt đối không vượt quá số này). Thế nhưng đã có hơn 100 hiệu buôn, cửa hàng, sự phát đạt về thương nghiệp của Khê Khẩu có thể đã nhìn thấy một vết văn trên lng báo. Phong cách sùng chuộng nghề buôn bán đã sản sinh theo sự Hưng khởi của nghề buôn, đã trực tiếp kích động tư Tướng kinh tế tiểu nông suốt mấy ngàn năm của dân cư vùng đó, khiến cho quan niệm truyền thống đã tan vỡ từng bước, những quy phạm hành vi của nền kinh tế thương phẩm đã sinh sôi nảy nở trong sự thay đổi ngầm ngầm. Tướng Giới Thạch chính là đã sinh ra vào thời kỳ ấy. Thứ nữa, ảnh hưởng của gia đình đối với Tướng Giới Thạch càng trực tiếp hơn. Cha ông đời xa của họ Tướng từ cuối đời Minh tới nay đều lấy nghề nông làm gốc. Đến đời ông nội của Tướng Giới Thạch, bắt đầu thay đổi nghề cũ, lấy việc buôn bán muối để sống. Đến những năm cuối, Tướng Ngọc Biểu dốc hết tiền tích lũy ra, mở cửa hiệu muối Ngọc Thái ở thị trấn Khê Khẩu, lấy việc buôn bán muối nấu rọu làm nghề nghiệp chính kiêm cả việc kinh doanh lợng thực và buôn bán vôi v.v..., gia đình ngày càng giàu có. Đến đời Tướng Triệu Thông, cha của Tướng Giới Thạch do vì kinh doanh phát đạt, việc buôn bán đã đạt tới đỉnh điểm. Vào lúc đó cửa hiệu muối Ngọc Thái với cửa hiệu tạp hóa Thành Vĩnh xương, cửa hiệu tạp hóa Nghiêm Hăng Xuân Nam và cửa hiệu gạo Giang Sinh v.v.. đều là những hiệu buôn lớn đếm được trên đầu ngón tay ở thị trấn Khê Khẩu. Lúc đó, nghề buôn muối rất sang trọng, trong dân gian có bài thơ ca vịnh nghề buôn muối như sau: Đạm hồng sam tử đạm hồng quần Đạm táo nga my đạm điểm thần Chỉ duyên hồn thân đô thị đạm nhân thử giá dữ mãi diêm nhân (áo hồng nhạt, quần hồng màu nhạt, mảy ngài nhạt, môi hồng điểm nhạt. Bởi c Hưng toàn thân đều là màu nhạt, vậy nên chỉ gả cho người bán muối thôi!) Điều này nói lên rằng làm nghề buôn bán muối rất có nhiều tiền, ở đâu cũng có thể lấy được thê được thiếp, thỏa thích vui chơi. Lại nữa, ở thời nhà Thanh, muối do nhà nước độc quyền. Cửa hiệu bán muối cần phải tới quan kiểm muối lĩnh được “thẻ bán muối”. Sau khi được quyền chuyên bán rồi mới có thể kinh doanh. Do đó, cửa hiệu muối Ngọc Thái ở Khê Khẩu chỉ có duy nhất, không có hiệu muối thứ hai. Tướng Giới Thạch sống trong một gia đình giàu có như vậy, cha mẹ dạy bảo cẩn kẽ, tha thiết khuyên răn chỉ mong muốn Tướng kế thừa được tổ nghiệp, cũng là một việc hợp tình hợp lý. Tướng Giới Thạch tuổi trẻ ngang ngạnh, chỉ thích ham chơi, tuy từ nhỏ đã muốn làm “Quan lớn mà không ai có thể quản được”, thế nhưng sự hun đúc rèn luyện của gia đình vẫn không có cách gì chống cự được. Tháng 8 năm 1916, sau khi Tướng Giới Thạch từ chức từ trong quân đông bắc quân cách mạng Trung hoa, qua Bắc Kinh đến thượng Hải. Lần này đến thượng Hải, Tướng chẳng có việc gì để làm, tâm trạng chơ vơ chới vơi, cảnh tợng lạnh giá chất chua. Lúc này, Trần Kỳ Mỹ đã chết, trên chính giới Tướng mất quả núi để nương tựa, trên mặt kinh tế cũng rất kiệt quệ. Do đó cần phải mở ra một con đường khác tìm lấy người che chở. Trong thời kỳ này, Tướng bắt đầu kết giao với Trương Tĩnh Giang, Trần Quả Phu v.v.. rồi cùng bọn họ lao vào tham gia gia dịch đầu cơ ở sở Giao dịch chứng khoán thượng Hải. Việc theo đuổi Kinh doanh mang tính chất đầu cơ trong việc giao dịch chứng khoán ở thượng Hải, rất thuận lợi và đã phát tài to. Chỉ trong thời gian chưa đầy nửa năm, từ trong việc giao dịch chứng khoán, Tướng Giới Thạch đã thu được khoản lợi cực lớn, số mức thu được mõi mấy vạn đồng, nghiêm nhiên trở thành một phú ông mới ở bãi thượng Hải. Trong sóng gió hải hùng của việc mua bán

cổ phiếu, chứng khoán, như thủy triều lúc lên lúc xuống, tình huống vạn biến trong nháy mắt, sở dĩ Tưởng có thể đứng vững mà không bị sa vào thế thất bại, chủ yếu là được sự tương trợ hết sức có lợi của Trương Tĩnh Giang v.v.. Trương Tĩnh Giang là người huyện Ngô Hưng Triết Giang, dòng dõi thương nhân, từng theo đuổi hoạt động thương nghiệp ở Pa ri, về mặt chơi mua bán cổ phiếu, chứng khoán thì Trương là tay sành. Trương không những chỉ rõ bến mê đường tối trên mặt buôn bán, mà còn xuất vốn ra cho Tưởng, khiến Tưởng có thể mạnh tay làm lớn, và đã nhiều lần thu lợi. Ngoài những nhân tố khách quan được sự giúp đỡ của một số người như Trương Tĩnh Giang v.v..ra, “tổ chầy” quê hương thời nhi đồng của Tưởng Giới Thạch cũng đã phát huy được tác dụng, đúng là “ngầm hiệu ý nhiều”. Điều này có thể nói là “nhân tố bên trong” tạo ra sự phát tài cho Tưởng. Năm 1919, Tưởng Giới Thạch đã sớm trở thành lão Tưởng trên thương trường, đã hợp tác với bọn Ngũ Hiệp Khanh v.v... mở ra sở giao dịch hàng hóa chứng khoán thượng Hải. Ngũ Hiệp Khanh làm chủ tịch hội đồng, Trương Tĩnh Giang, Trần Quả Phu, Tưởng Giới Thạch v.v... làm ủy viên hội đồng. Tổng cộng chia làm 10 vạn cổ phần, cầm cho các nhà buôn Nhật Bản 7 vạn cổ phần, cầm cho các nhà buôn người Hoa 3 vạn cổ phần. Đến cuối năm 1920, thu lợi được 2 triệu 70 vạn đồng. Kho tiền của Tưởng Giới Thạch đã bành trướng nhanh chóng như vậy đó. Từ năm 1916 đến năm 1922, trong hoạt động giao dịch chứng khoán thượng Hải suốt sáu năm dài, Tưởng Giới Thạch không những đã thu được lợi ích kinh tế cực kỳ lớn, hơn thế đã quen biết được một loạt các nhân vật thượng tầng trong tập đoàn tài chính Giang Triết và tập đoàn lưu manh. Điều quan trọng hơn là: Tưởng đã nắm chắc được rất nhiều “tuyệt chiêu” mà ít người biết tới trong hoạt động kinh doanh thương nghiệp mang tính chất đầu cơ, thế rồi đem những “tuyệt chiêu” trong thương chiến này đưa sang cấy ghép trên vũ đài đấu tranh chính trị, khiến Tưởng có thể hô gió gọi ma, trở thành một kiêu hùng của thời thế. Thực tiễn buôn bán sáu năm ở thượng Hải đã kiến cho Tưởng Giới Thạch tỉnh ngộ ra được tính chất quan trọng của “tiền vốn”. Hoạt động đầu cơ cổ phiếu, thu lợi tuy nhiều, thế nhưng việc này bắt buộc phải cần đến tiền vốn, nếu không có sự giúp vốn của Trương Tĩnh Giang, cho dù Tưởng có tài ba đến mấy, thì cũng chỉ có thể lãng vãng ở bên ngoài cửa của sở giao dịch mà thôi. Vậy thì, sau khi Tưởng Giới Thạch về tới Quảng Châu, trở lại với mặt trận cách mạng, chàng thanh niên hùng hực đầy dẫy đã tâm này đưa dựa vào “tiền vốn” nào để xây dựng cơ đồ trên vũ đài chính trị? Nhìn tám gong xa kinh nghiệm thành công của Napolêông, Tăng Quốc Phiến, quan sát gần đường lối cướp nước của Viên Thế Khải và bài học nhiều lần làm cách mạng thất bại của Tôn Trung Sơn, Tưởng Giới Thạch hiểu sâu sắc rằng ở Trung Quốc quân phiệt Cắt cứ, anh hùng nhiều như cây rừng, không có quân đội riêng, không có thực lực làm tiền vốn thì đừng hòng bàn tới bất kỳ chuyện gì. Mà muốn xây dựng, thực hiện quân sự của mình, lại không thể đi con đường cũ kéo nhau lên núi, chiếm cứ địa bàn, chiêu binh mãi mã của bọn quân phiệt xa. Phải làm sao đây? Khảo sát đối với Liên Xô đã khiến cho Tưởng Giới Thạch bỗng nhiên sáng tỏ. Đó chính là: lợi dụng sự giúp đỡ của Liên Xô, mượn danh nghĩa của cách mạng và Quốc dân đảng, vứt bỏ quân đội cũ, xây dựng lại từ đầu, lập nên một quân đội kiêu mới chịu sự khống chế tuyệt đối của mình và phục vụ cho mình. Chính là vì nhìn trúng kiểu này, Tưởng Giới Thạch quen kiêu chọn chỗ béo bở, mới chịu tiếp nhận chức vụ hiệu trưởng trường quân sự Hoàng Phố lúc đó binh quyền chẳng có, địa vị cũng chẳng cao này. Những người đã nghiên cứu lịch sử Quốc dân đảng đều am hiểu sâu sắc một điều thường thức cơ bản: Tưởng Giới Thạch đã xây dựng cơ nghiệp từ Hoàng Phố. Sau một số năm, Tưởng Giới Thạch đã làm nên chức Tổng tài Quốc dân đảng và Tổng thống “Trung hoa dân quốc!” Thế nhưng các học sinh Hoàng Phố của Tưởng vẫn xng hô gọi Tưởng là “Hiệu trưởng” điều này không thể không coi là một thành công lớn của Tưởng. Mấy chục năm trở lại đây, Tưởng dựa vào danh nghĩa Quốc dân đảng và Cách Mạng để xây dựng trường quân sự, xây dựng lên thực lực quân sự của mình. Sau đó lại dựa mượn thực lực quân sự để đề cao địa vị chính trị của mình, có thể nói là quân quyền đảng quyền đã hỗ trợ thúc đẩy cùng tiến, cùng đạt thành quả rực rỡ, cuối cùng đã tập hợp Đảng quyền Quân quyền vào cả một thân Tưởng, Tưởng đã trở thành “Lãnh tụ Cách mạng” nắm vững thực lực quân sự. Tức thì, đem so sánh với các thủ lĩnh quân sự nói chung, Tưởng Giới Thạch là một “Tín đồ trung thực” theo Chủ nghĩa Tam dân chấp hành đúng như Tôn Trung Sơn, có vốn chính trị rồi, không thể bị coi là quân phiệt nữa. Rồi đem so sánh với các lãnh tụ đương thời ở trong Quốc dân đảng như Uông Tinh Vệ Hồ Hán Dân v.v... Tưởng lại là Tướng lĩnh nắm thực lực quân sự, chứ không phải là nhà chính trị xuông không có thực lực. Khoản tiền vốn Tưởng Giới Thạch xây dựng cơ đồ trên vũ đài chính trị Trung Quốc thật là lớn lao! Bà con nhân dân thường nói: Vật có hiếm mới quý. Đối với những nhà buôn, định luật này có thể gọi là tích trữ hàng quý. Còn như trong triết học đối nhân xử thế của Tưởng Trung Chính thì hẳn cứ phát hiện ra “hàng quý” của mình liền lập tức nâng cao bảng giá, giá tiền mà ông ta rao bán đã không “trung” mà cũng chẳng “chính”. Ngày 16 tháng 6 năm 1922, Trần Quýnh Minh nổ pháo vào Phủ tổng thống, phát động quân

phiến loạn chống lại Tôn Trung Sơn ở Quảng Châu, Tôn đã rút về chiến hạm “Vĩnh Phong”. Ngày 29 tháng 6, Tưởng Giới Thạch từ Hộ đến Huệ, bước lên tàu “Vĩnh Phong” thay Tôn Trung Sơn chỉ huy tác chiến với quân phiến loạn. Trong 55 ngày đêm gian khổ, Tưởng “ngày đêm hầu hạ bên mình” đã khiến cho Tôn Trung Sơn rất cảm động. Trong lời tựa mà Tôn Trung Sơn viết vào cuốn “Ký sự gặp nạn ở Quảng Châu của Tôn đại Tổng thống” do Tưởng Giới Thạch soạn thảo, cũng từng ca tụng rằng: “Cuộc làm phản của họ Trần, Giới Thạch đã tới Việt, lao vào nguy nan, ngày đêm phục dịch trên chiến hạm, vạch thảo nhiều kế hoạch, càng sống chết với tôi và các Tướng sĩ hải quân”. Dựa theo lý mà nói, trải qua sự từng trải nguy hiểm này, quan hệ giữa Tưởng và Tôn phải càng mật thiết hơn. Thế nhưng, thực tế đã không như vậy, Tưởng Giới Thạch tự cho rằng có công với Tôn Trung Sơn thì phải được sự đền đáp cao hơn mới phải. Khoảng cuối tháng 8, Tưởng Giới Thạch đã viết cho Tôn Trung Sơn một bức th, trong th, ngoài vấn đề Đảng vụ Quốc dân đảng, Tưởng cũng đã đề xuất rất nhiều ý kiến, phê bình. Kỳ thực những người sáng mắt vừa nhìn đã biết ngay, Tưởng tự nhận là thần có công, đã không thỏa mãn với công tác quân sự đơn thuần. Tưởng hy vọng Tôn Trung Sơn có thể đề bạt mình thành người lãnh đạo chủ chốt của Quốc dân đảng để thực thi hoài bão của mình, cho nên trên vấn đề Đảng vụ Tưởng đã nêu rất dài. Tháng 1 năm 1924, Đại hội đại biểu Quốc dân đảng lần thứ nhất đã triệu tập tại Quảng Châu. Trong hội nghị, đề đổi mới Quốc dân đảng, Tôn Trung Sơn đã tuyển chọn ra ẹy ban chấp hành Trung ương 24 người có tham gia hai đảng Quốc Cộng. Trong cơ cấu lãnh đạo Trung ương tuyển chọn mới lần này lại không có vị trí của Tưởng Giới Thạch, Tưởng chỉ đảm nhận chức vụ một ủy viên trong ủy ban quân sự cấp dưới. Đây là một đòn đả kích rất lớn đối với Tưởng, người tự cho mình là công thần, Tưởng “suốt ngày âm ức bất an, như người ngồi trên thảm kim”. Tháng 2, Tưởng lại một lần nữa dùng từ chức để ép giá, đề đơn từ chức tới Tôn Trung Sơn cha được phê chuẩn đã phải tay bỏ đi. Nhìn chung, trong thời kỳ Tưởng Giới Thạch đi theo Tôn Trung Sơn này, hơi một tý là Tưởng từ chức đã có tới hơn mười lần. Trong những lần đó, ngoài một số nguyên nhân khác ra, còn phần lớn đều do tự coi mình là “công thần”, ép buộc Tôn Trung Sơn phải phong cho Tưởng chức quan to lớn hơn. Trên vũ đài quốc tế, đặc trưng tính cách tích trữ hàng quý này của Tưởng Giới Thạch cũng thể hiện rất rõ rệt. Tháng 6 năm 1942, sau cuộc hải chiến ở đảo Trung Đồ, quân Mỹ chuyển sang phản công ở chiến trường Thái Bình Dương. Do vì đại lục Trung Quốc đã kiềm chế mấy triệu quân tinh nhuệ Nhật Bản, những hành động quân sự trên Thái Bình Dương đối với quân Mỹ cũng có ý nghĩa rất trọng đại. Do đó, trong chiến lược của nước Mỹ, địa vị của Trung Quốc đột nhiên được nâng cao. Lúc này Tưởng Giới Thạch lão mưu thâm toán đã nhìn trúng thời cơ liền dùng thủ đoạn ép buộc tổng thống Rudoven nước Mỹ. Tưởng thông qua Stilwell đề xuất với Chính phủ Mỹ ba yêu cầu: 1-Điều 3 sư đoàn quân Mỹ tới Trung Quốc để hiệp trợ tác chiến; 2- Xây dựng tại Trung Quốc một đội hàng không được tổ chức bởi 500 chiếc; 3- Mỗi tháng phải vận chuyển vào Trung Quốc 5000 tấn vật t. Ba điều yêu cầu này không được thỏa mãn, cũng chính là nói nước Mỹ không tích cực viện Hoa, Tưởng Giới Thạch sẽ chuẩn bị giảng hòa đơn phương với Nhật Bản. Kỳ thực, số vật tư này dùng bao nhiêu vào chống Nhật, dùng bao nhiêu vào chống cộng, trong lòng Stilwell đều rõ cả. Bất đắc dĩ nước Mỹ phải cầu đến Tưởng để tác chiến ở chiến trường Thái Bình Dương, đành phải đáp ứng vô điều kiện bằng kê vũ khí quân sự mà Tưởng Giới Thạch nêu ra. Bẩm tính thương nhân này của Tưởng Giới Thạch, không những biểu hiện ra trong cuộc đấu tranh chính trị, mà cũng còn biểu hiện ra trên chiến trường quân sự mà Tưởng đập tắt “nổi loạn” nữa. Trong việc thu thập sự biến chống Tưởng trong nội bộ, Tưởng đã nhiều lần dùng tới Pháp bảo cúng tiền. Tháng 3 năm 1929, Quế Hệ trước tiên gọi điện đánh Tưởng, cuộc chiến tranh Tưởng Quế bùng nổ. Tưởng vận dụng thủ pháp dùng tiền mua chuộc và thủ pháp viễn giao cận công, trước hết dùng phương thức hứa hẹn lừa Phùng Ngọc tường phạt Quế. Lại dùng vàng bạc mua chuộc Tướng lĩnh của Quế Hệ là Lý Minh Dương quay súng chống lại, nhanh chóng đập tan được cuộc tấn công của Quế Hệ. Sau đó, Tưởng lại với danh nghĩa là Phùng Ngọc tường cha tham chiến, không thi hành lời hứa trước, bức Phùng phải đẩy động Can qua với Tưởng. Thế nhưng giữa lúc Phùng Ngọc tường chiếm cứ Tây Bắc chuẩn bị đánh Tưởng, các bộ Tướng của Phùng là Hàn Phúc Cù, Thạch Hữu Tam đã bị đồng tiền của Tưởng mua chuộc, đã đánh điện chống lại Phùng ủng hộ Tưởng. Một thời gian, Tưởng Giới Thạch đã dùng tiền bạc lôi kéo và chia rẽ giữa quân sự với chính trị lưu manh đã thu được toàn thắng. Những ví dụ các trận đánh “kiệt suất” dùng tiền bạc giành chiến thắng giống kiểu này, trong đời sống sinh nhai quân sự của Tưởng Giới Thạch không sao kể hết được. Cho dù Tưởng có bại trận cũng không quên trước hết phải nắm lấy đồng tiền. Năm 1949, đối mặt với thế tấn công mạnh mẽ, trong chiến dịch vượt sông của quân giải phóng, Tưởng Giới Thạch bàng hoàng lo sợ phải chạy trốn về Đài Loan, thứ đầu tiên cướp đoạt đem đi cũng vẫn là tiền bạc. Ngờ ta thường nói: giang sơn dễ đổi, bản tính khó thay. Mặc dù Tưởng Giới Thạch chán ghét kinh doanh buôn bán, thế nhưng trong con người Tưởng điều bộc lộ ra rõ

ràng nhất vẫn là bản chất thương nhân. Tích trữ hàng quý, đầu cơ trục lợi, dùng tiền chế thắng v.v..thật là cặn kẽ thấu đáo, kỹ càng hết mức !

4. Trái tim tự tư với trái tim yêu nước

Một du khách nước ngoài sau khi tham quan hết Cố cung đã tặc lưỡi than rằng : “Hoàng đế nhà Thanh đã có trái tim tự tư hữu quá nặng, một người mà trong cung điện lớn lao có nhiều kiến trúc tinh vi lộng lẫy đến như vậy ! Kỳ thực, vị khách này không biết đó thôi. Đâu chỉ có một Cố cung Bắc Kinh, mà tất cả thiên hạ này cũng đều là tài sản riêng của Hoàng đế cả. “ Kinh thi “ nói : “Đất dưới gầm trời, đâu cũng là đất của vua, khách trên mặt đất, ai cũng là thần của vua cả”. Trong xã hội “Coi thiên hạ là nhà của mình” của chế độ phong kiến mấy ngàn năm, quyền của vua cao hơn hết. “Trẫm tức là Quốc gia”, đó là câu danh ngôn chí lý. Năm 1911, Tôn Trung Sơn đã lãnh đạo cuộc cách mạng Tân Hợi, giương cao ngọn cờ “Thiên hạ là của chung”, xoá bỏ chế độ phong kiến “Coi thiên hạ là nhà của mình” lập nên Dân quốc. Thế nhưng Tôn Trung Sơn làm lãnh tụ cách mạng, còn cha kịp thực hiện lý luận của mình thì đã vĩnh biệt cuộc đời. Sau Tôn Trung Sơn, Tưởng Giới Thạch, người tự xưng là “Tin đồ trung thực” của Tôn Trung Sơn, chiếm giữ địa vị lãnh tụ Quốc dân đảng kéo dài nửa thế kỷ và mấy lần nhậm chức Tổng thống “Trung hoa Dân quốc” đã đưa vào thực tiễn lời hứa “Thiên hạ là của chung” như thế nào ? Năm 1954, Chủ tịch Chính phủ tỉnh Đài Loan của Quốc dân đảng lưu vong ở nước Mỹ là Ngô Quốc Trinh đã thẳng thắn chỉ ra những hành vi cử chỉ của Tưởng Giới Thạch : “Trái tim tự tư tương đối nặng hơn trái tim yêu nước” của ông ta. “Trái tim tự tư” nặng hơn “Trái tim yêu nước”, đây chính là bình giá đúng mức của cấp dưới Tưởng Giới Thạch đối với tính cách chính trị của lãnh tụ mình. Nói thực tình, từ những năm trước mặc dù Tưởng Giới Thạch đã có tư Tưởng tự phần đầu, thế nhưng với sự xung kích của trào lưu tư Tưởng cách mạng dân chủ, ý thức yêu nước của Tưởng vẫn còn tương đối nồng hậu. Tháng 4 năm 1905, với ảnh hưởng của trào lưu tư Tưởng tiến bộ, Tưởng Giới Thạch 18 tuổi đã cắt đi bím tóc, kiên quyết vượt biển Đông sang Nhật bản học tập quân sự. Sau một số năm, khi hỏi Tưởng đoạn lịch sử này, Tưởng nói : “Lúc đó tôi đang học tập ở trường trung học Long Tân huyện nhà, bởi vì hết sức căm phẫn sự hoành hành của bọn thổ hào trong làng, mục kích thấy đất nước của chúng ta chịu sự áp bức của bọn đế quốc. Đặc biệt là lúc đó nhìn thấy Nhật bản là một quốc gia nhược tiểu, có thể phần đầu quật cường, đánh bại đế quốc Nga, đã đem lại cho tôi sự kích thích rất lớn trên mặt tinh thần. Cho nên tôi học ở trường trung học Long Tân cha đầy nửa năm, đã xin mẹ tôi cho phép tôi được sang Nhật học quân sự, để làm trọn nghĩa vụ đối với dân với nước để mau chóng tự cường rửa nhục cho đất nước”[40]. tư Tưởng nước giàu binh mạnh, chấn hưng Trung hoa này của Tưởng đã đại biểu cho tư Tưởng của đông đảo lớp trẻ có ý chí cứu nước quật cường. Cũng chính lần vượt biển Đông sang Nhật bản học này, Tưởng đã thông qua quan hệ của Trần Kỳ Mỹ quen biết với Tôn Trung Sơn, trở thành người sùng bái Tôn Trung Sơn. Với ảnh hưởng của loại tư Tưởng cấp tiến này, Tưởng Giới Thạch trẻ trung hăng hái có lúc đã biểu hiện ra rất sôi nổi. Trong thời gian học tập ở trường bổ túc lục quân Bảo Định, một lần sĩ quan quân y Nhật bản lên lớp dạy môn vệ sinh, đặt một miếng đất bùn lên trên bàn dùng để ví với Trung quốc, nói rằng trên miếng đất bùn này có 400 triệu con vi sinh vật, cũng giống hệt như 400 triệu nhân khẩu của Trung quốc. Tưởng Giới Thạch nghe thấy lời nói này liền hăng hái đứng lên rào cẳng bước tới bục giảng, đem miếng đất bùn đó phân thành 8 miếng, đưa tới trước mặt viên sĩ quan giảng dạy Nhật bản lớn tiếng nói :- Nhật bản có 50 triệu người, phải chăng cũng giống như 50 triệu con vi trùng ăn bám ở trên miếng đất một phần tám tác khối Anh này ? Ngồi sĩ quan giảng dạy Nhật bản căn bản không nghĩ được rằng ở trên lớp lại có thể có học sinh gan góc đến như vậy, nhất thời kinh ngạc, miệng há hốc, mắt tròn xoe, không biết nên đối phó thế nào cho phải. Sau giây lát ngơ ngẩn, người giáo viên trấn tĩnh lại, lên mặt ông thầy, lớn tiếng quở trách Đảng cách mạng của Tưởng. Tưởng liền bức tức trả lời :- Xin hỏi Ngài, ví dụ như vậy có đúng không ? Xin đừng hỏi những chuyện ngoài đề. Ngồi giáo viên Nhật bản chẳng có lời nào để đáp lại, liền lập tức tìm đến người phụ trách nhà trường yêu cầu xử lý Tưởng Giới Thạch thật nghiêm khắc. Hành vi ngang ngược của người giáo viên Nhật bản thực sự rất vô lý, ngay cả đến người lãnh đạo nhà trường cũng phải đồng tình với Tưởng Giới Thạch. Cuối cùng việc này cũng phải lờ đi cho xong chuyện. Năm 1907, Tưởng Giới Thạch lại một lần nữa vượt biển sang Nhật vào trường Trần Vũ học tập quân sự. Sau khi tới Nhật bản, qua giới thiệu của Trần Kỳ Mỹ, Tưởng Giới Thạch tích cực công cường đã gia nhập Đồng minh hội do Tôn Trung Sơn lãnh đạo, sau đó lại gia nhập “Trọng phu đoàn”. Cái gọi là “Trọng phu đoàn” lấy ý ở trong sách “Mạnh Tử” là “Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất, thử chi vị trọng phu”. Đây là một tổ chức thanh niên, lấy việc trừ đuổi giặc Talu, xây dựng dân quốc làm tôn chỉ.

Trong thời kỳ này, cuốn sách mà Tưởng thích đọc nhất là “Quân cách mạng” của Châu Dung. Tưởng đã hấp thụ được tư Tưởng dân tộc chủ nghĩa từ trong đó. Trong “15 năm Dân quốc” của Mao tư Thành, nói Tưởng đã mê đọc “Quân cách mạng”, đọc cả sớm cả tối, lúc ngủ còn ôm nó ở trong lòng không rời tay. Khi nằm mơ, hình như vẫn đang nói chuyện với Châu Dung, còn “Cùng nâng ngọn giáo, giết chết giặc Tanu.” Lúc đó trên bức ảnh Tưởng gửi cho người anh họ là Đan Duy Tắc đã từng viết một bài thơ “Đằng đằng sát khí mãn toàn cầu, lực bất như nhân khảng thả hu ? Quang ngã thần châu hoàn ngã trách, đông lai chí khái tại phong hầu !” (Sát khí đằng đằng khắp năm châu, Lực kém xa người phải bảo nhau. Rạng rỡ non sông tròn phận sự. Trí vương đâu phải tại phong hầu ?) - Dựa vào tinh thần này, sau khi Tưởng Giới Thạch được biết cuộc khởi nghĩa Vũ xương năm Tân Hợi đã nhanh chóng về nước, dẫn đầu một “Đội cảm tử” hơn trăm người tham gia cuộc khởi nghĩa Hàng Châu. Để thể hiện quyết tâm vì việc nghĩa chỉ tiến không lùi này của mình, Tưởng còn viết một bức “th vĩnh biệt” gửi về Khê Khẩu biểu thị cho gia đình biết “Thề hy sinh vì cách mạng” là chí quyết tâm của mình. Thế nhưng, trái tim yêu nước này của Tưởng Giới Thạch không phát huy được mấy lớn lao, theo dòng chảy của thời gian năm tháng, trái tim đó đã biến hoá nhạt nhẽo dần. Trái lại, theo sự bành trướng của dục vọng quyền lực, trái tim tự tư của Tưởng cũng dần dần tăng trưởng lên. Tháng 4 năm 1927, Tưởng Giới Thạch đã phát động cuộc chính biến phản cách mạng ở thượng hải, rồi thành lập “Chính phủ Quốc dân” ở Nam kinh vào tháng 10 năm 1928, dựng lên một cơ ở khác ở trong Quốc dân đảng, rồi lại từng bước, từng bước giành đoạt được quyền lực tối cao. Quyền lực là một thứ làm hỏng con người, đặc biệt là trong một đất nước có truyền thống phong kiến lâu dài như vậy ở Trung quốc thì hèn hạ quyền lực, độc tài và tính chệch bại người khác là ba ngôi của một thể. Vừa nắm được đại quyền, điều trước tiên Tưởng Giới Thạch nghĩ tới là làm thế nào để duy trì và bảo hộ được lợi ích đã có. Để duy trì và bảo vệ nền thống trị độc tài thì đầu tiên cần phải trừ diệt tai hoạ từ bên trong là Đảng cộng sản. Tháng 10 năm 1930, sau khi dẹp yên được phái phản đối trong nội bộ như Phùng Ngọc tường, Diêm Tích Sơn và Lý Tông Nhân v.v... liền phóng tầm mắt chuyển nhập vào các căn cứ địa đỏ, đã bắt đầu cuộc chiến tranh “Tiểu cộng”. Lúc này bọn đế quốc Nhật bản đang như hổ đói rình mò đối với Đông bắc Trung quốc, những dấu tích phát động cuộc xâm nhập với qui mô lớn đã rất rõ ràng. Đối mặt với dã tâm xâm lược của Nhật bản, Trương Học lương vô cùng lo lắng, đã nhiều lần cử người tới Nam kinh gặp gỡ Tưởng Giới Thạch thỉnh thị thời cơ thích hợp. Thế nhưng, Tưởng Giới Thạch đang tập trung lực lượng “Tiểu cộng”, chỉ sợ phát sinh xung đột với quân Nhật, tức thì ngày 16 tháng 8 năm 1931 đã đánh điện mật cho Trương Học lương : “ Vô luận là quân đội Nhật từ nay về sau có gây hấn như thế nào đối với Đông bắc, phía ta cũng không nên chống đối, cố gắng tránh xung đột. người anh em tuyệt đối không được thể hiện sự phẫn nộ nhất thời, mà bỏ mặc không chiều cố tới quốc gia, dân tộc”[41]. Ngày hôm sau, Chính phủ Quốc dân đảng, chấp hành ý kiến của Tưởng lại một lần nữa gửi điện cho Trương Học lương, nói rằng : “ Trung ương coi việc bình định nội loạn là công việc hàng đầu, các đồng chí ở Đông bắc phải thông cảm !” Vậy thì thế nào gọi là lợi ích của “Quốc gia, dân tộc” mà Tưởng Giới Thạch khuyên răn Trương Học lương ? Ngày 22 tháng 8 Tưởng đã biểu lộ rõ mình : “Trung quốc mất bởi chủ nghĩa đế quốc, chúng ta còn có thể làm vong quốc nô, còn có thể thoi thóp, ngắc ngoải, kéo dài hơi thở đã tàn; nếu mất bởi Đảng cộng sản thì có muốn làm nô lệ cũng không làm được”.[42] Đây chính là chính sách “Cóp ngoài tát phải yên trong nước” nổi tiếng của Tưởng. Thực chất là duy trì quyền lực độc tài của Tưởng Giới Thạch. Bởi vì trong con mắt của Tưởng, điều uy hiếp quyền lực lớn nhất đối với Tưởng là Đảng cộng sản, chứ không phải là đế quốc Nhật. Do đó tiêu diệt Đảng cộng sản là điều ràng buộc chặt với “Lợi ích quốc gia, dân tộc”. Lý luận này như cùng một lò sinh ra với luận điệu “Thà tặng người ngoài, chứ không bao giờ cho gia nô” của Từ Hi Thái hậu. Để củng cố quyền lực mà mình đã cướp được, có thể để cho kẻ địch từ bên ngoài đến xâm lăng mà không đếm xỉa tới, cứ dốc toàn lực ra để làm vững chắc nền chuyên chế độc tài. Ngày 28 tháng 1 năm 1932, quân xâm lược Nhật bản đổ bộ lên thượng hải, lộ quân thứ 19 của Quốc dân đảng đã chống lại chỉ thị “Gánh vác trách nhiệm nặng nề là nhân nhượng”, họ đã đứng lên đánh lại quân Nhật, bùng nổ ra cuộc kháng chiến “28-1”. Thượng Hải là một thành phố lớn nhất của Trung quốc, lại là trung tâm công nghiệp và tiền tệ, vấp phải sự xâm nhập của quân Nhật, trong những ngày này, Tưởng Giới Thạch làm chủ tịch “Chính phủ Quốc dân” đã làm gì ? Ngày hôm đó, Tưởng Giới Thạch triệu tập Hội nghị chính trị Trung ương lâm thời, tuyên bố 3 quyết định: Thứ nhất, triệt tiêu chức vụ Bộ trưởng Bộ ngoại giao của Trần Hữu Nhân bởi dám công khai phê bình Tưởng Giới Thạch không có chính sách chống Nhật, để răn dạy kẻ khác chớ hùa theo. Thứ hai, khôi phục việc kiểm tra báo chí, cấm chỉ tất cả những ngôn luận nào phê bình “Chính phủ” và “Lãnh tụ” đăng trên báo chí, kẻ nào vi phạm nghiêm trị không tha. Thứ ba : cải tổ “Chính phủ quốc dân”, Uông Tinh Vệ, phái thân Nhật kế nhiệm Viện trưởng Viện Hành chính, Tổng Tử Văn được bổ nhiệm chức Phó viện trưởng Viện

hành chính kiêm Bộ trưởng Bộ tài chính. Đứng trước quân địch, Tưởng Giới Thạch phụ trách thống lĩnh quân dân toàn quốc giữ đất chông Nhật, lúc này lại đang bận với việc “làm trong sạch nội bộ”, kiểm chế d luận, tín nhiệm sử dụng phái thân Nhật, để mong cầu củng cố lấy ách thống trị Phát xít của mình, tình yêu nước với yêu quyền lực của Tưởng, tình nào nặng, tình nào nhẹ ? Có thể nhìn thấy rõ ! Tục ngữ nói : Đánh hổ thì giao cho anh em, ra trận thì giao cho cha con người lính. Điều đó nói lên rằng, trong những giờ phút gay go nhất, vẫn là thân thiết với người trong nhà. Tưởng Giới Thạch hiểu sâu đạo lý đó, cho dù khi lợi ích của quốc gia phát sinh ra mâu thuẫn cực kỳ lớn với lợi ích gia tộc thì Tưởng chẳng hề do dự gì mà không đem cân cân nặng về gia tộc. Ngày 19 tháng 8 năm 1948, để cứu vãn nền kinh tế tài chính gần như sắp sụp đổ từ ngày phát động nội chiến tới nay, để bình ổn vật giá, với cương vị Tổng thống, Tưởng Giới Thạch đã công bố “Lệnh xử trí tài chính khẩn cấp”, thực hành chế độ tiêu tiền quan kim. Đồng thời với việc cải cách tiền tệ, Tưởng đã cử con trai là Tưởng Kinh Quốc tới thượng Hải nhậm chức đặc phái viên kinh tế, phụ trách việc đánh gian thương, bình ổn vật giá. Đối mặt với giang sơn xã tắc đang gặp cơn nguy biến, đại thái tử Tưởng Kinh Quốc cũng thực sự muốn làm một việc to lớn, chông chọi lại với cơn sóng bạc đầu sắp dội tới để cứu vãn lại vương triều họ Tưởng. Vì vậy Tưởng Kinh Quốc đã xây dựng tổ chức “Đại đội dẹp loạn bình định”, “Tổng đội phục vụ của thanh niên thượng Hải”, nêu ra khẩu hiệu “Chỉ đánh lão hồ, không đánh ruồi nhặng”, trấn giữ ngân hàng trung ương thượng Hải, triển khai phong trào đả kích gian thương, quản chế vật giá rất rầm rộ. Trong vòng thời gian một tháng, Tưởng con liên tục xử lý mấy vụ án lớn, án quan trọng, bắn chết, bắt giữ hàng loạt bọn quan lại và gian thương làm cản làm bận mu lợi riêng, khiến cho tên tuổi nổi lên vang dội, được các nhà báo nước ngoài gọi là “Sa hoàng kinh tế của Trung quốc”. Giữa lúc Tưởng Kinh Quốc đang thuận buồm xuôi gió, đang đánh đuổi truy quét bọn gian thương bất chấp luật pháp, một vụ án tích trữ lớn có can hệ tới Công ty Dương tử đã được khám phá ra. Công ty Dương tử chính là Công ty của con cả Khổng tường Hy là Khổng Lệnh Khản chủ trì, Tổng Mỹ Linh cũng có cổ phần ở trong đó. như vậy Công ty Dương tử này liền trở thành cửa hiệu buôn của nhà vua, danh phù hợp với thực. Sau khi vụ án Công ty Dương tử tích trữ đầu cơ hàng quý được phát giác, đại thái tử Tưởng Kinh Quốc xuất phát từ suy nghĩ cho lợi ích của “Đảng quốc” đã thiết diện vô tư, kiên quyết bắt phải xử lý theo pháp luật. Trong lúc tình thế nguy cấp, đại công tử họ Khổng trình báo lên bà di là Tổng Mỹ Linh. Trong cơn thịnh nộ, đệ nhất phu nhân lại gạt sang Tưởng Giới Thạch. Ngày mùng 2 tháng 10, Tưởng cha triệu gọi Tưởng con, gia tăng áp lực, chỉ thị rõ ràng rằng Tưởng Kinh Quốc không được phép can thiệp vào vụ án này. Với lời lẽ thành khẩn, ý tứ sâu xa, Tưởng Giới Thạch nói với đại thái tử và các tùy viên rằng :- Ai ai cũng đều có người thân thích cả. Những sự việc làm cho người thân thích mất mặt, xin mọi người các anh hãy thử nghĩ mà xem, ai có thể thực sự thiết diện vô tư được ! Ta nghĩ rằng, vụ án này hãy bỏ qua là hơn ! [43]. Trong mâu thuẫn lợi ích giữa “Quốc” và “Gia” đang rung rinh chực nổ, Tưởng Giới Thạch đã ra uy bức đại thái tử tuyển chọn “Gia” mà vứt bỏ “Quốc”. Từ đó việc cải cách chế độ tiền tệ đã triệt để thất bại, vật giá tăng vọt, dân chúng khổ sở điêu linh, những ngày vương triều họ Tưởng còn sống được ở trên đại lục chỉ đếm được ở trên đầu ngón tay. Sau khi chạy trốn tới Đài Loan, theo sự tăng trưởng của tuổi tác và sự ổn định của cục thế, Tưởng Giới Thạch bắt đầu suy nghĩ tới vấn đề người kế tục. Chọn ai đứng ra làm người kế tục mình đây ? Đội ngũ Quốc dân đảng lúc đó tuy đã lung tung lộn xộn, đã thất bại khó gượng dậy nổi, thế nhưng chọn ra mấy người tịhông minh tài cán, được nhiều người tin cậy để kế thừa đại tổng thống cũng không khó lắm. Thế nhưng tâm tư của Tưởng cha, muốn đem phần di sản “Quyền lực Đảng quốc” này để lại cho con trai. Thế nhưng, thời đại đế chế cuối cùng đã trở về quá khứ rồi. Tưởng Giới Thạch tự coi mình là “Tín đồ trung thực” của Tôn Trung Sơn, giả công khai đem quyền lực trao cho con trai Tưởng Kinh Quốc, há chẳng phải là sẽ chuốc lấy sự thoá mạ của bàn dân thiên hạ hay sao ? Tức thì để đem thiên hạ trao cho con trai, Tưởng cha đã thoắt kèkks tí mi khéo léo một con đường kế tục gấp khúc. Trong thời gian 20 năm, từ năm 1950 đến đầu năm 1970, Tưởng Kinh Quốc từ chủ nhiệm chính trị Bộ quốc phòng rồi tới Phó bộ trưởng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng lên thẳng Viện trưởng Viện Hành chính, còn kiêm nhiệm các chức vụ như Phó bí thư trưởng Hội nghị Quốc phòng, Phó bí thư trưởng Hội nghị an toàn quốc gia v.v... Đồng thời với việc liên tục thăng tiến các chức vụ hành chính, các chức vụ trong Đảng cũng được lên nhanh như gió xoáy, được “bầu” vào ủy ban thường vụ Trung ương Quốc dân đảng. Đồng thời với việc dốc toàn sức nâng đỡ con trai hoàn thành việc thăng tiến các chức vụ, Tưởng Giới Thạch bắt đầu dùng những nô bộc trung thành kiên định tuyệt đối với họ Tưởng như Trần Thành, Nghiêm Gia Cán v.v..., hơn thế còn tiến hành đả kích đối với một số nhân vật có khả năng hình thành sự uy hiếp đối với việc kế tục của Tưởng Kinh Quốc như Trần Lạp Phu, Ngô Quốc Trinh, Tôn Lập Nhân v.v... Trải qua hơn hai chục năm khổ tâm xây đắp, Tưởng Giới Thạch đã nhìn thấy xu thế kế tục của con trai đã ổn định, mới yên lòng nhắm mắt xuôi tay trở về với phương Tây.

Buổi tối ngày 5 tháng 4 năm 1975, Tưởng Giới Thạch 88 tuổi đã tạ thế tại dinh “Sĩ Lâm “ ở Đài Bắc. Ngày 28 tháng 4, toàn thể ủy ban Trung ương Quốc dân đảng Đài Loan đã triệu tập hội nghị, sửa đổi Điều lệ Đảng, bầu Tưởng Kinh Quốc làm Chủ tịch Trung ương Đảng kiêm Chủ tịch ủy ban thường vụ Trung ương. Sau 3 năm, ngày 20 tháng 5 năm 1978, Tưởng Kinh Quốc với danh nghĩa Chủ tịch Quốc dân đảng Đài Loan đã trở thành “Tổng thống” của “Trung hoa Dân quốc” Đài Loan. Với bộ áo khoác ngoài “ Cộng hoà” hiện đại, một màn hài kịch giao tiếp quyền lực “Quốc gia” theo quan hệ huyết thống đã hạ, quyền lực đã trao, nhận riêng tư giữa Tưởng Giới Thạch và Tưởng Kinh Quốc như vậy đó ! Nếu tiên Thủ Tướng Tôn Trung Sơn ở trên trời có linh thiêng thì có thể nhìn thấy dấu tích sâu xa “ Coi thiên hạ là của riêng mình”, thế mà Tưởng Giới Thạch vẫn tự khoe là “Tín đồ trung thực” của Ngài, không biết Ngài đã có cảm Tưởng như thế nào?

5. Uy nghiêm cá nhân với tôn nghiêm lãnh tụ

Mặc dù trong cuộc đấu tranh chính trị, Tưởng Giới Thạch hung hãn, độc ác, nhân cách xấu xa, thế nhưng bề ngoài Tưởng là thủ lĩnh của Quốc dân đảng, “Nguyên thủ quốc gia” của “Trung hoa dân quốc” và Tổng tư lệnh quân đội, lại luôn chú ý biểu hiện ra sự tôn nghiêm của “Lãnh tụ”. Muốn đứng trên đầu tất cả mọi người, muốn thao túng tất thảy ở xung quanh, có thể nói, đó là mô hình từ lúc tuổi thơ, Tưởng Giới Thạch đã muốn làm “Lãnh tụ”. Lúc đó “Thụy Nguyên vô lại”, mọi sự mọi việc đều đi trước mọi người. Trong những trò chơi trẻ con, Tưởng đã xng hùng xng bá, còn tuyên bố sau này mình sẽ làm đại quan mà không ai có thể quản được. Tất cả những điều này tuy không có quan hệ trực tiếp tới đời sống chính trị về sau này của Tưởng, thế nhưng đã di chuyển ngấm ngấm chìm đọng trong mô thức hành vi của Tưởng. Về sau các sự kiện là người dẫn đầu chống đối nhà trường ở trường Phụng Lộc Phụng hoá, là người chắt vắn trước mặt giáo viên sĩ quan Nhật bản ở trường quân sự Bảo Định, đã không ngừng hình thành ý thức đứng đầu mọi người trong tất cả các sự việc của Tưởng. Theo sự tăng trưởng của các sự việc đã trải qua và sự hiểu biết rộng rãi, đặc biệt là khi địa vị của bản thân đã hiển hách, những tính cách này của Tưởng đã ngày càng bộc lộ rõ. Trên thực tế, những mô thức hành vi “Lãnh tụ” này trong tính cách của Tưởng Giới Thạch có thể phân tích từ hai phương diện. phương diện thứ nhất là loại mô thức hành vi này thể hiện thành một loại dục vọng muốn “Chinh phục”, chinh phục cấp dưới, đối thủ, kẻ thù, tất cả mọi người. Loại hành vi này có đặc trưng là phát triển tới cực đoan, rồi dẫn tới độc đoán, chuyên quyền. Điều này đã được kể rõ ở trên. Một phương diện khác là loại mô thức hành vi này thể hiện thành một loại dục vọng muốn “Biểu hiện”, tức là thông qua những hành vi có ý thức của mình biểu hiện ra những chỗ siêu nhân của mình với cấp dưới, với binh sĩ, với nhân dân, để đạt tới mục đích làm cho người khác phải “tỏ lòng cung kính”. Đối với đặc trưng của hai phương diện này mà nói, loại trước là một loại chinh phục mang tính chất cưỡng chế theo mô hình bên ngoài kiểu “Bá đạo”. Loại sau là một loại chinh phục mang tính chất cảm hoá theo mô hình bên trong kiểu “Vong đạo”. Đạo của văn võ, lúc căng, lúc trùng, đây chính là thuật thống soái chế ngự của đế vương !Tưởng Giới Thạch hiểu rõ, nếu muốn làm cho thiên hạ vui vẻ chân thành qui phục, không thể chỉ dùng súng, dùng gậy mà được, rất cần phải xác lập quyền uy và tôn nghiêm của “Lãnh tụ” mới có thể khiến cho thiên hạ thần phục. Làm thế nào để có thể xác lập được uy tín và tôn nghiêm của mình? ở Trung Quốc từ xưa tới nay dân chúng tôn sùng nhất là những người không sợ chết. Ai không sợ chết thì người ấy có thể trở thành anh hùng trong tâm mắt mọi người. Lão Tưởng rất hiểu biết tâm lý truyền thống này của dân tộc Trung Hoa. Trong suốt cuộc đời của Tưởng, Tưởng đã từng biểu diễn qua trò chơi “Thị tử như qui” (coi cái chết như đi về nhà mình) vài ba lần. Tháng 10 năm 1925 khi Tưởng Giới Thạch đông chinh gặp nguy hiểm, ông đã từng cao giọng nhắc bản thân mình phải tự sát để thành nhân, đó là một ví dụ, sau được Trần Canh liều chết cứu thoát. Sau việc đó, đối với Trần Canh, Tưởng Giới Thạch biểu lộ đặc biệt cảm tạ, lại đưa lễ vật, lại bổ nhiệm làm tham mưu hậu cần, “cả ân, cả sủng đều có cả”! Kiểu biểu diễn bất đắc dĩ này của Tưởng tỏ ra vô cùng xấu xa thô tục. Năm 1926, Tưởng Giới Thạch ra nhậm chức Tổng tư lệnh quân Bắc phạt, lúc này về mặt biểu hiện mình của Tưởng Giới Thạch đã lão luyện hơn nhiều. Cuối tháng 8, quân đoàn 4, quân đoàn 7 Bắc phạt nhiều lần tiến đánh thành Vũ xương mà chưa hạ được, bộ đội thương vong thảm bại nặng nề. Ngày mùng 3 tháng 9, Tưởng triệu tập hội nghị tác chiến ngay dưới chân thành Vũ xương, ủy nhiệm Lý Tông Nhân chỉ huy việc phá thành, ra nghiêm lệnh cho quân đội trong vòng 48 giờ phải hạ được thành Vũ xương. Các Tướng lĩnh nghe nói, lo sợ, người nọ nhìn người kia, chẳng ai nói một lời. Lúc này đối với phương pháp chỉ huy bất chấp hiện thực vô cùng liều lĩnh của Tưởng Giới Thạch, Lý Tông Nhân uất ức nghẹn lên tới tận cổ. Tưởng thấy rõ, nhưng để bụng, không tỏ thái độ gì. Ngày 5 tháng 9, Lý Tông Nhân tổ chức bộ đội, bắt đầu tấn công

thành một lần nữa. Buổi sáng, cuộc chiến đấu đẫm máu đang quyết liệt thì Tưởng Tổng tư lệnh đột nhiên đi tới và yêu cầu Lý Tông Nhân cùng đi vào chân thành thị sát. Trong lúc sừng như cây rừng, đạn như ma vãi, Lý Tông Nhân nhìn thấy thái độ của Tưởng Giới Thạch ung dung trấn tĩnh, rất có phong độ của chủ soái, bất giác Lý Tông Nhân đã ngấm ngấm bái phục Tưởng. Tháng 2 năm 1942, Tưởng Giới Thạch đã nhậm chức chủ tịch “Chính phủ Quốc dân”, để bàn bạc công việc cùng tác chiến với Nhật, Tưởng đã sang thăm Ấn Độ. Sau khi kết thúc cuộc viếng thăm Ấn Độ, Tưởng Giới Thạch đã bay tới La-rôn Miến Điện, thị sát tình hình tác chiến của quân viễn chinh Trung Quốc tại Miến Điện. Ngày 20 tháng 2, sau khi máy bay cất cánh từ sân bay La-rôn, trên đường trở về Côn Minh, bỗng nhiên gặp phải máy bay quân Nhật, rồi bị máy bay Nhật đuổi theo sau đuôi. Lúc đó tình hình ở trên máy bay của Tưởng vô cùng căng thẳng, các nhân viên tùy tùng sau khi buộc chặt những chiếc dù cấp cứu, ai nấy đều rất hoảng sợ. Duy chỉ có Tưởng là điềm nhiên trầm tĩnh, sau khi buộc chặt dù rồi, một mình Tưởng mở sách ra đọc, coi như chẳng có sự gì xảy ra, đúng là đáng về “gặp nguy biến không kinh sợ”. Sau khi máy bay thoát khỏi nguy hiểm, mọi người đều ca tụng “Tưởng Chủ tịch” lâm nguy không sợ, trấn tĩnh như thường. Sau khi trải qua mấy lần nguy hiểm đều thoát khỏi, nghệ thuật biểu diễn và năng lực khống chế tình cảm trong hoàn cảnh nguy hiểm theo kiểu này của Tưởng Giới Thạch đã có được bước tiến dài. Trong một đời của con người, ngoài việc vấp phải tử vong uy hiếp ra, còn có thể gặp phải một số sự việc ngớ ngẩn rất xấu hổ mất mặt, các nhân vật lớn cũng không lệ ngoại. Tháng 8 năm 1926, quân Bắc phạt chiếm lĩnh Hồ Nam. Ngày 14 tháng 8 Tưởng Giới Thạch giữ chức Tổng tư lệnh quân Bắc phạt quyết định kiểm duyệt quân đoàn 7, quân đoàn 8 tác chiến dũng mãnh, để tỏ ra sự quan tâm chăm sóc và tỏ ra sự uy nghi trang trọng. Địa điểm duyệt binh đặt tại sân trường lớn ngoài cửa Đông Trường sa, số quân đội tham gia duyệt binh có tới trên hai vạn người. Ngày hôm đó, tiết trời trong sáng, ánh nắng chiếu dọi nơi nơi, trên sân duyệt binh, cờ xí tung bay phấp phật, càng tỏ ra quân dung hùng tráng. Đúng 9 giờ sáng, Tưởng Giới Thạch cỡi một con ngựa màu đỏ tảo, chậm chậm tiến vào vị trí chủ soái, nghe các đơn vị báo cáo số người tham gia duyệt binh. tư thế của Tưởng trông thật anh hùng lẫm liệt, vô cùng uy nghi.. Sau khi sĩ quan chỉ huy duyệt binh báo cáo xong, với hơn 10 Tướng lĩnh cỡi trên chiến mã hộ vệ, Tưởng Giới Thạch đi từ phải sang trái, kim công đi chậm chậm, bắt đầu duyệt binh. Trước hết kiểm duyệt quân đoàn 7, mọi thứ bình thường, thông qua thuận lợi. Khi đoàn Tướng lĩnh kiểm duyệt quân đoàn 8, quân đoàn này đã nghĩ ra cái khác hẳn, bỗng nhiên tiếng nhạc kêu vang, lính thổi kèn lại đột nhiên kêu lanh lảnh, âm thanh chói tai. Con ngựa của Tưởng bỗng nhiên sợ hãi, hí dài lên một tràng rồi lồng lên như điên cuồng. Tưởng Giới Thạch đang tập trung tinh thần kiểm tra quân đội, đã không được chuẩn bị tư Tưởng trước, cũng không thông thạo thuật cỡi ngựa, trong nháy mắt đã lộn cổ ngã ngựa. Thế nhưng chân phải vẫn còn móc ở trên bàn đạp, toàn thân kéo lê ở dưới đất, cực kỳ nguy hiểm. Sau khi kéo lê đi một đoạn, cuối cùng Tưởng đã rời khỏi bàn đạp, thoát cảnh nguy hiểm. Các sĩ quan Tướng lĩnh bị sự kiện đột xuất làm cho kinh ngạc hoảng hồn, giờ mới định thần tỉnh lại, họ vội vàng xuống ngựa diu Tổng tư lệnh đứng dậy. Tưởng Giới Thạch bị kinh hồn lạc phách, thờ hồn hèn. Bộ quân trang mới tinh bị dính đầy bùn đất bẩn thỉu, ủng ướt, mũ rơi, thật là ngớ ngẩn quá xá! Nếu là người thường trong trường hợp như thế này khẳng định là sẽ xấu hổ nhục nhã tới mức không có lỗi để chui xuống đất. Nhưng Tưởng Giới Thạch thì không như vậy. Sau khi từ dưới đất bò lên, lấy lại tinh thần, chỉnh đốn lại áo mũ, lại tập tễnh dò dẫm chỉ huy các Tướng lĩnh kiên trì đi bộ duyệt binh, cẩn thận từng li từng tí một. Sau khi duyệt binh xong, Tưởng còn phát biểu diễn thuyết động viên răn bảo hai quân đoàn, rồi kêu gọi quân đội cần phải phục tùng lãnh tụ cách mạng, phục tùng chủ nghĩa tam dân. Cuộc biểu diễn “đặc sắc tuyệt vời” này của Tưởng đã giành được bình luận tốt của các sĩ quan và binh lính. Bình tâm mà suy xét, trong những trường hợp vô cùng gay cấn như thế này, Tưởng có thể nhanh chóng xoay chuyển cục diện, cuối cùng đã đem “sự việc xấu” mất mặt, biến thành “sự việc tốt” làm tăng thêm uy tín cho bản thân mình. Có thể thấy được, quả thực Tưởng đã có những điểm khác hẳn người bình thường. Ngày 12 tháng 12 năm 1936, vì Tưởng Giới Thạch cứ khẳng khái làm theo ý mình, thực hành chính sách “Cờ ngoài tắt phải yên bên trong trước”, đã ép quân Đông bắc và quân Tây bắc “Tiểu cộng”, vấp phải binh lính can gián của Trương Học lương và Dương Hổ Thành, bị bắt giữ ở Tây An. Cho dù đến giờ phút như vậy, lão Tưởng vẫn còn ghi nhớ không quên lên mặt “Lãnh tụ”. Sự biến sáng sớm ngày hôm đó, khi các binh lính lòng soát tìm thấy Tưởng ẩn thân ở trong hang núi, họ dự định nổ súng. Tưởng sợ các binh lính bắn nên cao giọng hô to :- Tôi chính là Tưởng ẹy viên trưởng đây ! Khi Tưởng nhìn rõ các binh lính không muốn đòi mạng của Tưởng, lại nói :- Nếu các anh bắt tôi làm tù binh, thì có thể nổ súng giết chết tôi đi, thế nhưng không được làm nhục tôi! Khi được chuyển đến ở Đại lầu Tân thành, thái độ của Tưởng Giới Thạch quật cường ngang bóng, cự tuyệt nói chuyện với Trương học lương, còn đem hành động binh gián của Trương và Dương gọi là “phản nghịch”. Sau đó trong cuộc tranh

cãi với Trương Học lương, khi Tưởng Giới Thạch nghe thấy Trương nói mình là “quật cường ngang bóng” như vậy đã bức tức hỏi vặn lại Trương Học lương :- Thế nào là quật cường ngang bóng? Tên nhãi nhép ngồi thì bắt được cái gì? Ta đại biểu cho phẩm cách của 400 triệu người và khí chất của cả dân tộc Trung Hoa, nếu ngồi có cả gan, thì hãy lập tức nổ súng giết chết ta xem nào! Lúc này, Tưởng Giới Thạch bởi không hiểu rõ động cơ binh gián của Trương và Dương, đã vô cùng hoảng sợ hai vị Tướng lĩnh này đòi mạng của mình, do đó vô cùng kính hãi. Thế nhưng, Tưởng lại sẵn sóc tới thân phận, sĩ diện, vẻ ngoài cứng rắn, bên trong yếu mềm của “Lãnh tụ”, trên mặt xỉ vả, kiêu cao một chút cũng chẳng chịu thua. Tất cả những thứ này giống hệt như một con vịt đã được hầm chín - thịt nát nhưng mỡ không nát! Trong suốt thời kỳ sự biến Tây An, Tưởng Giới Thạch hầu như đều biểu hiện ra loại thái độ này, ở nơi nào cũng tự coi mình là “lãnh tụ”, không chịu hạ cái bộ dạng ấy xuống, mọi sự vụ đàm phán, đều dựa vào anh em nhà họ Tống để điều hoà. Sau khi sự biến kết thúc, Tưởng đã về tới Nam kinh. Để lấy lại sĩ diện, Tưởng đặc biệt lấy lý do “đối với cấp dưới quân thúc không nghiêm” lập tức lại xin “từ” chức vụ Viện trưởng hành chính và ẹy viên trưởng ẹy ban quân sự rồi trao cho toà án quân sự xét xử Trương Học lương. Để duy trì sự tôn nghiêm “lãnh tụ” của mình, thà ta phụ mọi người trong thiên hạ, chứ không để cho người trong thiên hạ phụ ta. Đó chính là tính cách của Tưởng Giới Thạch. Mặc dù lúc trẻ, Tưởng Giới Thạch cũng hút thuốc, uống rượu, chim gái, mọi thứ phong lưu đều đã hưởng thụ qua. Thế nhưng, từ sau khi làm “lãnh tụ” Trung hoa Dân quốc, Tưởng cũng bắt đầu chú ý tới ảnh hưởng. Đặc biệt là tháng 2 năm 1934, Tưởng Giới Thạch đã đề xuất ra cái gọi là “Phong trào đời sống mới”. Đồng thời với việc tuyên truyền “Lễ nghĩa, liêm xỉ”, kêu gọi quốc dân về phương diện ăn, mặc, ở, đi lại cần phải “Chỉnh tề, sạch sẽ, đơn giản, chất phác”, dùng thứ đó để phối hợp tuyên truyền chống cộng, lung lạc nhân tâm. Đề xướng “Phong trào đời sống mới”, kêu gọi “Giản dị, chất phác”, Tưởng Giới Thạch đã dẫn đầu làm trước. Tưởng không hút thuốc, không uống rượu, chỉ uống nước sôi trắng, mỗi bữa cơm cũng hết sức đơn giản. Nói chung, bữa cơm trưa, bữa cơm tối cũng chỉ một bữa mặn, một bữa chay. Khi chiêu đãi khách, cũng chỉ sơ lược thêm hai đĩa thức ăn, làm cho khách căn bản ăn chẳng được no. hưởng thụ qua tiếp khách chiêu đãi của Tưởng, sau bữa ăn, chẳng hẹn mà ai cũng đều đem loại “tiết kiệm” này của Tưởng liên hệ với sự keo kiệt ki bo của “Kẻ bần tiện”. Có khi ra ngoài, trước tiên Tưởng Giới Thạch đều dặn dò trước những tên lính hầu cận, không cho phép chúng đàn áp lăng nhục chính quyền địa phương. Một lần, hai vợ chồng Tưởng Giới Thạch tới Hàng Châu nghỉ ngơi, Hà Vân, Cục trưởng Công an tỉnh Triết giang phụ trách công tác cảnh vệ, để lấy lòng nhân viên ở bên cạnh Tưởng, đã bày yến tiệc riêng mời bọn sĩ quan hầu cận. Trong lúc mấy tên đang ăn uống nhậu nhẹt, lão Tưởng bước vào, dùng gậy ba-toong đập vỡ hết mọi bát đĩa, cốc chén thức ăn bày ở trên bàn, còn chửi rủa Hà Vân một trận, mới cho qua chuyện. Tưởng Giới Thạch cố tình trang điểm cho mình về phương diện sinh hoạt, không phải là không muốn xác lập ảnh hưởng “lãnh tụ”, để cho mọi người phải hoảng sợ mà bắt chước mình. Thế nhưng, mọi hiệu quả dẫn đến đâu? Trong cuốn sách “Tưởng Giới Thạch mà tôi từng quen biết” Phùng Ngọc tường đã từng vạch trần : “Kỳ thực, đời sống mới chỉ là điều nói để lừa người mà thôi. Ví dụ, đời sống mới không cho phép đánh bài, thế nhưng khi nghe thấy nói Tưởng Giới Thạch tới là đem bài mạt chược cất vào trong ngăn kéo. Lại như đời sống mới không cho phép ăn uống nhậu nhẹt, người bình thường ăn một mâm cơm tiêu tốn 8 đồng, các quan lớn ở bên cạnh Tưởng Giới Thạch ăn một mâm cơm tốn hết 60 đồng, thức ăn là yến sào, cá vây quý hiếm. Chẳng những các quan lớn xa xỉ như vậy, đàn bà, các nô tài của quan lớn cũng như vậy cả. Cuộc sống xa xỉ như vậy, chẳng phải là Tưởng Giới Thạch không biết. Tưởng biết rất rõ. Chỉ có điều là Tưởng không thể nói toạc ra, nói toạc ra thì Tưởng không thể lừa được mọi người. Về phương diện mặc, Tưởng Giới Thạch cũng rất chú ý tới thân phận của mình. Ngay từ khi nhận chức hiệu trưởng trường quân sự Hoàng Phố, để lưu lại những ấn tượng sâu sắc cho học sinh, mỗi ngày trước và sau giờ làm việc, Tưởng chỉ khoác chiếc áo chùng đầu không có tay màu đen, đi đôi găng tay màu trắng, đôi ủng da đánh xi rất bóng, phía trước có một sĩ quan phụ tá đi mở đường, phía sau có 4 vệ sĩ hộ giá, nghiêm nhiên ra vẻ một “thống soái”. Về sau khi làm Tổng tư lệnh quân cách mạng quốc dân, ẹy viên trưởng ẹy ban quân sự và “Tổng thống”, Tưởng lại càng chú trọng tới cách ăn mặc của mình. Tham gia các hoạt động quân sự nói chung, tiếp kiến các Tướng lĩnh, thị sát quân đội, vẫn luôn luôn dựa theo mô thức Hoàng Phố ngày trước. Khoác chiếc áo trùm đen, đeo găng tay trắng, đeo hàm Tướng quân, đi ủng màu đen để tỏ ra khí phách quân nhân. Nếu dùng thân phận “Tổng thống” khi xuất hiện trong một số trường hợp, thì Tưởng thích mặc áo ngắn chặn ngựa, áo choàng dài theo kiểu truyền thống Trung Quốc để thích hợp với tập quán tâm lý của quốc dân. Có khi Tưởng còn khéo léo lợi dụng phục trang để húc hặc đả kích kẻ thù chính trị, nâng cao mình, cũng là “đời sống tuyệt vời” của Tưởng. Tháng 3 năm 1948, Quốc dân đảng trừ bị triệu tập “Quốc dân Đại hội”, bắt đầu tiến hành tuyển cử, bầu ra Tổng thống và “Phó tổng thống”. Tưởng Giới Thạch thao

túng công tác trừ bị của “Quốc dân Đại hội”, hy vọng bầu Tôn Khoa đảm nhiệm chức “Phó tổng thống” để đạt được mục đích bài xích các phái khác trong Quốc dân đảng. Thế nhưng, thủ lĩnh phái Quảng Tây Lý Tông Nhân không để ý đến trò bày đặt của Tưởng, được sự giúp đỡ của người Mỹ bắt Lý phải ra tham dự tranh cử, mu cướp lấy chiếc ghế “Phó tổng thống”. Sau khi trải qua một cuộc bàn tính vụng trộm, quả nhiên Lý Tông Nhân đã trúng cử “Phó tổng thống”. Tưởng nhìn thấy chủ Trương của mình bị trở ngại, Lý Tông Nhân thì vênh vênh tự đắc, bỗng bùng bùng nổi giận chuẩn bị chơi cho Lý Tông Nhân một vố ở trong buổi lễ nhậm chức. Trước lễ nhậm chức một hôm, vị “Phó tổng thống” mặt đầy hí hửng tới thỉnh thị “Tổng thống” Tưởng Giới Thạch, hỏi han Tưởng xem tham dự buổi lễ thì mặc quần áo nào. Trước tiên Tưởng bảo Lý ăn mặc âu phục, sau lại thông tri cho Lý ăn mặc quân phục, làm cho Lý không còn hiểu ra sao, đành cứ phải làm theo. Kết quả, ngày hôm sau, khi bắt đầu buổi lễ, “Tổng thống” Tưởng Giới Thạch mặc áo bào dài, tỏ ra tư thái của bậc trưởng giả, còn “Phó tổng thống” Lý Tông Nhân thì mặc quân phục là nếp thẳng đứng, từng bước cứ đi theo đằng sau lng Tưởng Giới Thạch, tỏ ra vô cùng quá khép nép, giống hệt như tên lính cận vệ ở bên cạnh “Tổng thống” vậy. Nói thực ra thì lão Tưởng giờ ngón chơi này ra có thể nói là mu già tính kỹ. Thân mặc áo choàng dài, trang điểm mình thành một vị trưởng giả nho nhã, đôn hậu mang truyền thống Trung Quốc. Điều này đối với d luận trong và ngoài nước cùng với tâm lý dân chúng đều tương đối dễ dàng tiếp nhận. Còn Lý Tông Nhân thân mặc quân phục, hoàn toàn không phù hợp với không khí lễ nhậm chức “Tổng thống”. Điều này trên thực tế có ý ngầm nói rằng, chức vụ “Phó tổng thống” này sờ dĩ giành được là do dựa vào báng súng của Quảng Tây. ở trước mặt đông đảo quần chúng như thế này , Lý Tông Nhân vô cùng bức bối, rõ ràng Tưởng Giới Thạch lấy địa vị “Nguyên thủ” tôn kính của một nước để điều cốt Lý, làm cho Lý càng giận dữ đành phải cảm lạnh như ngấm hoàng liên. Nghĩ lại năm xa, khi Tưởng Giới Thạch theo đuổi cuộc cách mạng của Tôn Trung Sơn, cũng đã từng nói đồng dục đầy lý lẽ phản đối “chuyên chế chủ nghĩa” và “sùng bái cá nhân”. đương nhiên, chỉ sau một thời gian, khi mình cũng trở thành”lãnh tụ” thì Tưởng đã ra sao ? Chẳng những đã tiến hành mạnh mẽ kiểu chuyên chế độc tài, duy ngã độc tôn; hơn thế, trong cách ăn ở đi đứng cùng với nói năng cử chỉ đều có ý b biểu hiện phong độ và địa vị “lãnh tụ” của mình, thể hiện ra sự tôn nghiêm của “Nguyên thủ”. Bệnh “Nghiện” lãnh tụ của Tưởng có thể nói thật là lớn lao !

6. Tác phong chính khách : nuốt lời lật lọng

Vào những năm 80, ở Đài Loan từng xuất bản cuốn sách “Tính cách chính trị của cha con Tưởng Giới Thạch” trong cuốn sách đó đã bình giá Tưởng Giới Thạch như sau:”Ông Tưởng dựa vào vũ lực và quân đội, đã trở thành kẻ mạnh ở trong Đảng. Lúc đó, các trọng thần nguyên lão Quốc dân đảng có rất nhiều, tả có Ưng Tinh Vệ, hữu có Hồ Hán Dân, nói về danh tiếng và sự từng trải, ông Tưởng đều kém họ rất xa. Trong Chính phủ Quốc dân thời kỳ đầu, địa vị của ông Tưởng cũng không cao, thế nhưng theo đà cuộc đấu tranh ác liệt giữa Bắc phạt và trong Đảng, địa vị của ông Tưởng đã dần dần được nâng cao. Ông là tư lệnh quân đội Quốc dân đảng, là hiệu trưởng trường quân đội, trong những cục diện hỗn loạn đó, vũ lực là hậu thuẫn lớn nhất, học sinh Hoàng Phô là đồng vốn để ông đánh dẹp thiên hạ.Đó là một thời đại lớn bão to sóng cả, thời thế tạo anh hùng. Thời kỳ đầu, các nguyên lão trong Quốc dân đảng đều đánh giá thấp Tưởng Giới Thạch, cho rằng ông ta chẳng qua chỉ là một kẻ vũ phu không có học vấn cao sâu, chẳng có giáo dỡng tốt đẹp, không có khẩu khiêu tài năng đặc biệt, chẳng có năng lực chính trị. Về sau, ông ta ngoài việc phát hiện ra sự gan dạ và hiểu biết của mình về mặt quân sự ra, trên mặt chính trị cũng đã bắt đầu biểu hiện ra năng lực về phương diện tổ chức mu lược . Tức thì những đối thủ chính trị của ông đã phê phán ông nhiều mu kế, thao quyền thuật, ngấm ngấm độc tài. Bất luận như thế nào, trong dòng thác lũ lèo lá lật lọng của quân nhân và chính khách, ông Tưởng vẫn có hạt nhân riêng của mình, đặt sách lược kế hoạch mở rộng thế lực của mình. Sau sự biến Tây An nguy nan giữa sống và chết, ông Tưởng đã biến thành lãnh tụ quốc gia được triều đình và dân chúng công nhận”.Cuốn sách này tuy không thiếu những ngôn từ đẹp đẽ, thế nhưng trong ngôn ngữ cũng đã ít hoặc nhiều nói ra những điểm giả dơ thâm hiểm của những trò chơi quyền thuật trong đấu tranh chính trị của Tưởng Giới Thạch. Chẳng trách một số võ nhân và chính khách trong Quốc dân đảng, sau khi đấu phép với Tưởng Giới Thạch bị thất bại đã xôn xao than vãn rằng: Tưởng Giới Thạch là một kẻ thành công hoàn hảo có tất cả những thủ đoạn quyền thuật của chính khách và quân phiệt từ thời Dân quốc tới nay. Vậy thì, những thuật quyền mu mà Tưởng Giới Thạch đánh bại kẻ thù chính trị và đối thủ của mình là những gì ? Kỳ thực, mục đích quan trọng của thuật quyền mu chính là một trong những đặc trưng điển hình trong tính cách hành vi của Tưởng, đó là: gian ngoa xảo trá, nuốt lời lật lọng, không giữ chữ tín. Cuối năm 1926, Tưởng Giới Thạch bắc phạt tiến sâu vào biên giới

tỉnh Giang Tây, đã bắt đầu dự tính xây dựng cơ đồ khác ở Trung Quốc dân đảng, lập nên chính quyền của riêng mình. Để lôi kéo Nhật Bản, thoát khỏi Liên Xô, trong tháng 11, Tưởng đã cử Đới Quý Đào sang Nhật, tìm cầu sự ủng hộ của Nhật Bản đối với chính quyền Tưởng. Trải qua nhiều lần mật đàm, giữa Tưởng và Thiên Hoàng đã thỏa thuận một hiệp nghị bí mật : Sau khi chiếm lĩnh vùng đông nam Trung Quốc, Tưởng bắt đầu “Thanh cộng” ở trong Quốc dân đảng, sau đó tiếp tục “Bắc phạt”, thống nhất khu vực phía nam trường thành. Còn Thiên Hoàng, sẽ tiến hành ủng hộ hành động này của Tưởng Giới Thạch, với điều kiện trao đổi là : Nhật Bản được hưởng quyền không chế đối với các vùng đất phía bắc Trường thành, Đông bắc Mông Cổ v.v. Thế nhưng, họ Tưởng sau khi xây dựng chính quyền, đã không đem Đông Bắc chấp tay trao cho Nhật Bản. Hơn thế, Trương Học lương trẻ khỏe yêu nước, cũng không chịu nhận sự sắp đặt của Nhật, cuối cùng ngày 29 tháng 12 năm 1928 đã quy phục “ Chính phủ quốc dân”. Sau khi Đông Bắc đổi cờ, Nhật Bản yêu cầu thực thi mật ước, Tưởng liền mời đoàn đại biểu phía Nhật đem bản mật ước tới để đàm phán. Tháng 10 năm 1929, đại sứ Nhật đem mật ước tới Hoa đàm phán, Tưởng sai người chuốc rượu cho say mềm ở trên xe sau đó lấy cắp bản mật ước tiêu hủy. Sứ Nhật bị mất mật ước không còn cách gì để bàn giao nữa, sau khi về nước đã phải tự sát, còn Thiên Hoàng Nhật Bản có miệng cũng khó nói ra lời. Sau sự biến “18-9”, thiếu Tưởng đại đặc vụ Nhật Bản Doihara Futa đã phẫn nộ bất bình nói Tưởng “là kẻ quá vô tín nghĩa” với Lý Tông Nhân. Khi Lý hỏi tường tận sự việc, Doihara lại giữ kín miệng bình, giấu kín rất chặt. Kỳ thực cái gọi là bản mật ước chẳng qua chỉ là một cái kế biến ứng của Tưởng Giới Thạch mà thôi. Hề Tưởng ngồi được vững vàng trên giang sơn rồi thì sự việc đó còn có ý nghĩa gì nữa. Lẽ dĩ nhiên, người viết cuốn sách này tại đây, không đứng trên lập trường của đế quốc Nhật Bản để có ý khiển trách Tưởng không giữ đến tín nghĩa, mà chỉ lấy sự việc này để chứng minh điều lật lọng, không giữ chữ tín của Tưởng Giới Thạch mà thôi. Khảo sát đời sống chính trị thời kỳ đầu của Tưởng Giới Thạch, người ta không khó phát hiện, sự tiến vọt mau chóng về địa vị trong Quốc dân đảng của Tưởng có liên quan tới lập trường “tả khuynh” của ông ta. Năm 1924, Quốc dân đảng triệu tập Đại hội đại biểu trong toàn quốc lần thứ nhất, Tôn Trung Sơn thực hành ba chính sách lớn “Liên Nga, Liên Cộng, phù trợ công nông”, được sự giúp đỡ của những người Cộng sản, hình thế cách mạng được phát triển rất rầm rộ. Lúc này, trong tâm Tưởng Giới Thạch hiểu rõ, nếu muốn giành được sự nể trọng của các lãnh tụ Quốc dân đảng như Tôn Trung Sơn, Liêu Xung Khải v.v. thì cần phải thể hiện “tả” một chút. Do đó, Tưởng đã lợi dụng địa vị hiệu trưởng trường quân sự Hoàng Phố, nói rùm beng về cái gọi là “bắt chước” Liên xô và “tán đồng” với ngôn luận của Đảng Cộng Sản. Ngày 9 tháng 4 năm 1925, sau cuộc Đông chinh lần thứ nhất, Tưởng Giới Thạch đã huấn thị đối với các học viên, nói đại nào là “chúng ta muốn Đảng thành công, chủ nghĩa thực hiện, nhất định phải bắt chước biện pháp của Đảng cộng sản nước Nga, mới có thể khiến cho mọi người biết được trách nhiệm và bổn phận làm đảng viên.” Ngày 13 tháng 9 cùng năm, trên Đại hội bầu cử ụy ban chấp hành khóa 3 Đảng bộ đặc biệt của trường quân sự Hoàng Phố, Tưởng nhằm thẳng vào tình hình quốc cộng hợp tác lúc đó, nói : “Chúng ta cần phải hiểu rõ khẩu hiệu “Chống Cộng sản” này là do bọn đế quốc dùng để làm trúng thương chúng ta. Nếu chúng ta cũng đề xướng theo khẩu hiệu “chống cộng sản” này, điều đó chẳng phải là đã trúng phải độc kế của bọn đế quốc hay sao ? ... Thủ Tưởng dung nạp cộng sản gia nhập Đảng ta, là muốn đoàn kết những phần tử cách mạng. Nếu chúng ta phản đối chủ Trương này, thì chính là muốn giải tán đoàn thể cách mạng, há chẳng phải là kẻ có tội với Đảng cách mạng hay sao? ... ý nghĩ của cá nhân tôi, Quốc dân đảng chúng ta, hiện tại chỉ có phải tả và phải hữu, không thể có cộng sản Đảng và phi cộng sản Đảng, càng không thể có Quốc dân đảng và Cộng sản Đảng. Nếu những đảng viên Quốc dân đảng có loại kiến giải này, điều đó chẳng khác gì tốc bỏ, làm yếu nguyên khí cách mạng của mình”. Từ những ngôn luận này mà xét, Tưởng Giới Thạch quả thật có thể gọi là “phái tả” ở trong Quốc dân đảng. Tưởng đã khiêm tốn thân cận lại thân Xô, thân Cộng, cộng thêm việc chỉ huy học sinh Hoàng Phố Đông chinh, quân công hiển hách, cuối cùng đã giành được tình cảm tốt đẹp của các nhân sĩ lãnh đạo Quốc dân đảng và cố vấn Bôrôtin Liên Xô. Và thế là, cánh cửa lớn của ụy ban Trung Ương Quốc dân đảng liền được mở rộng đón Tưởng vào tháng 1 năm 1926, Quốc dân đảng triệu tập Đại hội đại biểu lần thứ hai. Trong hội nghị này, Tưởng Giới Thạch được bầu làm ủy viên thường vụ ụy ban chấp hành trung ương , bước sâu vào hạt nhân lãnh đạo trung ương Quốc dân đảng. Sau khi bước vào hạt nhân lãnh đạo Trung ương Quốc dân đảng, Tưởng Giới Thạch liền bắt đầu đả kích kẻ đối địch về chính trị, bài xích người khác cánh. Mượn hung thủ truy soát vụ án Liên Xung Khải bị đâm chết và đứng ở hậu đài, Tưởng Giới Thạch đã đuổi cút nguyên lão Quốc dân đảng Hồ Hán Dân. Ngày 20 tháng 3 năm 1926, Tưởng lại một tay nã pháo tạo ra “Sự kiện hạm Trung Sơn” bắt giữ Lý Chi Long, người của Cộng sản bao vây nơi ở của Đoàn cố vấn Liên xô và tiến hành hạn chế đối với những người cộng sản. Ngày 16 tháng 4, trong hội nghị liên tịch giữa Đảng bộ Trung ương với chính phủ Quốc

dân, Tưởng Giới Thạch đã được bầu làm Chủ tịch ủy ban quân sự chính phủ quốc dân. Ngày 16 tháng 5, trong Hội nghị lần thứ hai Ủy ban chấp hành trung ương mà Tưởng Giới Thạch làm Chủ tịch lại thông qua “Dự án chỉnh lý Đảng vụ”, dần sâu thêm một bước tiến hành bài xích và hạn chế đối với những người cộng sản. Trong thời gian cha đầy một năm. Tưởng Giới Thạch đồng thời với việc cao hô khẩu hiệu “Cách mạng” đã đuổi cút các nguyên lão Quốc dân đảng như Hồ Hán Dân, Uông Tinh Vệ v.v. đối với Đảng cộng sản thì từng bước o ép chặt chẽ, hạn chế ở mọi nơi, cuối cùng đã đạt được mục đích bản thân mình độc chiếm đại quyền. Đối với trò bịp nuốt lời lật lọng, sớm Tần tởm Sở của Tưởng Giới Thạch, Lý Tông Nhân lão đối thủ của Tưởng đã nhìn rất rõ ràng chính xác: “thủ pháp lúc tả, lúc hữu như vậy, không phải là do thay đổi quan điểm chính trị, trên thực tế, đây chỉ là quyền thuật của cá nhân ông ta, với tư thái thực thực h h, bài trừ kẻ khác cánh, để đạt tới mục đích độc tài của cá nhân ông ta !”[44]. Cuộc chính biến “12 - 4” vào tháng 4 năm 1927, chính là màn biểu diễn kiệt suất nhất loại chính trị lưu manh chống cộng này của Tưởng Giới Thạch. Hạ tuần tháng 3 năm 1927 Tưởng Giới Thạch đang ở thượng Hải rùm beng âm mưu tru liệu kế hoạch “Thanh cộng” nhưng ngoài mặt lại viết hàng loạt văn chương thân cộng. Đối mặt với nguy cơ cha từng thấy của Quốc Cộng hợp tác, sự tấn công nguy hiểm của phái hữu Quốc dân đảng, Tưởng đã phát biểu bài nói chuyện trên báo chí cho rằng “Giữa hai phái tả hữu tuy hơi có khác biệt nhau một chút trên mặt chính kiến, nhưng vẫn làm việc vì một mục đích đều quy về phúc lợi của Đảng quốc”. Khi các đại biểu công nhân thượng Hải yêu cầu Tưởng Giới Thạch làm rõ tin tức đối với việc quân đội tịch thu súng của đội trật tự công nhân, Tưởng biểu lộ: “Đội trật tự vốn nên có vũ trang, tuyệt đối không có lý tịch thu khí giới, nếu có người nào có ý muốn tước khí giới, tôi có thể bảo đảm không được tước một khẩu súng nào.” (“Thời báo” ngày 9 tháng 4 năm 1927). Ngày mùng 6 tháng 4 Tưởng Giới Thạch còn đặc biệt cử đội quân nhạc đưa tới cho đội trật tự công nhân một tấm biển đề “Cùng chung phấn đấu”, để biểu thị “ý kính trọng” đối với đội trật tự của công nhân thượng Hải. Thế nhưng, năm ngày sau, Tưởng liền phát động cuộc chính biến phản cách mạng. Trong cuộc tàn sát “Thanh Đảng” đẫm máu, Tưởng Giới Thạch nói với cấp dưới là Dương Hồ, Trần Quân: “Phàm kẻ nào có thể giết thì nhất loạt giết chết hết, thà có thể giết sai, chứ không được thả sai.” Thủ đoạn úp tay thành ma, ngửa tay thành gió này của Tưởng Giới Thạch, chẳng những dùng để đối phó với Đảng cộng sản mà còn dùng để đối phó với phái thực lực địa phương phản đối bản thân Tưởng nữa. Tháng 8 năm 1928, sau khi Tưởng Giới Thạch ra nhậm chức chủ tịch “Chính phủ quốc dân” Nam Kinh, để tăng cường quyền lực cá nhân Tưởng đã tước bỏ phụ thuộc cắt giảm quân số. Trong việc cắt giảm quân số, do vì thân sơ chênh lệch quá lớn, rất không công bằng đã dẫn tới một số thực lực phái địa phương chống lại Tưởng. Tháng 3 năm 1929, bộ Tướng Lý Tông Nhân thuộc Quảng Tây trước hết gọi điện chống lại Tưởng, thế là cuộc chiến tranh Tưởng Quế bùng nổ. Đối với loại chiến tranh này, Tưởng Giới Thạch quen sử dụng thủ pháp viễn giao cận công và mua chuộc. Khi chiến tranh bắt đầu, Tưởng đã lừa dối được Phùng Ngọc tường tham gia chống lại Quế (Quảng tây), liền hứa cho Phùng các địa bàn Hồ Bắc, Sơn Đông v.v. để thúc đẩy Phùng tham chiến. Đồng thời, Tưởng lại dùng vàng bạc mua chuộc các Tướng lĩnh quan trọng trong quân đội Quế hệ để phản chiến, nhanh chóng đập tan được quân đội Quế hệ. Sau sự việc, Tưởng Giới Thạch lại lấy danh nghĩa quân đội Phùng Ngọc tường cha tham chiến không thực hiện hiệp ước trước. Phùng bị “qùa lừa” vô cùng bức tức đã chửi rủa Tưởng Giới Thạch là lời nói không giữ chữ tín, rồi chiếm cứ Tây Bắc, chuẩn bị chống lại Tưởng. Giữa lúc Phùng Tưởng đang tuốt kiếm giương cung, các bộ Tướng của Phùng là Hàn Phúc Cử, Thạch Hữu Tam, Mã Hồng Qùy v.v. đã bị Tưởng dùng tiền mua chuộc đã đánh điện chống Phùng ủng hộ Tưởng, làm cho Phùng Ngọc tường không còn biết xoay sở ra sao. Sau đó, Tưởng Giới Thạch lại hạ lệnh tấn công đánh mạnh Phùng Ngọc tường. Đồng thời với việc thực thi đả kích, Tưởng lại đem chức vụ sĩ quan tư lệnh trưởng biên phòng Tây Bắc của Phùng ủy nhiệm cho Diêm Tích Sơn, dùng nó để ly gián quan hệ giữa Phùng và Diêm. Diêm Tích Sơn thấy chức quan là trọn tròn mắt vội vàng muốn thu thập biên chế quân đội Phùng, lập tức bắt giữ Phùng Ngọc tường trong chuyến đi thăm Tấn (Sơn tây). Tưởng Giới Thạch đã dùng thủ đoạn lôi kéo và chia rẽ như vậy ở giữa các lộ quân phiệt, hết sức lợi dụng mâu thuẫn giữa các phe phái và tâm lý tham tiền tài, quan chức và địa bàn của chúng, dùng quan lộc dụ dỗ, cuối cùng đánh phá lẫn nhau, Tưởng đã chia ra để cai trị. Tới lúc đó bọn Diêm Tích Sơn, Phùng Ngọc tường, Lý Tông Nhân v.v...mới như bưng tỉnh cơn ác mộng. Những ngân phiếu không mà Tưởng Giới Thạch lễ tạ cho họ cũng như vậy, chẳng đổi ra được tiền mặt, còn họ thì lại trở thành vật ở trong túi Tưởng Giới Thạch. Trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, trong thời điểm quan trọng mấu chốt giữa sự sinh tử tồn vong của dân tộc Trung Hoa, Tưởng Giới Thạch thân làm “Lãnh tụ” quốc gia, trong việc lãnh đạo quốc dân kháng chiến, cũng không quên che đậy sai trái, chơi trò quyền thuật. Tháng 5 năm 1938, sau khi Từ Châu bị hãm, quân đội Quốc dân đảng hốt hoảng rút lui, thất bại như núi đổ, bộ thống soái quân Quốc dân

đảng đã không còn cách gì tổ chức phòng ngự có hiệu quả khu vực Trung nguyên. Đối mặt với việc quân Nhật có khả năng men theo đường Lũng Hải tiến về phía tây, bao vây Vũ Hán. Với nguy hiểm của việc quân Nhật tập hợp ở Đông Bắc, Tưởng Giới Thạch vội vàng quyết định cho nổ mìn phá vỡ đê Hoàng Hà ở cửa Hoa viên Hoa Nam, nước Hoàng Hà đổ xuống sẽ làm trở ngại tới việc Tây tiến của quân Nhật ở Từ Châu. Ngày 9 tháng 6 quân Quốc dân đảng nổ mìn phá vỡ đê ở cửa Hoa viên Hoàng Hà khiến cho nước sông cuộn cuộn phá vỡ đê mà đổ ra, nhất thời nước lụt mênh mông, ven bờ sông Hoàng bỗng chốc biến thành ngập lụt tới ngàn dặm, tạo thành cảnh mây trăm vạn mẫu hoa màu bị phá hủy, mấy chục vạn dân chúng sống cảnh lưu lạc không còn chỗ ở. Đối mặt với điều đại nghiệt như vậy do bản thân mình gây ra, Tưởng Giới Thạch không dám thừa nhận trách nhiệm, liền đem sự việc này đổ lên đầu quân Nhật, lưu loa lên rằng vỡ đê ở cửa Hoa Viên là do giặc Nhật gây ra, thật là hoang đường quá đáng. Quân Nhật nóng nảy muốn cướp lấy Vũ Hán, vì sao lại tháo nước làm ngập đường đi của mình. Trên thực tế, lần này thủy tai mà tự tay lão Tưởng đạo diễn vẫn chưa đạt tới mục đích cản trở việc Tây Tiến của kẻ địch trên mặt chiến lược. Sau 4 tháng, Vũ Hán mới bị chiếm đóng. Sau sự kiện “phóng thủy” ở cửa Hoa Viên không lâu, Tưởng Giới Thạch lại tiến hành một lần biểu diễn “phóng hỏa” rất ác liệt. Sau khi Vũ Hán thất thủ, Tưởng thấy việc “Phóng thủy” không linh, liền lại tâm sinh kế hiểm, nghĩ ra một chính sách tiêu thổ kháng chiến. Ngày 12 tháng 11 Tưởng Giới Thạch hạ lệnh cho Lâm Ủy chủ nhiệm phụ trách hầu cận gọi điện thoại cho Chủ tịch Chính phủ tỉnh Hồ Nam, yêu cầu nhà đương cục Hồ Nam thực hiện chính sách tiêu thổ, đốt cháy Trường Sa. Sau đó, Trường Sa đã biến thành đồng tro tàn trong những ngọn lửa khổng lồ cháy rừng rực. Sau khi Trường Sa bị thiêu hủy, quân Nhật vẫn chưa chiếm được thành này, còn thị dân vùng đó thì thân chết ngổn ngang, tổn thất thảm hại nặng nề. Sự việc này đã dẫn tới cả triều đình và dân chúng kinh sợ, dân oán ngút trời. Tưởng Giới Thạch lại vội vã phủ nhận việc mình hạ mệnh lệnh, rồi đem viên tư lệnh cảnh vệ Trường Sa là Phong Để làm con cừu thế tội đẩy ra bắn chết cho qua chuyện. Các văn thần võ tướng đối trước Tưởng Giới Thạch, đối với những thủ đoạn theo kiểu phản phúc vô thường, nói lời không giữ chữ tín, lật lọng trá trở, giả họa cho người khác của ông ta không ai là không giật mình kinh sợ. Tạm thời không nói tới những nhân vật nhỏ bé không đáng đếm xỉa như kiểu Phong Để tư lệnh cảnh vệ Trường Sa thường làm những con ma chết oan uổng cho Tưởng, mà ngay cả đến những đại sứ được phong biên cương của “chính phủ quốc dân”, Lý Tông Nhân đã từng kết nghĩa anh em “Kim Lan” với Tưởng và Phùng Ngọc tường, Trương Học lương từng vái làm “huynh đệ” cũng thường bị Tưởng chơi xỏ. Họ tiếp xúc với Tưởng, cũng đều có cảm giác phải thận trọng như bước trên lớp băng mỏng, như ngồi trên thảm kim “chơi với ông ta như chơi với hổ”. Sau sự biến “ngày 18-9” Trương Học lương nhét ở trong bọc bức mật điện “bất đề kháng” của Tưởng, công trên lưng mình một tên bị chửi là “Tổng quân bất đề kháng”, chịu tội thay cho Tưởng, cuối cùng đã “Vô sinh oanh liệt”, thân trong tù tội, uổng phí cả cuộc đời. Còn Phùng Ngọc tường được Tưởng tôn làm “Đại Ca”, cuối cùng đã phải đập bàn đứng dậy chửi thẳng vào cái giả dối, “gian trá” “nói lời không giữ tín nghĩa” của Tưởng Giới Thạch. “Thà ta chịu phụ người trong thiên hạ, chứ không chịu để cho người trong thiên hạ phụ ta”. Đây chính là bức vẽ truyền thần chân thực về tính cách lưu manh trong cuộc đấu tranh chính trị của Tưởng Giới Thạch.

7. Bụng dạ hẹp hòi, nhỏ nhen tin tiền và giận dữ tất sẽ trả thù.

Những người đã lật mở xem qua những ghi chép hồi ức do một số nhân vật cao cấp vốn ở trong chính quyền Quốc dân đảng viết ra, đều không khó phát hiện một đặc điểm chung trong số sách này, đó là: Đối với tính cách trắng trợn đả nghị, bụng dạ hẹp hòi, giận dữ tất sẽ trả thù của Tưởng Giới Thạch có cảm thán khá sâu sắc. Chẳng riêng gì Tưởng Giới Thạch như vậy, mà mọi tên độc tài khác đều có bệnh chung như vậy cả, chỉ có điều là mức độ không giống nhau mà thôi. Nhìn từ trên mặt lý luận, các nhà tâm lý học coi những đặc điểm hành vi có khuynh hướng mang tính chất nhất trí trong những tình cảnh khác nhau của con người gọi là nhân cách, tức là tổng cộng những đặc trưng tính cách, năng lực và khí chất v.v.. của một người. Nó do rất nhiều đặc điểm tâm lý cá biệt của con người tức là đặc chất tổ thành. Những đặc chất này ở vào những tổ hợp khác nhau trong nhân cách cá thể đã cấu thành những cá tính khác biệt giữa người và người. Đặc chất có sự phân biệt ra đặc chất bề ngoài và đặc chất căn nguyên. Đặc chất căn nguyên là nguồn gốc cuối cùng dẫn tới hành vi của con người. Nó được bao quát ở rất nhiều mặt, tâm dạ hẹp hòi và tính hoài nghi là một trong số đó. Những biệt loại khác nhau của đặc chất căn nguyên mà mỗi người đều có, thể nhưng mức độ lớn nhỏ mạnh yếu có khác nhau. Nếu dùng tính điểm cao thấp để so sánh thì đặc chất căn nguyên của tính hoài nghi được giá trị điểm càng thấp, thì tính tình của con người càng hiền lành dễ gần, biểu hiện ra đặc trưng dễ hòa thuận gần gũi với mọi người. người được giá trị điểm cao

thì ngọc lại, luôn luôn có tâm dạ hẹp hòi, đồ kỵ đưa nghi, ngang ngạnh bóng binh, khó tin Tưởng được bất kỳ ai. Trên mặt tâm lý học thống kê, thì Tưởng Giới Thạch thuộc vào loại người có giá trị điểm tương đối cao. Trong đời sống chính trị suốt đời Tưởng Giới Thạch, những đặc trưng tính cách hẹp hòi, đưa nghi, trước tiên được biểu hiện ở trên vấn đề dùng người. Ngay từ thời kỳ ở Hoàng Phố, loại bản tính này của Tưởng đã lộ ra đầu mối. Năm 1943, trong bài viết “Quan hệ đối với Quốc dân đảng từ năm 1924 đến năm 1926”, đối với phương pháp dùng người của Tưởng, Chu Ân Lai đã có sự tổng kết quan trọng. Chu Ân Lai đã chỉ ra: “Lúc đó trường quân sự Hoàng Phố có gần 600 học sinh, đại bộ phận là thanh niên tá khuynh tới từ những hoạt động bí mật trong tổ chức Đảng các tỉnh. Trong số đó đảng viên, đoàn viên chiếm tới năm sáu chục người, chiếm một phần mười số học sinh. Đối với số người này Tưởng Giới Thạch rất đề phòng và hạn chế. Tưởng đã để cho vương Bá Linh, một con người rất vô liêm sỉ phụ trách huấn luyện, giáo dục, năng lực chính của một con người để Tưởng sử dụng đó là nô tài. Đối với Đặng Diên Đạt có tính ương bướng lại không muốn làm nô tài, thì Tưởng không dùng. Đối với Hà ứng Khâm, con người này là nô tài thứ hai, đã được vương Bá Linh giới thiệu thì Tưởng vô cùng tin Tưởng. Các đội trưởng trong trường quân sự Hoàng Phố đều là người thân tín của Tưởng. Có một lần tôi cử mấy người phái tả làm đội trưởng, Tưởng tỏ ra không bằng lòng đã hủy bỏ sự ủy nhiệm đó. phương pháp dùng người của Tưởng là tạo ra mâu thuẫn, lợi dụng mâu thuẫn, thao túng mâu thuẫn; dùng một tên phản động quản lý một người tiến bộ, cử một tên chống phái tả kiểm chế một người phái tả, dùng một tên chống cộng kiểm chế những người tin Tưởng Đảng Cộng Sản. Mọi người có thể sẽ cảm thấy, đó là thời kỳ đặc biệt Quốc Cộng hợp tác, trên những cơ sở khác nhau về đảng phái và tín ngưỡng chủ nghĩa, phải dùng tới hạ sách này cũng là điều khả dĩ. Kỳ thực, cách nghĩ như thế này là sai lầm lớn trên vấn đề dùng người, những trò lấu cá này mà Tưởng Giới Thạch làm, vô luận là cộng sản Đảng hay Quốc dân đảng đều không có gì khác biệt. Ngày 11 tháng 1 năm 1938, Tưởng Giới Thạch triệu tập hội nghị các Tướng lĩnh phương Bắc tại Khai Phong Hà Nam, rồi trong hội nghị đã lừa bắt Hàn Phúc Cù, chủ tịch chính phủ Sơn Đông của Quốc dân đảng, phó tư lệnh chiến khu 5 kiêm tổng tư lệnh tập đoàn quân thứ 3. Sau nửa tháng, Hàn Phúc Cù đã bị giết ở Hán Khẩu. Lý do công khai xử quyết Hàn Phúc Cù là: Hàn là trưởng quan hành chính tối cao địa phương và là Tướng lĩnh cao cấp trong quân đội, đứng trước sự tấn công của quân Nhật, không suy nghĩ cách kháng chiến giữ đất, chỉ chăm chú bảo tồn thực lực, tự tiện rút lui. Lễ dĩ nhiên, Hàn là chủ tịch một tỉnh và tư lệnh tập đoàn quân, không lo lắng tới sự an nguy của dân tộc, vì để bảo tồn thực lực, đã dâng cả đất nước rộng lớn cho giặc Nhật, theo lý nên phải trừng trị. Thế nhưng, lúc đó đứng trước quân Nhật, các Tướng lĩnh cao cấp Quốc dân đảng cha đánh đã tan đâu chỉ có một mình Hàn Phúc Cù. Lưu Kỳ, Thang Ân Bá v.v... đều là những tay cừ về chạy trốn cả. Chính là đồng thời với lúc Tưởng Giới Thạch bắt giam Hàn Phúc Cù, Lưu Kỳ cũng vừa bỏ mất Bảo Định, Thạch Gia Trang, bỏ chạy xuống phía nam, giống như chim sợ cung nỏ vậy. Thế mà những Tướng lĩnh đích hệ của Tưởng lại không bị xử quyết, trái lại còn được phúc tinh cao chiếu, liên tục thăng quan. Kỳ thực, nguyên nhân chủ yếu nhất để Tưởng quyết tâm xử tử Hàn Phúc Cù chính là: Con người này không phải là đích hệ của Tưởng, suốt thời gian dài ngang tàng không thuần phục, từng nhiều lần liên hợp với các phe phái thực lực địa phương khác dự mưu lật đổ Tưởng. Do đó, Tưởng Giới Thạch công khai trả thù riêng đem Hàn ra khai đao xử quyết. Tưởng Giới Thạch đối với võ Tướng như vậy, đối với văn thần cũng chẳng lệ ngoại. Ngày 30 tháng 10 năm 1952 là sinh nhật Tưởng Giới Thạch 65 tuổi. Ngày hôm đó, vợ chồng Tưởng Giới Thạch rời Đài Bắc tới biệt thự Thảo Sơn ở ngoại ô tịch thổ, đặc biệt mời vợ chồng Chủ tịch tỉnh Đài Loan là Ngô Quốc Chính lên núi ăn bữa cơm tối, còn thân thiết lưu giữ Ngô qua đêm ở trên núi. Ngày hôm sau, vợ chồng Ngô Quốc Chính cáo từ ra về. Ngồi xe trên đường trở về, do một nguyên nhân ngẫu nhiên, người lái xe đột nhiên phát hiện trong 4 chiếc bánh xe thì có tới 3 chiếc bị tháo hết đinh ốc, bỗng hoảng sợ mặt tái mét. Nếu không phát hiện ra sớm, khẳng định những người ngồi xe khó tránh khỏi chết oan. Lúc này, Ngô Quốc Chính mới sực tỉnh giấc mộng, hiểu ra rằng Tưởng Giới Thạch muốn đòi mạng mình! Từ trước đến nay, Ngô Quốc Chính được Tưởng trọng dụng, là một trọng thần tâm phúc, từng làm phó bộ trưởng bộ Trung tuyên Quốc dân đảng, thị trưởng Hán Khẩu, Trùng Khánh và thượng Hải. Sau khi Quốc dân đảng chạy ra Đài Loan, Lão Tưởng lại đem quyền quản lý một tỉnh duy nhất còn lại của “chính phủ quốc dân” trao cho Ngô Quốc Chính, có thể nhìn thấy mức độ trung thành của Ngô đối với Tưởng và sự tín nhiệm của Tưởng đối với Ngô như thế nào. Thế nhưng, những biểu hiện của Ngô Quốc Chính không phải là “Ngu Trung” - trung thành ngu xuẩn theo kiểu vâng dạ, mà là sự trung thành “kiềm thảo thất bại”, khuyên can thẳng thắn, những mong đền đáp. Đặc biệt là sau khi nhận chức chủ tịch tỉnh Đài Loan, Ngô cậy mình được sủng ái nên đã kiêu ngạo, đánh giá cao tín nhiệm của Tưởng đối với mình, nhiều lần phê phán nền chính trị của Quốc dân đảng, chủ trương thực thi “nền chính trị dân chủ cận đại”, thậm chí ngay cả đến sự việc của đại

thái tử cũng đưa lời phê bình tới Tưởng Giới Thạch. Đợi đến Ngô Quốc Chinh tỉnh lại, giấc ngộ được “Trái tim yêu quyền hơn yêu nước, yêu con hơn yêu dân” của Tưởng Giới Thạch, thì hòng súng đã nhắm trúng sau gáy của mình rồi. Tức thì, ông ta “có phúc” đã phát hiện ra trong 4 bánh xe đã có tới 3 bánh bị tháo hết đinh ốc ra rồi. Thế nhưng, Ngô cũng không phải là loại người bình thường, vị cao thủ chính trị này được bồi dưỡng từ trường đại học Princeton ra đã không hé răng nói nửa lời, mà chỉ kiên quyết từ chức Chủ tịch tỉnh rồi ngầm hoạt động với phía Mỹ để mời ông ta sang Mỹ dạy học. Cuối cùng, qua bao trắc trở, Ngô phải đem cha già và con trai ra làm con tin, Ngô mới được phê chuẩn sang Mỹ. Mãi tới tháng năm 1954, Ngô Quốc Chinh mới đem lửa hận trong lồng ngực giận dữ bộc lộ ra ngoài. Trên vấn đề dùng binh, Tưởng Giới Thạch cũng đã luôn luôn đề phòng đối với quân đội không phải là đích hệ, từng bước làm suy yếu quân đội đó đi. Trong cuộc chiến tranh chống cộng trường kỳ, Tưởng đã đưa những đạo quân tấp nham trong quân đội Quốc dân đảng đẩy ra tác chiến ngoài mặt trận, mượn tay cộng sản Đảng tiêu diệt những đạo quân không phải là đích hệ này đi. Cuối cùng trong tình hình cả hai cùng bại cùng bị thương, Tưởng ngồi giữa thu lợi. Tháng 9 năm 1935, Trương Học lương chấp hành chính sách “Trước yên trong rồi sau mới cướp ngoài”, đã tích cực tiến công Hồng quân công nông Trung Quốc, đã Trường chinh tới Tây Bắc. Hạ tuần tháng 11, trận đánh ở thị trấn Trục La hồng quân đã tiêu diệt sư đoàn 109 quân chủ lực của Trương, giáng cho quân Đông Bắc một đòn đá kích trầm trọng. Vì bán mình cho Tưởng mà bị tổn thất nặng nề như vậy, Trương Học lương không những không được sự biểu Dương của Tưởng mà còn bị Tưởng trừng phạt nghiêm khắc: Không cho phép quân Đông Bắc bổ sung thực lực, xây dựng lại phân hiệu, khiến cho Trương bị tiêu diệt một sư thì thiếu mất một s, cuối cùng đã trở thành tư lệnh “không có quân”. Trương Học lương đã nhìn thấu quỷ kế này của Tưởng Giới Thạch, cuối cùng đã tỉnh ngộ, với ảnh hưởng của tư Tưởng yêu nước chống Nhật, cuối cùng đã liên hợp với Dương Hổ Thành và hồng quân đạt được hiệp nghị bí mật đình chỉ nội chiến, nhất trí kháng Nhật. Thế nhưng, Tưởng Giới Thạch không dễ dàng bỏ qua. Tháng 10 năm 1939, để bức bách Trương Học lương, Dương Hổ Thành tiếp tục tác chiến với hồng quân, Tưởng Giới Thạch đã đem mấy chục vạn quân đội kéo vào Đồng Quan, sắp xếp lại hậu phương của quân Đông Bắc và quân Tây Bắc với xu thế nếu không nghe mệnh lệnh thì tức vũ khí ngay tại chỗ. Cuối cùng, đã bức Trương Học lương, Dương Hổ Thành cùng đường hết lối, đã hợp sức với nhau phát động cuộc “binh gián”. Lật mở lịch sử tác chiến “tiến công” và “đẹp yên bạo loạn” của Tưởng Giới Thạch, những mảnh lời quen dùng này của Tưởng khắp nơi cũng đều có cả, các Tướng lĩnh quân đội không phải là đích hệ trong quân Quốc dân đảng, không ai là không cảm giận đến tột độ. Trong cuộc chiến tranh cách mạng quốc nội lần thứ ba, các Tướng lĩnh cao cấp quân Quốc dân đảng như Cao Thụ Huân, Tăng Trinh Sinh, Ngô Hóa Văn v.v.. dẫn đầu cuộc khởi nghĩa chống Tưởng đều là quân đội không phải là đích hệ. Đúng là người thông minh lại bị người thông minh làm thiệt hại, tâm lý hẹp hòi và thủ đoạn không tha thứ người này của Tưởng Giới Thạch, cuối cùng đã rơi vào tình cảnh quân chúng phản đối, người thân xa rời, cô đơn trợ trọi. Căn cứ vào phân tích của các nhà tâm lý học, tâm lý hẹp hòi với tính cách đưa nghi này của kẻ độc tài, bắt nguồn từ ý thức nguy cơ của bản thân. Tuy chúng ở vào địa vị chí tôn, nắm quyền hành chí thượng, thế nhưng không thể không đề phòng dã tâm cướp ngôi và mưu đồ phản nghịch của tầng lớp dưới. Chính là áp lực tâm lý do ý thức về nguy cơ sản sinh ra đã khiến cho bọn độc tài vì phòng ngừa đại quyền bị cướp mất nên đã bước tới cực đoan. Đối với bất kỳ ai chúng đều có ý thức đề phòng cảnh giác luôn luôn làm ra các loại hành động không thích ứng với người khác và với xã hội dưới sự thôi thúc của những nhân cách bất thường cực kỳ ghen ghét đố kỵ và tàn bạo trắng trợn. Bất kỳ những nguy hiểm tiềm tại nào đều có thể xúc động tới thần kinh mẫn cảm của chúng, Thúc giục chúng lợi dụng mọi âm mưu quyền thuật và thủ đoạn bạo lực để tiêu trừ loại nguy hiểm này. Về phương diện quyền lực duy trì bảo vệ sự độc tôn của mình, loại tâm lý hẹp hòi tự tư này của Tưởng Giới Thạch rất độc ác. Suốt đời Tưởng từng đã nhiều lần từ chức, thế nhưng mỗi lần từ chức đều là một lần hành động theo sách lược dùng lùi để tiến. Bí quyết tiến thoái thành thạo của Tưởng là ở chỗ: Nắm chắc quyền hành không chịu rời bỏ. Ngày 21 tháng 1 năm 1949, trong sự khốn khó giao nhau nội ngoại, Tưởng Giới Thạch “không thể không bắt tay vào công việc” từ chức lần thứ ba. Ngày 23, Tưởng Giới Thạch về tới Khê Khẩu. Giờ phút này, nhìn về bề ngoài, Tưởng là người ở giới bình dân nhân tản du chơi, gửi tình ở nơi núi rừng đá suối, kỳ thực, Tưởng chỉ là ở ẩn mà không phải là rút lui, dây trời điện đài ở trên nhà tây Khê Khẩu không ngừng phát sóng, bí mật thao túng thế lực tàn d Quốc dân đảng ở một nửa Giang Nam. Dựa theo tập quán của Quốc dân đảng, mọi chính sách biện pháp của “Chinh phủ quốc dân” đều cần phải thông qua ụy ban thường vụ trung ương, rồi mới giao cho đơn vị hành chính chấp hành. như vậy, Tưởng Giới Thạch tuy không làm “Tổng Thống” nữa, thế nhưng vẫn làm Tổng tài Quốc dân đảng, chủ trì ụy ban thường vụ Trung Ương, bao trùm lên trên Lý Tông Nhân. Tưởng chấp chính trong nhiều năm, bố trí dày

đặc các môn sinh, thân tín ở trong Đảng, chính quyền, giới quân sự, cứ một Quê hệ nhỏ nhoi bắt đầu có thể khống chế toàn cục. Khi Lý Tông Nhân bước lên vũ đài, thực sự đã vui mừng hơn hờ một đạo, thế nhưng không nghĩ được là mình đã bị vồ hụt, thứ mà Lý giành được chỉ là cái hàm “Tổng thống” hữu danh vô thực. Trước khi Tưởng Giới Thạch rời bỏ chức vụ đã nhiều lần yêu cầu Lý Tông Nhân “Kế nhiệm tổng thống”, thế nhưng sau khi làm xong văn bản, bên trong không hề mảy may nêu lên sự việc “từ chức”, “rút lui”, chỉ nói Lý “thay quyền chức vụ tổng thống”. Lý Tông Nhân lấy lý do “danh bất chính thì ngôn bất thuận” yêu cầu sửa đổi là “kế nhiệm tổng thống”, Tưởng vui vẻ bằng lòng. Thế nhưng, sau khi phát biểu văn bản, Lý Tông Nhân vẫn làm “quyền tổng thống”. Trong lúc bức tức, Lý hỏi tội bí thư trưởng “Phủ tổng thống” Ngô Trung Tín, Ngô liền bình tĩnh nói với Lý Tông Nhân:- Tha đức ông, với tư cách người bạn cũ tôi thành thực khuyên ông, ông đã quá hiểu con người của Tưởng tiên sinh. Ông nên biết chỗ ở hiện tại của ông. ở Nam Kinh hiện tại đặc vụ hoành hành, các vệ sĩ ở bên cạnh ông đều là người của Tưởng tiên sinh. Ông còn tranh giành điều gì nữa? Trong cục diện hiện tại, bất kỳ sự việc nào cũng đều có thể phát sinh. Sự an toàn của bản thân ông, có thể là không có gì bảo đảm được! - Những điều Ngô Trung Tín nói là lời nói thực, từ hơn hai tháng trước, Tưởng Giới Thạch đã bí mật triệu tập tên trùm sỏ hệ thống quân sự Mao Nhân Phụng và Thẩm Túy, đích thân bố trí việc ám sát Lý Tông Nhân. Chỉ tại về sau cục diện biến đổi quá nhanh, Tưởng mới không thể không để cho Lý đứng ra chống đỡ cục diện nguy hiểm. Sau khi Lý Tông Nhân bước lên vũ đài hình như chỉ có tên mà không có thực, mệnh lệnh mà ông ta ký ra tựa như tờ giấy lộn. Ông ta đòi phải thả Trương Học lương, Dương Hổ Thành ra, bọn cấp dưới nói: Trương Học lương đã bị áp giải tới Đài Loan, Dương Hổ Thành đã không biết cầm tù ở chỗ nào. Ông ta muốn điều động quân đội, thế nhưng quân đội đều ở trong tay Tưởng Giới Thạch, bản thân ông ta làm quyền “Tổng Thống” của “chính phủ quốc dân”, ngay cả đến việc phòng vệ Trường Giang ở ngay dưới mũi mà cũng không biết làm thế nào. Ông ta muốn chinh đốn tiền tệ, khống chế vật giá, thế nhưng Tưởng Giới Thạch đã đem toàn bộ tiền của, vàng bạc ở trong kho ngân hàng Trung Ương đều vận chuyển hết tới Đài Loan, làm cho vật giá tăng vọt tốc độ nhanh như bay, trăm nghề đình đốn, thị trường tiền tệ hoàn toàn đổ vỡ. Để bảo đảm quyền lực của mình, Tưởng Giới Thạch đã bỏ mặc, không quan tâm tới cục diện nguy nan của “Đảng quốc”, coi “Hiến pháp” như trò đùa của con trẻ, đối với quyền “Tổng thống” Lý Tông Nhân thì nơi nơi đề phòng, bước bước hạn chế, cuối cùng đã không ngần ngại dùng biện pháp rút hết củi dưới đáy nồi, làm tăng nhanh tới độ tan rã thất bại của chính quyền Quốc dân đảng ở đại lục. Tâm lý tự tư hẹp hòi này của Tưởng Giới Thạch, ngoài việc biểu hiện không dễ tha thứ cho người ra, còn biểu hiện ở chỗ đưa nghi và giận dữ tất sẽ trả thù. Tháng 1 năm 1949 sau khi Tưởng Giới Thạch từ chức đi qua Hàng Châu rồi về Khê Khẩu. Để trọn vẹn tình thân của bọn địa chủ, Chủ tịch tỉnh Triết Giang Trần Nghi đã mọn khách sạn “Lầu ngoại Lầu” để thiết tiệc tẩy trần. Trong bữa tiệc Trần Nghi nhìn thấy Tưởng bởi tâm tình phiến muộn mà không động đũa, liền khuyên mời các vị khách “Cần phải nâng lên đặt xuống”. Nào ngờ lời nói này đã làm tổn thương tới lòng tự tôn của Tưởng Giới Thạch rồi dẫn tới cái họa sát thân sau này. Kỳ thực, đối với quyền lực Tưởng vĩnh viễn “nâng lên” chứ không bao giờ chịu “đặt xuống”. Lời nói này đã xúc phạm tới thần kinh đưa nghi dễ dàng nổi giận của Tưởng. Sau bữa ăn, Tưởng không trú ở biệt thự “Trùng L” nữa mà đến ở sân bay Kiển kiều, trên thực tế đã có sự đề phòng đối với Trần Nghi. Sau đó, Thang Ân Bá mật báo với Tưởng, nói rằng Trần Nghi đã từng lập kế hoạch khởi nghĩa đầu hàng cộng sản. Tức thì, Tưởng đã bí mật ra lệnh cho Mao Nhân Phụng bắt giữ Trần Nghi rồi giải tới Đài Loan. Tháng 6 năm 1950, Trần Nghi đã bị Tưởng Giới Thạch bắn chết. Cái chết của Trần Nghi quả thực là họa tòng khẩu xuất. Trong mấy chục năm Tưởng Giới Thạch xng hùng trên vũ đài chính trị Quốc dân đảng, phạm những người đắc tội với Tưởng, vô luận là xuất phát từ công tâm hay là tư tâm, vô luận là đích hệ hay là phi đích hệ đều có kết cục chẳng tốt lành. Những người xuất phát từ công tâm, như Trương Học lương, Dương Hổ Thành, vì đại nghĩa của dân tộc mà khảng khái “bình gián”, kết quả là một người bị sát hại thảm hại, một người suốt đời phải cầm tù. Những người xuất phát từ tư tâm, như phái thực lực địa phương Hàn Phúc Cù, lưu tương v.v..hòng phát riêng một ngọn cờ đối lập với Tưởng, cuối cùng, một người bị bắn chết, một người vấp phải nguy hại ngầm ngầm. Ngô Quốc Chính, Tôn Lập Nhân v.v..là đích hệ trong văn thân võ Tướng, chỉ vì lời nói không khiêm tốn, thái độ ngạo mạn, gây trở ngại tới lợi ích của họ Tưởng, tức thì một người lưu vong ở ngoài đảo, còn một người cầm tù ở trong đảo. Lý Tông Nhân suốt đời đi lại giao hảo với Tưởng Giới Thạch, cuối cùng đã phải giận dữ bỏ đi, từng nhiều lần cảm khái bình luận: “Tưởng tiên sinh là con người đưa nghi hề tức giận là sẽ trả thù, chỉ trong nháy mắt những người tâm phúc như chân với tay đã biến thành kẻ thù ngay !”.

8.Quái thai của nền văn hóa phong kiến và tư Tưởng phatxít.

Nhìn tổng quát cuộc đời của Tưởng Giới Thạch từ thời ngang ngành, ương bóng, cố chấp ở thời kỳ thanh niên đến thời độc đoán chuyên quyền sau khi chấp chính, đã thực thi nền thống trị phát xít; Từ kẻ “vô lại” ở tuổi trẻ con đến những lời nói không giữ chữ tín trong cuộc đấu tranh chính trị, đều thể hiện bản chất gian hùng; Từ việc tiếm nhiệm thối xấu trong gia đình buôn muối tới tính bầm sinh tích trữ hàng quý, bề ngoài Tưởng đạo mạo nghiêm trang luôn thể hiện hình tượng “lãnh tụ”, thế nhưng trong xương trong tủy lại thể hiện ra tính đura nghi trắng trợn và giận giữ tất sẽ báo thù. Tưởng phát cò giống trống rùm beng khẩu hiệu “Thiên hạ là chung” của Tôn Trung Sơn, thế nhưng ngấm ngấm thì trái tim tự tư nặng hơn trái tim vì việc chung. Nói tóm lại, biểu tượng của những hành vi ngang ngành ương bóng, cố chấp, xảo trá, tư tự, tàn ác hung bạo, coi mình là cái rốn của vũ trụ, nói lời không giữ chữ tín, hẹp hòi đura nghi v.v..đã cấu thành những đặc trưng tính cách khác với người thường của Tưởng Giới Thạch. Lý luận khoa học tâm lý cho rằng tính cách của con người là những đặc trưng tâm lý tương đối ổn định, có tác dụng hạt nhân trong cá tính. Những đặc trưng tâm lý này quyết định phương thức thái độ và hành vi tương đối ổn định của một người đối với hiện thực hoàn cảnh xung quanh. Thế nhưng, những đặc trưng tâm lý cấu thành tính cách của con người không phải sinh ra một cách vô căn cứ, nó là kết tinh của bối cảnh văn hóa đặc định và hoàn cảnh, kinh nghiệm của cuộc sống. Đối với Tưởng Giới Thạch mà nói, nền văn hóa Trung Quốc truyền thống cổ lão với lý luận phát xít cận đại Tây phương, đã cấu thành cơ sở tư Tưởng trong hành vi tính cách của Tưởng. Trong việc hình thành đặc trưng tính cách của Tưởng Giới Thạch, nền văn hóa truyền thống Trung Quốc đối với Tưởng đã phát sinh ra những ảnh hưởng sâu sắc nhất. Còn căn cứ vào cách nói của bản thân Tưởng, nhân sinh quan của ông ta được hình thành sau khi đọc xong cuốn “Đại học” năm 1914, lúc đó Tưởng mới hơn hai chục tuổi. Đối với cuốn hạ “Đại học chi đạo”, Tưởng nói: “Mãi tới khi 28 tuổi, Thủ Tướng đã giảng cho tôi nghe biết đạo của đại học, mới hiểu được bộ sách này là một bộ triết học chính trị rất có giá trị... sau đó tôi đã không ngừng nghiên cứu, mới cảm thấy mỗi câu nói trong đó, đều có đạo lý sâu sắc, tức thì nhân sinh quan của tôi đã được xây dựng từ đây”. Trong bộ sách này, Tưởng rút ra được đạo lý làm việc cần phải “áp đảo người trước”, đây chính là “Hiểu biết tường tận nơi phát sinh ra sự vật ban đầu, nghiên cứu kỹ khi tâm ý mới phát sinh ra hành động”. Miếng võ “áp đảo người trước” này đã sử dụng rất nhiều lần, vui vẻ không biết mệt mỏi. Tưởng Giới Thạch đã dùng nó để đối phó với Đảng Cộng Sản và phái phản đối Tưởng về sau này. Trên mặt chính trị, Tưởng Giới Thạch chủ trương tự cường tự lập lấy “Đại học”, “Trung Dung” làm lý luận chính trị cơ bản, thực hành nền chính trị chuyên chế phong kiến. Trong bài viết “Trách nhiệm và sự tu Dương tất yếu của học sinh đại học lục địa” Tưởng Giới Thạch đã nói: “Chơng thứ nhất của “Đại học” chẳng qua chỉ có hơn hai trăm chữ, nói rõ ràng minh bạch đạo lý nhất quán trước sau của việc làm việc, làm người cho đến việc tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Thiên chức của quân nhân chúng ta tức là trị quốc, bình thiên hạ. Muốn trị quốc bình thiên hạ thì cần phải bắt đầu từ việc tu thân đức sáng. Cho nên đạo của đại học chẳng những là triết học cơ bản của nhân sinh và chính trị, cũng hoàn toàn là triết học cơ bản của quân sự”. [45]. Những nguyên tắc chính trị phong kiến này cộng thêm việc hấp thụ tư Tưởng của khoa học kỹ thuật tiên tiến ngoại quốc, đã khiến Tưởng Giới Thạch trở thành phái sính Tây của thời đại mới. Tưởng tôn sùng Tăng Quốc Phiên, chủ trương “Cóp ngoài trước hết phải yên trong”, cho rằng sự uy hiếp lớn nhất đến từ nội loạn. Tính cách ngang ngành ương bóng và ý chí phấn đấu cá nhân của Tưởng Giới Thạch chủ yếu bắt nguồn từ sự giáo dục nghiêm khắc của gia đình, trước hết xuất phát từ sự giáo dục của người mẹ từ thời thơ ấu và hoàn cảnh phấn đấu cô đơn gian khổ của cả hai mẹ con. Đúng như bản thân Tưởng đã nói: “Lừa đảo lằng nhục, uy hiếp, áp bức, không ngày nào được yên... đã trở thành đạo lý dạy cho tôi biết khắc khổ tự lập... Mẹ tôi chỉ kiên trì một niềm tự tin, coi việc xây dựng lại gia đình là trách nhiệm duy nhất. Mẹ tôi thường nói: gian nan, khốn khổ, nguy hiểm, tai nạn... là điều thường xảy ra ở trên đời, chỉ có tự lập tự cường mới có thể khiến ta khắc phục được hết. Cho nên gia đình càng khó khăn thì lễ phép càng không thể thiếu được; phúc của gia đình càng mỏng thì chí khí càng không thể không kiên trì phấn đấu. Những người cô quả yếu đuối muốn tồn tại được, chỉ có phấn đấu tự lập khắc khổ tự cường, ngoài ra không có con đường nào khác “ [46] người mẹ của Tưởng Giới Thạch là một người phụ nữ truyền thống điển hình nhần nhục gánh vác trách nhiệm nặng nề, bà đã dồn hết hy vọng gửi gắm cả vào trên thân con trai, dùng luân lý phong kiến để dạy dỗ con trai, đã có ảnh hưởng rất to lớn đối với tư Tưởng và tính cách của Tưởng. Điều rất có thể phản ánh được hương vị văn hóa truyền thống đó trong xương thịt Tưởng Giới Thạch, chính là “Phong trào đời sống mới” mà Tưởng thi hành rộng rãi. Tháng 2 năm 1934, Tưởng Giới Thạch đã thành lập “Hội xúc tiến phong trào đời sống mới” tại Nam xương, Tưởng tự nhận chức Hội trưởng. Kỳ thực ngay từ tháng 4 năm 1932, Tưởng đã đề xuất quan điểm dùng lễ nghĩa liêm xỉ để cứu vãn

nhân tâm. Tưởng cho rằng : “ Hiện tại ngoài việc tinh thần thành thực thân ái ra còn phải cộng thêm bốn chữ Lễ Nghĩa Liêm Xĩ nữa. Mọi người không được cho rằng đó là tư Tưởng cũ kỹ hủ bại.... Tới ngày nay chúng ta không lấy Lễ Nghĩa Liêm Xĩ cộng thêm vào, thì không thể cứu vãn được dân đức và nhân tâm đã sa đọa lạc hậu, không thể xác định được cơ sở cách mạng của chúng ta.” Tháng 6 năm 1934, Tưởng lại đề xuất tám đức “Trung Hiếu, Nhân ái, Tín nghĩa, Hòa bình” và coi đó là cơ sở chính trị của Tam dân chủ nghĩa. Tháng 5 năm 1935, khi Tưởng Giới Thạch nói chuyện với học sinh tại Côn Minh lại đem tứ duy “Lễ Nghĩa Liêm Xĩ “ và bát đức” Trung hiếu, Nhân ái, Tín nghĩa, Hòa bình” này vẽ một dấu ngang bằng với Chủ nghĩa Tam dân. Mặc dù Tưởng Giới Thạch đem “phong trào đời sống mới” rùm beng ba hoa khoác lác, đem phong trào đó với chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn gộp làm một, khoác lên chiếc áo ngoài “hiện đại”, trên thực chất, phong trào này là một phong trào phục hồi lễ giáo phong kiến, cũng là phong trào giáo dục để chế độ sống trung thân hiếu tử. Mục đích phổ biến rộng rãi phong trào này là “giáo hóa” dân chúng trong toàn quốc “bỏ nhận dục, tồn thiện lý” trên mặt tinh thần, sống và làm việc có quy tắc quy củ, phục tùng nền thống trị của vương triều họ Tưởng, làm một người dân thuận theo “phi lễ vật động phi lễ vật thính, phi lễ vật thị, phi lễ vật hành” .Những cơ sở tư Tưởng trong tính cách hành vi của Tưởng Giới Thạch, ngoài tư Tưởng truyền thống Trung Quốc rễ sâu thân chắc ra, lý luận phát xít Tây phương cũng là vũ khí lý luận mà Tưởng tôn sùng. Tháng 5 năm 1931, trong hội nghị quốc dân triệu tập ở Nam kinh, Tưởng Giới Thạch nói: “Quan sát tổng hợp hiện tại chính phủ thống trị các nước trên thế giới, tuy hình thức có khác nhau, còn lập trường lý luận của chúng đại khái có thể chia làm ba... thứ nhất là lý luận chính trị cưỡng phát xít vốn là tinh thần của chủ nghĩa siêu tọng dựa vào học thuyết cơ thể quốc gia làm căn cứ, dùng tổ chức công đoàn để vận dụng. Cho rằng quốc gia là thực thể chí cao vô thượng , quốc gia phải đòi hỏi bất kỳ sự hy sinh nào của quốc dân, để kéo dài sinh mệnh của dân tộc, không thể dùng phúc lợi trước mắt làm chuẩn tắc, quyền thống trị phải được cùng tồn tại với xã hội mà không có thứ nào trước thứ nào sau, kẻ thao túng nó chính là nền thống trị có hiệu năng nhất trong giai đoạn của hệ tiến hóa. Thứ hai là lý luận chính trị của chủ nghĩa cộng sản... Thứ ba là lý luận chính trị của chủ nghĩa tự do dân trị...” Sau khi phân tích và so sánh 3 loại chủ nghĩa kể trên, Tưởng Giới Thạch đã làm lóe sáng lên quân áo chủ bài của mình. Tưởng nói: “Cứu vãn nguy nan của đất nước không thể chờ đợi được nữa, lãnh đạo dân tộc mà không có kinh nghiệm chính trị thì không thể thi hành quyền thống trị tương đối có hiệu năng được”. Sau đó Tưởng lại làm ra vẻ tuân theo ý dân nói: “Hiện tại điều yêu cầu đối với cả nước là thi hành quyền thống trị có hiệu năng, để đạt tới mục đích giải trừ sự thống khổ của dân chúng”. Rất rõ ràng, Tưởng Giới Thạch chủ trương dùng chủ nghĩa phát xít “thống trị có hiệu năng nhất” để cai trị Trung Quốc. Khi nghiên cứu lịch sử, người ta đã đem những chủ trương “Trung học là thể, tây học là dụng”, gọi những người duy trì và bảo vệ vương triều phong kiến hòng dùng kỹ thuật “làm thày các dân tộc man di” là “Phái sính Tây”, còn đối với tầng lớp sau này thì không đợng “tôn trọng” như vậy. Kỳ thực, lấy cơ sở tư Tưởng mà nói Tưởng Giới Thạch cũng có thể gọi là “Phái sính Tây”. Tưởng đã tiến dẫn lý luận phát xít, còn đem giống cỏ độc này cấy rễ trên căn bản phong kiến của tư Tưởng mình, khiến cho chúng kết hợp Trung quốc và Tây phương, hợp tác chặt chẽ, rồi trở thành cơ sở tư Tưởng trong tính cách hành vi của Tưởng.

Phần thứ chín

Bí mật về cái chết

Tưởng Giới Thạch đã chết, chết bởi già yếu hay chết bởi thất bại, hoặc chết bởi cả hai lẽ ? Tưởng Giới Thạch chết mà không có điều gì nuối tiếc hay là chết mà không nhắm được mắt ? Tại sao quan tài lại quản tạm tại Từ Hồ ? Sau khi Tưởng Giới Thạch chết, sấm chớp giao nhau, gió ma tâm tã, có người nói “trời đất cùng buồn”, lại có người nói “ông là một tinh rùa”. Vậy thì ai đúng, ai sai ?

1. Trước và sau khi Tưởng Giới Thạch qua đời

Ngày mùng 5 tháng 4 năm 1975, Tưởng Giới Thạch qua đời. Tưởng Giới Thạch chết bởi già yếu, chết bởi đau ốm, đó là điều chẳng còn gì để nghi ngờ. Thế nhưng có ai lại có thể phủ nhận rằng ông không

phải đã bị chết bởi những đòn đả kích nặng nề tới tấp do những thất bại cay đắng liên tiếp nảy sinh trong những sự kiện quốc tế? Đối với Tưởng Giới Thạch, năm 70 là một năm đen tối bởi rất nhiều “tai biến”, “bệnh” họa liên tiếp xảy tới. Tai họa thậm chí không phải bắt đầu từ đầu năm này mà đã bắt đầu một cách từ tháng giêng năm 1969.

Tháng giêng năm 1969, Ních-son - tổng thống đương nhiệm của nước Mỹ - lên cầm quyền lập tức tuyên bố “chính sách đối với đại lục Trung Quốc, sẽ là một bộ phận chủ yếu trong chính sách ngoại giao mới của nước Mỹ”. Ních-son lại chỉ thị Hội nghị an toàn quốc gia nghiên cứu lại chính sách đối với Trung Hoa, đề xuất lý thuyết cân bằng thế giới. Ních-son chuẩn bị giao hảo với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Nói rằng thế lực tàn d của Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan lúc này đã bắt đầu thời kỳ chao đảo của gió ma vùn vù là điều không quá đáng.

Ngày 26 tháng 12 năm 1970, Tổng thống Rumani Ceausescu tới thăm nước Mỹ, trong cuộc nói chuyện với ông ta, Ních-son đã nhờ vị lãnh đạo có quan hệ hữu hảo với Trung Quốc này chuyển lời với Bắc Kinh rằng: nước Mỹ hy vọng rằng quan hệ Trung - Mỹ được bình thường hóa. Trong diễn văn chào mừng tại bữa tiệc chiêu đãi hoan nghênh tổng thống Ceausescu, lần đầu tiên Ních-son gọi “Trung Quốc” là “Nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa”. Đồng thời với điều này trong đại hội lần thứ 25 của hội đồng Liên hợp quốc khi biểu quyết đề án của Anbani, ủng hộ nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa khôi phục lại địa vị ở Liên hiệp quốc, lần đầu tiên số phiếu đã vượt mức quá bán, địa vị của thế lực Tưởng Giới Thạch ở Liên hiệp quốc đã vô cùng nguy nan như trứng đẻ đầu đặng.

Ngày 21 tháng 6 năm 1971, tổng thống Ních-son tuyên bố xóa bỏ cấm vận kéo dài suốt 21 năm đối với nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa, Kít-sinh-giơ trợ lý đặc biệt của Ních-son lại đột nhiên từ Pakistan bí mật tới thăm Bắc Kinh từ 9 đến 11 tháng 7, bàn định với Thủ Tướng Chu Ân Lai để Ních-son tới thăm Trung Quốc.

Ngày 16 Ních-son lại phát biểu công báo tới thăm Trung quốc, công khai biểu lộ ủng hộ nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa khôi phục lại địa vị ở Liên hiệp quốc. Trước tình thế này, Tưởng Giới Thạch đã phát biểu thông cáo “Trang nghiêm kính cẩn tự cường” nổi tiếng. Thông cáo nói rằng: “Cổ nhân thường nói: “Việc trong thiên hạ, do con người làm; quyết không thể vì sóng gió nhất thời mà tự hủy diệt trang trí của mình... Chỉ cần tất cả mọi người trang nghiêm kính cẩn tự cường, gặp tai biến không kinh sợ, thận trọng tìm mưu kế phán quyết, kiên trì giữ vững tinh thần độc lập tự cường của quốc gia và quốc dân, thế thì bất kỳ thử thách nào cũng đều vượt qua tất!”. Thông cáo này của Tưởng Giới Thạch tuy đã cổ vũ mình, đồng viên người, nhưng làm sao có thể che giấu được nỗi đớn đau, khổ sở, buồn nản và bất lực ở trong lòng ông già này. Tưởng Giới Thạch biết rằng Chính phủ Mỹ bắt buộc dĩ mới phải chuyển sang ủng hộ việc khôi phục địa vị ở Liên hiệp quốc của nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa, chiếc ghế và đại biểu ở Liên hiệp Quốc của ông sắp sửa bị quét ra khỏi cửa rồi.

Ngày 10 tháng 10 năm này, trong “Ngày Quốc khánh”, Tưởng Giới Thạch lại phát biểu bài “Th gửi đồng bào trong toàn quốc”. ông đau đầu buốt óc nói rằng: “Ngày nay thế giới đang ở vào một thời đại đón đau thê thảm ở trong thời đại này, sự phân biệt giữa chính nghĩa và cường quyền, thiện và ác, đen và trắng, ngày một tiêu tán đi; sự tham lam, giả dối và hỗn loạn đã bao trùm tất thảy...” Tưởng Giới Thạch đã không phải là với tinh thần tuy có muôn vắn bi ai sầu khổ nhưng vẫn trấn tĩnh tự kiểm chế được như trong “Thông cáo”, mà do vì trong tâm can tràn đầy phần nộ uất hận, không thể tự nhin được mà đã mở rộng miệng chửi ầm lên, ông đã chửi kẻ thù, chửi bè bạn, chửi thế giới, chửi thời đại, suýt nữa ông đã chửi cả mình.

Sau nửa tháng (ngày 25-10-1971) đại hội lần thứ 26 Liên hiệp quốc đã chính thức tiếp nạp nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa, đuổi cút đại biểu của Tưởng Giới Thạch. Bức thư viết gửi từ Đài Loan công khai nhục mạ chửi bới Liên Hiệp Quốc “Đã trở thành một tổ chức lưu manh, để cho thế lực tà ác hỗn loạn nắm quyền, mất hết công bằng và chính nghĩa, không thể cứu vãn được!” Điều này có lẽ nào chẳng phải là sự căm giận và uất nghẹn của Tưởng Giới Thạch.

Vậy mà sự việc lại không chỉ dừng ở đây. Ngày 21-2-1972 Ních-son tổng thống nước Mỹ đã tới thăm Trung Quốc, ngày 28 đã phát biểu “ Thông cáo chung Trung - Mỹ “ nổi tiếng tại thượng Hải. Ngày 25-9-1972, Thủ Tướng Nhật Bản Tanaka Kakuci đã tới thăm Trung Quốc. Ngày 29, chính phủ hai nước đã tuyên bố quan hệ hai nước Trung Nhật bình thường hóa. Tiếp liền theo sau đó phần lớn các nước bè bạn liên minh ngày xa của “chính quyền” Tưởng Giới Thạch đã dần dập cắt đứt “ quan hệ ngoại giao” với ông ta. Tháng 10 năm 1970, các quốc gia “xây dựng quan hệ ngoại giao” với “chính quyền” Quốc dân đảng Đài Loan có 68 nước, đến tháng 2 năm 1972, chỉ còn 39 nước vẫn giữ “quan hệ ngoại giao” với họ, hơn thế còn có 19 nước đang suy nghĩ “cắt đứt quan hệ ngoại giao” với họ, để lập quan hệ ngoại giao với nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa. (đến tháng 1 năm 1974, các quốc gia vẫn giữ quan hệ ngoại giao với “chính quyền” Quốc dân đảng Đài Loan đã giảm xuống còn 20 nước). Sấm chớp của thế giới nhấp nhô, gió ma của Đài Loan chao đảo. Tưởng Giới Thạch vung gậy đập bàn ở Đài Bắc, chửi rủa om xòm Liên hiệp quốc và người Mỹ là “bội tín bỏ nghĩa, lấy bạo lực rải đường”, chửi bới người Nhật Bản là “vong ân phụ nghĩa, lật mặt bỏ người”, phát ra lời thề “Hơn lúc nào hết càng phải tự dựa vào mình”, “xin thề với trời xanh” sẽ làm cho “Thế giới này rất nhanh chóng trở lại mảnh đất chính nghĩa, tự do và hòa bình...” Nếu nói năm 1949 sự thất bại toàn diện ở đại lục là một đòn đả kích trầm trọng của nhà chính trị gia hùng tâm vững chí, thế thì năm 1970 mở đầu sự thất bại trên võ đài quốc tế là một đòn đánh chí mạng đối với một lão già đã bước vào những năm tàn như ngọn nến lét leo trước gió.

Năm 1972, Tưởng Giới Thạch đã mang bệnh nặng trên thân. Đầu tháng 3 năm ấy ông đã phải tiến hành cuộc phẫu thuật lớn bởi bệnh phi đại tiền liệt tuyến. Thế nhưng hậu quả không tốt, đã chuyển sang viêm tiền liệt tuyến mạn tính, rồi sức khỏe của Tưởng Giới Thạch bắt đầu suy thoái toàn diện. Trong tháng 7, Tưởng Giới Thạch mắc bệnh cảm nặng phải nằm viện, bệnh tình xấu đi nhanh chóng, phát triển thành viêm phổi, giới y học đã tốn phí biết bao công sức mới không chế nổi bệnh trạng của ông. Thế nhưng, họa vô đơn chí, ngày 6 tháng 8, trên đường đi điều dưỡng ở bệnh viện Vinh Dân (Đài Bắc), tại ngã tư đường dinh quan Song Khê ngoài Sĩ Lâm núi Dương Minh, ông ngồi trên xe bị xe hơi của một viên thiếu Tướng phóng nhanh đụng phải, ông đã bị nạn bất ngờ. Từ đó, thân thể của Tưởng Giới Thạch không gượng dậy nổi, phải tuyên bố từ chối không tiếp khách, đã bắt đầu một lịch trình gian nan và dai dẳng giành giật với tử thần. Thế nhưng, Tưởng Giới Thạch với chí khí kiên cường nổi tiếng “trần đầy niềm tự tin phấn đấu” đã không cam chịu sự sắp đặt của vận mệnh. Tết Nguyên đán năm 1973, theo thường lệ ông vẫn gửi thư thăm hỏi đồng bào. Ông nói: “Hơn 70 năm qua, quốc dân ta đã dốc sức làm cách mạng dân chủ và thống nhất, coi đó là mục tiêu duy nhất của cách mạng mà cha hê có một ngày gián đoạn”. Trong bức thư đó ông đề xướng làm người Trung Quốc “ đường đường chính chính “ cần phải “phấn đấu tới cùng” vì nền dân chủ và thống nhất.

“Ngày Quốc khánh” năm 1973 ông lại phát biểu thông báo: “Cho dù quyền lợi của chúng ta có phải phải lên một bức màn bí ai đau khổ, bầu không khí của chúng ta tạm thời bị chất độc hóa học bao phủ bầu trời. Chúng ta quyết không nản chí, chúng ta không thể lạc đường mất phương hướng. Trước đó vào tháng 2 năm 1972 Hội nghị lần thứ 5 tiến hành “Quốc đại” cứ 6 năm triệu tập một lần tại Đài Loan, để bầu cử “Tổng thống”. Tưởng Giới Thạch tuy đã có đại chứng tiền liệt tuyến phì, ông vẫn “trắng tâm bất khuất” ông nói, ông tuổi tác đã cao, không tham gia tranh cử “Tổng Thống” nữa, lại nói, nếu như mọi người không chê ông già, ông vẫn tình nguyện dốc sức lực tiếp tục làm việc. Ngày 21 tháng 3, ông một lần nữa “trúng cử” với số phiếu 1308 trong tổng số phiếu 1316, Nghiêm Gia Cán “trúng tuyển” “Phó tổng thống”. Sau khi “Trúng cử”, Tưởng Giới Thạch lại phát biểu thông báo: “Duy chỉ có chính phủ và nhân dân chúng ta mới có thể nghiêm chỉnh dốc sức giành lại lãnh thổ đã mất, cứu vớt lấy ngàn triệu đồng bào ở đại lục. Chúng ta mới có thể cùng đứng dưới ngọn cờ Tam dân chủ nghĩa, giành hưởng âm trạch của tự do với quyền lợi. Đặt cơ sở trên những lí do này, bản thân tôi mới có thể dốc hết lòng hăng hái và hạ quyết tâm, hơn thế chẳng quản tuổi cao và đối mặt với sứ mệnh cực kỳ to lớn, trách nhiệm vô cùng nặng nề mà đảm nhận chức vụ này... dốc hết sức chống lại bọn Mao cộng bán nước, quyết chí hoàn thành đại nghiệp, thề đem quân Bắc phạt lần thứ hai thống nhất nước Trung hoa dân quốc... Tôi xin thề... không phụ lòng mong đợi của toàn dân tộc, mang hết tinh thần trách nhiệm... chỉ cần bọn Mao cộng và bọn đồng đảng bán nước còn tồn tại một ngày, nhiệm vụ cách mạng của chúng ta không thể ngừng trệ, cho dù chúng ta có phải chịu ngàn vạn đòn đả kích và dày vò, cũng quyết không từ nan, quyết không thoái chí. “

Trong đời sống chính trị của Tưởng Giới Thạch, đây là lần làm “Tổng thống” cuối cùng. Không may, ngày 20 tháng 5 năm 1972, khi Tưởng Giới Thạch cùng Nghiêm Gia Cán tuyên thệ nhậm chức, đã xảy ra một “sự cố” không lớn không nhỏ, giống hệt như trong bữa ăn nhìn thấy một con ruồi chết ở trong mâm, sự tởm lợm không nói ra được trong tâm lý cũng bùng lan ra. Buổi sáng hôm đó, sau nghi thức tuyên thệ nhậm chức, hai người bước lên lan can “phủ tổng thống” tiếp nhận sự “hoan hô” của hai mươi vạn dân chúng, đài vô tuyến truyền hình sẽ phát sóng trực tiếp tới toàn thế giới. Thế nhưng không biết làm thế nào, khi truyền những nét mặt hoan hô của dân chúng, ở góc dưới màn hình đã xuất hiện những chữ Hán không biết từ đâu tới dòng chữ là “Đại ca không tốt rồi...” một câu viết như vậy, có khác gì ai đó cố ý lăng mạ, chửi rủa “tổng thống”. Về sau do người cháu thứ hai của Tưởng Giới Thạch là Tưởng Hiếu Vũ đích thân tra xét ra, đây là do nhân viên đài truyền hình bỏ sót, chứ không phải là cố ý dụng tâm. Thế nhưng ở trong tâm mắt những người mê tín bao gồm một số “nguyên lão quốc đảng”, điều này quyết không phải là điều lành. Sau đó một loạt bệnh cảm mạo nặng, viêm phổi, tai nạn xe v.v... liên tiếp kéo đến đã khiến cho họ càng tin chắc rằng những hàng chữ Hán không biết từ đâu đến kia đã là một điềm ác đối với ông, cũng giống như Tuyên Thống hoàng đế khi đăng cơ còn nhỏ đã khóc ré lên, khi Nhiếp chính vương Tải Phong vỗ về hoàng đế nói: “Sắp rồi! Sắp rồi! Sắp hết rồi!” đã bị rất nhiều người nói đó là điều dự báo triều Thanh sắp sửa bị tiêu vong. Tưởng Giới Thạch tuy là một tín đồ đạo Cơ đốc, thế nhưng cũng có tư Tưởng mê tín phong kiến rất sâu nặng, sau khi được biết tin này liền nói: “Xúi quẩy! Xúi quẩy!”.

Tháng 7 năm 1972, sau khi Tưởng vì cảm mạo nặng dẫn tới viêm phổi phải nằm viện, tuyệt đối giữ bí mật với mọi người, không để cho một ai được biết. Trong tình trạng ốm lâu không được tiếp xúc với sự việc, ông vốn nên từ chức, để cho phó tổng thống thay mặt ông giữ chức, thế nhưng ông đã không làm như vậy, ông muốn để cho người kế tiếp ông là Tưởng Kinh Quốc tranh thủ được thời gian nhiều hơn. Tới tháng 7 năm 1973 trên báo chí đã công khai đăng tải ông chụp ảnh chung với mọi người trong buổi lễ kết hôn của người cháu thứ tư là Tưởng Hiếu Dũng, là lần thứ nhất lộ mặt công khai sau một năm ông bị bệnh, cũng là dịp công khai chứng tỏ với dân chúng tình trạng sức khỏe của ông và cũng kín đáo nói rằng ông đã chữa bệnh tốt. Sức khỏe của Tưởng Giới Thạch quả thật có chuyển biến tốt. Đến mùa hè năm 1974, mỗi ngày ông đã có thể tới vườn hoa đi dạo, cùng với người trong gia đình và các chính khách thảo luận những vấn đề chính trị v.v... Ngày 10 tháng 10 năm đó, theo thường lệ ông lại phát biểu “Diễn văn quốc khánh” vẫn vọng đàm tới việc “Quang phục đại lục”. Ngày 31 tháng 10, khi chúc thọ Tưởng, nhà đương cục Đài Loan đã đúc ra khối lớn huy chương “Tưởng Tổng thống vạn tuế”, hơn thế còn dùng khí cầu cực lớn thả dù xuống đại lục 10 triệu tấm ảnh Tưởng Giới Thạch. Nghe nói chỉ riêng năm này nhà đương cục Đài Loan đã thả dù xuống đại lục 280 triệu tấm ảnh của họ Tưởng, có ý đồ khiến cho mọi người ở đại lục đừng có quên Tưởng Giới Thạch. Thế nhưng chuyển biến tốt và sự khôi phục sức khỏe của Tưởng Giới Thạch đã không tiếp diễn được lâu, mà ngày càng suy kiệt, bệnh đã ăn sâu vào xương tủy không thể chữa được nữa.

Tháng 12 năm 1974, Tưởng Giới Thạch lại mắc bệnh cúm một lần nữa chuyển sang viêm phổi. Do sức khỏe của ông đã cực kỳ suy yếu, cũng bởi tại sử dụng kháng sinh lâu, dẫn tới vi khuẩn chống lại thuốc tăng mạnh, có điều trị cũng phí thuốc, bệnh tình của ông không thấy có chuyển biến tốt. Kéo dài tới tháng 9 tháng giêng năm sau, trong giấc ngủ ban đêm ông đã phát sinh ra bệnh tâm cơ thiếu ôxy, tuy đã được cấp cứu chuyển nguy thành an, thế nhưng sau đó viêm phế quản vẫn chưa thể hoàn toàn chữa khỏi sốt nóng lâu không suy thoái. Ngày 29 tháng 3 năm 1975, có lẽ Tưởng Giới Thạch cảm thấy bản thân mình không thể sống lâu ở nhân gian nữa, ông đã tiện khẩu truyền di chúc, do phó bí thư trưởng ủy ban trung ương Đảng dân quốc là Tần Hiếu Nghi ghi lại. Sau khi di chúc lập xong, Tưởng Giới Thạch đã bước vào một tuần lễ cuối cùng của cuộc đời ông, sức khỏe lúc lành lúc xấu, thần trí khi tỉnh khi mê. Dần dà gắng gượng bước vào tháng 4, theo cách nói dân gian của những người già Trung Quốc - Tết thanh minh đối với những người bệnh có nguy cơ trầm trọng đã tới. Tưởng Giới Thạch với sức sống vô cùng suy yếu, cuối cùng đã gắng gượng qua được ngày tảo mộ tế tổ, điều niệm vong linh và đã chết trong Tết thanh minh ngày 5 tháng 4 này.

Đối với cái chết của Tưởng Giới Thạch, trong cuốn sách của mình, người Nhật Bản ông Furuya đã ghi thuật tường tận tỉ mỉ như sau: “Ngày 5 tháng 4 năm 1975, trên cuốn lịch bàn vừa đúng là tết Thanh Minh - một buổi sớm trời trong vạn dặm, thích hợp với thời tiết. Ngày Tết này, ở Trung hoa dân quốc gọi là “Tết dân tộc tảo mộ”, được nhà nước định là ngày nghỉ, để cho tất cả mọi người đi quét dọn sửa sang phần mộ

của tổ tông, an ủi những linh hồn ở trên trời. Lúc này, ở Nhật Bản vẫn đang là mùa hoa anh đào nở rộ, còn Đài Loan thì đã bước vào đầu hạ. Còn nhớ buổi sáng sau khi ngủ dậy đã phải mở máy điều hòa khí lạnh ở trong phòng. Tám giờ sáng ngày hôm đó, Tưởng Tổng thống ngủ dậy ở trong dinh thự Sĩ Lâm Đài Bắc. "Đêm hôm qua, cụ Tưởng ngủ yên giấc, cho nên tinh thần sáng khoái!" - Đây là lời ghi chép trong sổ theo dõi sức khỏe của một bác sĩ trong tổ phục vụ điều trị. Tưởng Công tử - ông Tưởng Kinh Quốc (Viện trưởng viện hành chính) vẫn tới dinh thự thăm cha như mọi ngày. Tưởng tổng thống đã rửa mặt đánh răng xong, ngồi ở trên ghế nằm bên cạnh giường. Lúc này, Tưởng tổng thống căn dặn Tưởng Kinh quốc lời như sau:

- Từ nay về sau bản thân con phải nghỉ ngơi nhiều!

Sau khi nghe lời này. Tưởng kinh Quốc cảm thấy ông đã đón nhận một niềm cảm xúc đặc biệt không nói ra được, như một đòn xâm kích, suốt ngày lớn vồn những ý nghĩ bất an... Sự bất an của ông Tưởng Kinh Quốc đã trở thành hiện thực. Buổi chiều hôm đó, Tưởng tổng thống đột nhiên cảm thấy cồn cào trong bụng. Sự trải qua sau đó, trong thư báo cáo của tổ điều trị có thuyết minh như sau: "Trong bụng khó chịu, đồng thời lượng tiểu tiện giảm ít. Tổ điều trị cho rằng công năng tâm trạng của cụ Tưởng không tốt, do đó sự tuần hoàn mạch máu không thông suốt, các tổ chức trong cơ thể có khả năng có hiện tượng tích nước; tức thì đã truyền cho một ít thuốc lợi tiểu, lúc này cụ Tưởng đã thải ra được lượng nước tiểu là 500 cc. Buổi chiều đúng 4 giờ, ngủ được chút ít. Sự biến hóa của bệnh tình phát sinh vào khoảng trên dưới 8 giờ 15 phút buổi chiều. Các bác sĩ phục vụ phát hiện, Tưởng tổng thống vừa chớp mắt ngủ mạch đập lại đột nhiên chuyển sang chậm, lập tức tiến hành xoa bóp vùng tim và hô hấp nhân tạo, đồng thời tiêm thuốc cấp cứu. Sau một hai phút, tim đập và hô hấp lập tức trở lại bình thường. Thế nhưng sau bốn năm phút, tim lại ngừng đập, lập tức lại tiến hành xoa bóp tim, hô hấp nhân tạo và tiêm thuốc cấp cứu. Thế nhưng hiệu quả lần này không tốt đẹp, tim tuy lúc đập lúc ngừng, thế nhưng hô hấp không khôi phục lại được, kim trong máy đo áp huyết đã ngừng, mạch đập, áp huyết đã không thể đo được nữa." Đúng 11 giờ 30 phút, con ngời của đôi mắt cụ Tưởng đã giãn. Công tác cấp cứu vẫn tiếp tục tiến hành, đã tiêm mấy ông thuốc kích thích tim. Sau cùng đã ứng dụng cực điện trực tiếp kích thích cơ tim, kích thích buồng tim, thế nhưng vẫn vô hiệu". Đúng 11 giờ 50 phút buổi chiều mùa hè tại Đài Bắc, Tưởng tổng thống đã vĩnh biệt thế gian, hưởng thọ 89 tuổi. Lúc này trên bầu trời thành phố Đài Bắc bỗng nhiên sấm chớp kinh người, ma như trút nước. Vào mùa này rất ít khi có ma có sấm như vậy, đúng như trong nhật ký ông Tưởng Kinh Quốc đã ghi "Phong vân dị sắc, thiên địa đồng ai" - gió mây khác tiết, đất trời buồn thương. ở Đài Loan có người truyền thuyết: Linh hồn của Tưởng tổng thống đã cỡi gió cỡi sấm bay lên trên trời, cụ đã ra đi theo tiếng gọi của Chúa trời. (thế nhưng Giang Nam tiên sinh phản bác nói: Điều đó cũng có khác gì nói một cách nhảm nhí xằng bậy: ông là con tinh rùa, vô căn cứ!)

Tưởng phu nhân - nữ sĩ Tống Mỹ Linh và ông Tưởng Kinh Quốc chăm sóc chiếu cố ở bên gối cụ mãi cho tới lúc lâm chung. Mọi người được lần lượt triệu đến dinh quan... Di chúc đã có sự chuẩn bị trước, Tưởng tổng thống hình như đã dự biết được mình sắp sửa lìa khỏi thế gian, cho nên ngày 29 tháng 3, một tuần lễ trước đã truyền miệng cho phó bí thư trưởng Quốc dân đảng Tần Hiếu Nghi ghi chép lại. Trước mặt Tưởng tổng thống, mở bản di chúc ra đọc nội dung như sau: "...Thực hiện tam dân chủ nghĩa, khôi phục lại toàn bộ lãnh thổ đại lục, phục Hưng nền văn hóa dân tộc, kiên trì giữ gìn đội hình chiến đấu dân chủ, đó là chí nguyện suốt đời của tôi..." Đầu tiên là Tưởng phu nhân, tiếp đó là phó tổng thống Nghiêm Gia Kiềm, Viện trưởng Viện hành chính Tưởng Kinh Quốc và Viện trưởng Viện lập pháp Nghê Văn á, Viện trưởng Viện tư pháp Điền Quýnh Cẩm, Viện trưởng Viện thi cử Dương Lọng Công, Viện trưởng Viện giám sát Từ Tuấn Hiền.... các ông bà đều run rẩy cầm bút lông ký tên trên tờ di chúc.

Một đêm trôi qua. Sau khi trời sáng, trên bầu trời Đài Bắc bao phủ một tầng mây mờ dày đặc. Các tờ báo buổi sáng đều đem khuôn bản màu hồng thường ngày, nhất loạt đổi thành mặt đen, báo tin Tưởng Tổng thống qua đời. Đài vô tuyến truyền hình cũng đình chỉ phát các băng ghi hình màu sắc và các tiết mục văn nghệ vui chơi. Các công sở cơ quan quan trọng, ở những nơi trải thảm màu đỏ đều được phủ lên mảnh vải đen, biểu thị sự Tưởng niệm tiếc thương. Các hiệu vải trên phố đều tự động cung cấp miễn phí những băng vải đen. Những chiếc khăn quàng màu đỏ và những bộ quần áo sắc sỡ đều không còn nhìn thấy bóng dáng nữa, ngay đến cả dầu mực dầu dùng để đóng dấu đều cải thành màu xanh. ở Trung Quốc, màu

đỏ được coi là tọng trung của sự chúc tụng vui mừng, mọi người bởi tâm tính buồn bã tiếc thương, do đó đã vứt bỏ màu đỏ đi, đến nỗi chỉ trong một đêm ở khắp các phố to ngõ nhỏ đều tiêu tan hết toàn bộ màu đỏ. Điều này đối với người nước ngoài mà nhìn, sẽ có thể cảm thấy có một phản ứng gì đó không phải là bình thường.

Tuân theo điển lễ, việc chôn cất sẽ cử hành vào ngày 16 tháng 4. Phó tổng thống Mỹ đặc sứ của tổng thống nước Mỹ Rokefeller, thủ Tướng Hàn Quốc Kim Jong Pil và các đoàn đại biểu của 23 nước đều tới Đài Loan tham dự. Nhật Bản tuy không có sự bang giao cũng có các ông như Sato Ei saku, KShinobusuke ...vài vị tới Đài Bắc. Trung hoa dân quốc đãi ngộ đoàn đại biểu Nhật Bản theo tiêu chuẩn tiếp tân quốc tế, ở trong khách sạn và trên chuyến xe riêng đều treo cờ trường Nhật Bản. Kể từ năm 1972 tuyệt giao mỗi liên bang đến nay, đây lại là lần đầu tiên nhìn thấy quốc kỳ Nhật Bản ở Đài Loan. Vòng hoa viếng của ông Sato Eisaku, chỉ có tên của ông, mà không thêm bất kỳ phẩm hàm gì; Lúc đầu ông định lấy tên là “Đại biểu Đảng Tự dân”; thế nhưng bởi dính vào phía đại lục, nên lại đổi là “Đại biểu người bạn”.....

Sau khi di hài của Tưởng Tổng thống được tiến hành ớp lạnh, tạm thời chôn cất tại bờ hồ Từ Hồ cách phía nam Đài Bắc ớc khoảng 60 cây số. Nơi này chính là chỗ Tưởng tổng thống đã trú ngụ sau khi đã rút khỏi đại lục tháng 6 năm 1949, phong cảnh rất giống Khê Khẩu Trần của Phụng Hóa, Triết Giang, nơi cố hương của tổng thống. Để Tưởng nhớ vương Thái phu nhân, Tưởng tổng thống đã đích thân đặt tên nơi đây là “Từ Hồ”, rồi xây dựng một dãy hành quán. Hiện tại Tưởng tổng thống mặc bộ đại lễ áo dạ cỡi ngựa, trước ngực đeo huân chương, yên nghỉ trong quan tài nổi áo quan và quách bằng đá hoa cẩm thạch màu đen ở chính sảnh hành quán. Nếp nhà ngang tiếp liền chính sảnh giữ nguyên trạng phòng ngủ của Tưởng tổng thống, trên bàn trà ở mặt chéch còn lưu lại mấy chữ viết tay trên mảnh giấy ghi lời nhắn bằng bút chì đỏ: “Năng khuất năng thân !” {Có thể cong cũng có thể thẳng} ý nghĩa là: Thuận theo hoàn cảnh, cần nhẫn thì nhẫn, phải cong thì cong, để chờ thời cơ duỗi thẳng.

Furuya là một nhà văn Nhật Bản thân Tưởng, trong các sách của ông tràn đầy những từ tán Dương ca ngợi Tưởng Giới Thạch, đối với cái chết của Tưởng Giới Thạch ông đã biểu hiện ra đón đau và thương tiếc. Thế mà đưa số d luận thế giới đã biểu đạt những cảm thụ và bình giá khác.”Đông Kinh Tân Văn” Nhật Bản nói: “Cái chết của Tưởng Giới Thạch chứng tỏ rằng điều h câu “Chính phủ quốc dân là chính phủ chính thống của Trung Quốc” từng thống trị thời đại chiến tranh lạnh sau cuộc chiến đã sụp đổ tan tành một cách danh phù hợp với thực của nó.

Đô ron đô Canada “Báo bu điện hoàn cầu” nói: Nói một cách rộng lượng khoan hồng nhất Tưởng Giới Thạch là một vị lãnh tụ từ trước tới nay cha hề đuổi kịp thời đại. Ông từ trước chí sau vẫn là một người hiểu được quyền lực nhiều hơn hiểu được sự cải cách cơ bản.

“Tin tức hôm nay” của Thụy Điển: Một con ma quỷ đã chết đi. Tin tức về sự qua đời của Tưởng Giới Thạch, khiến cho người ta nhất thời khó nhớ được, trong thần thoại lịch sử mà ông ta biên soạn viết ra ở phương Tây, chính ông ta đã diễn trò của một nhân vật chính. Đối với lớp người trước, mấy năm lại đây, ông ta đã xuất hiện với thân phận lãnh tụ, Trung Quốc bị nước lớn Nhật Bản điên cuồng xâm chiếm, trà đạp; được người ta tôn sùng, tự cho rằng mình là một chính trị gia xuất chúng. E rằng, còn đòi hỏi một số thời gian nữa, loài người mới có thể nhận thức được. Kỳ thực, ông ta chỉ là Nguyễn Văn Thiệu của thời đại đó.

“Thời báo Niu ooc” nước Mỹ nói: cái chết của Tưởng Giới Thạch đã kết thúc một loại ảo giác cho rằng thực tế ông ta vẫn thống trị Trung Quốc. Con trai của ông và những người kế thừa của Đài Loan suốt thời kỳ dài đến nay đã thích ứng với loại ảo giác này. Hai mươi năm năm cuối cùng của cuộc đời ông, ẩn nấp ở trên hòn đảo Đài Loan này, trước sau chỉ làm một giấc mộng mê muội về sự phản công. Cái chết của ông có khả năng tăng cường tốc độ cho nước Mỹ rút ra khỏi Đài Loan cùng với việc tăng nhanh công việc bình thường hóa quan hệ giữa họ và Bắc Kinh.

“Báo Manila” của Philippin nói: Cái chết của Tưởng Giới Thạch đã kết thúc một kỷ nguyên trên lịch sử Trung Quốc, mộng Tưởng của ông trở về đại lục vẫn chỉ là một giấc mộng mà không có cách gì có thể thực hiện được.

2. Di chúc của Tưởng Giới Thạch viết những gì?

Phần trên đã nói, ngày 29 tháng 3 năm 1975, Tưởng Giới Thạch dự cảm thấy mình sắp sửa vào quan tài, không ở lâu trên thế gian được nữa, liền đọc lời di chúc cho Tần Hiếu Nghi ghi chép. Di chúc của Tưởng Giới Thạch viết những gì? “Tôi tự buộc tóc đến nay, đã đeo đuổi cuộc cách mạng của Thủ Tướng, không lúc nào không tự cho mình là một tín đồ của Giêsu Cơ đốc và của ngài Thủ Tướng, không ngày nào là không phấn đấu gian khổ để tiêu trừ những trở ngại của Chủ nghĩa Tam dân, xây dựng một quốc gia với nền chính trị dân chủ. Hơn hai chục năm nay, những căn cứ tự do ngày càng lớn mạnh một cách tinh túy thực chất, hơn thế đã không ngừng triển khai cuộc chiến tranh chính trị với sự tàn ác của Đảng Cộng sản đại lục. Đại nghiệp chống Cộng phục Quốc, ngày càng đổi mới, ngày càng Hưng thịnh, quân dân trong toàn quốc, các đồng chí trong toàn Đảng, quyết không thể vì sự ra đi của tôi mà lo âu nhụt chí khí ! Mọi người cần phải thành tâm đoàn kết nhất trí phục tùng sự lãnh đạo của Đảng và chính phủ mình, phụng thờ chủ nghĩa vì ngài Thủ Tướng vô hình lấy việc phục quốc làm mục tiêu chung. Còn tinh thần của Trung Chính, tự tất sẽ ở bên cạnh đồng chí đồng bào mình. Thực hiện Tam dân chủ nghĩa, thu phục hết quốc thổ đại lục, phục Hưng nền văn hóa dân tộc, kiên trì giữ vững đội hình chiến đấu dân chủ, đó là sự nghiệp ý chí suốt đời của tôi, thực tế cũng là ý chí cách mạng và quyết tâm chiến đấu nhất trí của quân dân đồng bào hải nội hải ngoại. Mong muốn người người ngày càng kiên trì bách nhẫn, phấn đấu tự cường, không hoàn thành được trách nhiệm của cách mạng quốc dân quyết không dừng lại: thề can lao, thề dũng cảm, đừng lời biếng, chớ chểnh mảng. Ngày 29 tháng 3 năm Trung Hoa Dân quốc thứ 4. Tưởng Trung Chính”

Sau khi bản di chúc bao gồm hơn 200 chữ này của Tưởng Giới Thạch được phát biểu, lập tức đã gây nên rất nhiều điều chê trách. Có người nói nó đã loạn dùng điển cố thành ngữ, Văn lý thiếu thông suốt, đọc lên khiến cho người ta có cảm giác khô hời, về căn bản không giống một tờ di chúc. Có người nói nó đã loạn sắp xếp ngôi thứ, đem Giêsu xếp đặt ở trước Thủ Tướng Tôn Trung Sơn, thực sự đâu có thể như vậy được. Lại có người nói Tưởng Giới Thạch thực ra cha hề ký tên trên tờ di chúc. Các đại viên như Tổng Mỹ Linh và Tưởng Kinh Quốc v.v... cũng chỉ là ký bổ sung vào sau khi Tưởng Giới Thạch chết, căn cứ theo “Pháp luật” của nhà đương cục Đài Loan thì đó là bản Di chúc vô hiệu.

Trong bài viết “Cái chết của Tưởng Giới Thạch với Tưởng Kinh Quốc” của một người hương Cảng có nói: Bản di chúc của Tưởng, những văn tự vừa mở đầu đã không thông, chẳng những không phù hợp với sự thực, mà hàm ý cũng hoang đường vô lý. Câu đầu tiên của bản di chúc nói: “Tôi tự buộc tóc đến nay, đã đeo đuổi cuộc cách mạng của thủ Tướng, không lúc nào không tự cho mình là một tín đồ của Giêsu “Cơ đốc” và của ngài thủ Tướng...”. Theo văn pháp Trung Quốc “Tôi tự buộc tóc đến nay” nên viết là “Từ khi tôi buộc tóc đến nay” mới được gọi là thông thuận. Đối với “buộc tóc tới nay đã đeo đuổi cuộc cách mạng của thủ Tướng” thì lại càng là chỗ không thông. “Buộc tóc” chính là “những năm ở tuổi nhi đồng”. Tưởng Giới Thạch được gặp Tôn Trung Sơn, căn cứ theo “niên biểu” mà Trần Bồ Lô biên soạn cho Tưởng, là khi 23 tuổi (năm 1909 sau công nguyên, trong “niên biểu” viết rõ “Lần đầu tiên yết kiến thủ Tướng, đã dốc bầu tâm sự bàn việc nước”. Trong di chúc của Tưởng Giới Thạch nói “Buộc tóc đến nay đã đeo đuổi cuộc cách mạng của thủ Tướng, điều này chẳng phải là khoác lác hay sao? Tạm thời không bàn tới việc đem chúa Giêsu kéo ngang hàng với Tôn Trung Sơn là tầm bậy, “tự cho mình là một tín đồ”, những chữ này thật đủ nực cười. Hai chữ “Tự c” (tự cho mình) là để chỉ “vốn dĩ không phải là sự việc này, nhưng lại cứ cứng nhắc “mạo xng” “. Ví dụ rõ ràng là một kẻ xấu xa, nhưng lại “tự c” (tự cho mình) là người tốt. Câu đầu tiên trong bản di chúc của Tưởng thừa nhận tuy bản thân mình nói là “tín đồ của thủ Tướng”, thế nhưng trên thực tế đâu có phải như vậy, nguy trang mà thôi, thực sự đã khiến cho người ta cười rưng cả răng.

Lời nói sau cùng trong số 5 năm 1975 “Tạp chí Trung Hoa” do Hồ Thu Nguyên “ủy viên ủy ban lập pháp” Đài Loan chủ biên nói, tạp chí này. “đã nhận được mấy bài đoản văn và thông tấn, có bình luận và phê phán đối với nghi lễ đại điển quốc tang lần này và sự mạch lạc của văn chương chính thức”. Lời nói

sau cùng của ban biên tập viết rằng: “Sự việc xảy ra vội vàng lật đật, hơn nữa lại ở trong sự đau thương, có chỗ suy nghĩ cha chu đáo, cũng chẳng có gì là lạ”. Thế nhưng ở trong đó còn có câu “Những chỗ cha thông suốt... mong các phái hữu quan từ nay về sau hãy nên thận trọng hơn. Phàm làm việc gì hãy nên hỏi han những người thạo việc trong ngành, mới là cái đạo an toàn”.

Đường Nhân tiên sinh tác giả “Kim Lăng Xuân Mộng” đối với hành văn và nội dung bản di chúc của Tưởng Giới Thạch cũng không cho là như vậy. Ông viết: Buộc tóc, là từ xng hô đối với kiểu tóc thời Cổ đại, cuối đời Thanh, Tưởng Giới Thạch đã là cái “đầu văn minh”, ở thế giới hỗn độn thượng Hải, đến Nhật Bản giang hồ đầy đó, càng không thể có cái gọi là “buộc tóc” được, vào trường quân đội cạo đầu trọc thì làm gì còn tóc để có thể “buộc”. Trước và sau khi chết càng chẳng có tóc để mà nói, “Cấp bách bàn về kiểu tóc chẳng?” Tần Hiếu Nghi cầm bút làm văn hộ bản di chúc, mở đầu bản di chúc đã viết tới hai chữ “buộc tóc”, bản việc thì đầu trâu mồm ngựa, luận nội dung thì cổ hủ rã rời. Tức thì ông cho rằng, bản di chúc của Tưởng thực ra không phải tự thân lời căn dặn của Tưởng Giới Thạch, mà là Tổng Mỹ Linh dùng Anh ngữ khẩu thuật, sau khi ghi chép bằng bút rồi lại dịch ra Hán Ngữ, vai trò của Tần Hiếu Nghi chỉ là đem bản thảo dịch ra tiếng Hán của Tổng Mỹ Linh truyền miệng, làm cái việc nhuận sắc, sang sửa mà thôi. Đại để là dối những tiền đề mà Tổng Mỹ Linh đã gặt đầu, gọt bỏ đi một số quá Tây hóa, khiến cho nó tỏ ra một chút phong thái văn hóa Trung Hoa. Do vì bản di chúc của Tưởng Giới Thạch không phải là tự bản thân Tưởng khởi thảo, sau khi Tần Hiếu Nghi ghi chép xong, Tưởng Giới Thạch cũng không ký tên chính thức, mà là do Tần Hiếu Nghi ký thay, cho nên ngài Lý Ngạo, một học giả nổi tiếng ở Đài Loan có rất nhiều điều nghị luận. Trong bài “Bản di chúc của Tưởng Giới Thạch vô hiệu đối với pháp luật” ông đã viết: Căn cứ vào điều 1194 “Dân pháp” Đài Loan quy định: viết thay di chúc, do người di chúc chỉ định từ ba người trở lên làm chứng, do người di chúc kể miệng, di chúc những mục đích, do một trong những người làm chứng viết lại, tuyên đọc, giảng giải, sau khi được người di chúc bằng lòng, ghi rõ ngày tháng năm cùng với tên tuổi người viết thay, được toàn thể những người chứng kiến cùng với người di chúc đồng thời ký tên. Nếu người di chúc không thể ký tên được thì phải in dấu ngón tay để thay thế”. Ngày tháng trên bản di chúc của Tưởng Giới Thạch đề ngày 29 tháng 3, là sự việc trước khi chết 7 ngày, lúc đó tại sao không “chỉ định ba người trở lên tới chứng kiến”, “Cùng ký tên vào?”. Tại sao lại chờ sau khi Tưởng Giới Thạch chết rồi mới mạo xuất người chứng kiến tới ký bổ sung? Đã vừa vi phạm luật pháp lại vừa khó thông. “Còn đối với bản di chúc vô hiệu đối với pháp luật này, Quốc dân đảng đã ra lệnh cho thiên hạ “Theo Tưởng mà ca tụng ông”, điều này chẳng phải là quá lừa dối xỉ nhục dân chúng hay sao?

Đối với sự việc sau khi Tưởng Giới Thạch chết mới ký bổ sung vào bản di chúc, trong sách của ông Furuya có ghi thuật như sau: Từ trong hồi ức của ông Điền Quýnh Cẩm “Viện trưởng Viện tư pháp Đài Loan” có thể nhìn thấy được một vết văn. Điền Quýnh Cẩm viết: Đúng 1 giờ sớm ngày mùng 6 tháng 4, bầu trời ma cuồng gió giạt sấm chớp đùng đoàng, bỗng nhiên ông nhận được điện thoại đánh từ dinh thự của Tưởng Giới Thạch tới, buộc ông phải lập tức đến ngay. Khi ông tới nơi, lập tức được mời lên lầu hai. Ông nhìn thấy Tưởng Giới Thạch nằm ở trên giường, đắp một tấm chăn đơn, dáng vẻ rất ung dung. Tưởng Kinh Quốc đón đầu khôn xiết chẳng nói nên lời. Khi Điền Quýnh Cẩm với Nghê Văn á, Dương Lộng Công, D Tuần Hiền v.v..cúi mình vái lạy di thể của Tưởng Giới Thạch. Tưởng Kinh Quốc đã từng quỳ xuống đáp lễ. Họ đã nhiều lần ngăn cản, Tưởng Kinh Quốc vẫn kiên trì không chịu. Tổng Mỹ Linh thì ngồi ở trên chiếc ghế bên cạnh giường, tinh thần đau đớn xót thương, nhưng đã trấn định lạnh lùng, khuyên giải Tưởng Kinh Quốc không được quá đau đớn xúc động. Khi họ hành lễ xong, Tổng Mỹ Linh gật đầu đưa ý gửi lời chào hỏi. Điền Quýnh Cẩm trong quá trình cha nói tới việc ký tên trong văn bản, cũng không bàn tới có sự việc ký tên ngày 29 tháng 3, cho nên ngoại giới nói chung cho rằng, bản di chúc của Tưởng Giới Thạch là bản ký tên bỏ xung sau khi đã chết.

Đối với vấn đề sắp xếp thứ tự giữa Jesus và Tôn Trung Sơn tiên sinh, các tin đồn có rất nhiều tranh luận. Nghe nói lúc đầu Tưởng Kinh Quốc đã từng phản đối phương thức viết thuật này, thế nhưng Tổng Mỹ Linh đã “Kiên định bất di”, Tưởng Kinh Quốc cũng đành phải bãi bỏ. Đường Nhân tiên sinh căn cứ vào những tin đồn hữu quan, trong cuốn sách “Thảo sơn tàn mộng” của mình, đã viết: “Tưởng Kinh Quốc nhìn thấy “Mẫu hậu” đặt Jesus ở trên Tôn Trung Sơn đã lo sợ vội nói rằng:

- Tha mẹ, Jesus là ...

- Không sao ! Tổng đáp - có rất nhiều nhân vật vĩ đại ở Tây phương, trên di chúc đều có những câu từ cảm kích đối với thượng đế. Cha của anh là một tín đồ Cơ đốc cuồng tín, tự mình tìm người dịch lại Kinh thánh, tự mình có nhà thờ để làm lễ. Một năm bốn mùa còn mời mục sư đến dinh thự giảng đạo. Mấy năm nay chỉ cần có người tới thăm ông, khi sắp đi là ông lại tặng khách một bộ kinh thánh. Tình hình này, hẳn anh cũng đã biết, có phải không ?

- Tha mẹ, vâng ạ.

- Tốt, nay mẹ nói để anh biết, Tôn Trung Sơn là “Quốc phụ” , là người sáng lập ra Đảng ta, là tác giả của cuốn sách “Tam dân chủ nghĩa”, thế nhưng cha anh đã mấy lần in lại “Tam dân chủ nghĩa” để tặng cho mỗi vị khách một quyển. Cho dù ở trong Đảng bộ các cấp lại đã có ai đọc nó, lẽ bái cha có ? Có phải không?

- Điều này ...là, tha mẹ.

- Vậy thì, đặt thượng đế lên trên, có điều gì không thỏa hử?

“Thái tử” không nói gì. Ông quá hiểu rõ, Đài Loan từ nay về sau đều là đất trời của ông. Thế nhưng, trong quá trình “Chế tạo” ra bản di chúc này, ông không đủ sức tranh giành với “Mẫu hậu” được, tất thấy đều phải nghe theo bà”. Đường Nhân tiên sinh đã đem những tin đồn viết thành câu chuyện, do đó đã có những chi tiết sinh động. Bất kể là Tống Mỹ Linh và Tưởng Kinh Quốc có như vậy hay không, đem Jêsu viết vào và đặt lên trước Tôn Trung Sơn tiên sinh là kết quả của sự kiên trì của Tống Mỹ Linh. Điều này đã được đồn đại rất nhiều và rất rộng.

Rõ ràng là trong di chúc của Tưởng Giới Thạch văn lý không thông, có những chỗ điên đảo vô lối, ngoài một số sai lầm và đã được phê phán ở trên vẫn còn có thể chỉ ra được nhiều chỗ nữa. Thế nhưng dựa vào ý thức tư Tưởng mà xét thì cũng đã rõ cả. Một là thói phồn rùm beng ca ngợi mình, nói bản thân mình là tín đồ trung thực của Tôn Trung Sơn, suốt đời phấn đấu để thực hiện Tam dân chủ nghĩa, thực hiện một quốc gia có nền chính trị dân chủ v.v..Hai là gào thét phản công đại lục “giành lại toàn bộ đất đai đại lục, phục Hưng văn hóa dân tộc, kiên trì đội hình chiến đấu dân chủ” “Tinh thần” chống cộng đến cùng, dù chết không thay đổi của bản thân ông, còn “cần ở bên cạnh” “đồng chí” và “sự nghiệp” của mình. Trong dinh lũy của Tưởng Giới Thạch có một số lớn phái ngoan cố chống cộng cứng nhắc, Trần Thành đã từng đảm nhiệm qua chức “phó tổng thống” chính là một trong số đó. Chúng ta từng nói tới có người đã dùng sáu chữ “Trung Tưởng, Phản Cộng, ái Quốc” để bình giá tương đối chuẩn xác cuộc đời của ông ta, mặc dù vậy, trong bản di chúc mà trước khi Trần Thành chết cũng không thấy nhắc lại “Phản công đại lục” nữa, còn Tưởng Giới Thạch thì không như vậy, ông coi việc thất bại của đại lục xem như là mối hận mất nước, không phản công đại lục thì không đủ để bình phục nỗi hận trong trái tim ông. Chỉ có điều là “Sự nghiệp vĩ đại” mà trong suốt 25 năm, nửa đời người phần sau của ông vẫn chưa thể làm được, liệu còn có ai có thể thay ông thực hiện được đây ? Trên diêm này, Tưởng Giới Thạch khẳng định là di hận thiên cổ ?

3. Trong quan tài của Tưởng Giới Thạch đặt những cuốn sách nào ?

11 giờ 50 phút ngày 5 tháng 4 năm 1975, Tưởng Giới Thạch đã qua đời sau khi ốm. Nhà đương cục Đài Loan quy định “Quốc tang” một tháng bắt đầu từ ngày 6 tháng 4. Ngày 9 tháng 4, linh cữu của Tưởng được chuyển vào Quốc phủ kỷ niệm quán, để cho dân chúng được chiêm ngưỡng dung nhan thi hài trước sau 5 ngày. 8 giờ 5 phút ngày 16 tiến hành nghi thức truy điệu và an táng. Sau nghi thức, linh cữu của ông được chuyển đến Từ Hồ. 12 giờ 50 phút an quản tại Hành quán chính sảnh.Khi nhập liệm cho Tưởng Giới Thạch, ông mặc áo bào dài và áo ngắn cỡi ngựa, trên thân phủ Đảng kỳ Quốc dân đảng và “Quốc kỳ”. Những thứ đem theo vào trong quan tài có 3 tấm huân chương cao nhất khi sinh thời ông được nhận : Huân chương Thái Ngọc, Huân chương Thanh thiên bạch nhật và Huân chương Quốc Quang. Còn có cả mấy cuốn sách mà sinh thời ông thích đọc. Đối với việc trong quan tài đặt mấy quyển sách, là những quyển sách nào, ai đặt những quyển sách ấy, từ ấy đến nay, cách không giống nhau. Tưởng Kinh

Quốc trong bài ký “Một tháng bên linh cữu cha” đã viết : “Khi phương Đông bùng sáng, tại Tổng y viện Vinh Dân, theo phong tục quê hương , tôi đã mặc quần áo cho cha rồi khoác áo bào dài, áo ngắn cỡi ngựa, rồi gắn huân chương. Đúng 10 giờ, mẹ tôi đem 4 quyển sách mà cha tôi thích đọc là “Tam dân chủ nghĩa” , “Thánh kinh” , “Hoang mạc cam tuyến” và “Đường thi”, tự tay để vào trong linh cữu, ngoài ra còn có một chiếc mũ dạ pha len và một chiếc ba toong.”

Năm năm sau, tháng 4 năm 1980, trong cuốn sách “Một năm khó quên”, khi hồi ức lại tình hình lúc khâm liệm cho Tưởng Giới Thạch, Tưởng Kinh Quốc viết : “Đến Tổng y viện Vinh Dân mặc quần áo cho cha, đây là một lần làm việc cuối cùng của người con có thể được bên cạnh cha. Theo tục lệ quê hương , phải mặc 7 chiếc quần, 7 chiếc áo, bao gồm cả áo bào dài và áo chần chần ngựa. Trên người ông có quần vải tơ, đi bít tất đen, giày da màu đen, đeo huân chương và còn kèm theo 4 bộ sách mà sinh thời cha tôi thích đọc. Đó là các quyển “Tam dân chủ nghĩa” , “Thánh kinh” , “Hoang mạc cam tuyến” và “Thơ Đường” đặt vào trong quan tài. Ngoài ra còn có mũ dạ, mũ nỉ mỗi thứ một cái, găng tay một đôi, khăn tay một chiếc, ba toong một chiếc. Đây là những vật mà thường ngày cha tôi thường dùng”. Trong “Một năm khó quên” của Tưởng Kinh Quốc, những quyển sách được đặt vào trong quan tài vẫn là mấy quyển sách đó, thế nhưng người đặt sách lại từ Tổng Mỹ Linh biến thành bản thân Tưởng Kinh Quốc.

Điều thú vị là, “Báo cáo lễ tang” chính thức của nhà đương cục Đài Loan ngày 9 tháng 4 lại hoàn toàn khác với những điều đã kể trên :”Linh cữu của cụ Tưởng Tổng thống quyết định chuyển đến Quốc phủ kỷ niệm quán vào chính Ngọ ngày hôm nay. 6 giờ sáng tại Tổng y viện Vinh Dân sẽ cử hành tiểu liệm. Tưởng Viện trưởng tuân theo cô lễ đã mặc áo bào dài màu xanh và áo chần ngựa chần màu đen cho Tổng thống, ngực đeo huân chương lớn “Thái Ngọc”, bên trái, bên phải là huân chương “Quốc Quang” và huân chương “Thanh thiên bạch nhật”. Phu nhân đích thân đem những quyển sách “Kinh thánh” , “Tứ th” , “Đường thi” , “Tam dân chủ nghĩa” , “Hoang mạc cam tuyến” là những quyển sách thường nhật cụ Tưởng thích đọc, cùng với một số vật thường dùng như mũ lễ, ba toong đặt vào trong quan tài, những người trong gia quyến xếp hàng quì xuống vái lạy, khóc tề trước linh cữu.” Trong báo cáo Quốc tang này, người mặc quần áo thọ là Tưởng Kinh Quốc, người đặt sách vào là Tổng Mỹ Linh. Có người nói, đây là “Dao thái đậu phụ - hai mặt sáng”. Vấn đề là trong “Báo cáo lễ tang” chính thức có độ tin cậy rất cao này, 4 quyển sách đã biến thành 5 quyển sách, thêm lên một quyển “Tứ th”, một trước tác tiêu biểu cho sự tinh túy của nền văn hoá Trung hoa.”Báo cáo lễ tang” là sáng tác tập thể của các nhân sĩ hữu quan phía Nhà nước, đúng ra so với ghi chép của Tưởng Kinh Quốc lúc đó ngũ tạng suy tàn tê liệt phải có độ tin cậy cao hơn. Thế nhưng trong tường thuật của “Báo cáo lễ tang” ngày 16 tháng 4 lại phát sinh mâu thuẫn với tường thuật ngày 9 tháng 4, đó là :” 8 giờ tiến hành lễ đại liệm, do Nghiêm Tổng thống chủ tế, các đại viên lễ tang bồi tế, những người dự tế đứng nghiêm tại chỗ, cử ai nhạc, mặc niệm (đồng bào trong toàn quốc thì đứng nghiêm tại chỗ mặc niệm một phút). Sau khi dâng hoa và kính cẩn đọc văn tế, phu nhân, Tưởng công tử Kinh Quốc, thứ công tử Vĩ Quốc và hai tôn công tử Hiếu Vũ, Hiếu Dũng trong đón đầu khổ sở đầy chặt nắp quan tài (khi đầy nắp quan tài, lại đặt thêm một bộ “Tứ th” vào trong). 8 đại viên phủ cờ là Trương Quân, Hà ứng Khâm, Cốc Chính Công, Hoàng Thiếu Cốc, Hoàng Kiệt, Tạ Đông Mẫn, Trần Lập Phu và Tiết Nhạc, cung kính đem cờ Đảng phủ lên trên quan tài. Lại do 8 đại viên phủ cờ là Nghiêm Tổng thống, Ngô Văn á, Điền Quýnh Cẩm, Dương Lộng Công, D Tuấn Hiền, Từ Khánh Chung, vương Vân Ngũ và Vu Vân cung kính đem Quốc kỳ phủ lên trên Đảng kỳ. Toàn thể các nhân viên dự tế hành 3 lần cúi cung vái lễ, lại cử ai nhạc, lễ đại liệm chấm dứt.”Trong đoạn tường thuật này, mâu chốt là ở chỗ “ Khi đầy nắp quan tài, lại đặt thêm một bộ “ Tứ thư “ vào trong. Đối chiếu với điều ghi ngày 9 tháng 4 đó, tựa hồ như vốn dĩ ở trong quan tài đã có một quyển “Tứ th” rồi, mà nay đặt thêm vào một bộ nữa. Nếu quả thật như vậy thì tại sao lại đặt những 2 bộ “Tứ th” vào trong quan tài ? Là một tín đồ của Thủ Tướng, “Tam dân chủ nghĩa” của Thủ Tướng chỉ đặt có một quyển; Là một “Tín đồ Cơ đốc cuồng tín”, “Kinh thánh” của Cơ đốc cũng chỉ đặt có một quyển, thế mà “Tứ th” lại phải đặt hai quyển, lúc tiểu liệm đặt một quyển, khi đại liệm lại đặt một quyển? Có người từng chỉ trích nói rằng : Có lẽ nào lại đặt thừa một bộ, để cho cụ Tưởng ăn hay sao? Tình hình thực tế có khả năng là, lúc tiểu liệm ngày 9 tháng 4, sách đặt vào chỉ có 4 quyển, không có quyển “Tứ th”, đến khi đại liệm ngày 16 tháng 4 đã đặt thêm quyển “Tứ th” này. Sách ở trong quan tài của Tưởng Giới Thạch tới ngày 16 tháng 4 mới biến thành 5 quyển. Thế thì tại sao khi tiểu liệm ngày 9 tháng 4 trong quan tài không có “Tứ th” mà lại viết là có “Tứ th”. Tại sao lúc đại liệm ngày 16 tháng 4 lại đặt thêm một quyển “Tứ th” vào trong quan tài? Có người bình luận nói : Tưởng Giới Thạch luôn luôn rùm beng bản thân mình là đại biểu của nền văn hoá Trung Hoa, suốt đời dốc sức

cho việc phục hưng nền văn hoá dân tộc. Nếu như trong những quyển sách mà ông “thích đọc” lúc sinh thời, lại không có quyển “Tứ th” đại biểu cho nền văn hoá chính thống Trung quốc, hoá chẳng phải là chuyện nực cười tày trời hay sao? Cho nên đem quyển “Tứ th” liệt vào một trong những quyển sách mà Tưởng Giới Thạch “thích đọc nhất” lúc sinh thời, vội vội vàng vàng nhét vào trong quan tài, quả thật là muốn lừa dối công chúng, cũng là muốn bổ sung thêm hình tượng cho Tưởng Giới Thạch. Giả định đúng là khi đại liệm ngày 16 tháng 4 có đặt thêm một quyển “Tứ th” vào, vậy thì ai đặt ? Ai khi “đẩy nắp quan tài” đã đem bộ trước tác quan trọng này đặt vào trong quan tài của Tưởng Giới Thạch?

Trong cuốn “Ghi chép thực về nỗi đau buồn của cụ Tưởng Tổng thống” do “Trung ương nhật báo” Đài Loan xuất bản có điều viết về ngày 16 tháng 4 như sau :” Hôm nay là một ngày đại lễ an táng thi thể cụ Tưởng Tổng thống “.Sáng sớm, hai vị công tử của cụ Tưởng, Tưởng Kinh Quốc Viện trưởng và Tưởng Vĩ Quốc Tướng quân dẫn toàn thể gia thuộc là ái tôn Hiếu Vũ, Hiếu Dũng của cụ Tưởng, đem một bộ sách “Tứ th” mà sinh thời cụ Tưởng rất thích đọc, yên lặng đặt ở bên cạnh cụ Tưởng, đồng thời còn mặc áo bào màu xanh, áo chèn màu đen và đeo huân chương lên thi hài của cụ, lại phủ thêm vải liệm màu trắng cho cụ. Sau đó họ đều quì trước linh cữu, cung kính cử hành đại lễ 3 lần quì, 9 lần vái. Sau khi đứng dậy diễu quanh quan tài 3 vòng, những dòng nước mắt nóng hổi nhỏ xuống, cuối cùng đã phát thành tiếng khóc đau khổ, nức nở. Kể từ khi cụ Tưởng tạ thế, trong 10 ngày lại đây, trước linh cữu này đã tuôn trào những dòng lệ nóng hổi của hơn 2 triệu quần chúng tới chiêm ngưỡng cụ. Hiện tại, những giây phút trước khi cử hành đại lễ, hơn 2.800 vị nhân sĩ trong và ngoài nước lần lượt tiến vào linh đường, chỉ có sự tĩnh mặc của sự trầm lắng sâu xa...Đúng 8 giờ sáng, Tưởng phu nhân do Tưởng Viện trưởng và Tưởng Vĩ Quốc Tướng quân dìu, chậm chậm từ phía đông tiến lên lễ đài. Lễ đại liệm chôn cất cụ Tưởng Tổng thống đã long trọng bắt đầu.”

Đoạn tường thuật này đã chứng tỏ một cách rõ ràng, “Tứ th” là do Tưởng Kinh Quốc và Tưởng Vĩ Quốc v.v...cùng bỏ vào trong quan tài. Vấn đề là ở chỗ, trong “Ghi chép một tháng bên linh cữu cha” và “Một năm khó quên” của Tưởng Kinh Quốc đều không thấy nêu ra việc đặt bộ “Tứ th” vào, cho nên cuối cùng có đặt “Tứ th” vào hay không vẫn còn là một nghi án, một câu đố. Một vấn đề khác nữa là, trong bài báo tường thuật ở trên, người đặt sách tuy đã được ghi chép rõ ràng, thế nhưng thời gian đặt sách vào là ở buổi sớm, với “thời gian đẩy nắp quan tài” mà “Báo cáo tang lễ” kể thì đã có sự thêm bớt không khớp rất lớn, bởi vì “khi đẩy nắp quan tài” cần phải phủ đầy Đảng kỳ, phủ đầy “Quốc kỳ”, có rất nhiều đại viên bận rộn trước sau, có các vị tân khách trong và ngoài nước, vây trái, vây phải, Tổng Mỹ Linh không thể không có mặt ở đó, mà trong bài tường thuật ở đoạn trên lại nói “sáng sớm” bỏ sách “Tứ th” vào. “Đúng 8 giờ sáng” Tổng Mỹ Linh mới tới trước linh cữu, có ý nói là lúc đặt sách vào, Tổng Mỹ Linh thực tế đã không có mặt ở đó.

Nói tóm lại trong quan tài của Tưởng Giới Thạch, cuối cùng đặt 4 quyển sách hay là đặt 5 quyển sách? đặt vào ngày nào ? ai đặt vào ? là một mớ hồ đồ khó hiểu. Chẳng trách Hồ Thu Nguyên đã hoà nhã có lời khuyên : “Mong các phía hữu quan từ nay về sau hãy nên thận trọng hơn” để tránh cho ngoại giới “cho rằng Trung Quốc tự do là vô nhân”. Các học giả đại lục và các nhân viên nghiên cứu phần lớn đều sử dụng cách nói của Tưởng Kinh Quốc, tức là chỉ đặt vào trong quan tài có 4 quyển sách là “Tam dân chủ nghĩa”, “300 bài thơ Đường”, “Thánh kinh” và “Hoang mạc cam tuyên”. Đối với các độc giả đại lục mà nói, trong các sách kể trên, tương đối xa lạ là “Hoang mạc cam tuyên”. Từ trong tên của cuốn sách có chút vị tản văn này, không ít người đã cho rằng nó là một cuốn sách kể lể như loại du ký mang tính chất khu vực, kỳ thực đó là một cuốn sách tuyên truyền giáo nghĩa đạo Cơ đốc, một cuốn sách mang tính triết lý tương đối mạnh, nó là một quyển sách được tổ thành do từng câu nói giàu tính triết lý bà ra la liệt, hành văn và cách thức đều rất giống như “Luận ngữ”. Nội dung của nó phần lớn là động viên con người không ngừng phấn đấu, dũng cảm vươn lên trong mọi nghịch cảnh. Tháng 7 năm 1944 Tưởng Giới Thạch có được quyển sách “Hoang mạc cam tuyên” này, chuyên tâm miệt mài đọc nó, yêu thích không lúc nào rời tay. Sau khi tới Đài Loan càng đòi hỏi mình mỗi ngày đều phải đọc. Tưởng muốn dùng quyển sách này để tu dưỡng linh hồn và tính cách của mình, tận mọi khả năng để nâng cao năng động tính của con người, từ đó chiến thắng mọi cửa ải khó khăn gian khổ, trăm nghìn trắc trở cũng không sờn lòng. Ngày 3 tháng 1 năm 1945, trong lời phê và ghi chú khi đọc sách, Tưởng đã nói về ảnh hưởng của cuốn sách này đối với ông như sau : “Cuối năm ngoái, chịu đựng đủ mọi nỗi gian nguy, mà vẫn kiên nhẫn không đổ ngã, vẫn bình tĩnh vượt qua, thực sự sức mạnh từ trong sách này không ít...”Trong cuốn “Tưởng Giới Thạch

truyện”, vương Phủ Dân tiên sinh nói : “ Tường Giới Thạch không những hấp thụ được sức mạnh tinh thần từ trong “Hoang mạc cam tuyền”, mà năm 1965 đã đem cuốn sách này truyền cho Tường Kinh Quốc và còn bắt Tường Kinh Quốc sao chép toàn bộ tất cả những lời phê phán, bình chú của mình ở trong quyển sách này.

4. Tại sao Tường Giới Thạch không an táng xuống đất mà lại quản tạm ở Từ Hồ ?

Trong tục chôn cất truyền thống ở Trung Quốc, chôn xuống đất là an, mà đem quan tài quản tạm ở một chỗ gọi là đặt linh cữu (quản) đợi táng. Ngày 16 tháng 4 năm 1975, sau nghi thức đại liệm, linh cữu của Tường Giới Thạch được quản tạm ở chính sảnh hành quán của Từ Hồ, mà cha an táng xuống đất.

ở Đài Loan, Tường Giới Thạch có 47 tòa hành quán, Từ Hồ là một trong những hành quán mà ông thích nhất. Từ Hồ nằm ở huyện Đào Viên cách phía nam Đài Bắc 60 cây số, ở chỗ giáp giới thị trấn Đại Khê với làng Phục Hưng. Từ Hồ trước kia gọi là “Bì Vĩ”, mà Bì Vĩ sở tại được dân làng gọi là “Động Khẩu”.

ở Đài Loan, bờ biển phía Tây, phía Bắc, phía Nam phần lớn là những bãi cát bằng phẳng hoặc những đồi núi thấp phẳng; bờ biển phía tây phần lớn vách núi dựng đứng. Miền trung lại là tầng tầng lớp lớp dãy núi lấy dãy núi Ngọc Sơn làm chủ thể, cách trở đông tây, giao thông vô cùng bất tiện. Nhà đương cục Đài Loan, vì cải thiện việc giao thông ở khu vực miền trung, tăng cường sự liên hệ giữa hai miền đông tây, bắt đầu từ giữa năm 1950 trở đi đã đại tu đường quốc lộ xuyên ngang miền trung đảo Đài Loan, trước sau tổng cộng đã tu sửa thành 8 con đường. Bì Vĩ sở dĩ được gọi là Động Khẩu (cửa hang) chính là bởi vì nó nằm ở chỗ cửa vào đường hầm đường quốc lộ xuyên ngang đoạn phía bắc. Đường hầm được đặt tên là “Bách Cát”, thế nhưng dân chúng lại gọi nơi đây là “Động Khẩu”, hơn nữa tên gọi cũ này vẫn được bảo lưu, công ty vận chuyển khách quốc lộ Đào Viên đã xây dựng một trạm nhỏ ở đây, tên trạm được gọi là “Động Khẩu”. Trên mặt quản lý hành chính, Bì Vĩ thuộc Phúc An Lý của thị trấn Đại Khê. Phúc An Lý nằm ở trong một dãy núi thấp xen kẽ thú vị, núi Thảo Lĩnh kề bên, núi Bạch Thạch ở phía đông, núi Thạch Ngu ở phía Nam, cùng với các núi như núi Sáp Thiên, núi Giác Bản, núi Lạp Lạp v.v.. ở xa hơn một chút vây tròn bốn xung quanh. Làng Phúc An (Phúc an lý) có hơn một ngàn cư dân, chủ yếu làm nghề nông. ở trong những hẻm núi xa gần đều là tầng tầng ruộng bậc thang, trong những khoảng không của ruộng bậc thang trồng rất nhiều trúc, cây long não, nhà nông nửa ẩn nửa hiện, dới khe núi nước chảy róc rách trong suốt nhìn thấy đáy, cảnh trí cực kỳ u nhã tĩnh mịch. Bì Vĩ vốn là cái hồ ở dới chân núi Giác Bản làng Phúc An, Hồ trước tương đối lớn ớc độ 5 héc ta, hồ sau hơi nhỏ, tương đối hẹp và dài. Giữa hai hồ trước sau vắt ngang một dãy núi xanh thẳm nhưng lại có một dòng nước nối liền. Hồ như ở trong núi, luôn luôn bao phủ một tầng sương mù, đỉnh núi xanh thẳm xuyên sương mù xuất hiện ra, trên đỉnh núi thường hiện ra quang cảnh như cánh thuyền nổi trên biển mây. Sờn phía nam hồ lớn có một con đê dài, thẳng liền với quốc lộ vắt ngang. Đầu năm 1960, khi Tường Giới Thạch đánh xe tới thăm núi Giác Bản qua làng Phúc An, nhìn thấy một khoảnh đất linh thiêng tú lệ như vậy, vô cùng yêu thích. Đặc biệt là ở chỗ cao con đường quốc lộ giữa núi đưa mắt nhìn thấy thị trấn Đại Khê ở cạnh con suối Đại Hán, có cảm giác như từ trên vách đá cao ngàn trượng của Phụng Hóa nhìn sang thị trấn Khê Khẩu, không những có cảnh sắc của Thủy hương Giang Nam, hơn thế còn lờ mờ một ảo giác chỗ ở cũ Khê Khẩu. Ông ngước mắt nhìn thẳng cảnh non xanh hồi Tường đến bà mẹ vương Thái phu nhân của mình, do đó đã đem Bì Vĩ đổi tên thành Từ Hồ và xây dựng hành quán ở đây. Trong “Một tháng coi sóc linh cữu cha” Tường Kinh Quốc đã từng viết: “Tâm thân này trú ngụ ở Từ Hồ Đài Loan, con tim này lại Tường nhớ tới từ am của tổ mẫu ở cổ hương ...cha tôi đã đặt tên công trình kiến trúc nhỏ này là Từ Hồ, ý tứ của người là để kỷ niệm tổ mẫu đó vậy”.

Từ Hồ hành quán ba mặt là núi vây quanh, trong rừng cây xanh rậm rạp có một góc Hồng Lô. Cửa chính là hai cánh cửa lớn sơn đen, trên cửa khắc một đôi vòng đồng đầu sư tử, sắc cổ hương cô, ở chính giữa khuôn cửa treo tám biển gỗ “Từ Hồ” tự tay Tường Giới Thạch viết, biển hồng thắm như vàng. Sau khi vào cửa phân ra hai đường hành lang bước lên từng bậc, hai bên là nhà ngang, phía trước sân chơi là chính sảnh, hai bên nhà sảnh đều có hai gian phòng trên. Trước và sau hành quán, mỗi bên đều có một chiêu đài sở, là nơi cho các tân khách nghỉ ngơi, phía trước là nhà băng, phía sau là nhà lầu, lng đều dựa vào núi giác bản mặt nhìn ra hồ nước. Sau khi hành quán của Tường Giới Thạch xây dựng xong, “Bì Vĩ” cũng được tu chỉnh, trên bờ hồ đều trồng hoa cỏ, đưa cộ, liễu rủ, cong thẳng thông u, trên hồ có con thuyền gỗ

hai mái chèo, cũng có ca nô chạy. Trên sân chơi hành quán của Tởng có một con đường núi mòn có thể chạy thẳng ra bờ hồ, những năm cuối Tởng thường đi dạo chơi, đọc sách, thung thủng nhàn tản giữa cảnh nước non này. Phong cảnh Từ Hồ tú lệ, thế nhưng nguyên nhân chủ yếu khiến cho Tởng chú tâm vào nơi này còn là cảnh đẹp núi xanh suối biếc của Từ Hồ gần giống như Khê Khẩu làng cũ của Tởng.

Năm 1930, khi Tởng Giới Thạch trùng tu mộ của Mẫu vương Thái ngọc, ông đã từng nói bản thân mình phải chọn một mộ địa ở Khê Khẩu, chuẩn bị cho sau khi trăm tuổi. được biết như vậy, có người nói sau khi Tởng Giới Thạch chết sở dĩ còn quần tằm tại Từ Hồ chính là vì để sau này có thể lại đem linh cữu của mình chuyển về Phụng Hóa, chôn ở bên cạnh người mẹ đã sinh ra ông. Vậy mà, trước khi lâm chung Tởng Giới Thạch căn dặn rõ ràng “Linh cữu tạm thời quần tại Từ Hồ”, đợi sau khi “quang phục” sẽ táng tại lăng “Trung Sơn”, sẽ cùng với Tôn Trung Sơn tiên sinh coi sóc lẫn nhau. Thế mà, trong quyết nghị của ủy ban thường vụ Trung ương ngày 7 tháng 4 Quốc dân đảng, lại nói “chờ sau khi quang phục sẽ an táng tại đại lục”, không hề nói rõ an táng cụ thể ở chỗ nào. Nên nói rằng, cả ba cách nói kể trên, đại để đều là đúng cả, bởi vì chúng đều khẳng định, sở dĩ Tởng Giới Thạch chôn tạm quan tài ở Từ Hồ là vì trong tương lai phản công đại lục, “quang phục đại lục”, là quyết kế đem mình chôn ở đại lục mà không phải ở Đài Loan. Trong “Tởng Kinh Quốc truyện”, Giang Nam tiên sinh nói: Phản công đại lục chỉ là một truyện thần thoại, “từ đầu chí cuối, ông Tởng không có dự định này”, thế nhưng do vì “những thần thoại chính trị này”, “những lời hứa công trái này”, những “con người thần thoại” này, có lợi cho nền thống trị của tập đoàn Quốc dân đảng, nên ông mới hết sức lợi dụng. Lời kết luận của Giang Nam tiên sinh có từ tháng 3 năm 1984, trong lời nói chuyện của ông trong lần tới thăm Ngô Quốc Chính tiên sinh ở châu Maiami bang Florida. Ngô Quốc Chính nói với Giang Nam, ông ấy cho rằng đầu năm 50 Đài Loan chỉ có thể công, không thể thủ, trường kỳ đối địch cuối cùng sẽ bị thất bại; Tháng 12 năm 1950, chỉ nguyện quân nhân dân Trung Quốc xuất quân sang Triều Tiên, sau khi công bố tin tức này, Ngô Quốc Chính “Chủ tịch tỉnh Đài Loan” đương nhiệm lập tức tới gặp Tởng Giới Thạch, yêu cầu triển khai hành động quân sự với đại lục, phái cử quân đội tiến lên đảo Hải Nam, Tởng Giới Thạch bằng lòng suy nghĩ kỹ rồi sẽ nói. Sau ba ngày nhắc lại chuyện cũ, Tởng Giới Thạch nói sơ sài qua quýt với Ngô: “Ông không phải là quân nhân, không hiểu được việc quân sự”. Tức thì Ngô Quốc Chính cho rằng việc phản công đại lục của Tởng Giới Thạch chỉ là điều nói suông mà thôi, “từ trước tới sau, ông ta không có dự định này”. Kỳ thực, cách nói này rất có chỗ xoay sở để thương lượng. Năm 1950, thậm chí suốt cả năm 1950, quân đội Quốc dân đảng qua thất bại thảm hại ở đại lục mà đã mất hết nguyên khí. Công cuộc khôi phục kinh tế và phát triển xã hội của đại lục đã sôi sục hàng ngày, Tởng Giới Thạch muốn phản công đã không có điều kiện vững mạnh lại chẳng có cơ sở xã hội tương ứng. Cho nên điều Tởng Giới Thạch phê bình Ngô Quốc Chính “không hiểu quân sự” lúc đó phải nên nói là điều đã tự biết rõ mình rồi, thế nhưng điều này không thể nói rõ Tởng Giới Thạch không dự định phản công đại lục. Di chúc của Tởng Giới Thạch và các công việc tiến hành điều tra, thăm dò, bao vây, phá hoại mà ông chỉ đạo quân đội đối với đại lục đều nói rõ ông luôn luôn khắc cốt ghi xương muốn phản công chiếm lại đại lục, quần tằm quan tài đợi chôn cất cũng là biểu hiện nội dung chủ yếu trong bản di chúc chính trị của ông già chính trị này. Không phản công chiếm lại đại lục, không giành lại giang san đã mất, thì Tởng Giới Thạch có chết cũng không nhắm được mắt. Về điểm này, trong nhật ký ngày 4 tháng 5 năm 1975 của Tởng Kinh Quốc cũng đã có thể được chứng minh.” Trước buổi tra, từ núi Giác Bản trên Từ Hồ, hai bên đường tuy cây xanh trúc thắm, núi biếc lúa non, ở đây thực sự là cảnh tự nhiên tuyệt đẹp. Thế nhưng nhìn thấy bạn nhà nông chai tay chai chân làm việc đồng áng, tôi đặc biệt cảm thấy họ vô cùng gian khổ. Ngồi lặng lẽ trên mai đài, nhìn núi non đồng ruộng trùng trùng điệp điệp, làng xóm tha thớt, bỗng tôi hỏi Tởng lại người cha năm ấy (chỉ năm 1967-ngời viết ghi chú) ... đã dạy con rằng: “Thù riêng có thể không trả, thù lớn không thể không trả. Bởi vì thù riêng là thù của cá nhân, thù lớn là thù của đất nước, của nhân dân, của dân tộc. Đại trượng phu có thể không tính đến thù riêng, nhưng không thể không báo trả đại thù của dân tộc của đất nước được !”. Điều nung nấu mộng mị cầu đạt trong suốt nửa cuộc đời sau của Tởng Giới Thạch chính là chiếm lại đại lục, xây dựng lại vương triều nhà Tởng. Thế nhưng không những khi ông qua đời, nguyện vọng này cha thực hiện được, khi con trai ông là Tởng Kinh Quốc qua đời cũng cha thực hiện được, lịch sử có thể bảo cho ông biết điều sau cùng. Công việc “Quang phục đại lục” của ông là một giấc mộng không thể viên mãn được ! Có điều linh cữu của Tởng Giới Thạch sẽ có một ngày có thể an táng tại đại lục được, đó chính là sau khi tổ quốc được hòa bình thống nhất.

5- Gia đình họ Tởng trước và sau khi Tởng Giới Thạch qua đời

Để cho Tưởng Kinh Quốc bước vào trung tâm chính trị của Đài Loan là dự kiến vốn có từ lâu của Tưởng Giới Thạch. Sau khi binh bại ở đại lục trốn ra Đài Loan, Tưởng Giới Thạch càng tăng cường công tác bồi dưỡng và diu dắt về phương diện này. Đầu năm 1950, Tưởng Kinh Quốc được cử giữ chức thượng tướng chủ nhiệm “Tổng bộ chính trị Bộ Quốc phòng”, chủ nhiệm “Đoàn thanh niên chống cộng cứu nước Trung Quốc” cùng với chủ nhiệm “Phòng tư liệu phủ tổng thống” lãnh đạo “ủy ban công tác tình báo Đài Loan”. Cuối năm 1950, Tưởng Kinh Quốc là “ủy viên quốc vụ viện” kiêm “Chủ nhiệm ủy ban phụ đạo thoát trừ binh dịch quân đội nhà nước Viện Hành chính”, chính thức nhập vào nội các, là quan chức cấp bộ quan trọng. Đầu năm 1960, Tưởng Kinh Quốc làm chủ “Bộ quốc phòng”, trở thành nhân vật gần chính yếu. Cuối năm 1960, ông đã là “Phó viện trưởng Viện hành chính”, mà “Viện trưởng” do “phó tổng thống” Nghiêm Gia Cán kiêm nhiệm. Trên thực tế, lúc này “Tổng thống” là lão Tưởng, “Viện hành chính” là Tiêu Tưởng quản giữ.

Ngày 20 tháng 2 năm 1972, sau khi Tưởng Giới Thạch một lần nữa “trúng cử” “Tổng thống”, ngày 1 tháng 6 lập tức ủy nhiệm Tưởng Kinh Quốc làm “Viện trưởng viện hành chính”, hoàn thành được một bước quan trọng nhất trong việc chuyển giao quyền lực. Do vậy, Tưởng Giới Thạch vừa chết, ngày 28 tháng 4, Hội nghị ủy ban Trung ương Quốc dân đảng liền suy cử Tưởng Kinh Quốc làm Chủ tịch Trung ương Quốc dân đảng, từ nhân vật gần chính yếu biến thành nhân vật trung tâm. Ba năm sau, ông thay thế Nghiêm Gia Cán lên làm “Tổng thống”, thực hiện được “di nguyện” của Tưởng Giới Thạch.

Khi Tưởng Giới Thạch vừa bệnh ốm qua đời, Đài Bắc đã phát biểu hai cuốn trước thuật quan trọng của Tưởng Kinh Quốc, một là cuốn ông viết về “Ngôi cha của tôi” năm 1956, hai là cuốn “Ghi chép một tháng bên linh cữu cha” viết từ ngày 5-4 đến 5-5-1975. Cuốn thứ nhất đăng tải liên tục trên “Trung ương nhật báo” bắt đầu từ ngày 10 tháng 4, trong đó có lời tựa nói rằng khi sinh nhật Tưởng 70 tuổi, Tưởng Kinh Quốc đã viết văn hiến dâng cha làm lễ thọ. Thế nhưng “số lượng in có hạn, cha phát hành rộng rãi được ra ngoài, rất nhiều người muốn được đọc cuốn sách này, đến nay vẫn cha có cơ hội. Kể từ hôm nay trở đi bản báo cáo sẽ đăng lại.

“Ngôi cha của tôi” dài tới hơn tám vạn chữ chủ yếu miêu tả những “phong công vĩ tích” của Tưởng Giới Thạch đối với quốc gia, đối với dân tộc, thế nhưng cũng đã bộc lộ ra rất nhiều những tình tiết đáng quan tâm của các sự kiện trọng đại, như ẩn cư ở Khê Khẩu, ăn cắp vàng chuyên đi, chạy trốn khỏi Trùng Khánh Thành Đô v.v..”Ngôi cha của tôi” còn tập hợp ghi chép rất nhiều bài nói chuyện và nhật ký của Tưởng Giới Thạch, Tưởng Giới Thạch thường xuyên kể mình đã học tập “Ông Tăng Văn Chính” như thế nào, yêu cầu Tưởng Kinh Quốc nghiên cứu học tập Tăng Quốc Phiến.

“Ghi chép một tháng coi giữ linh cữu cha” là ghi chép nhật ký của 31 ngày sau khi Tưởng Giới Thạch qua đời. Trong 31 ngày đó, đúng là lúc hai tập đoàn ở Đông Dương - Nguyễn văn Thiệu ở Sài Gòn và Lon Nol ở Cầm pu chia, trải qua những ngày binh bại như núi lở đất sụp, tan rã toi bời, cũng đúng là những ngày mà những người đứng đầu nước Mỹ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu, Lon Nol ôm đầu lủi chạy như chuột. Sự thất bại triệt để và tháo chạy thảm hại của chúng gợi nhớ những hồi ức đau đớn thảm thương của Tưởng Kinh Quốc đối với việc vương triều nhà Tưởng bị tổng cổ khỏi đại lục năm nào. Trong “Ghi chép coi giữ linh cữu” dài hơn vạn chữ đó, Tưởng Kinh Quốc đã ghi lại những cảm Tưởng đau khổ của mình nói: “Tưởng Giới Thạch sau khi qua đời, cục thế đã phát sinh đại biến, tình thế châu á xấu đi thê thảm nhanh chóng, mặt trận chống cộng ở bán đảo Trung Nam đã bị giải thể, thời cơ chiến đấu ở bán đảo Triều Tiên ngày càng xấu đi nghiêm trọng, điều này thực sự là nỗi đau môi hở răng lạnh.” Ông ta lại viết: “Trước hết con người ta phải cầu lấy sự sinh tồn và yên định, mới có thể có chỗ xoay xở của vận mệnh. Đông Nam á đã trở thành đại bi kịch, điều tiếp tục đến nữa có thể là còn có không ít bi kịch lớn hơn”. “Chính phủ Việt Nam đã đầu hàng Việt Cộng, điều này chính là 38 năm trước (năm 1949- người viết chú thích) từ khi chính phủ ta bị đuổi ra khỏi đại lục đến nay là một lần đại bi kịch của nhân loại”. “Hôm nay nghĩ tới Sài Gòn rơi vào tay Việt Cộng, thật quá đau lòng. Sự việc này tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến thế cục, tất nhiên ta cần phải kiểm thảo tường tận trên mặt ngoại giao và chính trị của mình. Tưởng Kinh Quốc cần phải: “Nghiêm trang kính cẩn tự cường, gặp biến không kinh sợ”.

Ngày Tưởng Giới Thạch qua đời hôm ấy, Tưởng Kinh Quốc đã từng ba lần tới thăm viếng, đã từng giao đàm với cha, đại để có thể nói là coi sóc hậu hạ ở bên cạnh cha. Thế nhưng trong lúc đó Tưởng Vĩ Quốc đang bận rộn ở khu vực Đài Trung tiến hành diễn tập quân sự, bởi “quân lệnh trên hết” mà cha thế trở về vĩnh biệt cha, sau đó, khi ông ta vội vàng trở về Đài Bắc thì Tưởng Giới Thạch đã “qua đời” từ lâu rồi, việc ký trên di chúc cũng không có phần của ông. Về sau với danh nghĩa của mình ông đã phát biểu một bài văn chương mang tính chất điều niệm. Bất kể thân thế lai lịch Tưởng Vĩ Quốc như thế nào, thời thơ ấu ông đã từng nhận được sự yêu mến của Tưởng Giới Thạch. Sau này, khi Tưởng Giới Thạch dốc toàn lực thu vén vun trồng cho người con cả, Tưởng Vĩ Quốc là con thứ nhận được sự lạnh nhạt. Đặc biệt là sau “Sự kiện binh biến Hồ Khẩu” phát sinh ra ngày 21 tháng 1 năm 1964, trong giới quân sự, giới chính trị ông đều không được nắm giữ đại quyền. Bởi vì lúc đó ông là tư lệnh bộ đội thiết giáp, mà nhân vật chính trong vụ “binh biến” là trợ thủ của ông - phó tư lệnh Triệu Chí Hoa, ông là cấp trên trực tiếp cũng khó thoát khỏi liên lụy.

10 giờ sáng ngày hôm đó, phó tư lệnh bộ đội thiết giáp quân Quốc dân đảng Đài Loan Triệu Chí Hoa khi lên đài phát biểu chào mừng về việc tới kiểm tra tình hình chuẩn bị chiến đấu của sư đoàn Thiết giáp thuộc căn cứ Hồ Khẩu, đột nhiên phát biểu diễn thuyết bất ngờ khiến cho người ta không thể Tưởng tượng được. Nội dung chủ yếu là: Tình hình quốc tế bất lợi cho nhà đương cục Đài Loan, chính sách ngoại giao của Quốc dân đảng có nguy hiểm sa vào chỗ bị cô lập. Trước mắt các Tướng lĩnh quân sự cao cấp chỉ chăm lo hưởng thụ sinh hoạt của mình, không kể gì đến đời sống bộ đội. Đàn chó mà Châu Chí Nhu “Tham quân trường phủ tổng thống” đang nuôi, tiền tiêu phí mỗi tháng còn nhiều hơn mức ăn của cả một đại đội. Việc tuyển chọn các tiểu thư Đài Loan đã khuyến khích cuộc sống xa xỉ, bản thân các tiểu thư cũng trở thành đối tượng truy cầu của con em các quan chức cao cấp. Bộ đội thiết giáp là quân tinh nhuệ của đất nước, cũng đã từng là “Ngự lâm quân” trấn giữ Đài Bắc, lý ra nên vương thẳng mình mà đi. Trong diễn thuyết hơn một tiếng đồng hồ, Triệu Chí Hoa đã rút súng lục ra bắn lên trời hai phát, hiệu triệu “Hãy đi theo tôi!” Triệu Chí Hoa đã bị bắt, thi hành theo quân pháp, Tưởng Vĩ Quốc cũng đã mất quyền chỉ huy quân sự, chuyển sang hệ thống giáo dục và nghiên cứu quân sự, trước sau đã nhậm chức Hiệu trưởng trường Đại học chỉ huy tham mưu lục quân, Hiệu trưởng trường Đại học tam quân và Viện trường học viện chiến tranh.

Tháng 5 năm 1980, Tưởng Vĩ Quốc chuyển sang đảm nhiệm chức “Tổng tư lệnh bộ tổng tư lệnh tham mưu liên hợp căn cứ”, kết thúc đoạn đời giáo dục quân sự trong 18 năm, thế nhưng vẫn không có quyền chỉ huy thực tế. Đối với việc bản thân mình bị đuổi khỏi vị trí chỉ huy, Tưởng Vĩ Quốc rất bất mãn, tuy không có sự đối kháng công khai, thế nhưng ầm ứ oán trách thì luôn luôn có. Nghe nói có một lần Tưởng Vĩ Quốc nói với Tưởng Giới Thạch: “Trong các Tướng lĩnh quân sự của Trung hoa dân quốc có hai người trước sau không được chuyển ngành và lên chức. người thứ nhất là cha (Tưởng Giới Thạch là thượng Tướng đặc cấp năm sao, là quân hàm cao nhất quân đội Quốc dân đảng), người thứ hai là con (từ năm 1961 Tưởng Vĩ Quốc làm trung Tướng. Sau đó không hề được thăng chức)”. Nhìn chung có thể nói, Tưởng Vĩ Quốc ở Đài Loan đã chịu sự bài xích lâu dài của Tưởng Kinh Quốc.

Nhưng đến tháng 6 năm 1986, Tưởng Vĩ Quốc được bổ nhiệm làm “Bí thư trưởng ủy ban An toàn quốc gia thời kỳ động viên dẹp bạo loạn”. Đây là một chức vụ quan trọng có sức mạnh ràng buộc nhất định đối với cả bốn hệ thống Đảng, Chính quyền, Quân sự và kinh tế. Đây là sự sắp xếp công việc chính trị về sau quan trọng của Tưởng Kinh Quốc. Bởi vì bệnh đái đường lâu năm của ông ta lúc này ngày càng có xu hướng nghiêm trọng, tình trạng sức khỏe ngày càng xấu đi nhanh chóng, ông ta có khả năng sẽ chết bất kỳ lúc nào bởi bệnh xuất huyết lớn trong nội tạng, do đó ông cần phải suy nghĩ đến việc sắp xếp nhân sự về sau của ông ta để ổn định cục diện chính trị Đài Loan. Tưởng Kinh Quốc cảm thấy Tưởng Vĩ Quốc lúc này đã là ngọn cờ của phái nguyên lão, lại là hiệu trưởng của rất nhiều Tướng lĩnh, ông nhận thấy rằng em trai mình có thể giúp đỡ một số người mới như Lý Đăng Huy, Lý Hoàng, Du Quốc Hoa, Trần Lý An, Tống Sở Du v.v... duy trì củng cố lại chính cuộc Đài Loan. Lập tức, ông ta liền đặt Tưởng Vĩ Quốc lên trên vị trí của “Giám quốc”. ở thời kỳ Tưởng Giới Thạch và Tưởng Kinh Quốc, “ban an toàn quốc gia” chỉ là cái thứ hữu danh vô thực, không mấy tác dụng, thế nhưng sau khi họ qua đời, “ủy ban” này đã có tác dụng cân bằng, chỉ đạo công tác “Đảng Chính Quân Kinh” của Quốc dân đảng, giúp đỡ Lý Đăng Huy nhanh chóng đứng vững trên thượng tầng Quốc dân đảng trong lúc rất nhiều thế lực đấu đá nhau, Tưởng Vĩ Quốc đã hoàn thành được sự ủy thác nặng nề “Giám quốc” mà anh trai mình đã giao phó. Thế nhưng

việc đời như một bàn cờ, mỗi nước cờ đều mới cả. Trên thượng tầng Quốc dân đảng Đài Loan mấy năm gần đây đấu tranh kịch liệt, không ngừng tiến hành phân phối lại quyền lực từ đầu, Tưởng Vĩ Quốc đã sắp xếp lịch trình sau cùng của mình như thế nào còn là một câu đố chưa giải được.

Kể từ khi Tưởng Giới Thạch có ý vun trồng xây đắp cho Tưởng Kinh Quốc, khiến cho ông ta từng bước đi vào trung tâm vũ đài chính trị, thì địa vị của Tổng Mỹ Linh đã bắt đầu hạ thấp. Cho dù Tổng Mỹ Linh cho rằng theo Tưởng Giới Thạch dần dần bước vào cảnh già, bà so với Tưởng Giới Thạch kém hơn mười tuổi phải được làm chủ Đảng làm chủ “chính quyền”, đối với việc vun trồng bồi dưỡng Tưởng Kinh Quốc thì không nên như vậy. Thế nhưng bà đã không quản nổi gia đình của Tưởng Giới Thạch, bà đã không thể cải biến nổi chủ ý của ông già “kiên cường, công nghị, cố chấp, thậm chí tàn ác giáo trá, độc đoán chuyên quyền, chỉ cho mình là trung tâm” này, đành giong mắt nhìn Tưởng Kinh Quốc vẫy cánh phát triển đầy đủ. Do đó năm tháng sau khi Tưởng Giới Thạch qua đời, bà đã sang Mỹ chữa bệnh, bắt đầu phiêu bạt ở tận chân trời xa lạ.

Ngày 17 tháng 9 năm 1975, Tổng Mỹ Linh sang Mỹ điều trị bệnh, đã phát biểu một bài viết, giọng điệu bi ai thống thiết, ẩn ý giấu giếm rất nhiều, khiến cho mọi người phải dò xét phán đoán về tâm dạ của bà lúc đó cùng với mối quan hệ của bà với Tưởng Kinh Quốc. Bài phát biểu trên giấy của Tổng Mỹ Linh mở đầu đã nói: “Mấy năm gần đây, tôi liên tiếp gặp cảnh người thân qua đời. Đầu tiên là người anh của chú dượng (Khổng tường Hy) qua đời, em Tử An, anh Tử Văn lần lượt cũng qua đời. Năm trước già ái Linh độc bệnh ở Mỹ, lúc đó Tổng thống mới cảm thấy không dễ chịu, cho nên cứ chần chừ không đi được, chờ khi tới được thì bà đã hấp hối rồi, không kịp quyết biệt nữa. Tình cảm chân tay không thể bù đắp được, điều nuối tiếc sâu xa, quốc nạn nhà buồn đến cùng liên tiếp. Hai năm về trước, tôi cũng dần dần tích bệnh, thế nhưng không thể tự chạy chữa được, bởi vì sức khỏe của Tổng thống chẳng tốt lành, việc chăm sóc chỉ sợ có chút sa sây trong lòng chẳng lúc nào được yên. Sức khỏe của Tổng thống có quan hệ tới sự an nguy của quốc gia, sự tiếp tục thay thế của Chủ nghĩa tam dân, tiền đồ của Trung Hoa dân quốc, tất thấy đều gánh vác đè nặng trên vai của người. Tôi đêm ngày hầu hạ thuốc thang chỉ mong sao Tổng thống khôi phục sức khỏe, lãnh đạo quản lý công việc đại sự, có thể lãnh đạo được thêm một năm, thì đất nước có thể đâm chồi nảy nở thêm được một năm. Thế nhưng vài ba năm nay, người vẫn không có ý bỏ tôi ra đi. Mà bản thân tôi vẫn trường kỳ kiên nhẫn chống đỡ đón nhận muôn vàn đau thương, tới nay tôi đã thực sự cảm thấy tâm thân mệt mỏi, cảm giác tinh táo đã thực sự tụt bệnh rồi, rất đòi hỏi phải được chữa chạy.” Đoạn trường gặp phải nỗi bất hạnh liên tục của bà trong mấy năm gần đây, nói rõ bà phải sang Mỹ để chữa bệnh. Thế nhưng tiếp sau đó bà lại nói: “Phàm khẩu hiệu “đoàn kết” mà người dân nước ta nên kịp thời vận dụng, tận lực phát huy, kiên trì hô hét không thể hô lên suốt ngày được; thực tiễn không phải là chuyện dễ, hô khẩu hiệu quyết không phải là biện pháp”. Lại nói: “Lấy hoàn cảnh cụ thể của nước ta mà nói, quả thực người người nên tận dụng khả năng, cùng chia sẻ với nỗi buồn này...”” Đoạn nghị luận đột nhiên biến điệu này tại sao lại phát ra như thế? phát ra đối với ai? Rất cần được ngoại giới bình luận. Nói chung đều cho rằng: Sau khi tập đoàn Tưởng Giới Thạch rút chạy trốn ra Đài Loan, để gắng gượng chống đỡ nền thống trị lung lay sắp đổ, Tưởng đã tổ chức “ẹy ban cải tạo”, quyết tâm “cải tạo” Quốc dân đảng, lôi kéo một số quan chức nguyên lão, khởi dựng một nhóm nhân sĩ trung thanh niên, thế nhưng lại không thể không cho các nguyên lão một ít việc làm, còn cần phải lợi dụng ảnh hưởng của các bậc nguyên lão để ổn định nhân tâm, quân tâm. Bởi vậy, Tưởng Giới Thạch đã xây dựng ra ẹy ban bình nghị Quốc dân đảng. Phía Đài Loan chính thức giải thích rằng, ẹy ban bình nghị tương đương với “Viện nguyên lão” của nước ngoài, đây là một loại giải thích lố lăng bậy bạ. Bởi vì Viện nguyên lão của nước ngoài là cơ cấu của chính giới, ẹy ban bình nghị Quốc dân đảng là tổ chức của phương diện chính đảng. Điều này không cần phải quán tới nó nữa, vấn đề chủ yếu là, Tổng Mỹ Linh là ủy viên thứ nhất của ẹy ban bình nghị, rõ ràng đã thực sự bịt chặt miệng các vị nguyên lão thất sủng mất quyền: Các ngài nhìn xem, ngay cả bà cũng chỉ là một ủy viên bình nghị thôi!

Sau khi Tưởng Giới Thạch chết vài ngày, Đài Bắc liền có tin đồn: Vì sự đoàn kết trong Đảng, bà Tổng Mỹ Linh có khả năng tiếp nhận chức Tổng tài Quốc dân đảng, để làm chiếc cầu nối giữa các bậc nguyên lão với phái trẻ. Mặc dù nói trên mặt lý luận ủy viên bình nghị không thể lên thẳng Tổng tài (Thủ lĩnh) được. Thế nhưng vẫn lấy đó làm luận điệu. Tưởng Kinh Quốc đột nhiên từ Hội nghị toàn thể ẹy ban thường vụ Trung ương được “bầu cử” làm Thủ lĩnh của Đảng, hơn thế còn nói, hai chữ “Tổng tài” này là để truy niệm cụ Tưởng Giới Thạch chuyên dùng, đứng đầu Đảng Quốc dân đảng từ nay gọi là “Chủ tịch”

cũng như sau khi Tôn Trung Sơn qua đời, đầu não của Đảng không gọi là “Thủ Tướng” nữa mà gọi là “Tổng tài” vậy. Và như vậy, việc bà Tống Mỹ Linh ra nhậm chức “Tổng tài” là điều không có khả năng xảy ra, Chủ tịch của “Đảng” là Tưởng Kinh Quốc, điều này đã khiến cảnh ngộ của bà rất bối rối lúng túng, tức thì cho dù bà không có bệnh cứ ở lại Đài Loan cũng chẳng còn có ý nghĩa gì nữa. Báo chí Hồng Công bình luận nói, nếu như lần này bà ra đi chỉ vì chữa bệnh thì làm gì phải bỏ ba vạn dặm như vậy. Với sự giàu có của Tưởng Tổng, đừng nói gì đến chuyện bà có thể dùng tiền mời bất kỳ một bác sĩ nào giỏi nhất nước Mỹ tới Đài Bắc chữa khám cho bà, mà cho dù có mời vị bác sĩ đó chuyển cả toàn bộ một bệnh viện tới cũng chẳng có gì là khó khăn cả. Khi Trần Thành mắc chứng ung thư ở Đài Bắc đã từng có cả một bệnh viện và phòng đọc dọn tới trong dinh thự của ông ta, ngay cả đến bác sĩ, hộ sĩ cũng đều đầy đủ cả đêm ngày luân phiên nhau túc trực. Mấy năm cuối cùng của Tưởng Giới Thạch, một số giáo sư của trường đại học Hồng Công, cũng đều bay đi bay lại ở giữa Đài Bắc. Cho nên việc bà Tống Mỹ Linh tới nước Mỹ chữa bệnh, trên cách làm là bỏ gần cầu xa, trong màn tối là sự thất bại trên vấn đề tranh quyền với Tưởng Kinh Quốc, không chịu đựng nổi sự áp bức về tinh thần ở Đài Loan, muốn trở về “nhà mẹ đẻ” ở nước Mỹ kia để tiêu tán tâm phiền. Trong bài nói chuyện trên giấy, bà phê bình có người “kêu gào “đoàn kết”, “quyết không phải là biện pháp”, chính là biểu lộ sự bất mãn đối với Tưởng Kinh Quốc. Bài nói chuyện này của bà Tống Mỹ Linh dài hơn ba ngàn chữ, kể về sự nhớ nhung luyến tiếc đối với Tưởng Giới Thạch, nào là đã kết hôn “48 Xuân thu” với Tưởng Giới Thạch, suốt cuộc đời “chăm sóc nhau động viên nhau”, “hiện tại trợ trợ... nhớ thương”, “trong phòng trần tịch”, do vậy “cảm thấy thân tâm đều mệt mỏi” v.v... trong bài vẫn không nói gì đến Tưởng Kinh Quốc, Tưởng Vĩ Quốc, cũng chẳng nói gì đến vị “Tân tổng thống” vương Gia Cán, cũng chẳng tán Dương và chúc tụng đối với nhà đương cục Quốc dân đảng Đài Loan, cũng chẳng nói đến trong tương lai bà sẽ nhất định lại trở về Đài Loan. Trong bài văn dài với lời lẽ cáo biệt này của Tống Mỹ Linh đã phát biểu với thân phận của Tưởng Giới Thạch phu nhân, ở Đài Bắc bà đã không còn giữ bất kỳ chức vị nào nữa. Giới bình luận ngoại giới cho rằng đây cũng là nguyên nhân quan trọng bộc lộ sự phần hạn lúc bà sắp ra đi.

Ngày 18 tháng 9, sau khi tới Niu Oóc, bà Tống Mỹ Linh do mắc bệnh ung thư tuyến vú phải mổ hai lần, kết quả tương đối tốt. Ngày mùng 2 tháng 4 năm 1976, để kỷ niệm một năm ngày mất của Tưởng Giới Thạch, bà Tống Mỹ Linh đã đặc biệt trở về Đài Loan, sống gần bốn tháng. Vào thời kỳ này tuy bà vẫn tranh quyền đầu thế, thế nhưng ngoài mặt vẫn rất ôn hòa khéo léo. Tổng trở về Đài Loan, Tưởng Kinh Quốc và phu nhân đã đích thân ra sân bay nghênh tiếp. Tống Mỹ Linh trên thân khoác kỳ bào sắc đen, tinh thần tình cảm nghiêm túc, Tưởng Kinh Quốc đã ra tận chân thang máy bay đỡ bà bước xuống. Khi bà trở lại nước Mỹ đã ở liền trong 11 năm. Năm 1978, Tưởng Kinh Quốc đã nhậm chức “Tổng thống Trung hoa dân quốc” nhiệm kỳ thứ 6, các giới Đài Loan cho rằng bà Tống Mỹ Linh có thể trở về Đài Loan tham gia đại lễ nhậm chức này và luôn thể cúng giỗ Tưởng Giới Thạch. Thế nhưng bà đã không trở về, trong bức điện gửi cho Tưởng Kinh Quốc trả lời về việc mời bà về Đài Loan, bà nói: “Kinh Quốc xem: Bức điện gửi tới ngày 7 và ngày 29 tháng 3 đều nhận được cả. Kỷ niệm ba năm ngày mất của cha anh đã tới. Trong ba năm này, mỗi ngày ta đều đau buồn khôn xiết. Năm ngoái trở về Sĩ Lâm, bày đặt như cũ, khiến ta có cảm giác nghẹn ngào khi bước lên lầu vắng. Những âm thanh, tiếng bước chân vọng quen thuộc trước đây đều thăm thẳm trang nghiêm, đến ngọt ngào. Ta và cha anh ngoài mấy lần mang trọng trách đi Mỹ, những thời gian còn lại sống ở bên nhau đã được một nửa thế kỷ, đặc biệt có rất nhiều vấn đề, dù to dù nhỏ đều gắn bó thương lượng bàn bạc khiến cho tinh thần hai ta có chỗ gửi gắm nương tựa. Hai người đã động viên lẫn nhau, niềm an ủi có được không bút mực nào có thể tả xiết. Tự đánh giá ta đối với cha đẻ của mình, chỉ chung sống được hơn 9 năm, ngắn ngủi, bởi vì lên 8 tuổi ta đã xa nhà sang Mỹ học, sau khi về nước người đã qua đời rồi. Ta và mẹ ta chung sống tổng cộng được 17 năm thì kết bạn lấy cha anh, có thể nói là bắt đầu từ thuở thay răng, tình bạn thân gần nhất, lâu dài nhất. Cả hai người đã suốt đời dựa vào nhau, là cha của anh đó. Tình cảm thương yêu đùm bọc chỉ có anh và vợ của anh gắn bó đã hơn bốn chục năm, mới có thể hiểu biết được. Ta từ nhỏ được gia đình dạy dỗ, phải chịu đựng đau thương lớn, tai họa lớn, lấy kiên cường trấn tĩnh làm mục đích. Ta tuy không thể nói là mọi việc đều làm được, thế nhưng luôn luôn lấy đó tự rèn rũa mình, bó buộc mình. Với tình cảm mẹ con, lại vì sự quan tâm thiết tha của anh trong bức điện ngày 29, có thể hiểu rõ được tình cảm của ta trong ba năm qua, anh hãy lắng nghe lời này”.

Trong bức điện trả lời, bà Tống Mỹ Linh nói bà không muốn nhìn lại vật cũ để làm tổn thương đến tình cảm, đó là sự thương xót nhớ nhung vì những di vật của Tưởng Giới Thạch hay là sự xót thương vì đại

quyền đã rơi mất, khó có thể hiểu được ngọn nguồn gốc rễ. Thế nhưng bà không trở về tham gia cúng giỗ lần thứ ba của Tưởng Giới Thạch, lẽ đương nhiên cũng không tham gia đại lễ nhậm chức của Tưởng Kinh Quốc. Thế nhưng đến tháng 6 năm 1985, khi “đoàn phỏng vấn của Thị trưởng, huyện trưởng phu nhân” tới thăm nước Mỹ, trong bữa tiệc tối mà đoàn phỏng vấn tiến hành, bà đã để lộ ra bà có ý năm tới sẽ trở về Đài Loan, bởi vì năm 1986 là năm kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Tưởng Giới Thạch, bà muốn trở về Đài Loan để tiến hành chủ tế. Sau khi nhà đương cục Đài Loan được biết tin này, liền chỉnh tu lại hành quán Tưởng Giới Thạch ở nông trường Vũ Lăng và dinh thự Sĩ Lâm cho mới, để đầu năm 1986 gửi thư mời bà trở về Đài Loan tham gia hoạt động kỷ niệm, tất nhiên bà sẽ sung sướng trở về.

Ngày 25 tháng 10 năm 1986 Tổng Mỹ Linh từ New York đáp máy bay của công ty hàng không Trung Hoa trở về Đài Bắc. Vợ chồng Tưởng Kinh Quốc và cả gia đình cùng với mấy chục thành viên quan trọng trong quân đội Chính phủ Đài Loan đã ra sân bay nghênh tiếp. Ngày 30 tháng 10, Tổng Mỹ Linh với sự tháp tùng của vợ chồng Tưởng Kinh Quốc cùng cả nhà đã tới Từ Hồ ở Tây Nam Đài Bắc tế điện Tưởng Giới Thạch. Ngày hôm sau công khai xuất hiện lần đầu tiên trên Đại hội kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Tưởng Giới Thạch cử hành tại “Trung Chính kỷ niệm đường” tại Đài Bắc. Có lẽ là Tổng Mỹ Linh đã quen thuộc với đời sống đấu tranh để rút ra khỏi quyền lực, có lẽ là bà đã gặt đầu cho phép sự tồn tại về chính trị ở Đài Loan của Tưởng Kinh Quốc, lần trở về này, họ đã hợp tác tương đối tốt đẹp. Trên Đại hội kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Tưởng Giới Thạch, Tổng Mỹ Linh đã kéo tay Tưởng Kinh Quốc bước vào hội trường, toàn thể hội trường đã đứng dậy và vỗ tay hồi lâu. Sau đó, Tổng Mỹ Linh đã thay mặt gia đình họ Tưởng đọc diễn văn chào mừng. Bà nhấn mạnh “Dân tộc Trung Hoa đời đời kiếp kiếp đều phải được hưởng thụ càng nhiều tự do và hạnh phúc”, yêu cầu Quốc dân đảng “phát huy thêm một bước tinh thần vô t, quên mình”. Ngoài ra, bà còn phát biểu một bài diễn văn kỷ niệm, mơn đó để khích lệ động viên đối với người đời sau, lấy đó để biểu lộ sự Tưởng nhớ đối với Tưởng Giới Thạch.

Ngày 13 tháng 1 năm 1988, Tưởng Kinh Quốc qua đời, cụ Tổng Mỹ Linh tuổi cao 91 ngồi trên ghế có bánh xe lăn từ cửa bên tiến vào linh đường của Tưởng Kinh Quốc, đau buồn thương xót lộ trên nét mặt, điều này không hoàn toàn là bởi vì “ngồi tóc bạc đưa tiền người tóc xanh mà có nỗi đớn đau đứt ruột, cụ còn lo lắng âu sầu về sự trống vắng chính trị mà Tưởng Kinh Quốc để lại sau khi qua đời. Cụ không tán thành phương án mà các ủy viên thường vụ Trung ương suy cử Lý Đăng Huy đảm nhiệm chức Chủ tịch thay mặt Quốc dân đảng, thế nhưng lại không đủ sức thay đổi cục diện này. Năm 1990, Đài Loan bắt đầu mở màn cuộc tranh cử “Tổng thống” lần thứ tám, Lý Đăng Huy thông qua hệ thống Quốc dân đảng đã bị khống chế, khơi thông “Quốc dân đại hội”, rồi lôi kéo Lý Hoảng “Viện trưởng Hành chính”, đã giành được “đại thắng” mà cụ Tổng Mỹ Linh không muốn nhìn thấy. Cụ Tổng Mỹ Linh tâm trí và sức lực đều mệt mỏi, đành phải lại sống phiêu bạt ở phương trời khác, tới nước Mỹ để “Trường kỳ hu đồng”.

Ngày 21 tháng 9 năm 1991, cụ đã li biệt Đài Loan tới Manhattan New York, ra sân bay Tùng Sơn Đài Bắc tiễn biệt đã không phải là vợ chồng Tưởng Kinh Quốc, mà là vợ chồng Tưởng Vĩ Quốc. So sánh mối quan hệ với Tưởng Kinh Quốc, Tổng Mỹ Linh và Tưởng Vĩ Quốc càng hòa hợp hơn nhiều. Tháng 6 năm 1986, tin Tưởng Vĩ Quốc ra nhậm chức Bí thư trưởng “ey ban an toàn quốc gia”, khi tin này truyền tới tai Tổng Mỹ Linh, Tổng Mỹ Linh đã đặc biệt gửi điện chúc mừng, động viên ông kiên trì giữ vững cương vị, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ mà “Chính phủ” và “Nhà nước” đã giao phó cho. Nghe nói, đối với việc biến động nhân sự của các quan chức Đài Loan, thì đây là lần đầu tiên, Tưởng Vĩ Quốc vì ốm phải vào nằm trong bệnh viện, cụ Tổng Mỹ Linh còn đánh điện vào thăm hỏi tình hình sức khỏe của ông. Sau khi Tưởng Vĩ Quốc nhận được điện, vô cùng cảm động, lập tức đánh điện trả lời. Mặc dù như vậy, mối liên hệ giữa Tổng Mỹ Linh và Tưởng Vĩ Quốc càng ngày càng ít đi, ảnh hưởng của gia tộc họ Tưởng đối với cục diện chính trị và sự phát triển xã hội Đài Loan cũng càng ngày càng nhỏ đi, mà tất cả những điều này, đều bắt đầu từ cái chết của Tưởng Giới Thạch...

Phản Phụ Lục

Th mục sách tham khảo chủ yếu để viết bộ sách này

- 1- “Truyện Tướng Giới Thạch” - Tác giả vương Phủ Dân - NXB Kinh tế nhật báo - tháng 8/1989
- 2- “Cuộc đời Tướng Giới Thạch” - Tác giả Tống Bình - NXB Nhân dân Cát Lâm - tháng 8/1987.
- 3- “Nghiên cứu Tướng Giới Thạch” - Tác giả Lý Ngao - NXB - Tháng 2/1988
- 4- “Truyện Tướng Giới Thạch” - Tác giả đương Thụ Tiêu - NXB Đoàn kết - Tháng 6/1989.
- 5- “Truyện Tướng Giới Thạch” - Tác giả Giang Nam - Công ty xuất bản Hữu Nghị Trung Quốc - Tháng 10/1984.
- 6- “Tướng Giới Thạch thế gia” - ẹy ban biên soạn tư liệu văn sử chính tự hiệp thương tỉnh Triết Giang - Tháng 10/1988.
- 7- “Sóng gió 40 năm ở Đài Loan và Đại Lục” - Cao Vân Các biên soạn - NXB Văn sử Cát Lâm - Tháng 7/1991.
- 8- “Tướng Kinh Quốc ở Đài Loan” - NXB Thời sự biên soạn xuất bản - Tháng 6/1988.
- 9- “Tướng Giới Thạch và Tống Mỹ Linh” - Tác giả Giản Khiết - Mạnh Hân - NXB Văn sử Cát Lâm - tháng 12/1988.
- 10- “Ghi chép các thành viên quan trọng chính trị quân sự trong chính phủ quốc dân Nam Kinh”. Tác giả Uông Tân - lưu Hồng - NXB Lịch sử Đảng Cộng sản Trung Quốc.
- 11- “Truyện các Tướng lĩnh Cao cấp Dân quốc” - NXB Quân Giải Phóng - tháng 3/1988.
- 12- “Lời Hồi ức năm xa của Lý Tông Nhân” - NXB Nhân dân Hồ Bắc - tháng 10/1981.
- 13- “Giờ phút cuối cùng ở Đại lục của Tướng Giới Thạch” - tác giả Tần Đồng Đăng - Công ty xuất bản Nam Hải - tháng 5/1992.
- 14- “Truyện Trần Thành” - ẹy ban tư liệu văn sử chính trị hiệp thương Tỉnh Triết Giang - NXB Hoa Nghệ - tháng 9/1991
- 15- “Ghi chép về từng trải của bản thân ở chiến dịch Hoài Hải” - NXB tư liệu Văn sử - tháng 6/1983.
- 16- “Quân sự quyền - Trung Quốc đương đại” - NXB Khoa học xã hội Trung Quốc - Tháng 6/1989.
- 17- “Lịch sử chiến tranh quân giải phóng nhân dân Trung Quốc” - NXB Khoa học quân sự - tháng 7/1987
- 18- “Kim Lăng tàn chiếu” - Tác giả Trần Thiếu Hiệu - NXB Nông thôn - tháng 4/1988.
- 19- “Kim Lăng Xuân Mộng” - Tác giả Đường Nhân - NXB Văn hóa thượng Hải - Tháng 4/1962.

[1] Thanh Thái Tổ 1560-1625

- [2] Hà Quốc Thao: “Giải câu đố về thân thể Tướng mẫu vương Thái Ngọc”
- [3] Tướng Trung Chính: “Hành Trạng của cụ Tiên tổ Ngọc Biểu”
- [4] Trích trong “Mao Phúc Mai với cho con họ Tướng” trang 112
- [5] “Tướng Giới Thạch gia thế “trang 121, NXB nhân dân Triết Giang, Xuất bản 10 năm 1988
- [6] “Thiên Tân “ích thể báo” ngày 18-10-1927
- [7] “Vong triều họ Tống” trang 245 của Storin - Sicolóp, áo Môn Tinh quang thư điểm số tháng 10 năm 1985
- [8] “Lộc truyện danh nhân trường quân sự Hoàng Phổ” - Dương Mục chủ biên, trang 13, 14, NXB nhân dân Hà Nam, tháng 3 năm 1986.
- [9] “Dân Quốc Cao cấp Tướng lĩnh liệt truyện” tập 1 trang 465, NXB giải phóng quân số tháng 3 năm 1988.
- [10] “Tuyển tập hồ sơ các vụ án trong lịch sử Trung hoa dân quốc” (quyển hạ) trang 917, bản tháng 9 năm 1986 NXB Cổ tích Giang Tô.
- [11] “Nghiên cứu Tướng Giới Thạch” Tập 3 trang 19 bản tháng 2 năm 1988 NXB Hoa Văn
- [12] vương Phủ Dân: “Tướng Giới Thạch truyện”, trang 134, số 8 năm 1989 NXB kinh tế nhật báo.
- [13] “ Tuyển tập tư liệu lịch sử về quan hệ đối ngoại cận đại Trung Quốc” phần 1 quyển hạ trang 148.149, NXB nhân dân thượng Hải 1977.
- [14] Trích trong “Dân quốc cao cấp Tướng lĩnh liệt truyện”, tập I trang 475
- [15] .Trích dẫn từ “Tướng Giới Thạch truyện” trang 341 của vương Phủ Dân
- [16] “Tướng Giới Thạch truyện” của vương Phủ Dân trang 388
- [17] (“Dân quốc cao cấp Tướng lĩnh liệt truyện” tập 3 trang 217, NXB Quân giải phóng 5-1989).
- [18] Một nước cờ Quan nội Viên đông” - Trần Thiếu Tả - trang 19 - NXB Nông thôn tháng 1 - 1988
- [19] “Một nước cờ Quan nội Viên Đông” - Trần Thiếu Tả - trang 73 - NXB Nông thôn 4 - 1988.
- [20] “Một nước cờ Quan nội Viễn Đông”- Trần Thiếu Tá - Trang 105 NXB Nông thôn 4-1988).
- [21] (Bộ quốc phòng Chính phủ Quốc dân Nam Kinh điện gửi lưu Kỳ ngày 24 tháng 10 năm 1948)
- [22] (“Lịch sử chiến tranh Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc” quyển 3 trang 266 NXB Khoa học quân sự tháng 7 năm 1987)
- [23] Trích từ “Lịch sử chiến đấu của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc” quyển ba trang 271, NXB Khoa học quân sự tháng 7 năm 1987.
- [24] “Mao Trạch Đông tuyển tập” Trang 1315, NXB Nhân dân tháng 7 năm 1966
- [25] Chu Ân Lai tuyển tập” quyển thượng trang 318, NXB Nhân dân tháng 12 năm 1980

- [26] “Mao Trạch Đông tuyển tập” bản nội bộ trang 342, NXB Chiến sĩ 12-1981.
- [27] “Kim Lăng tàn chiếu ký” - Trần Thiếu Hiệu, trang 247, NXB Nông thôn tháng 4 năm 1988
- [28] trích dẫn từ “Đài Loan đương đại” trang 43
- [29] “Văn hiến cách mạng” bản Đài Bắc tập 77 trang 11
- [30] xem “Tuởng Giới Thạch truyện” của vương Phủ Dân trang 387
- [31] tư liệu này xem trong “Sóng gió 40 năm ở Đài Loan và Đại Lục” do Cao Văn Các biên soạn, trang 6, NXB Văn Sử Cát Lâm tháng 7 năm 1991
- [32] “Tuởng Giới Thạch truyện” của vương Phủ Dân trang 480
- [33] “Cuộc chiến Kim Môn” của Từ Diện, trang 82, NXB phát thanh truyền hình Trung Quốc tháng 2 năm 1992
- [34] Đoạn văn này trích trong cuốn “Đài Loan đương đại” trang 159, NXB nhân dân An Huy tháng 5 năm 1989
- [35] “Tuởng Giới Thạch gia thế” trang 80, NXB nhân dân Triệt Giang tháng 10 năm 1988
- [36] “Bài nói chuyện tại bữa cơm tới đại hội toàn thể lần thứ 6 của Quốc dân đảng Trung Quốc” - Tuởng Giới Thạch - Tháng 5 năm 1945
- [37] “Tuởng Giới Thạch tiên sinh toàn tập - Tuởng Giới Thạch tiên sinh truyện” (Tần Sáu Âu) trang 34
- [38] “Dân quốc Thập ngũ niên” - Mao tư Thành, tập thượng trang 97
- [39] “Dân quốc thập ngũ niên” - Mao tư Thành tập 19 trang 8 - 9
- [40]